



CHÁNH PHÁP

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Thánh Thanh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Đặng thị Quế Phượng**

LIÊN LẠC:

• **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com

• **Quảng cáo/Phát hành:**

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **XUÂN DI LẠC TRONG XUÂN CỎ TRUYỀN** (Thích Đức Trí), trang 3
- ◆ **MỜ RA, HOA XUÂN, ĐÀN TRONG NẮNG XUÂN...** (thơ Phú Du), trang 5
- ◆ **XUÂN, THỜI TÌNH VÀ KHÔNG TÌNH** (Huỳnh Kim Quang), trang 6
- ◆ **NHƯ LAI** (thơ Hàn Long Ẩn), trang 7
- ◆ **TRƯỚC MÙA XUÂN, MẮT MÙA XUÂN** (Thích Giác Nguyên), trang 8
- ◆ **ĐỪNG PHÍ CÔNG TU** (ĐNT Tín Nghĩa), tr. 9
- ◆ **CHỜ NGUYỄN ĐÀN, BIÊN THUY MÙA XUÂN** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 10
- ◆ **ĐẦU XUÂN BÀN VẼ LỜI CHÚC SÓNG LÂU...** (Chúc Phú), trang 11
- ◆ **GIÁC NGỘ TỪ DÒNG SÔNG** (thơ Thích Viên Thành), trang 14
- ◆ **MAN ĐÀM VẼ CHIẾC BAO LÌ XÌ...** (Hoàng Phong), trang 15
- ◆ **SỰ TÂM RỪA TRONG CHÁNH PHÁP** (Tuệ Như), trang 18
- ◆ **NGỌN NÉN MÙA XUÂN** (Kiều Mộng Hà), tr. 19
- ◆ **KHỞI NGUYÊN CỦA THIÊN HỌC VIỆT NAM** (Nguyễn Lang), trang 20
- ◆ **THƠ TUỆ SỸ** (Nguyễn Giác dịch sang Anh ngữ), trang 24
- ◆ **VẤN ĐỀ THỜ CÚNG VÀ LỄ BÀI - tiếp theo** (Ht. Thích Thắng Hoan), trang 25
- ◆ **GIỚI THIỆU "CHÙA VIỆT NAM HẢI NGOẠI"** (Thích Nguyễn Siêu), trang 26
- ◆ **TẾT VÀ SỰ THĂNG HOA TRONG ĐỜI SỐNG** (Thị Giới), trang 30
- ◆ **ĐẠO PHẬT TRUYỀN ĐẾN CHÂU PHI - Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ◆ **BÓN HẠNG NGƯỜI Ở ĐỜI - Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ◆ **HÒA-TIN-VUI - Lá thư đầu tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ◆ **CƯỜI** (thơ Diệu Đức), trang 34
- ◆ **PHẬT GIÁO YẾU LỰC / Lý Thập Nhị Nhân Duyên** (Thích Trí Chơn dịch), trang 35
- ◆ **NÓI LÒNG TỐ VỮ** (thơ Bùi Giáng), trang 37
- ◆ **GIỮ SỰ SÓNG CHO NGƯỜI KHÁC LÀ PHƯỚC ĐỨC LỚN NHẤT** (Phước Hạnh), tr. 38
- ◆ **Ở CÙNG NHƯ LAI, ANH NGỒI KHÓC BỤT...** (thơ Triều Hoa Đại), trang 40
- ◆ **ĐẠP TUYẾT TÂM MAI** (MĐ Triều Tâm Ảnh), trang 41
- ◆ **MÙA XUÂN QUANH TA** (thơ Mặc Phương Tử), trang 42
- ◆ **BÁN PHIẾM TRÊN BÀN PHÍM** (Toại Khanh), tr. 45
- ◆ **KIỆP HOA, NGHIỆP BÚT, CÔI TRỌ...** (thơ Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 46
- ◆ **TUONG LAI GDPTVN** (Thích Thái Hòa), tr. 47
- ◆ **THẠCH CÂM, TÂM QUANTUM** (thơ Lê Giang Trần), trang 52
- ◆ **ĐẠO PHẬT BI QUAN HAY LẠC QUAN?** (Thích Quảng Bình), trang 53
- ◆ **DƯỚI RỪNG DỪA BÔNG SƠN** (thơ Nguyễn Đức Bạtngàn), trang 55
- ◆ **THIÊN VÀ THÔNG MINH** (Hồng Quang), tr. 56
- ◆ **CÂU CHÀO BUỔI SÁNG** (Lê Bích Sơn), trang 58
- ◆ **NỤ CƯỜI HỖ XÀ, VUI XUÂN HIỆN TIỀN** (TN Giới Hương), trang 59
- ◆ **SAU NHỮNG NGÀY NẪM BỆNH, TRÓN TÌM...** (thơ NT Khánh Minh), trang 60
- ◆ **XUÂN QUA LĂNG KÍNH PHẬT GIÁO** (Tâm Vô), trang 61
- ◆ **TẾT NHỚ THẦY, XUÂN BÁT TẬN** (thơ Đồng Thiện), trang 63
- ◆ **NẤU CHAY: CẢI XÀO THẬP CẨM** (Chân Thiện Mỹ), trang 64
- ◆ **BẢN TOÁT YẾU CỦA KINH PHÁP HOA** (Nguyễn Đạo dịch), trang 65
- ◆ **PHÍA SAU BÓNG MẶT TRỜI** (TN Hạnh Tâm), tr. 68
- ◆ **MƯỜI BÀI THƠ MÙA XUÂN CỦA TRẦN NHÂN TÔNG** (Nguyễn Lương Vy), trang 69
- ◆ **MỘNG BAN ĐẦU** (Huệ Trân), trang 73
- ◆ **GOM ĐẦY** (thơ Tôn Nữ Thanh Yên), trang 74
- ◆ **CHUYÊN HAI NGƯỜI QUÉT RÁC** (Đào Văn Bình), trang 75
- ◆ **THÁP NÉN CHÀO XUÂN** (thơ Lê Phương Châu), trang 76
- ◆ **TẬP ĐỀ TRONG ẮN ỪNG** (Chân Hiền Tâm), tr. 77
- ◆ **NHƯ TRANH** (thơ Hoàng Xuân Sơn), tr. 80
- ◆ **NGHE TIẾNG GÀ XUÂN** (TN Tịnh Quang), tr. 81
- ◆ **MAI VÀNG VÀ ÁO NÂU** (Hạnh Chi), trang 83
- ◆ **TẾT** (Mặc Không Tử), trang 84
- ◆ **ĐỀ CỬ THẦY TU** (TM Ngô Tăng Giao), tr. 85
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 87
- ◆ **HÒA THANH TÂN, NÓI CƯỜI BẰNG QUỜ...** (thơ Du Tâm Lăng Tử), trang 94
- ◆ **MỤC ĐÍCH CỦA THIÊN ĐỊNH** (Cư sĩ Liên Hoa dịch), trang 95
- ◆ **CƠN NGƯỜI ĐI TÌM THUỐC TRƯỜNG SINH** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 98
- ◆ **ĐỌC BÁO NGÀY CHỦ NHẬT** (Nguyễn Văn Sâm), trang 101
- ◆ **TÌM CẦU** (thơ Chân Minh Trí), trang 103
- ◆ **NÀM MƠ** (Hoàng Mai Đạt), trang 106
- ◆ **XUÂN CHÂN NGHĨA** (Tâm Nhiên), tr. 107
- ◆ **TU ĐỀ CHUYÊN NGHIỆP** (Tâm Lương Đào Mạnh Xuân), trang 108
- ◆ **CUNG CHÚC TÂN XUÂN** (thơ Trương Minh Sung), trang 109
- ◆ **CƠN KHÔNG THẤY KỶ DIỆU SAO?** (Nguyễn thị Minh Thủy), trang 112
- ◆ **CƠN ĐƯỜNG CƠN ĐI ĐÓ, CÓ BA LÀ "HỘ PHÁP"** (Thanh Thị), trang 116
- ◆ **PHÁT TRIỂN MỘT XÃ HỘI LÀNH MẠNH...** (Tuệ Uyên dịch), trang 117
- ◆ **ĂN CHAY NGÀY TẾT** (Tâm Diệu), tr. 124
- ◆ **NAI HIỀN** (Huỳnh Thanh), trang 125
- ◆ **THỜI KINH CHIÊU, HÀNH TRÌNH...** (thơ Tâm An - Xuyên Trà), trang 132
- ◆ **CUỐI NĂM, ĐẦU NĂM** (thơ Trịnh Gia Mỹ), trang 135
- ◆ **NGÀY XUÂN** (thơ TN Giới Định), trang 141
- ◆ **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG**, Chương 1, kỳ 2 (truyện dài Vĩnh Hào), trang 142

Giai phẩm Xuân Ất Mùi của Chánh Pháp, số 39, tháng 02.2015, do Chùa Bát Nhã (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

KHAI TÂM CHO MÙA XUÂN MỚI

Ước vọng của con người luôn là những gì tốt đẹp, sung túc và dài lâu, cần phải đạt được trong một tương lai gần nhất. Nói cách thực tế theo quán tính của người bình phàm, thì đó là hạnh phúc (phước), thịnh vượng (lộc), sống lâu (thọ). Với các chính trị gia, và những nhà đấu tranh cho dân tộc, cho đất nước, thì đó là tự do, dân chủ, nhân quyền. Với đạo gia thì đó là giải thoát, giác ngộ, và niết-bàn.

Tất cả những ước vọng nói trên, có thể được biểu tượng hóa trong một chữ: XUÂN.

Xuân ấy tất nhiên không phải là xuân của mùa màng, thời tiết. Nhưng một biểu tượng nếu không được cụ thể hóa, tức là thực hiện bằng hành động và lời nói cụ thể, thì mãi mãi nó chỉ là một ước vọng, không bao giờ nắm bắt được.

Và để đạt được một cái gì đó trong tương lai, ai cũng biết là người ta phải bắt đầu từ hiện tại. Không khởi sự từ bây giờ, từ hôm nay, thì ước vọng, thành quả, mục tiêu... của ngày mai, của tương lai, sẽ không bao giờ có được. Thế nhưng, nhân loại trong mấy ngàn năm qua cứ loay hoay, lẩn quẩn mãi ở chỗ khởi đầu, chứ không tiến về hướng mục tiêu để đạt ước vọng như mong đợi. Nghĩa là cứ mơ ước một cái gì tốt đẹp ở tương lai, mà lại cất bước một cách sai lệch, thiên kiến, mù quáng nơi hiện tại. Quả đẹp thì muốn nhưng nhân tốt lại không gieo, hoặc chỉ biết gieo nhân xấu. Muốn hòa bình mà cứ khai binh, khai hỏa bằng những đạo quân nhân danh lý tưởng (hay ảo tưởng? hoang tưởng?) của lãnh tụ nọ, của thần linh kia; muốn hòa hợp mà cứ khai khẩu, khai ngữ bằng lời châm chọc, chửi bới đối phương; muốn tự do dân chủ mà cứ tước đoạt tự do dân chủ của kẻ khác; muốn hòa đồng (các tôn giáo) mà cứ luôn cho đạo

của mình là tốt nhất, đạo kia là tệ nhất... Ai cũng cho lý tưởng, mục tiêu, tôn giáo, đoàn thể, đảng phái... của mình là trên hết, sẵn sàng bịt miệng, thậm chí giết hại kẻ khác chỉ vì họ không giống mình, hoặc đã có lời lẽ xúc phạm cá nhân hay tập thể của mình. Như vậy thì làm sao có được mùa xuân thực sự an vui, hòa bình, thịnh vượng cho cá nhân, gia đình, xã hội, đất nước, hay cho toàn thế giới!

Không cần phải chờ đến ngày đầu năm mới khai bút, khai thị, khai giảng, khai trương... để có một mùa xuân an vui và một năm đầy hứa hẹn. Mỗi người chúng ta hãy ngồi xuống trong phút giây này, lặng yên, dừng hết mọi xung động của ý nghĩ, lời nói, hành động; tâm thật lắng đọng, không còn lăng xăng tính toán, sợ hãi, âu lo; không còn những tham lam, thù hận, ganh ghét, nghi kỵ...; không còn những phân biệt, đối đãi thiên vị thân/sơ; không còn biên giới quốc gia, không còn ngăn cách màu da, chủng tộc, ý thức hệ, tôn giáo... Trong giây phút ấy, một nỗi gì, như là niềm thương, mở ra, lan tỏa đến vô cùng. Dù trên thế gian này có xuất hiện hay không các bậc thần linh, các bậc giáo chủ, các vị lãnh đạo các tôn giáo, chính quyền, đảng phái (minh triết hay phạm phu), thì tâm lòng ấy, niềm thương ấy, vẫn hiện hữu, vẫn luôn ở đây, nơi này.

Tâm như hoa, nở ra cho thơm đẹp cuộc đời. Tâm như hư không, mở ra để dung chứa tất cả, để ôm lấy tất cả những phiền muộn, khổ đau của thế gian—tất cả cùng lúc tan biến vào cõi lòng vô tận này.

Mỗi người khai tâm như thế, ở từng giây phút hiện tại, thì ước vọng của chúng ta, mùa xuân của chúng ta, hiển hiện miên trường.

Xuân DI LẶC

trong Xuân CỔ TRUYỀN

I. Lời đầu

Từ khi Phật giáo hòa nhập vào văn hóa nhân loại thì bắt đầu ý nghĩa đón xuân cổ truyền được mở rộng thành ý nghĩa đón Xuân Di Lặc. Từ đó, đón xuân trong quan niệm người Đông Á mang đậm bản sắc văn hóa Phật giáo và văn hóa nhân loại. Chúng ta vận dụng tính nhân bản đạo đức Phật giáo làm tổ đẹp ý nghĩa mùa xuân cổ truyền và chuyển hóa những tập quán tiêu cực để quần chúng có thêm chánh kiến trong sinh hoạt đón xuân hằng năm.

II. Xuân cổ truyền

Căn cứ lịch sử thì truyền thống Tết Nguyên Đán đã trải qua trên bốn ngàn năm trong đời sống người dân Việt Nam, Trung Quốc và một vài dân tộc khác thuộc Châu Á. Ngày Tết bắt đầu từ ngày đầu tháng Giêng âm lịch, còn gọi Xuân Tiết, Tân Xuân. Việt nam chúng ta bị Trung Quốc đô hộ hơn ngàn năm. Quá trình đó trải qua nhiều thời đại văn hóa Việt Nam ảnh hưởng và pha trộn văn hóa Trung Quốc, từ ngôn ngữ cho đến phong tục đời sống con người. Nhưng khi Phật giáo Việt Nam phát triển cùng ý thức tự chủ dân tộc, người Việt dần dần thiết lập bản sắc văn hóa, biết gạt đục khơi trong để phát huy văn hóa của dân tộc. Nhưng đổi phong tục Tết trong nhân gian vẫn đọng lại những nét văn hóa Trung quốc. Có những phong tục nhân bản, nhưng cũng có những tập quán tiêu cực mà tín lưu dấu trong văn hóa đón xuân hằng năm trong lòng quần chúng.

Trong tín ngưỡng nhân gian của người Trung Quốc và Việt nam, ngày 23 tháng 12, gọi là ngày Tể Táo. *Tể* là cúng, *Táo* là cái bếp lò, là cúng ông thần bếp trong nhà. Cho nên trong nhân gian quan niệm ngày 23 là ông thần táo về trời tâu với Ngọc Hoàng chuyện gia đình ở nhân gian. Qua ngày 24 tháng là ngày Tảo Trần (*tảo* là quét dọn, *trần* là bụi bặm). Cuối năm nhà nhà đều phải dọn dẹp sạch sẽ khàng trang để chuẩn bị đón mừng xuân mới. Vấn đề quét dọn chuẩn bị ngày Tết còn có ẩn ý là quét sạch những rủi ro tai nạn ra khỏi nhà, để gia đình được bình an. Hơn nữa, tự thân mọi người phải tắm rửa, cắt tóc, chuẩn bị quần áo mới đón xuân, ý nghĩa là làm mới hoàn cảnh sống và cả thân tâm. Phong tục mua hàng hóa cuối năm để chuẩn bị ăn Tết, gọi là **Biện Niên Hóa**. Nhà nhà đều đi chợ để mua hàng hóa thức ăn, lễ vật cúng ngày Tết. Hầu như thời điểm thích hợp là trước ngày 23 tháng 12. Ngày xưa

trong xã hội nông nghiệp, mọi nhà tự nấu bánh, làm mứt, chuẩn bị hương hoa phẩm vật cúng tổ tiên ông bà và làm thức ăn thiết đãi bà con họ hàng qua lại thăm viếng. Vì theo phong tục, sau ngày mùng 5 Tết chợ và doanh nghiệp mới bắt đầu buôn bán trở lại, cho nên phải dự phòng thức ăn và hàng hóa dùng đủ trong thời gian đó. Lễ cúng tất niên tại nhà gọi là Đại Lạp (*Đại* là lớn, *lạp* là tháng 12). Lễ cúng tất niên tổng kết một năm qua thường vào cuối tháng 12 âm lịch. Nhà nào con cháu đi xa cũng thường về ăn Tết với gia đình, trong nhà ăn chung một bữa cơm đoàn tụ, gọi là **Niên Dạ Phạn**, gọi đây là bữa cơm tối cuối năm. Bữa cơm này gửi gắm ước nguyện gia đình đầm ấm hạnh phúc, con cháu sum vầy.



Phong tục ngày xuân thường treo câu đối đỏ tại cửa nhà, ngôn từ chuyên chở ý tưởng đạo lý và nguyện vọng tốt đẹp đời sống con người. Ngày xuân còn có treo vòng hoa tại cửa sổ, hoa biểu trưng cho vẻ đẹp, thành quả tốt đẹp trong cuộc sống. Bên cạnh đó mọi người thường treo chữ "Phúc," ước nguyện mọi phúc lành luôn đến trong nhà. Đặc biệt ngày xưa chưa có pháo, người ta đốt cây trúc cháy và phát âm thanh trong ngày đầu năm, tục này gọi là **Nhiên Bạo Trúc** (*Nhiên* là đốt, *bạo* là tiếng nổ, *trúc* là cây tre). Cây tre trong ruột trống khi đốt nổ ra âm thanh, tạo nên âm hưởng nhộn nhịp, vui vẻ, tinh thần phấn khởi. Cho nên ngày nay chúng ta thường đốt pháo cúng giao thừa là từ phong tục ấy. Từ khi đón giao thừa xong là chính thức bắt đầu năm mới, có năm ngày Tết, từ ngày mùng một đến ngày mùng năm. Ngày mùng một có những công việc như sau:

- **Phong tục Bái Niên:** Đầu năm mọi người đi thăm viếng lẫn nhau, chúc nhau những câu tốt lành ngày đầu năm. Đây là văn hóa đặc biệt thể hiện ước muốn hạnh phúc mà mọi người nói lời chân thành với nhau trong ngày đầu năm, phong tục này gọi là **Bái Niên**. Từ *Bái* là ý nghĩa lễ bái, còn có nghĩa là thăm hỏi và cầu chúc, *Niên* là năm. Ý là thể hiện lời cầu chúc năm mới được kiết tường, vạn sự như ý. Ngày nay, nếu ở xa nhau thì mọi người gửi thiệp chúc Tết.

- **Phong tục Xuyên tân y:** Ngày xuân mọi người thường mang quần áo mới, đặc biệt trẻ con được ưu tiên, cha mẹ thường sắm sửa quần áo, dày dép, mũ nón để đi thăm chơi và chúc Tết ông bà. Phong tục này gọi là **Xuyên tân y**. *Xuyên* là mặc,

tân là mới, y là áo quần, trang phục. Tục ngữ có câu: "Người đẹp nhờ lụa, lúa tốt nhờ phân." Sắc phục thể hiện nếp sống văn hóa của con người. Trong văn hóa Đông Tây, ngày lễ, ngày Tết, người ta đều mặc áo quần sạch sẽ nghiêm túc đi dự hay đến thăm nhau là thể hiện sự tôn trọng lẫn nhau.

- **Phong tục Xuân Hành:** Thông thường ngày mồng một là ngày ra đường lễ bái đền miếu cầu nguyện cho đại lợi, đại kiết trong năm.

- **Phong tục Khai môn:** Khai môn, quan môn: *Khai* là mở, *quan* là đóng. Nghĩa là ngày mồng một là ngày quan trọng, xem thời gian nào mở cửa hay đóng cửa nhà, cửa ngõ. Sáng mồng một Tết, ai đến nhà mình trước nhất thì đã đạp đất nhà mình. Người ta quan niệm rằng, người hiền lành đến thì điều lành đến nhà suốt cả năm! Người xấu đến nhà thì điều xấu đến nhà suốt cả năm!

- **Phong tục về những điều cấm kỵ:** Ngày mồng một Tết mọi người phải thận trọng nhất mọi hành động, lời nói. Không nói lời thô bạo, cãi vã, hay tranh chấp hơn thua và đánh lộn. Đặc biệt không nên đem rác bẩn hay đồ ô uế đến nhà, đây là điều tốt vì giúp cho sạch sẽ vệ sinh cá nhân và vệ hoàn cảnh sống. Ngày mồng hai Tết: Là ngày mọi người đi cúng lễ Thổ địa, những vị thần linh trong khu vực mình sinh sống. Ngoài ra cúng tổ tiên ông bà, như cúng tại nhà thờ chi nhánh trong dòng họ. Trong ngày này, con gái đã lấy chồng thường về nhà thăm viếng cha mẹ mình và chúc Tết. Ngày mồng ba Tết: Mọi người thông thả hơn, ngủ sớm và dậy trễ, vì suốt từ đêm giao thừa qua hai ngày sau nữa có nhiều việc nghi lễ và thăm viếng nên mệt mỏi. Ngày mồng bốn Tết: Là ngày ngủ dậy sớm mà tiếp thần tử trời trở về lại nhân gian và mọi người cần dậy sớm làm lễ tiếp thần tài. Nếu dậy trễ thần Tài ra đi thì cả năm khó làm ăn! Ngày mồng năm Tết: Là ngày kết thúc sinh hoạt thăm viếng và vui chơi, mọi người lo sửa soạn dọn dẹp sạch sẽ và bắt đầu công việc gia đình và xã hội như bình thường.

Ngoài ra, liên quan vấn đề cúng bái trong mùa xuân là lễ rằm tháng giêng, còn gọi là Tết nguyên tiêu. **Nguyên Tiêu Tiết:** Nguyên có nghĩa là đứng đầu, sự khởi đầu; Tiêu là chỉ thời gian, có nghĩa ban đêm; Tiết là chỉ cho phân định thời gian, khí hậu, còn có nghĩa là nghi lễ. Nguyên tiêu tiết là lễ cúng ngày rằm tháng Giêng. Đêm trăng tròn đầu năm này là lễ cúng tế Thái Nhất Thần, vị thần lớn nhất cai quản các thần trong vũ trụ (Thái Nhất có nghĩa là chủ tế vũ trụ). Lễ này rất trọng đại, thời Tư Mã Thiên kiến lập lịch pháp đã có ngày lễ này. Mọi người vui chơi, ăn bán, đốt đèn, múa lân.

III. Xuân Di Lặc

Hình ảnh "Xuân Di Lặc" xuất hiện trong tín ngưỡng Phật giáo khoảng từ đầu thế kỷ thứ mười Tây Lịch. Theo *Tống Cao Tăng Truyện* ngày Một tháng Giêng là ngày đàn sanh của Bồ Đại Hòa Thượng (Hóa thân Bồ Tát Di Lặc). Bồ Đại Hòa Thượng viên tịch năm 916 (TL). Về sau, hằng năm tín đồ Phật giáo đón xuân cổ truyền và cùng làm lễ kỉ niệm ngày đàn sanh của hóa thân Bồ Tát Di Lặc. Xuất phát từ tín ngưỡng đó mà hình thành ý nghĩa và nội dung đón mừng Xuân Di Lặc.



Theo kinh điển Phật giáo "Kinh Di Lặc Thượng Sanh" và "Kinh Di Lặc Hạ Sanh" Bồ tát Di Lặc hiện trú tại nội viện cung trời Đâu Suất, theo bản nguyện thì tương lai sẽ thành Phật tại thế giới chúng ta đang sống. Thời kỳ này là Bồ tát đang hành đạo để viên mãn bản nguyện độ sanh và thành tựu quả vị Phật. Trong lịch sử Phật giáo ghi rằng: Bồ Tát Di Lặc luôn thị hiện trong cõi đời để hành đạo. Di lặc (Maitreya) là cách phiên âm từ Phạn ngữ, dịch theo nghĩa là **Từ Thị**. *Từ Thị* nghĩa chính là tâm từ bi vô lượng. Theo tinh thần Phật giáo, mọi người luôn tin tưởng vào sự xuất hiện của Phật Di Lặc trong thế giới này trong tương lai. Phật Di Lặc là biểu tượng sống động cho tinh thần từ bi, giải thoát, đem lại niềm hân hoan cho con người, chính vì lý do đó hình ảnh Đức Di Lặc gắn liền trong ngày xuân cổ truyền của dân tộc và nhân loại.

Hình ảnh Tượng Phật Di Lặc các chùa thuộc Phật giáo Bắc Tông của Việt Nam và Trung Quốc là hóa thân Phật Di Lặc. Căn cứ vào *Cao Tăng Truyện* chép rằng: Vị Tăng nhân có tên là Khế Thử là hóa thân của Phật Di Lặc. Khế Thử Hòa Thượng còn gọi là *Bồ Đại Hòa Thượng* là vì ngài thường mang túi vải lớn đi vào các thành ấp khắp thực. Ngài có tướng mạo phúc đức, miệng rộng, tai dài, bụng lớn, lòng tràn đầy hoan hỷ của một bậc xuất trần tự tại. Năm thứ hai Lương Minh Trinh (TL 916), tại chùa Nhạc Lâm, thuộc huyện Minh Châu tỉnh Triết Giang Trung Quốc, Bồ Đại Hòa Thượng trước khi viên tịch đã để lại bài kệ: "*Di Lặc chân Di Lặc, phân thân thiên bách ức. Thời thời thị thời nhân, thời nhân thường bất thức*" (Đây thật là Di Lặc, thị hiện vô lượng thân, thường vì đời giáo hóa, người đời thường không biết). Về sau, các tự viện có treo câu đối tán dương đức hạnh của Bồ Đại Hòa Thượng như sau: "*Đại đồ năng dung, dung thiên hạ nan dung chi sự. Khẩu khai tiện tiểu, tiểu thiên hạ khả tiểu chi nhân*" (Bụng lớn bao dung những sự việc mà thiên hạ khó kham nhẫn trong đời. Miệng thường cười với người đáng cười trong thiên hạ). Đây là tinh thần nhập thế với tâm giải thoát, tự tại của hóa thân Bồ tát Di lặc trong đời. Tâm lòng bao dung được mọi chuyện trong thế gian mà tâm không bị ô nhiễm. Miệng của ngài thường cười với tấm lòng hoan hỷ và dịu dặt mọi người trở về với đạo lý giác ngộ. Cười đây không phải sự châm biếm, đó là nụ cười xuất phát từ năng lực tâm từ bi và trí tuệ của bậc thánh giả. Hình ảnh mùa xuân Di Lặc trở làm cho ngày Tết cổ truyền có ý nghĩa long trọng hơn.

IV. Đón xuân theo tín ngưỡng Phật giáo

Sinh hoạt trong Tết cổ truyền có nét đẹp trong văn hóa nhân loại, nhưng cũng có những phong tục mê tín cần thay đổi, khắc phục để cuộc sống có ý nghĩa hơn. Nét đẹp trong ngày Tết cổ truyền là mọi người thăm viếng bà con họ hàng và người thân để làm tăng thêm giá trị tình cảm và đạo lý gia đình. Vấn đề cúng bái tưởng niệm Tổ tiên là thể hiện nếp sống ân nghĩa của con người. Vui xuân với văn hóa ẩm thực và văn hóa thời trang làm cuộc sống thêm phần hạnh phúc. Đặc biệt nhất là nuôi dưỡng tâm nguyện cao đẹp của mọi người vào tương lai tươi sáng.

Bên cạnh đó cũng có nhiều tập quán tiêu cực

cần phải nhận thức và chuyển hóa. Như sát sanh hại vật để cúng bái thần linh cầu được tài lợi trong những ngày đầu năm là ảo tưởng sai lầm. Vấn đề coi bói định ngày tốt xấu xuất hành và làm ăn làm con người càng mê tín và mất tự chủ cuộc sống. Vấn đề đốt vàng mã trong các nghi thức cầu cúng gây lãng phí tiền bạc mà không có lợi ích thiết thực. Có một số người không hiểu đạo lý đón xuân và xem cả mùa xuân là mùa ăn chơi trác táng và quan niệm rằng: "Tháng Giêng là tháng ăn chơi, tháng Hai cờ bạc, tháng Ba rượu chè!" Những quan niệm sai lầm đó là nét tiêu cực phải loại bỏ!

Mùa xuân trong tín ngưỡng Phật giáo được phổ cập trong các sinh hoạt thiền môn. Phật giáo khuyến hóa mọi người làm việc thiện và sống có chánh kiến. Như đến chùa lễ Phật, nghe pháp, tu các hạnh lành để vun bồi phúc đức và trí tuệ. Nhà Phật khuyên mọi người tin sâu nhân quả, như **muốn giàu sang phải tu hạnh bố thí; muốn khỏe mạnh phải có tâm từ bi không giết hại sanh linh; muốn cho gia đạo bình an phải biết tu tập mười điều thiện; muốn có trí tuệ phải học theo lời Phật dạy.**

Khi đón giao thừa, tụng kinh tấn thần phẩm hạnh Phật và Bồ tát, đặc biệt là Bồ Tát Di Lặc. Thay vì tổ chức cúng thần linh trong Rằm tháng Giêng, thì khuyến mọi người đi chùa tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền để thân tâm an lạc, tai nạn tiêu trừ. Tụng kinh để hiểu rõ nhân quả, hiểu rõ nguyện lực của Phật và Bồ tát. Thực hành Văn, Tư, Tu trong đời sống hằng ngày. *Vấn* nghe lời Phật dạy; *tư* là suy nghĩ, chiêm nghiệm lời dạy đó; *tu* là thực hành Phật pháp vào đời sống một cách có chánh kiến.

V. Lời kết

Thông qua lễ Tết cổ truyền, chúng ta phát huy nét đẹp Phật giáo trong đời sống văn hóa con người. Đạo Phật đi vào đời là từ nhu cầu và lợi ích cho con người mà mở bày phương pháp tu tập. Tu là sự chuyển hóa từ mê tín thành chánh tín, chuyển hóa tinh thần cầu thần ban phước thành lời phát nguyện trọn đời tin sâu nhân quả, làm việc lành để xây dựng cuộc đời hạnh phúc.

Trong thế giới ngày nay nhiều cảnh đau thương và thù hận, chỉ có đạo lý từ bi, hỷ xả mới hướng con người sống đời an lạc, hòa bình. Cho nên hình Phật Di Lặc trong mùa xuân là thông điệp từ bi và giải thoát đến với con người trong mọi thời đại. Tinh thần đón mừng xuân Di Lặc là nét đặc sắc chuyển tải giá trị đạo đức Phật giáo thông qua các sự kiện lễ hội trong nhân gian. Đó thể hiện tinh thần nhập thế của Đạo Phật vào các sinh hoạt văn hóa con người và nhân loại.

Thích Đức Trí



MỞ RA

*mở ra cổng trước vắng hoa
đi về hai buổi xam tro hỏi chào
mở ra cổng hậu thiếu màu
sớm khuya đen trắng gặt đầu đôi phen
mở ra tình tự cũ mềm
tháng năm chộn rộn chợt quên có mình.*

HOA XUÂN

*mơn mơn chồi non ủ nụ xuân
cúc, mai riêng tặng nỗi tình chung
cành đào phượng bắc chừng e ấp
tỏa chút sắc hương gửi đến cùng.*

ĐÀN TRONG NẮNG XUÂN

*giọt nắng lra thừa dệt áo nàng
gác xuân sáng âm tiếng đàn loang
cành mai hương tỏa mùa phong nhụy
lổ đổ tơ vàng uơm nắng vàng.*

SẮC XUÂN

*vườn hoa phơi phới sắc hương bay
áo đỏ em về hồng nắng mai
lá tả lá đùa theo quán quít
guơng xuân khép nép đợi bên đài.*

HOÀI NIỆM XUÂN

*dài vương tơ tóc tháng năm bay
lối cũ vườn xưa áo tím ai
hiu hắt mưa nguồn xa kỉ niệm
mây đường như rũ tóc xuân hoài.*

thơ PHÙ DU

Xuân, THỜI TÍNH và KHÔNG TÍNH

Sau những cơn mưa và giá rét của mùa đông đánh dấu sự chấm dứt trạng thái già cỗi của một chu kỳ tuần hoàn của vũ trụ và khai sinh một lộ trình mới, tươi, trẻ và đầy sức sống của mùa xuân. Ở đó, vạn vật thay đổi toàn diện từ trong ra ngoài. Những cành khô trụi lá được thay thế bằng lộc non xanh tươi. Màu u ám của bầu trời nhường chỗ cho ánh dương quang rực rỡ. Lòng người cũng vui theo với cuộc đời đổi thay sắc diện. Hy vọng và ước nguyện được gửi trao vào cõi thời không như đường mới mở ra một vận đồ kỳ diệu, mà thời điểm thiêng liêng nhất là phút giây gặp gỡ mẫu nhiệm của đất và trời, của thời và không, của tâm và cảnh ở thời khắc giao thừa.

Năm cũ đi qua. Năm mới vừa đến. Lòng người cũng biến dịch không cùng chỉ trong sát na từ con người năm cũ thành con người năm mới, tuổi mới, thân tâm mới, đời sống mới, và môi trường xung quanh cũng mới. Khi tâm người đổi thay thì chánh báo và y báo cũng thay đổi theo. Đúng là, như Thiền Sư Vô Ngôn Thông (759-826) đã từng nói, *"Tất cả các pháp đều từ tâm sinh, nếu tâm không sinh thì pháp cũng không nương đâu mà có."* [Nhứt thiết chư pháp giai tùng tâm sinh, tâm vô sở sinh pháp vô sở trú.]

Vậy thì cái khoảnh khắc ngắn ngủi của xuân trong chu kỳ biến dịch không ngừng của vũ trụ là gì? Cái thời khắc xuân ấy có phải do tâm sinh, hay tự nó có? Có thể nào xuân là mặt biến dịch của một thời tính nào đó? Hay xuân chỉ là một cái duyên nhỏ bé mong manh trong dòng duyên sinh bất tận của vũ trụ mà tận cùng chỉ là không tính rỗng lặng? Hay một cách trực diện hơn, thời gian là gì?

Nhà bác học Albert Einstein từng nói trong lá thư gửi cho gia đình sau cái chết của người bạn Michele Besso vào năm 1955, rằng, "Những người như chúng ta tin vào vật lý biết rằng sự khác biệt giữa quá khứ, hiện tại và tương lai chỉ là một ảo tưởng dai dẳng." [People like us who believe in physics know that the distinction between the past, the present and the future is only a stubbornly persistent illusion.] Như thế, đối với Albert Einstein thì thời gian là ảo tưởng, không thật.

Nhà vật lý học hàng đầu của thế giới hiện nay là Stephen Hawking thì cho rằng thời gian chỉ xuất hiện sau vụ nổ khai sinh ra vũ trụ gọi là "big bang," cách nay khoảng 14 tỉ năm. Đối với Stephen Hawking trước vụ nổ "big bang" thì không có thời gian, vì không có gì cả, nghĩa là thời gian là quá trình hiện hữu của vật chất, của vũ trụ. Nhưng có một vấn nạn

mà có lẽ cho đến nay khoa học vẫn chưa có câu trả lời xác đáng đó là trước vụ nổ "big bang" thì thế gian này là gì? Từ đâu mà có vụ nổ "big bang"? Nếu vụ nổ "big bang" là sự kiện khai sinh ra vũ trụ vật chất, vậy thì trước đó nguồn cội của không gian và thời gian ở đâu? Vậy có thể nào vụ nổ "big bang" là sự kiện tự sinh? Trên cõi đời này có cái gì có thể tự sinh mà không cần tối thiểu một yếu tố, một điều kiện, một cái duyên khác? Chính thân của thời gian, theo Stephen Hawking, cũng tự vụ nổ "big bang" mà có, tức là thời gian cũng do duyên mà thành. Bản chất của thời gian chỉ là nhận thức của con người khi đối chiếu sự hiện hữu của một vật, một sự kiện từ điểm này kéo sang điểm khác, mà tự nó không thể tự có và cũng không là gì cả.

Giáo lý nhà Phật nói gì về thời gian? Đức Phật dạy tất cả các pháp, gồm thời gian và không gian, đều vô thường, nghĩa là không dừng lại bất cứ thời điểm nào, cũng đồng nghĩa là không có thời điểm nào tồn tại. Nhưng đến thời kỳ Bộ Phái sau đức Phật nhập niết bàn thì có nhiều chủ trương khác nhau về thời gian. Chẳng hạn, Hóa Địa Bộ (Mahisasaka) thì cho rằng quá khứ và vị lai đều không thật, chỉ có pháp vô vi trong hiện tại là thật có (Quá khứ vị lai vô, hiện tại

vô vi hữu). Ngược lại, Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvastivada) thì chủ trương ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai đều có thật, và bản thể các pháp tồn tại mãi mãi (Tam thể thật hữu, pháp thể hằng tồn).

Phật Giáo nói chung còn có hai quan điểm về thời gian được thừa nhận một cách rộng rãi bởi các trường phái, đó là quan điểm về sát na (ksana) và kiếp (kalpa). Kiếp là khoảng thời gian dài vô tận, còn sát na là thời gian cực kỳ ngắn, hay thời lượng ngắn nhất mà con người có thể nhận thức được. Tuy nhiên, xét cho cùng, thì thời gian của kiếp cũng chỉ là sự nối dài vô tận của sát na. Nhưng chính sát na lại gặp phải sự bế tắc khó vượt qua. Đó là, nếu sát na là sinh diệt, mà tất yếu phải là sinh diệt thì mới có sự nối tiếp liên tục của thời gian, thì trong một sát na ắt phải có sự kính qua của sinh, trụ và diệt, tức là quá khứ, hiện tại và vị lai. Nhưng, nếu một sát na gồm có 3 thời thì nó tuyệt đối không là điểm thời gian ngắn nhất. Cứ thế, hễ khi nào còn thời gian thì còn có sinh, trụ và diệt, và như vậy thì đến một lúc nào đó nó sẽ đối mặt với 2 giả thiết xảy ra: hoặc là trở thành vô cùng, hoặc là chấm dứt. Nhưng nếu vô cùng thì không là thời gian, và ngược lại nếu chấm dứt thì cũng không là thời gian nốt.

Chính vì vậy mà ngài Long Thọ đã phân tích



đến chỗ kỳ cùng ý nghĩa của thời gian trong Phẩm Quán Về Thời Gian Thứ 19 của *Trung Luận*, để cho thấy quá khứ, hiện tại và vị lai đều không thật có, đều không, và có là do tâm phân biệt vọng chấp của chúng sinh mà thành. Xin trích một đoạn trong Phẩm Quán Về Thời Gian của *Trung Luận* qua bản dịch Việt của Hòa Thượng Thích Thiện Siêu, như sau:

"Hỏi: Phải có thời gian, vì nhân đổi dời mà thành. Nhân có thời quá khứ, mà có thời vị lai, hiện tại; nhân thời hiện tại mà có thời quá khứ vị lai; nhân thời vị lai mà có thời quá khứ hiện tại. Các pháp trên, giữa, dưới, một và khác cũng nhân đổi dời với nhau nên có?"

"Đáp:

"1. Nếu nhân thời quá khứ mà có thời vị lai và hiện tại. Vậy thời vị lai và hiện tại phải có ở trong thời quá khứ.

"Nếu nhân thời quá khứ mà có thời vị lai hiện tại, thời ở trong thời quá khứ phải có thời vị lai hiện tại, vì sao? Vì tùy theo chỗ sở nhân mà có pháp hiện thành. Chỗ ấy phải có pháp ấy, như nhân nơi đèn mà có ánh sáng, tùy chỗ có đèn phải có ánh sáng. Như vậy nhân nơi thời quá khứ mà có thời vị lai hiện tại, thì ngay trong thời quá khứ phải có thời vị lai hiện tại. Nếu trong thời quá khứ đã có thời vị lai hiện tại, thì cả ba thời đều gọi là thời quá khứ, vì sao? Vì thời vị lai hiện tại có ở trong thời quá khứ. Nếu tất cả thời đều quá khứ cả, thì không có thời vị lai hiện tại, vì đều là quá khứ. Nếu không có thời vị lai hiện tại, thì cũng không có thời quá khứ, vì sao? Vì thời quá khứ nhân nơi thời vị lai hiện tại mà có, nên gọi là thời quá khứ. Như nhân nơi thời quá khứ mà thành thời vị lai hiện tại, như vậy cũng có thể nhân nơi thời vị lai hiện tại mà thành thời quá khứ. Nay đây vì không có thời vị lai hiện tại, nên thời quá khứ cũng không có." (Nguồn: <http://old.quangduc.com/luan/33trungquanluan02.html>)

Ngài Long Thọ cũng đưa ra một thí dụ cụ thể để giải thích rõ hơn về bản chất không thật của thời gian qua hành động đi đến trong Phẩm Quán Sát Về Đi Đến Thứ 2 của *Trung Luận*. Xin trích một đoạn trong bản dịch Việt của Hòa Thượng Thích Thiện Siêu, như sau:

"Hỏi: Thể gian chính mắt thấy ba thời có động tác. Thời đã đi, thời chưa đi, thời đang đi. Vì có tác nghiệp nên biết thật có vật thể?"

"Đáp:

"1. Lúc đã đi thì không có đi, lúc chưa đi thì cũng không có đi, lia ngoài đã đi và chưa đi, lúc đang đi cũng không có đi.

"Đã đi không có đi, vì đã đi rồi. Nếu lia ngoài đã đi có động tác đi, việc ấy cũng không đúng. Chưa đi cũng không có đi, vì chưa có động tác đi. Còn lúc đang đi là một nửa đi một nửa chưa đi, vì không lia khỏi đã đi và chưa đi vậy."

(Nguồn: <http://old.quangduc.com/luan/33trungquanluan02.html>)

Nhưng nếu thời gian và không gian, hay tất cả các pháp đều không thật thì cái gì tạo nghiệp, thọ khổ và ai giải thoát sanh tử để chứng đắc niết bàn?

Để giải thích về vấn đề trên, các nhà Duy Thức đưa ra quan điểm về chủng tử (bija) là năng lượng được phát sinh từ hành động chủ ý của thân và khẩu để duy trì nhân quả, nghiệp lực, và thăng duyển thành tựu đạo quả giác ngộ giải thoát. Các nhà Duy Thức đưa ra 6 đặc tính của chủng tử, mà trong đó đặc tính đầu tiên là sát na diệt, nghĩa là *"Thể của nó vừa sinh tức thì diệt ngay không gián cách, có công lực đặc thù mới có thể thành chủng tử. Đặc*



NHƯ LAI

*Như Lai là đến tùy duyên
Là đi tự tại giữa miền hư không
Tựa như những giọt nắng hồng
Vô tư xuống chôn dương trần rồi tan*

*Mưa rơi từ phía cuối ngàn
Rồi mưa trở lại vô vàn từ mây
Vô thường gió thổi mây bay
Vô thường mây lại đến ngày kết mưa*

*Mùa đi mùa lại sang mùa
Hoa luân hồi nở như chưa đã từng
Như Lai vào cõi sắc không
Đã từ vô thủy vô chung dậm trường*

*Hạt sương vốn những hạt sương
Bụi đường vốn hạt bụi đường phù hư
Vàng trắng khi tỏ khi lu
Nhưng trắng là của thiên thu bốn bề*

thơ

HÀN LONG AN

tính này loại ra những gì là pháp thường hằng. Cái gì thường hằng không biến chuyển thì không thể nói có khả năng phát sinh tác dụng." (Thích Tuệ Sỹ dịch và chú, *Luận Thành Duy Thức*, Thư Quán Hương Tích, 2009, trang 181)

Như thế các pháp không có thực thể nhưng chẳng phải là hư vô tuyệt diệt. Con người cũng vậy, không có tự ngã thường hằng, nhưng chẳng phải không có năng lực duy trì việc tạo nghiệp và thọ quả. Đó chính là chỗ vi diệu của nhị đế—tục đế và chân đế, chân lý ước lệ và thực tại tuyệt đối, hay thế gian và niết bàn—mà ngài Long Thọ xướng tán. Theo ngài Long Thọ thì người nào chưa hiểu được nhị đế sẽ không nắm vững được giáo nghĩa thâm sâu của đức Phật.

Chính nương vào nhị đế mới có thể thi thiết phương tiện thiện xảo để độ mình, độ người và liễu dương Chánh Pháp.

Hiểu được bản chất chân lý ước lệ của thế gian, người con Phật sẽ cảm nhận ngày xuân diễm ảo và huy hoàng hơn trong tâm thức an lạc.

Huyền Kim Quang

Trước Mùa XUÂN

Mất Mùa XUÂN

THÍCH GIÁC NGUYÊN

Thấm thoát mười hai năm chẵn trôi qua (21.01.2002 - 21.01.2014). Mười hai mùa đông nơi tôi ẩn cư giữa thung lũng hoa vàng, bên góc am vắng có những cội đào thay lá, để cho các mầm nảy lộc đơm hoa mừng đón Xuân về.

Tôi xa quê hương cũng gần chừng ấy thời gian và lang thang như gã cùng tử. Các bậc Ân sư dù ngoài đời hay trong đạo, lần hồi nhập diệt, khiến lòng tôi mãi miên man gợi nhớ về bao kỷ niệm một thời.

Lúc đó, mừng 8 tháng chạp năm Tân Tỵ, tôi đang ở Bồ đề Đạo tràng nơi Đại Tháp Giác Ngộ, thuộc bang Bihar Ấn Độ, để tham dự Pháp hội do đức Dalai Lama thứ 14 tổ chức. Tôi cảm thấy như mình được sống lại thời huyền sử xa xưa với một hội chúng hàng chục ngàn Tăng Ni và cư sĩ Phật tử bốn phương tựu về nghe pháp.

Khắp cả một vùng đất rộng lớn ba mẫu tây làm Pháp đường, được giăng lều phủ kín trên đầu, nhằm để che mưa tránh nắng mà vẫn không đủ chỗ. Mọi người ai nấy, kể cả người nước ngoài như chúng tôi, đều phải đăng ký mang thẻ có gắn hình đeo trên áo, khi vào cổng có nhân viên an ninh đưa máy rà xét rất kỹ. Vì lúc này giữa hai nước ấn Độ và Pakistan đang đánh nhau.

Trong những ngày đầu lễ hội, cộng đồng Tăng lữ Tây Tạng từng dòng tu dưới sự lãnh đạo của các vị Rimpoche hoặc Lạt-ma khai đàn tụng kinh tại Đại tháp Bồ đề. Có những nhà sư quây quần từng nhóm để luận đạo theo truyền thống. Hai tầng đường hành lang phía trên của Đại tháp, đạo tục chen chúc kéo nhau đi nhiều quanh niệm Phật vang rền từ 5 giờ sáng đến 10 giờ đêm, sau đó Đại tháp đóng cửa.

Vào đêm Pháp hội cuối cùng, mừng 8 tháng chạp Âm lịch và cũng là Đại lễ tưởng niệm ngày Đức Phật Thích Ca Thành Đạo tại nơi này, theo truyền thống Phật giáo Bắc tông. Có trên mười ngàn Tăng Ni Phật tử trì kinh niệm chú suốt đêm và ngày hôm sau mừng 9, Pháp hội bế mạc. Đạo tràng mở cửa cho mọi người vào xem mạn-đà-la làm bằng cát mịn đủ màu sắc rất lớn, công phu, sắc sảo và tuyệt đẹp. Đoàn người đứng chờ xếp hàng đôi, nối dài tạo thành vòng tròn cả cây số, lần lượt vào trong chiêm ngưỡng mạn-đà-la. Ai nấy chỉ được phép vừa đi vừa ngắm nhìn lướt qua, rồi ra phía ngoài mà không được đứng lại chụp hình hoặc lễ lạy vì sẽ gây cản trở cho người phía sau.

Khi ra khỏi Pháp đàn, từng người được rưới nước thơm lên đầu và tặng cho một cuốn sách bằng tiếng Tây Tạng hoặc tiếng Anh "Con Đường Giải Thoát" (*The Way to Freedom*) của đức Dalai Lama, kèm một sợi dây chỉ đỏ và một gói thuốc viên nhỏ dùng đi xe tàu khỏi say sóng. Bất chợt tôi vào quán Net mở E-mail,



HT an sư Thích Đức Nhuận
(19.01.1924 - 21.01.2002)
Tưởng niệm ngày Giỗ Thầy

nhận được tin buồn từ VN cho biết là Hòa thượng Thích Đức Nhuận, hiệu Trí Tạng, nguyên viện chủ chùa Giác Minh đường Phan Thanh Giản (cũ) Sài Gòn. Sau cơn trọng bệnh, Thầy nằm điều trị tại bệnh viện Thống Nhất (xưa gọi là bệnh viện Ví Dân), vừa mới thị tịch lúc 16 giờ 53 phút giờ VN vào chiều hôm ấy, mừng 9 tháng chạp năm Tân Tỵ. Trụ thế 79 tuổi. Tăng lạp 59.

Nhớ lại hồi năm 2001, tôi và thầy Tâm Văn ở Phật Học Viện Huệ Nghiêm cùng một vài anh em tổ chức lễ mừng Sinh nhật Thầy lần thứ 78 (14 tháng chạp năm Quý Hợi - 14 tháng chạp năm Canh Thìn) tại phòng riêng của Thầy trên lầu chùa Giác Minh, rồi sau đó sức khỏe Thầy suy giảm cho đến ngày Thầy ra đi mà tôi không có mặt.

Tôi vô cùng xúc động, bùi ngùi đang đổ về trong tôi. Vì biết rằng Xuân Nhâm Ngọ này anh em chúng tôi không còn cùng nhau đến Chúc Tết Thầy như mọi năm trước. Mặc dù tôi có sẵn món quà từ xứ Ấn mang về để kính dâng Thầy. Như thế là ngôi đầu tinh đã rụng. Một thạch trụ trong chốn tông lâm đã gãy. Bao nhiều ngọn đèn sáng đã lần lượt tắt lịm trong bóng tối u minh!

Thôi còn đâu một bậc Thầy tôn quý, sống khiêm tốn giản dị qua những tháng năm dài làm việc tại văn phòng Viện Hóa Đạo An Quang, với cương vị Chánh thư ký Viện Tăng Thống (1967-73), tác giả những bức Thông điệp Hòa bình thăm đượm dòng Phật sử!

Còn đâu hình ảnh mô phạm của một thân giáo sư dưới mái học đường Viện Đại học Vạn Hạnh, niên khóa 1969-70, làm khơi dậy nguồn sáng Triết học Đông phương! Thầy cũng đã từng là chủ nhiệm kiêm chủ bút Nguyệt san Vạn Hạnh, phát huy văn hóa Phật giáo và văn hóa Dân tộc, với sự cộng tác của một số học giả, giáo sư đại học, văn nghệ sĩ tại thủ đô Sài Gòn 1965-66. Thầy đã viết cho các nhật báo như Tin Sáng, Dân Chủ, Gió Nam, Thời Luận và các tạp chí: Phật Giáo Việt Nam, Tư Tưởng, Văn Hóa Á Châu, Liên Hoa, Văn, Văn Đền v.v...

Còn đâu dáng hạc gầy quy ẩn tại chùa Giác Minh Sài Gòn (1993-2001) trong cuộc sống "lão già an chi," tình huynh đệ bị hắt hủi, sau những tháng năm dài lưu đày tại trại tù Hàm Tân - Bình Thuận (1985-1993). Thầy bị nhà cầm quyền kết án phản động "Tổ chức chống phá và lật đổ chánh quyền cách mạng"?! Nhưng thực ra ai ở gần thầy mới biết được thầy chỉ là nhà văn hóa giáo dục, nhà thơ lỗi lạc, là bậc tôn sư khả kính. Tâm nguyện Thầy luôn luôn phục vụ và bảo vệ Chánh pháp. Thầy thao thức cho tiền đồ Phật giáo và Dân



Từ phải sang trái: TT. Thái Siêu, TT. Như Minh, HT. Đức Nhuận, TT. Giác Nguyên và một vị đại đức—hình chụp năm 1996, lúc Hòa thượng mới ra tù.

tộc thể hiện qua tác phẩm “Đạo Phật Và Dòng Sứ Việt” mà Thầy cho phép tôi xem khi còn bản thảo. Hoặc thầy ký tặng tập thơ “Sáng Một Niềm Tin,” “Hướng Đi Của Thời Đại” thầy vừa sáng tác. Tôi và thầy có nhiều bài thơ xướng họa, trong đó có vài bài như sau:

SÁNG MỘT NIỀM TIN (*)

Kính dâng Thầy: HT THÍCH ĐỨC NHUẬN

SÁNG rờ tuệ hồng tỏa áng thơ
MỘT con thuyền đậu bến nguyên sơ
NIỀM vui trải khắp ba đời mộng
TIN thật “Xuân về” thỏa ước mơ!

Đệ tử Thích Giác Nguyên

(*) Tên tác phẩm của HT Đức Nhuận

MINH NIÊN KHAI BÚT

H.T Đức Nhuận tặng **Giác Nguyên**

*Xuân về trong tiếng pháo ban mai!
 Thức giấc vắng hồng tỏa mãn khai.
 Trời đất tinh khôi đời đổi mới.
 Núi sông hùng vĩ cánh khoe tươi.
 Tình người Hoan hỷ vui Xuân thắm.
 Đức Phật Từ bi nở nụ cười.
 Điểm ứng năm nay nhiều hứa hẹn.
 Mây lành che rợp khắp muôn nơi.*

Xuân Quý Dậu '93

Giác Nguyên họa y vân

*Xuân về tràn ngập đá vàng mai.
 Muôn sắc ngàn hương cũng hiển khai.
 Ai nấy rộn ràng mừng Tết mới.
 Riêng mình trầm lặng đón Xuân tươi.
 Nhận tình vọng động; phai cùng thắm.
 Thế sự đua chen: khóc lẫn cười.
 Xuân đến, Xuân đi, Xuân chẳng hẹn.
 Hồn Xuân ngự trị khắp muôn nơi.*

Tôi nhớ lại trong buổi giao thời sau 30 tháng Tư 1975, dưới chế độ quân quản, rồi bao cấp, sự đi lại giao tiếp luôn bị nghi ngờ theo dõi rất khó khăn, cuộc sống người dân vô cùng đói khổ. Tôi cùng Thầy thực hiện tinh thần vô úy, tham dự lễ tang của Cố thi sĩ Vũ Hoàng Chương vừa mới ra tù được 5 ngày thì qua đời, tại căn nhà lụp xụp trong con hẻm cắt, giữa cơn mưa tầm tã, trước cổng chùa Giác Nguyên quận Tư Sài Gòn vào ngày 6.9.1976. Sau đó vì gia cảnh khó khăn, hiện nội của ông dời về khu Thị Nghè - Gia Định, tôi cùng Thầy lại đến thăm trong

Đừng Phí Công Tu

**福慧雙修時時宣妙法
 慈悲無量世世度衆生**

Phước huệ song tu thời thời tuyên diệu pháp,
 Từ bi vô lượng thế thế độ chúng sanh.

Phát nguyện xuất gia thì cố gắng thực hành,
 Tâm buông thả là vô tình với đạo.
 Đem giáo lý nói huyền thuyên khách sáo,
 Chẳng khác nào ngoại đạo nói vu vơ,
 Không hiểu Phật mà chỉ học mù mờ,
 Làm như thế chỉ uổng công tu niệm.
 Tổ Giác Tiên, ngài thường truyền diễn:

**不俗即仙骨
 多情是佛心**

*"Bất tục tức tiên cốt,
 Đa tình thị Phật Tâm".*

Cố gắng tu để tránh lỗi lầm,
 Dù oan nghiệt chẳng phân trần hơn thiệt.

Tục ngữ Việt Nam có câu chí thiết:

*"Ta về ta tắm ao ta,
 Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn".*
 Tu sao giác ngộ chánh chơn.

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Quý đông Giáp Ngọ - 2014

lúc bà bị tai biến mạch máu não, phải nằm một chỗ và người con trai duy nhất là cậu Vũ Hoàng Tuấn (sinh 1950) nguyện sống độc thân để ở bên cạnh chăm sóc mẹ hiền. Hoặc cùng Thầy đi viếng lễ Tang (nhập liệm) cho cố thi sĩ Bùi Giáng tử bệnh viện Chợ Rẫy về quàn tại chùa Vĩnh Nghiêm tối ngày 07.10.1998.

Có những lần tôi chở Thầy trên xe gắn máy đi thăm các vị niên trưởng nhân sĩ trí thức Phật giáo, như Giáo sư Nguyễn Đăng Thực tại tư gia, đường Nguyễn thị Huỳnh, phường 8, quận Phú Nhuận. Hoặc Giáo sư Giản Chi ở chung cư Hoàng Diệu quận Tư. Hoặc thăm HT Thích Thanh Kiểm chùa Vĩnh Nghiêm quận Ba và HT Thích Quảng Độ chùa Thanh Minh Thiền Viện quận Phú Nhuận trong dịp Tết Nguyên Đán. Tất cả những bậc Tôn sư khả kính này đã từng dạy tôi về Tư Cách Làm Người trong truyền thống Đạo Học Đông Phương Phật Việt, tại Đại học Vạn

Hạnh và Văn Khoa Sài Gòn trước 1975. Thành thạo tôi ra cầu Khánh Hội gặp Cụ Giản Chi tản bộ và ngắm nhìn con nước xuôi giồng nơi bên cãng Nhà Rông. Có lần tôi và Thầy đến thăm Cụ tại nhà riêng và diễm phúc được nghe Cụ Giản Chi đọc một đoạn thơ do chính Cụ sáng tác, nhưng tôi chỉ thuộc được hai câu nằm lòng:

*"Con nhà khá giả đi đâu cả?
Để lũ tuồng chèo mở mặt ra."*

Tôi còn nhớ rất rõ trước một ngày lên đường Tây du Ấn Độ, vào bữa trưa hôm đó, tôi lợi dụng giờ nghỉ (*rest time for lunch*) đi vào bệnh viện Thống Nhất thăm viếng và đánh lễ từ giả Thầy. Lúc ấy không có ai hầu Thầy, thật vô cùng thương xót. Vừa thấy tôi, Thầy rất vui, liền gắng gương ngồi dậy, tôi vội đến bên giường dìu đỡ Thầy và xin Thầy nằm xuống nghỉ cho khỏe. Nhưng Thầy khoác tay ra hiệu tôi ngồi một bên, tôi vẫn giữ lễ đứng hầu. Giọng Thầy rất yếu nhưng cố gắng dặn dò, dạy bảo tôi những lời tâm phúc như sau:

"Trong hàng Tăng ni chúng ta đa số đều xuất thân trong giới bình dân khó khổ, nhất là trong hoàn cảnh chiến tranh. Nếu ở ngoài xã hội, chúng ta chả làm được điều gì ngoài việc kiếm cơm ăn, áo mặc. Nhưng may mắn, chúng ta phát tâm Bồ đề, xuất gia học đạo, thừa hưởng ân sâu của Phật và được các vị Nghiệp sư dìu dắt cho học hành chu đáo, được các Phật tử tín tâm cung dưỡng hộ trì. Cho nên khi ra làm việc, tiếp xúc với đời, Tăng ni chúng ta phải biết khiêm hạ, tôn trọng và nhớ ơn tất cả những người con Phật trong mọi ngành, mọi giới. Nhất là những nhân sĩ trí thức, văn, nghệ sĩ, những quân nhân Phật tử đã hy hiến đời mình phụng đạo, hộ quốc, an dân. Nếu có thuận duyên thì thầy (chỉ vào tôi) cứ ra đi thực hiện hoài bão của mình. Gặp nhau hôm nay cũng là từ giả nhau vậy. Chúc thầy nhiều may mắn."

Nghe những lời vàng tâm huyết của Thầy, tôi vô cùng cảm xúc, mặc cho nước mắt tuôn trào không sao ngăn được. Hai Thầy trò trầm ngâm trong im lặng, tôi lắng nghe tiếng thở Thầy yếu và ngắn, bắt mạch thấy phù và lỗi nhịp. Tôi sợ thầy ngồi lâu thấm mệt, bèn phủ phục đánh lễ thầy ba lạy rồi nắm lấy tay Thầy hôn lên triu mệnh thiết tha và biết rằng mình sẽ không còn dịp gặp lại Thầy nữa. Nhưng tình thầy trò vẫn sống mãi với bao kỷ niệm buồn vui khó tả trong đời.

Tối hôm ấy, tôi vào Đại tháp đánh lễ Phật lần cuối và cầu nguyện cho Giác linh Thầy cao đăng Phật quốc. Mùa lễ hội đã qua nhưng để lại trong tôi dấu ấn sâu đậm nơi suối nguồn tâm linh vi diệu này. Tôi thầm đọc hai câu thơ hướng vọng về quê hương kính điệu Giác linh Thầy:

*Trước mùa Xuân, mất mùa Xuân.
Ân sư vĩnh biệt, bâng khuâng giọt sầu!*

San Jose, California
Tưởng niệm ngày Giỗ Thầy
Mùng 9 tháng Chạp AL
Thích Giác Nguyên kính lễ



CHỜ NGUYÊN ĐÁN

*Ngoài đầu trông tháng chạp
Thơ vông nắng về đầu
Chờ người về gieo hạt
Vạn thọ nở ngang đầu.*

*Ngôi đây chờ nguyên đán
Mừng tuổi Mẹ ngàn năm
Ngôi đây chờ trời sáng
Bụi vẫn rơi âm thầm.*

*Bước xuống dò gọi gió
Mặt ý trôi về đầu
Phật tâm hê! mờ tỏ
Trăng loang loáng trên đầu.*

*Qua sông chưa an tọa
Máu tim chảy ngược dòng
Sương cùng mây lan tỏa
Bèo giạt hê! mệnh mông.*

*Nâng ly chờ năm mới
Loài thiên nga bay xa
Chuốc đi này mông muội
Chuốc đi chén hải hà.*

*Rót đầy thêm ly khổ
Chia đều cho mây bay
Ly nào ly khai ngộ
Chia đều từng cơn say.*

*Đêm rồi đêm sẽ cạn
Ngày mới rót về đầu
Tình sâu tình cũng mãi
Biển chiều chờ mưa mau.*

BIÊN THÙY MÙA XUÂN

*Nắng tó vàng mái hiên chùa
Sư về giữ áo gọi mùa xuân lai
Nửa đêm rót bát trăng đầy
Đánh chuông bát nhã một chày kinh thiên
Nghe ra mười cõi hiện tiền
Đất đai sông núi nối liền bản tâm.*

*Nắng mưa như nguyệt xoay vần
Sư về phơi áo một lần bên sông
Ngắm mây nước đỏ phiêu bông
Nụ cười như khói theo dòng trôi đi
Rừng phong lá vẫn thâm thì
Liên hoa nở khắp biên thùy mùa xuân.*

thơ LÝ THỪA NGHIỆP

ĐẦU XUÂN BÀN VỀ LỜI CHÚC SỐNG LÂU, SẮC ĐẸP, AN VUI & SỨC MẠNH

Chúc Phú

Theo truyền thống Phật giáo Nam truyền, sau khi nhận lễ phẩm cúng dường, chư Tăng thường chúc phúc cho Phật tử bằng bốn pháp: *sống lâu, sắc đẹp, an vui và sức mạnh*(1). Theo cách hiểu truyền thống thì *sống lâu* là sự đạt thành *Tứ thần túc*; *sắc đẹp* là sự *nghiêm trì giới luật*; *an vui* là thành tựu *Tứ thiền* và *sức mạnh* là thành tựu *Ngũ lực*. Xuất hiện trong nhiều ngữ cảnh ở kinh tạng, bốn pháp này chuyên chở nhiều tầng nghĩa phong phú, sinh động, từ thấp lên cao. Trong khuôn khổ tìm về tính đơn nghĩa, gần gũi thiết thân với đối tượng được chúc phúc, chúng tôi thử khảo sát lời cầu chúc trong tầng nghĩa thực tiễn, đời thường.



Cần phải thấy rằng, sau khi nhận lễ phẩm, hoặc thọ thực xong, việc hồi hướng công đức, thuyết giảng hoặc chúc phúc cho thí chủ là trách vụ cần làm của người xuất gia. Sau khi thọ trai xong, Đức Phật thường tùy theo điều kiện nhân duyên mà thuyết giảng một bài pháp, hoặc đôi khi Ngài chỉ yên lặng chú nguyện. Kinh ghi: *Khi ăn xong, Ngài ngồi im lặng một lát nhưng không để quá thì giờ nói lời tùy hỷ (công đức). Ngài nói lời tùy hỷ (công đức), không chỉ trích bữa ăn ấy, không mong bữa ăn khác; trải lại, Ngài với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Ngài sau khi với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi*(2).

Truyền thống chúc phúc cho thí chủ này được chư Tăng tiếp nối mãi đến hôm nay. Ở đây, đối tượng được chúc phúc thường phong phú và đa dạng, có thể là hàng Phật tử thâm tín Tam bảo và cũng có thể là người bước đầu phát tâm. Thiện nghĩ, lời cầu chúc ở đây nên chăng là những điều dễ hiểu và thực tiễn, đời thường, thì đối tượng mới có thể dễ dàng thấu đạt, tin hiểu.

Sống lâu

Một thân thể mạnh khỏe, trường thọ là phước báo của nhiều kiếp quá khứ và nỗ lực trong hiện tại. Sống trong đời, không phải ai cũng hội đủ phước báo ấy. Ở đây, tiêu chuẩn sống lâu phải đi kèm với tiêu chí khỏe mạnh và sống có ích cho tha nhân. Vì lẽ, sống lâu nhưng sống vật vờ, bệnh tật liên miên và

lụy phiền mọi người thì chưa phải là sống lâu đúng nghĩa.

Hơn ai hết, chính bản thân Đức Phật, Ngài đã nhận thức rất rõ, *tất cả các loài hữu tình do ăn uống mà an trú*(3). Nhờ ăn uống mà tác thành nên thân thể tráng kiện. Không thể có được một sự thông tuệ, minh mẫn với một thể xác bạc nhược, yếu đuối và nhiều bệnh tật. *Hãy ăn uống cho thích nghi*(4) là một trong những yếu tố tạo nên một thân thể tráng kiện, mạnh khỏe. Chiêm nghiệm thật sâu về cuộc đời Đức Phật,

chúng ta thấy, với điều kiện sống khắc nghiệt, bấp bênh của một du sĩ hành khất, đôi khi Ngài cũng phải chịu đói và khát; mặc dù vậy, sự kiện thọ đến 80 năm của Đức Phật(5) là một sự khẳng định vững chãi về việc giữ gìn và bảo hộ sức khỏe trong thực tế đời thường.

Theo *Kinh Tăng Chi*, muốn gia tăng tuổi thọ, sống lâu thì phải: *làm việc thích đáng, biết vừa phải trong việc thích đáng, ăn các đồ ăn tiêu hóa, du hành phải thời và sống phạm hạnh*(6). Sống thì phải hoạt động. Có những việc đáng làm thì phải làm và làm ở mức độ vừa sức, phù hợp với biệt nghiệp của riêng mình. Một con kiến không thể cõng cả Thái Sơn. Cũng vậy, tùy theo bối cảnh và điều kiện sống của mỗi người mà tự chọn cho mình một công việc phù hợp. Nghiên cứu của nhiều ngành khoa học ngày nay đã bảo chứng rằng, hoạt động cơ thể ở hai mặt thể chất và tinh thần trong một mức độ vừa phải, thì sẽ kéo dài tuổi thọ.

Bên cạnh đó, biết làm chủ sở thích ăn uống của mình là một phương cách bảo hộ sức khỏe tối ưu. *Bệnh tòng khẩu nhập* là một chân lý luôn đúng trong trường hợp này. *Ăn các đồ ăn tiêu hóa* còn có nghĩa là tiếp thụ thức ăn phù hợp với cơ thể của mình. Ăn vì sức khỏe chứ không phải vì thỏa mãn vị dục. Vì có những thức ăn tuy ngon miệng nhưng không phù hợp cho sức khỏe. Chiêm nghiệm về cách ăn của Đức Thế Tôn để có thể thấy được thức ăn sẽ dễ dàng tiêu hóa như thế nào: *Ngài ăn đồ ăn vừa phải (với cơm), không có bỏ miếng cơm, chỉ lựa miếng thức ăn. Tôn giả Gotama đưa miếng cơm quanh miệng hai ba lần rồi mới nuốt, không hột cơm nào được vào trong thân không bị nghiền nát, và không một hột cơm nào còn lại trong miệng trước khi ăn miếng cơm khác. Tôn giả Gotama không thường thức vị ăn khi*

ăn đồ ăn, không thường thức lòng tham vị(7). Không vì thỏa mãn vị dục là cách ăn tạo nên một sự sung mãn cho sức khỏe, tuổi thọ.

Điều kiện kế tiếp của trường thọ là việc đi lại vừa phải và phù hợp. Nếu du hành không phù hợp, không thích nghi, sẽ gặp nhiều nguy hiểm đến tính mạng. Kinh ghi: *Du hành đường phố phi thời có sáu nguy hiểm: Tự mình không được che chở hộ trì, vợ con không được che chở hộ trì, tài sản không được che chở hộ trì, bị tình nghi là tác giả các ác sự, nạn nhân các tin đồn thất thiệt, tự rước vào thân nhiều khổ não(8)* Đi lại trong thời điểm nào thì an toàn và tốt cho sức khỏe, đó là điều còn có ý nghĩa thời sự trong thời đại hôm nay. *Du hành phải thời còn có nghĩa là tham gia các hoạt động giao du giải trí phải đúng lúc đúng thời, với một mức độ vừa phải thì sẽ tốt cho sức khỏe tinh thần. Và, điều kiện cuối cùng để gia tăng tuổi thọ theo Kinh Tăng Chi là phải sống phạm hạnh. Phạm hạnh có nhiều tầng nghĩa, trong ngữ cảnh này, phạm hạnh tức là không được buông lung, phóng túng, đồng nghĩa với việc nghiêm chỉnh giữ gìn các chuẩn mực đạo đức căn bản của con người. Theo Kinh Tương Ưng, không buông lung phóng túng, thuật ngữ gọi là *bất phóng dật, là một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau(9)*.*

Ngoài ra, để gia tăng tuổi thọ còn có sự hỗ trợ của phước lành ở đời trước hoặc đời này. Hai phước lành liên quan đến việc gia tăng tuổi thọ, đó chính là phải biết phóng sanh và bố thí. Việc *từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm... là cơ sở của trường thọ được Phật khẳng định rõ ràng trong Kinh Trung Bộ(10)*. Trong hệ thống kinh điển Bắc truyền cũng đồng thời xác nhận: *Đức Thế Tôn dạy, có hai lý do được thọ lượng lâu dài. Hai lý do ấy là gì, một là không hại sinh mạng, hai là hiến cho ẩm thực(11)*. Ở đây, phước báo bố thí có ý nghĩa rất lớn liên quan đến sự gia tăng tuổi thọ. Trong Kinh Tăng Chi đã đưa ra hình ảnh, có hai đệ tử của Đức Thế Tôn đồng tín, đồng giới và đồng trí tuệ nhưng một vị bố thí, một vị thì không; sau khi mãn báo thân tuy được sanh vào Thiên giới, nhưng phước quả của hai người vẫn khác biệt nhau, mà trước hết là khác biệt về thọ mạng(12). Do đó, muốn gia tăng tuổi thọ thì: *Hãy bố thí một cách hoàn bị. Hãy bố thí với tự tay mình làm. Hãy bố thí một cách có suy tư. Hãy bố thí các đồ không phế thải(13)*.

Sắc đẹp

Mặc dù bề ngoài chưa thể lột tả những đức tính căn bản của một con người, tuy nhiên, trong những giao tiếp bước đầu, dáng vẻ bên ngoài đóng một vai trò quan trọng trong các mối quan hệ giao tiếp. Hơn thế, với nghiệp cảm có hữu của chúng sanh nói chung, cái đẹp bề ngoài cùng những phẩm chất tương ứng bên trong, luôn được nhiều người nhọc công tìm kiếm và mong muốn sở hữu. Sắc đẹp trong tính đơn nghĩa là cái đẹp thể hiện qua dung nghi, sắc tướng. Ba mươi hai tướng đại tượng phụ của Đức Thế Tôn được ghi lại trong kinh Trường Bộ (14) là một trong những dấu hiệu để khẳng định nhân cách của bậc xuất thế. Cũng từ những dấu hiệu đặc thù này mà Ngài đã thu phục được nhiều



hạng ngoại đạo(15). Không những thế, một trong Bốn như ý đức của một vị vua Chuyển Luân Thành Vương là *đẹp trai, khả ái, cử chỉ thanh lịch, sắc diện tuyệt luân(16)*. Xem ra, sở hữu một nhân dạng dễ nhìn được xem là kết quả của nhiều phước báo mà cá nhân đó tích tập, dành dụm không chỉ trong một đời. Muốn có được một nhân dạng dễ nhìn, theo kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt(17) thì không nên phẫn nộ, bất bình, không nên quá nhiều sân hận trong tâm. Một khuôn mặt từ hòa, không nhăn nhó cau gắt, thì bao giờ cũng tạo nên một ấn tượng tốt cho bất cứ ai dù chỉ lần đầu gặp gỡ. Nếu như khi sống trong đời luôn giữ tâm không hận, không sân thì *khi tái sanh trong loài người, người ấy sẽ đẹp đẽ(18)*. Khẳng định này có thể

thấy rõ trong khảo nghiệm đời thường. Trên phương diện y thuật, nếu không kiểm soát được giận dữ thì người đó sẽ đối diện với nhiều mối nguy hiểm, thân mang nhiều tật bệnh và hệ quả dễ thấy trước mắt, đó chính là xấu xí, mau già. Không chỉ dừng lại ở đó, để có được một dung sắc dễ nhìn, theo kinh Tăng Chi, thì cần phải tu tập từ tâm. Trong mười một lợi ích khi tu tập tâm từ thì *sắc mặt trong sáng(19)* là một lợi ích thiết thực. Không những thế, theo kinh Tứ Bi(20), nếu như thường xuyên duy trì năng lượng thương yêu rộng khắp, thì không những đem lại cho bản thân một phước báo nhẹ nhàng, khinh an mà về sau sẽ hưởng tới một kết quả tối thắng.

Như vậy, sắc đẹp là sự tổng hòa của những yếu tố cân đối về hình thể cùng những phẩm chất đạo đức, tinh thần. Theo Đức Phật, nếu như bất cứ một ai biết *từ bỏ sát sanh, chế ngự sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình(21)*, thì ở hiện đời sẽ có được một dung sắc khả ái, và tương lai sẽ sở hữu những phước tướng tốt đẹp, là cửa ngõ hướng về ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân.

An vui

Sống và tìm cầu hạnh phúc là khát vọng chính đáng của con người. Được sống an vui hay an lạc, là một trải nghiệm của hoa trái hạnh phúc. Hạnh phúc có nhiều cấp độ và tầng bậc khác nhau. Với người cư sĩ tại gia, theo kinh Tăng Chi, có bốn thứ hạnh phúc căn bản(22), đó là: hạnh phúc do có được một chút ít của cải vật chất; hạnh phúc khi đúng pháp thọ dụng những tài sản mà mình đang sở hữu; hạnh phúc vì không mắc nợ bất kỳ ai; và hạnh phúc vì không có lỗi lầm, phạm tội. Có thể thấy, nỗ lực tạo ra tài sản, tiền bạc và sử dụng chúng thông minh, đúng pháp là điều được Phật cho phép, khuyến khích. Hơn đâu hết, Đức Phật thấy rất rõ ràng, một đời sống quá chật vật, bức bối về điều kiện vật chất là cội nguồn dẫn đến nhiều cấp độ bất an, khổ đau.

Ở đây, trong bốn thứ hạnh phúc vừa nêu, thì có ba thứ hạnh phúc liên quan đến những điều kiện vật chất và một hạnh phúc liên quan đến những giá trị tinh thần. Một đời sống hạnh phúc, an lành đúng nghĩa là sự hội tụ của những điều kiện vật chất tối ưu cùng những thụ cảm tinh tế về tinh thần. Vì lẽ, dù có một bữa ăn ngon, nhưng mang một tâm lý

bực bội khi thọ dụng, thì bữa ăn ấy cũng trở thành vô nghĩa. Cùng soi sáng nội dung này là câu chuyện về sự an lạc giữa Đức Thế Tôn và Hoàng tử Hatthaka, người Alavi (23). An lạc là an lạc với những gì hiện có và phát xuất từ tâm. Dù sống trong cung điện, điều kiện vật dụng đủ đầy, nhưng trong tâm đầy nhiệt nảo thì không thể nào chạm vào được an lạc, hạnh phúc. Đó là sự khẳng định được rút ra từ đoạn hội thoại này. Ở



đây, Đức Phật cũng thường lặp lại, sự an lạc về những điều kiện sở hữu vật chất chỉ bằng một phần mười (24) những an lạc, hạnh phúc về tinh thần. Đó là sự khẳng định riêng có của Phật giáo, khi đề cập đến sự an lạc, an vui của người cư sĩ nói chung.

Từ cơ sở cho rằng, hạnh phúc trên phương diện tinh thần luôn cao hơn những giá trị hạnh phúc do vật chất đem lại, Đức Phật đã mở ra một con đường dẫn đến hạnh phúc an vui, không lệ thuộc quá nhiều vào điều kiện vật chất. Đó chính là niềm hạnh phúc, an vui do biết sống trong hiện tại. Có thể, điều kiện vật chất của mỗi người có khác biệt nhau, nhưng một khi biết sống với những gì hiện có, nói cách khác là biết an trú trong hiện tại, thì cảm thụ hạnh phúc của mỗi người hoàn toàn khác biệt nhau. Theo *Kinh Nhất Dạ Hiền Giả*, một khi biết sống *quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng*(25) thì hạnh phúc, an vui sẽ tìm về ngay bây giờ và tại đây. *Kinh Tương Ứng* cũng đồng thời xác tín: *Không than việc đã qua/Không mong việc sắp tới/Sống ngay với hiện tại/Do vậy, sắc thù diệu/Do mong việc sắp tới/Do than việc đã qua/Nên kẻ ngu héo mòn/Như lau xanh rời cành*.(26)

Cũng đề cập đến vai trò của hạnh phúc tinh thần, theo khảo sát của Tổ chức News Economics Foundation (NEF), thì chỉ số hạnh phúc, viết tắt là HPI(27), căn cứ một phần vào cảm thụ về đời sống tinh thần, sự thỏa mãn, hài lòng với cuộc sống hiện tại... để thiết lập chỉ số hạnh phúc của một quốc gia. Tương tự như vậy, tuy khác biệt về lãnh vực đề cập, nhưng khái niệm tổng hạnh phúc quốc gia (GNH) mà quốc gia Bhutan khởi xướng, cũng đặt nặng mối liên hệ liên quan đến thụ cảm, hạnh phúc tinh thần.

Có thể thấy, tiến trình xây dựng một đời sống an vui được đề cập rõ ràng trong nhiều kinh điển. Trong một liên hệ gần gũi với thực tiễn, làm sao để có được an vui ngay bây giờ và tại đây, thì sự chia sẻ thực tập của Yvonne Rand, một thiền giả, bạn của Thiền sư Tenzin Palmo(28) là một trải nghiệm mang tính tham khảo. Đó chính là việc duy trì một nụ cười hàm tiếu trên môi. Pháp hành này tuy rất mực giản đơn nhưng có khả năng đem lại hiệu quả lớn. Vì chỉ cần duy trì nụ cười hàm tiếu trong ba hơi thở và thực tập nhiều lần trong ngày, có thể thực hành bất cứ ở đâu, bất cứ hoàn cảnh nào... thì sẽ tạo nên một nguồn năng lượng an vui cho mình và cho người.

Sức mạnh

Mọi sự vật hiện tượng, kể cả tiến trình tu tập đều cần năng lượng để chuyển biến, vận hành. Sức

mạnh được hiểu ở đây chính là cơ sở nền tảng, là năng lượng chi phối mọi lãnh vực của đời sống. *Kinh Tăng Chi* liệt kê tám sức mạnh, trong đó có ba sức mạnh mang tích cực, đó là *sức mạnh của bậc Hiền trí là cảm hóa; sức mạnh của vị nghe nhiều là thẩm sát; sức mạnh của Sa-môn, Bà-la-môn là nhẫn nhục*(29).

Cuộc sống thì đa dạng, phức tạp và luôn luôn chuyển biến, vận hành. Ở mỗi hoàn cảnh sống, con người thường vận dụng

những sức mạnh khác nhau. Có thể đó là sức mạnh quyền lực, có thể đó là sức mạnh đồng tiền, có thể đó là sức mạnh sắc đẹp... Tuy nhiên, những sức mạnh vừa nêu đều có những bất cập của chúng. Vì với tuệ giác của Đức Phật, những sức mạnh mà thế gian tôn sùng, thực chất là biểu hiện của tham dục. Và đã là tham dục, thì luôn gắn kết với bất hạnh, khổ đau. Ở đây, ba sức mạnh được nêu trong *kinh Tăng Chi* như *cảm hóa, thẩm sát* và *nhẫn nhục* thực sự là những nguồn năng lượng bất tận, có thể hướng đời sống con người vươn lên những phẩm vị tối thượng.

Trước hết, cảm hóa ở nghĩa giản đơn, tức chuyển hóa tha nhân bằng phương thức tình cảm. Ở nghĩa rộng nhất, đó là sự chuyển hóa người bằng những phương cách tích cực và không gây tổn thương. Trong liên hệ đa dạng của đời sống, đôi khi con người phải chấp nhận sống chung với những đối tượng phức tạp, phải đối diện với nhiều vấn đề nan giải, dễ dàng này sinh những bất đồng, những bạo động mất kiểm soát. Ở đây, dù trong bối cảnh nào, phương thức chuyển hóa người bằng liệu pháp tích cực luôn được đánh giá cao. Xu thế chuyển đổi đầu sang đối thoại mà nhân loại ngày nay đang nỗ lực hướng về, là một minh chứng nhỏ cho cho tinh thần đó. Muốn có được sức mạnh cảm hóa, cần nhất là phải có tâm, có tầm và luôn hiện hữu Bồ đề tâm.

Sức mạnh kế tiếp là sự thẩm sát. Thẩm sát là suy xét thấu đáo mọi vấn đề, là sự định tĩnh trong nhận thức để hiểu rõ đối tượng. Năng lượng thẩm sát trang bị cho mỗi cá nhân một khả năng hiểu rõ đối tượng với tất cả mọi giác độ. Từ sự hiểu rõ, hiểu đúng, ta sẽ hành xử phù hợp trước mọi vấn đề mà cuộc sống đặt ra.

Sức mạnh thứ ba là sự nhẫn nhục. Nhẫn nhục là một quán hạnh đặc thù trên lộ trình tu tập theo quan điểm Phật giáo. Dù bị hủy nhục, bức hại hoặc gặp những khổ đau do hoàn cảnh bên ngoài đưa đến, nhưng tâm vẫn an tịnh, không khởi lên tức giận, bất mãn, gọi là nhẫn nhục. Khi thực hành hạnh nhẫn nhục đến độ thuần thực, hành giả không những vững chãi trước *tám ngọn gió đời* như được, mát, khen, chê, dèm pha, tâng bốc... mà còn giữ tâm bình thản trước những bức bách náo hại của tha nhân. Trong thực tiễn đời thường, hạnh nhẫn nhục tạo nên nguồn năng lượng vượt thoát khỏi mọi vướng vấp, hệ lụy vốn là thuộc tính cố hữu của đời sống nhân gian.

Như vậy, sự kham nhẫn, khả năng suy xét thấu đáo và sự chuyển hóa tha nhân bằng tình thương là ba sức mạnh mà con người có thể tự trang bị cho mình trong đời sống này. Hiệu quả của ba sức

mạnh này sẽ được kiểm chứng ngay từ trải nghiệm đầu tiên của quá trình thực hiện. Có sức mạnh thì sẽ thực hiện được nhiều việc trong đời. Một khi sở hữu những sức mạnh tích cực và hữu ích thì hành trình tìm kiếm hạnh phúc sẽ được rút ngắn lại, và con người sẽ từng bước nhận ra ý nghĩa sống đích thực của chính mình.

Cùng đề cập đến sức mạnh, *kinh Tăng Chi* còn liệt kê thêm năm sức mạnh của bậc Hữu học, đó là *tín lực, tầm lực, quý lực, tinh tấn lực, tuệ lực*(30). Trên một phương diện khác, kinh điển còn ghi lại năm sức mạnh như: 1. Niềm tin; 2. Sự siêng năng; 3. Nhớ nghĩ chân chánh; 4. Sự chú ý, tập trung; 5. Tuệ giác. Năm sức mạnh này là *quyền lực tâm linh đích thực*(31), nếu được kiên toàn và vận dụng trong thực tiễn đời thường thì sẽ kiến lập một *Tịnh độ nhân gian*; trên phương diện thâm sâu, sự thể hiện thuần thực năm sức mạnh này còn có khả năng khai mở kho tàng tuệ giác vô tận của mọi người.

Kết luận

Chúc phúc là ứng xử văn hóa nhằm sẻ chia và gửi gắm những ước mơ hay khát vọng sống thanh cao, thánh thiện. Từ ước mơ trở về hiện thực là cả một cung đường dài, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể và hoàn cảnh sống của từng người. Lựa chọn những khát vọng vừa tầm với cũng là tâm thế khích lệ để mọi người có thể hướng về. Trong nghĩa hiện thực như đã được trình bày, lời chúc phúc *sống lâu, sắc đẹp, an vui và sức mạnh* không chỉ được chư Tăng vận dụng sau khi thọ nhận phẩm vật cúng dường của thí chủ, mà bất kỳ ai cũng có thể dùng để chúc nhau trong những dịp Tết đến, Xuân về. Hơn nữa, từ những dẫn giải trong kinh tạng đã nêu, lời chúc trên cũng đã thể hiện rõ đường hướng tu tập dành cho người Phật tử mà bất kỳ ai trong chúng ta cũng có thể vận dụng vào cuộc sống hàng ngày để lời chúc - ước mong trở thành hiện thực.

(Source: www.thuvienhoasen.org)

Chú thích:

- (1) Kinh Trường Bộ, tập 2, *Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống*; xem thêm, *Kinh Tăng Chi*, chương Bốn pháp, phẩm Nguồn sanh phước, *Kinh Suppavāsā*.
- (2) Kinh Trung Bộ, tập 2, *Kinh Brahmayu*.
- (3) Kinh Trường Bộ, tập 2, *Kinh Thập Thượng*.
- (4) Kinh Trường Bộ, tập 2, *Kinh Đại Thiện Kiến Vương*.
- (5) Kinh Trung Bộ, tập 2, *Kinh Pháp Trang Nghiêm*.
- (6) Kinh Tăng Chi, chương Năm pháp, phẩm Bệnh, *Kinh Tuổi Thọ*.
- (7) Kinh Trung Bộ, tập 2, *Kinh Brahmayu*.
- (8) Kinh Trường Bộ, tập 2, *Kinh Giáo Thọ Thi Ca La Việt*.
- (9) Kinh Tương Ứng, tập 1, phẩm thứ hai, *Kinh Không Phóng Dật*.
- (10) Kinh Trung Bộ, tập 3, *Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt*.
- (11) *Kinh Ánh Sáng Hoàng Kim*, bản dịch của Tỷ kheo Trí Quang, NXB. TP, HCM, 2011, tr.78.
- (12) Kinh Tăng Chi, chương Năm pháp, phẩm Sumanā, *Kinh Sumanā, Con Gái Vua*.
- (13) Kinh Trường Bộ, tập 2, *Kinh Tê Túc*.
- (14) Kinh Trường Bộ, tập 2, *Kinh Tướng*.
- (15) Kinh Trung Bộ, tập 2, *Kinh Brahmayu*.
- (16) Kinh Trường Bộ, tập 2, *Kinh Đại Thiện Kiến Vương*.
- (17) Kinh Trung Bộ, tập 3, *Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt*.
- (18) Kinh đã dẫn.
- (19) Kinh Tăng Chi, chương 11 pháp, phẩm Tùy niệm, *Kinh Từ*.
- (20) Kinh Tiểu Bộ, tập 1, kinh Tập, chương Một, phẩm Rắn, *Kinh Từ Bi*.
- (21) Kinh Trường Bộ, tập 2, *Kinh Tướng*.
- (22) Kinh Tăng Chi, chương Bốn pháp, phẩm Nghiệp công đức, *Kinh Không Ngộ*.



GIÁC NGỘ TỪ DÒNG SÔNG

*Ta hiện hữu trên dòng đời trôi nổi
 Đã trải qua bao trong đục thác ghềnh
 Nếu buông xuôi thì cứ mãi lênh đênh
 Rồi chìm đắm tận đáy sâu biển khổ
 Sống trên đời nhiều gian truân thách đố
 Chuyện lợi danh cũng rồi rã nhiều nhưong
 Đường ái dục lại hấp dẫn lạ thường
 Không bản lĩnh sẽ đọa đày khổ lụy
 Ta cứ ngỡ xuống trần gian du hý
 Nào ngờ đâu mái miết đến bây giờ
 Hãy quay đầu mau tỉnh giấc mộng mơ
 Theo hơi thở ta trở về chánh niệm
 Nơi Lan Nhã sống cuộc đời vô nhiễm
 Với kệ kinh làm bạn thủ tiêu dao
 Phần nội tâm hãy tự quán chiếu vào
 Đường giác ngộ sẵn chờ ta phía trước
 Hãy bơi lội để vượt qua sóng nước
 Hâu lên bờ khỏi chìm tận đáy sâu
 Như tu hành với pháp Phật nhiệm màu
 Tuy cực nhọc hết khổ đau ách nạn!*

thơ

THÍCH VIÊN THÀNH

An Lạc thất,
 Mạnh Đông, Giáp Ngọ (2014)

- (23) Kinh Tăng Chi, chương Ba pháp, phẩm Sư giả của nhà trời, *Kinh Về Alavi*.
- (24) Kinh đã dẫn.
- (25) Kinh Trung Bộ, tập 3, *Kinh Nhất Dạ Hiền Giả*.
- (26) Kinh Tương Ứng, tập 1, Tương ứng chư thiên, chương một, *phẩm Cây Lau*.
- (27) Theo Wikipedia, *Chi số hạnh tinh hạnh phúc*.
- (28) Theo Vicky Mackenzie, *Án Tu Nơi Núi Tuyết*, Pháp Minh Trịnh Đức Vinh dịch, NXB. Phương Đông, 2010, tr.390.
- (29) Kinh Tăng Chi, chương Tám pháp, phẩm Gia chủ, *Kinh Sức Mạnh*.
- (30) Kinh Tăng Chi, chương Năm pháp, phẩm Sức mạnh hữu học, *Kinh Rộng Rãi*.
- (31) Xem thêm, Thích Nhất Hạnh, *Quyền Lực Đích Thực*, Chân Đạt dịch, NXB. Tri Thức, Hà Nội, 2008.

MẠM ĐÀM VỀ CHIẾC BAO LÌ XÌ VÀ BÀN TAY CỦA THIÊN SƯ MA TUYẾN

Hoang Phong

Tập quán lì xì của người Việt chúng ta thực sự bắt nguồn từ một truyền thống lâu đời của Trung Quốc, và không nhất thiết là chỉ dành riêng cho trẻ con vào dịp Tết mà còn cho cả người lớn trong các dịp lễ lạc và giao tiếp xã hội quanh năm. Chịu ảnh hưởng văn minh Trung Quốc từ lâu nên không những ở nước ta mà còn ở nhiều nước châu Á thì tập quán này cũng rất phổ biến và dường như ngày nay lại càng được thực thi rộng rãi.

Hai chữ "lì xì" bắt nguồn từ tiếng Hán là "lì shì" (利市), dịch sang Hán Việt là "lợi thị", có nghĩa là tốt lành, may mắn, thu được nhiều lợi lộc và "lì shì" lại cũng còn được gọi là "hồng bao" (紅包), tức là chiếc bao màu đỏ. "Lì shì" hay "lợi thị" là một từ ghép gồm hai chữ *lợi* và *thị*, và nếu tra cứu các quyển tự điển Hán Việt thì tất chúng ta sẽ hiểu được ý nghĩa của chữ *lì xì* hay *lợi thị* là gì.

Chữ "lợi" (利) có nhiều nghĩa:

- *sắc bén*, chẳng hạn như *lợi khí* (利器) hay *binh khí sắc bén*, có nghĩa là một *phương tiện hữu hiệu*.

- *thích nghi, thuận lợi*, chẳng hạn như *đại cát đại lợi* (大吉大利), có nghĩa là *thật tốt lành và thuận lợi*.

- *Có lợi ích*, chẳng hạn như *"ích quốc lợi dân"* (益國利民), có nghĩa là *có ích cho đất nước và có lợi cho người dân*.

- *tiền lãi hay tiền lãi sinh ra từ tiền vốn*, chẳng hạn như *lợi thị tam bội* (利市三倍), có nghĩa là *tiền lãi gia tăng gấp ba*.

- *lợi dụng* (利用), có nghĩa là *mượn dịp hay thừa dịp để tìm kiếm lợi lộc*.

Chữ Thị (是) cũng có nhiều nghĩa:

- *chính sách, kế hoạch*, chẳng hạn như *quốc thị* (國是), có nghĩa là *kế hoạch quốc gia hay chính sách nhà nước*.

- *thuận tiện, tốt đẹp*.

- *có lợi ích, có công dụng tốt*, chẳng hạn như *ngư ông đắc lợi* (漁翁得利).

Tóm lại thật rõ ràng lì xì không phải chỉ là một tập tục trong mấy ngày Tết mà còn là một phương tiện hữu hiệu hay một sách lược hữu hiệu mang lại sự lợi lộc cho tất cả mọi người. Đối với dân làm ăn sành sỏi thì lì xì là một lợi khí giúp hoạch định các kế hoạch kinh doanh, họ cần nhắc chiếc "hồng bao" như thế nào cho vừa đủ, không quá hụt

cũng không quá hời, hầu có thể đạt được chỉ tiêu *lợi thị tam bội* tức là tiền lãi thu về phải đạt gấp ba tiền vốn. Thế nhưng trong việc làm ăn thị cũng khó tránh khỏi rủi ro vì có thể sẽ mất cả chì lẫn chài mà lại không được việc gì. Chỉ đáng buồn cho những gia đình nghèo khó, vì lì xì là cả là một nỗi khổ tâm và lo âu khi ngày Tết gần kề. Trên đây chỉ là hai khía cạnh kém sắc thắm của chiếc hồng bao. Nếu nhìn vấn đề này một cách bao quát hơn thì nào là ma chay, cưới hỏi, công ăn việc làm, giấy tờ, phượng khóm, nhà nước... không biết bao nhiêu chiếc "hồng bao" đã và sẽ được chuyển tay.

Thật ra tập tục trao đổi và luân lưu những chiếc "hồng bao" của xã hội còn che giấu những khía cạnh thật tinh tế mà chúng ta ít khi quan tâm đến. Mỗi khi có một người nào đó cho tiền vào chiếc "hồng bao" thì ắt không tránh khỏi kèm theo các xúc cảm của mình. Các xúc cảm ấy có thể là một niềm vui, một sự hạnh diện, nếu là một người có chức phận và giàu sang, hoặc cũng có thể là một sự tính toán và cầu mong nếu là những người làm ăn sành sỏi, hoặc nếu những người dân bình dị bị ép buộc phải... lì xì, thì chắc hẳn cũng khó che dấu được các xúc cảm thù hận, khinh bỉ và đau buồn gói ghém trong những cái bao đỏ ấy. Người nhận khi mở chiếc "hồng bao" để lấy những gì trong đó thì cũng sẽ kéo theo những xúc cảm kèm với chiếc "hồng bao" ấy để mà biến chúng thành những niềm hân hoan và vui sướng trong lòng mình.

Chìa tay đưa chiếc "hồng bao" hay dứt chiếc "hồng bao" vào túi đều là các động tác mang tính cách chủ tâm. Theo Phật Giáo thì bất cứ một hành động hay một động tác chủ tâm nào cũng đều tạo ra nghiệp. Nếu chiếc hồng bao biểu trưng cho một sự

tính toán hay một niềm vui sướng thì nghiệp đưa đến sẽ mang cùng một bản chất với nó, tức là sự bám víu, tham lam và thèm khát, một thứ nghiệp buộc chặt mình trong thế giới luân hồi. Nếu chiếc "hồng bao" là một sự oán hận, khinh bỉ và u buồn thì nghiệp tạo ra sẽ là hận thù, và đến một lúc nào đó nghiệp ấy sẽ biến thành quả gây ra tác hại cho mình và cho cả người dứt chiếc "hồng bao" vào túi.

Sự luân lưu của những chiếc "hồng bao" trong cuộc sống có vẻ như là một động cơ thúc đẩy sự sinh hoạt và tạo ra các điều kiện thuận lợi trong các mối giao tiếp trong xã hội, thế nhưng thật ra sự luân lưu ấy dù là theo chiều





hướng nào, hân hoan, hận thù hay mưu mô, đều tạo ra những mối dây trói buộc đầy đọa con người. Thật ra sự trói buộc ấy cũng chỉ là sự vận hành tự nhiên của quy luật nguyên nhân hậu quả, không sơ hở cũng không nhân nhượng một ai cả, chỉ tiếc là không mấy người nhận thấy được sự vận hành của quy luật thật đơn giản ấy mà thôi.

Cách nay đã khá lâu tôi có dịp ghé thăm một cô giáo cấp 1. Cô ấy mời tôi ăn bánh trung thu và nói: "Anh biết không, cứ mỗi dịp Trung Thu thì học trò thay nhau biểu em có đến vài chục hộp bánh trung thu. Em thì không thích ăn bánh thập cẩm, thế nhưng gần như hộp nào cũng gồm toàn là thứ bánh ấy, đến độ em phải nhắc khéo với bọn trẻ con là em chỉ thích bánh nhân hạt sen hay là bánh dẻo." Cầm miếng bánh dẻo trên tay tôi bằng khuỷu và nghĩ ngợi rất nhiều, không biết mẫu bánh tôi đang cầm là được một gia đình khá giả mua biểu cô giáo, hay là của một gia đình phải chạy nợ để mua. Thiết nghĩ phạm làm một điều gì - dù chỉ ăn một miếng bánh - người Phật tử chúng ta cũng nên ý thức được nguyên nhân và hậu quả của nó có thể mang lại cho mình và cho người khác. Tất cả chúng ta đều trực tiếp hay gián tiếp tập cho các em tập tục "hồng bao" từ thuở nhỏ, vì thế đôi khi phải nhìn vào cách hành xử của chính mình mà không nên chỉ biết nhìn vào kẻ khác để chỉ trích họ là tại sao lại tận dụng quá đáng phương tiện sắc bén của chiếc "hồng bao."

Suy đi nghĩ lại tất chúng ta cũng phải thú nhận rằng người Phật Giáo cũng thực thi tập tục trao đổi ấy rất tích cực, thế nhưng có một sự khác biệt thật căn bản: họ không bao giờ chờ đợi một sự hồi đáp nào từ bàn tay xòe ra của họ, dù họ có trao những chiếc "hồng bao" thì đấy không phải là một sự ép buộc mà chỉ là một cách gói ghém thật kín đáo lòng tử bi của mình mà thôi. Thật vậy bản tính con người là sống tập thể, không có ai tự sống một mình được, tất cả đều nương tựa vào nhau để cùng tạo ra xã hội, vì thế truyền thống "hồng bao" gói ghém một chút tương trợ và tình thương yêu thật hết sức cần thiết cho sự tồn vong của nhân loại. Nhân đây chúng ta hãy cùng đọc một câu chuyện thiền thật đơn giản liên quan đến cái truyền thống "hồng bao" ấy.

Câu chuyện được trích từ một quyển sách tiếng Nhật mang tựa "**101 Câu chuyện thiền Zen**", gộp nhặt một số các công án thiền vào thế kỷ XIII và thế kỷ XX, và đã được xuất bản ở Nhật năm 1919. Bản dịch đầu tiên sang tiếng Anh được xuất bản ở Mỹ năm 1940, tức là vào một giai đoạn căng thẳng khởi đầu Thế Chiến Thứ Hai. Một điều khá thú vị là

ít nhất đã có bốn bản Việt dịch của quyển sách này: Ngô Tăng Giao (2004), Trần Trúc Lâm (2010), Nguyễn Minh (2009), Trần Đình Hoàng (?), và cả bốn bản dịch xuất hiện đồng loạt trong vòng vài năm và cùng được dựa vào bản dịch tiếng Anh của Paul Reys xuất bản hơn sáu mươi năm trước đó.

Câu chuyện được trích dẫn dưới đây là câu chuyện thứ 33 trong sách và mang tựa là "**Bàn Tay của thiền sư Ma Tuyền**" ("**Mokusen's Hand**"). Mokusen Hiki (1846-1920) là một vị thiền sư thuộc học phái Tào Động và cũng là vị chính thức thừa kế của dòng truyền thừa này. Kinh sách Hán ngữ dịch âm tên ông là Moxian (魔线), chuyển sang tiếng Hán Việt là Ma Tuyền. Tào Động là một học phái Thiền của Trung Quốc được Đạo Nguyên (1200-1253) mang về Nhật, khai triển thêm và truyền bá trong quốc gia này. Năm 1244 Đạo Nguyên xây dựng một ngôi chùa nhỏ toàn bằng gỗ trên hòn đảo Honshu, miền nam nước Nhật. Chùa mang tên là Eihei-ji, và nhà sư Ma Tuyền đã trụ trì ngôi chùa này khi xảy ra câu chuyện bàn tay mang tên ông như sau:

"Thiền sư Ma Tuyền sống trong một ngôi chùa ở thị trấn Tamba. Một hôm có một đệ tử tâm sự với ông về người vợ quá ư keo kiệt của mình. Ma Tuyền bèn đích thân tìm đến nhà người này để gặp vợ anh ta. Khi gặp bà này ông nắm chặt bàn tay của mình lại và đưa ra trước mặt bà này rồi cất lời hỏi như sau:

- "Nếu như bàn tay của ta cứ nắm chặt lại như thế này mà không sao mở ra được nữa, thì bà nghĩ thế nào?"

Người phụ nữ khá sững sốt vì câu hỏi bất ngờ ấy, vội đáp rằng:

- Nếu thế thì bàn tay của ông bị khuyết tật rồi!

Vị thiền sư bèn xòe bàn tay ra và lại hỏi:

- Thế nhưng nếu nó cứ xòe ra như thế này mà không còn nắm lại được nữa thì nghĩa là gì?

Người đàn bà lại đáp:

- Thế thì nó cũng lại bị khuyết tật chứ gì nữa!

Vị thiền sư bèn nói với người đàn bà rằng:

- Vậy thì khi nào bà hiểu được ý nghĩa sâu xa của những lời mà bà vừa nói, thì tất bà sẽ trở thành một người vợ xứng đáng.

Nói xong vị thiền sư quay về chùa. Ít lâu sau người ta thấy người phụ nữ, một mặt rất tích cực giúp chồng bố thí, một mặt thì biết chi tiêu tiền tặn trong gia đình.

Ngôi chùa Eihei-ji trên đảo Honshu miền nam nước Nhật (quận Yoshida, tỉnh Fukui). Ngôi chùa này là một di tích lịch sử, do chính Đạo Nguyên xây dựng vào năm 1244. Nhà sư Ma Tuyền (1846-1920) thừa kế dòng Tào Động đã trụ trì ngôi chùa này khi xảy ra câu chuyện "**Bàn Tay của thiền sư Ma Tuyền**".

Bàn tay của người nội trợ nếu chỉ biết xòe ra, tiêu xài hoang phí thì tan hoang cửa nhà, thế nhưng nếu chỉ biết bo bo nắm chặt thì sẽ lại dẫn đến sự nghèo khó và thiếu thốn, nghèo với mình, với gia đình mình và cả với kẻ khác. Nếu biết xòe bàn tay giúp chồng bố thí thì sẽ mang lại một niềm hạnh diện và một ý nghĩa nào đó cho cuộc sống lứa đôi. Thế nhưng trong trường hợp nếu người chồng bê tha, rượu chè, cờ bạc, thì người nội trợ cũng phải biết nắm chặt bàn tay của mình lại.

Thiền học là một phép tu tập cao thâm không phải là chỉ để giải quyết những chuyện đạo đức thường tình của thế tục. Câu chuyện tất phải hàm chứa một ý nghĩa sâu xa hơn. Bàn tay nắm lại là trở

về với chính mình, tìm hiểu mình, giúp mình trở nên phong phú hơn, trước khi ngửa bàn tay ra để chia sẻ sự phong phú ấy với kẻ khác. Trong kinh Pháp Cú có một câu như sau (câu 354):

Sabba danam Dhamma danam jināti
Hiển dâng Sự Thật vượt cao hơn những hiến dâng khác



Đức Phật Thích Ca
(Tượng gỗ-Tích Lan, chiều cao 60cm)

Nhằm thay lời kết, tôi cũng xin mạn phép được kể thêm ra đây một câu chuyện nhỏ trong một chuyến viếng thăm Tích Lan cách nay hơn 30 năm. Một hôm trên đường từ cao nguyên thánh địa Candy đổ xuống vùng bờ biển phía nam, xe dừng lại ở một thị trấn nhỏ để nghỉ, tôi tản bộ quanh đó và chợt thấy một túp lều lụp xụp nằm chênh vênh giữa một khu đất hoang, bên trong bày bán các thứ lưu niệm cho du khách. Tôi bước vào xem thì một phụ nữ trung niên vụt đứng bật dậy từ một chiếc ghế đặt trong một góc tối của gian hàng, mừng rỡ mời mọc chỉ trở huyên thuyên hết món hàng này đến món hàng khác. Tôi bước vào thực sự chính là vì tò mò hơn là có ý định mua sắm nên im lặng lắng nghe và liếc mắt nhìn các thứ nữ trang đủ loại và các vật kỷ niệm lịch tinh bày trong một tủ kính cùng các pho tượng Ấn Giáo và Phật Giáo xếp ngay ngắn trên một chiếc bàn nhỏ. Bỗng đứng tôi chợt thấy một pho tượng Phật bằng gỗ lớn nhất, trong tư thế đứng thường thấy ở các nước theo Phật Giáo Theravada. Nghĩ bụng biết đâu pho tượng ấy cũng có thể là một kỷ niệm hay hay để mang về từ xứ Phật, tôi bèn đánh tiếng hỏi giá, người phụ nữ đưa ra một cái giá khá cao. Đã sống quen với những người dân bản xứ tính tình vốn chất phác, lương thiện không có ý nói thách để "bóc lột" du khách, tôi biết rằng đây là đúng giá của pho tượng, nhưng cũng còn phân vân và do dự trong lúc người bán hàng im lặng nhìn tôi có vẻ lo lắng và chờ đợi. Bỗng nhiên dường như có một sức mạnh dậy lên trong nội tâm thúc đẩy tôi phải "thỉnh" pho tượng ấy. Thế là việc mua bán

được nhanh chóng giải quyết và người bán hàng quần vội pho tượng trong một tờ báo cũ và đưa cho tôi. Rồi khỏi cửa hàng độ mười thước thì dường như có một sức mạnh khác khiến tôi ngoảnh đầu lại. Người phụ nữ còn đứng ở cửa lều nhìn theo với đôi mắt không che dấu được nét vừa ngạc nhiên vừa sung sướng, như thầm cảm ơn vừa được một sự may mắn bất ngờ xảy đến.

Pho tượng không phải là một tác phẩm nghệ thuật tuyệt hảo, nhưng nhất định là được tạc bằng bàn tay và tâm hồn của một nghệ nhân trong vùng, và khúc gỗ cũng là từ một gốc cây mọc lên từ mảnh đất Tích lan. Cánh tay trái của pho tượng duỗi thẳng và bàn tay để ngửa, cánh tay phải co lại và bàn tay thì đưa ra phía trước, đầu gối chân trái hơi co lại. Thời bấy giờ tôi cũng chưa hiểu hết ý nghĩa của các thủ ấn trên một pho tượng và chỉ mãi về sau này tôi mới biết rằng bàn tay trái để ngửa biểu trưng cho sự bố thí, và bàn tay phải đưa ra phía trước biểu trưng cho sự che chở, ngón cái và ngón trỏ của bàn tay này chạm vào nhau biểu trưng cho sự thuyết giảng, chân trái hơi co lại biểu trưng cho sự đi tới, có nghĩa là pho tượng không đứng yên một chỗ.

Cho đến nay thỉnh thoảng tôi vẫn thường thắp một nén hương khi đứng trước pho tượng này. Với người phụ nữ bán hàng ở Tích Lan ngày nào thì món tiền lời mang lại từ pho tượng có thể cũng chỉ đủ để mua được thêm một món ngon cho cả gia đình trong một bữa ăn, nhưng đối với tôi thì pho tượng này và cái kỷ niệm hôm ấy lại là một sự thừa hưởng to lớn nhất và cao quý nhất về phần mình. Đôi mắt sung sướng của người phụ nữ khắc khổ ấy vẫn còn ám ảnh mãi trong trí tôi khi viết những dòng chữ này, và mỗi khi thắp một nén hương thì đôi bàn tay để ngửa của pho tượng đều nhắc nhở tôi về bốn phận của mình, là luôn phải cố gắng làm được những gì dù thật bé nhỏ để làm đẹp cuộc đời trong khoảng thời gian ngắn ngủi của mình trên cõi đời này.

Khó có ai nghèo hơn Đức Phật được. Ngài đi chân đất, trên người chỉ có hai chiếc áo cà-sa thay đổi, khâu bằng những mảnh vải vụn nhặt được ở vệ đường hay trong các bãi tha ma, và trên tay chỉ có một chiếc bình bát để khát thực. Thế nhưng hai bàn tay của Ngài lúc nào cũng để ngửa là mang đến cho chúng ta những gì? Món quà quý giá nhất mà Ngài đã ban cho chúng ta là sự thật. Sự Thật của cả một Con Đường.

Bures-Sur-Yvette, 02.01.2015
Hoang Phong



Tranh của Họa sĩ Lê Văn

SỰ TẮM RỬA TRONG CHÁNH PHÁP

Tuệ Như

*Những ai hành trì pháp
Theo chánh pháp khéo dạy
sẽ đến bờ bên kia
Vượt ma lực khó thoát.
(PC.86)*

Đạo Phật là con đường giác ngộ, nhận biết rõ đích thực bản chất của mọi sự vật hiện tượng nơi cuộc sống quanh ta, và chính ta để chuyển tiếp tịnh hóa thân tâm, mà được hiện tại lạc trú ngay đây và bây giờ. Thế nhưng, sự thảnh thơi và lạc lõng mãi miết xuôi theo dòng cảm thức trộn lẫn bởi bao cuồng nộ và mê lầm, nên sự tìm kiếm lại càng vô vọng, che ngăn trên đường trở về bốn xứ.

Sự che chướng ngăn ngại ấy, chính do nhiều thời gian tích tập bởi những điều xấu ác, nó làm ra cái lồng vô hình giam hãm, hành phạt chúng ta trong quá trình ngược xuôi của từng khoảnh khắc, từng chập thời gian, và từng kiếp đời sanh tử. Tuy nhiên sự điều dụng để được chuyển hóa hay tịnh hóa thân tâm không vì vậy mà làm cản trở sự tiến bộ hướng thượng của lộ trình tâm, nếu như ta có năng lực nương tựa, biết tầm quý, có pháp hành trì để đối trị, và sự quyết định trong niềm tịnh tín đối với Tam Bảo.

Nhìn chung chung hiện nay, giáo lý Đạo Phật được giới thiệu rộng rãi vào nhân gian, có mặt qua từng vận hành và tốc độ phát triển của xã hội con người ngày hôm nay, như: văn hóa, mỹ thuật, tranh ảnh, kiến trúc, truyền thông, v.v... Đông cũng như Tây.

Về mặt cơ sở vật chất trong cũng như ngoài nước, không ai bảo ai, gần như rầm rộ thi nhau thực hiện những mô hình tổng thể đồ sộ, những trưng bày không kém phần lộng lẫy vương giả, xem như thời kỳ phát triển cơ sở hạ tầng, đưa hình ảnh đạo Phật vào đời là điều không thể thiếu, những tưởng sẽ trở thành những thắng cảnh gọi là "du lịch tâm linh" gì đó, hay để có được những kỳ tích ở ngàn năm sau.

Thứ nữa, về mặt giáo lý cũng như các tông phái Phật giáo đã được Đức Phật, và chư tôn Thiền Tổ xiển dương từ ngàn xưa, đã trở thành một đạo lộ tu tập duy nhất, đó là Giới-Định-Tuệ, hay nói rộng ra là 37 phẩm trợ đạo và những pháp cơ bản khác, để được đắc nhập Thánh quả, thành tựu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, mục đích đưa đến chấm dứt

đau khổ, vượt thoát tử sanh, tịch tịnh Niết bàn. Nếu nói đến sức mạnh, thì đây mới thật là sức mạnh của Đạo Phật.

Thế nhưng, từ hơn thập niên trước đây, điều đã có xảy ra là sự thổi lồng vào bao phương thức tín ngưỡng, cầu vọng, van xin, để chiêu cảm lòng tin từ hằng triệu tâm hồn luân lạc giữa bao chất liệu cuộc đời tục lụy, để bám bấu, để giữ lấy trong bàn tay, để hóa trang ý tưởng thời cuộc, để thụ hưởng những lạc thú thấp kém thường tình một khi đối diện trước quy luật vô thường, khổ, vô ngã. Mặc dù trong những hành giả ấy tưởng chừng thế giới cực lạc hay cõi tịnh độ bình đẳng vô tranh, với vô lượng công đức, với vô lượng hào quang và tuổi thọ... đang ở trước mắt, mà họ chỉ cần bước những bước chân suông suông là vào được, là đến được.

Đức Phật có lần hỏi khi đến trú xứ của Bà la môn Sagarava, là nhà "Tịnh Thủy hành" tại thành Savatthi (Xá Vệ) như sau: "...có đúng vậy không, này Bà la môn? với mục đích gì mà ông tin tưởng...?"

Được trả lời: "Với mục đích rửa sạch hắc nghiệp, tin tưởng vào nước thanh tịnh, nên sáng chiều xuống nước... Nếu ban ngày tôi làm ác nghiệp, thì chiều tôi xuống tắm để gội sạch ác nghiệp ấy, buổi tối tôi làm ác nghiệp gì, thì buổi sáng hôm sau tôi xuống tắm để gội sạch ác nghiệp ấy. Đó là mục đích của tôi là như vậy!" (Kinh Tương ưng, 1, 182)

Với dòng tâm thức chấp vào cái biết, bám níu và thực hiện pháp hành như thế, chính là một trong những nguyên nhân đưa đến tái sanh và khổ đau. Mọi hành động ác quấy do mình tạo ra lại được sự dung túng bởi ý tưởng tà tin tà niệm tà tư duy như thế, nó không thể vô hiệu đạo lý nhân quả mà đức Phật hay chư Thánh đức đã trình bày.

Do đó, sau khi nghe Bà

-la-môn Sagarava trình bày như trên, Đức Phật nói lên lời kê, nhằm chuyển hóa tâm thức người Bà-la-môn này như sau:

*"Chánh pháp là ao hồ
Giới là bên nước tắm
Không cầu uế, trong sạch
Được thiện nhân tán thán.
Là chỗ bậc có trí
Thường tắm rửa uế tạp
Khi tay chân trong sạch
Họ qua bờ bên kia"
(Kinh Tương Ưng I, 182)*



Chúng ta luôn kiên định với một niềm tin rằng: chánh pháp của chư Phật luôn tồn tại giữa muôn sự biến ảo vô cùng của dòng nghiệp chuyển lên hay xuống của con người trong thế gian, cho dù dưới bao vận hành của một cơ chế xã hội nào trên hành tinh này. Đồng thời, qua mọi hình thức phát sinh tha hóa, uế oai của những hành sự, cho dù đó là một đơn vị, hay nhân danh nào đi nữa, nếu không phù hợp với tinh thần “tuỳ duyên bất biến” thì coi như cái bóng đen loạng choạng, rồi cũng phải đi qua, tàn phai và tắt mất. Bởi vì, sự truyền thừa tiếp nối dòng mạch mạng của Đạo Phật chính là sự “ấn tâm truyền tâm,” sự ấn truyền tâm ấy từ pháp mầu của Diệu hạnh, Chánh hạnh, Như lý hạnh, và Trực hạnh, mắt Phật sinh nơi tâm này “nhứt điểm tâm đăng Phật nhãn sinh...”, vượt thoát mọi cơ cấu hình thức, tổ chức, danh phận, v.v... của thế gian.

Nếu một mặt chỉ cố xướng về hình thức tín ngưỡng quá nhiều đến với mọi người qua sự cầu nguyện hay ước nguyện, điều ấy sẽ trở thành vô sở sự chấp thủ cái “tôi, cái bản ngã”, nếu được, dễ tạo nên sự tự phụ, tự mãn hay không được thỏa mãn, sẽ dẫn đến thất vọng chán chường, thối thất niềm tin, v.v... Mặt khác, nếu không gia tăng sự tu tập, không sống và an trú vào pháp của bậc Thánh, thì khác nào “cành lá của phạm hạnh” tự đắc danh xưng, đánh lừa cho ngày tháng đi qua, mặc tình cho cuộc ruổi dong phù phiếm vô định.

Ở một thời điểm khác, cũng tại thành phố Savatthi, vườn ông Cấp cô độc (Anathapindika), nơi đây Đức Phật có giải thích về những ác pháp, những pháp này làm cấu uế, như bợn cho tâm, như: “Này các tỳ kheo, khi nào chư tỳ kheo biết được rằng “tham dục, tà tham là cấu uế của tâm,” tham dục tà tham được diệt trừ... “phấn, hận, hư ngụy, nào hại, tật đố, xan tham, man trá, khi cuồng... là cấu uế của tâm... được diệt trừ...” (Kinh Trung Bộ số 7)

Chứng ấy, chúng ta cũng đủ thấy rằng, muốn tiếp nối ngọn truyền đăng được sáng soi từ nơi mắt Phật, muốn tịnh hóa thân tâm vượt thoát khổ đau, chấm dứt tử sinh, là phải chính mình tự thấy mình với bao nhiêu pháp cấu uế ở trên, sau khi nhận diện, biết rõ và trừ diệt các pháp ấy, đó là cảnh giới tâm thức siêu hóa ngay trong hiện tại. Đây là một sự dừng lại bất tuyệt trên những bước kỳ cùng phiêu bạt xưa nay theo muôn dặm đường mây. Đồng thời, với lời dạy rất mực cho thế gian, là một sự đóng góp đích thực bình an cho loài người hơn bao giờ hết, đó là Đức Phật nói với Bà la môn Sundarika về ý nghĩa sự tắm rửa như sau:

“...Kẻ ngu dầu thường tắm
 Ác nghiệp không rửa sạch
 Không thể rửa nghiệp đen
 của kẻ gây ác tội...
 “Này Bà La Môn
 Chỉ nên tắm ở đây
 Khiến mọi loài chúng sanh
 Được sống trong an ổn
 Nếu không nói dối trá,
 Nếu không hại chúng sinh
 Không lấy của không cho
 Có lòng tin không tham,
 Đi Gaya làm gì,
 Gaya một giếng nước!”
 (Trung bộ kinh số 7)

Có thể nói lời dạy của Đức Phật luôn phát xuất từ nền tảng nhân bản, và luôn tạo nên muôn vẻ đẹp tinh tú, và an bình cho đời sống nhân bản ấy từ ngàn xưa và cho đến mãi tận ngàn sau. Và đã là sự

NGỌN NÉN MÙA XUÂN

*Trong nhà phong lan nở
 Ngoài vườn hương ngọc lan
 Xuân vừa nhẹ gõ cửa
 Nắng vàng khẽ bước sang*

*Hoa mừng ai khoe sắc!!!
 Hoa nhớ ai tỏa hương?
 Sao tôi lòng quận thất
 Thương nhớ người xa phương*

*Hoa nở rồi hoa phai
 Xuân đến rồi hè thay
 Người chân mây núi biếc
 Biết có ngày tái lai?*

*Hoa tươi chỉ mình ngắm
 Hoa úa riêng mình buồn
 Đêm thì thắm với bóng
 Nơi nào gửi nhớ thương!*

*Xuân không mong, lại đến
 Hoa chẳng đợi, nở hoài
 Có một người quên hẹn
 Chờ mong nhớ đêm ngày*

*Ôi tình yêu, ngọn nến
 Cách gì chẳng lụn, hao!*



thơ **KIỀU MỘNG HÀ**

thắp sáng nhân bản ấy từ nơi lời dạy của Đức Phật, đó là nơi gội rửa tâm hồn cho những ai có sự cần cầu hướng thượng, mà cũng là nơi tụ hội những bậc hiền trí, thức giả, để từ đó tỏa ra khắp mọi phương trời du hóa, vì lợi ích an lạc cho chúng sinh, chư thiên hưởng về sinh lộ bình an hiện tại và mai sau.

Thiền nghĩ, nếu như có sự điều dụng ban tặng và tự thân hành trì đúng pháp như lời Phật dạy, không để lạc hút vào những mê lộ thế gian, không bị sự sai xử theo dòng lực cảm thọ hấp dẫn từ phía thế gian, không bị lợi dưỡng danh vị thế quyền chi phối. Đây là điều “Vượt ma lực khó thoát” đối với người đệ tử Phật và cũng là một hành động thiết thực giới thiệu đạo lý giác ngộ vào đời, muôn trùng hạnh phúc và yên bình luôn được tươi mát bất tận trong nhân gian.

Louisiana, tháng 12.2014
Tuệ Như

KHỞI NGUYÊN CỦA THIỀN HỌC VIỆT NAM

(Chương III, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN)

Nguyễn Lang



KHƯƠNG TĂNG HỘI

Thiền học Việt Nam khởi đầu bằng Khương Tăng vào đầu thế kỷ thứ ba. Không những Tăng Hội là sáng tổ của Thiền học Việt Nam, ông cũng còn phải được xem là người đầu tiên đem Thiền cho phát huy ở Trung Hoa nữa.

Cha Mẹ Tăng Hội là người nước Khương Cư (Sogdiane) cư trú tại Giao Chỉ để buôn bán. Tăng Hội chắc chắn là sinh trên đất Giao Chỉ; cha và mẹ ông mất năm ông lên mười tuổi. Không biết ai đã nuôi dạy Tăng Hội sau khi cha mẹ ông mất, chỉ biết rằng lớn lên ông đi xuất gia và tu học rất tinh tiến (Cao Tăng Truyện). Ta cũng không biết thầy ông là ai, và trong số mười vị tăng sĩ truyền giới cho ông có vị nào là tăng sĩ ngoại quốc không. Ta chỉ biết ông giỏi cả Phạn ngữ lẫn Hán tự. Trong các tác phẩm của ông ta thấy có tập Nê Hoàn Phạm Bối là một tập thi ca về đề tài niết bàn chuyển dịch từ những bài thi tụng Phạn ngữ. Lục Độ Tập Kinh của ông vẫn từ điển nhã, chứng tỏ Hán văn ông không thua gì người Trung Hoa thời ấy. Cổ nhiên là sinh trưởng tại Giao Chỉ ông phải nói rất thạo tiếng nước ta.

Sách Cao Tăng Truyện nói rằng ông đến Kiến Nghiệp thủ đô nước Ngô (nay là Nam Kinh) vào năm Xích Ô thứ mười, tức là năm 247. Ông mất vào năm 280, niên hiệu Thái Khương nguyên niên đời nhà Tấn. Như vậy ông đã ở trên đất Trung Hoa 33 năm. Nhiều người cho rằng ông đã trước tác và dịch thuật tại đây, nhưng kỳ thực một phần quan trọng của công việc này đã được ông làm tại Giao Chỉ.

Trong bài tựa kinh **An Ban Thủ Ý** do ông viết, ta thấy có một chứng cứ tỏ rằng ông đã viết bài tựa này trước năm 229, nghĩa là hồi ông còn hành đạo tại Giao Chỉ. Đó là chi tiết An Thế Cao, người đã dịch kinh kinh **An Ban Thủ Ý**: "Có vị Bồ Tát tên An Thanh, tự là Thế Cao, con đích của vua An Tức, sau khi nhường ngôi cho chú lánh qua đất này, sau bèn về kinh sư..." Kinh sư ở đây là Lạc Dương, chính ở Lạc Dương mà An Thế Cao đã dịch nhiều kinh vào hậu bán thế kỷ thứ hai. Nếu bài tựa này viết sau năm 229, tức là năm Ngô Tôn Quyền xưng đế, thì kinh sư phải là Kiến Nghiệp chứ không phải là Lạc Dương nữa, Bởi vì sau ngày Ngô Tôn Quyền xưng đế, nước ta đã nội thuộc Đông Ngô rồi mà không theo Bắc Ngụy.

Chi tiết quan trọng trên còn cho ta một dữ kiện lịch sử nữa: những cuốn kinh mà An Thế Cao dịch tại Lạc Dương đã được mang tới và lưu hành tại Giao Chỉ trong thời gian Tăng Hội hành đạo tại đây. Những kinh này ví dụ kinh kinh **An Ban Thủ Ý**, đã được mang xuống do những người Phật tử Lạc Dương tới tỵ nạn tại Giao Chỉ. Trong số người Phật tử này có cư sĩ Trần Tuệ, học trò của An Thế Cao,

người mà Tăng Hội đã gặp và cùng cộng tác để chú sớ kinh kinh **An Ban Thủ Ý**. Ta có thể nói rằng chính Trần Tuệ đã mang kinh này từ Lạc Dương xuống.

An Thế Cao tại Lạc Dương đã dịch một số kinh về thiền như kinh kinh **An Ban Thủ Ý** và kinh **Âm Tri Nhập**. Những kinh này thuộc về thiền nhưng có khuynh hướng tiểu thừa. Chính Tăng Hội đã giới thiệu kinh này theo tinh thần đại thừa. Chính ông đã soạn Lục Độ Tập Kinh và phát huy Thiền học trong tinh thần đại thừa.

Theo **Khai Nguyên Thích Giáo Lục**, ông cũng đã dịch Ngô Phẩm (tức *Bát Thiên Tung Bát Nhã* hay *Đạo Hành Bát Nhã*) là kinh bản xuất hiện sớm nhất trong số các kinh Bát Nhã. Như thế, Phật Giáo Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ ba hoàn toàn là Phật Giáo đại thừa, có khuynh hướng thần bí và Thiền học. Sự kiện Chi Cương Lương dịch kinh Pháp Hoa Tam Muội tại Giao Chỉ vào hạ bán thế kỷ thứ ba cũng xác định điều đó.

Ta không thể nào biết được hết những tác phẩm dịch thuật và sáng tác của Tăng Hội. Trong bản mục lục kinh điển của Đạo An có một số dịch phẩm không mang tên dịch giả, nhưng trong những bản mục lục ra đời sau đó thì người ta lại gán những dịch phẩm kia cho An Thế Cao. Có thể trong số đó có những dịch phẩm của Tăng Hội. Những tác phẩm mà ta biết được có dính líu đến Tăng Hội được kê ra như sau:

- 1) **An Ban Thủ Ý**, An Thế Cao dịch, Tăng Hội và Trần Huệ chú sớ, Tăng Hội đề tựa.
- 2) Pháp Cảnh Kinh, An Huyền dịch, Tăng Hội chú sớ và đề tựa.
- 3) Đạo Thọ Kinh, Chi Khiêm dịch, Tăng Hội chú sớ và đề tựa.
- 4) Lục Độ Yếu Mục, Tăng Hội biên tập (không còn).
- 5) Nê Hoàn Phạm Bối Tăng Hội biên tập (không còn).
- 6) Ngô Phẩm (Đạo Hành Bồ Tát), Tăng Hội dịch (không còn).
- 7) Lục Độ Tập Kinh, Tăng Hội biên tập.

Những chú sớ của Tăng Hội trong ba kinh kinh **An Ban Thủ Ý**, Pháp Cảnh và Đạo Thọ nay không còn; bài tựa của kinh Đạo Thọ cũng vậy; duy chỉ còn lại hai bài tựa của kinh kinh **An Ban Thủ Ý** và kinh Pháp Cảnh. Kinh kinh **An Ban Thủ Ý** dạy về phương pháp đếm hơi thở và tập trung thiền quán; tuy đó là một kinh thuộc tiểu thừa, nhưng Tăng Hội đã phô giải theo tinh thần đại thừa. Trong bài tựa kinh này, Tăng Hội viết: "An Ban tức là đại thừa của chư Phật để tế độ cho chúng sinh đang phiêu trầm sinh tử".

Lục Độ Tập Kinh là một tác phẩm rất đặc

biệt. Xét văn thể và nội dung, ta biết chắc chắn đây không phải là một tác phẩm dịch thuật từ Phạn ngữ mà là một tác phẩm sưu khảo biên tập trong đó có nhiều đoạn lược dịch từ nhiều kinh điển và có những đoạn hoàn toàn do Tăng Hội viết, ví như đoạn nói về thiền. Có cả thảy tám quyển, nói về sáu độ (độ tức là sự vượt qua bờ, chữ paramia): bố thí độ, giới độ, nhân nhục độ, thiền độ và Minh độ. Minh ở đây là trí tuệ. Ba quyển đầu nói về bố thí độ, còn các quyển sau, mỗi quyển nói về một độ trong các độ còn lại.

Về mỗi độ, có nhiều đoạn trích dịch trong các kinh. Ví dụ trong bố thí độ, có trích dịch cả kinh Ba La Nại Quốc Vương, Tát Hòa Đàm Vương, Tu Đại Noa, Phật Thuyết Tứ Tính...

Vai trò xương minh Thiền học của Tăng Hội ăn sâu vào cả trong truyền thuyết. Cao Tăng Truyền chép câu chuyện An Thế Cao để lại một bức cấm nang, trong đó ông tiên đoán như sau: "Tôn Ngộ đạo giả, cư sĩ Trần Tuệ; truyền thiên kinh giả, tỷ kheo Tăng Hội". Nghĩa là cư sĩ Trần Tuệ là người làm tôn giá trị đạo học của tôi, còn tỷ kheo Tăng Hội là người truyền dạy kinh thiên". Câu chuyện này có thể cho ta một ý niệm về sự cộng tác của Tăng Hội và Trần Tuệ trong việc truyền bá thiền pháp trước tiên tại Giao Chi và sau đó ở miền Giang Tô. Trong bài tựa **An Ban Thủ Ý**, Tăng Hội viết: "Trần Tuệ chú giải, còn tôi giúp sửa chữa thêm bớt" (Trần Tuệ chú giải, dư trợ châm chước). Tăng Hội còn nói rằng những sửa chữa đó nằm trong tinh thần đạo học của An Thế Cao, ông không tự do thêm vào những điều trái với tinh thần này (phi sư bất truyền bất cảm tự do giả). Nhưng đây chẳng qua là lời khiêm nhường đối với thầy của người cộng tác với mình; trong công việc, thực ra Tăng Hội đã đại thừa hóa Thiền học của An Thế Cao. Cùng có mặt với Trần Tuệ lúc ấy, còn có hai người cư sĩ khác, cũng có thể là học trò của An Thế Cao; đó là Hàn Lâm và Bì Nghiệp. Ta thấy học trò của An Thế Cao đều là cư sĩ, kể cả An Huyền và Nghiêm Phù Điều (trong bài tựa **An Ban Thủ Ý**, Tăng Hội gọi ba cư sĩ Trần Tuệ, Hàn Lâm và Bì Nghiệp là tam hiền; trong bài tựa Pháp Cảnh, ông cũng gọi An Huyền và Nghiêm Phù Điều là nhị hiền. Không biết sau này Nghiêm Phù Điều có được làm sa di không, bởi vì ông có viết cuốn Sa Di Thập Tuệ Chương Cú. Chắc chắn là Trần Tuệ có kể cho Tăng Hội về cách thức dịch kinh ở Lạc Dương, bởi vì Tăng Hội có nói trong bài tựa Pháp Cảnh là An Huyền dịch miệng và Nghiêm Phù Điều, vốn người Hán, chép lên giấy thành chữ. Đó là trường hợp kinh Pháp Cảnh.

TƯ TƯỢNG THIÊN CỦA TĂNG HỘI

Danh từ thiên định ta thấy được nhắc một lần trong kinh **Tứ Thập Nhị Chương** ngay trong câu đầu. Những người trích dịch kinh này lại dùng những chữ có thể thay cho danh từ thiên, như danh từ "hành đạo" chẳng hạn. Kinh có nói "quán thiên địa, niệm vô thường"; đây là một phép thiền gọi là vô thường quán... Sách Lý Hoặc Luận của Mâu Tử không nói đến thiên, có lẽ vì sách này chú trọng về việc biện luận hơn kinh Tứ Thập Nhị Chương, một cuốn sách gối đầu giường của tăng sĩ. Sự có mặt của

những cuốn kinh về thiền đem xuống từ Lạc Dương vào đầu thế kỷ thứ ba và cái học đại thừa của Tăng Hội đã là những yếu tố đẩy mạnh phong trào Thiền học.

Thiền học đối với Tăng Hội không phải chỉ là những phương pháp hành đạo mà còn có cả một căn bản triết học về tâm học. Trong bài tựa **An Ban Thủ Ý Kinh**, Tăng Hội nói: "Trong thời gian búng ngón tay, tâm ý ta có thể chuyển qua 960 lần chuyển niệm: trong thời gian một ngày một đêm, ta có thể trải qua 13 ức ý niệm. Dùng phương pháp đếm hơi thở... ta có thể khử bỏ 13 ức ý niệm không trong sạch ấy".

An Ban tức là Anapana (An Na Ba Na), nghĩa là hơi thở, Thủ Ý là sự nhiếp tâm, định tâm. **An Ban Thủ Ý** tức là dùng phương pháp điều khiển hơi thở để điều phục tâm ý. Có sáu pháp gọi là lục diệu môn:

- 1) Sổ Tức Môn: điều phục thân thể, đếm hơi thở từ một đến mười, tập trung tâm tư vào sự đếm để trừ diệt loạn tâm, đi vào định.
- 2) Tùy Môn: theo dõi hơi thở, ý thức được trong từng giây sự ra vào của hơi thở. Bỏ con số mà theo hẳn hơi thở.
- 3) Chỉ môn: bỏ sự theo dõi hơi thở để thực hiện sự ngưng lặng (chỉ)
- 4) Quán Môn: tuy là ở trong định nhưng tuệ giác chưa phát hiện. Phải quán về tâm, về ngũ ấm và những điểm sai lạc như ngã, ngã sở... để khơi mở tuệ giác.
- 5) Hoàn Môn: Xoay về quán sát tự tâm để phá trừ quan điểm nhị nguyên về chủ thể, quán sát đối tượng, phá trừ ngã chấp.
- 6) Tịnh Môn: Trạng thái vô phân biệt chủ thể và đối tượng kia vẫn chưa phải là chứng ngộ, hành giả không nên vướng mắc vào đó. Phải vượt thoát trạng thái này để trí tuệ chân minh hoàn toàn hiển lộ.

Tăng Hội định nghĩa tâm là "không có hình, không có tiếng, không có trước, không có sau, tâm diệu, vi tế, không có tác tư hình thức: Phạm Thiên, Đế Thích và tiên thánh cũng không thấy rõ được; những hạt giống của tâm khi thì ẩn khi thì hiện, cái này hóa sinh thành cái kia, người phạm không thể thấy được; đó gọi là ấm". Chúng sinh phiêu trầm vì tâm ấy bị lôi kéo theo lục tình và mười ba ức uế niệm. Lục tình gồm có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, tâm (ý), gọi là nội tình; và sắc, thanh, hương, vị, tế hoạt, (xúc) và tà niệm (pháp) tức là ngoại tình. Những tà hạnh của lục tình như nước muôn sông chảy về biển, bất tận, do đó phương pháp **An Ban Thủ Ý** là để đối phó lục tình và ngăn chặn tà hạnh. Tăng Hội nói tiếp "người hành giả đã chứng đắc được phép An Ban, thì tâm bừng sáng, dùng cái sáng ấy để quán chiếu thì không gì tối tăm mà không thấy ..." (tựa kinh **An Ban Thủ Ý**).

Quan trọng nhất là đoạn Tăng Hội viết trong **Lục Độ Tập Kinh** về Thiền. Ông nói về bốn trình tự của thiền (tứ thiền) như phương pháp để "chính tâm, nhất ý, tập trung điều thiện duy trì trong tâm, ý thức những ý niệm dơ bẩn để mà khử diệt":

Phương Pháp Thực Hành của Nhất Thiền: khử bỏ tham ái, ngũ yêu tà sự, như khi mắt thấy sắc đẹp tâm sinh dâm cuồng, khử bỏ những thanh, hương vị và xúc thường gây tai hại. Người có chí hành đạo ắt phải xa lánh chúng. Lại còn phải diệt trừ năm sự ngăn che: sự tham dục, sự giận dữ, sự



mê ngủ, sự dâm lạc và sự hối hận nghi ngờ. Đối với những vấn đề như có đạo hay không có đạo, có Phật hay không có Phật, có kinh hay không có kinh... tâm ý đạt đến hiểu biết, trở nên thanh tịnh không dơ bẩn, tâm sáng thấy được chân lý, đạt tới trình độ không gì là không biết, các loài trời, rồng và quỷ mị không thể nào đánh lừa được. Đạt được nhất thiên cũng như người có mười loại oán thù đã thoát ly thân thuộc, một mình ở trên núi chẳng ai hay biết, không còn sợ ai. Vì xa lìa được tính dục mà nội tâm vắng lặng.

Phương Pháp Nhị Thiên: như người đã thoát ly oán thù tìm tới chốn thâm sơn để cư trú nhưng còn sợ oán thù có thể tìm tới, kẻ hành giả tuy đã xa mười thứ dục tình nhưng còn sợ những thứ này tìm theo để lung lạc chí hành đạo của mình. Vì vậy kẻ hành giả không nên vui cái vui đã dùng thiên để diệt ác, thiện tiến thì ác lui; bởi cái vui này là mầm của sự lo sợ. Phải diệt trừ quan niệm thiên ác chống nhau, do đó ý niệm vui và sợ đều tiêu diệt, mười điều ác tuyệt dứt, không còn ngoại duyên nào có thể tới xâm nhập tâm mình. Cũng như khi ở trên đỉnh núi cao thì không còn dòng nước nào có thể làm cho mình bị ngập lụt, cũng không sợ mưa và rồng làm cho chìm đắm. Chính là từ đỉnh núi đó mà các dòng suối lưu xuất; từ sự hành đạo này mà các điều thiên do tâm xuất hiện và điều ác không còn do đâu phát sinh được nữa.

Phương Pháp Tam Thiên: Giữ gìn tâm ý một cách kiên cố, cả thiện và ác cũng đều không thâm nhập được, tâm an ổn như núi Tu Di; từ bên trong thiên cũng không phát xuất mà từ bên ngoài thiên, ác và tịch diệt cũng không xâm nhập được[1]. Tâm như hoa sen, rễ hoa trong bùn, khi hoa chưa mọc thì còn bị lấp dưới nước. Người thực hành tam thiên thanh tịnh như hoa, lìa xa ác niệm, cả thân và tâm đều an ổn, để hưởng về tứ thiên.

Phương Pháp Tứ Thiên: Tới đây cả thiện và ác đều bỏ, tâm không nhớ ác; trong tâm yên và sáng như ngọc lưu ly; như nàng công chúa tự tắm gội và lấy hương thơm ướp mình, mặc xiêm y mới. Bồ Tát khi đã đạt được tứ thiên thì các loại tà cấu không còn làm hư tế tâm mình... Đạt được tứ thiên thì muốn gì cũng được, phi hành nhẹ nhàng trên không, đi dưới nước, phân tâm tán thể, biến hóa vạn cách, ra vào không ngăn cách, tồn vong tự do, có cả mặt trời, mặt trăng, động tới cả thiên địa, đặc nhất thiết trí..."

Mở đầu bài kinh **An Ban Thủ Ý**, Tăng Hội đã nói "An Ban là đại thừa của chư Phật để tế độ chúng sinh phiêu trầm..." Câu nói này đủ để chứng tỏ khuynh hướng đại thừa hóa Thiên học của Tăng Hội.

Những chú giải của Tăng Hội về kinh **An Ban Thủ Ý** tuy không còn nhưng cách thức biên tập Lục Độ Tập Kinh của Tăng Hội cũng cho ta thấy rõ ràng khuynh hướng ấy. Ta không biết Tăng Hội đã học Thiên học đại thừa với ai ở Giao Châu; sự gặp gỡ giữa Tăng Hội với Trần Tuệ không thể làm phát tinh thần đại thừa đó, bởi vì cư sĩ Trần Tuệ cũng như thầy của ông là An Thế Cao đều theo hệ thống thiên tiểu thừa. Ta biết Tăng Hội đã dịch Tiểu Phẩm Bát Nhã (tức là Đạo Hành hay Bát Thiên Tụng Bát Nhã), kinh căn bản và xuất hiện sớm nhất của đại thừa. Bản dịch này Khai Nguyên Thích Giáo Lục có nói tới, tuy rằng trong khi viết tựa cho kinh Đạo Hành Bát Nhã, Đạo An, Chi Tuần và Lương Võ Đế, đều không nhắc gì tới. Ta có thể nói rằng vào thế kỷ thứ hai tại Giao Chỉ thế nào cũng có mặt những Tăng sĩ Ấn Độ đã mang đạo Phật đại thừa tới cùng những bản kinh đại thừa căn bản như Bát Thiên Tụng Bát Nhã. Trong kinh này các quan niệm không và chân như của đại thừa đã được diễn tả một cách đầy đủ và chu đáo. Thiên học tại Việt Nam do đó đã khởi nguyên bằng Thiên đại thừa, không phải là Thiên tiểu thừa như ở trung tâm Lạc Dương vậy.

Chính vì ảnh hưởng sâu đậm của giáo lý không và chân như của đại thừa mà Tăng Hội đã diễn tả về tâm như sau trong bài kinh **An Ban Thủ Ý**: "Tâm không hình sắc, không có âm thanh, không có tiền hậu; tâm thâm sâu vi tế không tóc tơ hình tướng, cho nên Phạm Thiên, Đế Thích và các tiên thánh khác cũng không thể thấy được; kẻ phàm tục không thể thấy được sự hóa sinh từ hình thức này sang hình thức khác của các chúng tử khi thì minh hiển khi thì trầm mặc trong tâm. Đó gọi là "ấm", vậy" (Tâm vô hình vô thanh, vô hậu tiền, thâm vi tế hào, hình vô ti phát, Phạm Thích tiên thánh sở bất năng chiếu; minh mặc chúng tử, thử hóa sinh hồ bị, phi phàm sở đồ, vị chi ấm giả). Danh từ ấm ở đây có nghĩa là tích tụ, có thể là do dịch từ chữ skandha mà cũng có thể đã được dịch từ chữ alaya. Theo chúng tôi, đây là dịch từ chữ alaya (tạng thức) - bởi vì ở đây Tăng Hội đang đích thực nói về tâm mà nói về tâm mà không nói về năm sự tổ hợp tích tụ gọi là ngũ ấm (hay ngũ uẩn). Trong bài tựa kinh **An Ban Thủ Ý**, Tăng Hội nói: "Tâm ấy thâm sâu và vi diệu, không chút tóc tơ hình tướng cả đến Phạm Thiên, Đế Thích và các bậc tiên thánh cũng không thấy rõ được sự hóa sinh của các hạt giống ẩn tàng trong ấy..." Danh từ "hạt giống" ở đây cho ta thấy ý niệm về thức Alaya như "nhất thiết chủng thức" (Sarva Bijaka) đã có trong tư tưởng Tăng Hội, và điều này làm cho ta chắc tin thêm ở điều vừa nói. Như vậy là Tăng Hội đã chịu ảnh hưởng không những tư tưởng Bát Nhã mà còn chịu ảnh hưởng tư tưởng duy thức nữa. Mà tư tưởng duy thức ở thời này chưa được hệ thống hóa: chính kinh Lăng Già (Lankavatara) mà Bồ Đề Đạt Ma trao cho Huệ Khả (vào khoảng đầu thế kỷ thứ sáu) cũng chỉ mới xuất hiện vào thế kỷ thứ tư.

Ta biết rằng Thiên đại thừa khác với Thiên tiểu thừa ở chỗ, Thiên đại thừa xem diệu tâm chân như là bản thể của giác ngộ. Tăng Hội đã thực sự khơi mở cho khơi mở cho Thiên học đại thừa bằng cách nói với tâm như nguyên nguyên và chân như của vạn pháp.

CHI CƯƠNG LƯƠNG TIẾP

Cùng trong thế kỷ thứ ba, có một vị tăng sĩ tên Chi Cương Lương Tiếp (Kalasivi, dịch là Chính Vô Uy) đã dịch kinh Pháp Hoa Tam Muội (Saddharma-samadhi - sutra) ở Giao Châu vào năm 255 hay 256.

Chi Lương Cương Tiếp, có khi viết là Chi Lương Cương Lôu, là người nước Nhục Chi. Vài bản mục lục còn nói tới một người tên Cương Lương Lôu Chi (dịch là Chân Hỷ) đã dịch nhiều kinh tại Giao Châu; Paul Pelliot cho rằng hai người trên đây chỉ là một, và ông cho rằng tên Phan ngữ của người này là Kalaruci (Toung Pao, 1923). Ông còn dẫn chứng Phí Trường Phòng, rút trong Lịch Đại Tam Bảo Ký, rằng Chi Cương Lương Tiếp cũng đã dịch kinh Thập Nhị Du. Sách Thiên Uyển Tập Anh chép tên ông là Chi Cương Lương, chắc có lẽ là vị sự thiếu sót qua nhiều kỳ sao chép hoặc ấn loát. Bản dịch kinh Pháp Hoa Tam Muội đã mất vào trước 730. Kinh này cũng thuộc về loại Thiên kinh đại thừa; chữ tam muội có nghĩa là định. Kinh này nói đến một loại thiền định gọi là thiền định hoa sen, trong ấy các quan niệm về pháp thân, huyền hóa và không đã được đề cập tới. Một bài kệ trong kinh ấy như sau:

*"Trong pháp thiện có tất cả các pháp
tất cả đều huyền hóa biến hiện khi nổi khi chìm
các pháp phiền não như dâm, nộ và si thực ra
đều vô hình vô thể
cũng như các bọt bèo hiện trên mặt nước
nên quan sát thân ta và mọi hiện tượng
như an trú nơi tịnh diệt vô hình
Chúng được thành lập do sự hội hợp và ly tan
nếu phân biệt kỹ lưỡng, thì sẽ thấy rõ bản tính
của chúng là không".*

Như thế Chi Cương Lương Tiếp cũng thuộc hệ phái Phật Giáo đại thừa và cũng có khuynh hướng Thiền học. Ngoài Tăng Hội và Chi Cương Lương Tiếp, trong thế kỷ thứ ba tại Giao Châu còn có Ma La Kỳ Vực (Marajivaka), nhưng ta không biết được tư tưởng Phật giáo của vị này thuộc hệ thống nào. Cao Tăng Truyền nói tới Ma La Kỳ Vực như một người có thể làm nhiều phép lạ, thì có thể ông này đã có khuynh hướng Mật Giáo. **Cao Tăng Truyền** chép: "Ma La Kỳ Vực, nguyên người Tây Trúc, đã vân du khắp các xứ văn minh và mọi rợ, không ở yên ở một nơi nào. Ngài có những hành động mà các đệ tử và tùy tùng không biết trước được. Ngài đi từ nước Tây Trúc đến nước Phù Nam, rồi dọc theo bờ biển, ngài đến Giao Châu về Quảng Châu. Nơi nào đi qua ngài đều làm phép lạ khiến dân chúng rất cảm phục. Khi đến sông Tương Dương, người lái đò thấy ngài rách rưới nên không cho ngài qua sông. Nhưng khi thuyền tới bên kia người ta thấy ngài đã đứng ở đó rồi. Vào cuối triều Huệ Đế nhà Tấn (290-306) ngài đến Lạc Dương. Sau này khi có nhiều biến loạn, ngài bèn trở về Tây Trúc". Sách Phật Tổ Lịch Đại Thống Tái cũng nói "Năm Vĩnh Bình thứ tư (Tấn Huệ Đế, 294 sau Tây Lịch) có vị sa môn Tây Trúc là Kỳ Vực đến Lạc Dương".

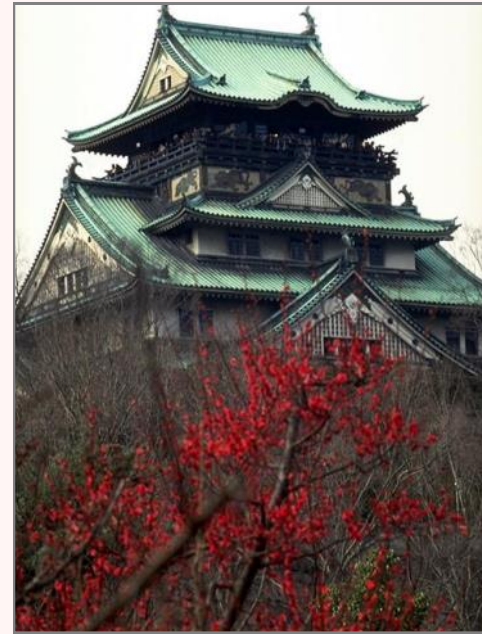
ĐẠT MA ĐỀ BÀ VÀ HUỆ THẮNG

Hiện ta chưa tìm ra được tài liệu nào nói về Phật Giáo Việt Nam vào thế kỷ tiếp tức là thế kỷ thứ tư. Và vì thế không biết được tình trạng Thiền học trong thế kỷ này. nhưng Tục Cao Tăng Truyện có nói đến tên hai vị thiền sư ở Giao Châu vào thế kỷ thứ năm: Thiền sư Đạt Ma Đề Bà (Dharmadeva) và thiền sư Huệ Thắng. Thiền sư Đạt Ma Đề Bà là người Ấn Độ, đã đến Giao Châu vào khoảng giữa thế kỷ thứ năm để giảng dạy về các phương pháp thực hành Thiền học. Huệ Thắng thiền sư là một trong những học trò những học trò của ông. Tục Cao Tăng Truyện viết: "Thích Huệ Thắng là người Giao Chỉ, ở chùa núi Tiên Châu, đã từng vân du khắp các miền sông núi, thung dung giải phóng, đọc kinh Pháp Hoa mỗi ngày tới một lần..., đã từng theo vị thiền sư

ngoại quốc là Đạt Ma Đề Bà để học phương pháp quán hạnh về thiền, mỗi khi nhập định thì tới ngày mai mới xuất định. Lưu Tích ở Bành Thành khi làm thái thú ở Nam Hải có nghe nói đến đạo phong của ngài; lúc về nước thỉnh ngài cùng đi. Huệ Thắng thiền sư nhận lời. Khi về tới Bành Thành thì cư trú tại chùa U thể để chỉ bày chân thể màu nhiệm. Ngài thường làm ra vẻ như người ngu ngốc, nhưng kẻ ở lâu dài với ngài thì rất kính trọng, nhất là những học giả về thiền thì rất khâm phục... Năm Vĩnh Minh thứ năm (487) ngài dời về ở Diên Hiền tịnh xá tại núi Khế Chung. Từ trẻ tới già, ngài vẫn giữ một tâm trình chính; ngài mất trong khoảng niên hiệu Thiên Giám, tuổi vừa bày mười".

Theo tài liệu trên, ta biết Huệ Thắng chuyên về kinh Pháp Hoa và thiền pháp đại thừa. Hẳn là Đạt Ma Đề Bà, người dạy ông về thiền, cũng là thiền sư đại thừa. Như ta thấy trong Tục Cao Tăng Truyện, Huệ Thắng trước khi dời về Diên Hiền tịnh xá vào năm 487. Đạt Ma Đề Bà như vậy đã sang Giao Châu vào khoảng trước thế kỷ thứ năm, và như thế là trước ngày Bồ Đề Đạt Ma sang Lương. Truyền Đăng Lục của Đạo Nguyên nói rằng Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Hoa năm 520, và sau khi không thành công với Lương Vũ Đế liền vượt sông sang Bắc Ngụy. Nhưng Tục Cao Tăng Truyện của Đạo Tuyên lại viết: "Bồ Đề Đạt Ma ban đầu lên đất nước Nam Việt thuộc Tống, cuối cùng vượt sông sang Ngụy." (Sơ liên Tống cảnh Nam Việt, mặt hựu tỷ độ chi Ngụy). Chữ Nam Việt ở đây có thể là Giao Châu hồi bấy giờ, cũng thuộc Tống. Nhà Tống (420-447) tới trước nhà Tề (479-501). Nếu quả thực Bồ Đề Đạt Ma đến Nam Việt vào cuối đời nhà Tống thì có thể ông đã qua Lương đồng thời với lúc Đạt Ma Đề Bà qua Giao Châu. Có điều Bồ Đề Đạt Ma ở Trung Hoa trở nên rất nổi tiếng, trái lại Đạt Ma Đề Bà ở Giao Châu thì sử sách lại ít nói đến. Điều này có thể do hai lý do: lý do thứ nhất là sử liệu Việt Nam về thời Bắc thuộc vì binh hỏa loạn lạc đã không còn gì được giữ lại, thư tịch Trung Hoa cũng hầu như không nói gì về Giao Châu trong thời đại này; lý do thứ hai là vì Thiền học Nam Phương chú trọng hoàn toàn đến thực hành và có khuynh hướng thần bí, ít chú trọng về vấn đề ghi chép lịch sử và về sự phân tông lập phái, và nhân vật Bồ Đề Đạt Ma đã được thổi phồng lên một cách quá đáng.

(xem tiếp trang 132)



Một thoáng chiêm bao

*Người mắt biếc ngậy thơ ngày hội lớn
Khóe môi cười nắng quai cũng gầy hao
Nnhư cò trắng giữa đồng xanh bất tận
Ta yêu người vì khoảnh khắc chiêm bao*
(Rừng Vạn Giã 1976)

An instant of dream

The large gala appears innocent in your bluish green eyes
And your smile makes the rays of afternoon light more slim
I love you for this instant of dream
where you fly as a white stork in an endless field
(*Van Gia Forest, 1976*)



Cuối năm

*Lận đận năm chầy nữa
Sinh nhai ngọn gió rừng
Hàng cà phơi nắng lụa
Ngân ngại tiếng tha phương*
(Rừng Vạn Giã 1977)

The year end

The year shakily passes
The forestal wind hardly survives
The tomato rows bask in silky sunshine
From far away from home, my voice waffles.
(*Van Gia Forest, 1977*)

Buổi sáng tập viết chữ thảo

*Sương mai lịm khói trà
Gió lạnh vuốt tờ hoa
Nhẹ nhẹ tay nâng bút
Nghe lòng rộn âm ba*
(Sài Gòn 1980)

Practicing cursive writing at dawn

Morning dew blends in the tea aromas
Cold wind caresses the floral paper
Gently raising the brush,
I hear from my heart a sound of rippling water.
(*Saigon, 1980*)



thơ **TUỆ SỸ**

Poems by Tue Sy
*Translated by **Nguyen Giac***

VĂN ĐỀ THỜ CÚNG VÀ LỄ BÁI

HT. Thích Thắng Hoan

(tiếp theo kỳ trước)



III. VĂN ĐỀ LỄ BÁI

Lễ Bái là một Đạo Nghĩa nhằm tiêu biểu ý chí tôn kính, tưởng niệm đến những ân đức sâu dày của Tổ Tiên Ông Bà, của chư Phật, chư Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng và tự thân Phát nguyện tu tâm luyện trí hầu trở thành người hữu ích trong xã hội để làm tròn bổn phận con cháu của Tông Môn và để xứng đáng là Đệ Tử của các bậc Thánh Đức. Lễ Bái còn là một Đạo Lý có tánh cách quy hướng Chánh Giác, với mục đích diệt trừ những phiền Não sanh tử, loại bỏ tánh cống cao ngã mạn trong mỗi con người, khiến được Nhứt Tâm để thể nhập được Phật Tánh và để trở thành một vị hoàn toàn giải thoát như đức Phật. Trước hết muốn thông suốt ý nghĩa và giá trị của sự Lễ Bái, chúng ta cần phải hiểu qua thể nào là Lễ Bái.

A.- ĐỊNH NGHĨA:

a. Lễ: là những quy tắc nhứt định của cung cách qua sự đi, đứng, nói năng trong những Quan Hôn Tang Tế nhằm thể hiện sù Tôn Kính.

b. Bái: nghĩa là quỳ lạy bằng cách hạ mình xuống đất trước những bậc Hiền Đức mà mình Tôn Kính.

c. Lễ Bái: tiếng Phạn là Vandana, Tàu dịch âm là Ban Đàm, còn gọi là Hòa Nam, hoặc gọi là Na Mộ Tất Yết La, nghĩa là lễ nghi cung cách với hình thức cúi đầu quỳ lạy trước những bậc Tiên Nhân Thánh Đức mà mình đã đặt trọn niềm tin quy ngưỡng hướng về, như lạy chư Phật, chư Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng, như lạy Cha Mẹ, Thầy Tổ v.v... Chúng ta quỳ lạy các vị đó nhằm biểu lộ đức tánh khiêm tốn và để tỏ lòng tri ân, báo ân mà bốn phần kẻ dưới hằng tạc dạ ghi tâm, ân tiên công đức. Ngoài ý nghĩa thông thường trên, theo Phật Giáo, sự Lễ Bái còn tiêu biểu nhiều ý nghĩa khác nữa, như tiêu biểu: "*Chánh Quán Lễ, Phát Trí Thanh Tịnh Lễ, Thật Tướng Bình Đẳng Lễ và Biến Nhập Pháp Giới Lễ*". Ý nghĩa của những phương cách Lễ Bái này sẽ đề cập ở sau.

B.- NGHI CÁCH VÀ Ý NGHĨA LỄ BÁI:

Muốn hiểu ý Nghĩa Lễ Bái, chúng ta trước hết nên hiểu qua cách thức Lễ Bái theo mỗi Tôn Giáo cũng như mỗi Tông Phái quy định. Tổng quát chúng ta nên hiểu cách thức Lễ Bái của những Tôn Giáo và của những Tông Phái hên hệ rất gần đối với chúng ta. Giờ đây chúng ta nên hiểu cách thức Lễ Bái của Khổng Giáo và Phật Giáo chủ trương:

C.- QUAN NIỆM LỄ BÁI:

Mỗi Tôn Giáo Lễ Bái mỗi cách và mang mỗi ý nghĩa khác nhau, theo sự quy định của các Giáo Chủ làm cách nào tổ bày được tâm thành của Tín Đồ đối với những bậc Thánh Đức mà họ quy ngưỡng.

Theo Truyền Thống Việt Nam, dân tộc ta phần đông chịu ảnh hưởng sâu đậm Văn Hóa của Khổng Giáo và Phật Giáo, là hai Tôn Giáo có công rất lớn qua quá trình lịch sử xây dựng đất nước. Mỗi người dân đều chịu ảnh hưởng không ít cách Lễ Bái của hai Tôn Giáo này. Thời xa Vua Chúa đã quy định rõ ràng, mỗi người dân, khi Lễ Bái Vua, Quan, Hiền Thần, Đình Miếu thì phải áp dụng theo cung cách của Khổng Giáo và khi Lễ Bái Phật Trời, Hiền Thánh, Tổ Tiên, Ông Bà v.v... thì phải áp dụng theo cung cách của Phật Giáo.

Về sau người dân bị thất truyền, không được ai chú dạy ý nghĩa và cách thức Lễ Bái cho đúng pháp. Thành thử họ chỉ biết Lễ Bái theo thói quen, hành động không đúng nghĩa và cũng không đúng chỗ.

Chúng ta muốn rõ Nghi Lễ của Khổng Giáo thì nên đọc "*Văn Công Thọ Mai Gia Lễ*" và muốn biết Nghi Lễ của Phật Giáo thì nên am tường "*Nhân Thừa Phật Học*". Cả hai rất quan hệ cho cuộc sống làm người. Sự Lễ Bái mà người Việt Nam thường áp dụng, như trên đã trình bày, đều theo Nghi Cách của Khổng Giáo và của Phật Giáo. Nghi Cách Lễ Bái khác biệt giữa Khổng Giáo và Phật Giáo được giải thích dưới đây:

1. THEO QUAN NIỆM KHỔNG GIÁO:

Cách lạy của Khổng Giáo, trước hết con người phải đứng thẳng là tiêu biểu cho cái UY của kẻ sĩ. Hai tay Cung Thủ, nghĩa là hai tay nắm lại nhau là tiêu biểu cho cái Dững của Thánh Nhân. Trước khi lạy, hai tay Cung Thủ đưa lên trán, kể đưa sang phía phải, rồi đưa sang phía trái là tiêu biểu cho Tam Tài (Trời, Đất và Người). Khi lạy, hai tay Cung Thủ chống lên đầu gối chân mặt và quỳ chân trái xuống trước là tiêu biểu cho sự Tôn Kính mà không mất tư thế cái Uy Dững của kẻ sĩ Cúi đầu xuống đất là tiêu biểu cho sự Cung Kính những bậc mà mình đánh lễ. Đó là Cung Cách và Ý Nghĩa tổng quát mà Khổng Giáo quan niệm.

2. THEO QUAN NIỆM PHẬT GIÁO:

Sự Lễ Bái của Phật Giáo so với sự Lễ Bái của Khổng Giáo có phần khác biệt về cung cách cũng như về ý nghĩa. Riêng về Phật Giáo, ý nghĩa và giá





trị Lễ Bái được rất nhiều kinh luận đề cập đến. Theo Phật Giáo quan niệm, sự lễ bái cũng là một trong những phương pháp tu tập để diệt phiền não mà bốn phần người con Phật phải hành trì thường xuyên trong hằng ngày để được giải thoát tất cả nghiệp chướng khổ đau sanh tử và sớm chứng quả Bồ Đề Niết Bàn Tịch Tĩnh. Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyền quyển 4 ghi rằng: "*Phật chỉ dạy các Đệ Tử phải Lễ Bái Tam Bảo và Lễ Bái các bậc Đại Tỳ Kheo*". Kinh Phạm Võng quyển hạ giải thích rằng: "*Nếu có bậc Hoà Thượng, Thượng Tọa, A Xà Lê, hoặc người bạn đồng học, người đồng kiến giải người đồng hành đều phải nghiêng tiếp Lễ Bái và vấn an*". Luật Ngũ Phần quyển 7 ghi rằng: "*Một vị Tỳ Kheo Ni một trăm tuổi, đã thọ giới Cụ Túc từ lâu cũng phải Lễ Bái một vị Tỳ Kheo Tăng mới thọ giới Cụ Túc*". Đại Đường Tây Vực Ký quyển 2 ghi rằng: "*Ấn Độ có chín cách Lễ Bái được gọi là Tây Trúc Cửu Nghi*". Chín cách lễ bái nói trên được ghi nhận như sau;

1. Phát Ngôn Ủy Vấn Lễ: nghĩa là Lễ Bái bằng cách mở lời vấn an.
2. Phủ Thủ Thi Kính Lễ: nghĩa là Lễ Bái bằng cách cúi đầu tôn kính.
3. Cử Thủ Cao Ấp Lễ: nghĩa là Lễ Bái bằng cách dơ tay cao vái chào.
4. Hiệp Chưởng Bình Cung Lễ: nghĩa là Lễ Bái bằng cách chấp tay ngang bằng vái chào.
5. Khuất Tất Lễ: nghĩa là Lễ Bái bằng cách quỳ gối.
6. Trường Quy Lễ: nghĩa là Lễ Bái bằng cách quỳ nằm dài ra.
7. Thủ Tất Cử Địa Lễ: nghĩa là Lễ Bái bằng cách hai tay và hai đầu gối quỳ sát đất.
8. Ngũ Luân Cu Khuất Lễ: nghĩa là Lễ Bái bằng cách nằm vốc đều cúi xuống.
9. Ngũ Thế Đầu Địa Lễ: nghĩa là Lễ Bái bằng cách nằm vốc gieo xuống đất.

Ngoài ra người Ấn Độ còn có nhiều cách Lễ Bái khác nhau. Theo phong tục mỗi nơi, người Tín Đồ Lễ Bái trước tượng Phật hoặc trước Bảo Tháp có hơi khác về cung cách. Sự khác biệt về cung cách Lễ Bái được nêu cử như sau:

1. Tồn Cử Lễ: nghĩa là Lễ Bái bằng cách đứng một chân quỳ lạy.
2. Khởi Cử Lễ: nghĩa là dùng nghi thức bước một bước Lễ một lạy.
3. Hữu Nhiều Tam Thất Lễ: nghĩa là Lễ một lạy rồi đi nhiều ba vòng về phía bên hữu của Phật hoặc của Bảo Tháp.
4. Tạ Lễ: nghĩa là Lễ Bái bằng cách ngồi xuống đất cúi đầu lạy, tức là lạy bằng cách ngồi v.v...

Phật Giáo Việt Nam hầu hết đều áp dụng phương pháp "*Ngũ Thế Đầu Địa Lễ*" trong khi lễ bái. Đây là một phương pháp tiêu biểu ý chí Tôn Kính cao đẹp nhất trong các cung cách Lễ Bái. Khi Lễ Bái, người Phật Tử đầu tiên phải đứng ngay thẳng trước tượng Phật cho nghiêm trang và khép hai chân sát vào nhau để lấy lại sự an tâm thanh tịnh, đồng thời kiềm thúc Tâm ý không cho chao động vọng tưởng. Ngay lúc đó, đôi mắt họ nhìn lên Tượng Phật và Tâm họ quán tưởng các tướng tốt, quán niệm những đức hạnh cao quý của đức Phật để tỏ bày nguyện vọng chân chánh của mình hầu mong Ngài chứng minh. Hai tay họ thay vì Cụng Thủ (nắm lại nhau) mà ở đây phải HIỆP CHUÔNG, nghĩa là hai tay chấp lại nhau cho khít là tiêu biểu Thức Tâm hiệp nhất (Nhất Tâm) và để hai tay nơi ngực là tiêu biểu ý nghĩa Ấn Tâm. Khi lạy Phật, có người để hai tay nơi ngực lạy xuống, nhưng có người đưa hai tay lên trán rồi mới lạy xuống, cách nào cũng có ý nghĩa của nó. Cách lạy để hai tay nơi ngực là tiêu biểu ý nghĩa Ấn Tâm như đã giải thích ở trên. Còn cách lạy đa hai tay lên trán là tiêu biểu ý nghĩa tâm nguyện của mình dụng thông đến chư Phật qua nhục đỉnh kế (qua Mỏ Ac, hay qua Đỉnh Đầu) và lạy theo nguyên tắc "*Ngũ Thế Đầu Địa*", nghĩa là đầu, hai tay, hai đầu gối của người Lễ Bái phải đặt sát đất và họ lạy xuống với tư thế ngồi để khỏi thất lễ nơi người đứng sau. Tiếp theo họ chỗi tay phải lên mặt đất rồi quỳ hai đầu gối và nửa hai bàn tay ra giống như đoá sen nở. Họ quán tưởng đức Phật hiện đang đứng trên đoá sen kết thành bởi hai bàn tay của họ và họ đặt trán mình vào lòng hai bàn tay như đặt đầu mình lên chân của Phật, đồng thời họ nằm mọp xuống đất để biểu hiện sự Tôn Kính với tâm thành quy ngưỡng nương tựa. Cách Lễ Bái này là tiêu biểu cho ý nghĩa "*Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ*" (nghĩa là đầu và mặt của mình để lên chân của Phật gọi là Quy Mạng Lễ).

Phật Giáo cho rằng, người Phật Tử ngoài sự Lễ Bái để tỏ lòng Tôn Kính các đức Phật, các vị Bồ Tát, các Hiền Thánh Tăng, còn phải tưởng niệm những ân đức cao dày của các Ngài và phát nguyện suốt đời hướng về các Ngài tiến tu đạo nghiệp để được trở thành đức Phật như quý Ngài. Người Phật Tử thật hành hạnh nguyện như trên được gọi là quy mạng lễ.

Nhân Thừa Phật Giáo có chia làm bảy cách lạy, trong đó có ba cách lạy của Thế Gian thường áp dụng và bốn cách lạy của Thánh Giáo thường hành trì về mặt sự (về mặt hình thức) cũng như về mặt lý (về mặt nội dung). Để cho Phật Tử nhận thức dễ dàng và chọn lựa tu tập cho đúng pháp, bảy cách lạy được phân tích như sau:

D. VỀ CÁCH LAY CỦA THẾ GIAN:

Trong Thế Gian về mặt sự tướng, tức là về mặt hình thức, có ba cách lạy phổ thông mà người đời thường áp dụng. Trong ba cách lạy nói trên, có hai cách lạy mà người Phật Tử chân chánh cần phải để ý và tuyệt đối không nên áp dụng. Hai cách lạy đó là Ngã Mạn Lễ và Cầu Danh Lễ. Hai cách lạy này chính là những tật xấu không thể có nơi con người thánh thiện. Bảy cách lạy nói trên dựa theo tinh thần Kinh Pháp Uyển Châu Lâm, quyển 20 được trình bày như sau:

1. Ngã Mạn Lễ: nghĩa là người lạy Phật hoặc lạy Ông, lạy Bà, lạy Tổ Tiên, vì hoàn cảnh bắt buộc phải hành lễ, nhưng thâm tâm của họ không muốn lạy, do đó họ lạy với cử chỉ ngạo nghễ, thái độ kiêu căng, không có chút nào lễ độ cung kính cả. Đầu họ lạy xuống không sát đất và họ đứng lên cúi xuống một cách cầu thả cho qua việc. Họ vì sợ mất thể diện

với bạn bè và sợ dơ bẩn quần áo quý giá của mình, nên buộc lòng phải lễ bái theo kiểu Ngã Mạn. Họ sợ bạn bè chê trách mình là kẻ bất hiếu, bất nghĩa, bất tín, bất trung, cũng như họ quý trọng quần áo và bạn bè hơn chư Phật, Ông Bà Tổ Tiên. Cách lạy đó gọi là Ngã Mạn Lễ.

2. Cầu Danh Lễ: nghĩa là người lạy vì mong cầu danh vọng, quyền tước qua sự chú ý và ngợi khen của cấp trên cũng như lấy lòng quần chúng ủng hộ. Khi có cấp trên cũng như khi có quần chúng, họ siêng năng lễ lạy để cho mọi người thấy rằng mình có đạo đức, thượng cấp nên nâng đỡ và quần chúng nên ủng hộ. Thật ra thâm tâm của họ không có chút gì tín thành cả và ngược lại, một khi không có ai, họ lại biếng nhác giải đãi trong việc lễ lạy. Như vậy họ lễ lạy vì mọi người chứ thật ra không phải lễ lạy cho chính họ. Cách lạy này gọi là Cầu Danh Lễ.

Hai cách lễ lạy vừa trình bày là hành động đối trá không thể có nơi người Đạo Đức chân chánh. Đức Phật số dĩ nêu lên trong kinh điển nhằm mục đích chỉ dạy cho người con Phật sau này phải ngăn ngừa và người con Hiếu Hạnh phải tránh xa.

3. Thân Tâm Cung Kính Lễ: nghĩa là người lễ lạy phải thể hiện thân và tâm đều cung kính. Thân và Tâm người lễ lạy đều cung kính thì sự Lễ Bái mới có giá trị. Nói một cách khác, người lễ lạy phải chí thành cả Thân và Tâm, nghĩa là họ phải có đức tin trong sự lễ lạy thì sự cảm ứng rất dễ dàng với chư Phật, với các Thánh Hiền, với Ông Bà, Tổ Tiên. Ngược lại, Tâm người lễ lạy nếu như thiếu cung kính thì thân họ sẽ hiện ra phong cách thiếu lễ độ dễ nhìn thấy (Hữu ư trung xuất hình ư ngoại, nghĩa là Tâm ở trong nhưng thể nào thì tướng hiện ra như thế đó). Người lễ lạy muốn cho Thân và Tâm đều cung kính thì phải theo cách lạy của Phật Giáo mà ở trên đã giải thích và phải lạy thường xuyên để cho cung cách được thuần thực. Người lễ lạy đã thuần thực thì mới có khả năng nhiếp phục Tâm loạn động của mình. Thân Tâm Cung Kính Lễ là cách lạy cơ bản của Phật Giáo về mặt sự tướng, tức là về mặt hình thức mà người xuất gia cũng như kẻ tại gia phải hành trì cho nghiêm túc. Nhờ đó họ sau này mới đủ khả năng bước vào lãnh vực Thánh Giáo Lễ của các bậc Thánh Chúng về mặt lý tánh không cảm thấy trở ngại.

E. VỀ CÁCH LAY CỦA THÁNH GIÁO:

Cách lạy của Thánh Giáo là cách lạy thuộc về lý lễ của các bậc Đại Thừa Bồ Tát thường tu tập. Những cách lạy này nhằm mục đích thể nhập Pháp Giới Tánh của chư Phật, tức là thể giới thuộc về Pháp Tánh của chư Phật an trụ và thấy thẳng được Phật Thân, tức là thấy được Pháp Thân thanh tịnh của chư Phật. Bốn cách lễ lạy của Thánh Giáo xin liệt kê như sau:

1. Chánh Quán Lễ: Chánh Quán nghĩa là quán chiếu Pháp Thân chân chánh của chư Phật hiện ra trước mặt, tức là Bồ Tát tu tập bằng cách vận dụng Thiền Quán chiếu soi Phật Thân ảnh hiện ra trước mặt để lễ lạy. Người thực hiện được cách hành lễ này phải là người đạt đến mức độ cao thâm trong phương pháp Thiền Quán. Phương pháp tu Thiền chia ra làm hai phần: CHỈ và QUÁN. Phần CHỈ tức là phần chận đứng các duyên bên ngoài lôi cuốn để được nhứt Tâm và nhờ đó dễ đi vào chánh niệm. Tâm một khi chuyên nhất và chánh niệm thì Trí Tuệ sẽ được phát sanh, thường gọi là Tâm Định.

Còn về phần QUÁN, người tu Thiền sau khi Huệ đã phát sanh liền sử dụng Huệ quán chiếu Phật Thân (tức là Pháp Thân thanh tịnh của chư Phật) và Phật Cảnh (tức là Pháp Giới của chư Phật an trụ)



để khiến cho tất cả đều hiện bày ra trước mặt để lễ lạy. Muốn áp dụng phương pháp CHỈ để khiến Trí Tuệ phát sanh, người tu Thiền phải thực hành ba phương pháp: Điều Thân, Điều Túc và Điều Tâm cho thuần thực. Điều Thân, Điều Túc và Điều Tâm đã thuần thực một cách tự tại thì ngay lúc đó Trí Tuệ liền phát sanh. Một khi Trí Tuệ đã được phát sanh, người tu tập Thiền Quán mới có thể bước sang giai đoạn hai là sử dụng Trí Tuệ để quán chiếu Phật Thân và Phật Cảnh. Đây là liệt kê tổng quát về phương pháp Thiền Quán.

2. Phát Trí Thanh Tịnh Lễ: nghĩa là người thật hành Thiền Định phải tu tập Thiền Quán cho đến khi nào Trí Tuệ thanh tịnh phát sanh từ nơi Chân Tâm mà không phải Trí Tuệ phát sanh từ nơi Thức Tâm. Trí Tuệ thanh tịnh phát sanh từ nơi Chân Tâm tức là Phật Trí trong bản Tâm thanh tịnh của mình đánh lễ Pháp Thân chư Phật trong mười pháp Giới. Trí Tuệ phát sanh từ nơi Tâm Thức thuộc về Phàm Trí. Còn Trí Tuệ thanh tịnh phát sanh từ nơi Chân Tâm thuộc về Thánh Trí. Phàm Trí còn bị lệ thuộc cũng như bị giới hạn bởi Căn và Trần. Trái lại Thánh Trí đã thoát ra ngoài vòng cương tỏa cả hai. Người tu tập Thiền Quán phải thấu triệt rằng: Pháp Thân chư Phật trong mười Pháp Giới đều phát sanh từ nơi Bản Tâm thanh tịnh (tức là Pháp Thân thanh tịnh của chư Phật hiện bày từ nơi Chân Tâm) và Trí Tuệ thanh tịnh của mình cũng phát sanh từ nơi Bản Tâm Thanh tịnh chung của mười Pháp Giới. Lý do đó, người lễ bái lạy một đức Phật tức là lạy tất cả chư Phật trong mười phương không ngăn ngại.

3. Thật tướng Bình Đẳng Lễ: nghĩa là cách lễ lạy này, người tu Thiền phải dùng Trí Tuệ quán chiếu thật tướng của vạn pháp đều thể hiện một cách bình đẳng không sai biệt, không có nhân ngã bỉ thử, tức là người lễ bái không thấy có mình lạy và người để cho mình lạy. Nói một cách khác, người thật hành Thật tướng Bình Đẳng Lễ là dùng Trí Tuệ quán chiếu thật tướng vạn pháp để nhận thấy rằng: mình và người, thể và dụng, phàm và thánh thay đều vắng lặng không hai (đều là nhứt như). Ngài Văn Thủ Bồ Tát nói: "Năng lễ Sở lễ tánh không tịch", nghĩa là thể tánh của mình đang lạy và thể tánh của người để cho mình lạy thay đều vắng lặng và bình đẳng.

(Xem tiếp trang 135)

Lời giới thiệu

CHÙA VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Cầm quyền *Chùa Việt Nam hải ngoại tập một*, do anh **Võ Văn Tường** và **Từ Hiếu Côn** kính biểu, giở từng trang, nhìn từng hình ảnh của những ngôi chùa, đọc từng tên của ngôi Tam Bảo, do quý Chư Tăng Ni thành lập, hay Phật tử phát tâm hộ pháp, mà thấy lòng kính trọng, quý mến việc làm của anh Võ Văn Tường và Từ Hiếu Côn. Việc làm mang tinh văn hóa ngàn năm cho Phật giáo Việt Nam hải ngoại. Việc làm này chỉ có người Việt Nam Phật tử có tấm lòng thương Phật thương chùa, và ý thức một cách sâu sắc về giá trị thực dụng của nền văn hóa giác ngộ làm lợi lạc cho con người mà phát tâm cộng hiến hết cả công sức, thời gian... để bảo trì và phát huy nền văn hóa cao đẹp này.

Giá trị của quyển sách không phải chỉ ở hình thức, màu sắc, bốn ngôn ngữ: Việt, Anh, Hán, Nhật, mà còn mang tính tâm linh có chiều sâu của các ngôi Tự viện. Để từ đó, chúng ta cảm nghĩ: Bao nhiêu thời gian, công sức, tịnh tài của Phật tử đã phát tâm để hoàn thành những ngôi chánh điện, quả thật công đức vô lượng. Sở dĩ nói như thế không thái quá, mà những ngôi Tự viện sẽ lưu lại nhiều thập kỷ cho mai sau, để cho bao nhiêu thế hệ con em và người dân bản xứ biết đến Phật pháp; rồi tu trì giữ gìn gìn giữ mỗi Đạo, hay chỉ có một chút phát tâm tin thành đối với ngôi Tam Bảo là phước đức rồi. Từ những suy nghĩ nói trên, cho chúng ta vài cảm nghĩ:

Thứ nhất: Phật giáo Việt Nam thực sự có mặt nơi hải ngoại vốn vẹn trên dưới ba mươi năm. Trong ba mươi năm này, chư Tăng Ni thể hiện đạo phong để bảo lưu nền Phật Việt, mở Đạo tràng, thiết lập Pháp hội, tu trì theo hành trạng của Chư vị Lịch đại Tổ sư. Và cũng chính nhờ tâm niệm ấy mà hôm nay, hàng ngàn ngôi chùa đã được thành tựu viên mãn khắp các quốc gia trên thế giới, từ Âu sang Á, từ Đông sang Tây đều có mặt trong quyển *Chùa Việt Nam hải ngoại* này.

Riêng về sự hộ pháp đặc lực của người Phật tử, phải nói rằng một công đức quá to lớn. Dù trong hoàn cảnh nào, môi trường nào, quốc gia nào, trú xứ nào, người Phật tử Việt Nam luôn thể hiện tấm lòng phụng sự Phật pháp được hưng thịnh. Đây chính là điểm son mà những trang lịch sử Phật giáo Việt không thể không viết. Viết để cảm ơn tất cả những tấm lòng cao quý vì Phật pháp của người Phật tử Việt Nam.

Thứ hai: Việc làm của anh Võ Văn Tường và Từ Hiếu Côn đã ghi lại và đánh dấu cho một chặng đường lịch sử Phật giáo Việt Nam hoằng truyền nơi hải ngoại. Tiểu sử của những ngôi chùa được ghi rõ: xây dựng năm nào, tọa lạc ở đâu, viện chủ là ai. Từ đó đã bảo lưu được chứng tích lịch sử của ngôi chùa và nói lên được con đường hoằng pháp thực hữu, thực dụng nơi Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại này. Mỗi ngôi chùa tại địa phương đã là nơi xây dựng một đời sống tâm linh cho cộng đồng Phật tử nơi đó. Do vậy, hình ảnh của những ngôi chùa trong quyển *Chùa Việt Nam hải ngoại* là tiềm năng làm xúc động tâm lòng hộ pháp mà cũng là động cơ thúc đẩy hơn nữa niềm



tự tin của người Phật tử đối với con đường hoằng pháp nơi đây.

Thứ ba: có được một niềm vui chân thật, khi đi tới đâu thấy được chư Tăng Ni, hay Phật tử cầm đọc quyển *Chùa Việt Nam hải ngoại*, biểu tỏ trên khuôn mặt một niềm bình an hoan hỷ. Bình an ở chỗ là nơi nơi đều có chùa làm đạo tràng tu học cho Phật tử mà giữ được con đường đạo đức, lễ nghi, ngộ hầu thăng tiến trên đạo lộ giác ngộ, giải thoát. Hoan hỷ ở chỗ là có được một tác phẩm quý giá, bảo tồn được nền văn hóa Phật Việt trong một phần nào để cho tất cả Phật tử được đọc, được thấy, dù người Phật tử ấy không có phương tiện đi xa mà vẫn thấy các ngôi chùa của các quốc gia, châu lục khác. Đây là sự hoan hỷ chân thật đã biểu tỏ trên từng nét mặt khi chúng tôi có dịp tiếp xúc.

Vài cái nhìn đơn sơ, khái quát, chúng tôi chân thành kính giới thiệu quyển *Chùa Việt Nam hải ngoại tập một* đến chư vị thiện hữu tri thức, cùng quý Phật tử. Sự giới thiệu này chỉ là tấm lòng biết ơn đến với anh Võ Văn Tường và Từ Hiếu Côn mà thôi. Còn sự giới thiệu thực dụng đó là quý Phật tử cầm trên tay quyển *Chùa Việt Nam hải ngoại*, giở từng trang, đọc từng dòng, nhìn từng hình ảnh mái chùa thương yêu thì chừng ấy mới thấm thấu được những cái gì cao quý đang tồn đọng trong quyển *Chùa Việt Nam hải ngoại tập một* này.

Chân thành tri ân hàng vạn tấm lòng hộ pháp của người Phật tử. Kính chúc chư vị thiện hữu tri thức cùng quý Phật tử vô lượng an khang, cát tường như ý, để tiếp tục xiển dương Phật pháp ngày một hưng long.

San Diego, Chùa Phật Đà
Ngày 01 tháng 10 năm 2014
Thích Nguyên Siêu

TẾT & SỰ THĂNG HOA TRONG ĐỜI SỐNG

Thị Giới



Không biết Tết có từ bao giờ và bắt nguồn từ đâu, nhưng đúng là Tết có một cái hồn. Dù sống ở đâu và làm gì, người Việt trên khắp thế giới ít ai không rạo rục mỗi khi Tết về. Tết cũng là ngày hội lớn của cả nước đã có từ ngàn xưa cho nên cái hồn của Tết cũng là một phần cái hồn của đất nước. Trong Tết có mùi vị đất và nước của quê hương.

Có một truyền thuyết nói rằng, xưa kia, vào ngày Tết, vua Hùng và quần thần đưa nhau lên núi (Thiên Cầm) để nghe "cung đàn nhà trời". Thật là một hình ảnh đẹp.

Một người ngoại quốc viết về Tết:

"... Tôi không hiểu được Việt Nam và văn hóa Việt Nam cho đến khi tôi hiểu được Tết. Đó không phải là một việc đơn giản và dễ dàng. Khí hậu có thể lạnh và tôi có thể phải ăn nhiều, tôi có thể sợ tiếng pháo nổ. Nhưng bên sau tất cả những thứ đó là một niềm vui, ý thức về sự thay đổi và niềm hy vọng vào tương lai. Tiếng động đánh thức đêm tối dày đặc. Phổi tôi có thể khó thở vì khói, đầu tôi có thể đau vì tiếng pháo nổ, nhưng cơ thể tôi cảm thấy sinh động và khoan khoái một cách lạ lùng, và quan trọng nhất, một tâm thức cảm nhận được sức mạnh của những điều xảy ra quanh tôi. Việt Nam đã thay đổi. Ít nhất trong những phút giây ngắn ngủi, nó bình bằng giữa thực và mộng, giữa trời và đất. Là một người ngoại quốc, có thể tôi không bao giờ hiểu trọn vẹn ý nghĩa của Tết, nhưng tôi biết rằng tôi đang tận mắt nhìn thấy một cái gì đẹp đẽ và quý giá." (Dana Sachs)

Nếu hỏi cái hồn của Tết nằm ở chỗ nào thì khó ai có thể chỉ ra, nhưng nó thấm đẫm trong lòng người, hiện ra qua phong cách sống gắn liền với Tổ tiên non nước, với đình đài chùa miếu, qua những phong tục, lễ nghi kết nối quá khứ với hiện tại, hữu hình với hữu hình, hữu hình với vô hình...

Một khía cạnh đặc biệt đẹp đẽ của ngày Tết là việc biểu hiện lòng nhớ ơn. Cái nhớ ơn của người Việt bao gồm nhớ ơn tổ quốc, đồng bào, nhớ ơn tiền nhân, cha mẹ, nhớ ơn những người đã đem đến cho cộng đồng niềm tin và sức mạnh, làm cho cuộc sống thăng hoa và có ý nghĩa. Nếu so sánh với sự nhớ ơn trong đạo Phật thì nội dung nhớ

ơn của người Việt rất gần gũi. Bốn ơn trong đạo Phật là ơn Tam bảo, ơn nước nhà, ơn mẹ cha, ơn chúng sanh. Ôn Tam bảo là ơn những cội nguồn đã đem đến cho con người một đời sống tinh thần phong phú, vượt qua sự hạn hẹp của đời sống ích kỷ, hơn thua. Người Việt chúng ta luôn luôn nhớ ơn những bậc được gọi là người hiền. Những vị thánh thiện, những vị có đời sống thăng hoa được thờ phụng khắp nơi trên đất nước. Đôi khi, những vị có công với đất nước được đồng hóa với những vị Thánh, như Thánh Gióng được đồng hóa với Tỳ Sa Môn Thiên Vương là một vị Thánh giúp đời, hộ Đạo, cũng là một vị Cổ Phật trong truyền thống Phật giáo, để trở thành Phủ Đồng Thiên Vương.

Tết cũng biểu hiện tính chất Lễ và Hòa trong đời sống Việt. Tình cảm tương quan giữa con người với nhau và với thế giới hữu hình cũng như vô hình của người Việt là một thứ tình cảm đậm đà và lãng mạn mà không ra ngoài Lễ và Hòa. Tết là ngày vui, ngày tỏ bày tình cảm trong Lễ và Hòa.

Không gian và thời gian Tết cũng như những tính chất của Tết được tô bồi qua nhiều ngàn năm, làm cho Tết trở nên một cơ hội cho người Việt chúng ta dừng lại để sống thật sự với đời sống. Cũng có thể nói Tết là một cơ hội để chúng ta "sống chậm." Sống chậm là một lối sống biết soi rọi chính mình. Khi biết soi rọi chính mình, con người sẽ sống tự giác và có trách nhiệm hơn. "Sống chậm" có thể nói là một nhu cầu của thời đại, khi mà khuyệnh hưởng vật chất và trục lợi khổng lồ chế hầu như mọi sinh hoạt của con người. Những kiêng cử trong ngày mừng một Tết có thể được coi như một loại "kiêng cử để sống chậm": ý tứ trong từng ý nghĩ, hành động và lời nói để không giận hờn hay tạo sự giận hờn, không nói năng và hành động thô lậu, ồn ào, giữ tâm hồn thoải mái, vui tươi... Nói tóm lại là cố gắng giữ thân, miệng, ý không tham, sân, si hay tạo ra tham, sân, si trong ngày Tết.

Tết cũng là ngày của hoa. Hai loại hoa đặc trưng của Tết là đào và mai. Hoa là hình ảnh của cái đẹp vô thường, ngắm hoa là ngắm sự mong manh vô thường của đời sống. Và chính sự vô thường làm cho đời sống có ý nghĩa và con người có cơ hội thăng hoa.

Trong đời sống bận rộn hàng ngày, chúng ta thường không để



ý nhận ra cái nền tảng hướng dẫn đời sống của chúng ta. Nó vô hình nhưng mạnh mẽ. Có thể nói đó là cái chất sống, cái nguồn sống trong mỗi chúng ta. Và Tết, cơ hội để chúng ta có những khoảnh khắc dừng lại, là dịp để chúng ta phát hiện ra “tổ chất của đời sống” vốn có đó. Khi yên lặng lắng nghe hơi thở, yên lặng lắng nghe bước chân đang bước, lắng nghe thời gian đang trôi, không gian đang mở..., chúng ta nghe được sự sống, nghe được nguồn sống đang hiện diện bên trong cũng như bên ngoài chúng ta. Khi mở lòng để tiếp đãi đời sống, tiếp đãi đất trời, tiếp đãi mọi người mọi vật, chúng ta có cơ hội nghe được đời sống, nghe được nguồn sống nơi chúng ta và chung quanh chúng ta.

Ngày xưa các cụ thường khai bút đầu năm. Trong cái yên tĩnh, lắng đọng của không gian và thời gian, con người mở ngõ mọi ngăn cách để lắng nghe. Khai bút đầu năm có thể được coi là cơ hội để dừng lại và lắng nghe với một tâm hồn mở toang trong không gian và thời gian rộng lớn của giờ phút giao thừa.

Do đó, Tết cũng có thể là cơ hội để chúng ta phát hiện ra hay tìm thấy lại chính chúng ta. Và sự phát hiện ra chính mình là bước ngoặt lớn trong đời sống của mỗi người. Đó là lúc con người nhận ra được mình thật sự là gì trong cái toàn thể để có thể sống có ý nghĩa hơn.

Mùa Xuân đất trời cho tôi sự liên tưởng đến một mùa Xuân đạo. Mùa Xuân đạo có được khi con người biết trân trọng đối với đời sống, trân trọng đối với những cơ hội để thăng hoa mà cuộc sống lúc nào cũng sẵn sàng ban cho chúng ta. Những cơ hội đó có được từ tính chất vô thường của đời sống.

Nhận biết được vô thường là nhận biết được tánh Phật, nhận biết được “không thân,” để từ đó có được thân cùng khắp và tâm cùng khắp, hay nói theo ngôn ngữ của kinh điển là có được “hiện nhứt thiết sắc thân tam muội” và “giải nhứt thiết chúng sanh ngôn ngữ đà la ni,” để có thể đồng hành với tất cả chúng sanh trong không gian và thời gian vô tận, một lý tưởng thật đẹp của đạo Phật Đại thừa.

Tôi nhớ đến một phẩm trong kinh Pháp Hoa. Một điều chúng ta để ý là trong kinh Pháp Hoa và những kinh Đại thừa khác, không gian và thời gian thường rất rộng lớn. Không gian và thời gian là hai thứ tương quan mật thiết với nhau. Một tâm thức nhỏ hẹp luôn luôn tương ứng với một loại thời gian ngắn ngủi nhưng dường như nặng nề kéo lê. Một tâm thức rộng lớn luôn đi đôi với một thời gian rộng lớn nhưng như thoáng qua nhẹ nhàng.

Phẩm Dược Vương Bồ tát Bản Sư thứ 23 nói rằng, có một vị Bồ tát tên là Tú Vương Hoa hỏi Phật về hành trạng của Bồ tát Dược Vương hay Bồ tát Vua Thuốc. Đức Phật trả lời vị Bồ tát đó như sau:

Vào thời rất lâu về quá khứ, trong Pháp hội Pháp Hoa của Đức Phật hiệu Nhứt Nguyệt Tịnh Minh Đức, Đức Phật có đức hạnh sáng rỡ và trong lành như mặt trời mặt trăng, có một vị Bồ tát tên là Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến, vị Bồ tát mà tất cả chúng sanh nhìn thấy đều sinh tâm vui vẻ. Vị Bồ tát đó, sau một thời gian dài tu tập kinh Pháp Hoa thì chúng được “hiện nhứt thiết sắc thân tam muội” hay khả năng “hóa hiện ra mọi hình tướng.”

Để báo đáp ân đức của Phật Nhứt Nguyệt Tịnh Minh Đức, Bồ tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến cúng dường vô số những món trang nghiêm và thanh tịnh, sau đó tự đốt thân để cúng dường. Hành động đốt thân cúng dường được các Đức Phật trong mười phương đồng khen ngợi là việc cúng dường Pháp cao tột. Và khi nói xong lời khen ngợi đó, các Đức Phật

“đều yên lặng.” (theo bản dịch của HT. Thích Trí Tịnh).

Sau khi đốt thân, Bồ tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến lại tái sanh cũng trong thế giới của Đức Phật Nhứt Nguyệt Tịnh Minh Đức và gặp lại Phật này, được Phật giao phó mọi thứ trước khi Ngài nhập Niết-bàn.

Một lần nữa, vị Bồ tát mà tất cả chúng sanh nhìn thấy đều sinh tâm vui vẻ, lại dùng thân để cúng dường xá lợi Phật bằng cách đốt hai cánh tay “trăm phước trang nghiêm.” Hành động đó cũng làm cho vô số người chứng được “hiện nhứt thiết sắc thân tam muội.”

Cuối cùng Đức Bản Sư nói: Vị Bồ tát mà tất cả chúng sanh nhìn thấy sinh tâm vui vẻ đó chính là Bồ tát Dược Vương. Đức Phật cũng nói rằng, những ai nghe phẩm kinh này sẽ được tam muội “Giải nhứt thiết chúng sanh ngôn ngữ đà la ni” hay khả năng hiểu được ngôn ngữ của tất cả chúng sanh...

Phẩm kinh nói lên rằng, tánh Phật và cơ hội thăng hoa ở ngay trong tính chất vô thường của đời sống. Nhận ra tính chất vô thường, vô ngã của đời sống, con người nhận ra tính chất “không thân” của mọi sự và của chính mình. Tính chất “không thân” cũng là ánh sáng soi rọi của Pháp, là chỗ mà chư Phật “lặng yên,” là tánh Phật, là nền tảng của buông xả và tùy thuận, của kết nối và cảm thông, là thuốc chữa lành bệnh cho mình và cho người.

Trở lại với Tết. Với khả năng mở ngõ mọi ngăn cách để tiếp xúc với nguồn sống chân thật, phải chăng trong dịp Tết, chúng ta có thể là một vị Bồ tát mà tất cả mọi người nhìn thấy đều cảm nhận được niềm vui, trở thành những vị Bồ tát chữa lành bệnh cho nhau?

Trong khung cảnh kết nối và cởi mở, chấp nhận và tương kính, con người chắc chắn sẽ đem đến cho nhau niềm vui. Một nụ cười, một lời chào hỏi, một câu xin lỗi, một chia sẻ thông cảm, một sự bỏ qua... chính là những thang thuốc chữa lành vô số chứng bệnh nan y của mình, của người.

Phải chăng sự mở lòng, xả bỏ, hòa nhập, kết nối..., nhìn thấy mối tương quan, tương thuộc giữa cá thể với toàn thể để nhận ra trong ngày Tết làm cho con người đến gần hơn với tính chất “không thân” của đạo Phật, hiểu rõ hơn về “ánh sáng đốt thân” của chư vị Bồ tát?

Và phải chăng mọi ánh sáng đều phát xuất từ nền tảng “không thân”?

Thời gian là một chuỗi những biến đổi qua nhiều thử thách để thoát thân thành những mùa Xuân. Chúng ta hãy như thời gian, theo gương Bồ tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến, không ngừng thay đổi theo hướng thăng hoa mà thời gian luôn cho chúng ta cơ hội, để mỗi dịp Tết về, cảm thấy gần gũi hơn với mùa Xuân chân thật, ở đó, mọi người là những vị Bồ tát của nhau.



ĐẠO PHẬT TRUYỀN ĐẾN CHÂU PHI

(*Câu Chuyện Dưới Cờ — bài viết hàng tuần của GDPT*
do **Nhóm Áo Lam thực hiện**)



Thưa Anh Chị Em Huynh Trưởng bốn phương,

Đạo Phật không chỉ có khả năng chữa lành tâm bệnh mà còn có khả năng chữa lành cả thân bệnh; điều đó ngày nay không còn nghi ngờ gì nữa vì các bác sĩ y khoa và nhất là khoa tâm thần đã xác nhận rằng Phật giáo trợ giúp cho y khoa rất nhiều và càng ngày các bác sĩ càng cần đến kỹ thuật thiền định Phật giáo để giúp các bệnh nhân vượt qua tình trạng lo âu hay chịu đựng đau đớn cũng như ngăn ngừa bệnh tái phát.

Những người tiên phong đem đạo Phật từ Ấn Độ qua các xứ khác, trong đó có Việt Nam chúng ta, theo “con đường tơ lụa” của các thương gia chúng ta đều đã biết tên tuổi họ qua sách vở, lịch sử truyền bá Phật giáo... của các nước ở châu Âu, châu Á, châu Mỹ, Úc đại lợi, Tân Tây Lan v.v... duy chỉ có châu Phi là chúng ta ít nghe nói đến và không nghĩ rằng đạo Phật đã được truyền bá đến đó. Sự thật, đạo Phật đã được Đại Đức Hui-Li, đệ tử của ngài Tinh Vân (Hsing Yun), lần đầu tiên đi đến đó vào năm 1992 khi người dân Phi Châu chưa biết Phật giáo là gì và người tu sĩ Phật giáo trong chiếc y vàng còn quá xa lạ với họ. ĐĐ. Hui-Li đã phải cố đọc dương đầu với muôn vạn sự phản kháng từ mọi phía; ngài còn bị tấn công của các tôn giáo khác và cư dân ở đó, chính quyền ở đó... gọi là “quý sứ” nữa! Chúng ta hãy tưởng tượng xem, “đêm dài tăm tối” mà đại đức Hui-Li đã phải kiên trì như thế nào để chiến đấu bằng sức mạnh tinh thần của mình, bằng nhẫn nhục và yêu thương... để có thể hoàn thành sứ mệnh thiêng liêng của người Sứ giả Như Lai vì để chống lại với sự hung dữ, hiếp đáp, khủng bố, ngài chỉ có lòng Từ Bi và hạnh nhẫn nhục. Hiện nay ĐĐ. Hui-Li đã xây dựng được nhiều trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi và có khoảng 3000 trẻ em từ 4 đến 15 tuổi được chăm sóc, nuôi dạy ở các trung tâm đó. Các em được học đọc, viết, cách hành thiền, võ Thiếu lâm v.v... Đây chính là tấm gương sáng của thời

đại chúng ta về việc hoằng dương Phật Pháp.

Thưa Anh Chị Em,
ĐĐ. Hui-Li sinh năm 1955 trong một gia đình nông dân nghèo ở Pington, Đài Loan. Ngay từ thuở ấu thơ, trường học ở gần một nghĩa trang, hằng ngày những đám tang đi qua, đã để lại trong tâm trí cậu bé những ấn tượng của vô thường, hư ảo, nên cậu bé đã nhận chân về cuộc đời là ngắn ngủi, ảo mộng rồi. Vì thế, năm 1987 Hui-Li xuất gia với Hòa thượng Tinh Vân (HsingYun), người sáng lập hội Phật Quang Sơn quốc tế, và một năm sau Hui-Li được thọ giới tỳ kheo, lúc đó Hui-Li được 33 tuổi. Tâm nguyện của Sư Phụ Hui-Li là xây dựng được ở mỗi châu lục một ngôi chùa trực thuộc Hội Phật Quang Sơn—mà ở châu Âu, châu Á, châu Mỹ, châu Úc đều đã có rồi còn châu Phi chưa có—hồi đó dân chúng châu Phi chưa biết đến Phật giáo. Thế là năm 1992 để hoàn thành tâm nguyện cho sư phụ, ĐĐ. Hui-Li tình nguyện đến Nam Phi để xây dựng ngôi chùa Phật Giáo Đại thừa đầu tiên ở Phi Châu.

Sau nhiều lần thăm viếng và quan sát tình hình ở Nam Phi, ĐĐ. Hui-Li thấy rõ muôn vàn khó khăn nhưng Thầy vẫn không bỏ cuộc mặc dù Thầy còn bị nhiễm bệnh sốt rét rừng ở đó nữa. Nguy hiểm trùng trùng nhưng ĐĐ. vui vẻ nói: “Nếu không bị bệnh sốt rét, bạn sẽ không có visa để làm việc ở Nam Phi!” Để chứng minh mình là nhà tu hành chân chính và để gây thiện cảm với người dân bản xứ, ĐĐ. Hui-Li xúc tiến các hoạt động từ thiện để giúp đỡ người nghèo và người bệnh bằng cách chia sẻ thực phẩm, quần áo thuốc men... và dần dần, với nguồn tài trợ của các vị Mạnh Thường quân từ Đài Loan, ĐĐ. Hui-Li đã có thể xây dựng được một trường cao đẳng Phật Học Phi Châu năm

1994, dạy Phật Pháp cho thanh niên với mục đích giảm stress thông qua giáo dục Phật giáo. Ngoài ra, ĐĐ. Hui-Li còn thành lập những trung tâm giáo dưỡng A Di Đà (Amitofo Care Center -ACC). Các em được học cách hành Thiền, rèn luyện tinh thần kỷ luật cũng như những đức tính kiên trì, nhẫn nhục, từ bi v.v... Về thể dục, thể thao, các em ở ACC được học môn võ Thiếu Lâm. Tại đó, có hàng trăm em thiếu niên được luyện tập võ nghệ được các võ sư đến từ các chùa Thiếu Lâm Trung Hoa dạy. Hiện nay trung tâm ACC còn hỗ trợ cho hàng ngàn thiếu nhi và thanh niên của các tổ chức trong các cộng đồng khác. Trung tâm ACC có các chi nhánh ở Harare (Zimbabwe), Nhlanganol (Swaziland), Mafikeng (Lesotho), Yaound (Cameroon), Zambia và Tanzania.

Thưa Anh Chị Em,
Chúng ta thường nói Hoa Sen Trắng của GDPTVN chúng ta giờ đây đã nở ra ở khắp 5 Châu nhưng sự thật là còn thiếu châu Phi. Thầy Hui-Li đã đem Phật giáo Đại thừa đến Châu Phi. Hy vọng trong tương lai, con em chúng ta ở thế hệ thứ 3, thứ 4 sẽ đem Hoa Sen Trắng của GDPTVN trồng lên đất Phi Châu mà Thầy Hui-Li đã mở đường.

Thân kính chúc Anh Chị Em một mùa vui sum họp gia đình đầu năm mới 2015.

Trân trọng,
BBT





BỐN HẠNG NGƯỜI Ở ĐỜI

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Trong Kinh tạng Pàli, Đức Phật thường nhắc đến bốn hạng người sống trong cuộc đời này:

Hạng thứ nhất: tự làm khổ mình, chuyên tâm làm khổ mình;

Thứ hai, hạng làm khổ người, chuyên tâm làm khổ người;

Thứ ba, hạng vừa tự làm khổ mình, chuyên tâm làm khổ người, vừa làm khổ người, chuyên tâm làm khổ người.

Thứ tư, không tự làm khổ mình, không chuyên tâm tự làm khổ mình, cũng không làm khổ người, không chuyên tâm làm khổ người.

Nhận xét và phân loại của đức Thế Tôn, mặc dù cách đây đã hơn 25 thế kỷ vẫn còn đúng—dù trong xã hội nào, thời đại nào.

Hạng thứ nhất gồm những người luôn u sầu, than thân trách phận hoặc thương vay khóc mướn; họ đã bị chứng bệnh tâm lý rất khó trị. Ví dụ cụ thể như nàng Kiều của Nguyễn Du: đi lễ hội Thanh minh, gặp năm mỡ vô chủ—là mộ của người đẹp Đạm Tiên, một cô gái giang hồ nổi danh một thời—thế là khóc đến “đầm đầm châu sa” và tự cho rằng mình sẽ gặp số phận như của Đạm Tiên! Không chỉ đối với những người trần tục mà ngay cả hàng xuất gia cũng có những người mắc bệnh này. Thật vậy, đó là những người tu hành mà đặt ra những giới luật quái gở: ví dụ như hành trì hạnh trâu, hạnh chó... (ngưu hạnh, cẩu hạnh v.v...) vì nghĩ rằng giới càng khó giữ mà giữ được thì càng được nhiều phước đức. Có một hành giả tu theo hạnh này đến hỏi đức Phật: “Những người hành trì hạnh này một cách viên mãn thì sẽ được gì trong tương lai? Đức Phật trả lời: **“Ai hành trì cầu hạnh một cách viên mãn thì sẽ được sinh trong loài chó, nếu hành trì không viên mãn sẽ sinh vào địa ngục.”**

Hạng thứ hai là những người chuyên gây đau khổ cho người

khác, lấy đó làm niềm vui, nỗi thích thú của mình; cụ thể trong lịch sử Việt nam thì có Vua Lê Ngoạ triều (Lê Long Đĩnh) ưa róc mía trên đầu mấy vị thầy tu để thấy máu chảy chơi! Còn trong lịch sử nhân loại thì có Néron, một ông vua tàn bạo của đế quốc La Mã thời xưa, thả tử tù vào chuồng sư tử để tù nhân bị sư tử ăn thịt, kêu la thảm thiết, nhà vua ngồi cười hả hê! Đức Phật còn kể đến những người đồ tể (giết trâu bò), những người đao phủ, những người buôn bán khí giới... Thời đại này có lẽ phải kể thêm những người chế tạo vũ khí hạt nhân nữa! Ngoài ra, thời đức Phật còn tại thế chưa có internet, nếu không chắc đức Phật còn kể thêm vào hạng người này những ai dùng ngòi bút, lên trên net để vu khống, mạ lỵ, chụp mũ v.v... người khác; cái này gọi là “giết người không cần súng đạn, gươm dao.”

Hạng thứ ba là những ai vừa tự làm khổ mình vừa làm khổ người; đó là trường hợp của những người ghét nhau, thù nhau mà phải ở gần nhau, phải gặp nhau mỗi ngày v.v... người ta thường gọi là “oan gia ngõ hẹp” hay là “oan gia tụ hội.” Đây là trường hợp của những cặp vợ chồng, của hai cha con, hai mẹ con, hai anh em ruột, v.v... Hai người theo lẽ thường phải thương yêu nhau nhưng trên thực tế thì lại “khắc” nhau, coi nhau như hai kẻ thù địch! Họ trá thù nhau, gây đau khổ cho nhau và chính họ cũng cảm thấy đau khổ! Điều này nếu không dùng “ác duyên, ác nghiệp” trong nhiều đời nhiều kiếp (mà trí óc bình phàm của loài người không hiểu được) để giải thích thì... chịu thua thôi!

Hạng thứ tư bao gồm những người không tự làm khổ mình hay làm khổ người khác. Đây là hạng người lành mạnh, không mang những tâm bệnh của 3 hạng kể trên. Họ sống với các căn thanh tịnh, không tham dục; họ sống trong tỉnh giác; đi đứng,

nằm, ngồi, nói năng, yên lặng... họ đều biết rõ và giữ gìn các nghiệp thân, lời, ý thanh tịnh.

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Chúng ta để ý rằng trong 4 hạng người trên đây, chưa người Đức Phật nhắc đến hạng người “làm lợi mình lợi người” – Đây là điều đáng cho ACE chúng ta suy gẫm. Thật vậy, chỉ một hạng người **“không làm khổ mình, không làm khổ người”** đã là quá quý quá hiếm trên đời này rồi! Muốn làm hạng người này nghe qua thật giản dị nhưng thực tế vô cùng khó khăn. Bởi vì muốn BIẾT RÕ thế nào là **“không làm khổ mình, không làm khổ người”** chúng ta cũng phải thật tinh táo, phải sống với các căn thanh tịnh, phải có sự tỉnh giác... lúc bấy giờ mới có đủ trí tuệ để hiểu thế nào là thiện hay bất thiện, nên hay không nên v.v... Nếu thiếu tỉnh giác thì có khi những việc chúng ta nghĩ là Phật sự sẽ trở thành Ma sự hết! Xin ACE quán chiếu sâu vào điều này để được ở vào hạng thứ tư theo nhận xét của đức Phật.

Sống giản dị quả thật là rất khó. Tây phương cũng có câu: “Hãy sống và để cho người khác sống với” (“Live and let live”) bởi vì đôi khi chúng ta tưởng GIUP ai đó, hóa ra là HẠI họ vì mình làm việc thiếu tỉnh giác, thiếu suy nghĩ, quá hấp tấp, bồng bột, phần khích, v.v...

Thân kính chúc ACE thân tâm đều không bệnh, sáu thời đều an lạc, thành thới.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam





HÒA – TIN – VUI

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

Thưa Anh Chị Em Lam Viên bốn phương,
Châm ngôn của GDPT (Ngành Thanh Thiếu và Huynh trưởng) là Bi-Trí-Dũng, còn của ngành Đông (Oanh Vũ) là Hòa-Tin-Vui. Nhiều người cho rằng Hòa-Tin-Vui là để nên dành cho con nít! — Xin thưa, không phải như vậy đâu! Sống Hòa thuận, Vui vẻ với mọi người quanh mình, tin tưởng và yêu mến họ cũng như làm cho họ tin tưởng thương mến mình, đó là cả một nghệ thuật của đời sống. Đó cũng chính là mục đích luân lý và đạo đức con người—đặc biệt là người Phật Tử.

Thật vậy, mục đích của chúng ta, những người con Phật, những người Phật tử tại gia, những Huynh trưởng GDPT, hơn ai hết phải có nếp sống vị tha, nghĩ đến người khác, hướng đến mục đích cao thượng là "sáng cho người thêm niềm vui, chiều giúp người bớt khổ" chứ không phải chỉ biết vun bồi cho riêng mình, nhằm thỏa mãn những ham muốn ích kỷ, những ước nguyện hẹp hòi, những toan tính chi ly đi ngược lại với lòng bao dung hoan hỷ mà chúng ta hằng thực tập.

Muốn sống Hòa thuận, Vui vẻ với mọi người, trước hết chúng ta phải hoàn thiện mình bằng cách loại bỏ tính kiêu căng ngã mạn, nếu có. Muốn hòa đồng với mọi người, chúng ta phải biết quên "cái tôi" của mình, phải trau giồi và tự huấn luyện mình bỏ những thói hư tật xấu để huấn tập những đức tính tốt. Ví dụ như tập đừng nóng giận, đừng nhăn nhó, đừng chỉ trích người khác, chỉ nên tự soi rọi lại mình.

Muốn hòa đồng với mọi người chung quanh thì phải tập tánh đối xử bình đẳng; đừng vì yêu ghét mà sinh thành kiến, đừng phân biệt thân sơ, phe nhóm v.v... Chúng ta hãy tập nhìn bình đẳng (quán chiếu) vào phương pháp này: giữ Tâm bình đẳng—không yêu-ghét, lấy-bỏ. Nhìn mọi sự vật, hiện tượng, cho đến con người với cái Tâm vô tư, không thành kiến, tập thấy một vật, một hiện tượng, một con người "như-nó-là" không phê phán, không suy diễn, không chấp trước.

Muốn hòa đồng, hòa hợp với mọi người chung quanh, chúng ta hãy tập tính khiêm tốn, hãy là Thầy của chính mình và là học trò của mọi người, vì cho đến một ngọn cỏ, một lá cây, ... cũng có điều cho chúng ta học tập; cả trong sự im lặng hoàn toàn cũng có những bài Pháp rất hay... và gần nhất là Thân và Tâm chúng ta cũng không ngừng dạy chúng ta... Đức Phật nói: hãy lắng nghe những bài thuyết pháp của chính Thân và Tâm mình.

Muốn hòa thuận và vui vẻ với mọi người quanh mình, chúng ta phải có Tình thương và lòng Tin; khi đã có tình thương thì những sự khác biệt về tâm tư tình cảm, về tuổi tác, về trình độ học vấn, về giai cấp xã hội v.v... không còn đưa đến những va chạm hay đụng độ lớn nữa vì:

"Khi thương trái ấu cũng tròn"

hay:

"Khi thương thương cả đường đi"

Khi đã có Tình thương và lòng Tin thì những

thành kiến, cố chấp, kỳ thị v.v... sẽ không còn tồn tại nữa. Đó là lý do tại sao nội dung châm ngôn của Ngành nào trong GDPT cũng có chất liệu này (Bi, Từ Bi, Tình thương) và đó cũng là lý do tồn tại của GDPT hơn 70 năm qua.

Cuối cùng, muốn sống hòa đồng hòa hợp với thế giới chung quanh mình, chúng ta cần luôn giữ chánh niệm tỉnh thức, luôn tự nhắc nhở mình: "Mọi lỗi lầm do Thân, Miệng, Ý tôi gây ra, cầu mong được tha thứ." Chúng ta sám hối đã đành, mà còn mong những ai /cái gì /con vật gì bị hại do những lỗi lầm đó gây ra, tha thứ cho mình nữa.

Thân kính chúc ACE Lam viên bốn phương một năm mới đầy đủ sức khỏe với 365 ngày an lạc và thành thời.

Trân trọng,

BBT



CƯỜI

*Cười là tiếng nói con tim,
Là lòng chân thật không tìm đâu ra.
Cười đem hạnh phúc cho ta,
Cho chồng, cho vợ một nhà an vui.
Nhìn con, nhìn cháu mỉm cười,
Tình thương sẽ giúp người người bên nhau.
Thế gian ngôn ngữ trăm câu,
Không bằng cười mỉm nhiệm màu đó đây.
Cười cho lòng được giải khuây,
Gương mặt rạng rỡ sắc đầy như hoa.
Chôi non đang hé quanh ta,
Nghe chim đang hát tưởng là Thiên thai.
Cười là ánh sáng ban mai,
Cho tâm tự tại Như Lai Nhiệm Mầu.*

thơ **DIỆU ĐỨC**



PHẬT GIÁO YẾU LỢC

Nguyên tác: BUDDHISM IN A NUTSHELL

Tác giả: **NARADA THERA**

Người dịch: **H. T. THÍCH TRÍ CHƠN**

(Tác phẩm gồm 11 chương, với các tiêu đề như sau: 1. Đức Phật; 2. Phật Giáo Phải Chẳng Là Một Triết Học? 3. Phải Chẳng Phật Giáo Là Một Tôn Giáo? 4. Phải Chẳng Phật Giáo Là Một Hệ Thống Đạo Đức? 5. Một Vài Đặc Điểm Của Phật Giáo; 6. Nghiệp Báo Hay Luật Nhân Quả; 7. Luân Hồi; 8. Lý Thập Nhị Nhân Duyên; 9. Vô Ngã Hay Không Có Linh Hồn; 10. Niết Bàn; 11. Con Đường Dẫn Đến Niết Bàn)

LÝ THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN

Paticca là "do bởi" hay "tùy thuộc nơi;" *Sam-uppāda* là "phát sanh hay căn nguyên." Cho nên, *Paticca Samuppāda*, theo ngữ nguyên là "Phát sanh... Tùy thuộc" hay "Căn nguyên Phát sanh."

Ta nên nhớ rằng Thập Nhị Nhân Duyên chỉ là một bài giảng về tiến trình của vòng sanh tử chứ không phải là một lý thuyết về nguồn gốc cuối cùng của đời sống. Giáo lý này đề cập đến nguyên nhân của sự luân hồi và khổ đau; chứ không nhằm cố gắng trình bày sự tiến hóa từ khởi thủy của vũ trụ.

Vô minh là móc nối hoặc nguyên nhân đầu tiên tạo nên vòng luân hồi của kiếp sống. Vô minh làm che lấp mọi điều hiểu biết chân chính (Chánh kiến).

Do vô minh không thấu rõ về Tứ Diệu Đế đã khiến Hành phát sanh - gồm thiện và bất thiện. Những hành động dù xấu hay tốt đều bắt nguồn từ vô minh, chắc chắn sẽ tạo nên kết quả, dẫn đến sự kéo dài cuộc sống luân hồi. Trái lại, những hành động lành là căn bản để tận diệt các phiền não của đời sống.

Do nơi Hành phát sanh Thức Tái Sanh. Nó nối liền quá khứ với hiện tại.

Danh Sắc phát sinh cùng lúc với Thức Tái Sanh.

Lục Nhập là kết quả của Danh và Sắc.

Do bởi Lục Nhập phát sanh Xúc. Xúc dẫn đến Thọ.

Năm nhân duyên: thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ là kết quả của hành động quá khứ và được gọi là phương diện tiêu cực (thụ động) của cuộc sống.

Do nơi Thọ phát sanh Ái, Ái dẫn đến Thủ. Thủ là nguồn gốc gây ra Hữu và Hữu tạo ra sự Sanh trong tương lai. Sanh là nguyên nhân dẫn đến Lão và Tử.

Quả phát sanh vì có nhân, nếu nhân bị diệt thì quả cũng không có.

Suy nghiệm lý Thập Nhị Nhân Duyên theo chiều ngược ta sẽ hiểu rõ vấn đề.

Lão và Tử chỉ có thể có ở trong và với một cơ thể tâm vật lý. Một cơ thể như thế cần phải có sự sanh ra; cho nên, cơ thể bao hàm có sự sinh trong đó. Mà sự sanh là kết quả tất nhiên của hành động hay Nghiệp (*Kamma*), quá khứ. Nghiệp phát sanh do thú và thú là do Ái. Ái chỉ phát sanh khi có Thọ. Và Thọ là kết quả của sự tiếp xúc giữa lục căn và lục trần. Cho nên phải có lục căn mà lục căn không thể

có nếu không có Danh và Sắc (tâm và thể xác). Tâm phát sanh do Thức. Thức phát sanh do kết quả của việc làm thiện và ác trong quá khứ.

Hành động tốt và xấu bắt nguồn từ Vô Minh, vì không nhận chân được thực tướng của vạn hữu.

Toàn thể phương thức có thể lược tóm như sau:

Do Vô Minh phát sanh Hành (thiện và bất thiện).

Do Hành phát sanh Thức (Thức Tái Sanh).

Do Thức phát sanh Danh Sắc.

Do Danh Sắc phát sanh Lục Nhập.

Do Lục Nhập phát sanh Xúc.

Do Xúc phát sanh Thọ.

Do Thọ phát sanh Ái.

Do Ái phát sanh Thủ.

Do Thủ phát sanh Hữu.

Do Hữu có Sanh.

Do Sanh có Lão Tử, phiền não, ai oán, đau khổ, buồn rầu và thất vọng.

Đó là sự tập hợp toàn bộ tạo nên sự đau khổ. Hai yếu tố đầu tiên của Thập Nhị Nhân Duyên này (Vô Minh, Hành) thuộc về quá khứ; tám yếu tố giữa thuộc về hiện tại và hai yếu tố cuối cùng thuộc về vị lai.

Sự đoạn dứt hoàn toàn Vô Minh dẫn đến sự tận diệt Hành.

Đoạn dứt Hành dẫn đến tận diệt Thức.

Đoạn dứt Thức dẫn đến tận diệt Danh sắc.

Đoạn dứt Danh sắc dẫn đến tận diệt Lục Nhập.

Đoạn dứt Lục nhập dẫn đến tận diệt Xúc.

Đoạn dứt Xúc dẫn đến tận diệt Thọ.

Đoạn dứt Thọ dẫn đến tận diệt Ái.

Đoạn dứt Ái dẫn đến tận diệt Thủ.

Đoạn dứt Thủ dẫn đến tận diệt Hữu.

Đoạn dứt Hữu dẫn đến tận diệt Sanh.

Đoạn dứt Sanh dẫn đến tận diệt Lão, Tử, Phiền não, Ai oán, Đau khổ, Buồn rầu và Thất vọng.

Đó là sự chấm dứt toàn bộ nguyên nhân gây nên kết quả của khổ đau.

Tiến trình Nhân và Quả này tiếp diễn liên tục vô cùng tận. Khởi điểm của tiến trình ấy khó nhận thức được, vì ta không thể rõ lúc nào trong dòng sống của ta không bị bao phủ bởi màn Vô Minh. Tuy nhiên, chỉ khi nào mà vô minh đã được chuyển đổi thành trí tuệ; và dòng sống chứng nghiệm được

cảnh giới Niết Bàn, chừng ấy, tiến trình sinh tử hay vòng Luân Hồi (*Samsàra*) mới chấm dứt.

PATICCA SAMUPPDA

Paticca means because of, or dependent upon: *Samuppada* - "arising or origination." *Paticca Samuppada*, therefore, literally means - "Dependent-Arising" or "Dependent Origination."

It must be borne in mind that *Paticca Samuppada* is only a discourse on the process of birth and death and not a theory of the ultimate origin of life. It deals with the cause of rebirth and suffering, but it does not in the least attempt to show the evolution of the world from primordial matter.

Ignorance (*Avijja*) is the first link or cause of the wheel of life. It clouds all right understanding.

Dependent on ignorance of the Four Noble Truths arise activities (*Sankhara*) - both moral and immoral. The activities whether good or bad rooted in ignorance which must necessarily have their due effects only tend to prolong life's wandering. Nevertheless, good actions are essential to get rid of the ills of life.

Dependent on activities arises re-birth consciousness (*Vinnana*). This links the past with the present.

Simultaneous with the arising of rebirth-consciousness there come into being mind and body (*Nama Rupa*).

The six senses (*Salayatana*) are the inevitable consequences of mind and body.

Because of the six senses contact (*Phassa*) sets in. Contact leads to feeling (*Vedana*).

These five, viz., consciousness, mind and matter, six senses, contact and feeling are the effects of past actions and are called the passive side of life.

Dependent on feelings arises craving (*Tanha*). Craving results in grasping (*Upadana*). Grasping is the cause of *Kamma* (*Bhava*) which in its turn, conditions future birth (*Jati*). Birth is the inevitable cause of old age and death (*Jara-marana*).

If on account of cause effect comes to be, then if the cause ceases, the effect also must cease.

The reverse order of the *Paticca Samuppada* will make the matter clear.

Old age and death are possible in, and with, a psycho-physical organism. Such an organism must be born; therefore it pre-supposes birth. But birth is the inevitable result of past deeds of *Kamma*. *Kamma* is conditioned by grasping which is due to crav-

ing. Such craving can appear only where feeling exists. Feeling is the outcome of contact between the sense and objects. Therefore it presupposes organs of sense which cannot exist without mind and body. Where there is a mind there is consciousness. It is the result of past good and evil.

The acquisition of good and evil is due to ignorance of things as they truly are.

The whole formula may be summed up thus: Dependent on Ignorance arise Activities (Moral and Immoral).

Dependent on Activities arises Consciousness (Re-birth Consciousness).

Dependent on Consciousness arise Mind and Matter.

Dependent on Mind and Matter arises the six Spheres of Sense.

Dependent on the Six Spheres of Sense arises Contact.

Dependent on Contact arises Feeling.

Dependent on Feeling arises Craving.

Dependent on Craving arises Grasping.

Dependent on Grasping arises Actions (*Kamma*).

Dependent on Actions arises Re-birth.

Dependent on Birth arises Decay, Death, Sorrow, Lamentation, Pain, Grief and Despair.

Thus does the entire aggregate of suffering arise. The first two of these twelve pertain to the past, the middle eight to the present, and the last two to the future.

The complete cessation of Ignorance leads to the cessation of Activities.

The cessation of Activities leads to the cessation of Consciousness.

The cessation of Consciousness leads to the cessation of Mind and Matter.

The cessation of Mind and Matter leads to the cessation of the six Spheres of Sense.

The cessation of Six Spheres of Sense leads to the cessation of Contact.

The cessation of Contact leads to the cessation of Feeling.

The cessation of Feeling leads to the cessation of Craving.

The cessation of Craving leads to the cessation of Grasping.

The cessation of Grasping leads to the cessation of Actions.

The cessation of Actions leads to the cessation of Re-birth.

The cessation of Re-Birth leads to the cessation of Decay, Death, Sorrow, Lamentation, Pain, Grief and Despair.

Thus does the cessation of this entire aggregate of suffering result.

This process of cause and effect continues ad infinitum. The beginning of this process cannot be determined as it is impossible to say whence this life-flux was encompassed by nescience. But when this nescience is turned into knowledge, and the life-flux is diverted into *Nibbanadhatu*, then the end of the life process or *Samsara* comes about.

(to be continued...)



Nỗi lòng Tô Vũ

(Kỷ niệm một đoạn đời 15 năm chẵn dè ở núi đồi Trung Việt Nam Ngãi Bình Phú)

*Đôi tấm tấp chạy về ôm chân núi
San sát đôi phủ phục quần núi xanh
Chiều xuống rồi tơ lòng rộn ràng rồi
Trời núi đôi ngây ngất nhảy dè nhanh*

*Thôi từ nay tha hồ em mặc sức
Nhảy múa tung sườn núi vút giồng khe
Thôi từ nay tha hồ em mặc sức
Vang vang lên đôi núi giọng be be*

*Những bận nào Trà Linh qua Đá Dừng Hòn Dựng
Dù Chiêng về Phường Rạnh ngược Khe Rinh
Bao lần anh cùng chúng em lặn đạn
Bôn ba qua rú rậm luống rùng mình*

*Những bận nào Quê Sơn Rù Rì con suối ngược
Nước trôi nguồn nước lũ xuống phẳng phẳng
Những bận nào mịt mù mưa gió ướn
Đắm thân mình co rúm lạnh như băng*

*Em nhớ hay không? hồn hoa đại cỏ
Những ngậm ngùi đầu núi canh khuya
Vàng cao gót nai đầu trường hãi sợ
Gió cây rung trút lá mộng tan lia*

*Nhưng từ nay Giáp Nam anh đóng trại
Cố định rồi - em khỏi ngại ngày đêm
Dưới nắng mưa tha phương du mục mãi
Cay đắng từng, bùi ngọt mặn mà thêm*

*Chiều hôm nay bên chó vàng chễm chện
Anh lặng nghe em bé hé bên sườn đồi
Khoanh mây vòng tay anh thoãn thoát bện
Vòng cho em từng chiếc sắp xong rồi*

*Chiều đã xuống em đà no nê chắc
Huyết từ và! em xúm xít lại anh đeo cho
Mỗi chúng em mỗi vòng mây mỗi sắc
Lại mau đây! to nhỏ cô anh so*

*Này em Đen chiếc vòng vàng tươi lắm
Này em Vàng chiếc trắng há mờ đầu
Này em Trắng chiếc hồng càng lóng lánh
Này em Hoa Cà (1) hời! chiếc nâu*

thơ BUI GIANG



*Ngẩng đầu lên! dè ơi anh thông thả
Đeo vòng vào em nghẹn cổ cong xinh
Ngẩng đầu lên! đây lòng anh vàng đá
Gửi gắm vào vòng mây nhuộm tơ duyên*

*Ngẩng đầu lên nhìn anh mờ mắt lệ
Từ lần đầu vòng ngọc tuổi hai mươi
Trao người em trăm năm lợi ước thệ
Đây lần đầu cảm động nhất mà thôi (2)*

*Vòng em xong, vòng anh dành riêng chiếc
Dành riêng mình - Dè hời hiểu vì sao ?
Vì lòng anh luống âm thầm tha thiết
Gán đời mình trọn kiếp với Dê Sao*

*Nhìn anh đây các em Vàng Đen Trắng
Tía Hoa Cà lỗ đồ thấu lòng chưa ?
Từ từ đưa chiếc vòng lên thùng thảng
Anh từ từ đưa xuống cổ đong đưa*

*Và giờ đây một lời thề đã thốt
Nghìn thu sau đời núi chứng cho ta
Cao lời ca bê hê em cùng thốt
Hòa cùng lời anh nghẹn nỗi thiết tha*

*Và giờ đây hoàng hôn mờ trĩu nặng
Bốn bề tràn lan bóng mịt mù sa
Xếp hàng ngay nhanh lên hàng ngũ thảng
Rập ràng về bé hé rạp ràng ca.*

(1) Dê Hoa Cà có lông lỗ đồ tía hồng xem như hoa cà vậy. Đẹp vô cùng. Nhất là những buổi chiều, sắc lông óng ả dưới nắng vàng - xa xa hình bóng dê rục rờ nổi bật trên triền núi xanh lơ Dê Hoa Cà còn gọi là Dê Sao (vì lông lỗ đồ sáng như sao).

(2) Ý nói cái lần đầu, thủa hai mươi tuổi, trao cái vòng ngọc cho vị hôn thê mà không cảm động bằng lần đầu đeo vòng cho dê vậy.



GIỮ SỰ SỐNG CHO NGƯỜI KHÁC LÀ PHƯỚC LỚN NHẤT

Phước Hạnh

Mỗi ngày, chúng ta ước muốn làm một điều gì có phước cho mình dù kinh tế như thế nào. Chúng ta đều cầu nguyện cho thế giới hoà bình dù theo đạo nào. Tâm lý tham sống sợ chết đều giống nhau dù dưới hình thức sống nào. Thế mà thế giới luôn chứng kiến những cảnh mạnh hiếp yếu hung hăng giết người một cách man rợ. Thế giới chỉ giải quyết những chuyện buồn tang tóc đã xảy ra rồi và từng cá nhân và gia đình cũng vẫn phải chịu cảnh chết chóc và mất mát. Nguyên nhân từ đâu? Do ai tạo ra và tại sao bắt buộc con người phải chịu đau đớn như thế chẳng? Trong những tháng cuối của năm 2014, nhiều vụ thảm sát giết người liên tiếp xảy ra trên khắp thế giới.

Oan Gia Tương Báo:

Nhân viên cảnh sát Darren Wilson bắn cậu da màu Michael Brown ở thành phố Ferguson tiểu bang Missouri Hoa Kỳ vào ngày 09 Aug 2014 và tạo ra làn sóng biểu tình khắp nơi, tỏ ra bất bình trước cái chết cậu da màu 18 tuổi. Ngày 16 tháng 12, 2014, cùng lúc xảy ra 2 vụ giết. Tại Úc, một giáo sĩ Iran cầm súng bắt 17 con tin trong quán cafe Lindt, gây chết 2 người anh dũng hy sinh cứu mạng người khác và tay súng khủng bố bị cảnh sát Sydney tiêu diệt tại chỗ. Tại Pakistan, vô cùng đau đớn cho các em học sinh, chỉ vì sinh ra đời làm con người lính Pakistan được Mỹ ủng hộ mà phải chịu chung số phận chết một lúc lên đến 141 em trẻ. Ngày 17 tháng 12, 2014, một vụ xả súng ở Philadelphia tiểu bang Pennsylvania Hoa Kỳ. Trong lúc đang viết bài này thì thêm tay súng da màu bắn chết hai cảnh sát New York vào ngày 21 tháng 12, 2014. Chưa nói hết những vụ giết nhau vì sự xung đột cá nhân hằng ngày rải rác khắp đó đây.

Đất nước Hoa Kỳ là đất nước tự do dân chủ, quyền biểu tình được hiến pháp cho phép và thể là người dân da màu lên tiếng xuống đường bên vực, lúc nào cũng thấy mình bị kỳ thị, bị phân chia giai cấp, bị xem thường mạng sống và dẫn đến nhiều cuộc bạo loạn sắc tộc. Hoa Kỳ là đất nước thượng tôn pháp luật, quân pháp bất vị thân, vi phạm pháp luật ở một đất nước như Hoa Kỳ thì không có trường hợp ngoại lệ, không thiên vị một ai cho dù người đó là cấp bậc gì trong xã hội, mọi người bình đẳng, chịu trách nhiệm hành động mình làm. Vì lẽ đó, hệ hành động nào gây đau khổ cho người khác thì ta sẽ chịu lại hành động từ người khác gây đau khổ cho ta. Gây đau khổ cho người khác chính là gây đau khổ cho ta. Giúp người khác an vui là chính làm cho ta an vui. Ta cố tìm cách hại người thì đấng nào cũng có người tìm cách hại lại ta. Ngày nào ta không còn ba nghiệp thân khẩu ý gây chết chóc cho người cho chúng sinh là ta chấm dứt oan gia nghiệp

báo đời này và đời sau.

Một câu hỏi được đặt ra là các em học sinh còn nhỏ ngây thơ, có làm gì nên tội với sáu tay súng kia đâu, mà sao lại chịu bắn chết một cách thảm như thế? Ai tạo ra hình hài các em đó? Ai tạo ra hình hài các tay súng kia? Cũng như ai tạo ra người da màu, da trắng, da vàng v.v... để rồi sinh ra nhiều vấn đề tâm lý mặc cảm tự ty, mặc cảm tự tôn v.v... Câu trả lời là tất cả đều do mối liên quan nghiệp quá khứ dẫn dắt tới ngày hôm nay và tiếp tục ngày mai. Nếu như ngày hôm nay mọi người biết nhìn sâu trong mình, quán chiếu từ bi, phát khởi tình thương yêu nhân loại, chấm dứt nghiệp sát ngay bây giờ, thì không còn oán thù trong tương lai nữa. Ngược lại vẫn hành động sát sanh và bắn giết lẫn nhau thì oán thù trong tương lai lại tiếp tục kéo dài.

Đóng góp cho nền an ninh hòa bình thế giới, Đạo Phật nguyện cúng dường cho chúng sanh và nhân loại một kho tàng giáo lý hết sức từ bi để xóa bỏ nỗi oán thù nhau nhiều đời nhiều kiếp. Mỗi cá nhân con người có cơ hội tiếp xúc Đạo Phật thì tự nhiên trong lòng sẽ thấy:

*Hận thù diệt hận thù
Đời này không có được
Từ bi diệt hận thù
Là định luật ngàn thu.*

Thực Thể Tương Sinh:

Các pháp không thể tồn tại độc lập. Cái này có cái kia có, cái này sinh cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia cũng diệt theo. Ta nhìn kỹ một pháp nào trước mắt ta đều có mặt hết tất cả các pháp khác trong đó. Ví dụ: một máy tính điện toán (computer) của ta nó bao gồm Mother Board, CPU, Hard Drive, Memory, Case, Speaker, Key Board, Monitor, các dây kết nối v.v... chi tiết hơn nữa vẫn không kể hết. Một bộ phận kia được làm ở đâu, tại Nhật Bản, tại Malaysia, hoặc tại nước nào đó, nước đó cũng có mặt trời mặt trăng, lúa gạo, rau quả, các thứ, niềm tin gì đều có trong bộ phận đó. Con người là nhân tố quan trọng tạo nên các bộ phận trên. Không thể ghét một con người nước nào ta lại tìm cách hại hoặc tiêu diệt hết các cái. Các bộ phận còn lại cũng thế. Ta nghiệm sẽ thấy tất cả các pháp trên đời đều như vậy, một pháp nhỏ nhất vẫn chứa đựng tất cả các yếu tố nhân và duyên trong ấy. Ngược lại, hệ tách từng bộ phận kia ra thì các pháp không hiện hữu và mất giá trị tồn tại của chúng. Do vậy, ta tin Phật là tôn trọng các pháp ấy. Một thực thể (entity) tồn tại không thể tách rời các pháp kia ra được. Một con người hiện hữu dù niềm tin họ đạo gì ta cũng phải tôn trọng họ. Con người sinh ra theo duyên mà có niềm tin (tức đạo gì), không chọn lựa nơi sinh ra,

không chọn niềm tin mình muốn (ngoại trừ đại nguyện theo Phật). Không có lý do gì ta lại sinh ý nghĩ giết họ nếu không theo đạo của mình. Tới đây ta lại càng tin Phật chắc chắn vì họ là Phật sẽ thành như Đức Phật dạy: **"Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành."** Nếu ta có ý hủy diệt một pháp nào đó dù pháp đó không cùng chung niềm tin hoặc khác suy nghĩ của ta thì ta không thể có hạnh phúc ngay trong cuộc đời này được.

Thực Tập Ứng Dụng:

Mỗi tháng nên ăn chay hai ngày, đúng ngày Rằm và mừng Một hằng tháng. Ăn chay có khi ta thấy khó ăn, không vừa khẩu vị, mau đói v.v.. có khi lại không biết ăn chay để làm gì, có lợi ích hay không. Nhiều động vật ăn cỏ mà có tốt hơn ta ăn chay không? Ta cũng nên đặt câu hỏi động vật ấy ăn cỏ mà sao hung dữ quá? Con người chỉ ăn chay tháng hai ngày mà sao lại biết nhường nhịn yêu thương nhau. Ta chưa hiểu hết ý nghĩa sâu sắc thì đặt ra một loạt câu hỏi như thế. Kỳ thực ăn chay để tăng trưởng lòng từ bi thương vật thương người. Ta không muốn chịu nhiều oan gia nghiệp báo trong tương lai. Hai tuần ăn chay trọn một ngày là đánh thức Phật tâm trong lòng mình, ý thức tôn trọng sự sống người khác, nguyện không giết vật một ngày thôi mà phước đức lớn vô cùng. Không dám giết vật thì con người không giết. Cắt chứa vũ khí bảo vệ thân mạng và gia đình mình không bằng khuyên mọi thành viên trong gia đình, khuyên người khác tích lũy công đức ăn chay không giết vật tháng hai ngày. Mạng sống nào chết dưới tay mình, mạng sống ấy sẽ đi đầu thai và quay lại tìm chủ nhân giết chúng để báo thù, cho dù cố tình giết hay vô tình giết. Cố tình giết có hậu quả cố tình giết. Vô tình giết có hậu quả của vô tình giết. Vô tình giết ít hoặc nhiều chủng sinh, thì cũng chịu một kiếp hoặc nhiều kiếp chết vô tình. Mình đang đi trong bãi đậu xe (parking lot), bên kia đang bắn lộn, tự nhiên viên đạn bay xẹt trúng mình và chết tại chỗ, đó là nghiệp nhân và quả vô tình. Làm phước vô tình thì cũng được gạt phước vô tình, tức là có sự may mắn ở đâu đó mang đến cho mà mình không dự định trước. Nếu cố tình giết thì sao? Thì chắc chắn sẽ chịu khổ đau nặng nề.

Xin thưa với các bạn trẻ đôi điều. Các bạn là chủ nhân tương lai của một đất nước, là nguyên khí của một quốc gia. Các bạn nên hãnh diện sinh ra đời làm con người nam thanh nữ tú, làm con của một gia đình đạo đức nề nếp gia giáo. Cha Mẹ bận rộn công ăn việc làm thì các bạn nên tập cho mình thói quen ăn chay tháng hai ngày (Rằm và mừng Một) rất tốt trong cuộc sống hằng ngày, vì các bạn bận học lấy bằng cấp, lo trao dồi kiến thức kỹ năng nghề nghiệp. Đến lúc thành đạt về sự nghiệp, nhìn lại mình thì thấy mình không phải là mình nữa, vì lúc này hay cấu gắt dễ giận hờn. Trước kia, tính tình các bạn không phải như vậy đâu, các bạn dễ thương lắm, hiền từ lắm. Sao bây giờ giống ai ấy? Các bạn không biết tại sao? Cha Mẹ, Anh Em gia đình cũng không biết tại sao luôn. Các bạn nên thương Cha Mẹ chúng ta quá bạn, không có thời gian giúp các bạn tìm tới Phật. Mình làm con có phước hơn Cha Mẹ, được học hành tốt hơn, có điều kiện

hơn, thì nên thông cảm và chia sẻ khó khăn với nhau, không than trách Cha Mẹ, không oán hờn ai hết. Nên trách mình sao không biết vươn lên bằng sức mạnh nội tâm, bằng trái tim khối óc thông minh, bằng hai tay đôi chân khỏe mạnh đi đến Chùa để tìm con đường hoá giải những khổ đau lâu ngày mà chưa dám nói cùng ai. Chỉ cần chấp tay lạy Phật ba lạy, ngồi xuống ngay ngắn, thẳng lưng nhìn vào Đức Phật, hít thở sâu vào ra vài lần, niệm thầm trong tâm bằng cái tên và tuổi của mình, nguyện rằng con đang có những nỗi khổ như thế này, chẳng hạn đang buồn phiền gia đình, đang giận hờn ai, hoặc đang gặp khó khăn công ăn việc làm và bao nhiêu thứ khổ đau khác đang chiếm ngự lòng con. Con phải làm sao? Cầu Phật từ bi gia hộ cho con vượt qua khó khăn này. Nếu con vượt qua khó khăn này, đạt được những điều ước nguyện hằng mong ước, con xin nguyện quy y Phật, xin làm công quả Phật ở Chùa, xin nguyện ăn chay tháng hai ngày (Rằm và mừng Một) để đền đáp sự gia hộ che chở của Phật. Các bạn phải dũng mãnh thực tập ăn chay, và khuyên lại Cha Mẹ ăn chay để tạo phước cho con. Con muốn hiền lành như xưa, như đứa con dễ thương của Cha Mẹ. Đứa con dễ thương nói điều này ra thì không Cha Mẹ nào lại không làm theo. Theo Đạo Phật, vì mọi người chạy theo danh lợi, vật cảnh bên ngoài, chơi với bạn bè xấu bên ngoài ảnh hưởng đến mình, tức là phan duyên trần mà biến mình thành một người khác. Các bạn nên dừng lại các hành động tiêu cực hằng ngày đang làm và tìm cho mình một hướng đi tích cực hơn và tốt nhất. Hướng đi ấy là quay về nương tựa Tam Bảo (Phật Pháp Tăng). Nương tựa Tam Bảo các bạn có chỗ dựa tinh thần vững chắc. Sở dĩ các bạn chao đảo trong cuộc sống là do các bạn không tập sống theo Phật, không tập ăn chay hằng tuần. Đây là nguyên nhân chính người con Phật ăn chay hạnh phúc. Cả gia đình ý thức sống trọn vẹn với nhau trong tình yêu thương với nhau, tự nhiên những nghi kỵ hiểu lầm sẽ không còn và tất nhiên tăng thêm hạnh phúc cho nhau. Đây là điều màu nhiệm có thực của những người tin theo Phật và sống theo Phật. Ta nên thực tập và ứng dụng nó vào cuộc sống.

Mỗi ngày, mỗi tuần Ta phải nguyện đi tới Chùa để thực tập sống tinh thức. Ta thực tập sống đẹp, sống vui, sống thành thời thì ta mới có cái góp phần thiết thực cải thiện cuộc sống xã hội. Ta bận không đi tới Chùa mỗi tuần thì xem như ta không có cái gì đóng góp hạnh phúc cho cuộc đời. Không đóng góp gì có khi không quan trọng bằng chính ta không có sự thực tập mỗi tuần thì chính ta phải gặp và chuốc lấy phiền não khổ đau mà chính do ta gây nên và tạo ra.

Đời sống thật ngắn ngủi, mới thấy sống đó rồi chết đó, vô thường nhanh lắm. Sao ta nỡ đoạn mạng sống chúng sanh và con người một cách vô lý. Ta phải nguyện phóng sanh, tức là không giết thêm một mạng sống nào nữa, thì được phước tăng thêm tuổi thọ lâu dài trong kiếp này và kiếp lai sinh. Giết một mạng sống là giết đi một vị Phật và ta phải chịu nhiều hậu quả không tốt. Do đó, giữ gìn sự sống và quý trọng mạng sống người khác là cách làm phước lớn nhất trên cuộc đời này. Thế giới đang đón mừng Lễ Giáng Sinh cũng chính là đón mừng sự sống tốt đẹp của muôn loài. Cầu nguyện cho chúng sinh được nhiều an lành và mong con người tránh đi các nghiệp nhân sát sinh để bình an và hạnh phúc.

Phước Hạnh, Dec 21, 2014



thơ

TRIỀU HOA ĐẠI

Ở CÙNG NHƯ LẠI

* gửi anh chị: Vĩnh Quý

tôi, buổi sáng ra đời
tiếng kêu nghe rất lạ
chạm mưa trên ghênh đá
ướt sũng giọt thiên thu
ở lại một ngày kia
tôi vầng trăng rất khác
giòng sông trôi khuất lấp
thối tiếng hát đi đâu
tôi biết tôi từ đây
đã có nhiều Như Lai
một con mắt quanh hiu
hai con không gượng nổi
chiều, trên đồi mưa vội
còn lại một con người
lững thững. bóng và tôi
đầy mặt sông lá biếc
ghé. chiều nay âm ướt
quên gói kín vàng trắng
đốt ngọn lửa mùa đông
sáng ra. Tôi, khuất bóng
rừng. nở hoa mùa chậm
tôi ở cùng Như Lai
suốt cả buổi chiều nay
tôi ngồi. tôi bóng khuất
tôi ở cùng Như Lai
thơm, thơm cây cỏ ngái
thân tứ đại ấy mà
đi đâu rồi cũng vậy.

ANH NGÔI KHỐC BỤT

một ngày rất lạ
từ con đường xa
em vẫy người ta
qua cầu chân mới
hai tay chụm lại
em vẽ tình anh
con chim làm thình
vù bay trời rộng

ngày lại tình tang
ở cuối bìa làng
con bò, con nghe
nhủ nhau ngồi nghỉ
lọt lợi qua truông
bướm bay lạc đường
ngõ nhà hàng xóm
lâm khi cũng còn
khói chiều sau bếp
tại vì kiếp trước
lỡ. anh yêu em
tay mãi làm quen
chân quên nguồn cội
mỗi ngày. mỗi nói
những câu đằm đìa
a thế thì ra
tội người biết máy
làm thình cũng vậy
gào thét cũng thôi
em đã quên rồi
anh ngôi khóc bụt.

MƯA BÁT NHÃ

bát nhã. mưa bát nhã
ta tìm ta nơi đâu
tìm em hoài kiếp trước
đã xanh rồi chiêm bao

qua đời. qua đời thấp
bụi mùa bay kín trời
văng như lời trong gió
nhủ tình về xưa, sau

bát nhã chiều đã quạnh
đường xanh xưa dấu ngày
vàng. xe quay dấu chậm
một ngày chờ chi đây?

mong chờ chi người tới
thấp thoáng ngồi xanh xao
thấp lên đèn một thuở
lạnh kiếp đời, xưa sau

hỡi ơi hoài lỡ chuyến
ấp ủ những kiếp người
ở nơi nào. nơi ấy
ta tìm hoài chiêm bao

ta tìm em bát nhã
mà chi đời mưa phai.

(New York : 1/15/ 2015)



Đạp tuyết tâm mai

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH



Buổi sáng mùa đông năm ấy, tu viện Thiên Môn, phía Bắc thị trấn Odeti, chợt xuất hiện một người khách lạ. Không biết y bao nhiêu tuổi nhưng nom đã già cõi lắm. Lão vác một nhánh mai to nặng và thò tay giặt chuồng cống tu viện.

Lúc ấy tuyết đang rơi, đường sá phủ từng đồng tuyết tròn, nhấp nhô như mộ địa, không một bóng người lai vãng. Gió Tây Bắc ào ào thổi qua, tung tuyết rất mặt. Trời nặng nề, đục, đầy vẻ hăm dọa, có lẽ phải lạnh đến mười độ âm.

Người khách trùm chiếc áo bông đã tang thương và phong trần quá đời. Đôi ủng da cũng đã xác xơ và điêu linh như thế. Không biết y đã dẫm qua bao nhiêu sông núi mới đến được nơi này.

Một nhà sư to, cao, cà-sa trùm kín người, tay đưng đưa chùm chìa khóa, dáng bực bội ra mở cổng tu viện. Ý chừng lại. Ở đâu ra người khách kỳ quái này? Và hành mai như thần thông diệu hóa thể kia? Làm sao lại có được hành mai đương độ khi trùm lấp xứ này, cây cối chông chơ những que cọng vươn lên từ biển tuyết thể kia thì chưa hứa hẹn một mầm xanh nào cả. Giữa cái trở trụi của mùa đông, nổi bật lên hành mai mơn nỡn, điểm lác đác mấy nụ vàng tươi như thách thức và bỡn cợt với hóa công! Người khách - *cái lão già khú đế kỳ khôi này* - rõ ràng là đang đứng đó thôi: Bất động, lạnh lùng, đôi mắt sáng đục, lơ đãng nhưng bình thản. Đây là sự nghi ngại của con ngựa già dẻo dai, hiền hách sau chặng đường xa lao nhọc.

- Quý tôn ông hẳn là không gõ lầm cửa đây chứ ạ? Nhà sư dè

dặt cất tiếng hỏi.

- Không lầm đâu! Người khách đáp, giọng nhỏ, nhưng luồng hơi dường như đi xoáy vào tai.

Nhà sư biến sắc, giặt lùi một bước, lát sau mới trấn tĩnh lại:

- Xin cho bần đạo hay là vào tu viện để gặp ai? Có việc gì?

Người khách như thoáng mỉm cười rồi giọng nói như làn gió mùa thu mát mẻ:

- Nó như thế này! Khách nói như phân trần - lão sẽ làm phiền nhà chùa một chút thôi. Đại đức ạ! Lão xin được cắm hành mai này vào một chiếc lọ



thích hợp, mà đúng là thích hợp đấy nhé! Lão nhấn mạnh rồi ngược nhìn trời - Tiết dương nguyên cũng không còn bao chày, có một gốc mai đúng độ để nhà chùa thưởng xuân, cũng là một nhả thú đấy chứ? Chẳng hay có trở ngại gì không ạ?

- Dạ không! Nhà sư vội đáp nhưng có vẻ ngần ngại - sao lại có chuyện kỳ lạ như vậy? Bần đạo có nghe lầm chẳng? Có điều kiện gì chẳng?

Người khách lại tùm tùm cười, cất giọng dịu dàng:

- Đại đức ạ! Nếu đây là việc cúng dường thì hẳn là tốt chứ?

- Đúng vậy! Nhà sư gật đầu - việc cúng dường thì chẳng có gì trở ngại, mà lại rất quý báu nữa, thưa tôn ông!

Nói xong, nhà sư nhắc tay đẩy cánh gỗ lim dày.

Hơn ai hết, nhà sư hiểu rõ giá trị của hành mai nọ, dầu ngàn vàng cũng không mua được. Sau những ngày tuyết giá là mùa xuân, nhưng mùa đông năm nay dường như kéo dài ra, hoa mai đào sẽ nở muộn. Suốt cả vùng Tây Bắc này sẽ không có được một nụ hoa tươi. Tại chốn đế kinh, mấy năm về trước, thiên hoàng cũng có được mấy cành do các nhà thương buôn Trung Quốc mang đến phụng dâng, nhưng

chắc là không thể sánh được với cái mai tuyết với này. Người lựa chọn nó chẳng phải là một con người tầm thường. Cảnh mai này thì bậc đế vương cũng ngoài tầm mơ ước. Cội mai xứng đáng để trong một cái lọ cổ quý màu thanh ngọc điểm tuyết vân, đặt trên cái kỷ bằng gỗ trầm hương, chẳng cần phủ gấm thêu chỉ vàng chỉ bạc. Được bình mai vô giá này, danh tiếng nhà chùa sẽ lan tới chốn đế kinh, chắc hẳn thiên hoàng sẽ tìm đến cùng

với thiên hậu, thứ hậu lần tùy tùng đông đảo. Và như vậy, nhà chùa sẽ có chút bổng lộc, sống đầy đủ vài ba tháng. Ngoài ra, các tao nhân mặc khách tha hồ tìm đến để ngâm vịnh, xướng họa. Thơ phú sẽ được trân trọng viết lên giấy bạch vân, hoa tiên, xuyên chỉ, nguyệt cung điện... để chưng ở khách đường, viện trà, thư hương quán... Mà hề có tài tử tất có giai nhân, biết bao nhiêu là tía hồng kiều mị là lướt vào ra, đông vui như ngày hoa bướm hội.

Miền man suy tưởng, rạn vỡ nụ cười, nhà sư đã dẫn khách đến Nghinh Phong đường hồi nào chẳng hay. Cả chùa đổ xô lại,

sừng sốt, hết nhìn khách lạ lại nhìn nhành mai: cành, nhánh phân bố hài hòa, gốc to đen sần sù, gân guốc, bám đầy rêu đá. Đẹp như tranh!

Sư tri sự bước lại. Sau khi biết chuyện, một chiếc lọ cổ được mang ra. Người ta chuẩn bị mọi thứ cho khách cắm nhành mai vào đây.

- Không được! Khách nói lớn giọng, dứt khoát - Không thích hợp! Giọng oang oang đình cả tai mọi người.

Nhóm thiền sinh hoàng kinh, dạt ra xa. Sư tri khách lễ độ nói:

- Thưa tôn ông! Đây là cái bình cổ nhất, quý nhất, đẹp nhất của tu viện.

Người khách có vẻ không muốn nhiều lời, chỉ một mực lắc đầu. Một vài tiếng thì thào. Nhưng giá trị của cội mai bắt người ta phải chiều lòng vậy. Rồi mấy chục chiếc lọ nữa được mang ra, khách vẫn không vừa ý. Cả chùa đã tỏ ra bức bối vì sự khó tính này, một vài lời bất như ý, phạm thượng đã nhỏ nhỏ thốt ra.

- Có một chiếc lọ cổ! Khách chậm rãi nói - không quý lắm! Trên miệng bình đã sứt hai chỗ. Một to bằng đồng tiền có phù điêu của Thành đức Thái tử. Một to bằng miệng chung rượu niên đại Suy Cổ Thiên hoàng. Men màu thúy lam, đôi chỗ lũng ửng màu hoàng yến; đường hoa văn thủy tiên chạy chỉ thêu màu thanh thủy rạng...

Ái nấy đều ngơ ngác. Vài vị thượng tọa niên cao, lạp lớn nhăn trán, nhíu mày. Chịu. Không ai biết ắt giáp gì cái lọ ấy.

Hòa thượng viện trưởng đang đọc sách ở Thính Tâm đường sau khi nghe thượng tọa tri khách trình bày câu chuyện về người khách, cội mai và chiếc lọ, ngài vội buông sách, chụp vội chiếc gậy lê, không kịp xô hài, đã như đám phù vân lướt nhanh ra phía trước.

Bốn tia mắt gặp nhau. Những ánh sao loáng lên. Hòa thượng rùng mình. Không khí lặng yên, đọng lại. Đột ngột, hòa thượng đọc to lên:

- *Kỳ lư quá tiểu kiều*

Cảm thương mai lạc hoa...

Lạ lòng thay! Đôi mắt khách chớp chớp, thoáng mờ như hơi sương. Hai câu thơ kia được tiếp tục như gió xao qua ngàn lau:

- *Cổ nhân sâu bạch phát*

Kỳ độ thủy lưu hà!"

Hòa thượng viện trưởng lắc lư như chao sóng:

- Các con! Ngài cố dấu sự xúc động - Chiếc lọ cổ ấy các con

MÙA XUÂN QUANH TA



*Khi rét buốt về vùng cao đất nước
Cắt thịt da như vết chém thương đau
Dáng khảng khiu nhìn bàn tay năm ngón
Mắt đăm đăm rừng núi lạnh nghiêng sâu!*

Sương tuyết phủ, gió rít hờn lạnh giá

Nỗi trơ buồn bám chặt ước mơ con

Không đủ sức nên có loài gục ngã

Cóng thân đời vùi mộng dưới hoàng hôn.

Phong phanh chiếc áo đời không đủ ấm

Bóng trắng sương nhòa lệ xuống đêm gầy

Những canh trắng tiếng thở dài sâu thẳm

Đối diện mình, mình chiết giọt tâm cay!

Khấp què ta

Có những mảnh đời nghiệt ngã

Dấu thương đau trong ánh mắt phong trần

Nỗi đày đọa kiếp hoang sầu sa mạc

Dù mùa Đông, Thu, Hạ hay mùa Xuân!

Mùa xuân đến

Phải chăng từ cuộc sống

Mà thâm thương cho cuộc sống muôn nhà!

Nếu nhân rộng những tâm hồn "hạt giống"

Cảm nhận nào

Hơn giá rét quanh ta...!

thơ

MẠC PHƯƠNG TỬ

không biết là phải. Đây là di vật của tổ sư, ta cất giữ kín đáo ở Tầng Vân các. Lão tôn ông đây không phải là người lạ. Tạm thời các con ai về phòng nấy. Ta sẽ nói chuyện với các con sau.

Tổ sư khai sơn chùa Thiên Môn, vốn là chương môn một tông phái võ học danh tiếng. Sau khi nghe pháp thấy đạo, ngài biến võ đường thành thiền đường, lần lượt thụ giáo các cao tăng, sau đó thân nhận môn đồ cả tăng lẫn tục. Ngài chọn một con đường riêng biệt. Các đệ tử của tổ sư phải trải qua một thời gian công phu khổ hạnh - về đạo, về võ học cũng như văn chương, nghệ thuật... Có người đã đi những bộ môn chuyên biệt,

nên sau này ra đời, họ có thể xuống núi theo con đường tùy duyên hạnh nguyện. Đây như là thông lệ để gạn cát tìm vàng, đào tạo những bản lãnh tăng tài làm giềng mối mai hậu cho cửa thiền.

Cứ mỗi năm giáp Tết, tổ sư cho sửa sang quét dọn sau trước, đốt hương, xông trầm rồi chưng ở chiếc kỳ một bình mai. Bên kia vách nửa thấp thoáng vài câu đối. Bên này vách nửa lấp loáng câu thơ trên mảnh giấy mộc vân:

**"Kỳ lư quá tiểu kiều
Cảm thương mai lạc hoa
Cổ nhân sâu bạch phát
Kỳ độ thủy lưu hà!"** (1)

Bài thơ này được tổ sư chép ra từ bức tranh thi họa ở chiếc lọ cổ - kể từ năm năm thứ nhất khi

đợt đệ tử đầu tiên xuống núi. Rồi năm năm thứ hai nữa qua đi, bài thơ cũ được viết lên trên giấy mới, cành mai được lựa chọn công phu hơn, cành nhánh tựa tốt nghệ thuật hơn - vẫn không có bóng dáng người đệ tử nào trở về!

Từ hai mươi tháng chạp, những năm tuyết tan sớm, tổ sư thường đi vào cơn nhập định dài. Ngồi trên nệm cỏ, đôi mày bạc kéo xiên như hai vệt tuyết, vùng trán cao nhẵn bóng như vách đá cẩm thạch. Bình mai bây giờ đã là một tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời. Bài thơ bây giờ rõ là nét chữ đang muốn hóa rồng để bay lên mây xanh! Nhưng sự đón chờ dường như đã mỏi mòn, chỉ có ngọn gió đông thì thào thoảng qua như cột, như trêu! Qua cánh cửa tròn nhìn ra vùng đồi nhấp nhô, những cánh đào bung lộc mơn, lơ thơ mấy nụ "hồng vân sơn trà" ửng đỏ như điểm chu sa - tổ sư ngồi nhìn bất động. Có lẽ nào tổ sư đang ngưng lắng cả thân tâm để phân biệt chiếc lá khô rơi hay tiếng bước chân khe khẽ quen thuộc bên kia triền núi? Tổ sư có xả thiền vài lần, chống chiếc gậy lè, lưng thỉnh thoảng theo triền núi xanh sim đại, bóng cắt giữa nền trời quạnh hiu. Tiếng chim núi hót vút lên không. Mấy con đường mòn ngoằn ngoèo bò lên tu viện, heo hút. Vẫn không có một bóng ma nào!

Buổi giảng pháp đêm giao thừa, tổ sư ngồi trên chiếc bồ đoàn, từ xa, phất tay áo rộng. Một làn gió quật tới. Chiếc lọ cổ dường như được chà thành men láng. Màu thúy lam chợt sáng lên, hiện rõ nét, linh động hơn, bức tranh: "Đạp tuyết tâm mai".

- Các con ơi! Giọng tổ sư thoảng như tiếng gió lướt qua sơn khê hồ hải - Những huynh trưởng của các con thành tài, xin xuống núi, thể là hơn mười năm rồi, không có ai trở lại. Thế là đã như ông lão trong bức tranh kia, suốt bao ngày lặn lội, công phu tìm kiếm trên non cao tuyết giá, lúc về làng, qua cầu, ngoảnh nhìn lại - thì nhánh mai tuyết đẹp chỉ còn là nhánh củi khô!

Các con ơi! Đời tu hành lập nguyện đều như thế cả. Mai này các con có xuống núi, thầy mong rằng được nhìn thấy chỉ một cành mai nguyên vẹn cũng đã thỏa nguyện lắm rồi...

Tổ sư nói xong, thở dài, đưa



mắt nhìn đệ tử một lượt, đôi mắt vừa thăm sâu, vừa thương bi khó tả. Đột nhiên, thân không động, một làn khói vọt đi. Chỉ mây thoáng nhấp nhô. Tổ sư đã đến vách đá phía Tây tu viện, hai tà áo không ngớt lay động, những mảnh bụi đá tung bay tào rào... Sáng ngày, tuyết trong, nhạt rang, như chạm vào vách trời một câu thơ - một vế đối - lạnh buốt cả hư không:

"Thiên hạ minh mông, vi tầng nhất hữu! (2)"

Và ngạc nhiên xiết bao, mấy hôm sau, bên cạnh đấy, nét chữ sâu mạnh cũng một tám một mười, vế đối lại cũng hàm tàng mấy phần khẩu khí:

"Môn trung lạc bạc, hà dĩ duy vô! (3)"

Rồi từ đó, cửa Thiền mất bóng vị đệ tử trưởng tràng tài hoa. Y vì tự ái hoặc vì đau xót tâm sự bi thương của tổ sư mà đã lặng lẽ vác lưỡi gươm Thiền đao lên đường? Lời nguyện nơi vách đá không biết có hồ thẹn với tuệ nguyệt và càn khôn?

Nhà tổ chỉ có hai người. Trầm hương ấm cúng và man mác. Một loài chim tuyết lạc giọng kêu ở đâu đó. Gió thì thảo ở rất xa...

Chiếc lọ cổ được hòa thượng viện trưởng đích thân mang ra. Đôi mắt khách lạ sáng lên rồi cúi xuống thò tay xoa lớp bụi đục. Tranh là một ông lão cỡi la qua cầu, đằng sau là chú tiểu đồng vác một cành mai, cuốn bụi chạy theo, hoa rơi từng đóa, từng đóa... Như gặp lại hình ảnh giáo huấn đẹp để đã quá lâu xưa, khuôn mặt khách toát ra niềm vui tĩnh lặng. Nó như thoảng nắng mới hồng lên rồi tan nhanh giữa hư không - tan mà không mất. Khách như trẻ lại hằng mười tuổi.

Bình mai đã cắm xong, đầy

tinh tế và đầy trân trọng. Đặt đúng vào chiếc lọ này, côi mai như tăng thêm sức sống và sự linh động. Vài hạt tuyết li ti còn dính ở đầu đó làm cho cành nhánh tươi mới hẳn lên. Gió lất phất thổi qua. Không cần nắng ấm mà chỉ cần cành mai đơn sơ mấy nụ, với một nghệ thuật vững chắc, mùa xuân thật sự đã về ở đây rồi!

Người khách đứng vòng tay, trầm mặc. Lát sau, y bước tới bàn thờ tổ. Y quý rất lâu như hoàn toàn quên

bằng mình và ngoại giới. Y như bỏ cả sông núi, phong trần bên ngoài chân trời, thu gói mình lại trong không khí cô đọng, cổ xưa và thanh khiết.

Khi quay lại, như bước ra từ vùng huyền hoặc khói sương, khách vươn mình đứng thẳng, dáng cao lênh khênh và cằn côi như một lão bách tòng, khuôn mặt sáng rỡ bình an và đôi mắt như hai ngôi sao lấp lánh.

Hoàng thượng Môn thân nổi gai ốc, hai đầu gối như muốn khụy xuống.

- Hãy bình tĩnh! Hãy bình tĩnh! Giọng khách rất dịu dàng, như đỉnh núi nói với ngàn dâu, như sự tịch lặng nói với niềm xao xuyên - hòa thượng đã nhận ra tựa, lão sư huynh bạc hạnh này. Dầu bây giờ ta đã không còn hồ thẹn với tổ sư xưa, nhưng ta... nhưng ta...

Khách chột xúc động nắm bàn tay run run của hòa thượng viện trưởng. Họ không nói được, chỉ nhìn lặng lẽ vào mắt nhau. Họ dẫn nhau đến bàn trà. Cũng rất lặng lẽ.

Khách nhìn khắp liêu phòng, dừng lại nơi mấy bức tranh, mấy bài thơ đã cũ vàng, trang trọng lồng trong những khung hoa văn cổ kính - về đăm chiêu. Hòa thượng nhỏ nhẹ nói:

- Mấy bài thơ, mấy bức tranh này là bảo vật còn lại của tổ sư. Sau khi lão huynh xuống núi, tổ sư đóng cửa dạy môn đồ. Thì giờ còn lại, tổ sư dành cho thiền định. Tổ sư không còn làm thơ, vẽ tranh, cắm hoa hoặc bất kỳ một sinh thú chân tay nào khác. Tổ sư cũng không còn thông lệ dạo chơi trên những ngọn đồi vắng hay ngồi bên bình mai vào mỗi độ giáp Tết. Tuy thế, những hành tung của lão huynh, dấu tận chân trời cuối đất, tổ sư vẫn biết rất rõ... Hòa thượng nghỉ một lát, định nói gì, lại thôi. Sau đó, hòa thượng thở dài rồi tiếp - tổ sư tịch năm

845, khi Hoàn Vũ Thiên Hoàng thiên đô từ Nại Lương về Kyoto năm thứ mười...

Hai tay khách nâng chung trà uống một ngụm sâu, xoay xoay cái chung trong tay, trầm ngâm, rồi hỏi:

- Những huynh đệ của chúng ta và cả vài thế hệ sau này nữa, có ai về núi đến không?

- Có, khá nhiều! À, nhưng mà không! Tổ sư bảo là không có một nhánh mai nào nguyên vẹn cả!

Khách mỉm cười xa xôi:

- Thế thì về đối nơi vách đá của tổ sư, vẫn là cái tiên tri đời đời vậy.

Hòa thượng móm mém nở nụ cười, nhưng lại lắc đầu:

- Không phải thế, không hẳn là thế! Còn nhánh mai nguyên vẹn của lão huynh thì sao? *Hà dĩ duy vô?*

- Đấy cũng là mong ước của ta! Nhưng mà không biết tổ sư có chứng giám cho ta chăng? Cảnh mai kia không biết có phải là cảnh mai nguyên vẹn như kỳ vọng của tổ sư chăng?

Hòa thượng Thiên Môn không biết nói làm sao cả. Lời nói nào cũng chưa chắc đúng, đôi khi lại trống không, vô nghĩa nữa. Cũng như thế hệ huynh trưởng đi trước, vị lão huynh này cũng mang đầy nhiệt huyết xuống núi sống đời hạnh nguyện, tắt nước bể đông, biển cái thế gian. Y đã lao thân vào dòng, chẳng ngại gì những vùng nước xoáy. Cái bản lãnh của y, lưỡi gươm chính khí của y đánh bại được cả những ma quân hung bạo nhất, thế nhưng y đã không đánh bại được chính mình. Khoảng cách này là sợi tóc. Lộ trình này là đi trên lưỡi dao cạo. Và thế là... trọn một đời tìm kiếm, hoạch đắc, cái gia tài vô giá ấy đã rơi rụng xuống dọc đường, trên mọi nẻo tối tăm của đục vọng và bản ngã... Nhưng mà vị lão huynh

này đã trở về, thành khẩn trở về... và ta đã thấy trong đôi mắt y có một nhánh mai. Như vậy thì sự thất vọng kia quan trọng hay sự giác ngộ khổ đau quan trọng hơn?

Chợt nhiên, một hình ảnh lóe lên từ bức tranh cổ.

Cụ già ở đây hốt nhiên trắng bạc, da mặt với những nếp nhăn nheo như sóng gợn, điệp điệp lên nhau thời gian và sinh tử. Lưng lão cúi xuống, cong hơn, gót chân sây sứt máu, mồ hôi vã ra, rơi xuống biển đen. Trắng trên cao lạnh lùng băng giá. Hoang mạc tiếp hoang mạc, sơn khê tiếp sơn khê... Tất cả chúng đang chấp chùng nhay múa trong vô thức như những ám ảnh trường đồ tại thế khổ nạn... Hòa thượng Thiên Môn rung mình, thấy thêm một mặt ngữ của "khổ đế" trong bức tranh "Đạp tuyết tâm mai" mà vị lão huynh đã chứng nghiệm bằng chính trái tim, hơi thở, bằng cả sự sống của một đời người. Hòa thượng bần thần dẫ dượt. Khi ngược mắt lên thì khách lạ đã đi đâu mất. Ánh trăng đêm đông về sáng lấp ló sau bức màn thưa. Té ra một đêm đã trôi qua. Xung quanh cửa đóng then cài nhưng khách lạ đã biến đi như một trò huyền hoặc.

Hòa thượng khơi đèn. Trên bàn còn có một phong thư với những nét chữ chưa ráo mực.

"Chỉ có đau khổ và sự giác ngộ đau khổ. Không còn gì nữa hết. Không có gì đáng nói ở trong đời. Khi mặt trời đã lên thì còn đâu nữa những ngọn đèn leo lét bên đường rồi tìm an lạc hay chân phúc? Ta về đây không phải vì lời thề trên vách đá. Ta chỉ muốn đặt dưới chân Tổ sư một cành mai nguyên vẹn mà thôi"

Đọc xong, hòa thượng Thiên Môn tùm tùm cười. "Đúng như ta nghĩ là cảnh mai kia còn nguyên vẹn, nguyên vẹn và tươi đẹp hơn cả ở đâu non, hơn cả trên băng tuyết! Nhưng mà lão huynh đã phải lặn lội tìm kiếm lâu quá, lâu quá... Ô, mà có hề gì đâu! Có kẻ suốt đời ướp trầm, xông hương rồi chứng trên những chiếc bình trần quý mấy cành củi khô, hoa đã rụng lâu rồi! Còn ta nữa, tám mươi năm qua, có lẽ nào ta cũng đã từng làm vậy?"

Một tình cảm mang mang len vào lòng. Hòa thượng đứng dậy. Ánh trăng vẫn lạnh lùng bên bức màn thưa, sáng nhợt nhạt. Một tâm hồn nào vợi vợi ở trên cao, sau mấy tầng mây



khói? Một cơn gió thổi mạnh. Một mảnh giấy chao động trước mắt. Hòa thượng bước lại. Đấy là một bài thơ trên manh giấy mộc vẫn đã cũ. Bài thơ với nét chữ tài hoa hiện ra như một trò ảo thuật. Bài thơ cũ, thêm hai câu mới, như mở ra một chân trời mới, rồi khép lại đầu cũng ở cuối chân trời...

*"Kỵ lư quá tiểu kiều
Cảm thương mai lạc hoa
Cổ nhân sầu bạch phát
Kỷ độ thủy lưu hà
Ngã kim bạch vân quá
Không xứ, vong cổ gia! (4)"*

Hòa thượng sung sướng quá, buông rơi ngọn đèn. Trước mắt, đám mây trắng và dòng nước xanh trôi chảy bình yên, thanh thản. Và khách lạ đứng ở trên cao, mỉm cười dịu dàng, mảnh y bào phất phới. Sao kết thành từng chuỗi, từng chùm bông trắng rơi tua tua. Cối lão mai thò qua từ sau hốc núi điểm lơ thơ mấy nụ vàng, nụ vàng kết thành đài sen. Và tổ sư tình tựa an nhiên, khuôn mặt vĩnh cửu và nụ cười hỷ hoan như chư Phật.

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

Chú thích:

(1) "Cởi lừa qua cầu nhỏ. Cảm thương mai rụng hoa. Người xưa sầu bạc tóc. Nước chảy mấy thu là!"

(2) Tạm diễn ý: Thiên hạ mệnh mỏng rộng lớn, chưa từng có một người (đệ tử).

(3) Tạm diễn ý: Trong cửa chùa đơn sơ ít ỏi, sao há lại không (có ai!)

(4) Tạm diễn ý hai câu cuối: "Quên quê nhà, quên chốn. Ta nay mây trắng qua".



Bàn phím trên bàn phím

TOẠI KHANH

Chỉ trong mấy tháng ngắn ngủi, tôi đã nghe tin tức về cái chết của cả trăm ngàn người. Trận bão Nargis ở Miến Điện, bạo loạn ở Tây Tạng, động đất ở Tứ Xuyên, rồi thì sự ra đi của bao nhiêu là những nhân vật tiếng tăm trong đạo ngoài đời, đã vậy lại còn là những gương mặt được xem là đỉnh đám và nhạy cảm hàng đầu trong thời điểm hiện tại. Ở khía cạnh cá nhân, cái chết nào cũng như cái chết nào, nhưng trên một giao diện rộng hơn, với cộng đồng thiên hạ, có những cái chết là cả một cái tang lớn. Vì nó cuốn theo đó một tí vấn đề, bao gồm bao thứ dở dang vẫn còn lại đó. Tôi đã thử người khi nghe được hung tin về hai nhân vật đều trên hàng thượng thọ, dù đó không hề là chuyện bất ngờ. Ai sống hơn 80 cứ xem là đã đứng trên hai chữ bất trắc rồi. Nhưng rồi đã sao chứ? Một cái tang có cáo phó, phân ưu, văn tế rồi kèn trống nghi trượng hay một cái chết không có nổi mạnh chiếu đây xác đều có một chỗ giống nhau đến nao lòng: Kê ra đi không hề biết gì về chuyện hậu sự của mình. Người ở lại muốn sao thì vậy. Thế rồi trong cõi ký ức chớm già của mình, tôi băng khuâng nhớ lại một lần nào đó Online đã từng đọc thấy lời ghi kỳ lạ trên hai bia mộ, thiết tình chẳng biết nên cười hay khóc nữa. Kiếp người, rồi thì cõi nhân gian này sao mà đơn giản quá vậy chứ. Trên bia mộ một tay kỹ sư điện toán kia, bên dưới tên họ và năm sinh, chỉ vón vện một dòng: *Runtime error at 17:05:07*. Và trên bia mộ một tay nghiên Computer, có lẽ là Phật tử: *System halted at 03:05:08. Please press Ctrl+Alt+Del to re... born!*

Đáng ra đó là chuyện để cười, để giải trí, nhưng nói thiết, tôi cười hồng nổi. Ai biết được bao giờ lúc nào đến lượt mình được thiên hạ đưa đi hòa táng và bấm giùm cái nút... *Reborn*. Ngẫm sơ qua cũng thấy ngán thiết. Bởi



ngày buồn đó rất có thể chỉ là tuần sau!

Nhưng chẳng lẽ chuyện chi có vậy hay sao? Dám đem cái computer ví von với cả một kiếp người thử hỏi có quá đáng chẳng; nhưng trong suy tưởng mơ hồ, tôi thấy hình như cũng đâu có chi là sai chứ. Người tin Phật một tí xíu cũng hiểu rằng chết rồi đâu phải là hết, và cái gọi là kiếp người đâu phải chỉ là con số năm tháng hưởng dương hay hưởng thọ gì ấy. Cho dù anh có xem cái chết chỉ là giây phút kết thúc một cuộc chơi, hay một lần tắt máy của computer, thì cũng đừng quên trước đó anh đã chơi trò gì, hay cái computer của anh đã được sử dụng cho chuyện chi mới được chứ. Người bây giờ thiếu gì kẻ vào tù hay trở thành triệu phú bằng vài phút sử dụng computer. Tôi mù tịt điện toán, chỉ ngẫu nhiên để ý vài nét tương đồng giữa con người với chiếc máy rồi tâm đắc với riêng mình như những công án có thể tham chiếu suốt đời. Giữa hai thứ cứ có những cái giống nhau thiệt ngộ, một sự giống nhau đến kỳ lạ nhưng độc đáo và thú vị quá chừng:

Ai thường làm sạch computer bằng disk-cleanup chắc còn nhớ câu này: *Disk cleanup is calculating how much space you will be able to free on [C:].* Tôi chịu cái câu đó quá. Tình thoảng hãy tự ngó lại mình để xem thời gian, sức khỏe, tiền bạc và đầu óc của anh còn lại được bao nhiêu chỗ trống cho

những thứ đàng hoàng hữu ích. Rác rưởi nhiều quá thì mấy thứ hữu dụng làm gì có chỗ. Đó là chưa kể đến khoản máy anh hay óc anh khi chứa quá nhiều thứ, sẽ tự làm chậm chính mình vì phải luôn vác theo mình biết bao là gánh nặng. Cứ nhìn những gì một người sở hữu thì có thể biết anh ta còn dư lại bao nhiêu khả năng cho những thứ khác ngay. Không những một cá nhân, mà đến cả một tổ chức, thậm chí một đất nước cũng đều như vậy cả. So kê mấy chi tiết còn con đó, ai dám bảo không thể đem computer so với con người chứ!

Lãng xảng một đời hay rong ruổi mười phút trên máy computer rồi thì cũng phải đến lúc bỏ hết mà đi hay tắt máy. Máy tính ở mấy xứ nghèo còn có thêm một cách tắt máy đặc thù là mình chưa kịp tắt thì người ta đã cúp điện ngang xương. Đời người cũng vậy thôi, người ta có nhiều cách để bị xóa dấu, hoặc mình hoặc người, sự ra đi lúc chết hay tàn lụi thưở sinh tiền. Phù du lắm, nhưng không thể xem là vô nghiệm. *There is nothing is nothing!*

Những nơi chốn, hoàn cảnh ta sống qua trong đời ngẫm kỹ cũng giống hết những website trên internet mà ta tình cờ bắt gặp một đêm khuya nào đó. Vui buồn, tốt xấu đủ cả. Và sau một thoáng phù du, gì cũng qua đi. Cái đáng nói chính là người ta đã ứng phó ra sao với từng phút giây đối diện vấn đề và những gì còn đọng lại sau đó trong óc, trong tim. Máy của anh tốt hay xoàng, kiến thức điện toán của anh ra sao, nơi chốn anh sử dụng computer là ở đâu,... mấy thứ đó là những điều kiện cốt tử cho việc vận hành của một chiếc máy tính. Đời người cũng vậy thôi, hành trạng của anh là gì, bối cảnh tồn tại của anh ra sao, những thứ đó sẽ góp phần quyết định điều anh sẽ làm được cho mình và cho đời, để chung cuộc của anh sẽ theo đó mà như thế nào.

Thế đã hết đâu, con người và máy tính còn bao nhiêu là những tương đồng khác nữa. Ai xài computer lại không biết đến password, người mình trong nước vẫn gọi là mật mã hay mã khóa gì đó thì phải. Anh quên hay không biết password thì coi như chẳng làm ăn gì được. Gẫm kỹ, ai dám bảo con người với nhau lại không có password chứ. Tại sao trong muôn người thiên hạ chỉ có hai người đó với nhau mà không là ai khác? Họ biết được password của đối phương nên chỉ một cái click là có thể đường hoàng bước vào mê cung tâm tưởng của người đối diện. Kẻ học đạo không biết được password của thánh hiền thì có mầy mò cả đời cũng chỉ là con mọt sách trên cuốn cổ thư mà thôi. Có rất nhiều lý do để ta không có được password của nhau: Nếu không nói ngắn gọn là bởi tập khí phiền não thì là những ngăn ngại của ý thức chính trị, văn hóa hay quan điểm tôn giáo. Người ta có thể do hoàn cảnh sống, do sự cố chấp hoặc dốt nát mà không nhìn thấy con đường tương thông với thiên hạ. Hàng tỉ người trên hành tinh này đang xung đột nhau chỉ vì không biết được password của đối phương. Ta thấy nhau mà không gặp nhau, hay gặp nhau mà không thấy nhau... đều là những bi kịch đi ra từ chỗ thiếu password. Chìm sâu trong biển khổ mà vẫn bế tắc không tìm ra lối thoát cũng chỉ vì thiếu password. Chỉ nói riêng về đạo giải thoát, theo tôi, tu học là tìm hiểu password của chính mình và hiện thánh. Đạo lực càng thâm hậu thì người ta càng biết nhiều về những password cần thiết để hiểu mình, hiểu đời. Đến được thánh nhân thì cái gì cũng là unlock hết!

Tôi dốt điện toán, chỉ biết thêm một chuyện nữa trên computer đó là vào Internet để tìm (search) thông tin. Không phải cứ giỏi computer hay sở hữu được chiếc máy xịn là muốn tìm gì cũng được. Trước hết anh phải có khái niệm về điều anh cần tìm để từ đó biết tạo ra những từ khóa (keyword). Kiến thức bách khoa càng rộng, thế giới internet của anh cũng theo đó mà bao la hơn. Nếu không, anh chỉ loay hoay với dăm chuyện vặt như download phim nhạc hay chơi game là cùng. Phật pháp hay chuyện đời hình như cũng thế. Anh chỉ có thể tiếp nhận những bài học giá trị khi lòng anh đã được trang bị những thứ cần thiết. Vốn liếng nghèo nàn quá, eo hẹp quá, có nghe thấy hay đọc qua bao nhiêu thứ hay ho trên đời thì chúng với anh vẫn chỉ là những kẻ lạ trên đường.

Tối đi xa mới về, nghe trong người có chút bất thường, đau ngực và lạt miệng kinh khủng. Giấc ngủ sai giờ, lại biếng ăn. Cả tuần cứ choàng dậy giữa đêm với mồ hôi ướt cả mình. Trời ạ, chẳng lẽ... Tôi rùng mình nhớ lại lời gạ trên hai tấm bia mộ kỳ cục kia. Không, máy tôi vẫn còn tốt, chịu khó bảo trì một chút thôi. Chỉ ngại một điều rằng một nửa nguồn điện cho chiếc máy của tôi là trong tay một người thiên hạ... Lỡ như có một ngày em muốn tắt máy từ xa bằng một chút bạc lòng rồi cúp điện thì tôi chỉ còn nước Press Delete để Re... born!



KIỆP HOA

*Ngàn hoa rụng, ngàn hoa khai
Hôm qua thơm nức, ngày mai xuống đường
Trôi ra biển, về với rừng
Dòng đời ùn đầy không ngừng kiếp hoa.*

NGHIỆP BÚT

*Đầu tay tay gói nâng đầu
Đêm nghe một mối trút sầu đầu chân
Nghịch duyên duyên bén bút văn
Sớm mai vùng dậy lẳng xăng chợ đời.*

CÔI TRỢ

*Đời người mờ tỏ như trăng
Trần gian côi trợ nợ nần lê thê
Đất cha vườn tỏ chưa về
Bóng cây lè bạn chiều quê mơ màng
Nấp nương dưới ánh đạo vàng
Ngày mai quẩy gánh lên đàng vượt qua...*

LỤC CĂN

*Lặng nghe rơi hạt bụi trần
Lặng nhìn sợi tóc ngoài sân giõn đùa
Hương thầm ai gửi gió đưa
Xòe tay đã thấy ý vừa nhập môi.*

TRÔI

*Ngày trôi, trôi, lại một ngày
Swong tan, sấm tắt, hàng cây lá vàng
Quên rồi dĩ vãng khóc than
Ngày mai cười cắt một tràng đón xuân!*

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

TƯƠNG LAI GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM

Thích Thái Hòa

(Pháp thoại giảng cho các anh chị em Huynh trưởng GDPT vào chiều 30/11/2014, tại chùa Phổ Từ, Thành phố Hayward, miền Bắc California, USA)

Đức Phật dạy: **“Dục tri tiên thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị”** (Muốn biết nhân đời trước, xem thọ báo đời này. Muốn biết quả đời sau, xét việc hiện đương làm!).

...Nghĩa là muốn biết nhân đời trước của mình như thế nào, thì hãy nhìn vào kết quả mà mình đang tiếp nhận; muốn biết tương lai của mình như thế nào, thì hãy nhìn vào những tác nhân của mình đang gieo trồng ở hiện tại.

Những đặc điểm của Phật giáo Việt Nam

Trong thập niên 70, Hội nghị Phật giáo Thế giới tại Nhật Bản, bấy giờ có chư Tôn đức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tham dự đại hội. Trong Hội nghị ấy phần nhiều thành viên hội nghị bầu cử Phật giáo Nhật Bản làm chủ tịch. Nhưng đại diện Phật giáo Nhật Bản đứng đây và họ đề nghị Phật giáo Việt Nam xứng đáng làm chủ tịch Phật giáo Thế giới, bởi bốn đặc điểm.

Đặc điểm thứ nhất: Phật giáo Việt Nam có một vị vua, sau khi đã chiến thắng lấy lưng hai lần quân Nguyên Mông và vị vua ấy đã không ngủ quên trên chiến thắng của mình, mà đã phát tâm xuất gia, trở thành một vị Sơ tổ thiền Trúc Lâm của Phật giáo Việt Nam. Đó là một đặc điểm của Phật giáo Việt Nam mà Phật giáo thế giới chưa thể so sánh. Phật giáo Thế giới, các vua có thể ủng hộ phát huy Phật pháp, nhưng chưa có một vị vua nào trong khi chiến thắng như vậy, mà từ bỏ ngai vàng xuất gia tu tập, để trở thành giác ngộ và tuyên dương chánh pháp. Đó là đặc điểm thứ nhất của Phật giáo Việt



Nam mà Phật giáo thế giới không thể so sánh.

Đặc điểm thứ hai: Phật giáo Việt Nam có Hòa thượng Thích Quảng Đức đã hy sinh tự thiêu thân mình cho chánh pháp, điều đó thế giới cũng có, nhưng trong sự hy sinh ấy, để lại cho đời một trái tim bất diệt thì Phật giáo thế giới chưa có được đặc điểm này. Cho nên, đó là đặc điểm thứ hai của Phật giáo Việt Nam.

Đặc điểm thứ ba: Phật giáo Việt Nam có một Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, gồm hai hệ phái: Nam Tông và Bắc Tông. Trên thế giới, Phật giáo Nam Tông và Bắc Tông của các nước không ngồi lại với nhau để chung lo hoằng truyền Phật pháp và ngay cả

Phật giáo thế giới cũng chưa có được một Giáo Hội Phật Giáo Thống nhất, như Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, như Phật giáo Việt Nam đã có. Đó là đặc điểm thứ ba của Phật giáo Việt Nam.

Đặc điểm thứ tư: Phật giáo Việt Nam có một tổ chức Gia Đình Phật Tử với mục đích “giáo dục thanh thiếu đồng niên, trở thành một Phật tử chân chính, góp phần xây dựng xã hội, theo tinh thần Phật Giáo”. Tổ chức này có cả hàng dọc, có cả hàng ngang, tập hợp được mọi thành phần thanh thiếu đồng niên để giáo dục, huấn luyện trở thành những con người tốt cho xã hội.

Đó là bốn đặc điểm của Phật giáo Việt Nam. Cho nên, Phật giáo Việt Nam xứng đáng ngồi vào vị trí chủ tịch Phật giáo Thế giới. Khi các tôn đức Phật giáo Việt Nam tham dự Hội nghị, nghe một vị Tăng sĩ Phật giáo Nhật Bản phát biểu như vậy, lúc bấy giờ các ngài sinh ra hai cảm giác, một cảm giác vui mừng, một cảm giác lo lắng. Vui mừng là Phật giáo Thế giới đã biết được những đặc điểm quý báu của Phật giáo Việt Nam, ghi nhận những ưu điểm của Phật giáo Việt Nam, nhưng liệu những người Phật tử cũng như một số Tăng sĩ Phật giáo Việt Nam có thấy được những giá trị mà Phật giáo Việt Nam trải qua dòng lịch sử bao nhiêu thế hệ như vậy đã đóng góp tạo thành hay không. Và mình không phải chỉ có bốn đặc điểm đó mà có thể nhiều hơn; và nếu khi mình nhận vai trò làm chủ tịch Phật giáo Thế giới, thì cơ sở để hội thảo, hội nghị của mình như thế nào, đã xứng với tầm vóc quốc tế hay chưa? Cho nên, cuối cùng các ngài đại diện Phật giáo Việt Nam đã đứng dậy cảm ơn đại hội, cảm ơn vị Tăng sĩ Phật giáo Nhật Bản phát biểu như vậy, nhưng đồng thời cũng tán thành Phật giáo Nhật Bản đứng vào vị trí chủ tịch Phật giáo thế giới trong hội nghị. Điều này tôi đã được nghe Hòa Thượng Thích Đức Tâm trực tiếp kể lại vào năm 1974, tại chùa Pháp Hải, Huế.





Tất cả chúng ta chỉ là Một

Nhắc lại một sự kiện lịch sử như vậy, để các anh chị em Gia Đình Phật Tử hôm nay, thấy rằng mình tin vào Phật giáo, mà nhất là Phật giáo Việt Nam, mình có hãnh diện không? Quá khứ tổ tiên chúng ta, những bậc tiền nhân của chúng ta đã đi những bước vững chãi để tạo nên một trang sử oai hùng cho Phật giáo Việt Nam. Trong đó có lịch sử của Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Cho nên, giờ đây, tôi đi sang thăm Hoa Kỳ trải qua mười bốn tiểu bang và rất nhiều thành phố, tiếp xúc công khai, hay lặng lẽ học hỏi, lắng nghe từ nhiều bậc tôn túc ở Hoa Kỳ chia sẻ, cũng như đã lắng nghe sự chia sẻ của tất cả các anh chị em Gia Đình Phật Tử từ nhiều thành phần, đứng từ nhiều góc độ khác nhau.

Hôm nay, chúng tôi có một thời Pháp thoại để tặng các anh chị em huynh trưởng Gia Đình Phật Tử phía Bắc của tiểu bang California này. Đối với các anh chị em, tôi biết quý vị có nhiều quan điểm khác nhau, có nhiều lập trường khác nhau, có những xu hướng phụng sự chánh pháp và tổ chức khác nhau, cái khác đó là điều tất yếu, không có gì để ngạc nhiên. Bởi vì, chúng ta một người một gia đình, chúng ta đến đây từ nhiều gia đình, chứ không phải từ một gia đình; chúng ta đến đây từ nhiều quan điểm, từ nhiều lập trường, từ nhiều hoàn cảnh, từ nhiều điều kiện, từ nhiều trình độ tu tập khác nhau, nhưng khi chúng ta đã xác định Áo Lam là lý tưởng của chúng ta, thì dù chúng ta có dị biệt đến mấy, nhưng tất cả chúng ta cũng chỉ là một. Và mục đích của chúng ta duy nhất cũng chỉ là mục đích *"giáo dục thanh thiếu đồng niên trở thành những Phật tử chân chính góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo"*.

Chúng ta đến đây, chỉ vì cái tâm như vậy, chỉ vì cái hạnh nguyện như vậy, chỉ vì cái hành hoạt như vậy. Ngoài mục đích ấy, ngoài tâm ấy, ngoài hành hoạt ấy và ngoài nguyện ấy, chúng ta không có cái gì khác hơn. Còn nếu có cái gì khác hơn, thì ở lĩnh vực khác, ở môi trường khác, ở không gian khác. Và dứt khoát, chúng ta không đưa quan điểm chính trị vào trong tổ chức Gia Đình Phật Tử và có như vậy, lý tưởng giáo dục Phật giáo của chúng ta mới thấu đáo, mới khách quan. Còn nếu anh chị em nào đưa quan điểm chính trị vào trong tổ chức Gia Đình Phật Tử, tôi tin chắc rằng, Gia Đình Phật Tử này, càng ngày càng tan nát. Trong gia đình mình thôi, mà vợ chồng với nhau, cha mẹ con cái với nhau, mà mình không dạy để cao tinh thần huyết thống; mà đưa quan điểm chính trị vào trong không gian gia đình

của mình thôi là vợ với chồng cũng gây nhau, rồi cha mẹ và con cái cũng gây nhau, anh em, chị em cũng gây nhau. Cho nên, chúng ta khôn ngoan nhất, quan điểm chính trị là của xã hội và trả nó cho xã hội. Nếu chúng ta có đủ khả năng làm chính trị, thì xằng tay áo dẫn thân vào xã hội để làm, còn ở trong Gia Đình Phật Tử chúng ta gạt quan điểm chính trị ra ngoài, khi mọi quan điểm chính trị đã được gạt ra ngoài không gian sinh hoạt của GDPT, thì anh chị em chúng ta, không có lý do gì mà không hòa thuận với nhau, không tin yêu quý trọng nhau. Tất cả chúng ta chỉ là một.

Tình cảm đặc biệt

Cùng tất cả các anh chị em thân mến,
Tổ chức Gia Đình Phật Tử là một tổ chức tình cảm đặc biệt, nó đặc biệt chỗ nào? Nó đặc biệt, bởi vì trong tổ chức đó, có thầy trò, có bác cháu, có anh chị em ngành Thanh, có anh chị em ngành Thiếu, có các em ngành đồng Oanh Vũ. Cho nên, tổ chức Gia Đình Phật Tử là một tổ chức mà gom thâu nhiều thể hệ, nhiều tuổi tác và tổ chức Gia Đình Phật Tử là một tổ chức mang tình cảm rất đặc biệt, nghĩa là mọi thành phần xã hội đều có thể tham gia tổ chức Gia Đình Phật Tử. Ngành bác sĩ cũng có thể tham gia gia đình Phật tử, ngành dược sĩ cũng có thể tham gia Gia Đình Phật Tử, ngành giao thông, ngành tin học, ngành toán học, ngay cả quân đội cũng có thể tham gia Gia Đình Phật Tử. Nhưng, khi chúng ta tham gia Gia Đình Phật Tử rồi, thì chúng ta đem những chuyên môn đó, những tinh hoa đó để đóng góp xây dựng cho Gia Đình Phật Tử được phát triển lớn mạnh. Cho nên, Gia Đình Phật Tử là một tổ chức mang tình cảm rất đặc biệt, không bị giới hạn tuổi tác, không giới hạn ngành nghề, không giới hạn vị trí, không giới hạn hạn trí thức. Cho nên, ông bác học cũng có thể tham gia Gia Đình Phật Tử và một em Oanh Vũ chưa biết gì cũng có thể tham gia Gia Đình Phật Tử. Như vậy, các anh chị em thấy Gia Đình Phật Tử là một tổ chức tình cảm tuyệt vời không?

Phép lạ gắn kết tình lam

Vừa rồi, tôi giảng ở chùa Linh Sơn thành phố Belmont của tiểu bang Michigan, có một huynh trưởng hỏi tôi: "Thưa thầy, tình trạng Gia Đình Phật Tử, các anh chị em có quan điểm bất đồng nhau, có nơi chia hai, có nơi chia ba và còn tiếp tục phân hóa nữa, thì bây giờ thưa thầy làm thế nào, phương pháp nào, để cho tình trạng phân hóa đừng xảy ra...?" Tôi nói tại sao phải đi tìm phương pháp mới, có cái gì khó đâu? Gia Đình Phật Tử có thực tập



châm ngôn của Oanh Vũ không? Cứ thực tập hết lòng chăm ngôn Oanh Vũ thì không có chuyện gì mà khó cả. Chăm ngôn của Oanh Vũ là "Hòa -Tin - Vui." Rõ ràng, mọi thành phần, mọi trình độ, mọi hoàn cảnh đều gia nhập vào dòng nước mát của Gia Đình Phật Tử thì Hòa. Còn nếu đến với Gia đình Phật tử mà ôm theo bản ngã của mình, ôm theo vị trí của mình thì làm sao mà hòa được! Cho nên, Hòa-Tin-Vui là một phép lạ gắn kết tình Lam rất tự nhiên. Nhu cầu hòa thuận là nhu cầu lớn nhất mà tại sao không hòa? Vì cho mình là số một, nên không hòa. Cho nên, ai tới với Gia Đình Phật Tử mà tự cho mình là số một, thì tự người đó không thể hòa nhập được với Gia Đình Phật Tử! Do đó, đối với Gia Đình Phật Tử không có ai và không ai là một cả, mà tất cả phân công, phân nhiệm hợp tình, hợp lý để điều hòa với nhau trong công việc "*giáo dục thanh thiếu đồng niên trở thành những Phật tử chân chính...*" Cho nên, dù làm trưởng ban hướng dẫn đi nữa, cũng chỉ là người cầm cân điều hòa, điều hợp thôi. Nên, nếu làm trưởng ban mà bị người khác thọt gây sau lưng mình, tổng thư ký thọt gây sau lưng mình, các em thọt gây sau lưng mình, thì làm sao mà làm nổi trưởng ban? Không thể làm nổi. Cho nên, làm trưởng ban mà làm nổi là bởi vì tất cả anh chị em đều hòa thuận với nhau. Trong sự hòa thuận ấy, anh có mặt trong em, em có mặt trong chị, chị có mặt trong anh, không một ai thấy mình là number one cả! Bởi vì châm ngôn cơ bản của Oanh Vũ là Hòa-Tin-Vui, mà bây giờ anh chị ai cũng ôm cái ngã của mình to như vậy, thì làm sao mà có Hòa-Tin-Vui. Không hòa thuận thì làm gì có niềm tin. Bởi vì tin mới có hòa thuận, chứ không tin làm sao có hòa thuận. Và có tin nhau, có hòa thuận thì mới có vui vẻ. Cho nên, vui vẻ rồi thì anh làm việc này, em làm việc kia, chị làm việc nọ, anh thì viết chương trình, em thì đi múc nước, chị thì đi nấu cơm. Anh chị em đã có Hòa-Tin-Vui, thì cùng nhau hát đi... "*Bốn phương trời ta về đây chung vui, không phân chia giọng nói tiếng cười...*".

Vì chúng ta hòa thuận, nên chúng ta vỗ tay cũng đồng nhau, hát cũng đồng nhau, phải không? Chứ mỗi người, vỗ tay một kiểu, hát mỗi người mỗi cách, thì bản nhạc thành ra cái gì, dù nhạc sĩ tài ba đến mấy mà mỗi người vỗ tay một kiểu, hát một kiểu thì bản nhạc đó vô nghĩa. Và tất cả đám hát đó trở thành uế oải. Cho nên, tôi đã nói với các anh chị em tại chùa Linh Sơn, ở Belmont, mình đã có Hòa Tin Vui. Nếu có điều gì mà không đồng nhau thì trở lại với nhau, cùng nhau thực tập Hòa Tin Vui thôi, không có cố gì mà phiền hà cả. Mình chỉ nhắc nhở nhau, thực hành châm ngôn Oanh Vũ Hòa Tin Vui và ba điều luật của ngành Oanh, chứ nói gì cho nhiều.

Ba điều luật của ngành oanh

Ba điều luật của ngành Oanh: *Em tưởng nhớ Phật; Em kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em; Em thương người vật.* Ba điều luật ấy, thật tuyệt vời và cực kỳ tuyệt vời.

Em tưởng nhớ Phật: Tất cả chúng ta làm cái gì cũng đều tưởng nhớ Phật cả, nhưng tại vì anh chị nghĩ rằng, chỉ có em là tưởng nhớ Phật, chứ anh chị thì khỏi, bởi vì anh chị lớn quá rồi, anh chị lo làm việc lớn, cho nên anh chị không tưởng nhớ Phật, chỉ có em mới tưởng nhớ Phật. Cho nên, đôi khi anh chị ham làm việc lớn mà quên tưởng nhớ Phật, chỉ để đàn em mình tưởng nhớ Phật, nên các em cảm thấy thật lạc loài bơ vơ, mất niềm tin ở ngay chính các anh chị. Cho nên, em tưởng nhớ Phật, anh tưởng



nhớ Phật, chị tưởng nhớ Phật, bác tưởng nhớ Phật, thầy tưởng nhớ Phật. Phật là điểm đồng quy của tất cả chúng ta, chứ không phải là chỉ có anh, chị em tưởng nhớ Phật còn mấy thầy, mấy cô khỏi tưởng nhớ Phật. Đừng nói tôi bận làm việc này, tôi bận làm việc kia, mà quên tưởng nhớ Phật. Không! thầy, bác, anh chị em, chúng ta đồng một phương hướng là em tưởng nhớ Phật, bằng tất cả tấm lòng, bằng tất cả trái tim. Tất cả chúng ta đều tưởng nhớ Phật, thì không có chuyện gì mâu thuẫn với nhau cả. Dù có mâu thuẫn chẳng nữa, nhưng chúng ta cùng nhau tưởng nhớ Phật, thì đều hóa giải được hết. Cho nên, thực hành *em tưởng nhớ Phật* là chúng ta đang đi về với ngôi nhà tâm linh của chúng ta.

Em kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em: Điều luật này nói về ngôi nhà huyết thống của chúng ta, nói về đạo đức căn bản của chúng ta. Và từ đạo đức căn bản đó, chúng ta mới tiến tới được đạo đức tâm linh. Chúng ta không có căn bản đạo đức của thế gian, làm thế nào và dựa vào cơ sở nào để chúng ta tiến tới đạo đức tâm linh. Cho nên, điều thứ hai là em kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em là thực tập và nuôi dưỡng căn bản đạo đức của thế gian. Không có đạo đức này, chúng ta không có cơ sở để tiến tới đạo đức tâm linh.

Điều thứ ba là **Em thương người và vật.** Đó là nêu cao đạo đức quan hệ giữa mình và người, giữa mình và mọi thành phần xã hội, giữa mình với muôn vật và môi trường. Như vậy, các anh chị em thấy ba điều luật của Oanh Vũ có tuyệt vời không? Quá tuyệt vời phải không. Tôi chỉ nói đến ba điều luật và ba hạnh trong châm ngôn Hòa-Tin-Vui của Oanh Vũ thôi, tôi chưa nói đến châm ngôn Bi-Trí-Dũng, chưa nói đến năm điều luật của Huỳnh trưởng và ngành thanh thiếu. Chỉ mới nói Hòa-Tin-Vui thôi; chỉ mới nói ba điều luật của Oanh Vũ: *Em tưởng nhớ Phật, Em kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em, Em thương người và vật* thôi, mà chúng ta thấy đã tuyệt vời rồi, nên không có sự mâu thuẫn nào giữa các anh chị em mà không hóa giải được, nếu chúng ta là GDPT!

Chúng ta đừng nói và làm theo thói quen, chúng ta hãy nói và làm bằng sự tỉnh giác hay tuệ giác. Nói và làm theo thói quen rất dễ vấp phải những sai lầm. GDPT mỗi khi gặp nhau, chúng ta tay phải bắt ấn chào nhau bằng tinh tấn. Vậy, Tinh tấn là gì? Tinh tấn của GDPT là nỗ lực thực hiện cho được Hòa-Tin-Vui. Mỗi khi chúng ta nỗ lực thực hiện được Hòa-Tin-Vui trong đời sống hằng ngày thì rõ ràng phân hóa không thể xảy ra cho tổ chức chúng ta, nghi ngờ không thể xảy ra cho tổ chức chúng ta

và đau khổ thất vọng ở trong tổ chức của chúng ta không xảy ra. Nếu chúng ta tin tưởng thật sự, tin tưởng thật sự nó là cuộc sống của chúng ta, thì làm gì mà có chuyện đối xử với nhau "bằng mặt mà không bằng lòng". Khi gặp nhau, chúng ta chào nhau tinh tấn, tinh tấn thật sự. Tinh tấn là gì? Rõ ràng là nỗ lực phòng hộ cái điều xấu ác ở trong tâm và trong đời sống của mình. Điều xấu ác chưa phát sinh thì không để cho nó phát sinh. Nó đã phát sinh thì nỗ lực làm cho nó hủy diệt. Điều thiện trong ta chưa phát sinh thì nỗ lực làm cho nó phát sinh. Điều thiện trong ta đã phát sinh thì nỗ lực làm cho nó phát triển, phát triển đến chỗ viên mãn, đến chỗ tột cùng. Phật tử hòa thuận sơ sơ mà kèm theo tinh tấn, thì dẫn hòa thuận đến chỗ trọn vẹn.

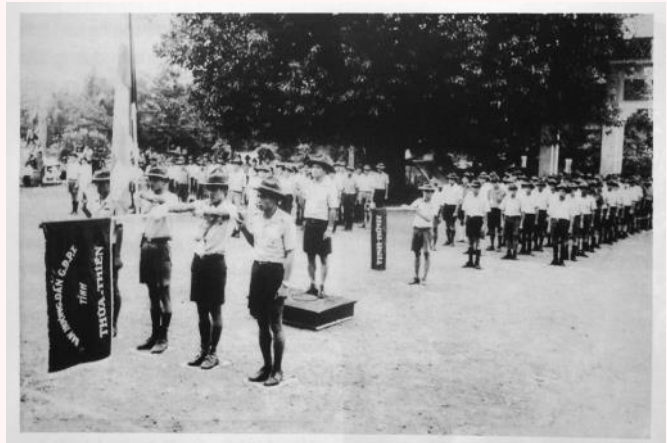
Bước đầu thì hòa ngoài miệng, sau đó thì hòa trong tâm, dần dần đi tới với sự hòa thuận trọn vẹn. Hòa thuận trọn vẹn là hòa thuận cả thân khẩu ý. Bước đầu thì mình tin nhau sơ sơ, vì biết đâu mà tin, muốn tin phải lắng nghe. Càng nghe thì càng gan lặc. Càng lắng nghe, thì càng thấu hiểu vấn đề một cách sâu sắc. Càng hiểu thì càng tin. Hiểu nhau tuyệt đối thì tin nhau tuyệt đối. Hiểu nhau trọn vẹn thì tin nhau trọn vẹn. Bước đầu hòa với nhau sơ sơ, thì tin nhau sơ sơ và vui với nhau cũng sơ sơ. Nhưng khi đã tin tưởng nhau và hòa thuận với nhau tuyệt đối, thì chúng ta cũng có niềm vui tuyệt đối với nhau. Chị trong em, em trong anh, anh trong thầy, thầy trong trò, tất cả mình sống với nhau như vậy, vui với nhau như vậy, nỗ lực duy trì cái đó, đừng để nó thối nát đi. Đó là chúng ta tinh tấn vào cái Hòa-Tin-Vui; tinh tấn với *Em tưởng nhớ Phật, Em kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em, Em thương người và vật*. Trong Tinh tấn có cái Bi, cái Trí, cái Dũng. Trong chất liệu Bi Trí Dũng có chất liệu của Tinh tấn. Phật là Bi. Pháp là Trí. Tăng là Dũng. Tinh tấn của của người Phật tử theo định hướng này.

Năm điều luật của GDPT:

- **Điều thứ nhất:** *Phật tử quy y Phật Pháp Tăng và giữ giới đã phát nguyện.* Điều luật thứ nhất này là nêu rõ thực tập bốn niềm tin bất hoại của người Phật tử.
- **Điều thứ hai:** *Phật tử mở rộng lòng thương, tôn trọng sự sống.* Điều này nêu rõ thực tập hạnh Từ bi của người Phật tử.
- **Điều thứ ba:** *Phật tử trau dồi trí tuệ, tôn trọng sự thật.* Điều này nêu rõ thực tập hạnh trí tuệ và chân thật của người Phật tử.
- **Điều thứ tư:** *Phật tử sống trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm.* Điều này nêu rõ thực tập chánh nghiệp và chánh hạnh của người Phật tử.
- **Điều thứ năm:** *Phật tử sống hỷ xả để dũng tiến trên đường đạo.* Điều này nêu rõ thực tập hạnh hỷ xả và tinh tấn của người Phật tử.

Cùng ở trong một tổ chức, cùng hướng đến một lý tưởng, mà mình không tha thứ cho nhau, không hỷ xả cho nhau, thì ai tha thứ cho mình, ai hỷ xả cho mình. Chẳng lẽ ngoại đạo tà giáo tha thứ và hỷ xả cho mình? Và ngoại đạo tà giáo tha thứ hỷ xả cho mình, thì mình có giám nhận sự tha thứ, hỷ xả đó không? Điều luật, *Sống hỷ xả để dũng tiến trên đường đạo*. Các anh chị thấy có tuyệt với không?

Tôi nghĩ rằng, những nhà học giả của Phật giáo Nhật Bản, họ đã nghiên cứu kỹ về Phật giáo Việt



Gia Đình Phật tử Việt Nam – một tổ chức giáo dục Thanh-Thiếu-Đông niên trở thành những Phật tử chân chính, góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo. (Trong ảnh: Lễ chào mừng Hội nghị thống nhất Phật giáo toàn quốc (gồm 6 tập đoàn) tại sân chùa Từ Đàm. Trong Hội nghị này bài "Phật Giáo Việt Nam" của nhạc sĩ Lê Cao Phan lần đầu tiên chính thức được cử lên, và được công nhận là Đạo ca của Phật giáo Việt Nam – Ảnh tư liệu của Liễu Quán

Nam mà trong đó có cái mạng của Gia Đình Phật Tử Việt Nam, nên họ rất khâm phục trí tuệ và đạo hạnh các bậc tiền nhân của chúng ta, khi họ phát biểu Phật giáo Việt Nam có bốn đặc điểm rất quý báu mà tôi đã nói ở trên. Và bây giờ đây chúng ta cố gắng giữ gìn gia tài đó, tiếp nối cái đẹp đó và tôi luyện mình, để rồi mình có cơ hội trao truyền cho các em, cho con cháu thế hệ tương lai của chúng ta.

Tôi muốn nói với quý vị rằng, dù chúng ta đi đông, đi tây, đi nam, đi bắc, chúng ta có tìm ra được trên đời này, có một người nào mà không có sai lầm không? Và chúng ta đi khắp đông tây, nam bắc để tìm ra có một người mà hoàn toàn sai lầm không? Tìm cho ra một người trên thế gian này không sai lầm, tìm bết mắt cũng không thấy đâu. Và tìm ra một người trên thế gian mà hoàn toàn sai cũng hoàn toàn không có. Là Phật tử, chúng ta phải hiểu được điều đó hơn ai hết, biết được điều đó hơn ai hết, cho nên "*Phật tử mới sống hỷ xả để dũng tiến trên đường đạo*" phải không quý vị.

Cho nên, tương lai Gia đình Phật Tử như thế nào, đều tùy thuộc vào các anh chị em có thực hiện được mục đích, châm ngôn, điều luật của Gia đình Phật Tử hay không mà thôi, và tôi nghĩ đó là cái cốt lõi, đó là xương sống của tổ chức GDPT chúng ta.

Cấp Dũng, cấp Tấn, tất cả những cấp đó là để trang nghiêm tổ chức, để làm cho tổ chức có tính khoa học, có tính chất trách nhiệm trên dưới, chứ nó không phải là tinh hoa của GDPT đâu. Tinh hoa của GDPT là những gì mà chúng tôi mới trình bày đến quý vị.

Nếu chúng ta biết quay trở lại ôm ấp, nâng niu những gì tinh hoa của Gia đình Phật Tử và chúng ta sống với nó, chết với nó và nỗ lực giáo dục các em mình đi theo hướng đó và phải lấy bản thân mình làm chứng cứ cho lý tưởng của mình. Mình nói hòa thuận là mình sống hòa thuận, mình nói tin vui là mình sống tin vui. Các anh chị nói và sống như vậy, mới là tín cứ sống động cho các em, mới thổi vào trong đời sống của các em cái hồn sống của GDPT.

Cho nên, muốn thấy tương lai GDPT thế nào thì hãy nhìn vào những gì mà chúng ta đang làm. Và nếu các anh chị em không tiếp tục thực hiện những gì mà tinh hoa tổ chức Gia đình Phật Tử đã cơ cấu, thì không ai giúp các anh chị nổi. Và tôi tin chắc rằng, nếu không thực hiện châm ngôn Hoà-Tin-Vui

và ba điều luật của Oanh Vũ; không thực hiện châm ngôn Bi-Trí-Dũng, và năm điều luật của GDPT, thì GDPT Phật tử Việt Nam, nếu có tồn tại chẳng nữa, thì cũng chỉ có cái bóng mà không có thực chất, không có sinh lực, đó là một sự thật. Nhưng, nếu chúng ta thực tập đúng Hoà-Tin-Vui, *Em tưởng nhớ Phật, Em kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em, Em thương người và vật*; chúng ta thực tập Bi-Trí-Dũng, và năm điều luật của Gia Đình Phật Tử một cách nghiêm túc thì tôi nghĩ rằng không ai đánh phá và phân hóa GDPT được đâu.

Điểm đồng quy của tất cả chúng ta

Trang lịch sử của GDPT tương lai có đẹp hay không, tùy thuộc vào sự thực hành Hòa-Tin-Vui của các anh chị em hôm nay. Và tôi nghĩ rằng đối với Việt Nam, các vị đã thấy rồi, Gia Đình Phật Tử đã bị khai tử ngay trong hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981. Trong hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981 không có Gia Đình Phật Tử, đến năm 1992, trong hội thảo tại giảng đường chùa Từ Đàm tôi phải đứng dậy mạnh dạn phát biểu mấy điều.

Điều thứ nhất: Tôi hỏi tại sao trong hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam không có Giáo kỳ. Giáo kỳ là xương máu của Tăng Ni Phật tử Việt Nam và thế giới tại sao trong Hiến chương GH không có? Như vậy, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đại diện cho ai và làm việc cho ai?

Điều thứ hai: Phật giáo là một tôn giáo vượt thời gian và không gian, chỉ gắn liền với dân tộc thôi, chứ không thể gắn liền với xã hội chủ nghĩa. Cho nên, tiêu đề Đạo pháp, Dân tộc, Xã hội chủ nghĩa, tôi đề nghị nên bỏ về sau.

Điều thứ ba: Giáo hội Phật giáo Việt Nam KHÔNG nên là thành viên chính thức của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, bởi vì Mặt trận tổ quốc Việt Nam là một tổ chức ngoại vi mang tính chất chính trị của Đảng cộng sản. Giáo hội Phật giáo Việt Nam KHÔNG nên là thành viên của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, vì Giáo hội Phật giáo Việt Nam là phục vụ cho Tăng Ni Phật tử Việt Nam, và đại diện cho Tăng Ni Phật tử Việt Nam.

Điều thứ tư: Thế hệ này nằm xuống, có thể hệ khác kế thừa, tại sao trong hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam không có tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam.

Năm 1992, tại giảng đường chùa Từ Đàm - Huế, tôi đã đề cập bốn vấn đề như vậy giữa hội nghị. Tuy nhiên, việc mình cần nói thì cứ nói, việc người ta làm, thì người ta cứ làm, nhưng dù sao đi nữa, thấy đúng thì mình cứ nói, người ta có làm hay không làm là quyền của người ta. Có khi mình nói đúng, nhưng họ không làm liền, có khi mình nói buổi sáng, buổi chiều họ mới làm; có khi mình nói hôm nay mà mười hôm sau họ mới làm. Mình nói bằng tâm xây dựng, chứ không nói bằng tâm chỉ trích hay phá hoại. Nói bằng cái tâm xây dựng đó là trách nhiệm của người trí thức. Người trí thức nói đúng mà bằng cái tâm tà vạy, xấu ác, chỉ trích phá hoại, thì dù nói đúng cũng chẳng ai thêm nghe. Chỉ trích đúng, nhưng chỉ trích bằng tâm phá hoại, đó là cách chỉ trích của kẻ ác trí thức. Chỉ trích bằng cái tâm xây dựng, bằng tất cả trái tim của mình để cho vấn đề chỉnh sửa được hoàn hảo hơn, thì dù khi này người ta không nghe, nhưng khi khác người ta sẽ nghe.

Chỉ trích người khác bằng tâm xây dựng, vẫn sinh phước đức như thường, nên mình cứ nói thật với nhau về ưu khuyết của nhau cho nhau nghe



đúng nơi, đúng người, đúng việc, đúng lúc, đúng pháp bằng tâm xây dựng, thì phước đức sinh ra rất lớn cho ta. Tuy rằng, mình nói đúng mà bằng cái tâm phá hoại, bằng cái tâm ta đây, ta đây là trí thức, ta đây là hiểu biết, nói như vậy để thiên hạ thấy rằng mình là trí thức, nói với tâm như vậy, thì càng nói là càng tai họa, càng nói là càng thêm xấu hổ. Chỉ trích đúng, nhưng với tâm ghét bỏ và phá hoại, thì không nên nói.

Cho nên, tương lai của Gia đình Phật tử thế nào, quý vị đã có câu trả lời trong thời pháp thoại hôm nay. Và tôi mong rằng, tất cả các anh chị em tự mỗi người ý thức để thấy được và cùng nhau gắn bó, xóa đi những điểm dị biệt, những gì sơ suất của nhau và nhìn về một điều chung là *Em tưởng nhớ Phật*. Tưởng nhớ Phật sâu cạn, rộng hẹp như thế nào, thì tùy theo trình độ của mỗi người.

Nói sâu xa hơn... (vấn là) *Em tưởng nhớ Phật*. Phật là điểm đồng quy của tất cả chúng ta. Làm gì và nói gì thì tất cả chúng ta đều hướng tới Phật Pháp Tăng. Và khi tổ chức Gia Đình Phật Tử, các anh chị em nói gì, làm gì, dù có cãi nhau như thế nào đi nữa, cũng vì mục đích tồn tại và danh dự của Gia Đình Phật Tử và muốn cho Gia Đình Phật Tử rạng ngời lên và hiện hữu đúng như ý nghĩa của chính nó, mà đừng có bị pha trộn và tổn thương. Tôi chỉ mong mỗi tất cả các anh chị em như vậy và việc làm của các anh chị em trong thời gian qua có một vài mâu thuẫn, thì hãy cùng nhau tìm cách hóa giải, đừng để kéo dài. Mâu thuẫn ngang đầu thì tìm cách giải quyết ngang đó. Đối với tôi, chỉ bật ngọn đèn và gióng lên tiếng chuông thức tỉnh đến các anh chị em mà thôi. Đức Phật là điểm đồng quy của tất cả chúng ta.

(*Tâm Thường Định* và *Trần Thị Thuỳ Trang* phiên tả từ máy ghi âm.

Tác giả nhuận văn và nêu các tiểu mục)

THẠCH CẨM

1.
Thân ấy là thân gió bạt ngàn
Đầu đường xóm chợ trôi lang thang
Gió thổi tình bay như chim nhận
Thi tửu nghênh ngang bằng hữu khan.

Chợt những lời kinh như sét vang
Rừng tâm trí cháy rụi điêu tàn
Trắng rục một trời sương dầm trắng
Đời kia tôi chết như sao băng.

2.
Chợt ai gương mặt hiền vô tả
Như bô tát nhìn mềm quý ma
Tâm kinh, Pháp cú ngừng xuất hiện
Búp sen đào thắm ám kết già.

Hốt nhiên lụy tiếng người thừa dạ
Hở người anh hùng miệng cuồng ca
Trái tim thương cảm lời chim hót
Hiếu bàn tay đàn chùng Kinh Kha.

3.
Thuyền đêm tách bến sông lồng lộng
Máu trắng sốt rét rành rụa đồng
Gió rúc nghẹn ngào như đất động
Bến qua sông lạnh buồn thê thương.

Xâu chuỗi cột tay giới cảm lòng
Một đời. mục tuổi. rưng si sân
Tình yêu. non nước. thanh xuân. mộng
Mật mờ. ai oán. tàn. thê lương.

Quây gói cưu mang tìm đến chùa
Trầm ngâm nhìn tượng cổ tích xưa
Thấy ta nào khác chi gỗ đá
Sống đời hóa thạch chẳng kêu ca.

4.
Nghiep duyên đôi khắc như quỳnh nở
Say ngấn ngơ hôn mê hương hoa
Bàng hoàng giấy khắc bông tàn gục
Tơ lòng réo rắt lệ guitar.

Đàn vọng hoài lang ới tình lang
Thê thiết phụ thê biệt não lòng
Sương trắng cuộn mình như vong đến
Từ đó lòng tôi hóa thạch cẩm.



TÂM QUANTUM

Đau buồn ngứa ngứa thân tôi
tróc ra bụi bậm theo đời dính da
hòm trần nghiệp tạm trở hoa
tâm quantum nhảy hay là ma trôi?

Lần kinh Pháp Cú dạy người
bóc ra từng lớp sống tôi vẫn còn
ngủ thì có cái có thơm
nhớ thì lấm cái mùi còn buồn nôn.

Khi hiện hạt khi sóng lòng
cái tâm xúc xích điên tuồng liên miên
có lần sâu nát bết tim
sau cơn bất tỉnh bực mình sân si.

Lòng mình ngắm nguyệt mê li
Trong lòng đức Phật nghĩ gì chỉ trăng?

thơ

LÊ GIANG TRẦN

ĐẠO PHẬT BI QUAN HAY LẠC QUAN?

Thích Quảng Bình

Nhiều người hiểu lầm đạo Phật là bi quan. Tại sao vậy? Điều này không phải không có lý do. Bởi họ thường nghe kinh Phật nói “nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước biển cả.” Nghe có vẻ bi quan quá! Trong kinh A-hàm, Phật kể không chỉ một đời này chúng ta khóc, mà trong vô số kiếp luân hồi sanh đi tử lại, chúng ta đã từng khóc, cho nên nước mắt gom lại nhiều hơn nước biển cả. Mỗi một đời có thể tạm nói, chúng ta khóc chừng một lít nước mắt thôi, thì trăm ức muôn đời gom lại mới thành nhiều. Đức Phật vì muốn cảnh tỉnh con người đừng hiểu sai lầm rằng cuộc đời toàn là vui, mà còn có bao nhiêu đau khổ. Đã khổ ở đời này rồi khổ ở đời kế, nghĩa là không biết bao nhiêu đời khổ nhiều hơn vui.

Nghe kinh Phật nói “xem thân như huyền hóa,” người ta cho là tâm trạng bi quan, yếm thế. Trái lại, nhà Phật thấy thân như huyền hóa là sức mạnh để làm lợi ích chúng sanh. Như nói “Bồ-tát lấy thân như huyền, độ chúng hữu tình như huyền,” bởi Bồ-tát thấy thân hình không thật, nên sẵn sàng lặn xả vào làm việc lợi ích chúng sanh, dù gặp khó khăn nguy hiểm cũng không ngán sợ, vì thân như huyền, có mất cũng không gì quan trọng. Thấy chúng hữu tình như huyền, nên độ chúng sanh mà không chấp nhân, ngã. Thấy thân như huyền, khiến người ta mạnh mẽ lên, không còn hãi sợ, trước vạn vật biến thiên mà tâm hồn mình vẫn an nhiên tự tại...

Ta hãy nghe bài kệ của Thiền sư Vạn Hạnh:

*“Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.
Nhậm vận thanh suy vô bổ úy,
Thạnh suy như lộ thảo đầu phò.”*

Dịch:

*Thân như bóng chớp có rồi không
Cây cỏ xuân tươi, thu đượm hồng
Mặc cuộc thanh suy không sợ hãi
Thạnh suy như cỏ hạt sương đông.*

Phật giáo nói thân này do tứ đại hòa hợp thành, nên không chắc thật bền lâu. Tứ đại là đất, nước, gió, lửa, bốn thứ này bủa khắp trời đất vạn vật nên nói là đại. Chất cứng trong thân là đất, chất ướt là nước, chất động là gió, chất ấm là lửa. Bốn chất này thiếu một thì thân phải hoại. Song bốn chất này luôn luôn chống đối nhau. Lửa không ưa nước, đất không ưa gió, ngược lại cũng thế. Khi lửa thịnh hơn nước, sanh nóng bức đau đầu; gió thịnh hơn đất, sanh nhọc nhằn đau nhức. Chúng hằng chống đối nhau, nên lúc nào thân này cũng sẵn sàng bệnh hoạn hay chực tan rã. Ta khéo điều hòa thì thân còn an ổn, không khéo chúng sẽ bằng hoại.

Sự hòa hợp của bốn kẻ chống nhau, dù ai ngu tối mấy cũng biết rất tạm bợ mong manh. Thế thì, nói thân tạm bợ hư dối là nói đúng sự thật, không còn nghi ngờ gì nữa. Chẳng những sự hòa hợp của chúng rất tạm bợ mong manh, chính khi đang hòa hợp, chúng cần phải vay mượn tứ đại bên ngoài hỗ trợ mới được tồn tại. Sự vay mượn tứ đại bên ngoài bị thiếu hay ngưng trệ, nguy cơ tan vỡ xuất hiện

ngay. Lỗ mũi chúng ta đang hít thở là mượn gió, miệng ta uống nước, ăn cơm là mượn nước, mượn đất và lửa.

Trong kinh Tạp A-hàm Phật nói thế này: Người thế gian khi mất thân này rồi, muốn tìm lại thân sau, khó như con rùa mù tìm bông cây giữa biển. Ngoài biển cả có một bông cây nổi, theo sóng trôi dạt khắp nơi, dưới đáy biển có con rùa mù một trăm năm mới trồi đầu lên một lần để tìm bông cây chun vào. Chúng ta thử tưởng xem chừng nào con rùa mù tìm được bông cây? Khó mà tưởng tượng nổi. Phật nói chúng ta mất thân này, được trở lại làm người cũng khó như thế. Như vậy được thân người là rất quý, phải không?

Thế nên người Phật tử chân chánh gặp chuyện buồn, có gì chán đời liền nghĩ tới tự tử, đó là Phật tử chưa hiểu đạo. Bởi vì tự tử, mất thân này rồi muốn trở lại làm người không phải là chuyện dễ. Đã được thân này rất là quý báu, chúng ta lại bỏ nó đi một cách vô nghĩa, đó là tự hủy hoại cái quý của chính mình. Thế nên đức Phật nói tuy thân này nhớp nhúa, không thật nhưng một khi đã được thân người, chúng ta phải tôn trọng tuyệt đối.

Có hai câu thơ chữ Hán thế này:

*Thiên niên thiết thọ khai hoa dị,
Nhất thất nhân thân vạn kiếp nan.*

Nghĩa là:

*Ngàn năm cây sắt trở hoa dễ,
Một phen mất thân được lại khó.*

Nói cây sắt chúng ta thấy xa quá, bây giờ nói như cây thiết mộc lan chẳng hạn, một ngàn năm mới trở hoa một lần, như vậy mà còn dễ. Chớ một phen mất thân này rồi, muôn kiếp khó tìm lại được.

Song nói giả dối hay huyền hóa, để chỉ sự có mặt của nó rất tạm bợ, không lâu bền, không chủ tử, chớ chẳng phải không ngờ, không có gì hết.

Có người bảo đạo Phật nói thân như huyền hóa, tại sao các người tu theo Phật vẫn ăn, vẫn mặc



v.v...? Thực ra, biết thân huyền hóa, là thấy nó có một cách tạm bợ, ngắn ngủi, dễ tan hoại. Thấy được lẽ thật tạm bợ của thân này, chúng ta phải được cái chấp ngã sai lầm vô lý, dùng tay, không tạo nghiệp ác, đem lại sự cảm thông tương trợ lẫn nhau, để được chút an vui trong cuộc đời tạm bợ.

Thuở xưa, sau khi thành đạo rồi đức Phật trở về thành Ca-tỳ-la-vệ giảng đạo cho Phụ vương và Hoàng hậu nghe. Nghe xong Phụ vương và Hoàng hậu không tâm qui y Tam Bảo, gìn giữ năm giới. Về sau Hoàng hậu tức Di mẫu của Ngài phát tâm đi tu. Bà xin Phật cho xuất gia, Ngài không bằng lòng. Bấy giờ Tôn giả A-nan thấy vậy sốt ruột, mới thưa với Thế Tôn rằng:

- Di mẫu có công ơn lớn với Thế Tôn, khi Hoàng hậu sanh Ngài ra có bảy hôm thì tịch, Di mẫu là người nuôi Thế Tôn từ nhỏ cho tới lớn khôn. Công ơn kia vô cùng thâm trọng, mà bây giờ Thế Tôn không cho bà xuất gia, như vậy là phụ ơn Di mẫu sao?

Phật trả lời:

- Ta không quên ơn, mà đã đền ơn Di mẫu rồi.

Ngài A-nan ngạc nhiên hỏi:

- Bạch Thế Tôn, Ngài đền bằng cách nào?

Phật nói:

- Khi trở về thành Ca-tỳ-la-vệ, ta đã khuyên và giải thích cho Phụ vương cùng Di mẫu hiểu được đạo lý, phát tâm qui y Tam Bảo giữ gìn năm giới. Đó là đã đủ để ta đền ơn song thân rồi.

Bây giờ trở lại vấn đề đạo Phật bị quan hay lạc quan? Đạo Phật nhìn thẳng lẽ thật, nói thẳng lẽ thật. Chúng ta quen hoặc buồn hoặc vui, nhưng đạo Phật không phải vậy. Đạo Phật không buồn cũng không vui. Vì sao? Vì thế gian mất thì buồn, được thì vui, chê thì buồn, khen thì vui. Vui buồn của thế gian là vui buồn đối đãi, không có sự thật. Đạo Phật là đạo như thật, nói lẽ thật, chỉ cho người ta nhận ra lẽ thật. Nhờ nhận ra sự thật nên mọi người tập sống đúng như thật, không lừa đảo nhau, không gây đau khổ cho nhau. Một đời sống mà mọi người đều biết tôn trọng sự thật, sống đúng như sự thật thì cuộc sống đó có hạnh phúc không? Thấy được lẽ thật thì đâu có gì phải buồn, phải phiền não.

Hồi xưa có một thầy Tỳ-kheo tu hành rất chân chánh, ở trong khu rừng cạnh làng. Trong làng, một thiếu nữ thấy Thầy tu hành chân chánh nên quý kính, mỗi ngày đều sốt bát cúng dường. Đều đặn như vậy một thời gian, người trong xóm bắt đầu đàm tiếu lời thôi. Cô nghe cô buồn, mới thuật lại cho thầy nghe. Cô nói: "Con tới cúng dường lễ để cho Thầy yên tu, đạt đạo. Bấy giờ trong xóm giềng đồn xấu con với thầy." Thầy Tỳ-kheo nghe thế buồn quá, đợi khi cô ấy về, thầy tìm sợi dây định thắt cổ tự tử. Khi đó có một thiện thần hiện ra hỏi:

- Tại sao Thầy tự tử?

Thầy Tỳ-kheo trả lời:

- Tôi tu hành rất thanh tịnh, mà người ta nói xấu, đàm tiếu, chê cười tôi phạm giới nên tôi tự tử cho rồi.

Vị thần kia hỏi:



- Giả sử có người nói Thầy chứng A-la-hán, trong khi Thầy chưa chứng, Thầy có chịu không?

- Tôi chưa chứng mà họ nói chứng, tôi đâu có chịu.

- Nếu có người nói Thầy đọa địa ngục, Thầy có đọa không?

- Tôi tu hành đàng hoàng, đâu làm gì có tội mà đọa địa ngục.

- Như vậy Thầy chưa chứng A-la-hán, nói chứng cũng không được. Thầy không xuống địa ngục nói Thầy xuống cũng không xuống. Bây giờ Thầy không phạm giới, họ nói Thầy phạm giới, Thầy cũng đâu có phạm mà tự tử?

Lý do không bị quan của đạo Phật là thấy thân huyền hóa để đạt đến không huyền hóa. Không phải như những kẻ phạm phụ tục tử, có lúc nhàn hạ ngồi yên suy gẫm cuộc đời, thấy nó ngắn ngủi tạm bợ đâm ra chán chường kinh hoàng. Thấy cuộc sống đi vào ngõ cụt, họ ề chề chán ngán, có khi liêu minh tự tử. Hành giả dùng trí tuệ quán sát thấy thân đúng lẽ thật, nó hư dối tạm bợ không có gì đáng quý. Song lại có

cái chân thật tàng ẩn trong ấy, chỉ có người đạt đạo mới thấy được. Ta hãy nghe ba câu trong bài ca Chứng Đạo của Thiền sư Huyền Giác:

*"Huyền hóa không thân tức pháp thân
Pháp thân giác liễu vô nhất vật
Bản nguyên tự tánh Thiên Chân Phật."*

Chính ngay cái thân không thật, huyền hóa này tức là pháp thân. Giác ngộ pháp thân thấy không có một hình tướng sự vật gì. Pháp thân này cũng gọi là bản nguyên, tự tánh, Thiên Chân Phật. Pháp thân là tên khác của tâm thể lặng lẽ, tràn đầy trong sáng của mọi chúng ta. Nó không có hình tướng nên không bị vô thường, không dấy động nên không sanh diệt, hằng trong sáng nên chẳng phải không ngộ. Vì chúng ta quen nhìn cái gì cũng theo hình tướng, theo dấy động mới cho là có, ngược lại bảo là không.

Để sáng tỏ ý này, chúng ta nghe lời đối đáp của Thiền sư Hoài Nương với Lục Tổ. Sư đến Tào Khê, Lục Tổ hỏi: Ở đâu đến? Sư thưa: Ở Tung Sơn đến. Tổ hỏi: Vật gì đến? Sư thưa: Nói in tuồng một vật tức không trúng. Tổ hỏi: Lại có tu chứng chăng? Sư thưa: Tu chứng tức chẳng không, nhiệm ô tức chẳng được. Tổ bảo: Chính cái không nhiệm ô này là chỗ hộ niệm của chư Phật, người đã như thế, ta cũng như thế.

Tâm thể lặng lẽ tràn đầy trong sáng có sẵn trong mọi người, nên nói là bản nguyên, là tự tánh. Tại vì vọng tưởng dấy khởi liên miên, khiến chúng ta chỉ thấy vọng tưởng, không thấy được tâm thể này. Bởi chỉ thấy vọng tưởng nên chấp nhận vọng tưởng làm tâm mình, hải lòng, ngang đây, cam chịu nó lỗi chạy trọng lục đạo luân hồi. Mỗi vọng tưởng dấy lên, hay mỗi niệm khởi, đã cắt xén tâm thể tràn đầy thành những mảnh vụn. Những mảnh vụn này tung tóe lên, che khuất tâm thể lặng lẽ tràn đầy trong sáng.

Như mặt biển lặng lẽ tràn đầy trong sáng, một cơn gió mạnh thổi qua, những lượn sóng trở dậy nổi tiếp, đã cắt xén mặt biển phẳng lì thành vô lượng mảnh vụn, đang sẵn đuổi nhau. Khi này, người ta

nhìn không còn thấy mặt biển phẳng, chỉ thấy bao nhiêu lượn sóng găm thét rượt bắt nhau. Sóng đã dậy làm sao đứng? Chỉ khi nào gió lặng. Sóng tầm muốn dừng, chỉ khi nào gió nghiệp lặng. Vọng tưởng dậy lên đều có đối tượng. Ngã và pháp là đối tượng chủ yếu của vọng tưởng. Nghĩ cái gì? Nghĩ về ta, về người hay vạn vật.

Trí tuệ khai phát, hành giả tháo gỡ lần những mối rối bòng bong trong tâm tư. Đến khi mọi việc suông sẻ, trí giác tròn sáng là xong phần tự giác. Phần giác tha do tâm từ bị thúc đẩy, đến lúc viên mãn thì công phu hành giả mới được tròn đủ. Khi thực hiện giác tha, hành giả phải chuẩn bị thế nào? Tâm từ bị là ban vui cứu khổ. Chúng sanh có nhiều loại khổ, không ngoài hai thứ, khổ về vật chất, khổ về tinh thần. Khổ về vật chất tuy cấp bách, song không trầm kha miên viễn bằng khổ về tinh thần.

Thể hiện lòng từ bi bằng hành động bố thí, trong ba thứ bố thí, tài thí là đứng đầu. Vì thích ứng với nhu cầu cấp bách vật chất, nên phải thực hiện tài thí trước. Người đang đói rét mà mời đi nghe pháp là việc làm của kẻ đại khờ. Trước nhất, chúng ta phải cho họ có cơm ăn, cả áo mặc, sau mới hướng dẫn về đạo lý thâm sâu. Do đó, pháp thí Phật đặt sau tài thí.

Phật tử muốn cứu người thoát khỏi cái khổ trầm kha, miên viễn của tinh thần, trước phải lo giúp đỡ người giảm bớt cái khổ về vật chất. Vì thế, tuy thấy thân như huyền hóa, các pháp như huyền hóa, chúng ta vẫn phải cần cù lao động, làm ra nhiều tài sản của cải để giúp những người cần giúp, nhiên hậu mới đem chánh pháp hướng dẫn giáo hóa họ. Thấy thân như huyền, các pháp như huyền, để rồi nhìn cảnh, ngắm trăng, nhịp đùi ngâm thơ, là người không có lòng từ bi, không hiểu thấu ý nghĩa Phật dạy.

Kẻ si mê can đảm hy sinh không ngoài ba yếu tố chính là tham lam, sân hận, si mê. Vì tham danh, tham lợi, tham sắc..., họ can đảm hy sinh, vì đam mê không mẫn ý, họ can đảm hy sinh, vì nóng giận hận thù, họ can đảm hy sinh. Sự can đảm hy sinh của họ do động lực bên ngoài thúc đẩy. Họ can đảm trong cái sợ sệt, hy sinh trong cái liều lĩnh. Người đời muốn lợi dụng lòng can đảm, hy sinh của họ, bèn cám dỗ bằng danh lợi, kích động bằng hận thù, xây dựng bằng lý tưởng. Bởi không tự chủ được, họ phải làm theo cái gì mà người khác muốn họ làm. Cuộc sống của họ xem ra rất ngang dọc anh hùng, song là cái anh hùng của người khác tạo nên. Họ hy sinh trong cái tự cao, ngã mạn, hoặc trong nhắm mắt đánh liều.

Người trí tuệ can đảm hy sinh do nhận chân lẽ thật, vì lòng từ bi cứu khổ chúng sanh. Khi thấy rõ



DƯỚI RỪNG DỪA BÔNG SƠN

*gió động cảnh thanh tịnh
kiếp giang hồ lãng du
ta một đời vô định
oi phương xa mịt mù*

NGUYỄN ĐỨC BẠTNGÀN

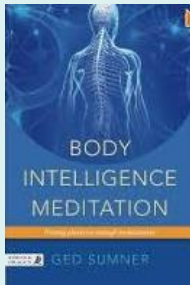
thân này duyên hợp, như huyền, chúng sanh không biết, chấp là thật, gặp cảnh khổ liền kinh hoàng, hoảng sợ. Người trí tuệ thấy thể đám hy sinh thân mình, để đem sự an vui cho người. Đôi mắt trí tuệ với lòng từ bi, người trí tuệ can đảm hy sinh giúp người, cứu vật, không do động lực nào khác thúc đẩy. Nói can đảm hy sinh, mà thật không có gì đáng hy sinh. Bởi thấy thân như huyền hóa, sự còn mất có đáng gì gọi là hy sinh. Cho nên, hy sinh cho mọi người, vẫn không thấy có mình hy sinh, đây là tâm hồn Bồ-tát. Bồ-tát thấy chúng sanh khổ coi như mình khổ, xả thân mình giải khổ cho người là việc làm dễ dàng thường nhật của Bồ-tát.

Đạo Phật không phải bị quan cũng không phải lạc quan, mà đạo Phật là đạo nói như thật và hành như thật. Chữ *Phật* là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là **Giác**. Cho nên gọi Phật-đà tức là *Giác giả* hay người giác ngộ. Đức Phật do giác ngộ được lẽ thật, thấy biết lẽ thật nên chỉ dạy lại cho chúng ta lẽ thật ấy. Chúng ta là đệ tử Phật, tin lời lẽ của Ngài bằng lẽ thật, chớ không phải bằng tưởng tượng.

Đã là Phật tử, chúng ta phải cố gắng ứng dụng tu theo lời Phật dạy để khỏi đọa trong những cảnh khổ. Đừng để mất thân này phải tiếp tục trầm luân trong những cõi khổ đau, không biết bao giờ được trở lại. Phật chỉ con đường cho chúng ta không bị trầm luân. Đó là căn bản, là gốc của sự tu.

Thích Quảng Bình





(Nguồn : Google)

THIỀN VÀ THÔNG MINH

(Meditation & Intelligence)

Hồng Quang

Thiền làm gia tăng sự thông minh trên nhiều phương diện, từ việc Thiền làm cho hai bán cầu não hoạt động song phương góp phần tăng trí nhớ, đến việc giúp não bộ lớn hơn và cảm xúc thông minh được hoàn thiện. Thiền làm gia tăng chất xám và chất trắng của não bộ. Chất xám có nhiệm vụ gạn lọc tin tức... Chất trắng ảnh hưởng đến kỹ năng truyền đạt.

Qua bài này, độc giả sẽ biết thêm tại sao, ngoài công dụng chữa trị bệnh tật, làm cho con người đẹp hơn, sống lâu và sống có hạnh phúc hơn..., Thiền còn có những công dụng kỳ diệu là làm cho con người, nhất là các doanh gia, giám đốc, cấp lãnh đạo, giáo chức, học sinh, sinh viên..., thông minh hơn.

A. SÁU LÝ DO, THIỀN LÀM TĂNG THÔNG MINH & CẢI TIẾN VIỆC HỌC

1. Thiền điều hướng não bộ (Harness your entire brain):

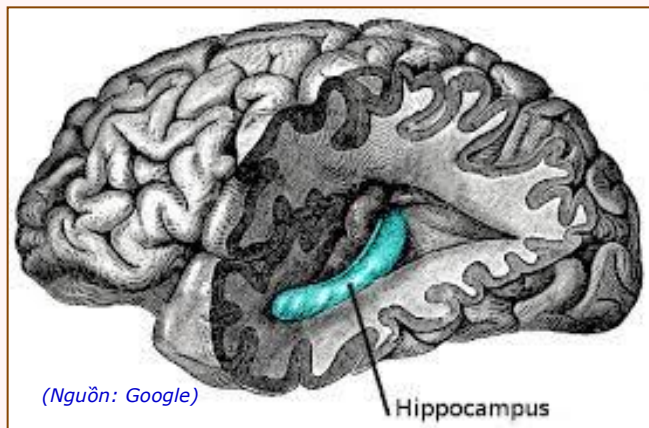
Nhiều người không hề biết, mình sử dụng nửa bộ não phía này nhiều hơn nửa bộ não phía kia, tạo tình trạng thiếu cân bằng trong não bộ. Thiền có khả năng giúp toàn bộ não vận hành cùng một lúc, nên khả năng giải quyết công việc nhanh và dễ hơn, óc sáng tạo tràn trề, sự tập trung chú ý tăng trưởng. Những người đạt được sự thành công lớn trong trường đời, một phần quan trọng là do bộ não hoạt động toàn diện nhờ Thiền. Chúng ta cũng sẽ được như thế tại sao không?



Não, trước lúc Thiền, hoạt động một nửa. Sau một thời gian thiền, hoạt động hoàn toàn (Nguồn: Google)

2. Thiền Tăng Dung Lượng Não:

Nhiều nghiên cứu tại Đại học Wisconsin cho thấy, Thiền làm vùng chất xám trong bộ não dày hơn. Và do đó, con người sẽ thông minh và nhanh nhẹn hơn.

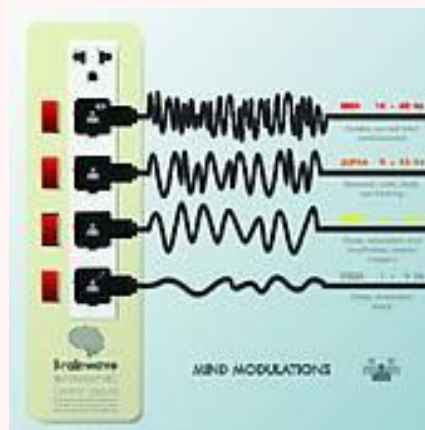


(Nguồn: Google)

Hippocampus

Ý nghĩ từ rất nhiều năm trước là, não bộ được định hình lúc con người mới sinh ra. Nhưng những thí nghiệm gần đây cho thấy, Thiền có thể cải tiến sự vận hành của não bộ làm cho con người thông minh hơn. Khám phá này trùng hợp với lời dạy của Phật trong hai ngàn năm qua: "Tam vô lậu học" tức là Giới, Định, Tuệ. Giữ giới thì định tâm, tâm định trí tuệ phát sinh.

3. Thiền hạ sóng não đến tần số tốt nhất (alpha, theta, and delta):



Delta, hàng thứ 4. Tâm tịnh, sóng não tốt nhất (Nguồn: Google)

Thiền giúp óc sáng tạo cao, ý chí mạnh, nâng nhận thức, và trên hết là năng lực thông minh gia tăng. Thiền là con đường tốt và dễ, đem đến những lợi ích vượt bậc và chuyển hóa mọi lãnh vực của cuộc sống, cũng như giúp cho ta có chỉ số thông minh rất ấn tượng.

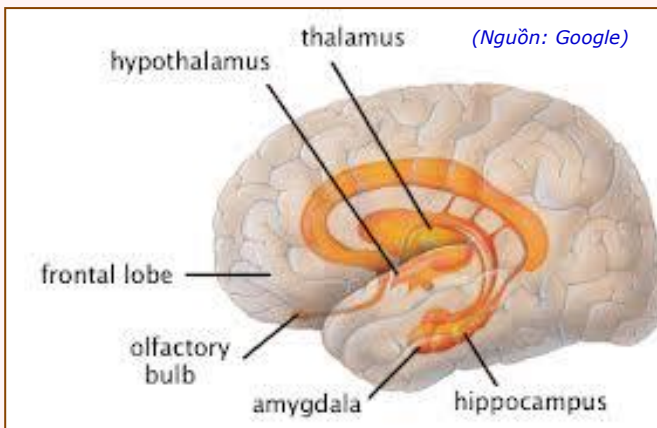
4. Thiên mang đến sự hiểu biết nhạy bén, sâu sắc và trực giác phát triển:

Thiền còn làm gia tăng sự thông minh tiềm ẩn bên trong (Inner intelligence). Đây là yếu tố quan trọng nhất cho sự thành công trong một thế giới thực.

Nhiều nhà công nghệ vĩ đại như Steve Jobs phát biểu, Thiền mang đến những ý tưởng nhạy bén, tuyệt diệu và mới mẻ từ trực giác thông minh tiềm tàng bên trong chứ không phải một thứ gì khác.

5. Thiền gia tăng trí nhớ ngắn và dài hạn (Meditation improves both long and short term memory):

Chúng ta biết, phần lớn, trí nhớ là sự hợp thành của thông minh và chỉ số thông minh. Từ việc thi cử, học ngoại ngữ, nhớ tên (người, đồ vật...), trí nhớ đóng vai trò quan trọng hằng ngày. Não bộ có hai vùng liên hệ đến trí nhớ là vùng hải mã (hippocampus) và thùy não trước trán (frontal lobe). Lúc Thiền, hai vùng này gia tăng hoạt động, trí nhớ phát triển. Nhờ thế, việc làm, việc học và đời sống hằng ngày dễ thành tựu.



6. Thiền làm tăng thông minh cảm xúc:

Nhiều người không biết về những cảm xúc tiêu cực của mình như lo lắng, sợ hãi hay giận hờn và chuyển hóa chúng thành những cảm xúc tích cực. Thay vào đó, họ dùng những kích thích bên ngoài như ăn uống say sưa, dùng rượu hay ma túy để làm êm dịu những lo buồn, khổ đau trong lòng. Vì thế, họ không thể kiểm soát được những tác động và hoàn cảnh chi phối, để biết cách tự chế các cảm xúc của mình. Thiền đều đặn sẽ giúp chúng ta có được sự thông minh cảm xúc (EQ). Đó là khả năng dẫn đến và lắng nghe cảm xúc, tiếp đến là cảm nhận cảm xúc trong an lạc và ý nghĩa. Thêm nữa, EQ (thông minh cảm xúc) giúp ta đọc được và đáp ứng một cách chính xác cảm xúc của người khác. Đây là sự thông minh khó mà đo lường nhưng rất quan trọng trong thế giới đầy giao động hiện nay (1).

(Q: Intelligence Quotient. EQ: Emotion Quotient)

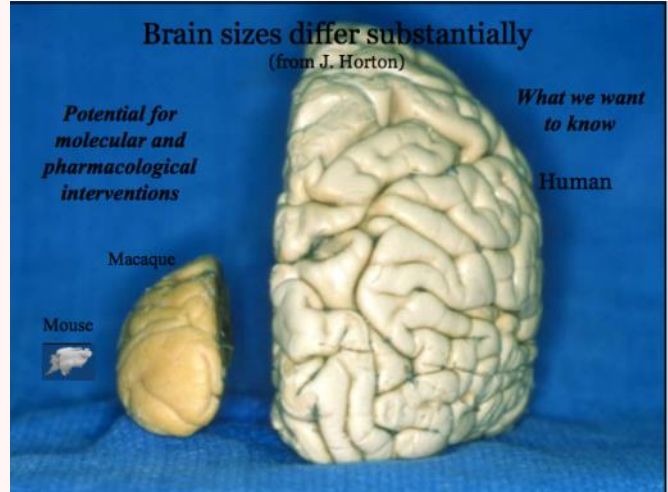
[Chỉ số thông minh + Thông minh cảm xúc = Thành công]

B. TÁM LỢI ÍCH CỦA THIỀN CHO BỘ NÃO

Khoa học cho thấy thân yên, tâm lắng sức khỏe sẽ bền. Riêng về não, Thiền có Tám ích lợi:

1. Trí tăng huệ phát:

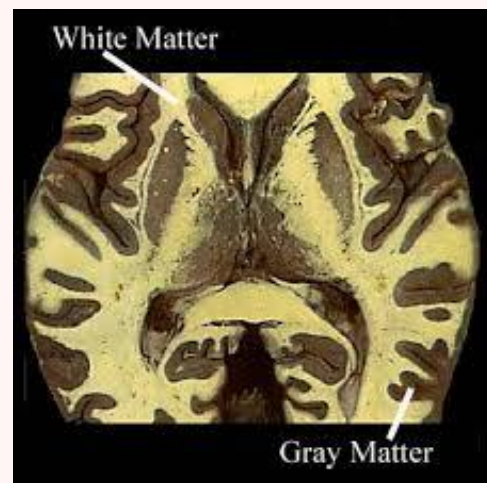
Thiền một thời gian dài làm tăng trưởng sự kết nối giữa các tế bào não, gia tăng các nếp cuộn trong não, phần liên hệ đến sự quyết định và chọn lọc tin tức một cách thông minh và nhanh chóng.



So sánh não bộ người, khỉ và chuột (J. Horton)

2. Thiền thay đổi cấu trúc não:

Thí nghiệm khoa học gần đây cho thấy, Thiền lâu, **chất xám gia tăng**. Chất này liên hệ đến nhận thức nhạy bén, ổn định cảm xúc, đối trị căng thẳng và thông minh hơn. Chất trắng giúp kỹ năng truyền đạt nhanh và hợp lý...

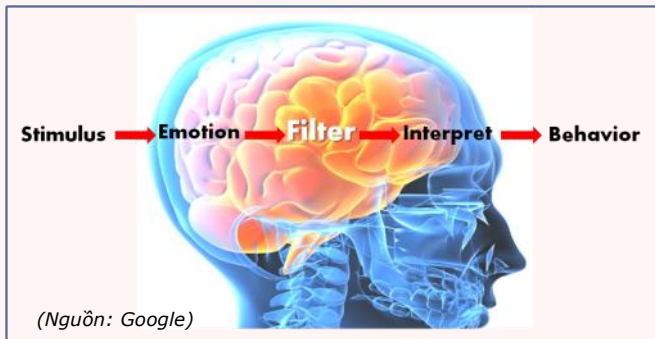


(Nguồn: Chất xám và chất trắng trong bộ não)

3. Thiền điều hướng cảm xúc:

Một nghiên cứu khác cho thấy, những người thực hành thiền chánh niệm (mindfulness meditation) lâu dài, sự hoạt động của hạch hạnh nhân bên phải giảm lúc bị căng thẳng. Cấu trúc của não đóng vai quan trọng trong tiến trình cảm xúc. Thiền làm cho các cảm xúc an tịnh thay vì quá bộc phát khó kiểm soát.





4. Thiền giảm đau nhức:

Thiền làm chậm tiến trình quá nhạy cảm, nên giảm thiểu cảm giác đau nhức.

5. Thiền đóng nhiều vai trò lợi lạc khác:

Giáo sư David Levy tại Đại học Washington viết, "Một số loại Thiền làm gia tăng khả năng tập trung, chú ý, làm giảm cảm xúc quá nhạy bén... nhưng đến nay các lợi ích ấy chưa được phổ biến rộng rãi trong các môi trường có quá nhiều căng thẳng".

6. Thiền giảm béo phì:

Thí nghiệm tại Đại học Y San Francisco Mỹ, Giáo sư Jennifer Daubenmier, MD, cho thấy, Thiền liên hệ đến sự thay đổi nhận thức của cơ thể, giảm căng thẳng kinh niên và giảm mỡ bụng. Vì Thiền huấn tập sự nhận biết của tâm chứ không cho tự do phản ứng dựa vào thói quen. Thí dụ, "không tự ý vượt tới lấy một thìa kẹo để thỏa mãn sự ưa thích". Nếu nhận thức trước những điều ước mong, chúng ta sẽ có một quyết định thông minh và hợp lý."



7. Thiền giảm cảm cúm:

Đại học Wisconsin Mỹ, thí nghiệm một nhóm người gần 60 tuổi. Kết quả cho thấy, Thiền chánh niệm (Mindfulness meditation) làm giảm 50% cơn bệnh, hoặc rút ngắn 50% thời gian bị cảm cúm. Lý do, Thiền làm giảm căng thẳng, hệ miễn nhiễm gia tăng, tạo sức đề kháng cao, chống vi trùng và vi khuẩn cảm cúm.

8. Thiền, tăng điểm thi:

Bài báo cho biết, Tiến sĩ Tâm lý, Robert Youmans và đồng nghiệp tìm thấy, các thí sinh ngồi thiền trước lúc thi thì đạt được điểm cao hơn số thí sinh không thiền. Lý do? Vì Thiền giúp học sinh tập trung và chú ý tốt hơn (2).



Câu chào buổi sáng

Mỗi sáng chạy bộ bắt gặp những cái vẫy tay hay câu chào buổi sáng 'Good morning, Le!' hay 'Hi...' kèm theo nụ cười thân thiện của những người hàng xóm hoặc khách lạ chạy xe trên đường.

Học trò ở Mỹ không cần phải học 'Tứ Thư Ngũ Kinh' trong trường học, cũng chẳng cần lập Viện Khổng Tử để truyền trao lời vàng ngọc của Thánh nhân, nhưng hầu hết người dân đều sống trong một trật tự xã hội ổn định, thân thiện và biết tôn trọng người khác...

"Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui" và một ngày mới của tôi thường bắt đầu bằng những nụ cười và câu chào hỏi như thế.

Kính chúc mọi người năm mới Ất Mùi với những nụ cười và câu chào hỏi thân thiện vào mỗi buổi sáng!

Atlanta, đầu năm 2015

Lê Bích Sơn

C. Kết Luận

Một quốc gia văn minh phú cường, khó đạt được, nếu người dân mang nhiều bệnh và kém thông minh.

Thông minh không do bẩm sinh và cố định. Thiền có thể tái tạo não bộ giúp con người thông minh hơn.

Khoa học cũng cho thấy lý do tại sao Thiền làm cho con người thông minh, và những ích lợi mà Thiền mang đến cho não bộ.

Thiền là một trong những dưỡng chất quý báu, không thể thiếu cho nhân loại trong một thế giới đầy biến động, mà không tốn tiền và không cần tranh giành với ai.

Hồng Quang
(05.12.2014)

Tài Liệu Tham Khảo:

Bài viết dựa vào ba tài liệu chính dưới đây:

- (1) <http://eocinstitute.org/meditation/increase-your-intelligence-with-meditation/>.
- (2) http://www.huffingtonpost.com/2013/09/16/eight-meditation-brain-benefits_n_3903855.html.
- (3) Wikipedia.

NỤ CƯỜI HỖ XẢ

Thích Nữ Giới Hương

Tết nguyên đán là ngày đầu tiên của năm (âm lịch), là bắt đầu ngày xuân dân tộc và cũng là ngày vía của Đức Phật Di Lặc.

Di Lặc, tiếng Phạn là Maitreya, nghĩa là Từ Thị. Di Lặc là họ, còn chính tên là A Dật Đa (*Adjita*), dịch nghĩa là Vô Năng Thắng. Ngài thuộc dòng dõi Bà-la-môn, người Nam Thiên Trúc (Ấn Độ), về sau làm đệ tử Phật, nhập diệt trước Phật, rồi dùng hoá thân Bồ-tát trụ ở cõi trời Đâu Suất thuyết pháp cho các vị trời ở cõi này. Bồ-tát vì muốn giáo hóa các chúng sanh nên thường chuyên tu hạnh bất hại. Bất hại nghĩa là từ (từ bi). Thị là tộc, họ. Do đó, tên Từ Thị (*Maitreya*, Di lặc) nghĩa là chúng tánh từ bi.

Trong kinh Phật dạy rằng khi thời chánh pháp và tượng pháp qua rồi, thời mạt pháp đến, lúc đó con người không biết đến Tam bảo, luân thường đạo lý là gì, chỉ có làm điều tội lỗi, tham đắm ngũ dục... nên phước đức giảm thiểu, tuổi thọ con người sẽ ngắn ngủi, chỉ còn khoảng 10 tuổi là chết... Rồi nhiều ngàn năm lại trôi qua, con người bị quả báo của ác nghiệp



nên sợ hãi và đau khổ, họ bắt đầu tu tập gieo trồng đức hạnh, vun xới phước đức, do thế tuổi thọ được tăng lên tới 80.000 tuổi. Rồi thời gian lại qua, con người không tu không gieo phước báo nên tuổi thọ lại từ từ giảm xuống 10 tuổi nữa... thì khi đó Bồ tát Di-lặc sẽ xuất hiện trên đời thành Phật dưới cội Long Hoa để chuyển bánh xe pháp cho chúng sanh, chỉ cho chúng sanh con đường tự thoát khỏi những khổ đau hệ lụy của sanh, già, bệnh, chết. Bồ tát sẽ dùng lòng từ vô lượng của mình để cứu giúp chúng sanh, để mang sự bình an và hạnh phúc cho mỗi chúng sanh đau khổ. Vì vậy, Đức Phật Di-lặc được xem là vị Phật cứu tinh trong tương lai của loài người. Do ý nghĩa ngài sẽ thay Đức Phật Thích Ca thuyết pháp trong cõi ta bà nên gọi là Bồ-tát Nhất sanh bổ xứ (*một đời nữa sẽ bổ xứ thuyết pháp*), khi thành Phật sẽ mang hiệu là Đức Di-lặc Như Lai. Vì thế, chúng ta thường tán lễ ngài là: "Nam mô Đương lai hạ sanh Di-lặc Tôn Phật."

So sánh về ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của các Đức Phật, thì nét nổi bật của Đức Phật Di Lặc là nụ cười hỷ xả tròn đầy tự tại. *Hỷ* là hoan hỉ chia sẻ sâu sắc nỗi đau khổ và niềm vui với mọi người. *Xả* tức buông xả, không chấp thủ, nắm giữ tất cả điều phiền muộn trong lòng. Tình giác như thật các pháp, hỷ xả, khoan dung và vô ngại đối với tất cả thái độ, hoàn cảnh chi phối của sáu trần nên nụ cười trên môi ngài thật sự vui tươi, tự tại và hồn nhiên. Nụ cười của ngài như làm vơi đi phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, tật đố... khiến cho tâm thuần tịnh, tăng trưởng bồ đề trí hạnh và phát triển bốn vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả).

Theo truyền thống, lễ vía của Đức Phật Di Lặc vào dịp đầu xuân như nhắc chúng ta hãy luôn nhớ tu tập từ trong hoa tâm, một nụ cười trẻ trung tươi đẹp của lòng hỷ xả, khoan dung và tự tại vô quái ngại như thế.

VUI XUÂN HIỆN TIỀN

*Xuân đến,
Ánh ngọc lung linh
Điểm hồng sắc tuyết
Đầu cành trở mai.
Xuân nồng,
Hương tâm thơm ngát
Chân thường ngã tịnh
Vui xuân hiện tiền.*

THÍCH NỮ GIỚI HƯƠNG



SAU NHỮNG NGÀY NÀM BỆNH

Cầm vài ba cọng cỏ
Đi. Ở. Đi. Ở. Đi
Thế là tôi xuống phố

Đầy thêm một hơi thở
Nơi cõi người đông vui

Rót thêm một hạt nắng
Tràn ly ánh mặt trời

Vỗ thêm một nhịp sóng
Trên bờ cát trắng phơi

Trong đông đúc cõi đời
Thêm một lời lẽ loi...

TRÒN TÌM

Theo ánh trăng tôi đi
Dòng đêm xô sóng ngược
Đi. Đến khi trăng về
Mộng vẫn còn phía trước

Theo mộng hoài tôi đi
Quanh co đêm bật mắt
Xa gần bóng giấc mơ
Chơi trò tôi cút bắt

Giấc mơ là mặt trời
Mọc đúng giờ giấc ngủ
Giấc mơ ánh sao hôm
Lặn khi bình minh tới

Trăng đùa, chơi bóng ảo
Đường mộng khói như tơ
Một hình nhân ngã xuống
Bóng nhập vào. Ngu ngơ

Nằm yên con bóng mặt
Vuốt mặt lạ da quen
Gọi người thêm một tiếng
Nặng thêm, một bóng chìm

HẠNH PHÚC

Khi nói về hạnh phúc
Tôi đang ở trong giấc mơ
Mơ hồ nhất của sự thật

Khi nói về hạnh phúc
Tôi đang ở trong lời ru
Thơ đường mật

Khi tôi nói về hạnh phúc
Lừa phỉnh thời gian
Vài giây phút không trôi

Khi tôi nói về hạnh phúc
Phải không, ảo thanh
Của tiếng cười?

Khi nói về đón đau
Mơ màng dòng sông chảy
Khi nói về hạnh phúc
Thì dường như tôi đang vẽ đám mây bay

NƠI NÀO GIÁC MƠ

Rất buồn. Những bước chân
Mang hình của hạt lệ
Bước đi về đâu thế

Loanh quanh. Những bước chân
Mang hình của con mắt
Mắt ơi đường nào xanh

Xanh mơ đường tiền kiếp
Cháo lú những bước chân
Lân theo một vọng âm

Nhạc chiêm bao réo rắt
Đi đi những bước chân
Rất xanh. Bùa hương xanh

thơ

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

Xuân

QUA LĂNG KÍNH PHẬT GIÁO



Mùa Xuân Di-Lặc hạnh phúc miên trường muôn thời, muôn thuở. Để tận hưởng mùa xuân đạo hạnh thanh thoát, ta phải ý thức một cách rõ ràng rằng, mỗi lần xuân về, ta lại bước gần kề đến bờ già chết, biệt ly. Nhưng chúng ta là phật tử mà lại không có chữ "sĩ" nên phải chiêm nghiệm Xuân theo chiều hướng đạo Phật cao thượng và đẹp đẽ. Cuộc đời nằm trong quy luật "sinh trụ hoại diệt," chúng ta thử xem mùa xuân có nằm trong quy luật này hay không? Tất cả sự vật đều già tạm cho nên chúng ta phải nhìn vào bản chất sự việc bằng con mắt trí tuệ, như Thiền sư Huyền Quang đã nói:

*Xuân đến trăm hoa đua nở,
Một thời hương sắc khác chi nhau,
Vào thu tàn tác ngàn cánh hoa rơi,
Cúc dậu trong hiên vẫn đượm màu.*

Trong quy luật sinh diệt này người ta còn nhận ra cái không sinh diệt "đó là Phật pháp bất ly thế gian." Chúng ta còn tìm mùa xuân ở những ngày cuối năm, chúng ta thật sự bận rộn, lo toan đủ mọi thứ đưa tới tốn kém và lãng phí thật sự rất nhiều. Là phật tử, chúng ta phải nhận chân mùa xuân trong đạo Phật là mùa xuân An Lạc.

Xuân về, rồi Xuân đi. Hôm nay Xuân lại về nữa. Nói đến Xuân, chúng ta liền nghĩ ngay đến mùa đổi mới, hay mùa cuối hoặc mùa đầu tiên của năm. Nhưng, dù là cuối hay đầu tiên, Xuân cũng làm cho chúng ta ý thức rằng cuộc đời đã mất đi một phần nào cái gì đáng quý nhất: đó là mạng sống của chúng ta. Sự thật chua chát ấy đã được bộc lộ trong bài thi kệ cảnh tỉnh của thiền môn:

*Thị nhật dĩ quá,
Mạng diệt tùy giảm,
Như thiếu thủy ngưng,
Tứ hữu hà lạc?
(Ngày nay đã trôi qua,
mạng sống cũng giảm*

dần,

*như cá cạn nước,
nào có vui gì?)*

Vì thế, khi Xuân về, trong lúc thiên hạ biết bao người vui chơi thỏa thích, thì ở lãnh vực suy tưởng, lại có kẻ nát lòng rỏ lệ vì Xuân. Kẻ ấy khi thấy Xuân lộng lẫy huy hoàng, nhưng già ảo chóng tàn, mà than:

Xuân trần gian! Xuân trần gian!

Mấy độ phiêu pha mấy độ tàn.

Chính vì sự chuyển

dịch nhanh chóng của thời gian, vì cái kiếp ngắn ngủi của Xuân, mà khi Xuân sang lại có người rất thờ ơ lãnh đạm:

*Ngoài kia Xuân đã bén duyên chưa?
Trời đất trong đây chẳng có mùa.
(Hàn Mặc Tử)*

Chẳng có mùa thì không phiền lụy. Đúng vậy! Xuân về là Xuân về, còn tiếp đón hay không, vui hay buồn là việc của ta. Chế Lan Viên hình như không chịu chia sẻ quan điểm này, cho nên âu sầu, khổ não, thi sĩ thốt:

*Tôi có chờ đâu, có đợi đâu,
Đem chi Xuân lại gọi thêm sầu.
Với tôi tất cả đều vô nghĩa,
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau.*

Thế nhưng, Xuân Diệu nhìn Xuân dưới một góc độ khác:

*Xuân đang tới nghĩa là Xuân đang qua,
Xuân còn non nghĩa là Xuân sẽ già.
Mùa Xuân hết là đời ta cũng mất.*

"Mùa Xuân hết là đời ta cũng mất," rõ là câu nói vô cùng thống thiết, phát xuất từ đáy lòng của những kẻ lo âu, phập phồng cho kiếp sống. Có người đã nói rằng: "Ai cũng cho mùa Xuân là tươi đẹp, nhưng theo tôi thì trái lại, nó không vui đẹp chút nào, mà chính nó là lưỡi dao sắc bén nhất đang kề đến cổ chúng ta." Vì một lần Xuân qua là con người mất đi một năm thay vì được một tuổi. Như thế bảo sao con người không đau khổ hay khóc lóc khi Xuân sang. Thế nhưng cũng có kẻ lại rộn lên niềm niềm

giao cảm, vì nơi họ đã dứt hết bao nhiêu phiền não dao động:

*Chăm chậm Xuân về lòng đất chuyển,
Nhạc trời thanh thoát rộn muôn phương.
Tâm linh một thoáng bừng giao cảm,
Lặng hết bao nhiêu lớp sóng còn.*

(Thiền Sư Nhất Hạnh)

Ở trường hợp khác người ta không phủ nhận Xuân, vì người ta thấy rằng ngoài mùa Xuân thông thường của thế gian, còn một mùa Xuân linh diệu vĩnh cửu:

*Ai bảo lòng ta khóc cảnh Xuân,
Nhưng không, hoa đẹp, khói hương trầm.
Về trong linh diệu, trong tươi sáng,*



*Là cả muôn đời Xuân tượng trưng.
(Hoàng Hoa)*

Không khóc cảnh Xuân không có nghĩa là phải cười với bất cứ mùa Xuân nào. Vì tất cả cảnh linh diệu tàng trong mùa Xuân lý tưởng, hoặc phô bày ra bên ngoài, nếu bị vài nét tang thương gạch một lần đen, thì đứng trên quan niệm thông thường, tương đối, nó là một cố đề cho khóc với Xuân được:

*Ai bảo lòng ta vui với Xuân.
Mưa hoa trắng quá đẹp trong ngần.
Và tang thương ấy còn ghi dấu,
Bướm trắng còn bay trên núi sông.
(Trích Ánh Xuân Vàng - Hoàng Hoa)*

Phật pháp bất ly thế gian vì tâm tức Phật, Phật tức tâm là tâm thanh tịnh không phải từ trên rơi xuống, không phải từ dưới đất sanh lên mà tâm không bị xáo trộn, vì vậy nhìn vào vấn đề mà nói:

*Trông hoa lại nhớ đến người
Trông thấy hoa cũ biết giờ nào nguôi.*

Trên hành tinh này có sự xoay vần mà ta không biết, không thấy cho nên không có khái niệm không gian và thời gian do đó quan niệm hưởng xuân của từng người, từng lớp đều khác nhau.

Trong một hoàn cảnh khác, đây trái ngược nhưng giàu ý nghĩa sâu sắc, nhiệm mầu, thì sĩ Hoàng Hoa lại có những ý nghĩ rất là thoát trần:

*Ai đã thấy ánh Xuân vàng muôn thuở?
Mà tang thương che chấp tự lâu rồi.
Không! Chỉ tại lòng người vương trọng nghiệp,
Mà chưa từng nhìn nhận áng mây trôi.
Đây là cỏ, cành cây, dòng suối cạn.
Đây chim ca, hoa nở, bướm vàng bay.
Đây tiếng súng rền vang trời quang đãng,
Vẫn là Xuân vàng thắm bấy lâu nay.*

Lúc tuổi còn nhỏ chưa thấu đạt lẽ có không, ta chỉ nhìn Xuân và đắm Xuân qua trăm hoa đua nở. Nay đã thấy bản lai diện mục của chúa Xuân rồi, ta có thể an nhiên ngồi ngắm từng cánh hoa rơi rụng trước thêm, mỗi mỗi đều thể hiện chân lý tuyệt vời:

*Niên thiếu hà tăng liễu sắc không,
Nhất Xuân tâm sự bách hoa trung,
Như kim khám phá Đông hoàng điện,
Thiền bản bồ đoàn khán trụ hồng.
(Điều Ngự Giác Hoàng)
(Tuổi nhỏ chưa từng rõ sắc không,
Ngày Xuân hoa nở rộn tơ lòng.
Chúa Xuân nay đã tìm ra mặt,
Thiền tọa an nhiên ngắm cánh hồng).*

Đón Xuân như thế thì địa vị của mùa Xuân không bao giờ mất trong tâm linh con người. Mùa Xuân là mùa vui tươi tịch mịch, bất khứ bất lai, không tuổi tác. Mùa Xuân là bản thể nhiệm mầu của vạn pháp:

*Chư pháp từng bản lai,
Thường tự tịch diệt tượng.
Xuân đảo bách hoa khai,
Hoàng oanh đề liễu thượng.
(Các hiện tượng xưa nay,
Bản tánh thường vắng lặng,
Xuân đến trăm hoa cười,
Oanh vàng ca liễu thắm).*

Như thế thì mùa Xuân lý tưởng đã về ngự trị nơi lòng của mỗi người, và mọi người không còn tin tưởng, hy vọng một mùa Xuân nào khác. Với chúng ta, người phàm mắt thịt, có Xuân tới, có Xuân đi, nhưng đối với các vị thiền sư thì tới đi đều là biến chuyển mộng ảo, không nên bận lòng:

Xuân lai hoa điệp thiện tri thì,



*Hoa điệp ứng tu tiên ứng kỳ,
Hoa điệp bản lai giai thị huyền,
Mạc tu hoa điệp vẫn tâm tri.*

(Giác Hải thiền sư)

*(Xuân sang hoa bướm khéo quen thì,
Bướm liệng hoa cười vẫn đúng kỳ,
Nên biết bướm hoa đều huyền cá,
Thấy hoa mặc bướm để lòng chi).*

Vì biết màu sắc mùa Xuân huyền ảo như thế, đến để rồi đi, cho nên một Thiền sư khác không luyến tiếc mà lạnh lùng ngồi xem:

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
Vạn mộc Xuân vinh thu hựu khó.
Nhậm vận thanh suy vô bổ úy,
Thịnh suy như lộ thảo đầu phồ.*

(Vạn Hạnh thiền sư)

*(Thân như bóng chớp chiêu tà,
Cỏ Xuân tươi tốt, Thu qua rụng rời,
Sá chi suy thịnh việc đời,
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành).*

Đi sâu vào cái chuyển dịch, tàn phá, là bộ áo ngoài của Xuân, một Thiền sư khác thấy trong ấy có cái không thể chuyển dịch, không thể tàn phá được, đó là bản thể thường trú của Xuân vậy:

*Xuân khứ bách hoa lạc.
Xuân đáo bách hoa khai.
Sự trục trục nhãn tiền quá.
Lão từng đầu thượng lai.
Mạc vị Xuân tàn hoa lạc tận.
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

(Mãn Giác thiền sư)

*(Xuân đi lưu lại cánh hoa rơi.
Xuân đến trăm hoa nở nụ cười.
Thế sự thoáng qua rồi mất biệt.
Đầu xanh đã điểm nét sương rời.
Có đâu Xuân lụi hoa tàn mãi.
Đêm trước sân cười một nhánh mai).*

Vâng! Sự sống bất diệt, không vì sự thay đổi, tàn tạ của hiện tượng mà tiêu tan. Vì không tiêu tan, nên nhánh mai này có khô là có nhánh mai khác nở cười.

Xuân trong đạo Phật là Xuân của tất cả mọi loài chúng sanh ở mười phương pháp giới. Muốn được như vậy chỉ có con đường duy nhất là phải tu, phải thực hiện Giới Định Huệ để luôn có an lạc và còn phải thắp sáng bình an của chính mình cho những người xung quanh ngay bây giờ và hiện tại. Mùa Xuân Di Lạc còn hàm ý cung nghinh một năm mới đầy may mắn dưới nhiều hình thức.

TẾT NHỚ THẦY

(Thành kính dâng lên giác linh Hòa thượng
Tăng thống Thích Huyền Quang)

Từ thuở thầy đi mãi đến giờ
Nguyên Thiều còn trụ giữa lòng quê
Từ bi lan tỏa sơn hà tại
Hậu thế noi theo vết tích ngài

Tòng lâm Nam Việt sáng sao mai
Trí huệ bừng lên độ mãn khai
Bao dung thương cả người sai trái
Bồ Tát tâm thành mãi chẳng phai

Giữa cõi ưu phiền chẳng suy hao
Gián nan thế sự tựa ba đào
Như Lai sứ giả vui hành đạo
Một cõi giang hà, một ánh sao

Quốc độ từ khi vắng bóng thầy
Muôn lòng thương nhớ ngất trời mây
Thế phách từ đây hòa cát bụi
Tình anh còn mãi nước non này.

XUÂN BẮT TẬN

Không đợi xuân về nảy tứ thơ
Trong tôi vẫn hiển hiện từng giờ
Mùa xuân bắt tận trong tình ý
Em vẫn bên đời như giấc mơ.

VÀNG MỘT CỐI

Mùa lên vàng một cõi
Tình ơi đành thế thôi
Đường trần chơi quá nửa
Độc hành cùng mây trôi.

NGƯỜI KHÔNG THẤY NGƯỜI

Ô hay trời đất chưa từng
Người trong thiên hạ có mừng gì không?
Đi - về trong chốn bụi hồng
Mặc tôi thương nhớ người không thấy người!

THIÊN GIỮA CUỘC ĐỜI

Tôi vẫn thấy những ôn ào tranh đấu
Và bao nhiêu cào cấu hơn thua
Kẻ thắng thế hí hửng làm vua
Người thất bại thiệt thua uất hận
Tôi đang sống giữa cuộc đời lộn độn
Dở thợ dở thầy lao động nhọc nhằn thay
Kiếm được đồng tiền quả thật lắm chua cay
Đổ mồ hôi với trầy vì tróc vẩy
Nhưng đời sao vẫn đẹp lạ lùng thay
Tình vẫn cháy với tháng ngày lãng mạn
Mây trắng trời xanh, nắng vàng rạng rỡ
Thương làm sao ta viết tạ ơn đời
Và hôm nay một buổi sáng tuyệt vời
Hồn lạc an như thiền sư nhập định
Giữa động loạn mà vô cùng yên tĩnh
Sát-na này vũ trụ sáng lung linh.

ĐIỆP TRÙNG VÔ THANH

Tôi ngồi ngắm gió mây bay
Một bông hoa rụng ô hay lạ lùng...
Sát-na lạc tận tương phùng
Niềm hoan hỷ địa điệp trùng vô thanh.

PHONG VẬN THANH

Trăng ngà lơ lửng lúc tàn canh
Ma đèn bên thềm phong vận thanh
Độc thơ ta viết đồng tâm cảnh
Trong trẻo âm ba sắc vóc xinh.

NHỚ MẸ

Có những chiều nhìn trời mây trắng quá
Lòng bồi hồi nhớ đến nẻo quê xa
Ở phương ấy mẹ già đang mong ngóng
Mà nơi đây ta còn mãi phiêu bồng.

thơ ĐỒNG THIỆN

MỖI KỶ MỘT MÓN CHAY

CẢI XÀO THẬP CẨM



Nguyên liệu:

- 10 cọng cải Đài Loan loại nhỏ
- 1 khúc ham chay thái lát
- 1/2 cup táo tàu không hạt ngâm nước
- 1/2 cup hạt sen nấu chín
- 10 nấm đông cô nhỏ, ngâm nước
- 1 hộp mung bean jelly
- 2 muỗng café dầu mè
- 2 muỗng café bột khoai tây
- 2 muỗng café dầu hào chay
- 1/2 muỗng café' muối
- 1 cup nước soup chay
- 1 muỗng café bột nêm nấm
- 1 củ gừng nhỏ thái lát mỏng

Cách Làm:

Cải Đài Loan chẻ đôi, bỏ bớt lá trên ngọn rửa sạch, bắc nồi nấu nước soup cho muối, 1/2 muỗng café bột nêm, trung cải 2 phút, vớt ra sắp tròn lên đĩa, giữ lại nước soup trung cải. Bắc chảo khử dầu với gừng, cho nấm đông cô, táo tàu & 2 tablespoon nước soup, dầu hào chay, 1/2 muỗng café bột nêm nấu 10 phút; sau cùng cho hạt sen và ham, dầu mè nấu thêm 5 phút là được. Hộp mung bean thái làm 8 lát, sắp 4 lát vào đĩa, cho đồ xào lên trên, phần trên để 4 lát mung bean theo như trong hình. Nấu nồi nước soup trung cải cho sôi, pha 2 muỗng café nước lạnh với bột khoai tây quậy đều rồi đổ vô nồi soup nấu 2 phút nêm vừa ăn, chế nước sốt lên đĩa cải, trước khi ăn rắc một chút tiêu sọ.



Chân Thiện Mỹ (nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

BẢN TOÁT YẾU CỦA KINH PHÁP HOA

FOTOPOULOU SOPHIA soạn Anh ngữ

Nguyễn Đạo dịch

Về phần tôi, tôi đã tìm hiểu những bản dịch, phân ánh, luận văn, chú giải, phân tích, và ý kiến khác nhau về kinh Pháp Hoa. Kinh này là một trong những bản kinh thâm sâu nhất của Phật giáo. Có giả thiết cho rằng kinh này là một trong những kinh Phật giảng cuối cùng. Bản tóm tắt sau đây là một bài viết thú vị nhất tôi đã đọc, vì thế, tôi để nó ở đây, cho các bạn đọc... bài viết này người biên soạn gọi nó là "Vỡ Kịch về sự Giác Ngộ."

Để trình bày ý kiến ngắn gọn về điều chúng tôi đã liên hệ với Kinh Pháp Hoa hay kinh Hoa Sen Trắng, tôi gọi nó là *Vỡ Kịch về sự Giác Ngộ*. Nhưng trong những từ ngữ biểu trưng của tên kinh, nếu chúng ta chú ý cẩn thận tới nó, nói về nó. Dường như kinh này tràn ngập với biểu trưng ngay cả tên kinh Saddharma-puṇḍarīka Sutra theo nguyên ngữ tiếng Phạn là biểu trưng. Trước khi chúng ta bắt đầu nghiên cứu các ý nghĩa biểu trưng trong kinh, chúng ta hãy có cái nhìn lướt qua về ý nghĩa của tên kinh.

Saddharma thường được dịch 'chánh pháp' hay 'thiện pháp'. Pháp ở đây dĩ nhiên là giáo pháp của Đức Phật, nhưng lối dịch này chưa thực sự đầy đủ. *Sat* hoặc *sad* có từ gốc Phạn ngữ nó có nghĩa là 'hiện hữu', hay chính xác hơn là 'chân chính' hay, 'sự thật', 'chân thật' hay 'đích thực'. Trong cùng cách đó, đầu chúng ta có thể dịch 'Dharma' là 'pháp', hay 'giáo pháp', chính xác hơn dịch là 'chân lý', hoặc ngay cả 'bản chất tối thượng của các pháp'. Gộp chung hai từ, saddharma có nghĩa 'giáo pháp chân chính', và đây là cách dịch hợp lý nhất. Như vậy, nó cùng nghĩa với Saddhamma của tiếng Pali, nó xuất hiện nhiều lần trong kinh Pháp Cú.

Puṇḍarīka có nghĩa 'Hoa sen', chính xác hơn là 'Hoa sen trắng'. Mặc dù, chúng ta chỉ có một từ tiếng Anh nhưng phải hiểu là hoa sen có nhiều màu, trong Phạn ngữ hoa sen có màu khác nhau thì cũng có tên gọi khác nhau tương ứng. Do vậy chúng ta có 'Hoa Sen Trắng của Giáo Pháp Chân Chính'. Tựa kinh này gợi lên điều gì? Sen thường mọc lên trong đầm lầy, nhưng dù cây sen có mọc lên từ trong bùn chẳng nữa, hoa sen vượt lên khỏi mặt nước, vì thế cánh hoa vẫn tinh khiết và không nhiễm bùn nhơ. Vì điều này, hoa sen trở thành biểu trưng của sự thanh tịnh-thanh tịnh giữa sự bất tịnh. Nó trở thành biểu tượng điển tả cho cái Tuyệt đối trong sự tương đối, nếu bạn



muốn, thể hiện của đời tâm linh giữa đời thường, không bị tạp nhiễm bởi những cảnh trần nó hiện hữu trong đó. Do đó tên kinh gợi lên rằng dù giáo pháp chân chính xuất hiện trong thế gian ô trược, nó vẫn không bị nhiễm bởi bất cứ điều gì xem là thế tục.

Chữ **Sutra** là một từ thông dụng nhất chỉ cho thánh điển của Phật giáo, vì thế Phật tử thích nói các kinh của Thiên Chúa giáo là Kinh thánh. Nhưng dù nó có xu hướng dùng đại khái như thế, *Sutra* có ý nghĩa riêng biệt. Nó có từ ý nghĩa là sợi chỉ: vì vậy có gợi lên một số đề tài kết hợp trong sợi chỉ chung của bài kinh. Hình thức của bài kinh hầu hết giống nhau. Thứ nhất bạn có sự điển tả về nơi kinh được thuyết, điều gì đã diễn ra, và hiện diện gồm có những ai. Kế đó nội dung chính của kinh, thường thì bao gồm giáo pháp, giáo pháp chân chính, do chính Đức Phật thuyết. Sau đó kinh kết thúc với

kết quả của lời dạy của Phật mang lại cho thính chúng. Có vài kinh, đầu Đức Phật hiện diện, Ngài ở lại trong hậu liêu, một trong những vị đệ tử thuyết giảng, trong trường hợp này kết thúc buổi giảng Đức Phật ẩn chứng cho lời vị đệ tử đã nói, như thể làm cho bài kinh như ngài nói không khác. Thịnh thoảng, nhất là trong kinh Đại thừa, ngay cả vấn đề chưa được ẩn chứng của Phật, vị đệ tử như thể thực sự đang thuyết, nhưng kỳ thực vị ấy đang thuyết dưới nguồn cảm hứng trực tiếp từ Đức Phật; vì thế trong thực tế Đức Phật đang nói thông qua vị ấy. Tuy được nói như thế, điều quan trọng là hiểu về điều đã được nói trong nội dung chính của kinh nó không phải lưu xuất từ tâm thức của người thường. Nó không phải là sản phẩm được tạo ra bởi trí thông minh. Nó không phải chứng cứ hoặc lời giải thích về điều mang ý nghĩa tầm thường. Nó là chân lý, một thông điệp, ngay cả khi tiết lộ, lưu xuất từ sâu thẳm của Bồ đề tâm, tâm giác ngộ, chiều sâu của Phật tánh. Đây là nội dung cốt lõi của bất cứ thánh điển nào của Phật giáo, và đây là mục tiêu của nó: để truyền đạt bản chất của sự Giác ngộ, Phật tánh và chỉ ra con đường dẫn đến nhận thức rõ về nó. Do đó chúng ta có thể dịch tựa đề hoàn chỉnh của sự truyền đạt đặc biệt này của Bồ đề tâm là 'Kinh Hoa Sen Trắng của Chánh Pháp'. Chúng tôi chỉ hi vọng truyền tải được toàn bộ ý nghĩa của tựa kinh Phạn ngữ, vì vậy sự chuyển dịch này chỉ trong khả năng có thể làm được, chưa phải hoàn thiện.

Là một tài liệu văn học, Kinh Hoa Sen Trắng, trở lại tên ngắn gọn của Kinh, thuộc thế kỉ thứ nhất Tây lịch, đó là khoảng 500 năm sau khi Phật diệt độ. Nhưng dù chúng ta biết khi kinh này được viết ra, dĩ nhiên, điều này không cung cấp cho chúng ta bất cứ manh mối nào vào lúc nó được biên soạn lần đầu tiên. Điều thật khó cho chúng ta hình dung, về mặt thực tế toàn bộ khoảng thời gian 500 năm đầu lời dạy của Đức Phật được truyền khẩu. Không có lời nào được viết ra. Thực vậy, không có chứng cứ rằng chính Đức Phật có thể đọc và viết. Vào thời đó chữ viết giữ vai trò không đáng kể. Những thương nhân sợ sai lạc họ muốn giữ sổ ghi chép những cuộc giao dịch quốc tế của họ có khả năng đã viết chúng ra, nhưng đó không phải công việc thích đáng cho tăng sĩ. Vì thế Đức Phật chỉ dạy qua hình thức các buổi thuyết giảng, và mọi người lắng nghe những điều ngài nói, ghi nhớ, sau đó lặp lại cho những huynh đệ của mình. Theo cách này giáo lý của đạo Phật, cũng như của đạo Hindu, được truyền thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác, giống như ngọn đuốc truyền từ vận động viên này vận động viên khác vào lúc mở Thế vận hội.

Nhưng cuối cùng, những Phật tử Ấn Độ đã bắt đầu ghi lại lời dạy của Đức Phật. Chúng ta không biết thực sự là vì sao. Có thể sự ghi nhớ trở nên yếu dần kể từ sau thời Phật. Có thể con người cảm thấy không tự tin lắm, và cảm thấy có mối nguy hiểm rằng giáo pháp sẽ bị mai một nếu chúng không được viết ra. Hoặc có thể đọc và viết trở nên cần thiết hơn, vì thế đó là lẽ tự nhiên để tiến hành việc ghi lại giáo pháp như chúng ta đã biết. Dù bất kỳ lý do nào, vào thế kỷ thứ nhất Tây lịch một phiên bản chung về Pháp Phật được viết ra, và kinh Hoa Sen Trắng nằm trong số đó và trở thành những bản Kinh, kinh có nghĩa đen là tài liệu được viết ra vào thời đó.

Giáo lý của đạo Phật được viết bằng nhiều ngôn ngữ, Sanskrit, Pali, Prakrit, Apabhramsa, Paisaci, v.v..., và kinh Hoa Sen Trắng là một trong những bản kinh đầu tiên được viết bằng tiếng Sanskrit. Nhưng dù Sanskrit là một ngôn ngữ của Ấn Độ cổ, không nhất thiết theo đó Ấn Độ là nơi kinh được viết lại lần đầu tiên. Phật giáo vào thời đó, nhất là Phật giáo Đại thừa, đã truyền bá sang tận Trung Á, và có thể đó là nơi kinh Hoa Sen Trắng được viết ra lần đầu tiên. Cuối cùng, chúng ta biết rằng thánh điển Pali bắt nguồn từ Tích Lan, không phải ở Ấn Độ, vào khoảng cùng thời đó. Nhưng dù có ở đâu, kinh Hoa Sen Trắng được viết bằng sự pha trộn của hai loại ngôn ngữ Sanskrit: Sanskrit thuần túy và Sanskrit Phật giáo. Sanskrit thuần túy theo các nguyên tắc được đặt ra bởi nhà văn phạm Panini, vì thế thỉnh thoảng đó được gọi là Sanskrit Panini. Sanskrit Phật giáo, thỉnh thoảng chỉ gọi là Sanskrit pha trộn, là tiếng Sanskrit pha trộn với tiếng Prakrit tạo ra sự 'đúng đắn' kém, và mang tính thô ngữ nhiều hơn.

Vì thế kinh được viết bằng sự kết hợp của hai loại Sanskrit này. Nó cũng kết hợp văn trường hàng và văn vần; văn trường hàng thì bằng Sanskrit thuần túy hay Sanskrit Panini, và kệ tụng bằng Sanskrit Phật giáo. Điều này đã tạo ra một bản kinh rất đặc biệt. Điều tạo cho nó về kỳ lạ, không nói là kỳ quái, từ quan điểm văn học, là cấu trúc của nó. Văn trường hàng và kệ tụng luân phiên nhau, trước tiên bạn có đoạn văn trường hàng vài trang và kế đó đến đoạn kệ tụng. Điều kỳ lạ đó là đoạn kệ tụng lặp lại chính xác những điều vừa được nói trên trường hàng, đôi khi có chút màu thuẫn, và mở rộng thêm. Vài học giả đã cho rằng các phần kệ tụng xưa hơn phần trường hàng, nhưng không có chứng cứ xác thực về

điều đó. Toàn bộ bản kinh, cả trường hàng và kệ tụng, được chia làm 27 phẩm, hoặc 28 phẩm trong vài bản dịch, và tạo ra một bản kinh rất quan trọng.

Nguyên bản của nhiều kinh điển bị thất lạc, nhưng trong trường hợp của Kinh Hoa Sen Trắng chúng ta có may mắn là các bản sao được tìm thấy vào thế kỷ 19, và gần đây đã phát hiện thêm ở Nepal, nơi có nhiều bản sao còn bị chôn vùi, ở sa mạc Trung Á, và Kashmir, nơi những bản sao được tìm thấy cách đây vài thập niên. Cũng có những bản dịch cổ của kinh bằng Hán ngữ, Tạng ngữ, và những ngôn ngữ khác. Bản dịch chuẩn Hán ngữ là bản dịch của Cư Ma La Thập, một trong những bản hay nhất trong các dịch giả và học giả Phật giáo. Ngài sống vào thế kỷ thứ tư và thứ năm Tây lịch, vào triều đại nhà Đường, vào lúc Phật giáo đang thịnh vượng ở Trung Hoa. Được khoảng 100 năm, bản dịch của Cư Ma La Thập đã tạo ảnh hưởng đến văn hóa Trung Hoa, có thể sánh với tầm ảnh hưởng của Kinh Thánh lên văn hóa người Anh, và nó còn được người Hoa xem là tác phẩm bất hủ của văn học cổ điển. Và cũng vậy đối với văn học thế giới, những thành tựu vĩ đại của Cư Ma La Thập đã tạo nhiều cảm hứng cho hội họa, mang lại kết quả trong sự phát triển của toàn bộ truyền thống về việc minh họa những cảnh nổi tiếng từ bản kinh này.

Mãi cho đến gần đây, chỉ có một bản dịch hoàn chỉnh của bản kinh được xuất bản bằng tiếng Anh. Đây là tác phẩm của học giả người Đức Henrich Kern, được xuất bản trong bộ Thánh Điển Phương Đông vào năm 1884, và vẫn còn bản in. Xem tác phẩm này như là bản dịch đầu tiên, và vào thời đó người ta chưa biết nghĩa chính xác của một số thuật ngữ quan trọng của Phật giáo, cho nên không có gì phải ngạc nhiên khi bản dịch của Kern chưa chuẩn xác, dù nó là bản dịch rất hay vào thời đó. Nói xác thực hơn, nó chứa vài cước chú hết sức kỳ lạ. Còn điều nữa, dịch giả dường như bị ám ảnh bởi ý tưởng rằng toàn bộ Phật giáo có thể giải thích bằng những thuật ngữ thiên văn học. Ông cũng cố gắng giải thích Niết Bàn hoàn toàn mang nghĩa thực tương đương với trạng thái hoàn toàn ngưng hoạt động của cơ thể: nói cách khác, Sự Giác Ngộ tương đương với sự chết. Rất kỳ quái. Còn nhiều hơn nữa ta có thể đọc thêm, dù chưa hoàn thiện, bản dịch của kinh trở nên phổ biến vào 1930 theo hình thức của bản dịch Hán ngữ của Cư Ma La Thập được thực hiện bởi Bunno Kato và được duyệt lại bởi giáo sư William Soothill, nhà truyền giáo người Anh—người đã sống một thời gian ở Trung Hoa. Dù Soothill là tín đồ Thiên Chúa giáo, ông vẫn tiếp tục truyền đạt với nhiệt tâm mộ đạo và tinh thần của nguyên bản.

Câu đầu tiên của kinh được dịch giống nhau trong bất cứ bản dịch nào bạn đọc được. Thực vậy, những lời mở đầu là dấu hiệu phân biệt của bất kỳ kinh Phật nào, và bản dịch Anh ngữ, có lệch lạc của nó, hình thức mở nhạt không hợp thời, có sự mập mờ trong đó, như 'một thuở nọ'. Khi chúng ta nghe hoặc đọc những lời 'Tôi nghe như vậy', *evam maya srutam* bằng Phạn ngữ, chúng được hiểu vào xưa kia giáo lý của Phật được thuyết và phụng hành. Nhưng ai đã nghe? Người nói là ai? Theo truyền thống đó là A Nan. A Nan là em họ của Phật, cũng là đệ tử của Ngài và có hơn 20 năm làm thị giả và người bạn đồng hành du hóa. Và A Nan được nói là cội nguồn của sự truyền khẩu. Chúng ta được biết rằng trí nhớ của tôn giả rất tốt và có khả năng nhớ hầu hết từng lời của Phật đã nói, và nói lại cho những bạn đồng tu khác. Nếu tôn giả có chuyện phải đi ra ngoài trong khi Phật giảng, tôn giả thỉnh cầu Phật lặp lại lời đã

dạy cho mình, vì thế tôn giả đã cất giữ ngay bằng trí nhớ của mình như bộ sưu tập bất điều gì Đức Phật đã từng nói.

Tôi phải thú nhận rằng lâu đầu tiên tiếp xúc với Phật giáo, tôi đã tự hỏi điều đó có thể xảy ra sao. Nhưng khoảng 20 năm tôi ở Ấn Độ, tôi đã gặp nhiều vị tăng sĩ cả Ấn Độ và Tây Tạng họ có thể đọc lưu loát hàng trăm trang kinh bằng trí nhớ. Và về sau, khi tôi trở lại Anh quốc, tôi đã quen biết vài người có trí nhớ gần như cuộn băng ghi âm. Ông ấy nói, 'Vào ngày 8 tháng 7 cách đây 3 năm, bạn đã nói...' và tiếp tục cũng đọc lưu loát, từng lời, chính xác những gì tôi đã nói—trình tự trong đó tôi đã đề cập đến đề tài nào, những đoạn lý luận của bài giảng, tất cả những minh họa tôi dùng, mọi thứ—cùng với thời gian và hoàn cảnh. Vì thế tôi nghĩ 'nếu điều đó có thể xảy ra cho một ai đó ở Luân Đôn vào thế kỷ 20 có trí nhớ như thế, không có nghi ngờ gì nó cũng đã xảy ra vào thời Ấn Độ cổ, và tôi đã tin rằng Đức Phật đã có một A Nan có trí nhớ siêu việt ghi nhớ tất cả lời kinh và cuộc đàm luận.

Nhưng dù những lời 'Tôi nghe như vậy' có ý nghĩa thực, còn có ý nghĩa lịch sử, chúng cũng gợi lên điều gì đó thâm thúy hơn. Trong thực tế, Đức Phật không ở bên ngoài chúng ta. Phật tánh không ở bên ngoài chúng ta, mà ở bên trong chúng ta'. Đây chính là 'Phật thân', như tông truyền thống Thiền tông có nói. Và chúng ta có thể nói rằng không phải chỉ có một A Nan bên ngoài, trong lịch sử; mà cũng có một A Nan bên trong chúng ta. Và như A Nan con người lịch sử đã lắng nghe Đức Phật, vì thế A Nan bên trong chúng ta lắng nghe âm thanh Chân lý bên trong. A Nan, chúng ta có thể nói, là tâm bình thường của chúng ta đang lắng nghe lời tuyên thuyết của Tâm giác ngộ của chính mình. Như thế trong chúng ta có hai tâm, một hạ liệt và một cao thượng. Tâm hạ liệt thường mờ ám và tâm cao thượng đi trên đạo lộ của nó, hoặc có thể ngay cả khi ta không biết tâm cao thượng hiện hữu. Nhưng nếu tâm hạ liệt chỉ dừng lại và lắng nghe trong chốt lát, nếu nó có thể tiếp thu, nó có thể nhận biết âm thanh của tâm cao thượng. Như A Nan đang lắng nghe lời Đức Phật, tâm bình thường của chúng ta có thể nhận ra tâm cao thượng, Bồ đề tâm trong chúng ta. Thúc đẩy dòng tư tưởng này xa hơn tí nữa, chúng ta có thể nói rằng toàn bộ vở kịch của sự Giác ngộ xảy ra không chỉ ở bên ngoài, trên sân khấu vũ trụ, mà còn ở bên trong, ở sâu kín bên trong tâm của chúng ta.

Mặc dù những lời mở đầu của kinh có thể rất quen thuộc, có một lần chúng ta ở trong quá khứ, chúng ta tìm kiếm chính mình trong mỗi thế giới xa lạ. Thế giới của kinh Đại thừa hầu hết thuộc loại mà bạn tìm thấy sự hư cấu khoa học, hơn là về mặt tinh

thần, trừu tượng. Vì trước đó chúng ta tìm tòi sâu vào những truyền ngụ ngôn, thần thoại, và những biểu trưng của kinh, chúng ta cần sự giới thiệu tới thế giới kỳ ảo này. Có thể bạn không có được nhiều hiểu biết về nó, và tôi e rằng tôi sẽ không có cung cấp trợ giúp nhiều. Tôi chỉ liên hệ vài sự kiện diễn tả trong kinh và để chúng tạo ra ảnh hưởng của chúng, tuy kỳ lạ, tuy kì dị, tuy khó hiểu. Về phần của bạn, chỉ đọc nó như một câu chuyện. Và bất cứ điều gì bạn làm, đừng suy nghĩ. Đừng cố gắng làm việc cật lực. Đừng đòi hỏi bản thân điều đó có ý nghĩa gì. Chỉ để tâm trí lắng đọng và theo tiếng tích tắc. Nếu bạn muốn để tâm trí của làm việc theo nó, bạn có thể làm việc đó về sau. Trong khoảnh khắc, chỉ tập trung vào nội dung kinh như bạn đã xem phim trong rạp chiếu bóng. Đây là một điều gì đó kỳ ảo của chủ nghĩa siêu thực, và bạn thực sự không có hy vọng làm bất cứ việc gì, chỉ để tâm trí nghỉ ngơi trong chốt lát và cho phép những hình ảnh có hiệu quả của chúng. Và đừng e sợ về điều bạn đang cảm nhận.

Kinh mở ra trên đỉnh Linh Thứu. Trong giới hạn địa hình, núi Linh Thứu là một tảng đá khổng lồ với vách đá cheo leo nơi Đức Phật thường ở lại khi ngài muốn đến các nơi. Từ đó ngài có thể thấy nhiều dặm xung quanh. Vào thời đó ngài có thể thấy khoảng cách rất xa, hàng chục ngàn nóc nhà của thành Vương xá, thủ đô của Ma Kiệt Đà, là một trong những vương quốc lớn của Bắc Ấn vào thời đó. Nhưng bây giờ không còn ngôi nhà ở đó. Bạn vẫn có thể viếng thăm núi Linh Thứu, và nó vẫn còn giữ được quang cảnh rất ấn tượng, như không còn thành phố nào nữa. Tất cả các bạn có thể nhìn thấy khu rừng rậm có người ở, và đây đó vài di tích cổ của Phật giáo và Kỳ Na giáo, và ngay cả vết tích Xi-clốp (tường đá khổng lồ) thời tiền sử.

Theo cách nói tượng trưng, Linh Thứu sơn diễn tả đỉnh cao của thế giới trần tục. Vượt lên nó, và bạn đang ở thế giới huyền ảo, thế giới của tâm linh thuần tịnh. Vì thế khi kinh diễn tả Đức Phật đang tĩnh tọa trên đỉnh Linh Thứu, điều đó đang đặt ngài ở đường ranh giới giữa thiên đường và trần thế. Và ngồi xung quanh ngài hàng chục ngàn đệ tử thuộc nhiều hạng. Chúng ta được nói cho biết rằng có 12 ngàn A La Hán, người đã đạt Niết Bàn theo nghĩa của Tiểu thừa đã loại trừ tham ái, vắng bật trí suy lường và hoàn toàn sáng suốt. Kế đó có 80 ngàn Bồ tát, và hàng chục ngàn chư thiên và những loài phi nhân cùng với tùy tùng của họ.

(Xem tiếp trang 126)



Một trang kinh Pháp Hoa bằng tiếng Phạn

PHÍA SAU BÓNG MẶT TRỜI

TN. Hạnh Tâm



Truyền thông Internet được coi là một thành tựu của loài người trong thế kỷ XX. Khi Internet trở thành phương tiện đại chúng thì báo mạng điện tử cũng ra đời theo xu thế phát triển của thời đại. Chỉ cần một cái nhấp chuột, mọi cánh cửa thông tin liền mở toang ra. Một thế giới muôn màu muôn vẻ mặc sức cho ta bước vào tìm hiểu chiêm ngưỡng. Kỷ nguyên mạng ra đời đã chiếm lĩnh hết mọi suy tư thị hiếu của con người.

Internet không chỉ đáp ứng mọi nhu cầu sở thích mà còn là chiếc chìa khóa vạn năng mở toang mọi cánh cửa tri thức. Những sự kiện đã trôi qua, những câu chuyện đời thường... những kiến thức về văn hóa, khoa học cho đến các chương trình giải trí văn nghệ, các vấn đề về chính trị quân sự, v.v... và v.v... đều cấp tập hiện ra trong tích tắc. Công việc nghiên cứu học tập không còn phải vất vả tìm kiếm trong thư viện sách vở. Thư từ trao đổi cũng không cần chờ đợi lâu xa. Trang mạng điện tử còn là nơi kết thân giao hữu, là cửa ngõ khai thông trí tuệ và là kênh giải trí đa năng đem lại nhiều niềm vui sáng tạo cho mọi tầng lớp người trong xã hội.

Khi Internet đi vào mọi ngõ ngách cuộc sống, thì giới tu sĩ cũng tỏ ra khá nhanh nhạy trong việc tiếp thu làm quen với ngành công nghệ tin học để trao đổi học hỏi và nắm bắt thông tin. Thời đại khoa học phát triển vượt bậc, máy tính trở thành một công cụ hữu hiệu trong việc hoằng pháp lợi sanh. Với Tăng Ni trẻ bây giờ, sở hữu một chiếc máy tính để phương tiện học tập nghiên cứu là điều cần thiết và cũng không còn vượt quá tầm tay mong đợi. Cùng góp mặt trong xu thế toàn cầu, những trang website Phật giáo ra đời đã thổi một làn sinh khí mới, một bước tiến hội nhập đầy sắc nét làm sáng tỏ cả ngôi nhà đạo Pháp vốn được lưu truyền và gìn giữ trong suốt hơn hai ngàn năm qua. Đó là nơi mà người học Phật dù là tu sĩ hay tại gia đều có thể thâm nhập để cùng trao đổi nghiên cứu và tìm ra phương pháp tu tập cho riêng mình. Mỗi trang báo điện tử chứa đựng cả kho tàng kiến thức Phật giáo. Tam tạng kinh điển, những lời dạy của chư Phật chư Tổ được ghi chép qua mỗi thời đại, các nền tư tưởng văn hóa triết học Phật giáo được các học giả trên khắp thế giới dày công ghi chép biên soạn hằng bao thế kỷ. Chưa bao giờ hình ảnh và tư tưởng của người xưa được tái hiện một cách tinh tế và rộng rãi như thế.

Trang mạng Phật giáo cũng là một kênh thông tin mạng xã hội hóa về các vấn đề liên quan đến sự tu tập, hoằng pháp của Tăng Ni và Phật tử trong hiện thời. Những trang viết chứa đựng nguồn giáo lý sâu xa pháp vị, các bài thuyết pháp của quý thầy quý ni, các khóa tu tập, những chuyến hành hương trên đất Phật... đều truyền tải trên mạng để mọi người cùng chiêm ngưỡng tìm hiểu. Và nghe đâu, các nhà khoa học đang cố ý định thu lại tiếng

nói của loài người từ hằng ngàn năm trước còn lưu giữ giữa hư không. Trong một tương lai không xa lắm, chúng ta sẽ nghe được kim khẩu chính từ miệng đức Thế Tôn phát ra, nghe được giọng nói chư Thánh giả đắc đạo và các vị thiên sư qua mỗi thời đại.

Một khu vườn đầy hoa hương còn là mảnh đất tốt để cỏ dại mọc sức sanh sôi nảy nở; một bàn tiệc với quá nhiều thức ăn hấp dẫn nhưng cơ thể con người chỉ có thể tiếp thu những phẩm chất cần thiết có mức hạn. Không biết tiết chế vừa độ, thì hoa thơm cũng biến thành cỏ dại mang đầy độc tố ăn mòn tâm trí não bộ. Một cơ thể dung nạp quá nhiều thức ăn sẽ dẫn đến chứng bệ thực khó tiêu, nhiều di chứng mầm bệnh cũng phát sinh từ đó. Tràn ngập trên mạng là những trang thông tin thượng vàng hạ cám mà khi mở ra, ta như lạc vào một thế giới muôn màu muôn vẻ mà nếu không có điểm dừng, tư tưởng ta sẽ dễ dàng thu nhận cả những điều tệ hại vô bổ.

Có câu chuyện ngụ ngôn kể rằng, một gã thợ săn đi sâu vào rừng và tìm thấy một hang động lớn. Vì tò mò gã đi vào nhìn trèo xuống. Có biết cơ man nào là cảnh vật hiện ra trước mắt. Thật là sinh động, thật là vui thú. Và thế là gã cứ miệt mài đi, đi mãi nên không hề hay biết có một con quái vật đang chờ phía dưới để nuốt chửng mình. Câu chuyện còn dài với nhiều tình tiết ly kỳ. Chỉ dẫn chứng bấy nhiêu để làm điển hình cho những đam mê thị hiếu không chừng mực của con người. Đam mê không hẳn là xấu. Nhưng ranh giới giữa thiện và ác, giữa bờ thanh lương và vực thẳm thật quá mong manh mà khi chúng ta kịp nhận ra thì không còn là mình của thuở ban sơ nữa.

Là hành giả của đức Như Lai, hơn ai hết ta biết mình đang đi ngược chiều gió, sẵn sàng chiến đấu với mọi ma quỷ phiền não. Trải qua quá trình tu học, việc hội nhập với nền văn minh công nghệ hiện đại là điều tất yếu. Hòa nhập mà không hòa tan, biết rõ đường đi và điểm đến, có như vậy ta mới có thể vượt qua mọi chông gai chướng ngại để chiến thắng với chính mình "*Thắng vạn quân không bằng tự thắng mình...*" Lời Phật dạy từ hơn hai ngàn năm trước vẫn còn nguyên vẹn ý nghĩa và càng có giá trị hơn khi nhân loại bước vào kỷ nguyên tin học. Những việc làm dù tốt dù xấu, là vô tình hay hữu ý của chúng ta cũng sẽ bị giới truyền thông nắm bắt rồi nhanh chóng đưa lên trang mạng. Đó là nhu cầu của thời đại... mà người tu sĩ không biết giữ mình sẽ trở thành tiêu điểm của muôn trò thị phi nhân ngã.

Một chút cảm nhận trong cuộc sống đa chiều thời công nghệ tin học nhiều niềm vui nhưng cũng đầy những cảm bầy hệ lụy. Phía sau mặt trời... vượt qua hết những đám mây mù thì mọi thứ sẽ dần trở nên sáng tỏ hơn. Chân lý luôn nằm phía trước. Có đi ắt sẽ đến. Và đến như thế nào là tùy theo mục đích và hướng đi của mỗi người.



MƯỜI BÀI THƠ MÙA XUÂN CỦA TRẦN NHÂN TÔNG

Nguyễn Lương Vy chuyển dịch thơ Việt

I. LỜI GIỚI THIỆU:

Trần Nhân Tông (chữ Hán: 陳仁宗; 7 tháng 12 năm 1258 - 16 tháng 12 năm 1308,) là vị vua thứ 3 của nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Ông trị vì 15 năm (1278 - 1293) và làm Thái Thượng hoàng 15 năm.

Trần Nhân Tông được sử sách ca ngợi là một trong những vị vua anh minh nhất trong lịch sử Việt Nam. Ông có vai trò lãnh đạo quan trọng trong Chiến tranh Nguyên Mông-Đại Việt lần 2 và lần 3.

Trần Nhân Tông cũng là người đã thành lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, lấy pháp hiệu là Đầu Đà Hoàng Giác Điều Ngự. (Tham khảo từ trang Web. Vikipedia.org VN.)

"... Theo sử sách còn ghi được, Trần Nhân Tông là tác giả các tập thơ sau đây: *Trần Nhân Tông Thi Tập*, *Đại Hương Hải Ấn Thi Tập*, *Tăng Già Toái Sự*, *Thạch Thất Mỹ Ngữ*. Tuy vậy, sau bao nhiêu phen dẫu bể của chiến tranh, loạn lạc, số tác phẩm trên đều đã mất. Hiện thơ ông chỉ còn giữ được 31 bài, hai cặp câu thơ lẻ, một bài minh và một bài tán, chép trong các tuyển tập. So với nhiều nhà thơ khác thời Lý - Trần, số lượng ấy kể cũng đã không phải là nhỏ." (Trích từ bài viết của Nguyễn Huệ Chi và Trần Thị Bằng Thanh, ngày 27.08.2012, "Sự thống nhất giữa hoàng đế, thi nhân và thiền gia trong một nhân cách - Trần Nhân Tông" trên trang trannhan-tong.net)

II. PHẦN DỊCH THƠ:

10 bài thơ có nội dung mùa Xuân được tuyển dịch dưới đây, trích từ bản PDF của sách Thơ Văn Lý-Trần, tập 2, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1977. Phần dịch nghĩa, ghi chú, có hiệu đính thêm một vài ý chưa rõ nghĩa, hoặc thiếu phần Hán văn.

Mỗi bài thơ được trình bày

theo thứ tự:

- ◆ Nguyên văn bài thơ chữ Hán
- ◆ Phiên âm
- ◆ Dịch nghĩa
- ◆ Ghi chú
- ◆ Phỏng dịch thơ Việt

1. 春曉



睡起啟窗扉，
不知春已歸。
一雙白蝴蝶，
拍拍趁花飛。

Phiên âm:

XUÂN HIẾU
Thụy khởi khai song phi,
Bất tri xuân dĩ quy.
Nhất song bạch hồ điệp,
Phách phách sấn hoa phi.

Dịch nghĩa:

SƠM XUÂN
Ngủ dậy mở cánh cửa sổ,
Không biết mùa xuân đã về.
Có một đôi bướm trắng,
Vỗ vỗ cánh, bay đến gần với hoa.

Phỏng dịch thơ Việt:

SƠM XUÂN
Ngủ dậy, mở cửa trông

*Nào hay Xuân mệnh mông
Kìa một đôi bướm trắng
Vỗ vỗ cánh vờn bông!*

2. 春日謁昭陵

貔虎千門肅，
衣冠七品通。
白頭軍士在，
往往說元豐。

Phiên âm:

XUÂN NHẬT YẾT CHIÊU LĂNG
Tì hổ thiên môn túc,
Y quan thất phẩm thông.
Bạch đầu quân sĩ tại,
Vãng vãng thuyết Nguyên Phong.

Dịch nghĩa:

NGÀY XUÂN THĂM CHIÊU LĂNG
Lính thị vệ như cọp, đứng
nghiêm túc trước ngàn cửa,
Áo mũ các quan đủ cả bảy phẩm.
Người lính già đầu bạc còn
đến ngày nay,
Thường nhắc lại chuyện
Nguyên Phong đã qua rồi.

Ghi chú:

Chiêu lăng [昭陵]: Lăng vua Trần Thái Tông (chữ Hán: 陳太宗; 10 tháng 7, 1218 - 5 tháng 5, 1277), tên thật là Trần Bồ [陳蒲,] sau đổi thành Trần Cảnh [陳暉,] là vị hoàng đế đầu tiên của nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Ông ở ngôi hơn 32 năm (1225 - 1258), làm Thái thượng hoàng trong 19 năm. Trần Thái Tông là cha của Trần Thánh Tông và là ông nội của Trần Nhân Tông.

Phỏng dịch thơ Việt:

NGÀY XUÂN THĂM CHIÊU LĂNG
Ngàn cửa, uy nghiêm lính
Bảy phẩm, chính tề quan
Sĩ tốt đầu bạc nhắc

Chuyện Nguyên Phong còn vang.



3. 洞天湖上
洞天湖上景，
花草減春容。
上帝憐岑寂，
太清時一鐘。

Phiên âm:

ĐỘNG THIÊN HỒ THƯỢNG
Động thiên hồ thượng cảnh,
Hoa thảo giảm xuân dung.
Thượng đế liên sầm tịch,
Thái thanh thì nhất chung.

Dịch nghĩa:

TRÊN HỒ ĐỘNG THIÊN
Quang cảnh hồ Động Thiên,
Hoa cỏ [có vẻ] giảm sút nét
xuân tươi.
Trời thương xót nỗi hiu
quạnh [nơi này],
Thỉnh thoảng điểm một hồi
chuông giữa tầng biếc.

Ghi chú:

Hồ Động Thiên: Tra cứu các từ điển không tìm thấy. Trong sách Thơ Văn Lý Trần (NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1977,) phần chú thích cũng ghi: "chưa rõ ở đâu."

Phỏng dịch thơ Việt:

TRÊN HỒ ĐỘNG THIÊN
Cảnh trên hồ Động Thiên
Đáng xuân gầy hoa cỏ
Trời thương xót niềm riêng
Một hồi chuông xanh tỏ.

4. 春景

楊柳花深鳥語遲，
畫堂簷影暮雲飛。
客來不問人間事，
共倚欄杆看翠微。

Phiên âm:

XUÂN CẢNH

Dương liễu hoa thâm điệu ngữ
trì,
Họa đường thiêm ảnh mộ vân
phi.
Khách lai bất vấn nhân gian
sự,
Cộng ý lan can khán thúy vi.

Dịch nghĩa:

CẢNH XUÂN
Trong khóm hoa dương liễu
rậm rạp, tiếng chim hót lời chậm
rãi,
Dưới bóng hiên nhà trướng bày
 tranh vẽ, bóng mây chiều lướt
bay.
Khách đến chơi không hỏi việc
đời,
Cùng đứng tựa lan can ngắm
màu xanh biếc trên trời.

Phỏng dịch thơ Việt:

CẢNH XUÂN
Chim chậm lời ca, liễu nở đầy
Hiên tràn bóng lộng, mây
chiều bay
Khách đến, chuyện đời không
hỏi nữa
Cùng tựa lan can ngắm biếc
ngày.

5. 春晚

年少何曾了色空，
一春心在百花中。
如今勘破東皇面，
禪板蒲團看墜紅。

Phiên âm:

XUÂN VẮN
Niên thiếu hà tằng liễu sắc
không,
Nhất xuân tâm sự bách hoa
trung.
Như kim khám phá đông
hoàng diện,
Thiền bản bồ đoàn khán trụ
hồng.

Dịch nghĩa:

CHIỀU XUÂN
Thuở nhỏ chưa từng hiểu thấu
lẽ Sắc Không,
Mỗi khi xuân đến vẫn gửi
chuyện lòng trong trăm hoa.
Ngày nay đã thấy rõ được bộ
mặt chúa Xuân [đông hoàng],
Ngồi trên nệm cỏ giữa tấm
phần nhà chùa ngắm cánh hoa
hồng rơi rụng.

Ghi chú:

Đông Hoàng [東皇]: cũng gọi là Đông Quân [東君,] (ông vua của mùa Xuân.) Trong bài thơ Lập Xuân Hậu Thi [立春後詩] của Vương Sơ [王初] có câu: 東君珂佩

嚮珊珊 - 青馭多時下九關 (Đông quân kha bội hưởng san san / Thanh ngự đa thì hạ cửu quan. Dịch nghĩa: Chúa Xuân đeo ngọc kêu leng keng / Cưỡi ngựa xanh nhiều lúc đi xuống chín cửa quan.)

Bồ đoàn [蒲團]: Tấm lót để ngồi bằng cỏ bồ, hình tròn. Ngày xưa, các vị sư thường dùng trong lúc ngồi thiền hay lễ bái.

Phỏng dịch thơ Việt:

CHIỀU XUÂN
Thuở nhỏ chưa thấu lẽ Sắc Không
Xuân phơi trăm đóa gửi chuyện lòng
Gương mặt chúa Xuân nay đã tỏ
Nệm cỏ ngồi xem rụng cánh hồng.

6. 饋張顯卿春餅

柘枝舞罷試春衫，
況值今朝三月三。
紅玉堆盤春菜餅，
從來風俗舊安南。

Phiên Âm:

QUỲ TRƯƠNG HIỂN KHANH
XUÂN BÌNH
Giá chi vũ bãi, thí xuân sam,
Huống trị kim triều tam nguyệt tam.
Hồng ngọc đôi bàn xuân thái bình,
Tòng lai phong tục cựu An Nam.

Dịch nghĩa:

TẶNG BÁNH NGÀY XUÂN CHO TRƯƠNG HIỂN KHANH
Múa bài múa giá chi xong rồi,
[mặc] thử tấm áo ngày xuân,
Huống nữa hôm nay lại gặp tiết [hàn thực] mừng ba tháng ba.
Bánh rau mùa xuân, như ngọc hồng bày biện đầy mâm,
Đó là phong tục của nước An Nam [ta] từ xưa.

Ghi chú:

Trương Hiển Khanh: Túc Trương Lập Đạo [張立道] sang sứ nước ta hai lần. Lần thứ nhất, vào năm 1265 để "tuyên dụ" chiếu chỉ của vua nhà Nguyên (vua Trần Thái Tông đã làm thơ tiễn trong dịp này.) Lần thứ hai, vào năm 1291 (dưới triều vua Trần Nhân Tông,) nhằm dụ vua nước ta qui phục và buộc vua Trần Nhân Tông phải sang châu Bắc triều nhà Nguyên. Do kết quả ba lần nước ta chiến thắng oanh liệt giặc Nguyên-Mông, do thái độ mềm

mỏng nhưng đỉnh đặc, kiên quyết của các vua nhà Trần, Trương Hiến Khanh buộc phải có thái độ kính nể. Trong bài thơ họa đáp với vua Trần, Trương Hiến Khanh đã viết:

安南雖小文章在。

未可輕談井底蛙。

An Nam tuy tiểu văn chương tại

Vị khả khinh đàm tinh để oa
(Nước An Nam tuy nhỏ nhưng có văn chương,
Chưa thể nói một cách nông cạn họ là ếch ngồi đáy giếng.)

Giá chi vũ [柘枝舞]: Có thể là một điệu múa cổ của dân tộc Việt Nam.

Tam nguyệt tam [三月三]: Ngày mồng Ba tháng Ba, thường gọi là tiết Thanh Minh, cũng gọi là Tết hàn thực, là ngày đi tảo mộ sau Tết Âm lịch.

Thái bính [菜餅]: Bánh rau. Một loại bánh bột làm với rau. Có thể là một loại bánh khúc ở thôn quê miền Bắc ngày xưa.

Phỏng dịch thơ Việt:

TẶNG BÁNH NGÀY XUÂN
CHO TRƯƠNG HIẾN KHANH
Giá Chi múa xong, thử áo xuân

Lại thêm hàn thực, tiết thanh nhàn

Bánh rau như ngọc hồng ăm ắp

Tục Việt từ xưa đẹp bội phần.

7. 山房漫興其二

是非念逐朝花落，

名利心隨夜雨寒。

花盡雨晴山寂寂，

一聲啼鳥又春殘。

Phiên âm:

SƠN PHÒNG MẠN HỨNG KỶ NHỊ

Thị phi niệm trực triều hoa lạc,

Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn.

Hoa tận vũ tịnh sơn tịch tịch,

Nhất thanh đề điều hựu xuân tàn.

Dịch nghĩa:

MẠN HỨNG TẠI SƠN PHÒNG LẦN HAI

Nghĩ chuyện thị phi rơi rụng cùng với hoa buổi sáng,

Lòng [ham] danh lợi lạnh theo trận mưa đêm.

Hoà rụng hết, mưa đã tạnh, núi non im vắng,

Một tiếng chim kêu, [thế rồi]

lại cảnh xuân tàn.

Phỏng dịch thơ Việt:

MẠN HỨNG TẠI SƠN PHÒNG LẦN HAI

Phải quấy rụng cùng hoa buổi sáng

Lợi danh lạnh theo mưa ban đêm

Mưa tạnh hoa tàn, núi im vắng

Một tiếng chim kêu, xuân ủa thêm.

8. 登寶臺山



地寂臺逾古，

時來春未深。

雲山相遠近，

花徑半晴陰。

萬事水流水，

百年心語心。

倚欄橫玉笛，

明月滿胸襟。

Phiên âm:

ĐĂNG BẢO ĐÀI SƠN

Địa tịch đài du cổ,

Thời lai xuân vị thâm.

Vân sơn tương viễn cận.

Hoa kính bán tình âm.

Vạn sự thủy lưu thủy, Bách niên tâm dữ [ngữ]

tâm, Y lan hoành ngọc địch,

Minh nguyệt mãn hung

khâm.

Dịch nghĩa:

LÊN NÚI BẢO ĐÀI

Đất [nơi đây là nơi] hẻo lánh, [nên] đài [càng thêm]

thêm cổ kính,

Theo thời tiết, mùa xuân [nơi đây] về chưa lâu.

Núi mây [nhìn] như xa, như gần,

Ngõ hoa nửa rợp bóng, nửa nắng chiếu.

Muôn việc như nước tuôn [theo] nước,

Trầm nằm lòng lạnh nhủ lòng.

Tựa lan can nâng ngang chiếc sáo quý như ngọc,

Anh trắng sáng rơi đầy trước ngực.

Ghi chú:

Bảo Đài sơn [寶臺山]: Núi Bảo Đài. Địa danh này trùng tên rất nhiều nơi, còn có tên khác là Long Đại, thuộc châu Ai; ở Bảo Lộc cũng có; ở xã Động Mạc, huyện Vọng Danh, huyện Đông Triều, Hải Dương cũng có. Núi Bảo Đài trong bài thơ này, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đây là ngọn núi thuộc dãy núi ở Yên Tử, huyện Đông Triều, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Phỏng dịch thơ Việt:

LÊN NÚI BẢO ĐÀI

Đất vắng, lâu càng cũ

Xuân mới về chưa lâu

Bóng xa gần mây núi

Ngõ hoa rợp nắng chao

Nước trôi hoài thế sự

Lòng nhủ mãi kiếp nào

Lan can nâng sáo quý

Ngực sáng ánh trăng cao.

9. 早梅其一

五出圓芭金撚鬚，

珊瑚沉影海鱗浮。

箇三冬白枝前面，

些一辨香春上頭。

甘露流芳癡蝶醒，

夜光如水渴禽愁。

姮娥若識花佳處，

桂冷蟾寒只麼休。

Phiên âm:

TẢO MAI KỶ NHẤT

Ngũ xuất viên ba kim niễn tu,

San hô trầm ảnh hải lân phù.

Cá tam đông bạch chi tiền

diện, Tá nhất biện hương xuân

thương đầu.

Cam lộ lưu phương si điệp

tình, Dạ quang như thủy khát cầm

sầu.

Hằng Nga nhược thức hoa giai

xứ

Quế lãnh thiềm hàn chỉ ma

hưu!

Dịch nghĩa:

MAI SỚM LẦN MỘT

Năm cánh hoa tròn thơm,

nhụy hoa điểm sắc vàng,

[Như] bóng san hô chìm,

[như] vảy cá biển nổi.

Cành hoa trắng xóa suốt ba tháng đông,
Sang đầu xuân, chỉ còn loáng thoáng một vài cánh thơm nhẹ.
Sương ngọt chày mùi thơm, làm con bướm tình giấc say đắm,
Ánh sáng ban đêm như nước, khiến con chim khát nước buồn bã.
Nếu Hằng Nga biết được dáng vẻ xinh đẹp của hoa mai,
Thì chẳng ưa gì cây quế với cung thiềm lạnh lẽo.

Ghi chú:

• Hằng Nga [嫦娥]: Theo sách cổ Hậu Hán Thư [後漢書], trong tích Hậu Nghệ [后羿] có vợ là Hằng Nga [嫦娥] còn có tên là Thường Nga [嫦娥] lấy trộm thuốc của chồng rồi bay lên cung trăng, bị đọa thành con cóc (thiềm thử.) Từ đó, cung trăng cũng có tên là "cung Thiềm."

• Quế [桂]: Theo sách cổ Dậu Dương Tạp Trở [酉陽雜俎] chép rằng: Trong trăng có cây quế, cao 500 trượng. Vì thế, "quế" cũng là tên gọi của mặt trăng.

Phỏng dịch thơ Việt:

MAI SÓM LẦN MỘT
Tròn xoe năm cánh, nhụy vàng phơi
Chìm bóng san hô, vảy cá trôi
Đông ba tháng lạnh cành im trắng
Xuân một ngày hanh nhánh ấm ngời
Sương ngọt nức hương lay bướm dậy
Đêm ngời ánh nước khiến chim sâu
Hằng Nga nếu biết hoa mai đẹp
Bóng quế cung thiềm sẽ chán thôi.

10. 早梅其二

五日驚寒懶出門，
東風先已到孤根。
影橫水面冰初泮，
花壓枝頭暖未分。
翠羽歌沉山店月，
畫龍吹濕玉關雲。
一枝迷入故人夢，
覺後不堪持贈君。

Phiên âm:
TẢO MAI KỲ NHỊ

Ngũ nhật kinh hàn lãn xuất môn,
Đông phong tiên dĩ đáo cô côn [căn].
Anh hoành thủy diện băng sơ bạn,
Hoa áp chi đầu noãn vị phân.
Thủy vũ ca trầm sơn điểm nguyệt,
Họa long xuy thấp Ngọc Quan vân.
Nhất chi mê nhập cổ nhân mộng,
Giác hậu bất kham trì tặng quân.

Dịch nghĩa:

MAI SÓM LẦN HAI
Năm ngày sợ rét, lười ra khỏi cửa,
Mà gió xuân đã sớm đến với gốc cây cô đơn.
Bóng ngả trên mặt nước, băng giá bắt đầu tan,
Cành hoa trĩu xuống đầu cành, hơi ấm chưa phân định rõ.
Giọng ca chim Thủy vũ lắng chìm [theo] ánh trăng ở quán trọ trong núi.
Tiếng sáo Họa long ẩm ướt đám mây Ngọc Quan.
Một cành hoa lạc vào giấc mộng người xưa,
Sau khi tình giấc, không thể đem tặng bạn được.

Chú Thích:

• Thủy vũ [翠羽]: Tức "thủy vũ ngâm," tên một từ khúc nổi tiếng ngày xưa. Cung điệu của khúc ngày nay còn thấy ở bài Trúc Sơn Từ [竹山祠] của Tưởng Tiệp [獎捷]. Lời đề tựa của ông nói: "Vương Quân Bản trao cho ta một khúc hát theo Việt điệu có tên là Tiểu Hoa Mai Dẫn, bảo ta lấy ý bay lên tiên, bước trong cõi hư không mà làm lời cho khúc hát..."

• Họa long [畫龍]: Có thể là một loại sáo hay tù và có vẽ hình con rồng. Sách Từ Hải [辭海] dẫn lời của Thẩm Ước [沈約] và Từ Quảng [徐廣] nói rằng: "Tù và của người Hồ, chỗ tay cầm, vẽ con giao long có chân năm sắc."

• Ngọc Quan [玉關]: Tên một cửa ải trên đường đi sang Tây vực [西域,] thuộc tỉnh Cam Túc [甘肅], nước Tàu. Ở đây, tác giả mượn cảnh để miêu tả tiếng sáo Họa Long làm ẩm ướt đám mây trên cửa ải.

• Hai câu thơ cuối, tác giả

lấy ý trong điển tích "nhất chi xuân" [一枝春,] rút từ câu thơ của Lục Khải [陸啟] trong bài thơ "Tặng Phạm Diệp" [贈范曄]:

折梅逢驛使，
寄與隴頭人。
江南無所有，
聊贈一枝春。

(Phiên âm: Chiết mai phùng dịch sứ / Ký dữ lũng đầu nhân / Giang Nam hà sở hữu / Liễu tặng nhất chi xuân - Dịch nghĩa: Bẻ cành hoa mai, gặp được người đưa thư trạm / Gửi cho người ở Lũng Đầu / Giang Nam chẳng có gì cả / Chỉ tặng bạn một cành xuân.)

Trong bài thơ "Tảo Mai Kỳ Nhị" này, tác giả mượn ý trên, nhưng đã chuyển ý vào trong cõi mộng rất độc đáo: Nhất chi mê nhập cổ nhân mộng / Giác hậu bất kham trì tặng quân. Dịch nghĩa: Một cành hoa lạc vào giấc mộng người xưa / Sau khi tình giấc, không thể đem tặng bạn được.

Phỏng dịch thơ Việt:

MAI SÓM LẦN HAI
Năm ngày trốn lạnh, biếng rời nhà
Gió xuân vừa ghé gốc cây già
Mặt nước bóng chao, băng sớm rã
Cành hoa cánh trĩu, ấm chưa ra
Thủy Vũ chim vờn, trăng núi ẩn
Họa Long sáo ướt, Ngọc Quan nhòa
Cành hoa lạc mộng người xưa khuất
Tình giấc làm sao tặng bạn xa!

Nguyễn Lương Vỹ
10.2014



Mộng ban đầu

HUỆ TRẦN

Nơi đất tạm dung, người Việt chúng ta từng làm quen với những dấu mốc thời gian mang những tên gọi đẹp đẽ như: Ngày của Mẹ (Mother's Day), Ngày của Cha (Father's Day), Ngày Tưởng niệm (Memorial Day), Ngày Tạ ơn (Thanksgiving Day), Ngày tình yêu (Valentine Day), v.v...

Mỗi thời điểm, mà nội dung đã mang trọn vẹn ý nghĩa ngày từ danh xưng, mọi người đều biểu tỏ tấm lòng tới đối tượng qua lễ vật, quà cáp hoặc có khi chỉ là cuộc viếng thăm đơn sơ nhưng chí tình, chí thiết.

Riêng tháng hai của mỗi năm, dấu mốc thời gian được quan tâm nhất là Ngày Tình Yêu (Valentine Day). Trong ngày này, nơi bán rộn nhất có lẽ là các tiệm bán hoa và quà tặng này tưởng đối thích hợp với khả năng của đại chúng. Dù cả lọ hoa rực rỡ hay một đóa hồng thắm tươi cũng có thể thay ta nói lên những lời đẹp đẽ nhất, biểu lộ những cảm tình thắm kín nhất.

Đáng lẽ trong ngày này, hai chữ "Tình Yêu" phải được viết hoa vì ai cũng có rất nhiều tình yêu. Chúng ta yêu cha, yêu mẹ, yêu thầy, yêu bạn, yêu hàng xóm láng giềng, yêu những người quen mình vì tha nhân, v.v... Ấy thế mà, nói đến Ngày Tình Yêu, nhân gian lại thường thu hẹp trí tưởng trong tình yêu lứa đôi, tình yêu nam nữ.

Cũng chẳng đáng trách, vì từ thời xa xưa, vào năm 269 trước Thiên Chúa giáng sinh, có một mối tuyệt tình vẫn còn âm vang đến ngày nay. Đó là tình tuyệt vọng của một tử tù trai trẻ với con gái của người cai ngục. Người tử tù trẻ tuổi này tên là Valentine. Chàng khờ dại, ngu ngốc phạm trọng tội ngoài xã hội nhưng trong thời gian bị giam cầm, chờ ngày đền tội thì chàng đã có thời gian để suy ngẫm về điều thiện,

điều ác, biết sám hối những sai lầm đã phạm. Chính nhờ cái tâm nhu hòa vừa chuyển hóa này mà chàng tiếp nhận được nét đẹp nhân ái từ đôi mắt của cô con gái cai ngục đã nhìn chàng mỗi khi cô vào thăm cha trong giờ cha làm việc.

Rồi sự tưởng tượng của chàng bay bổng: "Có thực sự cô phải vào đây thăm cha không? Hay cô vào vì thương hại chàng? Ranh giới từ thương hại đến yêu thương bao xa? Cô có thấy được tình yêu của chàng gửi tới cô qua ánh mắt chàng không?"

Mối tình tuyệt vọng nhưng cuồng nhiệt đó được chàng tuổi trẻ Valentine giải bày trên nhiều trang nhật ký và đặc biệt là chàng tự vẽ một tấm thiệp để viết thư tình lên đó, với hàng chữ nắn nót "From Your Valentine", tưởng như hai người đã thương nhau, đã là của nhau rồi.

Người ta tìm thấy tấm thiệp này trong túi áo, sau khi chàng bị hành hình!

Ngoài việc gây tội phải đền tội, thì tình yêu thắm lặng nhưng nồng nhiệt của người tử tù đã gây chấn động trong giới trẻ thời đó. Không biết đích xác bao lâu sau thì ai có sáng kiến tặng quà cho người mình yêu vào ngày tưởng nhớ Valentine bị hành hình, nhưng tên của người tử tù đã nhanh chóng trở thành biểu tượng của Tình Yêu, càng ngày càng mạnh mẽ và duy trì cho đến ngày nay.

Một lần, đọc trên nhật báo online, có đăng một tin ngắn thật dễ thương. Đó là chuyện xảy ra vào sáng sớm, một ngày đầu năm dương lịch, tại thành phố Hanover, nước Đức. Ba em nhỏ, em trai 6 tuổi, hai em gái, 7 và 5 tuổi, quanh quẩn ở một nhà ga, đã được cảnh sát tại đó chú ý vì không thấy người lớn đi



cùng các em. Khi được hỏi các em làm gì mà đến nhà ga sớm thế? Và cha mẹ các em đâu? thì các em hồn nhiên và thành thật thổ lộ rằng, em trai Mika 6 tuổi thương em gái Anna Lena 7 tuổi, đã cùng quyết định dắt nhau đến xứ Phi Châu ấm áp để thành hôn. Anna Lena còn chu đáo rủ em gái 5 tuổi đi theo để làm nhân chứng cho lễ cưới. Cảnh sát hỏi tại sao phải sang tận Phi Châu làm lễ cưới thì Mika hãnh diện bảo rằng đó là sáng kiến của em sau khi em kể cho hai cô bé nghe về chuyến nghỉ hè vừa qua của gia đình em thì cả 3 em đều đồng ý rằng xứ Phi Châu rất thơ mộng và lý tưởng để tổ chức lễ cưới. Hai gia đình của các em là bạn thân thiết lâu năm, hiện đang tụ họp ở một nơi để đón giao thừa đêm qua và mọi người còn đang ngủ say khi các em lên mở cửa, hướng về nhà ga của thành phố với dự tính trọng đại cho đời mình.

Đây quả là một kinh nghiệm quá mới mẻ với các nhân viên cảnh sát vì không thể buộc tội Mika bắt cóc hay rủ rê "vi thành niên" Anna Lena, cũng không thuyết phục được các em quay về vì "Chúng tôi thương nhau lắm! chúng tôi muốn làm lễ cưới và thành vợ chồng ở Phi Châu. Em

gái của Anna Lena sẽ làm chứng mà!"

Tuyệt vời thay, cái sơ-tâm mới đơn giản và thần tiên nhường bao!

Cuối cùng, cảnh sát trưởng phải đích thân gặp các em, từ từ hỏi han, thân mật, chẳng hạn như "xứ Phi Châu nóng lắm, các em mang những gì trong túi xách đây?" Thôi thì đủ cả, kiếng mát, nón vải, quần áo tắm. Chàng Mika còn cẩn thận lấy theo một bông hồng bằng ny-lông trên lọ hoa ở trong bếp để nếu tới giờ trọng đại mà không kịp mua hoa thì cô dâu Anna Lena cũng có đóa hoa này cầm trên tay khi trao đổi lời thề nguyện.

Phải vất vả lắm vị cảnh sát trưởng mới có thể giải thích cho cặp uyên ương này biết rằng các em không thể đến Phi Châu nếu các em không có tiền, không có vé máy bay.

Cũng vất vả không kém cho các nhân viên cảnh sát khi thuyết phục để các em chịu dẫn họ cùng về nhà "Xin tiền cha mẹ rồi đi mua vé bay cũng chưa muộn. Xứ Phi Châu ấm áp vẫn ở đó chờ các em mà!"

Ồi, có mộng ban đầu nào tinh khiết, đẹp đẽ và thơ ngây như mỗi tình đầu này không?

Mai kia một nọ, khi trưởng thành, dù còn gần nhau hay đã xa, dù mỗi người có, hay không có hạnh phúc riêng, nhưng kỷ niệm thần thoại về giấc mộng đầu này chắc chắn vẫn là những gì vô giá mà kiếp nhân sinh có đâu thường tới đâu cũng không xóa được.

Nếu biết địa chỉ các em, thế nào cũng có người gửi tới những tấm thiệp Valentine đặc biệt nhất vì tất cả những người đang yêu nhau trên thế gian này, ai chẳng muốn có một tình yêu của sơ tâm, thuần khiết và thơ mộng đến thế!

Sơ-tâm sẽ chính là chân-tâm.

Chỉ khác, chân-tâm nhận diện cảnh mà không dính cảnh.

"Ba mươi năm trước, thấy núi là núi, sông là sông.

Gặp được thiên trí thức chỉ dạy, là các pháp không có tự thể cố định, chỉ do duyên hợp mà thành, nên thấy núi không là núi, sông không là sông.

Ba mươi năm sau, từng quán chiếu không ngừng, tâm đã lặng lẽ như như, cái thấy đã thuần thực, chỉ là sự nhận biết tĩnh lặng, trong sáng, không phân biệt, không dính mắc, thì lại thấy núi là núi, sông là sông."

Mất ba mươi năm để thấy lại cái thấy cái ban đầu như thiên-sư Duy Tín đời nhà Tống, có phải là uổng phí thời gian chăng?

GOM ĐẦY

*Nồng ấm và yên tĩnh
Cho mắt môi thật gần
Thời gian là vô định
Không gian là vô ngần*

*Tuổi thanh xuân biệt biệt
Còn ngồi lại bên nhau
Có gì mà hồi tiếc
Còn gì để mong cầu*

*Nhắm mắt nghe biển thổi
Mở mắt thấy sao cười
Gom rất nhiều thương nhớ
Làm đầy một niềm vui.*



TÔN NỮ THANH YÊN

Không đâu! Bởi cái thấy này phải qua quá trình tu tập, học hỏi mới thấy được.

Sơ-tâm tuy trong sáng nhưng còn là tâm phàm phu, thấy cái gì cũng thật. Núi cũng thật, sông cũng thật. Khi có trí tuệ để quán sát mới biết bản chất vạn hữu chỉ là duyên hợp, núi đứng đó mà không phải núi, sông chảy đó mà không phải sông; từ đó, mới trở về cái thấy của sơ tâm, tuy đối tượng cũng vậy, nhưng nay thấy chỉ là thấy, không dính mắc, không phân biệt.

Trên thực tế, vì luôn trôi chảy trong giòng cuồng lưu tam độc, chúng ta thường dễ dàng lạc mất sơ tâm, như tình thần hai câu kết trong bài kệ Tứ Sơn của vua Trần Thái Tôn:

"Vinh vi lãng đặng phong trần khách
Nhật viễn gia hương vạn lý trình"

mà thầy Thanh Từ dịch rất hay:

"Lang thang làm khách phong trần

Quê nhà ngày một muôn lần dậm xa".

Chữ "Quê nhà" đây là chỉ cho sơ-tâm, Phật-tánh. Cái tâm-vọng dặt ta lang thang mỗi ngày mỗi xa chân-tâm; chỉ khi nào nhận ra lẽ vô thường mới buông bỏ những dính mắc để vọng thành chân.

Tình yêu bao la mà Đức Thế Tôn ban cho chúng sanh là lời xác quyết sơ-tâm chính là Phật-tánh sẵn có trong tự thể mỗi loài. Sơ-tâm sẽ được tưới tắm, nuôi dưỡng bằng trí-tuệ, để tỏa sáng hào quang của Phật-tánh, rồi tùy căn cơ trí tuệ cạn hay sâu của mỗi loài mà Phật-tánh hiển lộ.

Tin tưởng điều đó, chúng ta sẽ duy trì và vun bồi được biết bao nhiêu tình yêu; không phải chỉ với một đối tượng, cũng không phải chỉ giữa người với người mà do năng lượng Phật-tánh tỏa sáng, tình yêu này sẽ thăng hoa trong mọi ngày, tới mọi loài.

Nếu ai hỏi:

- Vì sao mà tin tưởng có tình yêu rộng lớn như thế?

Chúng ta có thể nhẹ nhàng trả lời:

- Vì chúng sanh là Phật sẽ thành.

Huệ Trân

Chuyện hai người quét rác

ĐÀO VĂN BÌNH

Vào sáng Chủ Nhật, có thể là do ngày nghỉ rảnh rỗi, một người đàn ông trung niên lúi húi quét dọn trước cửa nhà. Ông cầm chiếc chổi và đồ hốt rác quét sạch vỉa hè rồi quét dọc theo lề đường, cẩn thận gom tất cả đám cát, bao ny-lông, mẩu thuốc lá, ly giấy, lá khô và đủ thứ rác rưởi của xã hội văn minh vào thùng, đập nắm cẩn thận, đặt ngay ngắn xuống lòng đường, để ngày mai xe rác của thành phố lấy đi. Hình như ông là người duy nhất ở khu phố này cầm chổi quét lòng đường và vỉa hè. Thói thường đều cho rằng chuyện đường phố sạch dơ để thành phố lo. Hơi đâu "bao đồng" chuyện nhà nước? Thế nhưng cứ mỗi lần qua khu Japan Town, ông lại cảm phục người Nhật về tinh thần tự trọng và yêu mến thành phố của họ. Lúc nào ông cũng thấy những ông, bà Nhật lúi húi quét dọn vỉa hè và lòng đường. Chính vì thế mà cả khu Japan Town lúc nào cũng sạch trơn. Chỉ cần bước qua ranh giới của Japan Town là một hình ảnh thật tương phản. Sự sạch sẽ, khang trang chỉ cách nhau một sợi chỉ. Có lần ông dừng xe lại hỏi thăm thì được các ông bà Nhật nói:

"Chúng tôi quan niệm rằng đường phố thuộc về người dân, không hoàn toàn thuộc về chính phủ. Do đó giữ gìn đường phố sạch sẽ cũng là trách nhiệm của người dân. Động ý là chúng tôi có đồng thuế để thành phố lo chuyện vệ sinh nhưng giờ đây thành phố có quá nhiều việc phải lo hoặc lo không xuể. Chúng tôi không ngồi đó than trời trách đất. Nếu muốn sở rác phục vụ tốt hơn thì chúng tôi lại phải đóng thêm thuế. Thời thì chúng tôi chia sẻ trách nhiệm với nhà nước mà cũng là để giữ gìn đường phố của chính mình. Chẳng mất mát gì cả. Tới một thành phố khang trang sạch sẽ người ta cảm phục cả đất nước lẫn con người ở đó. Chúng tôi yêu khu phố của chúng tôi và cũng muốn khách vãng lai yêu mến nó."



Chính vì cảm phục người Nhật mà tuần nào ông cũng làm công việc này mà chẳng than phiền chi cả. Khi nhận thấy vỉa hè và lòng đường đã khá sạch, ông toan thu dọn để bước vào nhà thì một thanh niên từ xa bước tới, miệng phì phèo điều thuốc. Chỉ cần nhìn cách ăn mặc và đi đứng người ta có thể nhận ra đây là một chàng thanh niên ngang tàng. Khi tới chỗ ông đang đứng, người thanh niên rít hơi cuối cùng rồi coi như không có ai, thản nhiên quăng mẩu thuốc lá xuống đường. Nhìn mẩu thuốc lá nằm tênh hênh trên mặt vỉa hè sạch trơn, dường như nó có vẻ "phá hoại" và trêu người, cho nên người đàn ông tức giận, lớn tiếng gọi người thanh niên:

- Này, yêu cầu quay lại nhặt tàn thuốc lá lên nghe!

Người thanh niên đã đi cách xa ông khoảng năm, sáu bước, nghe gọi thế quay đầu lại nhìn với vẻ hết sức ngạc nhiên. Anh ta ngạc nhiên vì có thể cả trăm lần quăng mẩu thuốc lá như thế này mà chẳng ai phản ứng gì, nay có một "gã điên" làm chuyện không giống ai. Anh ta quay lại, sẵn giọng hỏi:

- Ông nói gì?

- Yêu cầu cậu nhặt mẩu thuốc lá lên!

Mặt chàng thanh niên đỏ gay:

- Bộ đường phố này của ông hả?

Người đàn ông trả lời ngay:

- Không phải của tôi nhưng

tôi tôi quét dọn sạch sẽ. Người tự trọng không bao giờ xả rác bừa bãi. Cậu hiểu điều đó không? Tôi yêu cầu cậu nhặt lên!

Tự ái bị tổn thương, người thanh niên không cần phân biệt đúng-sai, nói như gây sự:

- Không nhặt thì sao?

Sự lớn tiếng qua lại giữa hai bên làm người trong nhà chạy ra, người qua lại trên hè phố tò mò đứng lại. Cuối cùng tất cả đều thấy đây không phải chuyện đại sự cho nên xúm vào can gián. Cuối cùng người thanh niên hậm hực bỏ đi còn người đàn ông đứng phân bua một hồi rồi bực bội bước vào nhà.

Ba ngày sau, tại một khu phố khác cách đó khoảng năm, sáu con đường người ta thấy một vị sư đang quét rác tại cổng một ngôi chùa. Hôm nay là Thứ Hai chùa vắng, Phật tử đi làm hết, sau hai ngày cuối tuần bận rộn với sinh hoạt và lễ lạc, rác đã thấy lai rai trên sân. Ngoài ra, còn lá trên cây rụng xuống cho nên thầy trụ trì ra cổng quét dọn, vừa vận động vừa làm sạch trong ngoài. Đối với người xuất gia, quét rác cũng là "công phu." Sau khi cổng chùa đã sạch sẽ, sư toan đẩy thùng rác trở vào thì một chàng thanh niên tà tà bước tới. Đây chính là anh chàng đã gây sự với người đàn ông quét rác ba ngày trước. Khi đi tới cổng chùa, có thể do vô tình, do quán tính, cố tật, hoặc đăng trí, sau khi mở bao thuốc lá, chàng ta rút ra một điếu, châm lửa. Thấy bao thuốc đã hết, chàng ta quăng cả chiếc bao trống không dưới chân bức tường cạnh cổng chùa rồi thản nhiên bước đi. Thế nhưng khi bước đi khoảng năm, sáu thước, có thể do nhớ lại cuộc "đụng độ" với người đàn ông trước đây, chàng ta quay đầu lại xem sự thế như thế nào. Trái với phỏng đoán của mình, vị sư bình thản bước tới chân bức tường, cúi xuống nhặt bao thuốc lá lên, quay



lại thùng rác, mở một bao rác nhỏ, bỏ bao thuốc lá trống vào bên trong, cột trở lại, bỏ vào thùng rác rồi lẳng lẽ đẩy thùng rác vào bên trong sân chùa, không hề quay nhìn chàng thanh niên... đang ngạc nhiên đứng đó.

Ngày hôm sau, chàng thanh niên tới thăm vị sư. Sau khi giới thiệu mình chính là người xả rác trước cổng chùa. Chàng ta kể lại chuyện "đụng độ" với người đàn ông rồi hỏi:

- Thưa thầy, tại sao cùng một chuyện mà thầy lại có lối xử xử nhẹ nhàng hơn người đàn ông kia?

Sư hiền từ đáp:

- Người đàn ông đó là một công dân tốt. Một công dân tốt do làm tròn bốn phận của mình cho nên thường thẳng thắn nói lên cái sai của người khác để cùng nhau sửa chữa trong tinh thần ôn hòa. Tuy nhiên cách hành xử giữa một người thường và một người xuất gia có khác nhau. **Người xuất gia không nói về cái lỗi của kẻ khác** mà kham nhẫn để kẻ phạm lỗi giác ngộ mà tu sửa. Hai lối hành xử đó không cái nào hơn cái nào, "vạn pháp đều bình đẳng," chỉ tùy duyên ứng xử mà thôi. Một căn nhà, một ngôi chùa, một khu phố hoặc nơi làm việc cần phải sạch sẽ. Sự sạch sẽ làm trang nghiêm cuộc sống và thế giới. Ngay đầu óc chúng ta cũng cần sạch sẽ. Muốn sạch sẽ thì phải quét rác. Một chiếc máy điện tử muốn tốt cũng phải "đổ rác". Đầu óc con người muốn thanh

THẮP NẾN CHÀO XUÂN

*Thắp ngọn lửa mở đầu trang năm mới
Châm thêm dầu, khơi bắc, quét que diêm
Ánh xanh tươi ngàn phương vàng rực rỡ
Ngẩng cao đầu ước vọng ngát tân niên*

*Cánh vồng đong đưa gió tràn hương nắng mới
Tiếng chuông giao thừa mở hội Hoa Nghiêm
Ngàn ngõ ngách tập tành khai đất tổ
Trời tịch liêu lay nhẹ sóng yên nguyên*

*Ta đến ta đi tà dương yêu tóc trắng
Cành hoa xuân treo lẳng cánh hương dương
Rừng thôn dã thấp đèn soi núi thờ
Ta ôm chân nguyên đán vọng cứu huyền*

*Ta gióng mõ chuông- cảm lòng kinh kệ
Khua gót ngà buộc chặt trời tháng giêng
Tay vô thanh âm quay cuồng vũ trụ
Dọn một nơi nghinh tiếp - tuổi tồn sinh*

*Đôi bóng đôi bờ lộc xuân vun bóng hạc
Chim cá tung tăng cây bản đọt vươn cao
Đậm nét tình quê mặn mà câu vọng cổ
Phủ bao điều tròn lẩn điệu trăng sao!*



thơ

LÊ PHƯƠNG CHÂU

Đêm khởi đầu 2015

tịnh, sạch sẽ cũng phải "đổ rác"- **đổ bớt rác rưởi của tâm hồn.** Những ý nghĩ bất tịnh, tương tranh, thù hận, đố kỵ, tị hiềm, những tư tưởng loại trừ, kỳ thị, ghét bỏ đều là rác rưởi của tâm hồn. "Quét rác" và "đổ rác" là việc làm thường xuyên của người nào muốn tâm hồn thanh tịnh. Từ thanh tịnh mà có thanh thản. Vì thanh thản cho nên không động tâm. Vì tâm không động cho nên ít gây đổ vỡ.

Ba ngày sau, chàng thanh niên tìm tới nhà người đàn ông, nói lời xin lỗi. Chàng học được một bài học nơi sư, "Thay vì xả

rác xuống đường hoặc nơi công cộng thì nên xả bớt rác trong tâm hồn mình."

Lời người kể chuyện: Ngoài đức tính kham nhẫn, có thể sư đã đạt tới mức "**vô phân biệt.**" Sư cứ thấy rác thì quét mà không hề phân biệt rác từ cây đổ xuống, Phật tử xả ra, nam hay nữ, lạ hay quen cho nên rác của chàng thanh niên cũng thế thôi. Chính vì "**vô phân biệt**" cho nên sư không động tâm. Không động tâm cho nên sư đã quét rác trong trạng thái "**vô tâm.**" Mà vô tâm thì an lành.

Đào Văn Bình

TẬP ĐỂ TRONG ĂN UỐNG

Chân Hiền Tâm



Một câu chuyện thời quá khứ

Sutasoma và Brahmadatta⁽¹⁾ là hai vương tử của nước Câu-lâu và Ba-la-nại. Lệ là trước khi thành quốc vương đều được gởi đến một vị danh sư để học pháp. Suta, chẳng bao lâu đạt đến tài năng giảng dạy, nhưng lại không muốn thăm hỏi các bạn khác nhiều mà chỉ chú ý đến Brahma, và trở thành thầy riêng của Brahma. Suta tiên đoán đại nạn sẽ xảy đến với Brahma trong tương lai, nên trước khi chia tay, Suta dặn dò:

- Sau khi chứng tỏ tài học của mình trước phụ vương, các vị sẽ ổn định đời sống của riêng mình. Khi ổn định xong, xin nhớ tuân lời giáo huấn của ta.
- Thừa Tôn sư, đó là lời giáo huấn gì?
- Vào những ngày trăng non và trăng tròn phải giữ giới Bồ-tát và không được sát sinh.

Các vương tử đều đồng ý tuân lời dặn ấy.

Vua Brahma chưa bao giờ ăn cơm mà không có thịt, vì thế để giữ ngày trai giới, quần hầu thường lấy thịt cắt riêng một nơi. Do người đầu bếp bất cẩn, bầy chó của hoàng cung ăn hết. Sau đó, người đầu bếp không thể tìm ra thịt, nên phải lấy đỡ miếng thịt đùi của một người vừa chết, nướng thật chín và dọn lên làm thức ăn.

Khi lát thịt vừa chạm vào đầu lưỡi, toàn thân của Brahma rung động. Đó là do tiền kiếp, vua đã từng là quý Dạ-xoa ăn thịt người. Ăn thịt người đã thành tập nghiệp ấn sâu trong tiềm thức của Brahma. Giờ dù duyên, tập ấy bùng phát. Vua quên hết những gì đã được học, mê mải theo món thịt người, quên luôn lời dặn của Suta là không được sát sinh.

Vua ra lệnh cho đầu bếp bỏ hết tất cả các loại thịt khác, chỉ làm một món thịt người nướng. Ban đầu, là thịt của hàng tù nhân. Sau thịt tù nhân không đủ cung cấp, vua và đầu bếp lập kế tìm đến thịt dân lành. Việc xảy ra liên tục, khiến dân chúng rung động và cầu cứu lên tướng quân Kalahatthi. Sau nhiều tuần theo dõi, đầu bếp của vua bị bắt.

Tướng quân biết việc vua ăn thịt người, ông ra sức khuyên nhủ nhưng vua nhất quyết không nghe. Vua bị tước vương quyền và đày ra sống ở bìa rừng. Theo sở nguyện, Brahma được giữ một thanh kiếm bên mình và ra đi cùng tên đầu bếp.

Sống trong rừng, ông tiếp tục gây nghiệp để tìm thức ăn cho mình. Khi người trong rừng hết, ông giết tên đầu bếp...

Câu chuyện còn dài nhưng chỉ ghi lại phần này vì nó liên quan đến những gì cần nói. Tướng quân Kalahatthi là tiền thân của ngài Xá Lợi Phất. Sutasoma là tiền thân của Đức Phật. Sau này Sutasoma chính là người cảm hóa vua Brahma.

Tập, là thứ đáng sợ

Brahma trở thành như thế là do đã huân tập thói quen ăn thịt người khi còn làm quý Dạ-xoa.

Tập, là sự tích tụ. Một chi phần của Tứ diệu đế. Thứ gì tích tụ nhiều sẽ có lực dẫn mình lao theo nó

như con thiêu thân lao vào ánh đèn dù chỉ để chết. Nghiện hay thói quen là một dạng của tập. Nó là căn nguyên khiến chúng sinh rơi vào đường khổ. Cũng khiến chúng sinh không được giải thoát và Niết-bàn.

Không chỉ có vua Brahma bị cái tập ăn thịt dẫn phát mà cả thánh Ananda, do nhiều đời làm vợ chồng với Ma-đăng-già, nên khi khát thực ngang qua nhà nàng, đã "bị Ma-đăng-già dùng thần chú Ta-tỳ-ca-la Tiên Phạm Thiên bắt vào phòng riêng, kẻ cận, vuốt ve, khiến Anan sắp mất giới thể"⁽²⁾.

Trong đời này, ta đã tích tụ rất nhiều thứ như thế. Tình cảm, ái dục, ngủ nghỉ, ăn uống, tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... không thể kể xiết. Cũng không hề biết đó là cái nhân của sự trói buộc và khổ đau.

Thói quen hay sự tích tụ, bản chất của nó là trói buộc. Khi nhận thức trói buộc không phải là một trạng thái hạnh phúc, ta muốn giải thoát. Vì thói quen là nhân đưa đến trói buộc nên muốn giải thoát, chỉ có cách là phải phá bỏ thói quen. Vì thế đừng bỏ được những thói quen của mình, chính là tu. Đó là cách tu thẳng tắt nhất trong các cách tu. Vì thẳng tắt quá nên khó làm. Thành phải mượn sự huân tập các thiện nghiệp như tụng kinh, niệm Phật, tọa thiền v.v... để có lực dừng đi các tập nghiệp xấu. Những cái tập mà hiện giờ, có thể ta thấy bình thường, nhưng về lâu về dài, có khi trở thành cái họa không hay cho mình.

Có lẽ, đó là lý do vì sao đối với Phật tử tại gia mới đến thiền viện tu học, Hòa thượng Trúc Lâm nói "Không ăn chay vẫn tu được" mà tất cả chư Tăng của Hòa thượng không ai được ăn mặn. Các bậc tôn túc cũng thường ăn chay khuyên người tu tập nên chay lạt dần. Các bộ kinh giảng cho hàng đại Bồ-tát như kinh Lăng-già cũng nhắc đến việc ăn chay. Vì ngoài việc giúp hiển phát lòng từ đối với chúng sinh và hạn chế dần việc tham đắm mùi vị, đó còn là cách giúp chấm dứt cái tập ăn mặn.

Có người cho rằng ăn chay vẫn giết hại sinh vật không khác ăn mặn, vì trong rau có các vi sinh vật mà mắt mình không thấy. Nếu nói đến việc đó thì ở đâu cũng có, không phải chỉ trong rau mới có. Trong nước cũng có, trong bò, trong heo còn nhiều hơn nữa. Nếu mang lên bàn cân để coi nặng nhẹ thì bò, chó, heo và lũ vi sinh vật theo chúng vẫn nặng ký hơn nhiều so với một mớ rau cải.

Nói đến mặt tham đắm mùi vị, thức ăn chay dù biến hóa thế nào, cũng không thể có khẩu vị và sự bày biện như thức ăn mặn. Có giả thịt giả cá thì ăn vào nó vẫn bột bột, không thể như cá với thịt, dù mùi vị có tương tự.

Cho nên ăn chay vì thích hay vì để trị bệnh thì không nói, còn đã có ý thức ăn chay để thấy mình không phải là cái duyên (dù chỉ là gián tiếp) khiến chúng sinh bị sát hại thì đó là một bước ngoặt khá tốt đối với người tu. Song chay mặn gì thì "tập" vẫn là thứ cần phải thanh lọc cho sạch nếu muốn giải thoát.

Sợ nhất là không thấy rõ tâm mình. Bị cái nghiệp ăn mặn trói buộc mà cứ nghĩ là đã tự tại với việc ăn uống. Có người chay được vài tháng, bỗng lẩn ra ăn mặn, không vì lợi ích cho ai, chỉ vì nghĩ mình đã tự tại với việc chay mặn. Không được là đang bị thắng vọng tưởng nhà mình nó gạt, mà gốc là cái tập ăn mặn ẩn sâu trong tiềm thức của mình.

Thời thì chay mặn gì cũng được miễn là nhìn cho tường tận về con người của mình là tốt. Nên nhìn các pháp đúng như chính nó. Làm được hay không để đó tính sau. Không nên để cái tướng của mình thần thánh hóa mình lên rồi đi từ nhầm lẫn này sang nhầm lẫn khác.

Vậy tu là phải ăn chay?

Đây là đề tài khá nóng bỏng đối với giới trên mạng. Người thì cho "Tu hành là phải ăn chay". Người lại nói "Ăn mặn không hề hấn gì". Cãi qua cãi lại bất phân thắng bại. Làm sao phân được thắng bại khi lỗi không nằm ở việc chay mặn mà ở chữ "tập"?

Thái hậu, một lần mở tiệc thịnh soạn. Tuệ Trung Thượng Sĩ dự tiệc, gắp cá, gắp thịt cứ ăn. Thái hậu thấy lạ hỏi:

- Anh tu thiền mà ăn cá ăn thịt thì thành Phật sao được?

Thượng Sĩ cười:

- Phật là Phật, anh là anh. Anh chả cần làm Phật. Phật chả cần làm anh. Thái hậu không nghe người xưa nói: "Văn Thù là Văn Thù. Giải thoát là giải thoát" sao?(3).

Ăn chay không phải là cái nhân thành Phật, dù đó là một trợ duyên khá tốt cho việc tu hành. Muốn thành Phật thì điều kiện tiên quyết phải là định tuệ bình đẳng rồi mới nói tiếp việc khác. Nó liên quan nhiều đến việc thanh lọc tâm, không phải chỉ một việc ăn chay mà thành Phật được. Nếu chỉ ăn chay mà thành Phật thì con bò cũng đã thành Phật từ lâu. Nhưng bò là bò mà Phật là Phật. Thành vấn đề không nằm ở việc chay hay mặn mà là bạn có dính mắc hay bị trói buộc vào đó hay không.

Hòa thượng Tịnh Vân khi dùng cơm ở Hội Phật giáo Nhật Bản đã từng phải ăn mặn, dù "nghe mùi tanh nồng nặc xông khắp". Biết "canh mình dùng toàn bột nêm tôm cá", ngài vẫn phải dùng. Chỉ vì "Phật pháp dùng từ bi làm nền tảng, lấy phương tiện làm cửa vào để tu đạo và độ chúng. Sự thanh tịnh nội tâm mới là quan trọng"(4). Do muốn tránh cho mọi người sự khó chịu, nên ngài vui vẻ dùng dùng. Trong những duyên khác, ngài vẫn dùng chay.

Dù không phải là giới cấm nhưng nếu thiên hạ dọn lên một bữa chay mà mình nuốt không trôi, hoặc ăn vài tháng đã thấy thêm mặn thì phải hiểu cái tập ăn mặn đang đóng khắp châu thân của mình. Ăn chay mà người sinh bệnh hoặc trở nên yếu cũng là một dạng đang bị cái tập ăn mặn trói buộc.

Cho nên, vấn đề không nằm ở bữa chay hay bữa mặn mà ở cái tập chay mặn ta đã thanh lọc tới đâu. Nếu thanh lọc sạch thì có thể tùy duyên làm Phật sự, không lệ thuộc vào chay hay mặn. Ăn mặn mà độ được người thì ăn mặn. Ăn chay mà độ được người thì ăn chay. Tùy duyên mà hành xử không dính gì đến chay mặn. Vì tập nghiệp đã trừ. Chay hay mặn như thế không làm cản trở con đường thành Phật của mình. Chỉ thêm trợ duyên cho Bồ-tát đạo.

Hồi tôi mới tới thiền viện, thường được nghe kể về Đại sư TM. Do cái duyên độ sinh ở bãi biển, vùng

toàn dân đánh cá, nên ngài ít khi dùng chay. Người ta mời gì ngài ăn nấy. Nhưng cuối đời, lại xếp bằng ngồi hóa mà đi. Mới biết, tuy ăn mặn nhưng ăn mặn không phải là tập của ngài, chỉ vì vấn đề độ sinh mà ngài dùng mặn. Một dạng Đồng sự trong Tứ nhiếp pháp.

Còn đã là "tập", thì dù là chay, đối với chỗ giải thoát thanh tịnh hay cứu cánh Niết-bàn, vẫn như hạt vàng rơi vào mắt, dù quý cũng gây trở ngại ít nhiều.

Bởi còn tập thì "Trí phân biệt" khi ứng vào sự chưa thể không. Trí phân biệt, là tướng đầu trong lục thô, thuộc chín tướng bất giác nói trong luận Đại thừa khởi tín. "Tập" chính là thứ khiến cho thần tâm mình thành trở ngại đối với các pháp, không thể "vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn"(5).

Tóm lại, ăn chay hay ăn mặn đều tu được. Ăn chay hay ăn mặn đều giải thoát được. Đường nhiên phải có điều kiện (duyên) đi kèm không thể nói khơi khơi.

Hai chữ tùy duyên

Trong một thế giới mà Duyên khởi là thực lý chi phối tất cả thì khi nói "được" hay "không được", luôn phải nói kèm với duyên của nó. Không có một giá trị chung chung cho toàn bộ vấn đề. Giá trị của pháp chỉ có khi pháp đó được nói trong một duyên nào đó.

Như ngón áp út chỉ có giá trị ngắn khi so với cái duyên là ngón giữa, có giá trị dài khi so với ngón út. Không có hai duyên đó thì ngón áp út chỉ là ngón áp út, không thể nói là ngắn hay dài. Nói ngắn hay dài là phải nói trong duyên.

Duyên nào có giá trị đó. Khi so với ngón giữa mà nói ngón áp út dài thì lỗi.

Chay mặn trong vấn đề tu hành cũng vậy. Được hay không được, đúng hay sai đều phải nói trong duyên, mới hiện được giá trị của nó. Không nắm được mặt Duyên khởi này của pháp mà cứ luận chung chung rồi cãi nhau ỉ xèo thì muôn đời lục quân, không thấy đâu là mặt trời.

Tùy vào thân tâm của hành giả: Nói "Ăn mặn vẫn tu được" vì tu là trừ bỏ tham, sân, si. Nếu ngay khi tham sân khởi lên, mình có thể nhận biết được chúng, không để chúng phát khởi thành hành động rồi tạo nghiệp, thì ăn chay hay ăn mặn đều tu được. Bởi nó liên quan đến sự tịnh giác và lực quán chiếu của tâm không phải là miếng ăn.

Hoặc như khi dùng cơm, chúng ta có thể quán thức ăn như Phật đã dạy để không dính mắc, thì chay mặn không thành vấn đề.

Nhưng giả như việc ăn mặn khiến người bạn khi nào cũng nóng bức, việc điều thân điều tâm thành khó khăn - như khi hành thiền, ăn thịt cá vô thấy thân mình nặng trĩu, cứ như nhuộm đầy máu của thiên hạ, tâm luôn bất an. Còn ăn chay thấy thân nhẹ nhàng(6), việc điều thân điều tâm trở nên dễ dàng - thì "ăn mặn không tu được", ăn chay trở thành trợ duyên cần thiết cho việc tu hành.

Tùy vào mục đích tu hành: Bạn không tu giải thoát mà chỉ tập trung tu phước thì ăn chay không phải là vấn đề nghiêm trọng.

Kinh dạy nhiều về bố thí và giữ gìn năm giới cho Phật tử tại gia(7). Trong đó có giới "không sát sinh" chứ không phải là "không được ăn mặn". Khá nhiều người nhầm lẫn về chỗ này. Cứ cho không sát



sinh là phải ăn chay. Hai việc đó tuy có liên quan với nhau nhưng chúng không phải là một. Nếu bạn ăn thịt cá mà tự tay bạn giết hay bảo người khác giết, tức vì mình mà thiên hạ chết thì việc ăn mặn đó đi liền với sát sinh. Còn nếu ăn mặn mà mua đồ có sẵn ngoài chợ hay đồ đông lạnh trong siêu thị về ăn thì không phải là sát sinh.

Thứ gì dính liền với sát sinh thì cái quả mình phải nhận khi đủ duyên là bệnh tật, tai ương, đoàn mạng. Nặng hơn là đọa vào ba đường dữ(8).

Đang sung túc hạnh phúc mà bệnh hoạn ngặt nghèo hay mới ba mươi đã lần ra chết thì hạnh phúc biến thành bất hạnh. Càng hạnh phúc bất hạnh càng nhiều. Duyên khởi đối đãi nên như vậy. Thành có khi giảm đi một chút ngon miệng, một chút bổ khỏe mà hạnh phúc tạo ra trong hiện đời và tương lai được trọn vẹn hơn.

Ngài Liêm Sứ ở Hồng Châu hỏi Mã Tổ: "Uống rượu ăn thịt là nên hay không nên?"

Mã Tổ trả lời: "Uống rượu ăn thịt là cái lộc của ông, không uống rượu ăn thịt là cái phước của ông (9).

"Không uống rượu ăn thịt là cái phước của ông". Câu trả lời bao gồm cả hai mặt nhân quả. Không uống rượu ăn thịt là một phước báu, cũng là cái nhân tích phước cho tương lai.

Tôi có người quen. Bà có cái duyên cúng được cho các vị cao tăng và ăn chay rất sớm. Nhưng miệng thì hơi phóng túng. Sự thật thường chỉ nói một phần, còn lại là tự chế tạo cho có lợi cho mình. Nói dối coi như có bằng chứng. Đầu xuôi đuôi lọt. Một phần vì cái lợi của mình. Một phần vì thói quen. Lỡ rồi tới luôn.

Quan sát mọi việc xảy ra từ những ngày câu chuyện mới bắt đầu (trong tầm nhìn của tôi) cho đến khi việc nói dối được phá bỏ, tôi chiêm nghiệm được một điều: Ăn chay cũng có cái phước đỡ được ít nhiều tai họa chứ chẳng phải chơi. Không phải là thứ quyết định tất cả, nhưng nó là một trợ duyên, như lỗ thủng trong cái chậu khi chưa thủng.

Nói dối là nghiệp xấu nhưng thiên hạ thích nói dối vì chưa bị quả báo. Bà cũng vậy, chỉ mang lại những kết quả tốt đẹp và lợi lộc nên nói rất mạnh. Có những thứ mình thấy "ai ngu mới tin", vậy mà vẫn êm xuôi trót lọt. Thiên hạ đổ nước mắt cũng nhiều. Cho đến khi bà không thích ăn chay nữa. Cái chậu nguyên vẹn vừa thủng một lỗ nhỏ, nước bắt đầu rỉ ra...

Tôi thấy mọi việc bể lặn, không cần ai khai báo. Tai họa cứ dồn tới không kịp trở tay. Hình như chính bà cũng nhận ra điều đó. Chấm dứt liền việc ăn mặn. Cũng không còn nghĩ đến việc nói dối sau khi đã nhận khá nhiều cái quả tệ hại từ nó, đủ để hiểu lý Nhân quả chi phối thế giới này thế nào.

Không ăn thịt có cái phước của nó. Điều đó có nghĩa ăn chay cũng là một phần của việc tu hành. Ai muốn thêm phước thì ăn chay. Không thì cứ ăn mặn.

Tùy vào điều kiện xã hội của từng thời: Xưa Đê -bà-đạt-đa trình với Phật chế luật chay trường cho Tăng Ni. Phật không chấp nhận. Có lẽ do nhiều lý do. Một, ăn chay không phải là cái nhân đưa đến giải thoát. Hai, điều kiện Phật pháp lúc đó đang còn sơ khai và ăn uống đặt nặng ở việc khát thực. Đi khát thực thì thí chủ cúng gì nhận nấy. Nếu lấy chay làm trọng thì bất lợi đối với việc độ sinh.v.v...

Trong điều kiện khát thực như thế, dù dùng

mặn cũng không phạm vào ba việc mà Như Lai đã cấm: "*Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt không được thọ dụng là thấy, nghe và nghĩ vì mình mà giết*"(10).

Ngược lại, Phật cũng không đặt ra cái lệ là phải luôn cúng mặn cho Tăng chúng mà không cúng chay, như khá nhiều Phật tử hiện nay đang làm. Cứ nghe đến hai chữ Nam tông là lại bàn nhau cúng mặn. Phật không hề đặt ra cái lệ như thế. Chư Tăng cũng đâu nói có thịt tui mới ăn.

Trong kinh Phật dạy: "*Vị Tỳ-kheo ấy không nghĩ 'Thật tốt lành thay! Người cư sĩ này (hay con người cư sĩ này) thỉnh ta dùng các món ăn khát thực thượng vị. Mong rằng người cư sĩ này (hay con người cư sĩ này) trong tương lai sẽ thỉnh ta dùng các món khát thực thượng vị như vậy'. Tỳ-kheo ấy không nghĩ như vậy. Vị ấy thọ dụng các món ăn khát thực ấy với tâm không tham trước, không tham đắm, không đam mê, thấy rõ các tai họa, ý thức rõ rệt sự xuất ly*"(11). Nếu đã quán tâm như thế trong khi thọ nhận thức ăn thì chay mặn không khác vì "ý thức rõ rệt sự xuất ly". Chỉ là tự Phật tử mình nghĩ không thông rồi truyền nhau mà... thành lệ.

Lệ lâu thành luật. Nhưng luật hoài coi chừng sinh "tập". Đó không phải là một việc tốt đối với người tu giải thoát.

Ngày nay việc khát thực (ở Việt Nam) đã phần chỉ dành cho mấy vị giả danh. Tăng chúng thường quy tụ và có chỗ nơi nhất định. Điều kiện ăn uống đã khác. Đã có phần tự lo và tự quyết định. Đã tự quyết định thì cần chú trọng hơn đối với tinh thần Phật đã dạy "thấy, nghe và nghĩ vì mình mà bị giết thì không được ăn". Dù không thấy, không nghe cũng không nghĩ mà làm một

bài toán liên thấy nếu không có mình, con vật vẫn sống cho đến khi người khác đến mua mới bị giết thì cũng không được dùng, vì đã phạm vào cái gọi là vì mình mà bị giết.

Cho nên, là Phật tử chúng ta cũng cần có trí tuệ đối với việc cúng dường thực phẩm cho Tăng chúng. Cúng chay thì khỏe rồi. Phước mình, phước người. Còn cúng mặn thì nhớ cúng sao cho phù hợp với lời Phật dạy là không vì việc cúng dường mà khiến sinh vật bị giết hại.

Có một số món gần như không bao giờ được cúng. Vì cúng, liền sa vào giới cấm của Như Lai. Đó là những món mà khi mình phát tâm mua, chúng mới bị giết, như cá lóc, cá hồng, ngêu, sò, ốc v.v... Dù không thấy không nghe thì cúng vì cái đơn đặt hàng của mình, chúng mới lên đĩa.

Kinh nói: "*Này Jivaka, người nào vì Như Lai, hay vì đệ tử Như Lai mà giết hại sinh vật, người ấy chắt chứa nhiều phi công đức do năm nguyên nhân...*"(12). Có thể việc mình làm không vướng tới năm nguyên nhân, nhưng một hay hai cũng mệt rồi. Cúng dường Tăng chúng là để cầu phước mà lại vướng vào cái phi công đức thì lợi không bằng hại. Thành muốn việc cúng dường được phước báu tốt nhất, Phật tử mình cũng cần coi xem nên cúng cái gì và không nên cúng cái gì để được lợi người lợi mình mà không phụ ân Đức Phật.

Cuối cùng là...

Dù chay hay mặn thì đối với người tu hành là ăn để mà sống không phải sống để mà ăn, ăn để mà tu, không phải tu để mà ăn. Như Phật nói: "*Vì cầu pháp mà theo Phật tu hành, không phải vì cầu âm thực*"(13).



Ăn để sống thì ăn cái gì cũng được, miễn không bệnh, không hoạn, no bụng là vui. Sống mà không phải lệ thuộc vào việc ăn uống nhiều quá là một cái sướng trong đời.

Ăn để mà tu thì dù ngon dù dở, dù chay dù mặn đều phải y những gì Đức Phật đã dạy, mới không bị cái tập ăn uống trói buộc.

Không cần phải thức ăn cao sang, chỉ một hũ cà pháo ngâm tương, nếu không ý thức sự nguy hiểm của "tập", thì không có nó, có khi chẳng ăn cơm được. Dính mắc như vậy, gặp cận tử nghiệp mà đủ duyên nữa thì thành con dòi bám đó như chơi. Thành là người tu hành, mình nên ý thức ít nhiều về cái tập chay mặn này. Thứ gì có nguy cơ thành "tập" thì gắng mà dừng. Thứ gì đã thành "tập" rồi thì gắng mà bỏ từ từ.

Tổ Trúc Lâm nói: "Ở đời vui đạo hãy tùy duyên/ Đói đến thì ăn mệt ngủ khi." Không dính mắc thì đói mới ăn liền được. Không thì phải đúng cái món mình thích mới chịu ăn. Khổ hiện tại. Tương lai chắc cũng chẳng vui.

Chân Hiền Tâm

Chú thích

(1) Tiểu bộ kinh tập IX, Đại sư Sutasoma (Chuyên tiền thân của Đức Phật).

(2) Kinh Thủ Lăng nghiêm trực chỉ, Thiền sư Hàm Thị trực giải, dịch giả Thích Phước Hào.

(3) Thiền sư Việt Nam, HT.Thích Thanh Từ biên soạn.

(4) Nghĩa tình trân quý, HT.Tinh Vân, NS.Hạnh Doan biên dịch.

(5) Bát-nhã Tâm kinh.

(6) Ăn theo kiểu bình dị.

(7) Được nói nhiều trong các kinh thuộc hệ A-hàm.

(8) Kinh Tiểu nghiệp phân biệt, Trung bộ kinh, HT.Thích Minh Châu dịch.

(9) Giai thoại Thiền, Viên Đức sưu tầm, NXB.Thuận Hóa.

(10) Kinh Trung bộ, kinh Jīvaka, số 55, HT.Thích Minh Châu dịch.

(11) Kinh Trung bộ, kinh Jīvaka, số 55: "Cái gọi là tham, là sân, là si, do đó sân hận khởi lên, tham ấy, sân ấy, si ấy được Như Lai đoạn trừ, chặt cho đến tận gốc, làm cho như thân cây ta-la, khiến không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai".

(12) Kinh Trung bộ, kinh Jīvaka, số 55.

(13) Kinh Trung Á Hàm, phẩm Câu pháp, Thích Tuệ Sỹ Việt dịch và hiệu chú.



NHƯ' TRANH

*nhón nháo tranh. và lũ chim
ngày đi xa quên mang hạt
bay qua biên bắc
một vệt nước sáng lung linh môi
nàng
hôn gió
cứ thể là hương
vươn(g) không gian
khiến mây tụm lại hình quả táo
cây khó mọc trên cát vàng
mà cỏ bông linh lợi quá
ai lẫn cùng rớt xuống người cô đơn ngồi
trong tranh. lẩn lút
thò tay ra khỏi dùm màu
chợt sông mù sương
những sợi bô bắt đầu nhen nhúm*

*bài thơ hơn bốn chục bật quẹt hàn xanh
tuổi đời mắt xéch
như in. bữa chia tay người đi
tầm phào xứ
khi định vị sáo hò
tất cả chúng ta cùng cảm lạnh
mà vết trần thổi mong manh
không còn nghi hoặc gì
tranh bây giờ tự im màu khóa
rúc tìm nhau bầy chim ngoài đông phố
nghe lời tổ khúc ở phía nam
của một dải tầm tầm*

thơ HOÀNG XUÂN SƠN

Nghe tiếng gà Xuân

TN. TỊNH QUANG

Không biết tết có tự lúc nào, mỗi khi xuân về tết đến, lòng tôi chợt nao nao... dư âm tiếng gà xuân đâu đây vẫn còn văng vẳng bên tai như ru tôi vào giấc mộng an bình.

Nhớ những ngày cuối năm, khi làn gió đông se thắt, hai cây mai cong queo trước sân nhà tôi kết nụ, lúc này mọi người trong làng đều tất bật sửa sang nhà cửa, đầu đường rộn ràng những câu chào hỏi và chuyên trò về việc làm ăn và cưới hỏi vào năm mới. Chợ Côi và chợ Dưới bày bán đủ thứ đồ tết, đặc biệt hoa cúc và hoa vạn thọ vàng rực cả chợ từ sáng đến chiều. Quanh làng, đâu đâu cũng thấy tràn ngập niềm thôi thúc vì xuân.

Tôi hỏi:

- Còn bao lâu nữa mới tới Tết hở mẹ?

Mẹ bảo:

- Hăm chín ngày nữa.

Thế là tôi ngóng xuân và đếm Tết vào từng ngày; lòng thầm vui vì sắp đến ngày nghỉ học, được ăn mít, hạt dưa, bánh tét, bánh chân, được mẹ may áo quần mới để mặc đi lễ chùa đầu năm, được lì xì, rồi cùng mấy đứa bạn hàng xóm đến đình làng để đánh Cờ Oi, chơi bài Tới, bài Tiến Lên... vào chiều mồng một, mồng hai Tết.

Cứ mỗi sáng thức dậy vừa bước xuống giường, chưa kịp súc miệng rửa mặt là tôi vồn vã hỏi mẹ:

- Có phải còn 28 (27, 26... 10, 9...1) ngày nữa là Tết phải không mẹ?

Mẹ kiên nhẫn trả lời:

- Ừ.

Không gì hồi hộp bằng 30, ngày cận Tết; mọi người trong làng ùn ra chợ, ra đường; không khí rộn rã, náo nức của dân làng khiến cho mùa xuân càng thêm nhiều ý vị. Nhớ năm nào đó, vừa ăn cơm chiều 30 mười xong, tôi hớn hờ mặc trước bộ đồ vải xẹt Lào (thay vì sáng mồng một mới được mặc) với màu đỏ chói mà mẹ vừa may xong, cổ áo thắt nơ



nhỏ, tay áo và lai quần viền vạt trắng, và mang đôi guốc gỗ cũng vừa mới mua có màu xanh nước biển, trên quai guốc có gắn bông hồng bằng vải lụa vàng rất xinh. Tôi hãnh diện với áo quần mới, với đôi guốc mới, và đi ông qua ẻo lại, không quên xách túi tiền lẻ của mẹ giao phó vào làng phát cho người già neo đơn và người tật bệnh theo lời mẹ dặn: rằng làm phúc cuối năm để sang năm hưởng phước.

Mới 7 giờ chiều, mẹ bảo chị em chúng tôi đi ngủ sớm để khuya mẹ gọi dậy đón Giao thừa. Tôi lên giường nằm mà mắt không thể nào nhắm được. Nhìn ra sau vườn qua lỗ hồng của bức tường gỗ, tôi thấy những tàu lá chuối đu đưa theo gió mà hình dung những cánh bướm đang trôi trên những con sóng đen của đại dương và chờ đợi ánh bình minh bên chân trời hắt hiu thăm thẳm; thi thoảng một vài cơn gió lướt nhanh khiến cho những tàu lá bật lên bật xuống ẩn hiện ánh sáng của những ngọn đèn cây đu đưa của nhà hàng xóm ở sau nương nhà tôi. Lòng cảm thấy nôn nao, tôi bước xuống giường và đi ra sân. Bóng đèn dầu ở bàn thờ trước hiên nhà tôi đã bị gió tạt qua tạt lại đen thui. Nhìn bóng đèn của hai nhà cạnh bên cũng không khác gì mình. Một lúc, mẹ tôi chong thêm một cây đèn sáp lớn, ánh sáng của nó lừng tưng nhảy nhót trước gió thật là vui mắt; càng vui hơn khi thấy nhà

nào cũng mở toang cửa, bên trong ánh sáng liu riu, vài ba cái bóng người chao qua đảo lại trong nhà kia. Thoang thoang mùi nhang trầm đầu đó loang trong không gian thơm phức, trời đất như nồng nàn hơn lúc nào cả.

Đến chừng 9 giờ tối, tôi giúp mẹ chuẩn bị hương quả, bánh mứt, xôi chè và thức ăn đặt ở bàn thờ để rước ông bà. Sau đó, mẹ mặc áo dài xanh ngời lần chuỗi trước bàn thờ Phật, tôi ngồi sau lưng mẹ, lắng nghe tiếng thì thầm của mẹ... tiếng nhỏ lắm, nhưng cũng đủ cho tôi nghe được danh hiệu Quan Thế Âm Bồ tát... Cứ chừng khoảng mười tiếng niệm là mẹ chấp tay cúi đầu xuống đất lạy Phật, tôi cũng bắt chước mẹ lạy Phật. Xong thời niệm Phật mẹ qua bàn thờ ba và ông bà thấp nhang và khẩn rằng: "Ba ngày Tết, mời các vị về nhà vui Tết cùng con cháu và phò hộ cho chúng nó mạnh khỏe, đừng ốm đau..."

Tôi ngước mắt nhìn lên di ảnh của ba, của ông bà nội ngoại như lung linh theo lời ước nguyện của mẹ. Ngọn đèn cây trên bàn linh nhỏ xiu, dù không đủ sáng và ấm trong đêm 30 của miền Trung, trong lòng tôi chợt ấm lên một cách lạ thường với cảm giác rằng người thân của tôi đang đoàn tụ trong giây phút đó, dù bên ngoài cơn gió giao thời vẫn rít lên trên nhưng cảnh phi lao già tuổi.

Xong lễ khẩn, tôi giúp mẹ sửa soạn mâm trái cây và lư nhang cúng giữa trời, treo lại tràng pháo tổng trước mái hiên vừa rơi xuống đất vì bị gió đánh gãy đứt dây. Tràng pháo của nhà tôi rất dài, gần chấm xuống đất, có màu đỏ thắm giống như bức màn sáo treo ở cửa nhà của Bảy Chú Lùn trong quyển sách tập đọc lớp bốn của tôi. Nhà của bác Tư Chèo và bà Thơm Mối ở kế bên nhà tôi cũng treo pháo đỏ như nhà tôi, nhưng tràng pháo của họ nhỏ hơn và ngắn hơn, dù đã móc trên bụi tre rậm bên hông nhà mà cũng bị gió thổi tới tấp, bay phấp phới; tôi cứ trông theo mà lòng



lắc lư lo sợ rằng chúng sẽ rơi mất. Loay hoay một lúc, tôi chợt thấy tất cả sân nhà xung quanh sáng lên, nhà con Bòn và thằng Lượm học cùng lớp ở bên kia sông nhà tôi cũng sáng lên, rồi cả làng sáng lên như trăng khuya 21, rồi nhiều bóng người lững thững nhấp nhô trong ánh sáng huyền diệu ấy. Mẹ nói sắp đến Giao thừa, và bảo tôi gọi tất cả chị em thức dậy.

Thằng Chó Lớn và Chó Don em tôi khóc rú lên không chịu thức. Chỉ có tôi, thằng Cu Anh, chị Cả cùng mẹ tôi chuẩn bị đón giao thừa. Ba chị em tôi ngồi trệt trước ngạch cửa nhà và dòm qua lũy tre hàng xóm nhà kế bên, chúng nó cũng ngồi chao vào trước ngạch cửa nhà như chúng tôi; chỉ có những người lớn đi lui đi tới làm gì đó trước sân nhà. Chốc chốc, chị Cả tôi nóng lòng hỏi mẹ:

- Còn bao lâu nữa mới đốt pháo hở mẹ?

Mẹ bình thản:

- Sắp rồi...

... Một âm thanh bất chợt nổ tách...tách...ở làng trên phát ra, tất cả chúng tôi đứng dậy, mẹ bảo đứng ra xa tràng pháo. Nhanh tay, mẹ rút que diêm quẹt lửa châm vào ngòi pháo... những tia lửa xẹt ra, rồi một tiếng nổ 'đùng' to lớn; chúng tôi nhảy tưng lên vui mừng và dùng hai tay bịt tai và la lớn, lũ trẻ nhà kế bên cũng bịt lỗ tai và la lớn nhưng vẫn không át được tiếng pháo Giao thừa. Những tiếng nổ vang trời tiếp theo cứ đùng... đùng...đùng...liền hồi như xé toạc màn đêm. Rồi tiếng pháo nổ đùng...đùng... của nhà kế bên, tiếng

pháo nổ đùng... đùng... của nhà kia nhà nọ, làng trên làng dưới cùng nhau nổ vang sáng rực cả bầu trời tạo thành hàng vạn ngôi sao lấp la lấp lánh. Chẳng mười phút sau, lúc tiếng pháo giao thừa đón mừng năm mới đã im phắc là tiếng ba hồi chuông trống Bát Nhã của chùa Đông Hồ vang lừng; trong làn khói hương nghi ngút, mọi người đều chấp tay và thầm nguyện ân Tam bảo phò trì cho năm mới... Khi hồi chuông trống vừa dứt, nhà nhà tắt đèn tắt nến đi ngủ, ngổn ngang xác pháo rải đỏ ngập sân nhà.

Sau giờ đón Giao thừa, chị em tôi đều leo lên giường ngủ tiếp. Riêng tôi được nằm chung với mẹ, tôi thấy mẹ cứ tráo mắt nhìn vào khoảng không. Ngạc nhiên, tôi hỏi:

- Mẹ không nhắm mắt ngủ? mẹ không mệt hả?

- Mẹ chờ nghe tiếng gà gáy.

- Nghe tiếng gà để làm chi hả mẹ?

- Để biết rằng năm ni làng mình được mùa hay mất mùa. Nếu sau giờ Giao thừa mà chó sủa trước thì năm ni làng mình mất mùa và sẽ có ăn trộm. Còn nếu làng mình năm ni được mùa, vui vẻ ấm no thì có diêm gà gáy trước.

- Ai nói với mẹ rứa?

- Đó là tục tin lâu đời của ông bà và của làng mình.

- Thiệt hả mẹ?

- Ừ.

Tôi nhìn ra ngoài sân, không thấy gì cả, ngoài bức màn đen khổng lồ đang ồm choàng cả không gian tĩnh mịch. Tôi bắt

chức mẹ nhìn lên trần nhà, lắng lòng chờ đợi... để nghe tiếng gà gáy chứ không phải tiếng chó sủa hay tru. Không gì để nghe cả... ngay cả tiếng con ếch ương bì bõm sau bờ ao hằng đêm cũng im ru, chỉ còn tiếng gió rất nhẹ vi vu trên rặng cây cao niên sau hiên nhà. Vạn vật im lìm như đang chìm vào giấc ngủ mê say.

Meo....meo..., con mèo Mun nhà tôi đi theo con mèo cái nhà ông Giò ba ngày nay, bắt chợt trở về ré lên trong đêm. Tôi thúc vào tay mẹ và nói:

- Mẹ ơi năm ni mèo kêu trước, coi chừng nghèo đó!

- Đừng nói tầm bậy, con mèo kêu chỉ có nhà mình nghe, không phải là điềm báo của cả làng.

Mẹ tôi nói với vẻ mặt nghiêm khắc hơn.

Tôi im lặng chờ đợi tiếp... Thời khắc trôi qua lúc này đối với tôi sao mà chậm quá! Tôi lần qua lần lại một hồi rồi mệt lử, và trọng khi sắp đi vào cõi mộng bỗng tiếng gà khuya từ xa vọng lại: Ô ... ó... ó... ó...

Giật mình, tôi thấy mẹ vùng dậy và thở phào nhẹ nhõm. Vẻ mặt tươi vui, mẹ bước xuống giường và đến bàn Phật, bàn linh thấp hương vái lạy và khẽ nói: "Năm ni vui rồi..."

Không biết làng trên thì sao, làng tôi hình như năm nào sau lễ đón Giao thừa một lúc là tiếng gà khuya vang lên, chỉ một tiếng gà khởi đầu, báo hiệu niềm tin và hy vọng về một năm mới yên lành nơi miền thôn dã. Tương lại đơn giản được hẹn ước bằng tiếng gà xuân khoác trên những cánh đồng với hai mùa mưa nắng hài hòa.

Bây giờ làng tôi có còn đón xuân với tiếng pháo tưng bừng như xưa không? Có còn lắng nghe tiếng gà khuya sau phút Giao thừa im ắng ấy? Tiếng gà xuân hôm nao đã êm đềm đi vào ký ức tuổi thơ của tôi, vắng nghe đâu đây chốn quê xưa thanh bình êm ả.

TN. Tịnh Quang



Mai vàng và áo nâu

HẠNH CHI



Kéo chiếc mũ len kín xuống khỏi vành tai, kiểm soát túi đồ nghề gồm một cái cửa nhỏ, kéo cắt cành, cuộn giấy gai, bao tay, chai nước suối và gói xôi mè, thầy mỉm cười, đeo túi vào cái xe đẩy nhỏ, có bánh xe. Nếu may mắn gặp những cành mai đẹp thì lúc về sẽ là nhiệm vụ của xe đẩy này. Thầy không còn vác mai trên vai mà đi dễ dàng như những năm còn trẻ nữa.

Sư chú chạy ra, vòng tay cung kính:

- Bạch thầy, chắc là không cần con theo hầu ạ?

- Chắc thế, năm nào Thầy chả vào rừng, cửa mai một mình. Thầy còn biết rõ nơi nào thưa, nơi nào rậm nữa mà.

- Bạch thầy, nhưng năm nay khí hậu bất thường, lạnh hơn năm ngoái, đường rừng chắc trơn trượt, thầy đi một mình ỉ ...

- Thiên hạ phải trả tiền mới tới được nơi có tuyết để trượt tuyết. Mà nơi trượt tuyết thì làm gì có hoa mai. Nếu hôm nay mà tuyết xuống thì thầy vừa được trượt tuyết, vừa được ngắm mai, không tốn tiền.

Sư chú biết không thể xin đi theo, đành chấp tay thưa:

- Xin thầy cẩn trọng.

Thầy đã mở cổng chùa, dợm bước ra, sư chú chột kêu nhỏ:

- Khoan, thưa thầy, thầy phải khoác thêm chiếc áo bông, chứ áo nhật bình mong manh thế kia thì lạnh lắm!

- Gặp những nhánh mai đẹp, cửa một lúc là đổ mồ hôi ngay ấy mà.

Tuy nói thế, Thầy cũng không thể từ chối sự săn sóc ân cần của sư chú, đành khoác chiếc áo bông màu nâu sậm ra ngoài bộ áo nhật bình, cũng màu nâu, đã sờn bạc. Mà đâu phải thầy chỉ mặc có bộ nhật bình! Sư chú cũng đã biết thầy còn thêm áo ni và áo len bên trong nữa. Tiết cuối đông của trời Canada chứ có phải trời California đâu!

Thầy nhắm hướng đông, đi về khu rừng mai quen thuộc, cách chùa chỉ hơn ba dặm. Thầy yêu thích con đường này vì những hàng bách điệp cao vút tỏa bóng mát mùa hè, tạo cảm giác che chở mùa đông cho khách bộ hành. Đường dẫn vào rừng còn đi qua vườn táo, vườn cam của một gia đình người da đỏ, sinh sống nơi đây đã ba thế hệ. Họ thường thân thiện cúng dường trái cây khi gặp thầy trên đường vào rừng. Họ đã quá quen thuộc với hình ảnh ông thầy tu người Việt Nam thường thông dong bước những bước thiền hành an lạc vào khu rừng xinh đẹp để ngồi thiền trong những ngày hè nắng ấm hay những ngày thu thơ mộng. Còn những ngày cuối đông thế này mà gặp thầy thì họ cũng biết ngay là thầy vào rừng để chặt mai về cúng Phật, đón Xuân.

Con đường hầy đi sáng sớm nay như thế. Thanh thản và an nhiên.

Người đàn ông da đỏ gặp thầy ngay nơi bìa rừng.

- Chào ông thầy tu Việt Nam, ông vào rừng đốn cành mai về đốn ngày đầu năm của ông phải không?

- Chào ông chủ trại, đúng thế, chỉ còn hơn hai tuần lễ nữa là chúng tôi đón năm mới. Không biết rừng mai thế nào, lâu nay trong chùa bận rộn quá, cả tháng tôi chưa vào thăm.

- Ấy, tôi vừa từ đó ra, nhiều mai đẹp lắm, nhiều cành đã có hoa nở, nhiều cành chỉ chít nụ, ông thầy tha hồ mà lựa.

Nói rồi, người chủ trại chấp tay chào như cách Phật tử chào nhau, vì ông ta đã từng thấy.

Thầy cũng chào lại như thế và chậm rãi vào rừng.

Chim rừng riu rít đón thầy. Sẻ, oanh, yến và cả bầy én nữa. Chúng cất tiếng, xôn xao cả rừng mai. Có lẽ chúng cũng biết, mùa Xuân đang đến gần rồi chẳng?

Đường trong rừng, đoạn thì thoai thoải dốc khi lên những gốc phong, đoạn lại khúc khuỷu về phía những gốc sồi. Đó đây, xen kẽ là những gốc mai già, hàng năm, vào thời điểm này, hoa nở vàng, nhấp nhô, óng ánh như những giải lụa áo Hoàng Hậu, chẳng khác chi loài gấu miền bắc cực, ngủ vùi suốt những tháng giá băng nhưng tiết trời vừa giao mùa là chúng chuyển mình thức dậy, sẵn sàng tiếp nối sự sống.

Thầy biết, qua khu rừng rậm này sẽ rẽ sang đồi cỏ mượt xanh, nơi đó những giò phong lan bám trên thân tùng, thân bách đang sung mãn những đọt non, tiềm ẩn sắc hương hiếm quý. Chính trên ngọn đồi thấp này, mai đón được trọn vẹn ánh nắng buổi sáng nên đúng mùa là trở hoa kết lá. Thầy đặt tên cho ngọn đồi này là Đồi Mai.

Thầy đã lên tới Đồi Mai. Ở kia! Cái gì đây?

Thầy ngửa mặt nhìn trời, giơ cả hai tay đón những hoa tuyết mộng đang rất nhẹ, rất nhẹ rơi xuống. Những hoa tuyết trong tay thầy khẽ rung rinh.

Một sự sống đang có mặt.

Dù rất mong manh, sự sống của bông hoa tuyết đang có mặt trên tay thầy. Thầy nhìn những



bông hoa tuyết khác đang rơi rất chậm - tưởng như không nhìn thấy sự rơi - trên những cành mai vàng.

Kìa, mai cũng đang vươn tay đón tuyết. Mai lung linh hay tuyết lung linh mà Thầy vừa nhìn thấy vũ điệu mùa Xuân trong vạn hữu tương quan kỳ diệu. Tuyết làm cho mai thêm đẹp, hay chính mai khiến tuyết bội phần linh động?

Đôi Mai vàng đang giang Ngàn-Tay-Quan-Âm ôm những bông tuyết trắng như tơ.

Phút giây, Thầy biết chắc một điều, là năm nay, chùa sẽ không cần có cành mai nào trong chánh điện, vì cả rừng mai đang rụng rở trong lòng Thầy, sẽ chính là rừng mai rụng rở ngôi Tam Bảo, can chi phải cầm cửa mà cắt đứt cái đẹp toàn bích, thánh thiện, cái đẹp hiển tắng trọn vẹn của vạn hữu để đem về cái đẹp mang thương tích của sự đứt đoạn, chia lìa?

Không biết, từ phút giây nào, Thầy đã ngồi thiền trên tảng đá rêu xanh bên một gốc mai già.

Tuyết ngừng rơi hay vẫn rơi, nào có hệ lụy gì tới giọng hỷ lạc thầm lặng mà mạnh mẽ vô song của suối nguồn Minh Tịnh.

Khi Sư Chú vào rừng mai tìm Thầy thì thấy vị thiên-sư vẫn ngồi kiết già trên đá, vạt áo nâu lấm tấm dăm cánh mai vàng và trên chóp mũ len, vừa nở một bông tuyết trắng ...

Hạnh Chi

(Tào-Kê tịnh thất,
vừa dứt thời công phu,
bỗng nhớ rừng mai năm nào...)



Tết

MẠC KHÔNG TỬ

Hôm nay là mồng 2 Tết. Thời tiết vẫn như mọi ngày. Sớm se se lạnh, trưa nóng, khi bóng chiều dần buông thì nhiệt độ giảm dần rồi dịu hẳn đi. Lanka mùa này ngày có đến mấy mùa. Gọi là Tết cho vui vậy thôi, chứ thật ra xung quanh Nguyên có gì khác biệt đâu. Chim chóc vẫn líu lo hiên ngoài, chú bồ câu hôm nay lại ghé về ngôi trên cái tổ ngày nào (chú đã làm tổ trên cái cột nhà trước cửa phòng) lặng lẽ nhìn vào căn phòng, rồi bay đi, dăm ba hôm lại về... Chú và chủ nhân căn phòng, cả hai trao đổi với nhau bằng ngôn ngữ Im Lặng.

Cứ vậy, không biết tự khi nào trong lòng Nguyên chú bồ câu cùng chim chóc và cả những chú sóc nâu nữa đã trở thành bạn. Riết rồi Nguyên không còn nghe nhạc Secret Garden, Beethoven, Yanni hay Bandari nữa. Nhiều lần Nguyên mở MP3 lên nghe và những bản nhạc ấy lại cứ dờ dang khi tiếng chim hiên ngoài vọng vào. Nguyên biết mình không thể thờ ơ với bản hợp tấu mà thiên nhiên ban tặng.

Sáng nay Nguyên cũng thức dậy như thường lệ, sau tuần trà sớm, Nguyên kiểm tra email, đọc lời chúc Tết và chợt mỉm cười, "Chúc Nguyên năm mới nhiều sức khỏe và nhiều an lành, luôn có đủ không gian trong lòng, ánh sáng trong mắt và tình thương nơi đôi bàn tay." Không vui sao được, cái câu nói này Nguyên đã viết từ nhiều năm rồi, và hôm nay nó lại là lời chúc Tết cho mình. Lời chúc Tết và những món quà Nguyên nhận được đầu Xuân vậy là ý nghĩa. Cần gì hơn nữa, hành trang của đệ tử đức Thế Tôn chỉ cần bấy nhiêu thôi, bấy nhiêu cho một đời sống xả ly, cho một tình pháp lữ, cho những mối tương giao... Đừng mơ mộng xây dựng một Cõi Tịnh, một Tây Phương Cực Lạc đâu xa sau khi khép lại cuộc lữ trăm năm, cũng đừng đại ngôn là hạnh nguyện cứu người độ đời trong khi mà anh không có những yếu tố căn bản ấy: "không gian trong lòng", "ánh sáng trong mắt" và "tình thương nơi đôi bàn tay". Nếu anh không có những điều này, thì tất cả những dựng xây, hay hạnh nguyện gì gì đó không chừng cũng chỉ là một hình thức khác thật tế vi của bản ngã mà thôi. Bởi lẽ, con người ta chỉ có thể cho đi những gì mà mình có. Niềm an lạc, sự thành thoi... Nguyên lạc đề mắt rồi. Nguyên đang viết về Tết kia mà. ...

"Tết Rồi", tựa đề bài viết như một tiếng reo vui, Nguyên nghe được tiếng reo vui ấy truyền qua những dòng chữ của Yên Linh và cả những ký ức về Tết của mình. Ừ, thì Tết rồi. Tết là trở về, Tết là sum họp, Tết là bên những người ta thân thương nhất cùng gói bánh chưng bánh tét, Tết là huynh đệ xoay tròn bên bếp lửa hồng hát ca, Tết là đi đâu cũng thấy hoa mai hoa đào...

Và năm nay Nguyên có thêm một định nghĩa về Tết nữa, Tết là lòng vui khi xung quanh mình mọi người vui.

Đê cứu Thầy Tu

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO



Một trong tôn giáo cổ xưa
 Có thầy tu nọ rất ưa tế thân
 Tuy ông nổi tiếng xa gần
 Nhưng mà mê muội tâm thần nhiều thay.
 Một hôm ông chọn dê này
 Cho rằng thích hợp, giết ngay tế thân
 Nghĩ suy lầm lạc vô ngần:
 "Đê làm lễ vật muôn phần linh thiêng!"
 Ông ra lệnh kẻ dưới quyền
 Dắt dê ra tắm ở bên sông vàng
 Dòng sông thánh chảy rộn ràng
 Tắm xong trang điểm một tràng hoa tươi
 Có dê đeo đẹp tuyệt vời,
 Gia nhân, thuộc hạ đồng thời tắm luôn
 Tẩy cho sạch sẽ tấm thân
 Để mà tham dự vào phần lễ nghi.

*

Dưới bờ sông chú dê kia
 Biết mình sắp bị giết đi tế thân
 Dê suy tư, sáng trọng tâm
 Bao nhiêu tiền kiếp dần dần hiện ra
 Tử, sinh nhiều đợt trôi qua
 Luân hồi luân quản thật là đốn đau,
 Dê kia nhận thức ra mau
 Lắm điều sai trái trước sau của mình
 Kiếp xưa nhân xấu tạo thành
 Khó mà gạt được quả lành kiếp nay
 Dê từng trả nghiệp bao ngày
 Giờ đây nghiệp sắp dứt ngay hết rồi
 Thế là thoát kiếp luân hồi
 Thoát vòng đau khổ, xa nơi đọa đày
 Niềm vui rộn rã về đây
 Dê cười lớn tiếng, sông này vang xa.
 Đang cười dê chợt nghĩ ra
 Một điều cũng rất xót xa vô ngần:
 "Thầy tu mê muội tế thân
 Sát sinh ác độc gieo nhân bây giờ
 Kiếp sau quả ác đón chờ
 Chập chùng tiếp nối có ngờ được đâu!"

Thế là dê lại bắt đầu
 Khóc lên lớn tiếng, thương đau ngập tràn.
 Trên dòng sông thánh thênh thang,
 Mọi người đang tắm nghe vang tiếng cười
 Rồi nghe dê khóc nghẹn lời
 Ngạc nhiên kéo đến tận nơi hỏi dò
 Dê bèn đáp: "Có lý do
 Nhưng ta chỉ muốn nói cho một người
 Đó là tu sĩ mà thôi
 Dem ta gặp chủ nhân rồi sẽ hay!"

*

Đám gia nhân tò mò thay
 Dem dê về gặp chủ ngay tức thời
 Kể ra mọi chuyện đầu đuôi
 Ngạc nhiên tu sĩ thốt lời hỏi dê:
 "Mi cười rồi khóc, lạ ghê
 Hãy cho ta biết chuyện gì xảy ra?"
 Dê bèn đáp, giọng thiết tha:
 "Kiếp xưa ta cũng từng là thầy tu
 Lễ nghi tôn giáo cổ xưa
 Như ông, ta cũng rất ưa, rất rành
 Giết dê làm vật hy sinh
 Để mà dâng cúng thần linh của mình
 Nghĩ rằng lợi ích tạo thành
 Giúp nhiều cho việc tái sinh sau này
 Ai ngờ hậu quả thảm thay
 Đầu ta bị chém đọa đày xác thân
 Bốn trăm chín mươi chín lần
 Luân phiên nhiều kiếp muôn phần thương đau,
 Hôm nay sắp bị chém đầu
 Cộng chung trả nghiệp trước sau luân hồi
 Năm trăm lần, đủ số rồi
 Đây là lần chót nổi trôi ta bà
 Bao nhiêu hậu quả xảy ra
 Do hành vi rất xấu xa kiếp nào
 Giờ đây chấm dứt! Lành sao
 Khiến ta cười lớn tuôn trào niềm vui,
 Và rồi ta lại buồn thôi
 Khi ta chợt nghĩ ông rồi giống ta

Sát sinh tế lễ xấu xa
Đẻ rồi hậu quả khó mà thấy ngay
Trong năm trăm kiếp tới đây
Đủ năm trăm lượt đong đây khổ đau
Năm trăm lượt bị chém đầu
Nghĩ thêm kinh hãi, ta đâu cảm lòng
Quả là thương cảm vô cùng
Biến cười thành khóc, đôi dòng lệ tuôn!"

*

Thầy tu rung động tâm hồn
Nghĩ lời dê đúng nên ông nói liền:
"Thưa ngài dê, chớ muộn phiền
Tôi không giết nữa, thả liền ngài đây!"
Dê bèn nói: "Thật lành thay!
Dù ông không giết tôi ngay bây giờ
Thời bao quá xấu vẫn chờ
Hôm nay tôi chết, khó mà thoát đầu
Rồi tôi vẫn bị chém đầu
Thế là giải thoát! Qua cầu trăm luân!"
Thầy tu hăng hái nói luôn:
"Chúng tôi bảo vệ, an tâm, thưa ngài
Tôi và thuộc hạ trong ngoài
Dốc lòng ngăn chặn nguy tai giúp ngài!"
Nhưng dê giảng giải khoan thai:
"Dù ông chệch chớ cũng hoài công thôi
Vì rằng yếu đuối sức người
So cùng quyền lực cao vờ thiêng liêng!"
Thầy tu huỷ bỏ lễ liên
Sát sinh cúng tế chẳng tin nữa rồi
Thả dê về chốn núi đồi
Lệnh cho thuộc hạ tức thời dời theo



Đề phòng chống mọi hiểm nghèo
Giúp cho dê được muôn điều bình yên.
Lang thang đôi núi thiên nhiên
Chợt dê trông thấy ở trên cây cành
Lá non mơn mớn tươi xanh
Dê vươn cao cổ rướn mình lên ăn
Bỗng đâu trời đất thét gầm
Một cơn giông bão bất thần nổi lên
Sét kêu một tiếng vang rền
Đánh vào tảng đá ngay trên phía đầu
Chẻ ra một miếng thật sâu
Rơi như dao nhọn xuống mau khác gì
Đầu dê bị cắt đứt lia
Chết ngay tức khắc thảm thê vô cùng
Thế rồi cơn bão chợt ngừng
Biến đi mất dạng vào vùng thăm xa.

*

Nghe tin kỳ lạ truyền ra
Dân làng bàn tán: "Khó mà hiểu thay!"
Thần trên cây kể chỗ này
Từ đâu chứng kiến giờ đây dạy rằng:
"Hãy nhìn dê để làm gương
Sát sinh hậu quả trăm đường đón đầu
Từ kiếp này, tới kiếp sau
Muôn vạn khổ não tiếp nhau chập chùng
Khó mà thoát khỏi luật chung.
Hãy xa nghiệp dữ, xa vùng vô minh
Ngưng tay tàn sát sinh linh
Để mà vui hưởng quả lành tương lai!"

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

(phỏng dịch theo bản văn xuôi
THE GOAT WHO SAVED THE PRIEST
của Ven. Kurunegoda Piyatissa
& Tod Anderson)

*

NHẬN DIỆN TIỀN THÂN:

Vị thần trên cây gần đó
là tiền thân Đức Phật.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

LÀO: Hoa Kỳ tài trợ về bảo tồn di sản văn hóa và sử liệu Phật giáo tại Luang Prabang

Luang Prabang, Lào – Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Lào sẽ tài trợ 655,400 usd để giúp bảo tồn di sản văn hóa ở tỉnh Luang Prabang.

Từ ngày 6 đến 9-12-2014, ông Daniel Clune, Đại sứ Hoa Kỳ tại Lào đã thăm Luang Prabang để tham dự 2 lễ bàn giao việc hoàn thành dự án trùng tu Chùa Xiengthong và hoàn thành dự án 1-năm với Bảo tàng Quốc gia Luang Prabang. Hai lễ bàn giao này do Sở Thông tin, Văn hóa và Du lịch Luang Prabang tổ chức.

Đây là các dự án được tài trợ bởi Quỹ Đại sứ về Bảo tồn Văn hóa (AFCP) của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.

Trong chuyến thăm của mình, Đại sứ Clune đã ký một khoản tài trợ AFCP mới để giúp bảo tồn sử liệu Phật giáo tại thành phố di sản thế giới Luang Prabang này.

Sử liệu Phật giáo của Luang Prabang gồm các bộ sưu tập quan trọng tầm quốc gia, trong số đó có hàng nghìn tài liệu từ hơn 20 tu viện và từ các bộ sưu tập cá nhân; thư tín của các yếu nhân Phật giáo về những sự kiện lớn của lịch sử, và những bản thảo quan trọng từ những bộ sưu tập cá nhân của các yếu nhân tại Luang Prabang và thuộc Phật giáo Lào.

(ttrweekly.com – December 16, 2014)



Đạo diễn Bertolucci của điện ảnh Ý – Photo: ACC

Ý ĐẠI LỢI: Đức Đạt lai Lạt ma trao Giải Hòa bình của giới nghệ thuật cho đạo diễn Bertolucci

Vào ngày 14-12-2014, Đức Đạt lai Lạt ma đã trao Giải Đình Hòa bình cho đạo diễn điện ảnh Ý Bernardo Bertolucci. Giải thưởng này là sự tôn vinh hàng năm dành cho một người từ thế giới nghệ thuật đã hoạt động vì công bằng xã hội và hòa bình. Trong số những người đoạt giải này trước đây có các nghệ sĩ Mỹ là Sean Penn, Sharon Stone (diễn viên điện ảnh) và Cat Stevens (ca sĩ).

Đức Đạt lai Lạt ma đã trao giải nói trên vào buổi bế mạc hội nghị thượng đỉnh những người đoạt giải Nobel Hòa bình, là sự kiện được tổ chức vào cuối tuần qua tại La Mã, Ý. Ngài đã cầm mi-crô trong khi ông Bertolucci phát biểu việc được nhận giải.

Bertolucci là đạo diễn của phim 'Hoàng đế cuối cùng' từng đoạt tất cả 9 giải Oscar được đề cử, trong số đó có giải Phim Hay Nhất và Đạo diễn Xuất sắc (1987). Ông cũng là đạo diễn của phim 'Tiểu Phật' (1993).

(Lion's Roar – December 17, 2014)

ÁI NHĨ LAN: Charles Pfoundes, người đầu tiên mang Phật giáo đến phương Tây

Theo phát hiện trong nghiên cứu gần đây của các học giả ở Ái Nhĩ Lan và Nhật Bản, có lẽ sứ bộ Phật giáo đầu tiên đến phương Tây là do người Ái Nhĩ Lan tên là Charles Pfoundes dẫn đầu vào năm 1889.

Trước đây người ta đã tin rằng sứ bộ Phật giáo sớm nhất tại Tây phương là đến California, Hoa Kỳ, vào năm 1899.

Pfoundes, tên thật là Charles James William Pounds, sinh năm 1840 tại hoặc gần thành phố Waterford (Ái Nhĩ Lan), được cho là nhà Nhật Bản học người Ái Nhĩ Lan đầu tiên.

Các học giả Ái Nhĩ Lan và Nhật Bản đã phát hiện rằng vào năm 1889 Pfoundes trở thành người đại diện chính thức của Hội Truyền bá Phật giáo Nhật Bản ở Luân Đôn, Anh quốc.

Pfoundes di cư sang Úc ở tuổi 14 và du hành nhiều nơi trước khi đến Nhật. Phong tục và văn hóa Nhật Bản cuốn hút ông và ông nhanh chóng thông thạo ngôn ngữ đất nước này, và đã đổi tên mình thành Pfoundes – theo cách đánh vần từ Pounds của Nhật ngữ.

Ông đã ở Luân Đôn từ năm 1879 đến 1893 rồi trở về Nhật. Ông mất tại thành phố Kobe vào ngày 2-12-1907.

(buddhisminthenews – December 17, 2014)



CAM BỐT: Các tăng sĩ hàng đầu thúc đẩy những quy định mới về bầu cử

Hai vị Tăng Thống của 2 Phật phái Cam Bốt đã kêu gọi chính quyền ban hành một "phương thức" hợp pháp để không những cấm tăng sĩ tham gia vào các hoạt



Chùa theo phong cách Lào tại Luang Prabang—Photo: ttrweekly.com

động chính trị, mà còn cấm họ thực hiện quyền bỏ phiếu của mình.

Tại Hội nghị Tu sĩ Quốc gia lần thứ 23 diễn ra vào ngày 17-12-2014, 2 vị Tăng Thống Bour Kry của phái Dhammayuttika và Tep Vong của phái Mohanikaya đã nói rằng một quy định như vậy sẽ giúp cải thiện việc tu tập của Phật giáo.

Tăng Thống Bour Kry nói, "Tôi muốn yêu cầu các cơ quan liên quan, bao gồm Quốc hội, Thượng viện và Chính phủ, cũng như các đảng phái chính trị, định rõ những phương thức thích hợp để tăng sĩ được độc lập, và ngăn cấm việc bỏ phiếu và các hoạt động ủng hộ hoặc chống lại các đảng phái chính trị. Tăng sĩ cần tăng cường vai trò của mình trong việc xây dựng, giáo dục và rèn luyện tinh thần của họ, và tôn trọng phẩm cách, đạo đức, kiến thức và cách cư xử tốt trong xã hội".

(The Phnom Penh Post - December 18, 2014)

HÒA LAN: Xác ướp nghìn năm tuổi của một Thiên sư Phật giáo Trung Hoa được chụp cắt lớp tại thành phố Amersfoort

Một cuộc khám nghiệm đặc biệt đặc biệt đã diễn ra gần đây tại Trung tâm Y tế Meander: Một xác ướp gần 1,000 năm tuổi được chụp cắt lớp vi tính và các mẫu được chụp bằng một ống nội soi.

Các chuyên gia và bác sĩ Hòa Lan đã nhận xác ướp người Trung Hoa này tại bệnh viện để khám nghiệm nội tạng vào ngày 3-9-2014. Đây xác ướp của Đại sư Liuquan thuộc Phật Thiên Trung Hoa, là một trong những xác ướp được triển lãm vào đầu năm nay và có niên đại từ thế kỷ 11 hoặc 12.

Việc khám nghiệm xác ướp nói trên có ý nghĩa văn hóa lớn. Đây không chỉ là khám nghiệm duy nhất của loại này, mà còn là xác ướp Phật giáo Trung Hoa duy nhất có thể dùng được cho nghiên cứu khoa học tại phương Tây.

Việc nghiên cứu sẽ được công bố trong chuyên khảo phát hiện trên Thiên sư Liuquan. Xác ướp sau đó đã được chuyển đến Hung Gia Lợi để trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia Lịch sử Tự nhiên ở Budapest cho đến tháng 5 năm 2015.

(buddhistartnews - December 20, 2014)



Chụp cắt lớp và nội soi xác ướp của Thiên sư Liuquan tại Trung tâm Y tế Meander, Amersfoort (Hòa Lan)

Photo: Jan van Esch



SINGAPORE: Hội Phật giáo Tu viện BW sẽ xây tu viện \$20 triệu

Một tu viện 20 triệu đô la sẽ mọc lên tại miền Bắc Singapore vào năm 2017.

Khu phức hợp 4-tầng này tại Woodlands Avenue 6 sẽ bao gồm các phòng học, một tu viện, phòng khám bệnh và các ký túc xá cho chư tăng ni.

Đây là một phần của các kế hoạch mở rộng của Hội Phật giáo Tu viện BW. Được thành lập vào năm 2002, đến nay cộng đồng này đã phát triển từ 150 lên đến 3,500 hội viên.

Tòa nhà mới sẽ có diện tích nền là 34,000 feet vuông, với một nhà hàng, các văn phòng, một bãi đỗ xe 32 chỗ ở tầng hầm và một hội trường đa mục đích chứa được 700 người.

Tu viện BW đã đấu giá thành công một thửa đất từ Cơ quan Tái phát triển Đô thị vào đầu năm nay, sau 5 năm tìm kiếm một địa điểm.



Đồ họa Tu viện Phật giáo BW
Photo: BW Monastery

Tổng thư ký của tu viện, ông Lim Tiong Boon, đã mô tả tòa nhà sắp xây dựng như là một trung tâm Phật giáo ở miền bắc, và kêu gọi cộng đồng đóng góp cho đợt vận động gây quỹ của hội. Đến nay, quỹ đã thu được 10 triệu đô la.

(straitstimes.com - December 23, 2014)

THÁI LAN: Những tượng trang trí đặc biệt tại ngôi chùa Pariwas Ratchasongkram

TIN ANH: Bạn có bao giờ đến một ngôi chùa có tượng của một hải tặc, một thổ dân da đỏ Mỹ, một người Viking, các chiến binh Trung Hoa, các thần ái tình, Che Guevara, vua Ai Cập cổ đại, các nhân vật thần thoại và các danh nhân thế giới khác cùng được tập trung vào một nơi chưa? Chào mừng bạn đến với chùa Pariwas Ratchasongkram trên đường Rama Khu 3 để trải nghiệm điều đặc biệt này.

Theo trường nhóm điêu khắc gia của chùa, nghệ thuật không có ranh giới hoặc qui ước. Ông hy vọng rằng tác phẩm nghệ thuật của mình sẽ thu hút nhiều du khách hơn đến với chùa Pariwas Ratchasongkram.

(buddhistartnews - December 24, 2014)



Chùa Pariwas Ratchasongkram
**Một số các tượng trang trí đặc biệt tại chùa Pariwas Ratchasongkram:*





Tượng Vua Ai Cập cổ đại



Tượng thổ dân da đỏ



Tượng một hải tặc
Photos: J. N. Ranong

MÃ LAI: Tín đồ Hồi giáo và Phật giáo chung tay giúp học sinh nghèo

Kuala Lumpur, Mã Lai – Tại chùa Tích Lan ở Sentul, các tín đồ Hồi giáo và Phật giáo đã nêu gương sáng về sự hợp tác liên tôn giáo khi họ nắm tay nhau trong một buổi lễ giới thiệu cho dự án Chăm lo Giáo dục 2014, một dự án từ thiện thường niên của Hiệp hội Sri Jayanti và Tổ chức Maha Karuna.

Sự kiện này đã nhận được sự hoan hỉ tán thành từ nhà hùng biện và doanh nhân Hồi giáo nổi tiếng Ustaz Halim, người đã cùng với sự trụ trì của chùa là Đại Trưởng lão tăng B. Sri Saranankara chứng kiến hơn 1.400 học sinh nghèo từ mọi chủng tộc nhận cặp học sinh và những vật dụng học tập cần thiết khác.

Ustaz Halim công nhận rằng chương trình này thật tốt đẹp và nói, "Hồi giáo khuyến khích người

dân của mình tôn trọng các tôn giáo khác. Tiên tri Muhammad của chúng tôi đã dạy chúng tôi rằng không được ép buộc người khác trở thành người Hồi giáo, vì họ có quyền lựa chọn để làm theo điều mà họ tin vào". Halim nói thêm rằng sự có mặt của mình tại một Phật tự là để chứng minh Hồi giáo chấp nhận các tôn giáo và các nền văn hóa khác.

(The Star – December 24, 2014)



Ustaz Halim và Đại Trưởng lão tăng B. Sri Saranankara
Photo: The Star

PAKISTAN: Các tác phẩm điêu khắc Phật giáo được phát hiện tại khu di tích Phật giáo Bhamala

Peshawar, Pakistan – Tại di tích của một Bảo tháp Phật giáo cổ xưa ở đông bắc Pakistan, các nhà khảo cổ học đã phát hiện những tác phẩm điêu khắc và những đồng tiền có niên đại từ thế kỷ thứ 2 đến thế kỷ thứ 5.

Giám đốc ban Khảo cổ và Bảo tàng của tỉnh Khyber Pakhtunkhwa, ông Abdul Samad, cho biết các tác phẩm điêu khắc và đầu tượng đã được tìm thấy trong cuộc khai quật, bắt đầu tại khu phức hợp Phật giáo Bhamala.

Trong khi khai quật, họ cũng phát hiện những đồng tiền quý giá của thời kỳ Kushan chung quanh Bảo tháp.

Di tích khảo cổ học Bhamala có những phế tích của Bảo tháp Phật giáo, được tuyên bố là Di sản Quốc gia và Thế giới, tọa lạc gần đập Khanpur ở Haripur. Các phế tích này có niên đại vào thế kỷ thứ 4.

Samad nói rằng trong cuộc khai quật, chủ yếu là các tác phẩm điêu khắc bằng đất nung đã được phát hiện. Ông cho biết các nhà khảo cổ, bảo tồn, các thợ đào và những người săn tìm bảo vật đã tham gia vào cuộc khai quật ở Bhamala.

(PTI – December 26, 2014)

Lào: Trùng tu chùa Ho Phra Keo – nay là Bảo tàng Quốc gia

Vientiane, Lào – Chùa Ho Phra Keo được xây dựng vào năm 1565 làm nơi cầu nguyện dành cho gia đình hoàng gia, và là nơi tôn trí tượng Phật Ngọc sau khi tượng được chuyển từ Bắc Xiêm La (Thái Lan) về nơi này.

Tượng Phật Ngọc linh thiêng sau đó bị một đạo quân Xiêm xâm lược tịch thu vào năm 1778, và hiện nay tượng được tôn trí tại chùa Phra Kaew ở Bangkok.

Chùa Ho Phra Keo đã được chuyển đổi thành một nhà bảo tàng, và kể từ năm 1942 trở thành Bảo tàng Quốc gia.

Hiện nay Bảo tàng Quốc gia Lào, chùa Ho Phra Keo, rất cần sự đóng góp của công chúng để tài trợ cho việc trùng tu.

Phó thị trưởng Vientiane, ông Saythong Keouang, nói, "Đây là lần thứ ba chùa Ho Phra Keo được tu sửa. Lần trùng tu thứ nhất diễn ra vào năm 1816 trong triều đại Vua Anouvong và lần thứ hai từ 1936 đến 1942 vào triều Vua Souvanna Phoumma".

Tòa nhà cần sửa chữa nhiều nơi, nhất là phần đỉnh của chánh điện, khiến chính phủ phải thành lập một Ủy ban Quốc gia chịu trách nhiệm cho việc trùng tu.

Kinh phí sẽ tốn khoảng 2.5 triệu USD và sẽ hoàn thành vào cuối năm 2015.

(tipitaka.net – December 27, 2014)



Chùa Ho Phra Keo – Bảo tàng Quốc gia Lào

Photo: Wanwisa gamsangchaikit

HOA KỲ: Tu viện mới của Phật giáo Tây Tạng tại Ithaca

Ithaca, New York – Phật tử Tây Tạng đã hoàn thành 2 trong số 4 tòa nhà mới bao gồm Học viện Nghiên cứu Phật giáo Tu viện Du Khor Choe Ling (ĐKCL) Namgyal. Khu tu viện tọa lạc trên 28 mẫu đất này gồm có tòa nhà chính với điện thờ, phòng ăn và nhà bếp, cũng như

một tòa nhà riêng là nơi cư trú của các nhà sư.

Tu viện Namgyal được thiết kế trong dạng của một mạn đà la để tôn trọng thiết kế truyền thống của các tu viện Tây Tạng. Thiết kế này đã được Đức Đạt lai Lạt ma phê duyệt.

Việc xây dựng tu viện này đem đến cho cộng đồng Phật giáo ở vùng Trung New York một khung cảnh đáng tin cậy hơn cho việc nghiên cứu Phật giáo Tây Tạng và tạo cho các tăng sĩ Tây Tạng một cơ hội để học tiếng Anh và giảng dạy.

Trong suốt cả năm, Tu viện DKCL Namgyal tổ chức nhiều lễ kỷ niệm và các buổi lễ, cũng như cung cấp nhiều chương trình và khóa học về Phật giáo và thiền định.

(Syracuse.com - January 1, 2015)



Các nhà sư trong một buổi lễ tại Tu viện Namgyal
Photo: Ellen M. Blalock

MIỄN ĐIỆN: Hình ảnh Đức Phật mang tai nghe gây tranh cãi

Yangon, Miến Điện - Philip Blackwood, một người Tân Tây Lan 32 tuổi, là quản lý quán V Gastro Bar, đã bị bắt giam vì tội "lãng mạ tôn giáo" sau khi anh ta đăng trên Facebook một hình ảnh tạo ảo giác của Đức Phật mang tai nghe để quảng cáo cho quán.

Mặc dù đã xóa hình ảnh này và thay vào đó bằng lời xin lỗi cho "sự thiếu hiểu biết đáng xấu hổ", Blackwood vẫn bị bắt vào ngày 10-12-2014 cùng với 2 người Miến Điện gồm Tun Thurein, 40 tuổi, chủ của hộp đêm này và đồng nghiệp Htut Ko Ko Lwin, 26 tuổi.

V Gastro Bar bị đóng cửa chỉ 2 tuần sau khi khai trương tại một khu phố cao cấp của Yangon.

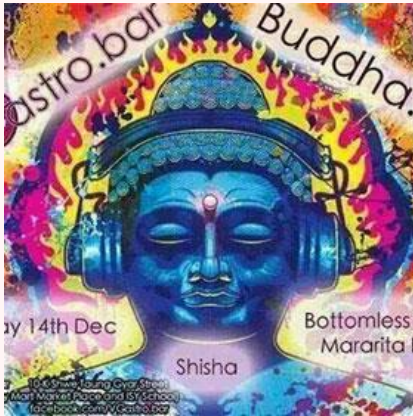
Blackwood đang bị giam giữ tại nhà tù Insein khét tiếng của Miến Điện, nơi anh ta có khả năng phải đối mặt với án tù 4 năm. Các

luật sư dự đoán phiên tòa sẽ kéo dài trong nhiều tháng.

Sự việc này đã bị Tổ chức Theo dõi Nhân quyền và Ân xá Quốc tế lên án.

Nó làm tăng thêm những lo ngại rằng chính quyền trên danh nghĩa dân sự của Miến Điện đang tái phạm về cải cách quyền. Nó cũng cho thấy ảnh hưởng ngày càng mạnh mẽ về pháp luật và chính trị của các nhà sư dân tộc cực đoan.

(NBC news - January 3, 2015)



Hình ảnh Đức Phật đeo tai nghe của quán V Gastro Bar
Photo: F. McGregor

ẤN ĐỘ: Gần 500 người Ấn giáo cải đạo sang Phật giáo

Ngày 3-1-2015, gần 500 người Ấn giáo, bao gồm phụ nữ và trẻ em, tại một số ngôi làng ở quận Gaya (bang Bihar) đã cải đạo sang Phật giáo.

Họ là cư dân của các làng Khanjahapur, Usri, Bara, Joda Masjid, Kukra, Beldari, Bansibigha và Tapsi ở khu Manpur thuộc Gaya. Buổi lễ quy y đã diễn ra tại đền thờ Phật giáo ở làng Khanjahapur.

Basant Mahto, một hội viên của hội Mahatma Budh Gayan Ashram có trụ sở tại Bồ đề Đạo tràng, đóng một vai trò quan trọng trong sự kiện này.

Sitabia Devi, Sona Devi và Barti Devi, là những người trong số hơn 100 phụ nữ đã cải đạo sang Phật giáo nói trên, cho biết họ thay đổi tôn giáo của mình để có được một cuộc sống yên bình và thịnh vượng hơn.

Đây là lần thứ hai diễn ra sự kiện cải đạo quan trọng của người Ấn giáo, sau khi 42 gia đình tăng lớp khốn cùng cải đạo sang Thiên Chúa Giáo tại một ngôi làng gần bồ đề Đạo tràng vào ngày 25-12-2014.

(IANS - January 3, 2015)



Basant Mahto, hội viên hội Mahatma Budh Gayan Ashram, người đóng một vai trò quan trọng trong sự kiện cải đạo sang Phật giáo của người Ấn giáo ngày 3-1-2015
Photo: oneindia.com

MÃ LAI: Cảnh sát bắt giữ kẻ làm hư hại các tượng Phật tại chùa Chatharam

Cảnh sát đã bắt giữ một người đàn ông được cho là bị điên là nghi phạm đã phá hỏng các tượng và vật dụng cầu nguyện tại chùa Chantharam ở Tanah Liat thuộc Bukit Mertajam (Penang) vào ngày 2-1-2015.

Người đàn ông thất nghiệp 24 tuổi này bị bắt tại nhà của mình ở Tasek Gelugor vào lúc 6 giờ chiều ngày 3-1-2015, sau khi cảnh sát truy tìm anh ta tại đó nhờ biết số đăng ký xe gắn máy của nghi phạm này.

Theo cảnh sát cho biết, người đàn ông nói trên đã đến ngôi chùa Chantharam vào sáng ngày 2-1 và làm hư hại các tượng trong một tòa nhà, trước khi sang tòa nhà thứ hai để vứt đi một lư đầy nhang.

Anh ta đi vòng quanh ngôi chùa mấy lần và chơi đùa với lũ chó trong khu vực trước khi rời khỏi nơi này, và người quản tự đã trình báo sự việc với cảnh sát.

(The Malay Mail - January 4, 2015)

ÚC ĐẠI LỢI: Phòng triển lãm Quốc gia Úc sẽ trả lại cho Ấn Độ pho tượng Phật bị đánh cắp

Một pho tượng Phật 2,000 năm tuổi bằng đá do Phòng triển lãm Quốc gia Úc (NGA) lưu giữ tại Canberra sẽ được hoàn trả cho Ấn Độ sau khi tượng này được xác định là đã bị đánh cắp.

NGA đã mua pho tượng Phật ngời nói trên từ một góa phụ tên là Roslyn Packer vào năm 2007.

Một người bán cổ vật ở New York đã bán tượng này với giá hơn 1 triệu đô la, nhưng kể từ đó đã nổi lên nguồn tin rằng tượng bị

đánh cắp từ một di tích khảo cổ của Ấn Độ.

Chính phủ Úc đã báo với nhà chức trách Ấn Độ rằng sẽ sớm trả lại pho tượng cho nước bạn.

Bộ Văn hóa Ấn Độ và Viện Khảo cổ học Ấn Độ đang làm việc với Viện Bảo tàng Quốc gia Ấn Độ để xử lý việc nhận lại tượng.

(tipitaka.net - January 7, 2015)



Tượng Phật bị đánh cắp sẽ được Phòng triển lãm Quốc gia Úc trả lại cho Ấn Độ
Photo: abc.net.au

NHẬT BẢN: "Chùa Mèo" tại tỉnh Fukui

Có một câu nói quen thuộc rằng: "Tại Ai Cập cổ đại, loài mèo đã được thờ phụng như những vị thần; và người ta không bao giờ quên điều này".

Chắc chắn rằng tại Nhật Bản mèo vẫn rất được tôn trọng, với toàn thể các hòn đảo của loài mèo vẫn đang dành cho chúng sự tự do dạo chơi để chúng tồn tại một cách yên ổn trong hệ sinh thái riêng của mình.

Tất nhiên mọi chuyện không phải đều hoàn hảo, và những con mèo hoang và bị bỏ rơi là một thực tế rất đáng buồn tại Nhật cũng như tại các nước khác.

Nhưng ngày nay những con mèo tại chùa Gotanjo ở tỉnh Fukui rất hạnh phúc: Chúng được các tu sĩ Phật giáo cho ăn, yêu thương chăm sóc, và chúng được vuốt ve bởi những du khách đáng mến.

Thậm chí ta có thể nhận một que bói của mèo để xem cho biết vận mệnh năm sau sẽ ra sao!

Chùa Gotanjo nổi tiếng vì nuôi rất nhiều mèo, và bây giờ khách viếng và cư dân địa phương đã đặt tên không chính thức cho chùa là "Chùa Mèo".

(Rocket News - January 12, 2015)



Một chú mèo của "Chùa Mèo" Gotanjo ở tỉnh Fukui, Nhật Bản
Photo: Evie Lundevie Lund

ẤN ĐỘ: Chư tăng Nam Hàn cầu nguyện cho hòa bình thế giới tại Bồ đề Đạo tràng

Bồ đề Đạo tràng, Bihar - Vào ngày 12-1-2015, khoảng 500 tu sĩ Phật giáo Nam Hàn đã cầu nguyện cho hòa bình thế giới tại Bồ đề Đạo tràng.

Các nhà sư, thuộc một tổ chức cứu trợ Phật giáo phi chính phủ tên là Join Together Society (JTS) có trụ sở tại Seoul, đã tiến hành các nghi lễ cầu nguyện tại chùa Đại Bồ đề, nơi tương truyền Đức Phật đã đạt giác ngộ.

Ngoài việc tổ chức cầu nguyện, các nhà sư này sẽ tham quan những di tích Phật giáo nổi tiếng tại đất nước Ấn Độ và cầu nguyện cho nền hòa bình toàn cầu.

Subhaschandra Boudhh, một hội viên của JTS, nói, "500 người này đang đi tham quan Ấn Độ trong 15 ngày. Họ sẽ viếng các địa điểm Phật giáo nổi tiếng và cầu nguyện cho nền hòa bình và sự thịnh vượng của mọi người trên khắp thế giới".



Kinh Phật mô tả Bồ đề Đạo tràng là "Cái rốn của Trái đất", nơi hàng năm người hành hương và du khách từ Tích Lan, Trung quốc, Nhật Bản và toàn bộ Đông Nam Á đổ về đền thờ Đại Bồ đề linh thiêng nhất của Phật giáo.

Vào năm 2002, UNESCO đã công nhận chùa Đại Bồ đề là một Di sản Thế giới.

(ANI - January 12, 2015)

MÃ LAI: Chiến dịch dọn vệ sinh sau lũ lụt của Hội Phật giáo Trẻ Mã Lai

Ngày 13-1-2015, tại làng Kg Manek Urai Lama, các tình nguyện viên từ Hội Phật giáo Trẻ Mã Lai có trụ sở tại Penang đã tổ chức chiến dịch dọn vệ sinh sau trận lũ lụt gây tàn phá nơi đây.

Khoảng 500 hội viên Từ Tế đã tham gia chiến dịch, mang theo 19 xe tải và 7 xe máy kéo. Nhóm này còn bao gồm 2 xe buýt chở đầy tình nguyện viên từ hãng máy tính khổng lồ Intel Mã Lai.

Nhóm cho biết đã thuê khoảng 1,200 dân làng, tất cả đều là nạn nhân lũ lụt, để dọn vệ sinh. Mỗi dân làng được trả 100RM một ngày cho chiến dịch 2 ngày nói trên.

Hội Từ Tế đã chia ngôi làng thành 5 khu vực chính để việc dọn vệ sinh được thuận lợi, và những người dân địa phương được chia thành từng nhóm khoảng 20 người để giải quyết mỗi khu vực.

Làng Manek Urai là một trong số những khu vực bị thiệt hại nặng nề nhất trong trận lũ lụt vài tuần trước khiến hơn 250,000 người Mã Lai mất nhà cửa.

(The Malay Mail Online - January 13, 2015)



Tình nguyện viên Hội Từ Tế giúp dân làng Manek Urai dọn vệ sinh sau lũ lụt
Photo: Yusof Mat Isa

TRUNG QUỐC: 5 xá lợi quý giá của Phật giáo được phát hiện tại Hồ Bắc

Tại một ngôi mộ cổ ở tỉnh Hồ Bắc, Trung quốc, các nhà khảo cổ học đã phát hiện 5 xá lợi quý,

tương truyền là từ tro hòa táng của các đại sư Phật giáo.

Tim thấy xá lợi trong một ngôi mộ là điều rất hiếm, vì thông thường xá lợi chỉ được khai quật tại các Phật tự, Chen Qianwan, viện trường viện khảo cổ thành phố Tương Dương, phát biểu vào ngày 13-1-2015.

Theo ông Chen, các linh vật hình hạt này thường được lưu giữ trong các hộp tráp linh thiêng. Hộp đựng được phát hiện gần đây nhất này vốn được gắn trên đỉnh một ngôi mộ thuộc một vị quan thời nhà Minh (1368 - 1644) tại chân núi Thiên Sơn ở Tương Dương, Hồ Bắc.

Xá lợi lớn nhất trong số này có đường kính khoảng 3 cm. Trong ánh sáng, các xá lợi có màu sắc khác nhau - màu đỏ, tím, xanh dương, xanh da trời và màu cam.

Các linh vật nói trên được phát hiện vào cuối tháng 12 và sau đó được các nhà sư và các nhà nghiên cứu có uy tín xác định là xá lợi. Họ tin rằng ngôi mộ là của một Phật tử.

Bảo tàng thành phố Tương Dương sẽ lưu giữ các xá lợi này.

(bignewsnetwork.com - January 14, 2015)



Các xá lợi được phát hiện tại Hồ Bắc, Trung quốc
Photo: mzxb.com

ẤN ĐỘ: Chư tăng tái hiện lộ trình hành cước của Đức Phật sau khi giác ngộ

Trong một nỗ lực phục hồi lộ trình cổ xưa giữa Jethian và Venuvan mà Đức Phật Cồ Đàm đã thực hiện sau khi giác ngộ, ngày 10-1-2015, hơn 400 tu sĩ Phật giáo đã tham gia cuộc "đi bộ di sản" 13 km tại Bihar.

Chư tăng từ 30 tu viện tại các nước khác nhau đã tham gia cuộc hành cước di sản đầu tiên này, theo tuyến đường cổ mà Đức Phật đã đi cách đây hơn 2,500 năm.

M. Sohail, một quan chức ngành du lịch cho biết Tổng công ty Phát triển Du lịch Bang Bihar (BSTDC) đã tổ chức cuộc đi bộ di



Phật tử tham dự sự kiện "cuộc đi bộ di sản" tại Bihar, Ấn Độ
Photo: PTI

sản nói trên, từ Jethian ở quận Gaya đến Venuvan ở Rajgir ở quận Nalanda.

Đây là một phần của lễ hội Rajgir để phổ biến sự kiện này bằng việc đi theo dấu chân của Đức Phật, ông M. Sohail nói.

"Cuộc đi bộ di sản sẽ thu hút du khách nước ngoài, đặc biệt là từ các nước Phật giáo," ông nói.

Theo truyền thuyết, Jethian là nơi vua Magadha là Bimbisara đã cung nghinh Đức Phật trong hành trình của Ngài từ Bồ đề Đạo tràng đến Rajgir không lâu sau khi Ngài đạt giác ngộ.

Nhà vua đã cung hiến Venuvan (xưa kia là Veluvana) làm nơi để Đức Phật trú ngụ.

(Business Standard - January 14, 2015)

NEPAL: Nâng cấp phi trường Đức Phật Cồ Đàm

Ngày 15-1-2015, Thủ tướng Sushil Koirala của Nepal đã đặt viên đá đầu tiên cho dự án nâng cấp Phi trường Đức Phật Cồ Đàm tại Bhairahawa, cách Lâm Tì ni khoảng 20 km.

Dự án nhằm chuyển phi trường nói trên thành nơi thay thế Phi trường Quốc tế Tribhuvan ở thủ đô Kathmandu - là phi trường quốc tế duy nhất tại quốc gia vùng Hi Mã Lạp Sơn này, vốn đã chứng kiến tình trạng tắc nghẽn giao thông nặng nề trong những năm gần đây.

Giai đoạn đầu của dự án sẽ được hoàn thành vào năm 2018, khi Phi trường Đức Phật Cồ Đàm đạt được khả năng phục vụ 760,000 hành khách mỗi năm.

Phi trường Đức Phật Cồ Đàm mới sẽ bao gồm một đường băng 3,000 km, các vòm che mới cho nơi đỗ máy bay và

đường băng, hệ thống thoát nước, các đường vào trạm nhiên liệu và hàng hóa, ranh giới phi trường mới và các cơ sở hạ tầng mới hoàn thiện.

Giai đoạn hai của dự án dự kiến sẽ được hoàn thành vào năm 2030 để cho phép phi trường tiếp nhận hành khách mỗi năm lên đến 2 triệu người.

(bignewsnetwork.com - January 17, 2015)



Phi trường Đức Phật Cồ Đàm, Nepal, sẽ được nâng cấp
Photo: Google

Bhutan - ẤN ĐỘ: Thủ tướng Tobgay viếng trung tâm hành hương Phật giáo Sarnath của Ấn Độ

Trong chuyến thăm chính thức Ấn Độ kéo dài 9 ngày, Thủ tướng Bhutan Tshering Tobgay đã tham dự Hội nghị thượng đỉnh Gujarat Tòa sáng của Các nhà Đầu tư Toàn cầu vào ngày 11-1-2015, và có các cuộc hội đàm với các nhà lãnh đạo Ấn Độ trước khi thực hiện chuyến tham quan một số di tích lịch sử.

Ngày 16-1-2015, Thủ tướng Bhutan Tshering Tobgay đã viếng trung tâm hành hương Phật giáo Sarnath tại Uttar Pradesh.

Thủ tướng đã tham quan Bảo tàng Khảo cổ học Sarnath, nơi lưu

giữ những hiện vật khai quật tại di tích khảo cổ Sarnath. Sự thu hút chính của bảo tàng là một cột trụ A Dục Vương, biểu tượng quốc gia của Ấn Độ.

Tọa lạc cách thành phố Varanasi linh thiêng của Ấn Độ khoảng 10 km, Sarnath là nơi Đức Phật đã chọn để truyền dạy bài pháp giảng đầu tiên của Ngài.

(Big News Network – January 18, 2015)



Thủ tướng Bhutan Tshering Tobgay
Photo: en.wikipedia.org

ÚC ĐẠI LỢI: Sư giả lừa người dân Victoria và du khách

Melbourne, bang Victoria – Những kẻ giả mạo tu sĩ Phật giáo đang lừa người dân thành phố Melbourne và du khách, Bộ Người tiêu dùng đã cảnh báo.

Người ta đã thấy các sư giả cười chào người qua lại và cúi đầu trước khi xin tiền mặt để đổi lấy tràng hạt, bùa hộ mệnh hoặc sách hướng dẫn tâm linh.

Bộ trưởng Bộ Người tiêu dùng Jane Garret kêu gọi người dân bang Victoria phải cảnh giác nếu có kẻ ăn mặc như một nhà sư đến gần và xin tiền.

Các trò lừa bịp này đã được báo cáo tại Khu Kinh doanh Trung tâm và các khu du lịch nổi tiếng của Melbourne. Người ta cũng đã phát hiện những kẻ lừa đảo này lang thang tại các vùng ngoại ô, bao gồm vùng Sunshine và Preston. Một số sư giả cầm theo sổ để ghi chép tiền cúng dường và “chúc lành” cho người cúng dường.

Tăng sĩ Phước Dân của chùa Quang Minh ở Braybrook nói rằng theo giáo luật 2,500 năm tuổi do

Đức Phật truyền đạt thì chư tăng cấm không được xin tiền.

(Buddhist Channel – January 18, 2015)

PHI LUẬT TÂN: Hội Phật giáo Từ Tế biết ơn Đức Giáo Hoàng Francis

Manila, Phi Luật Tân – Hội Từ Tế, tổ chức Phật giáo quốc tế đang cứu trợ các nạn nhân của siêu bão Yolanda (Haiyan) tại Visayas đã bày tỏ lòng biết ơn đối với Đức Giáo hoàng Francis về “sự thương xót và cảm thông của ngài với người nghèo” – nhất là với những người bị thiên tai.

Hội Từ Tế đã cùng Đức Giáo hoàng làm từ thiện vì người nghèo tại Phi Luật Tân và hải ngoại trong 5 thập kỷ qua tại gần 90 nước, phát ngôn viên Rey-Sheng Her của hội phát biểu – nhân danh Ni sư Cheng Yen, người sáng lập hội.

“Chúng ta sẽ liên tục thực hiện việc này cùng nhau để thể hiện sự hòa hợp của các tôn giáo, và sức mạnh của tình thương và lòng từ bi với thế giới”, phát ngôn viên Her nói.

Đức Giáo hoàng Francis đã đến thành phố Tacloban ở tỉnh Leyte vào ngày 17-1-2015 để ủy lạo các nạn nhân của bão Yolanda, trận bão mạnh nhất trong lịch sử khiến hơn 6,300 người tại Đông Visayas thiệt mạng.

(Phillippine Daily Inquirer – January 19, 2015)

SINGAPORE: Bức tranh xuất thần về nhà sư hoàng tộc Bada Shanren

Gần 400 năm trước, khi triều đại nhà Minh sụp đổ dưới sự tấn công của các chiến binh Mãn Châu, một hoàng tử nhà Minh đã trở thành tăng sĩ để tồn tại. Già điên, kẻ lưu vong này đã trút nỗi đau khổ của ông vào những bức tranh mực và trở nên nổi tiếng với nghệ danh Bada Shanren, nghĩa là Sơn nhân của Bát Đại tộc.

Vào một ngày trong năm 2013, khi đang thiền định, họa sĩ Tan Swie Hian người Singapore nói rằng ông đã thấy nhà sư này. Là một Phật tử, ông Tan đã khắc axit trong khoảng 60 giây để đưa hình ảnh vị đại sư thế kỷ 17 này vào thế kỷ 21, trong tiếng sột soạt của mực Tàu trên giấy thông thảo. “Lúc đó tôi đang xuất thần”, họa sĩ tự học Tan, 71 tuổi, nói.

Vào tháng 11-2014, bức tranh “Chân dung của Bada

Shanren” đã bán được 20.7 triệu nhân dân tệ (khoảng 3.3 triệu đô la) tại một cuộc bán Đấu giá Quốc tế Poly ở Bắc Kinh, củng cố vị thế là họa sĩ còn sống đắt giá nhất tại Đông Nam Á của ông Tan. Họa sĩ đã phá kỷ lục của chính mình, vốn được lập vào năm 2012 khi bức tranh sơn dầu “Khi Trăng Tròn” – tác phẩm đầu tiên của ông bán đấu giá tại Trung quốc – đã bán được 18.975 triệu nhân dân tệ.

(tipitaka.net – January 21, 2015)



Bức tranh “Chân dung của Bada Shanren” của họa sĩ Tan Swie Hian
Photos: Su-yin Yap



DU TÂM LÃNG TỬ

HÓA THANH TÂN

Tôi cảm nhận cuộc sống đầy chật chội
Quanh quẩn trong ngục tối ao tù
Tháng ngày qua bao đau khổ âm u
Vội huyền cánh lià tan - quy tụ.
Tôi sẽ về với trời cao đất rộng
Nắng ấm ban mai và hoàng hôn rắng đỏ mây hồng
Như gió ngàn lồng lộng giữa thình không
Như cánh hoa nhẹ nhàng rơi xuống góc
Tôi sẽ hóa trăm năm thành một chốc
Dưới trời xanh tôi giốc hết tâm tư
Như nắng vàng rơi trên trùng khơi sóng nước
Như mây trời tha thiết lững lờ bay
Sẽ mãi mãi tháng ngày bất tận
Rồi một mai lại bỗng hóa thanh tân.



NÓI CƯỜI BÂNG QUƠ

Mai về lại thuở ban đầu
Dừng chân một buổi xanh dâu ngát trời
Nghiêng nghiêng con mắt nhìn đời
Lòng hoan hỷ lạ nói cười băng quơ.

MỘNG CÒN DỞ DANG

Thiền sinh tập tễnh quên đời
Ghé qua phố hội mắt ngời phấn son
Đêm trường chuông vọng trên non
Giật mình tỉnh giấc mộng còn dở dang.

SANH-DIỆT RONG CHƠI

Nhọc lòng tìm cõi vô sanh
Nào hay vô diệt như hành xuân mai
Buông lời khoan khoái nằm dài
Ô hay sanh-diệt bên ngoài rong chơi.

MỘNG ĐÁ VÀNG

Tàn canh lợi lả ngoài hiên vắng
Mê mẩn hồn hoa say dưới trăng
Đường trần loi lè vô tình khách
Hò điệp mang mang mộng đá vàng.

DU SĨ

Du sĩ thập phương si viễn xứ
Đa tình chi khách thậm tâm tư
Ngọc diện hàm hương hân ngã nhạo
Hà nhân trung mộng thị công dư.

HỖ HOAN

Niềm vui nho nhỏ mỗi ngày
Sống trong tỉnh thức người hay chẳng
người
Đường trần kham khổ hãy cười
Phút giây an lạc ấy đời hỷ hoan.

RONG CHƠI

Tôi đến nơi này một sớm mai
Rong chơi kể chuyện với muôn loài
Tình ơi khắc khoải trời phương ngoại
Đời lẽ rong rêu tựa thuở nào.

BÓN MÙA GIÓ TRĂNG

Bốn mùa trăng gió phiêu pha
Còn nghe thoang thoang la đà dư hương
Phù hoa hồn mộng phố phường
Chơi trong tứ độ nhớ đường vân du.

MỤC ĐÍCH CỦA THIỀN ĐỊNH

Lama Zopa Rinpoche

Cư sĩ Liên Hoa dịch

Chúng tôi muốn trình bày vài điều để giới thiệu cách thực hành thiền. Như đa số mọi người, từ người phương Tây đến người A châu, đều rất hâm mộ thiền định, bởi vì bị lôi cuốn bởi sự thực hành và đạt được nhiều lợi lạc từ đó. Tuy nhiên, dù rất nhiều người áp dụng thiền trong đời sống, nhưng chỉ có một số ít là hiểu được sâu xa mục đích của thiền.

Mỗi người chúng ta đều sở hữu một cơ thể vật lý được cấu tạo bởi xương, máu, thịt và những thứ khác. Tuy nhiên, bạn không hoàn toàn kiểm soát được cơ thể của mình, kết quả là luôn luôn nảy sinh nhiều vấn đề. Có thể bạn là người đàn ông giàu có với tích sản bằng của cả thế giới, nhưng dù có tài sản khổng lồ, nếu tâm trí của bạn bất an với một cơ thể không kiểm soát được, thì sẽ vẫn tiếp tục sống trong đau khổ. Cho nên, dù giàu hay nghèo, không ai trong chúng ta thoát ra khỏi vấn đề này. Dường như chúng ta không bao giờ tìm thấy được sự kết thúc của các khó khăn, vì vừa giải quyết một vấn đề này xong, thì sẽ có ngay một vấn đề khác thay thế. Các xung đột và bất hạnh liên quan với việc gìn giữ sức khoẻ cho thể chất vật lý của mình cũng có cùng vấn đề, dù là bất cứ ở đâu. Nếu bạn có tuệ giác để đi sâu vào tâm điểm của các vấn nạn và theo dõi các biến hiện, bạn sẽ nhanh chóng nhận thức được rằng tình trạng không như ý rất phổ quát và càng rõ ràng hơn nếu như bạn có một cơ thể bất an, sẽ không có cách nào để mà trải nghiệm qua các đau khổ liên quan đến.

Vấn nạn chính mà tất cả chúng ta đều có là sự khổ đau khi không đạt được các điều mong muốn, bao gồm những nhu cầu vật chất cần thiết như thực phẩm, quần áo cũng như những điều vui thích khi được danh tiếng, được nghe lời dịu dàng, ngọt ngào và các loại tương tự. Một số cảnh đau khổ, chẳng hạn như sự đói khát của người nghèo khổ, thì cụ thể hơn các điều khác. Tuy nhiên, dù nói sao, thì tất cả chúng ta không kiểm soát được lòng ham muốn đối với những thứ mà mình không có.

Lấy ví dụ nếu bạn may mắn được sinh ra trong một gia đình giàu có. Trong suốt cuộc đời của mình, chưa bao giờ trải nghiệm sự thiếu thốn vật chất, vì có đủ khả năng để sở hữu bất cứ những gì nếu muốn, hoặc tự do đi lại bất cứ nơi nào yêu thích, trải qua các niềm vui và hứng thú với các nền văn hóa khác nhau. Cuối cùng, khi bạn được tất cả các sở hữu vật chất, không còn biết nơi chốn nào nữa để du lịch, vui thú nữa... bạn vẫn mang trong lòng nỗi bất an, không thoải mái. Trong trạng thái khủng hoảng, không tri túc, nhiều người mang tâm bệnh, không



thể thích nghi hoặc chịu đựng được những cơn đau, bất hạnh dù thông thường.

Cho dù ngay cả khi cố đầy đủ tiện nghi vật chất, bạn vẫn cảm thấy khổ đau. Trong thực tế, càng sở hữu nhiều của cải, mà không biết tri túc, thì càng tăng thêm sự bất an vì không sao thoả mãn hết lòng tham, cũng như khi tài sản vật chất càng tăng, thì nó cũng không thể ảnh hưởng hoặc cắt giảm được gốc rễ của khổ đau. Do đó, khi lòng tham vẫn được nuôi dưỡng, thì sự bất an, lo lắng,

phiền muộn vẫn còn tiếp tục có mặt. Nếu sự tích lũy các tài sản vật chất có khả năng làm giảm bớt hoặc loại trừ được đau khổ, và có vài giai đoạn đem lại hạnh phúc vật chất, nhưng với tâm trạng bất an liên tục, trở thành nghiêm trọng và tất cả sự không thoả mãn sẽ chấm dứt. Bao lâu mà tâm của bạn vẫn gắn liền với một cơ thể bất an, thì đau khổ vẫn tiếp diễn.

Ví dụ, để bảo vệ đôi chân khi đi trên mặt đất gỗ gẻ và gai nhọn, bạn cần mang giày, nhưng đó đâu phải giải quyết được vấn đề, vì mang giày đôi khi cũng làm đau chân, khi ngón chân bị bấm, gây đau và thường khó chịu. Vấn đề chủ yếu không phải lỗi của thợ đóng giày, vì nếu bàn chân của bạn không dài, lớn hoặc nhạy cảm khi bắt đầu mang, thì nó có thể là giày dép thời trang hoàn toàn thoải mái. Vì vậy, nếu nhìn sâu vào vấn đề này, thì nguồn gốc của sự khó chịu không phải là bên ngoài, mà nằm trong cơ thể vật lý riêng của bạn, bị tinh thần chi phối.

Đây chỉ là một ví dụ điển hình của sự đau khổ trải nghiệm từ thể chất của bạn. Từ khi sinh ra cho đến khi qua đời, bạn đã hoang phí bao nhiêu là năng lượng lớn để cố gắng bảo vệ cơ thể tránh khỏi sự khổ đau. Thực tế, thì hầu hết mọi người dành tất cả thời gian để chăm sóc cho thể chất của mình đều không mang lại kết quả.

Nhưng mục đích của thiền định không chỉ đơn thuần là để chăm sóc thể chất, nên tránh áp dụng thiền theo cách này, vì thiền có mục đích cao quý, giá trị hơn. Áp dụng thiền định như một phương pháp khác bên ngoài để đem lại lợi ích cho cơ thể là vô nghĩa. Điều này dẫn đến việc lãng phí một phương pháp, mà cuối cùng chỉ đạt đến nguyên nhân chánh gây nên, nên chỉ giúp khỏi bệnh tạm thời. Dù được niềm vui ngắn và bớt cơn đau qua nhiều ý nghĩa nào đó, bạn không nên áp dụng thiền hoặc thực hành phương pháp tâm linh khác cho mục đích này hay là

lãng phí năng lực của thiền định cho cứu cánh hạn hẹp như vậy.

Yếu chỉ của thiền định là chăm sóc tâm, dù thân và tâm liên quan mật thiết và nối kết với nhau, nhưng lại có các loại hiện tượng hoàn toàn không giống nhau. Cơ thể là một đối tượng mà bạn có thể nhìn thấy bằng mắt, không thể nhìn thấy bằng tâm. Các thành viên cùng một gia đình, có thể chia sẻ nhiều đặc điểm tương tự như gương mặt, nhưng mỗi đứa trẻ theo bản năng sẽ có cá tính khác nhau như thái độ tinh thần, ý muốn và các sở thích. Do đó, dù là cùng học chung trường, thì trí thông minh và sự học của mỗi người cũng sai biệt, được truyền bởi cha mẹ và ông bà. Sự khác biệt của tâm như vậy không thể giải thích đầy đủ được bằng thể chất.

Cần lưu ý là có các trẻ em có những ký ức chính xác của đời sống quá khứ, như nhớ được nơi chốn sinh ra, cuộc sống lúc đó ra sao hoặc có thể nhận ra người quen, đồ vật của các kiếp trước. Các dữ kiện này là bằng chứng hấp dẫn cho bất cứ ai có ý muốn nghiên cứu về vấn đề này với cái tâm khách quan.

Trong mọi trường hợp, lý do căn bản của các năng khiếu tinh thần khác nhau giữa các người cùng một gia đình, và với ký ức xác thực về đời sống quá khứ, dĩ nhiên nói rõ rằng tâm thì vô thủy, nên kiếp quá khứ vẫn tồn tại. Trong khi bạn không có khả năng tinh tế để phân tích các dữ kiện ở đây những gì có và những gì không được cung cấp liên tục giữa cuộc sống hiện tại và tiếp theo, nhưng điều quan trọng cần lưu ý là: Như ký ức của bạn tiếp nối từ quá khứ đến hiện tại, do đó, cũng sẽ từ hiện tại qua đến đời sống tương lai. Tương tự, những hành động của hiện tại sẽ xác định tình trạng tái sinh của bạn trong đời sống tương lai. Cho nên, bạn có trách nhiệm với những gì gây ra để định hình cho đời sống hiện nay và các đời kế tiếp. Thật là quan trọng, để nhận thức rõ điều này, nếu như bạn khám ra ra được phương tiện hiệu quả để cắt đứt vĩnh viễn gốc rễ đau khổ của thân và tâm.

Chúng ta đã được sinh là một hữu tình, nên có khả năng làm cho cuộc đời mình có ý nghĩa và mục đích sống. Tuy nhiên, để đạt được hoàn toàn những lợi ích này, bạn cần vượt qua những bản năng thấp kém như loài động vật, bằng cách hoàn thiện con người và kiểm soát tâm, bạn có thể cắt đứt được hoàn toàn gốc rễ của mọi đau khổ. Trong khoảng không gian của một hoặc nhiều kiếp sống, bạn có thể giải thoát khỏi chu kỳ ràng buộc của cái chết và tái sinh, vì nếu không, chúng ta sẽ phải luân chuyển trong sanh tử nhiều lần mà không có bất kỳ sự lựa chọn hoặc kiểm soát, và phải trải qua tất cả các khổ đau do một thể chất bất an. Nhưng với các ứng dụng đặc biệt có thể phá vỡ sự luân chuyển không mong cầu này, giúp bạn giải thoát vĩnh viễn khỏi tất cả các đau khổ và bất như ý.

Tuy nhiên, để tránh cho bản thân mình thoát ra khỏi vòng luân hồi của cái chết và tái sinh là không đủ, vì vẫn không phải là con đường đúng là chỉ sử dụng các năng lực con người cho cứu cánh đó, vì bạn không phải là hữu tình duy nhất trải nghiệm khổ đau và bất như ý, nên mọi hữu tình đều chia sẻ



chung sự bất hạnh này. Cho nên, khi hầu hết các hữu tình đều thiếu trí tuệ- Tuệ giác- để tìm con đường đúng hầu đem lại sự chấm dứt khổ đau. Tất cả các sinh vật trên trái đất, không trừ một ai, đều dành tất cả cuộc đời, trong suốt cả ngày đêm, để tìm kiếm con đường vượt qua đau khổ, đem lại an vui và hạnh phúc. Nhưng bởi vì tâm trí bị che mờ bởi vô minh, sự tìm kiếm này trở nên vô ích, nên thay vì dẫn đến cứu cánh như mong muốn, lại chỉ gây thêm thất vọng và đau đớn. Bạn cố gắng loại trừ các nguyên nhân gây ra đau khổ, nhưng ngược lại, chỉ làm tiếp tục xa cách niết bàn, là chân phúc, chấm dứt hoàn toàn khổ đau.

Tất cả các chúng sinh đều mong cầu thoát khỏi khổ đau như chúng ta, nên nếu bạn nhận thức rõ ràng như vậy, thì có phải là vị kỷ không nếu bạn chỉ hướng tâm giải thoát và an lạc cho riêng mình. Do đó, bạn cần nỗ lực để cùng mọi người thoát khỏi khổ đau. Tuy nhiên, trước nhất bạn cần hoàn thiện chính mình để trở thành bậc tinh thức, thì bạn mới có thể chỉ rõ cho người khác, các con đường đúng (chánh đạo) dẫn đến chấm dứt thực sự đau khổ. Nói cách khác, bạn phải đạt được tánh Phật, mới có thể giúp người khác được giải thoát.

Ví dụ như bạn muốn đưa một người bạn đến một công viên xinh đẹp để cô ta vui thích, nhưng nếu bạn mù mờ không biết con đường nào đi đến đó, thì dù là bạn có ước vọng bao nhiêu thì cũng không đạt được kết quả. Do đó, bạn cần có tầm nhìn tốt và cần thiết là biết tường tận con đường đi đến công viên đó, trước khi có dự định dẫn bạn mình đến. Cũng tương tự, bạn cần thực chứng hoàn toàn tinh thức, trước khi phân biệt (chánh kiến) được con đường đúng để hướng dẫn mọi hữu tình, với trình độ (khế cơ) và tánh tình (khế lý) sai biệt, mới có thể chỉ dẫn được đến sự giải thoát khổ đau của riêng họ.

Vì vậy, khi chúng ta nói về mục đích thực sự của thiền định, là đang nói về việc đạt được giác ngộ, sự tỉnh giác giúp cho bạn và các hữu tình đều đi đến cứu cánh hoàn thiện. Đây là mục đích tối thượng và lý do duy nhất để thực hành thiền định. Tất cả các hành giả lớn và các đại sư thực hành Pháp trong quá khứ đều mang tâm nguyện duy nhất này. Tương tự, trong tất cả giáo lý của Đức Phật có hàng trăm loại thiền định khác nhau đều tùy thuộc vào sự lựa chọn và trình độ của chúng sinh, nên khi bạn thực hành thiền cần nuôi dưỡng trong tâm cùng một động lực.

Vì vậy, đời sống tâm linh rất cần thiết, nhưng bạn không bắt buộc phải thực hành vì các tác nhân bên ngoài ảnh hưởng, bởi những người khác, ngay cả Thượng đế, bởi vì bạn là người đang đau khổ, và chỉ có bạn chịu trách nhiệm để chữa trị căn bệnh của mình. Bạn lập ra các tình huống để tìm lại chính mình, và từ đó tạo ra các môi trường để cùng giải thoát. Dù là khổ đau có mặt trong đời sống, bạn cần làm cái gì đó để thay đổi thói quen thường nhật, đó là trở về đời sống tâm linh, nói cách khác là thiền định. Vì nếu không hướng vào bên trong để chuyển hoá tâm, thay vào đó, cứ đem năng lực giống ruồi theo các phóng ảnh bên ngoài trong đời sống, thì sự đau khổ vẫn luôn tồn tại. Đau khổ không có bắt đầu,

và nếu bạn không nuôi dưỡng đời sống tâm linh qua sự áp dụng thiền, thì khổ đau cũng không thể chấm dứt.

Tóm lại, thật là rất khó để thực hành Pháp trong một môi trường quá phong phú về vật chất, bởi vì điều này gây nên các phiền nhiễu ảnh hưởng đến thiền định. Tuy nhiên, gốc rễ của các loạn tâm không phải là vì tự môi trường, hay kỹ nghệ máy móc, thực phẩm hoặc các yếu tố khác tương tự, mà do từ trong tâm của bạn. Thật là ngạc nhiên một cách thú vị, vì trong chuyến viếng thăm phương Tây lần đầu của tôi, thì sự tiến bộ về vật chất có khả năng ích lợi trong việc thực hành Pháp và vài loại thiền khác nhau. Nhiều người thành tâm muốn tìm kiếm ý nghĩa của đời sống con người để vươn cao hơn các bản năng thường tình trong cuộc đời. Về phương diện này, tôi nghĩ rằng người khôn ngoan phải biết kết hợp với đời sống tinh thần trong sự thực hành hàng ngày, để có thể đem lại lợi ích sâu xa cho tâm linh cũng như sự thoải mái về thể chất. Đối với những người như vậy, cuộc sống sẽ chắc chắn không phải là một lời hứa rỗng.

Thực phẩm chế biến từ nhiều thành phần khác nhau có thể đem lại sự vui thích, thì nếu bạn có công việc làm hoặc có một số hoạt động hàng ngày, cùng cố gắng làm việc càng nhiều càng tốt vào việc hoàn thiện một con đường tâm linh, áp dụng Pháp, cuộc sống của bạn trở nên rất phong phú. Những lợi ích này do bạn trải nghiệm bằng cách kết hợp cả hai cách tiếp cận trong cuộc sống, đem lại lợi ích sâu rộng.

Có một sự khác biệt rất lớn giữa tâm, cảm thọ và kinh nghiệm của một người có sự hiểu biết về Pháp và áp dụng vào đời sống hàng ngày với những người chưa từng biết thực hành. Người trước thì khi đối diện với những những vấn đề khó khăn trong thế giới hiện tượng, do đã từng trải nghiệm nên trầm tĩnh và ít khổ đau, vì biết kiểm soát tâm và ứng xử vấn đề một cách khéo léo. Điều này không chỉ ứng dụng trong đời sống nhiều thử thách hàng ngày, mà còn đặc biệt khi lâm chung.

Nếu bạn chưa từng tham dự vào bất kỳ sự thực hành tâm linh hoặc chưa được rèn luyện tâm qua các kỷ luật thiền định, thì kinh nghiệm về cái chết có thể thực đáng sợ. Còn đối với người hành giả thực hành sâu xa về Pháp, thì cái chết chỉ như cuộc hành trình hứng thú trở về nhà, giống như đi đến một công viên đẹp để cắm trại. Ngay cả, dù người hành giả chưa chứng ngộ ở trạng thái cao nhất của thiền định, thì cái chết vẫn là một kinh nghiệm thoải mái, chứ không phải khủng khiếp, kinh hoàng. Người đó có thể đối mặt với một cái chết của chính mình, với tất cả những gì làm cho tâm được tự tại, chứ không bị hoảng hốt bởi sợ hãi, âu lo với những gì phải trải qua, hay đối với người thân, tài sản hay thể chất đều được bỏ lại khi lìa đời. Trong đời sống này, bạn đã có kinh nghiệm khi sinh ra đời, nay thì là tiến trình già nua, và đến cái chết chờ đón. Do đó, sự thực hành thiền có thể giúp bạn đối diện với các điều không tránh được với tâm tự tại. Như vậy, thiền thật sự lợi ích thiết thực, dù rằng mục đích của thiền còn là những gì cao quý hơn nhiều, mà người hành giả có thể thể nghiệm được.



Tóm lại, không phải hình dáng bên ngoài của thiền định là quan trọng, dù là bạn ngồi với đôi tay xếp chồng trên đôi chân được xếp bằng có chút kết quả, nhưng điều tối quan trọng là kiểm soát và tìm thấy được phương dược chữa trị được thực tế khổ đau. Thiền có giúp bạn loại bỏ những vọng tưởng che mờ tâm trí, cũng như giúp tỉnh thức, không còn ganh ghét và tham lam không? Nếu thiền giúp cho bạn giảm thiểu được tư tưởng tiêu cực, xấu trong tâm, thì thiền thật hữu ích, hoàn hảo, thực hành đúng và đáng giá. Còn như chỉ làm cho bạn tăng thêm bản ngã, có thái độ tiêu cực, thì đó là nguyên nhân khác của khổ đau. Trong trường hợp này, dù bạn cho rằng mình có hành thiền, nhưng bạn lại không hiểu và áp dụng hoàn toàn sai lạc Pháp.

Pháp thì hướng dẫn thoát khỏi khổ đau, xa lìa các vấn nạn, nên nếu thực hành thiền mà không đem lại kết quả theo hướng này, thì trong đó có cái gì đó sai lầm mà bạn cần quán chiếu, kiểm soát lại. Thực tế, thì căn bản hành thiền của các hành giả chánh pháp là khám phá ra những hành động nào đem lại khổ đau hoặc hạnh phúc. Sau đó, tránh các hành động gây nghiệp, làm các điều thiện. Đó là tinh túy thiết yếu của sự thực hành thiền.

Lời nói sau cùng, vì tất cả các bạn là những người bắt đầu thực hành Pháp, áp dụng thiền để kiểm soát tâm, bạn cần phải tìm đến đúng nguồn chánh pháp, cần phải đọc sách của những người thẩm quyền uy tín, nếu như có những điều nghi ngại, nên tìm đến những bậc thầy có đầy đủ sự nghiên cứu, hiểu rõ thiền giáo, thực chứng để hỏi. Điều này rất quan trọng, vì nếu bạn áp dụng thiền qua những sách vở viết bởi những người không hiểu rõ về thiền, hướng dẫn sai lạc, sẽ nguy hiểm cho cuộc đời bạn rơi theo con đường tà đạo. Cho dù tìm được đúng vị thầy, dù là đạo sĩ, Lạt-ma... thì vị thầy đó cũng phải chứng ngộ và thực hành pháp miên mật.

Khi thực hành thiền định, khai triển tâm, bạn không nên thu động, vì không có thể giải quyết được nội kết của đau khổ bằng cách mù quáng chấp nhận những gì mà một người nào đó, ngay cả một bậc thầy vĩ đại, dạy bạn phải làm. Thay vào đó, nên sử dụng trí tuệ bẩm sinh để kiểm soát và chấp nhận sự chỉ dạy này sau quá trình thực tập có hiệu quả, để bạn đủ chánh tín rằng lời giảng dạy có hữu hiệu, thực dụng, và sau đó, bạn nên theo để áp dụng. Như với y khoa, một khi bạn đã nhận thấy phương dược hợp lý có thể chữa trị bệnh của bạn, thì hãy nên dùng đến. Ngược lại, nếu bạn dùng bất cứ thuốc gì trong tầm tay của mình, sẽ đem lại nhiều nguy hiểm nặng nề hơn thay vì chữa trị.

Đây là đề nghị cuối cùng của tôi dành cho những người mới bắt đầu để hiểu về lợi ích trong nghiên cứu giáo Pháp và Thiền định. Đời sống có tâm linh rất cao quý. Tuy nhiên, ngay cả khi không thể thực hành giáo Pháp, thì sự hiểu biết cũng có thể làm phong phú và ý nghĩa thêm cuộc sống của bạn. Tôi nghĩ rằng đó là tất cả ý nghĩa. Cảm ơn bạn rất nhiều.

Cư sĩ Liên Hoa dịch

CON NGƯỜI ĐI TÌM THUỐC TRƯỜNG SINH

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



*Nhà Xuân vừa mở thọ diên,
Chén pha Giếng Cúc, bàn chén Non Đào.
(Nguyễn Huy Tự)*

Giấc mộng trường sinh, bất tử đã được ghi nhận từ thuở hoang sơ, khi con người còn ăn lông ở lỗ. Trong huyền thoại thần tiên, trong niềm mê tín dân gian, trong nguồn cảm hứng xuất thần của văn nhân thi sĩ hay luận lý của triết gia. Tân, Cựu Ước, kinh Koran cũng có nhắc tới nguồn nước trường sinh.

Nó là động lực thúc đẩy những nhà thám hiểm lặn lội đi tìm suối nước vĩnh cửu ở vùng đất lạ, cũng như là mục tiêu nghiên cứu của các khoa học gia xưa nay.

Nó đã tạo cơ hội làm giàu cho những lang băm, những tên lường gạt rao bán vệt trời giữa chợ với môn thuốc trường sinh bất tử.

Nó ám ảnh mọi người, mọi giống. Ai cũng mong mỗi sống mãi không già, thoát khỏi những tàn phá của cơ thể do thời gian, giữ mãi được những nét thanh xuân đầy nhựa sống. Ai cũng nghĩ là ở đâu đó, có môn thuốc mà khi uống vào ta sẽ thi gan cùng tuế nguyệt.

Trường sinh trong Triết học

Đi trước các dân tộc khác, người Trung Hoa xưa đã có một khái niệm, một triết lý về sự sống lâu.

Lão Tử từng quan niệm là nếu một sự vật có thể biến thành sự vật khác thì với con người, sự chết cũng có thể thành bất tử. Như con nòng nọc có đuôi kia biến thành con cóc, con nhái, con sâu róm lột xác thành con bướm. Đạo Lão cho con người sống là nhờ sự hoà hợp của âm / dương, nếu giữ được sự hòa hợp này thì cuộc sống kéo dài. Lão cũng khuyên người ta phải tiết kiệm sinh lực bằng tập phép hô hấp để tăng dưỡng khí cho não bộ, ăn nhiều trái cây, kiêng rượu, thịt và sống cho phải đạo.

Thuyết nền y học tây phương Hippocrates,



sống tới 80 tuổi, nhắc nhở con người nên từ từ, dung hòa ở mọi lãnh vực để giữ gìn nhựa sống.

Trường sinh trong huyền thoại

Huyền thoại Hy Lạp, Ấn Độ, La mã ghi lại nhiều giai thoại trường sinh thần tiên.

Nàng Eos yêu Tithonus hết mình, muốn cùng chàng bên nhau mãi mãi. Nàng xin Thần lãnh đạo Thiên Đường Zeus cho chàng được bất tử. Tithonus sống mãi, nhưng càng sống lâu càng trở nên đau yếu, bệnh hoạn và phải nuôi trong phòng riêng. Eos trở nên buồn, vì nàng đã quên không xin cho chàng vừa sống lâu vừa giữ được vẻ thanh xuân. Nàng đi kiếm người tình khác.

Người Ả Rập hay kể cho nhau nghe câu chuyện nhân vật quen thuộc El Khidr với Giếng Nước Vĩnh Cửu: Một hôm tình cờ El Khidr rửa con cá khô trong giếng nước, con cá tự nhiên quẫy động, sống lại. Không bỏ lỡ cơ hội, El Khidr nhảy xuống giếng tắm và trở thành bất tử.

Trường sinh với các nhà thám hiểm

Nhiều nhà thám hiểm cũng đã giương cờ đi khắp năm châu bốn bể để tìm thuốc trường sinh.

Juan Ponce de Leon, người Tây Ban Nha, đã lên đường thám hiểm Tân Thế Giới với hy vọng kiếm được thuốc hồi xuân. Ông ta đã già yếu, không thỏa mãn được cô vợ trẻ sung sức. Đồng thời ông ta cũng muốn kiếm thần dược dâng Quốc Vương Ferdinand II. Không kiếm ra thuốc, nhưng ông ta đã tìm ra tiểu bang phi nhiêu, hiện hòa Florida năm 1513. Ông qua đời vì vết thương bị nhiễm độc trong khi giao tranh với thổ dân gốc Indian vào tuổi 63.

Tần Thủy Hoàng Đế, sau khi gồm thâu lục quốc, dựng nên nghiệp Đế, muốn bất tử để trị vì trăm họ. Ông đã phái các phương sĩ Tử Phước và Lữ Sinh căng buồm ra Biển Đông tìm thần dược. Lữ Sinh, Tử Phước không tìm ra linh dược, nhưng đã lánh nạn và tìm được những mùa xuân bất tận cho nhiều thế hệ con cháu trên đất Phù Tang màu mỡ.

Năm 1498, Columbus tuyên bố là đã tìm ra miền vĩnh cửu ở dọc theo bờ biển Venezuela, gần đảo Trinidad.

Trường sinh với căn bản khoa học

Bên cạnh những ý kiến, dữ kiện khó tin, nhiều người đương thời đã có cái nhìn nghiêm túc hơn về sự hóa già và phương cách trì hoãn diễn biến này.

Tu sĩ dòng Franciscan kiêm khoa học gia Roger Bacon đã lý luận rằng con người già vì sự mất bớt nhiệt năng bẩm sinh. Nếu sống hợp lý cộng với thuốc men hiệu nghiệm, ta có thể trì hoãn sự mất mát này và sống lâu hơn. Ông ta hỗ trợ thuốc chế từ thịt rắn, tim hươu nai và một vài thảo mộc trong rừng ở Nam Phi hay nước san hô, ngọc trai. Nhưng phương thức



mà ông ta ưa thích nhất là hít sinh khí hơi thở của trinh nữ.

Người Do Thái khi xưa cũng tin rằng con gái là phương thuốc chữa bệnh tốt. Vua David, khi về già không được khỏe, cơ thể lạnh toát, đắp bao nhiêu chăn cũng không đủ ấm. Thần dân bèn đặt Người nằm cạnh những thiếu nữ với ý định là để chân khí từ thiếu nữ tiếp sức cho vua cha. Và Ngài khỏe ra.

Nhà luyện kim kiêm y sĩ Paracelsus của Đức, vào thế kỷ 16 đã tin tưởng rằng lão hóa là do sự thay đổi hóa chất trong cơ thể như sự rỉ sét của kim loại. Ông ta khuyên nên ăn uống cân bằng, sống tại vùng khí hậu ôn hòa và nhất là dùng những thuốc do ông ta chế.

Những thế kỷ kế tiếp, việc tìm kiếm phương thức trị hoãn sự lão hóa mang ít nhiều tính cách khoa học hơn và được thực hiện bởi nhiều nhà chuyên môn quan tâm đến vấn đề này.

Mùa thu năm 1885, Charles Ed. Brown Sequard, 72 tuổi, nguyên giáo sư Đại học Harvard, hùng hồn trình bày trước các học giả uy tín của College of France. Ông ta cho hay là đã lấy lại được sinh lực, thỏa mãn đòi hỏi tình dục của người vợ trẻ bằng cách dùng nước tinh chế từ ngọc hành loài chó. Ý giới mọi nơi vội vàng áp dụng môn thuốc này, nhưng hiệu quả không được như lời nói.

Sau Thế chiến thứ nhất, viên Y sĩ người Nga, Serge Vernof, sang Pháp và cấy tế bào ngọc hành cho nhiều người để tăng cường sinh lý.

Ở Mỹ, mấy năm sau, John Romulus Brinkley cũng áp dụng phương pháp này cho thân chủ, kiếm được nhiều tiền, mua đài phát thanh và ra tranh cử chức Thống đốc tiểu bang Arkansas.

Descartes, Benjamin Franklin, Francis Bacon, Christopher Hufeland ...với nhiều công sức nghiên cứu đều tin tưởng là sự lão hóa và sự tử vong sẽ bị khoa học khuất phục. Hufeland còn khuyên ta nên tránh sự tức giận, sự tự hủy hoại và coi chúng là kẻ thù của trường thọ.

Các nghiên cứu hiện nay

Jean Martin Charcot, Y sĩ Pháp, được nhiều người coi là cha đẻ của Lão-khoa-học, xuất bản cuốn sách đầu tiên về khoa này năm 1867 nhan đề Clinical Lectures on Senile and Chronic Diseases. Tác giả đề nghị nghiên cứu diễn tiến sự hoá già, nguyên nhân già, thay đổi cơ thể khi về già.

Bác sĩ Ignatz Leo Nascher vận động để các trường Y Khoa đặt trọng tâm vào việc nghiên cứu vấn đề liên quan tới hóa già

Sir Peter Medawar và Sir Mac Farlane Burnet là những người đầu tiên lưu ý tới ảnh hưởng của gene trong sự lão hoá.

Sau thế chiến thứ hai, tốc độ nghiên cứu về vấn đề già phát triển mạnh. Tờ báo uy tín Journal of Gerontology ấn hành số đầu tiên vào năm 1946 ở Hoa Kỳ.

Từ năm 1970, tại Mỹ, do sự đòi hỏi của dân chúng, các khoa học gia và chính trị gia liên kết thúc đẩy chính phủ trợ cấp nhiều hơn nữa cho việc nghiên cứu các vấn đề về lão hóa. Do sự ủng hộ tích cực của Thượng Nghị Sĩ Alan Cranston, cơ quan Quốc Gia Tuổi Già (National Institute of Aging) được chính thức thành lập năm 1976. Cơ quan này có ngân sách cao tới cả nửa tỷ mỹ kim và chuyên chú về các vấn đề liên quan tới người cao tuổi .

Ngày nay, trên thị trường thương mại, ta có thể kiếm được nhiều sản phẩm được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền về y khoa học, hoặc được con người bào chế và quảng cáo là có công hiệu trị hoãn sự lão hoá.

Các khoa học gia đang đi xa hơn trong công việc này. Họ nhằm vào việc thay đổi gene trong nhiễm thể tế bào, việc giới hạn tác hại của các phó sản trong biến hóa căn bản của tế bào.

Đi xa hơn nữa, họ nghĩ tới chuyện thay thế những bộ phận hư hao bằng bộ phận tạo ra do chính tế bào của mình, được nuôi dưỡng, cấu tạo trong phòng thí nghiệm hoặc trên bào thai, để tránh hiện tượng khước tử thông thường.

Kết luận

Trở lại với thực tại, ta thấy tuổi thọ con người đã tăng đáng kể trong hơn trăm năm qua.

Chừng nửa thế kỷ nữa, Hoa Kỳ sẽ có khoảng 75 triệu người trên 65 tuổi trong tổng số trên dưới ba trăm triệu dân. Tại các quốc gia khác, số người cao tuổi cũng tăng theo cùng nhịp độ. Đó là thành quả những tiến bộ tuyệt vời của khoa học cũng như sự thay đổi nhân sinh quan của loài người.

Tỷ lệ lão niên nữ sẽ cao hơn nam vì sống lâu hơn. Sẽ có nhiều cặp nhân tình đầu bạc sống chung để nương tựa, đầm ấm với nhau. Sẽ có nhiều trường hợp con cái dọn về ở với cha mẹ già để các cụ bớt đơn côi.

Và trong tương lai, khoa học nghiên cứu sẽ hướng nhiều vào việc "tăng đời sống cho năm tháng chứ không chỉ tăng năm tháng cho cuộc đời".

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com



MÙA XUÂN, NGƯỜI CAO TUỔI CẦN ĐỀ PHÒNG VIÊM PHỔI

BS Vũ Hương Văn

Vào giữa và cuối mùa xuân, nhiều khi trời đang nắng ấm bỗng gió mùa đông bắc tràn về, gây mưa rét. Do sức khỏe yếu, khả năng thích nghi kém nên người già rất dễ viêm đường hô hấp, dẫn đến viêm phổi. Điều nguy hiểm ở đây không phải là nhiệt độ quá thấp, mà là sự thay đổi đột ngột của thời tiết.

Trong các bệnh thường gặp ở người cao tuổi trong mùa xuân, cần đặc biệt lưu ý đề phòng các bệnh phổi. Biến đổi của phổi theo tuổi tác rất rõ. Tuổi càng cao, cơ quan này càng có sự lão hóa rõ rệt. Vách phế nang, mao mạch thường bị teo, mô tạo keo dần dần thay thế cho những mao mạch đã bị thưa đi, khiến cho không khí qua lại không được dễ dàng như lúc tuổi còn trẻ. Mặt khác, các triệu chứng bệnh ở người cao tuổi lúc đầu thường nghèo nàn, rất dễ bị bỏ qua, đến khi bệnh rõ thì đã muộn, khó chữa.

Bệnh phổi ở người cao tuổi dễ diễn tiến nặng hơn so với người trẻ. Có khi chứng viêm mũi họng nhẹ cũng nặng lên thành viêm phế quản; mà viêm phế quản người cao tuổi hay kéo dài, dễ tái phát và tiến triển thành mạn tính. Một số người cao tuổi vốn đang khỏe mạnh nhưng qua một đợt nhiễm lạnh đã bị viêm phổi; bệnh phát triển rất nhanh, gây suy hô hấp với các biểu hiện khó thở, thở nhanh và nông, mạch nhanh...

Để phòng ngừa, người cao tuổi nên tập thở bụng: nhúc nhích hai vai, thở nhẹ nhàng không phì phào, chậm rãi. Thốt bụng thở ra hết sức, khi bụng thót hết thì ngừng thở, cho bụng phình lên một cách tự nhiên nhẹ nhàng để thở vào; khi bụng phình lên hết, ngừng một lát rồi lại thở ra. Làm 4-5 phút như vậy rồi nghỉ. Ngày tập 5-7 lần hoặc nhiều hơn càng tốt. Khi ngồi, nằm hay đứng đều tập thở được. Khi đã tập thở quen rồi thì có thể tranh thủ tập thở ở mọi nơi, mọi lúc như khi ngồi chờ tàu xe, ngồi nghe nói chuyện, xem tivi...

Ngoài ra, người cao tuổi không nên làm việc gì quá sức; tránh để cơ thể nhiễm lạnh, không bắt chợt ra nơi lộng gió, nhất là khi người đang ra nhiều mồ hôi. Cần thận khi phải ra vào những nơi có máy điều hòa nhiệt độ để không bị nóng lạnh đột ngột. Những hôm lạnh ẩm, gió nhiều, nên hạn chế tối đa việc đi ra ngoài. Cần sống trong bầu không khí trong lành ít khói, bụi... Nếu bị viêm đường hô hấp trên, phải đi bệnh viện khám và dùng kháng sinh đủ liều lượng để điều trị cho khỏi hẳn bệnh.

(Nguồn: Sức Khỏe & Đời Sống - www.ykhoa.net)



Đọc báo ngày Chủ nhật

NGUYỄN VĂN SÂM

Nhơn day ra sau *pot-ba-ga* kiểm coi cách ngồi của Thương Thương an toàn chưa. Sau khi thấy con bé đã vững vàng, không có chút chéo áo lai quần nào ở gần đây *xên* hay về xe lại còn cười như để nói con biết cách ngồi xe đạp mà, anh mới nhấn mạnh *pê-đan*. Chiếc xe tuy cũ nhưng đồ đạc vẫn còn tốt khiến hai cha con đi đoạn đường qua bên chợ sáng Chủ Nhật nào cũng đầy hứng thú.

Gió mát lạnh, sương sớm chưa tan, mấy tàu lá chuối trong xóm nhà xa xa phất phơ nhẹ. Đường qua mấy cánh đồng mía bạt ngàn, gió thổi rì rào như những bản nhạc hùng. Thường Nhơn dặn con kéo nón xuống che mặt kéo rui có tàu lá mía nào đó chơi trác thò ra xa cắt vô mặt, vô mắt thì khổ suốt đời.

Lần nào cũng vậy, mặc dầu thấy xe đạp chạy trên đường cách xa tàu lá mía cả sải tay nhưng Thương Thương nghe tí biểu thì làm theo không bao giờ lý sự tới lý sự lui.

Thầy Nhơn hỏi đồ con:

‘Con biết trong mình mình cũng có lá mía nữa không?’

Con nhó nhanh nhẩu:

‘Tía ơi con biết. Cô nói lá mía là lá lách đó, có hình dạng giống giống lá mía thiệt nên người ta kêu bằng lá mía cho dễ nhớ. Lá mía chế ra các chất giúp sự tiêu hóa đồ ăn được dễ dàng.’

Tôi nghe nó trả lời quá hơn điều mình muốn nó biết thì làm thinh, tôi không muốn khen dỗi, sợ nó hãnh tiến. Con người tự tin thì được, tự hào đến hãnh tiến thì sẽ làm khổ mình và làm khổ người khác trong những phán đoán và hành động độc đoán sau này. Tôi thường làm thinh hay âm ừ, có khen vài ba lời thì cũng vừa phải rồi chuyển sang nói chuyện khác.

Đâu chừng một chập không lâu, Thương Thương kéo áo tía nó, nói như là những ý tưởng về lá mía chập chờn trong đầu, giờ mới bùng ra:

‘Lá mía mình ăn ngon lắm tía ơi. Bữa nào tía mua cho con ăn lá mía nha tía, con thêm lá mía. Cô con nói lá mía ăn để

nhai mà lại bù bù. Với lại ăn gì bổ nấy. Ăn lá mía heo bổ ruột gan người, không sinh bụng vì thức ăn khó tiêu.’

Tôi âm ừ:

‘Chừng nào tía thấy họ bán tía mua một miếng lá mía heo cho con ăn. Lá mía heo ăn thì ngon, lá mía bò thì ngán lắm. Nhưng mà cô con nói cho dễ hiểu thôi, không phải ăn gì bổ nấy đâu con. Nhứt là những món thuộc về đồ lòng, ăn nhiều thường là không tốt cho sức khỏe.’

Rồi tôi lảng sang chuyện thực tế:

‘Cái cầu này hơi cao, tía rún sức đạp mạnh mới qua được, con ngồi đứng ngã nghiêng, nắm cho chắc yên xe hay ôm tía cho chắc.’ Tôi thường dặn câu này mỗi lần lên cầu, bận đi cũng như bận về.

Rồi nhón mình đạp. Ngực và lưng chồm lên phía trước, có khi cả mình mấy đều hống lên khỏi yên xe. Mấy chiếc xe gần máy chạy vụt qua nhiều khi gần đụng cha con tôi khiến con bé hết hồn. Nhiều khi va quệt nhẹ với tiếng máy nổ inh tai làm tôi chết điếng, loạng choạng. Con trai mới lớn sao coi đời như không, biểu diễn sự cố mặt của mình làm rộn xương sống người chung quanh vậy cả?

Vô tới đầu chợ thì khung cảnh đã đổi thay thấy rõ. Mua bán nhộn nhịp, nhà cửa san sát, tiếng chào mời rộn ràng, một vài tiệm mở cửa hàng chậm, kéo cửa sắt nghe ren rết ề rảng. Một người đàn bà ngồi trước hai thùng tôm khô đỏ ối, một tay xốc xốc tôm sửa lại thùng hàng của mình, một tay chỉ mơ hồ về phía Nhơn, nói với bạn:

‘Kìa! Người nuôi con như tình, người yêu lý tưởng của bà tới kìa.’

Nhơn nghe rõ mồn một, chắc con bé cũng nghe. Anh liếc mắt về người tình không chơn dung của mình. Cũng được chứ, không xấu. Coi bộ trẻ trung và hiền, đôi mắt



(Hoa lục bình, ảnh Ngọc Anh 6875)

đẹp của người có chút máu Miên nhiều đời. Nhưng mà sao tôi không có một mơ ước nhỏ nhoi nào về chuyện được làm thân với dung nhan đó, đôi mắt đó.

Sau khi gỡ Thương Thương và cái xe đạp cho người bán báo nói rằng mình đi chừng năm phút Nhon đi thẳng tới chỗ người bán tôm khô khi này. Đôi mắt bây giờ đã không còn ở chỗ cũ.

Anh ngồi xuống cười thân với thiếu phụ bán tôm khô:

‘Chị ra hàng sớm ha, bán lẽ được thì cho tôi mở hàng *một trăm cà ram*. Tôi mở hàng bán đặc tới chấy hàng luôn đó!’

‘Thầy giáo muốn mua *một lạng* hả?’

Nhon chỉ gật đầu. Anh đi ứng với những từ ngữ mới. Cách nói của ông bà mình ở vùng cực Nam này đương trên đường bị tiêu diệt dần dần, anh muốn nó sống còn được chút nào hay chút nấy. Chạy tránh mớ từ ngữ vay mượn của nước này để lượm mớ vay mượn ở nước khác thì cũng vậy thôi, hay ho gì đâu nà?

Trả tiền cho người bán hàng, trước khi dõm căng bước đi anh nói nhỏ nhỏ vừa đủ hai người nghe:

‘Bé Thương Thương rất tội nghiệp, không có cha, ông bà ngoại thì lãnh lảng, mẹ bé phải đi kiếm sống xa. Tôi muốn bé không mặc cảm bị bỏ rơi. Tôi coi mình như cha ruột bé. Không biết mình là con nuôi thì bề hồn nhiên đời tuổi thơ hơn, khỏi mặc cảm này nọ, lớn lên lại thông minh và dễ thân thiện.

Nhon cố gắng tìm từ ngữ nhẹ nhàng và cách nói tế nhị để chặn đứng miệng lần lưỡi mới.

Người đàn bà muốn phản ứng nhưng nghĩ sao lại làm thinh như nhận lỗi. Hi vọng những xăm xi nhờ vậy sẽ bớt đi... Người đời chính thiệt không hẳn đã có tâm địa xấu nhưng cái tội nghiệp là thích được coi như *người biết nhiều* nên phát biểu lung tung về thiên hạ sự.

Nhon về tới chỗ bán báo thì thấy đôi mắt đẹp đương trao cho Thương Thương gói gì đó bọc trong tờ lá chuối xanh tươi. Không đợi hỏi, cô ta giải thích:

‘Thấy con bé dễ thương quá nên mua cho bé mười ngàn bánh chuối vậy mà. Bé không dám lấy, nói tía dạy không nhận đồ cho của bất kỳ ai. Phải đợi tía cho phép mới được lấy. Đầu thầy cho phép coi. Cặp mắt bé thèm thưỡng nhưng tay co lại sao mà tội nghiệp quá chừng chừng!’

Biết rằng đôi mắt đẹp kia

chỉ muốn *mượn* *đò* *qua* *sông* *thôi*, tôi nói nhỏ nhẹ với Thương Thương:

‘Thôi nhận đi con!’

Con bé nhận, khoanh tay cảm ơn người cho và cảm ơn tôi không cần đợi nhắc tuồng.

‘Tôi biết thầy Nhon nhiều. Người xóm Cồn Cọc bên đó kêu bằng Kỳ Nhon. Lúc trước đứa em tôi học trong lớp của thầy, tôi có vô lớp xin phép cho nó về sớm một lần nên biết thầy.’

Tôi thấy mình nên đi về, cô này nếu để cho tám tự do thì sẽ tám tới chiều, có thể chấy màn nhĩ không chừng. Tôi hỏi cho có trong khi quay đầu xe ra hướng đường cái:

‘Em cô chẵn là đã lớn xôn rồi, bây giờ em công tác ở đâu?’

‘Nó mất rồi thầy à. Đi bộ đội, bị súng ruột dư, chở tới nhà thương không kịp. Bây giờ nhà chỉ còn má tôi với tôi thôi. Bữa nào thầy ghé nhà chơi. Xóm An Phú ai cũng biết, cô Hai lò bánh mì!’

Tôi nói lời chia buồn muộn màng rồi đạp xe về quán nước chị Ba Lành, chỗ tụ họp của chúng tôi mỗi buổi sáng.

Tôi giao cho bàn thắng Hạnh, thắng Năm, thắng Hai Nở tờ Th.N., còn tôi coi tờ T.Tr.. Thường thì có bác Hai Sự ngồi bàn tôi, nhưng sao bữa nay không thấy. Hai tờ báo tuy khác tên nhưng mà cùng một nội dung, có thể nói là hai tờ báo anh em ruột. Tin tức thì giống nhau như đúc, có khi văn viết y chang từng đoạn dài. Chúng tôi Chủ Nhật nào cũng chơi trò đọc báo. Hai bàn, mỗi bàn nghiền ngẫm hết tờ báo của mình, sau đó người bên bàn bên kia đọc một cái tựa lớn tờ báo của mình, người bên bàn nọ tán rộng tán hẹp tiếp theo. Thường thì bàn đối thủ không bí vì tin tức cũng từ một lò. Vả lại cứ bàn là bàn, không cần đi vô chủ đề, không có trọng tài, cũng không phải bàn luận để tranh thắng nên chuyện cũng dễ.

Hôm nay có nhiều tin hay: Nước Việt Nam được một cơ quan quốc tế chấm là nước mà người ta thích đến trú ngụ thứ nhì trong mấy chục nước của vùng Á Châu. Thắng Năm Xúa chỗ mô nói tiếp vanh vách lý do được bầu chọn rồi nó lại bình luận rồi nui nào là người nước khác thích ở vì tiền của họ đến đây trở nên cao giá, mua được



nhiều hơn bên xứ của họ. Con gái ở đây lại đẹp và rẽ như bèo. Bỏ ra năm chục *đò* thì có một cô vừa trẻ vừa chịu tới bến, phục vụ từ A đến Z. Tôi phản đối nói mầy đừng có xuyên tạc thì nó cười hô hô nói Kỳ Nhon ở nhà quê Cồn Cọc có biết cái khi khô gì đâu! Nó vô ngục xưng mình có mấy năm giang hồ nên chuyện đó rành sáu câu. Tôi chịu thua nín thinh cho qua truông.

Tin nóng tiếp theo. Một tàu đánh cá Việt Nam hành nghề ngoài khơi đảo Hoàng Sa bị tàu lạ bắt, lấy hết cá đã lưới được, đánh đập tàn nhẫn thủy thủ đoàn và đục tàu lủng một cái lỗ bự xôn. Cũng thắng Năm Xúa nói hốt tiếp: Thuyền trưởng nói thiệt hại 200 triệu. Chánh quyền địa phương kêu gọi cố gắng khắc phục khó khăn và khuyến khích ngư phủ có tàu nên *bám vững biển*... Nói tới đây nó cười hô hô lần nữa, đưa hai hàm răng vừa mất trật tự vừa hự, đen của người ghiền thuốc nặng. Chuyện tàu đánh cá thì thắng Phong, con bà bán cá vô viên nói là không phải *tàu lạ* mà là *tàu bạn*. Nước của họ là nước bạn của mình, chuyện này không nói ai cũng biết. Nhưng mà không thấy tàu họ tương cỡ nên báo chí phải nói là *tàu lạ*. Câu chuyện tàu lạ, tàu Trung Quốc, tàu bạn kéo dài lang mang qua tới chuyện hai nước sắp có đánh nhau vì dàn khoan dầu của họ đặt tuốt trong lãnh hải của mình hơn một tháng nay. Mà đánh nhau thì có thể là Mỹ sẽ giúp Việt Nam bắn hỏa tiễn cho Trung quốc vì nó đã bán cho mình tàu ngầm mấy cái, chẳng lẽ để cho mình thua coi kỳ quá. Tới đây thì ôn thiệt sự. Kề nói sợ chiến tranh gây chết chóc đau thương, thắng nói đánh cho chết mẹ nó hết, chứ sống sao mà khổ mà nhục quá. Không có công ăn chuyện làm gì cho ra hồn, tối ngày cà nhong rồi về nhà ăn mắm hút dòi. Thắng Năm con bà bán bánh xèo đứng dậy phạch ngục đưa mấy cái be sườn số tám nói là nếu có Mỹ qua giúp thì nó xung phong đi Biệt Kích liền. Chuyện tới đây tưởng xong, ai dè thắng Hạnh

con bà bán cháo cá đêm nói là Biệt Kích Mỹ dờ bỏ mẹ, tụi nó ngu lắm, bỏ mà cứ chổng dít cao nghều, bị tia trốc dái là thường. Biệt Kích Việt Nam Cộng Hòa mới ngon lành. Ba nó hồi đó sợ Biệt Kích nhứt hạng. Tôi cãi Mỹ ngu sao họ là nước mạnh nhứt trên hành tinh. Nó nói mạnh thì mạnh, nhưng ngu vẫn ngu, người ta làm giầy tờ giả, ghép hộ, khai giả con, sang nhượng con lai, mua giấy đoàn tụ để được đi qua bên đây trời. Tôi hỏi nước nó là nước của người ngu sao VN mình đại gia, quan lớn nào cũng muốn cho con cái qua đó ở, tôi còn nói con gái của họ Tập đương học ở trường danh tiếng của Mỹ dưới một bí danh là tại làm sao, tụi nó ậm ở... Một hồi lâu lắm mới có thằng Nghĩa, bà con của Hai Trọng nói là Mỹ khôn sao không làm gì trước đó để cứu con tin của mình là Pi-tơ Cát-xích gì đó để anh ta bị tụi Nhà Nước Hồi giáo chặt đầu dĩa man?

Lần này thì tới tôi ậm ở, bởi vì biết cãi sẽ không cùng. Người ý này người ý khác, không ai chịu ai. Tôi đọc một hơi hết ly nước trà đầy nhóc rồi ngồi làm thình đọc những tin xe cán chó, vợ giết chồng chồng giết vợ, sinh viên cắt đầu bạn gái, yền hùng quá xiể, giứt bóp xách, nhót di động, triều cường ngập thành phố sau cơn mưa, người đương yêu đời bỗng nhiên rú rê nhau vô đồn công an tự tử...

Tới phiên tôi nói:

Quốc Hội thảo luận về sự tín nhiệm 50 nhân vật quan trọng. Sẽ bỏ phiếu tín nhiệm cao, tín nhiệm vừa và tín nhiệm thấp để xét mức tín nhiệm của Quốc Hội đối với các vị đó. Đây là phiên họp quan trọng tầm cỡ quốc gia, họp kín, ký giả không được phép dự.

Thằng Năm Xưa la nên giọng chán nản:

'Thầy chạy!'

Tôi nói:

'Mầy phát biểu rõ ràng hơn, chớ *thầy chạy* mơ hồ quá làm sao bà con hiểu.'

Nó đứng dậy đội nón lên đầu:

'Hồng huấn! Về! Còn lo cho hai đứa con sửa soạn đi học. Với lại sớm mơi giờ chưa *đi sông*.' Rồi nó te te đi về, thiếu điều phải dít như mấy chị đàn bà tuổi xế chiều bỏ đi khi nghe một câu nói chỏi ý để khỏi gây lộn. Mọi người ngó theo nó lặc đầu.

Thương Thương giúp chúng tôi ngưng làm 'bình loạn gia' và 'tiên tri gia' khi kéo tay tôi hỏi thùng rác đâu để bỏ mấy miếng

TÌM CẦU

*Đi tìm mãi cái tinh cầu sáng chói,
Chiếu soi tan bóng tối phủ trần ai.
Ngoài trời mênh mang, gió về tâm hướng,
Liệng mình vào mong đạt thể Như Lai.*

*Đeo đuổi miệt mài, dụng công toàn lực,
Trấn áp loại trừ, đối kháng triền miên...
Ma phiền não vẫn chấp chờn vây hãm,
Quý vô thường cứ khuấy động đảo điên.
Phiền muộn chưa đi, chương mê dẫn đến,
Đánh phá toi bời, tâm địa không yên.
Như thuyền lênh đênh tìm bờ an trú,
Giữa dòng xuôi ngược, trôi nổi lạc loài.
Hao mòn khí lực, thân xác mệt nhoài...*

*Dừng lại! Quay về
Nhìn lại! Nhìn sâu...*

*Ô kìa sáng chói
NÓ ĐÁY RỒI!*

Bất động. An nhiên.

Bình yên. Vô sự.

Buông sạch hết cái nhiều nhưng giả tướng,

Bừng hiện CHÂN TÂM tỏ rạng tinh khôi.

Từ lâu ra ngoài ruổi rong tìm kiếm,

Tự bao giờ NÓ sẵn trong ta rồi.

Tĩnh lặng. Đơn thuần. Thanh tịnh.

Thường hằng. Bất diệt. Vô sinh.



thơ

CHÂN MINH TRÍ

lá chuối. Bà chủ quán la lớn:

'Thì quảng đại ra sân đi! Mệt với nhỏ này quá! Lát nữa chị Lặng quét cho. Sân tao chớ bỏ nhà mầy sao mà không dám liệng?'

Con nhỏ đau khổ ngó tôi, không biết làm sao cho đúng. Tôi nói ngoài sau chỗ sân nước thể nào cũng có thùng rác, nếu không có thì con cứ để trên bàn này khi về tía đem về bỏ vô thùng rác nhà mình.

Thằng Hạnh khen tôi dạy con đúng cách rồi nó chuyển sang thuyết giảng về cách dạy con của người Nhứt, người Hàn, người Do Thái, người Đức..., họ cẩn thận từng ly từng chút để trẻ con lớn lên trở nên công dân tốt, thành đạt trong xã hội. Giọng nói của nó chứa đầy vẻ khâm phục, tiếc rẻ là người mình không biết

cách dạy con nít như vậy. Giọng nói của thằng Hạnh rành rọt như là nó đi bên đó về, hần hái như là người quyết tranh đấu cho một chương trình cải tiến giáo dục từ căn bản ...

Tới đây thì không khí trầm lắng xuống. Mọi người đều ngó mông lung, in như là thấy trước một viễn tượng về thiên đường của một nước nhà rực rỡ với lớp người mới được đào tạo đúng cách, theo bài bản để thúc đẩy nước nhà tiến bộ...

Thấy mình được khen, Thương Thương vui, nháy cò cò quanh sân một lúc lâu trở lại bàn tôi kéo tay tôi, nói:

'Tía ơi! Bạn con nói mẹ bạn giải thích rằng tên tinh Sóc Trăng của mình là do đêm *trăng* sáng ở đây có nhiều sóc ra nhày múa rồi kiếm thức ăn rất là vui vẻ. Nhưng

mà sao con có thấy con sóc nào đâu?’

Tôi mỉm cười nhẹ nhàng vuốt tóc bé:

‘Chắc là mẹ bạn con giải thích cho có vẻ đẹp và dễ nhớ khi tụi con còn quá nhỏ đó thôi. Đúng ra Sóc Trắng là tiếng trại âm của Srôk Kh-leang tiếng Miên có nghĩa là hầm bạc do tương truyền ngày xưa vua Miên chôn bạc ở đây. Vùng đất này người Miên ở trước nên có địa danh bằng tiếng nước họ. Người mình sau đó tới ở nhưng địa danh vẫn được giữ như cũ, chỉ nói trại đi chút xíu cho dễ nghe, để nhớ thôi.’

Con bé ‘tối luôn’, chứng tỏ mình nhớ dai:

‘Cũng như hồi đó tía nói cù lao Dung là tiếng nói trại của cù lao Vun. Vun là bồi đắp lên cho cao. Ban đầu cù lao nhỏ và thấp, đất bồi vun lên từ từ ta có cù lao Dung bây giờ. Con nói chuyện này với cô, cô khen quá xá.’

Con bé khoe rồi không đợi tôi khen như mọi khi, bỏ đi nháy cò cò tiếp, một chùn nó cong lên, chùn kia nhảy lóc cộc còi dễ thương đảo đảo! Tôi vui vì cái kết quả công lao chăm sóc tinh thần con bé thì ít mà hãnh diện vì ảnh hưởng của mình trong cách dạy con thấy được qua bao nhiêu ánh mắt khâm phục của người trong quán thì nhiều. Buổi đọc báo này coi như một sáng Chủ Nhật tốt đẹp của tôi.

‘Anh Hai coi bông lục bình kia! Đẹp mê hồn không? Màu tím sang trọng vượt xa bất cứ bông mắc tiền nào mà lại dễ kiếm.’

Một tay xách cái thùng phân rác ừ, một tay Nhơn bóc bỏ vỏ ẻm ẻm mấy gốc xoài, gốc khế, nghe tiếng tôi anh để thùng phân xuống, khoát nước trong lu ở mái hiên rửa tay rồi chùi vô quần, ngồi xuống bên tôi. Anh chờ đợi tôi nói thêm. Tôi làm thinh, theo dõi đám lục bình, miên man theo dòng suy nghĩ.

Phải! Tôi biết là bông lục bình dễ kiếm, chỉ cần ra bờ sông trước mặt, tới một con rạch cạn, hay ngay cả một ao tù nước đọng trong xóm nhỏ cũng thiếu giống gì! Như tụi con gái sần sần cỡ tôi ở đâu lại chẳng có? Cù lao Dung này là vùng quê mùa mặt hàng mà người đẹp hơn tôi chút đỉnh thì muốn trồng. Tôi nhấn mạnh tiếng để *kiếm* để nhấn nhẹ xa gần là anh coi thường tôi.

Nhơn chưa kịp trả lời thì tôi ngâm nga nhỏ nhỏ: ‘*Hoa tím nay*



thành hoa cổ nhân....' Rồi tôi chụp bàn tay anh bằng hết hai tay mình, bóp mạnh, mắt nhìn tha thiết vô mắt anh.

Nhơn ngỡ ngàng nói tôi, cười cầu tài rồi nhẹ gỡ tay ra, vỗ một cây sào dài kể bên khều lại một dễ lục bình có bông, ngắt một chùm mạnh mẽ nhứt đưa tôi.

Ngày xưa đi chơi chúng tôi chỉ ngắm thôi, tôi chưa từng được anh tặng bông lần nào. Bây giờ!

Tôi cảm động tới ứa nước mắt, đưa tay nhận chùm bông quê mùa, lòng rộn rã khắp ngàn lần những lúc ông Chung tặng tôi những bó bông mắc tiền cắt tia cầu kỳ. Mấy giọt nước quê hương thơm mùi sông rạch đọng trên cành lá cùng những giọt sương bé bỏng ẩn náu trên kiến hoa mong manh tím tím rớt trên cánh tay tôi mát lạnh... Anh Nhơn đưa mu bàn tay mình nhẹ nhàng, trân trọng lau qua lau lại. Tôi ngập tràn hạnh phúc với cử chỉ đó. Nhơn đính chánh lời ca: ‘*Hoa tím là hoa kỷ niệm, ở trong trí, trong tim, không bao giờ tàn, chẳng phải là hoa cổ nhân.*’ Nhơn chú ý đến từng cử chỉ, từng lời nói của tôi. Vậy là anh còn yêu tôi. Chắc chắn như vậy. Tôi nói: ‘*Bông lục bình trôi dạt, bọt bèo như đời em xiêu ngã.*’ Anh lại sửa: ‘*Bông lục bình đem cái đẹp đến nhiều chỗ trên sông nước. Mong em cũng vậy. Sự ra đi sắp tới đem đến tốt đẹp cho em, cho Thương Thương và cho nhiều người khác.*’

Tôi nói hốt, vừa dựa vô vai Nhơn:

‘*Chắc chắn chỉ vài năm thôi, khi có quốc tịch rồi em sẽ bỏ ông ta, về cưới anh đem qua đó...*’

Nhơn hai tay bịt mạnh hai bên má tôi, kéo lại sát mặt anh, gần giọng: ‘*Em bé, Đừng bao giờ có ý tưởng này. Bất cứ sự bội bạc nào đầu mục đích gì cũng đều không tốt. Người ta đem mình qua bên đó, chưa chi đã tính tình phụ thì mình là thứ gì chứ? Anh không muốn nghe những tính toán như vậy, đầu là có lợi cho anh. Nhớ kỹ nha: Anh không mượn em làm chuyện đó. Thà ở xứ quê mùa, bất như ý nữa cho tới chết cũng được!*’

Hai mắt sòng sọc của anh làm tôi điếng hồn mất thính, giàn dụa. Với tôi Nhơn là người tình đã đành còn là Anh Hai nữa, tôi là đứa em nhỏ nhít, sợ uy anh và kính nể anh, tôi làm gì mà anh cho là trái thì sợ hết hồn.

Tôi không muốn, nhưng không tự chế được, mắt mù đi đâu, như sau một cơn khốc dài đau khổ. Anh sợ tôi buồn nên nhỏ nhẹ lại:

‘*Nên cố gắng sống hạnh phúc với ông ấy. Chuyện của mình đã qua cho nó thành dĩ vãng luôn. Đời nên sống đúng đạo lý. Đúng đạo lý thì cái tâm mình sẽ yên tĩnh, đi đường sẽ ngẩng mặt lên nhìn người xung quanh không mặc cảm....'*

Tôi biết tánh anh khác tánh tôi như trắng với đen. Tôi thực tế và bắt nạt cơ hội khi có dịp. Nếu không ngoá xa và suy đoán để chụp bắt cơ hội thì sau hai năm lên trên đó chưa chắc tôi được gì ngoài cái thân tàn ma dại lết bằng mô bò bằng mùng về đây. Anh lý tưởng và thẳng thắn. Bao nhiêu năm dạy học, bao nhiêu năm làm Hiệu trưởng mà vẫn chỉ đủ ăn, may là vợ con chẳng có.

Hồi còn sống, thấy tôi quần quít bên anh, bà ngoại tôi thường nói với má tôi: ‘*Bé bù lu thế hủ.* Con chị đi rồi thì thế con em. Kiểu này không bao giờ lâu dài. Bây coi sớm mà càn cộn Quê không thôi sau này nó khổ...’ Bà nói đúng, chúng tôi chưa kết hợp đã khổ trăm bề. Ở trên đó mà nhớ những kỷ niệm 7, 8 năm về trước khi mới lớn, khi mới phóng thân bạt mạng vô tình yêu, bất kể trời xập bể đầu, nước dâng ngập mũi. Bây giờ hai đứa hai đường mà hồn tôi thả về quanh quẩn bên xóm Cồn Cột của anh, khi Chung gần gũi tôi chỉ biết nhắm mắt kêu trong tâm trí Nhơn ơi!

Tôi dềnh dàng kéo dài chuyện làm cá nấu canh. Có mấy con cá kèo nấu canh chua bỗng điên điên mà tôi làm cả buổi. Có

hai chén cá bống trứng muốn kho tôi hỏi tới hỏi lui tiêu hành ớt tôi khiến bé Thương Thương ngó mệ lạ lùng.

Nhơn nói:

'Trời đã dịu nắng. Ăn cơm rồi anh nhờ thằng Hai Nổ đưa xe ôm cho Huê qua bên Sóc Trăng kéo thôi khó kiếm xe về Sài Gòn.'

Trong buổi ăn tôi cầm chén đưa lên để xuống cho anh gắp bỏ vô hết thức ăn này tới thức ăn khác, đồ dành ăn lè lẹ trong khi hình như anh và cơm lạt và ngó miệng tôi thì nhiều.

Xong buổi cơm tối tôi còn rề rà vừa rửa chén vừa liếc ra coi bóng nắng đã dịu thiệt chưa, khi thấy trời đã xụp tối tôi nói:

'Tối mau quá đi không kịp, qua đó nếu hết xe lên biết ngủ tối ở đâu?' Rồi tôi chung vô mừng Thương Thương không đợi cho anh có ý kiến.

Sau hơn hai năm không ngủ đêm ở quê hương mình bây giờ tôi nằm nghe tiếng côn trùng eo óc suốt đêm mà thương cho thân phận mình, có quá nhiều điều khó xử khiến không thể chợp mắt. Cũng khó mở cửa lòng ra yêu thương Chung hết mực để sống đáp cái ơn của ông ta sẽ đem tôi qua bên đó vì hồn tôi đã đưa cho Nhơn giữ rồi. Bạn bè tôi cảnh báo đàn ông lớn hơn đàn bà ngoài hai mươi tuổi thì là cha con chớ làm sao là vợ chồng được. Rồi ông ta sẽ bệnh hoạn, ho hen, đi đứng chậm chạp, ăn uống khó khăn, sắc lên sắc xuống. Rồi con cái ông ta sẽ làm tình làm tội tự ái tôi bằng những lời bóng gió xa gần, hỗn hào. Rồi sinh hoạt tréo ngoe của người già ngủ sớm như gà để mỗi 1, 2 giờ sáng đã thức dậy lục đục; người trẻ thức khuya sáng dậy trễ, sống chung là một sự mâu thuẫn lớn. Rồi bạn bè tôi sẽ là những người trẻ nói chuyện hiện tại, lo lắng tạo dựng tương lai; bạn bè của Chung là người già nói chuyện quá khứ, chuẩn bị hưu trí hưởng nhàn, cưới gả con cái, ăn mừng sinh nhật cháu nội ngoại và thăm viếng sui gia là những sinh hoạt chưa thấy nhưng tôi biết là sẽ chán chết, trả cho cái giấy phép được chấp cánh bay qua đó coi bộ hơi nặng lời.

Tôi nghe như mình ứa nước mắt khi nhớ lại hồi chiều mình ví mình như bông lục bình. Bông lục bình còn tạm tạm, thân tôi khác nào bông khế, nhỏ nhoi tới tối thiếu, không sắc hương, rất rụng đầy sân chẳng mấy ai quan tâm.

Tôi lấy cuốn sách trên ngực Thương Thương xuống. Nhà có tủ sách nên mặc sức nó coi. Nội bầu



trời cù lao này kiếm đồ con mắt cũng không thấy nhà nào có tủ sách tạm tạm hưởng chi là tủ sách phong phú như nhà của Nhơn. Con bé có phước quá nên mới được thương mến ở đây. Tôi lúc nhỏ thèm coi tiểu thuyết hết biết mà tiền đâu mua! Con nhỏ nằm ngủ thiên thần còn tôi mẹ nó nằm kể bên thiệt là trần ai. Nếu mà ba người trong nhà này được qua hết bên đó thì quá tốt đẹp.

Tôi quyết định bất cứ giá nào, ai nói sao thì nói, tôi sẽ thuyết phục Nhơn qua bên. Ông già Hai Sự hồi chiều ghé đây chơi, biết chuyện tôi sẽ được đi qua đó theo điện đính hôn thì giàng luân lý nhắc lại hai câu thơ xưa cũ nằm trong ký ức tôi đâu hồi còn ông ngoại rằng thì là đừng có đổi tâm vì giàu sang, đừng có vì sự thua được, mất còn mà thay đổi khí tiết. Tôi còn nhớ ý chàng ông ngoại nói cả triệu lần câu Nho xưa như trái đất: *Nhân giả bất dĩ phú quý nhi dịch kỳ tâm, Nghĩa giả bất dĩ tôn vong nhi cải kỳ tiết*. Khi tôi nhớ tới câu này thì ông Thiện trong tôi nói là thôi qua đó cố sống như vợ ngoan hiền để phước cho con. Sống ngoan hiền cũng là cách tốt nhất để tạo hạnh phúc cho đời mình. Chùng nào chồng chết rồi hãnh tnh. Cũng chẳng lâu đâu. Từng tuổi đó mà có vợ trẻ!

Tôi kéo áo con lại cho ngay ngắn rồi đắp mền cho nó. Hai năm rồi mới có dịp ngủ với con. Nhìn con không giống bên ngoại chút nào tôi tiếc cho mỗi tình đầu của mình. Tôi ngồi dậy, đi trong ánh sáng lờ mờ qua giường của Nhơn, nằm xuống kế bên. Anh tựa mình mở mắt. Tôi nói nhỏ: 'Ôm em đi, một lần này thôi, em chưa chánh thức là vợ của ông Chung mà! Em là người tình của anh gần cả chục năm nay mà!' *Thà bé cho người tình chung*. Muộn màng nhưng có còn hơn không.'

Nhơn xây mặt vô vách. Ngực trần trong làn áo ngủ mỏng tối nghe hơi nóng phả ra từ lưng anh. Tôi thăm vái cho con bé Thương Thương ngủ thiệt say.

Ngoài kia, qua cửa sổ vách lá, trăng rằm tháng giêng vắng vật định hình hàng cây phân ranh với nhà hàng xóm. Không gian thiệt yên tĩnh. Tôi cố hình mũi lên để hít tìm mùi bông khế bọt bèo biết rằng đương rụng đầy hè bên kia vách nhưng chẳng cảm nhận được gì, bù lại là mùi đàn ông nồng mặn của Nhơn trước mặt. Cổ tiếng con cắc kè kêu xa xa mơ hồ: Yêu tôi... Không yêu... Yêu tôi... Không yêu.... Yêu tôi.

Hình như Nhơn trở mình sắp quay qua phía tôi.

Nguyễn Văn Sâm
(Victorville, CA)

Nằm mơ

HOÀNG MAI ĐẠT

Mặc dù không muốn, tôi vẫn còn mộng mơ trong giấc ngủ mỗi đêm. Hầu hết những cơn mơ đều tan biến trong trí nhớ khi tôi thức dậy. Cũng có vài cơn mơ còn sót lại và được tôi thuật lại cho vợ nghe vào buổi sáng lúc uống cà phê, như sợ rằng nếu đợi lâu hơn thì chắc chắn sẽ quên vì giấc mơ thường rất mong manh như sương khói, chưa kịp nhìn rõ hơn thì nó đã tan mất như ảo ảnh giữa trùng khơi.

Nàng nhà tôi đã phì cười khi nghe tôi kể về giấc mơ mới nhất mà tôi “thấy” vào đêm vừa qua. Đó là tôi mơ gặp ông Obama, tức là vị tổng thống của nước Mỹ. Như trong hầu hết những cơn mơ, ác mộng cũng như lành mộng, các chi tiết về âm thanh, cảnh tượng đều rất mơ hồ, nhưng hình như cảm giác thì lại có vẻ mạnh hơn. Tôi nhớ rõ ông Obama ngồi nói chuyện với tôi rất nồng nhiệt, như hai người mới quen trong quán nhậu. Ông nhỏ tuổi hơn tôi một chút, nhưng là nguyên thủ của một cường quốc nên không thể có chuyện “mày, tao” giữa ông và tôi cho dù cảm giác thân thiện được thể hiện rất rõ.

Nếu không bạn xem đá banh với một trận đấu hào hứng nào đó từ Brazil, hoặc nấu ăn với các món mua từ chợ Bolsa, hoặc chít chát với ai đó qua điện thoại viễn liên, bạn có thể dành thêm vài phút để nghe tôi kể tiếp, nha. Còn nếu bạn thì thôi, bạn có thể ngưng ở đây để khỏi theo tôi vào một cảnh giới mà tôi không biết là có thật hay tưởng tượng, hay nửa hư nửa thực.

Anyway, trong cơn mơ kỳ lạ ấy, mọi người đều mặc y phục màu đen rất chỉnh tề như trong một cuộc họp lớn để bàn về một vấn đề nghiêm trọng hoặc chuyện quốc phòng nào đó ở Tòa Bạch Ốc. Tôi nghĩ là tôi đã mơ gặp ông Obama trong ngôi nhà quan trọng ấy. Phòng họp màu trắng, không có bức tường hoặc trần nhà, lơ lửng ở đâu đó với mấy chục người tụ tập, mà hình như toàn là phái

nam. Ai cũng mặc bộ vét đen, áo sơ mi trắng, cà vạt cũng đen.

Trong khi mọi người còn đang chào hỏi, tự giới thiệu với người ngồi bên cạnh ở một dãy bàn dài, tôi được ai đó nhắc nhở hãy ngồi vào ghế cạnh ông Obama đang ở đầu bàn. Ông gác chéo chân lên nhau rất thoải mái, vỗ vai tôi, miệng cười cười xã giao, xong lấy một tờ giấy từ trong túi áo ra và hỏi tôi có biết cái hội này không. Tôi nhìn tên hội trên tờ giấy xong lắc đầu không biết. Ông đọc tên của một hội ái hữu nào đó. Mà lại một cái là ông nói tiếng Anh nhưng sao tôi hiểu hết trơn, y như đang nghe ông nói tiếng Việt bình dân của tôi. Ông cười khà khà như nhận ra sự thắc mắc về hội ái hữu mà tôi không biết. Ông nói là hội đó đã đề cử cho tôi được đến dự buổi họp ngày hôm nay. Rồi ông cũng nói tiếp là ở phố Bolsa có quá nhiều hội đoàn, nên cũng dễ hiểu thôi khi tôi không biết hội nào đó đã gọi tôi đến gặp ông.

Trong cơn mơ thì hầu như

không có chuyện gì hợp lý, chẳng đầu chẳng đuôi. Nghe tôi kể chuyện nằm mơ gặp ông Obama như thế, nàng nhà tôi nói đùa chắc tôi sắp được làm chức lớn trong chánh quyền. Nghèo mà ham.

Mà không chừng là đúng đó nghe bạn. Mới mấy bữa trước đây, tôi cũng nằm mơ thấy một viên chức cao cấp khác. Ấy là mơ thấy bà Clinton, tức là bà Hillary Rodham Clinton, cựu đệ nhất phu nhân, cựu nghị sĩ liên bang, nguyên ngoại trưởng của Huê Kỳ và đang là tác giả của một cuốn hồi ký bán chạy chứ không phải giởn đầu nha. Trong giấc mơ tôi “gặp” bà Clinton cùng cô con gái Chelsea của bà ở một thương xá tại Beverly Hills.

Chẳng hiểu sao một chính khách bận rộn như bà lại có thời giờ đi shopping như các phụ nữ ở Hollywood. Bà cũng.. mập mập phần dưới như tôi thường thấy trên báo chí dạo này. Và cũng chả hiểu sao, trước khi bà biến mất tôi bỗng vụt miệng nói với bà bằng một câu tiếng Việt, rằng bà sẽ đắc cử tổng thống trong cuộc chạy đua năm 2016, với một số phiếu rất khít khao vì cũng có nhiều người không ưa bà.

Lẽ đương nhiên vợ tôi cũng vừa cười, vừa lắc đầu khi nghe ông chồng khật khùng kể lại giấc mơ đơm mùi chính trị như vậy. Nàng khuyên tôi bớt đọc báo, để cho đầu óc không bị vướng bận với quá nhiều chuyện thời sự. Nói gì thì nói, tôi cũng phải ráng học thêm tiếng Anh để nói cho lưu loát hơn, vì biết đâu chừng tôi sắp



được vào chánh quyền và lên chức bộ trưởng bộ... nhảm nhí. Đừng cười nhe, chánh quyền nào mà không làm chuyện nhảm nhí, nhất là ở xứ Việt Nam với mấy ông kẻ cộng sản. Chính sách nhảm nhí của họ chắc chắn có hại hơn chuyện viết nhảm của tôi à nha.

Anyway (lại khoe tiếng Anh, chắc đang học ESL dữ lắm đây), tôi từng biết ông Sigmund Freud, nhà tâm lý học vĩ đại, lừng danh mà cũng có lúc rất lừng khừng của nhân loại, nói rằng chúng ta đều là những thi sĩ khi ngủ mơ. Ông giải thích rằng giấc mơ cũng như một bài thơ, có thể diễn tả những gì xuất phát từ trong nội tâm bằng những hình ảnh tuy không liên lạc nhưng vẫn đầy đủ để khơi dậy những cảm xúc mà có thể rất mãnh liệt. Nếu một bài thơ có thể làm cho người ta buồn, vui thì giấc mơ cũng vậy mà không nhất thiết phải có một câu chuyện mạch lạc.

À, té ra tôi cũng là một thi sĩ mà không biết. (Bữa nay cơn sóng ngã mạn dâng lên khá cao, hết tự cho mình là bộ trưởng rồi bây giờ lại đến thi sĩ, nhảm nhí thì thôi). Ông Freud nói rằng giấc mơ cho ta được những gì mà ta không thể có. Ông nói vậy cũng khó hiểu cho tôi, vì thật tình mà nói, tôi rất sợ giữ một vai trò lớn trong xã hội, và chắc chắn tôi không muốn nằm mơ thấy những gì làm cho mình sợ hãi.

Cũng may, từ lâu lắm rồi, tôi không nhớ mình có ác mộng trong giấc ngủ. Cũng như bạn, ngày trước, không biết bao nhiêu lần tôi nằm mơ thấy mình bị rượt như có ma đuổi, bị đè, bị rớt từ trên cao hoặc chạy hoài mà không thoát được một cái gì đó. Lần cuối cùng mà tôi nhớ mình cảm thấy hồi hộp, tim đập bình bịch trong lồng ngực, mở mắt dậy nghe toát mồ hôi từ đầu xuống chân mặc dù đang giữa mùa đông, đã xảy ra mấy năm trước.

Lần mơ ấy tôi thấy mình bước vào một căn phòng trống trải và chỉ có một cánh cửa ra vào. Bước vào sâu hơn, tôi nghe cạnh cửa khóa lại ở đằng sau, rồi bỗng tôi thấy có một hành lang đang mở ra ở bức tường trước mắt. Thế nhưng tôi không dám bước vào vì nhận ra trong hành lang đang có một khối mây khói màu xám đen tối trước về phía tôi. Đám mây mỗi lúc một lớn hơn và chuyển sang màu đen.

Điều kỳ lạ là tôi rất sợ đám mây này, như biết rõ trong nó đang có những gì có thể sát hại mình ngay lập tức. Tim tôi đập

XUÂN CHÂN NGHĨA

*Thời gian vụt thoáng bay qua
Mấy mươi năm lặng bóng tà huy buông
Bỏ thôi câu hỏi cội nguồn
Trả lời sao được bởi muôn thu rồi*

*Đã đi nghìn dặm xa xôi
Đã về cuối đất tận trời nơi đây
Sát na là phút giây này
Thấy ra muôn thuở ở ngay bây giờ*

*Thở cùng xanh biếc nguyên sơ
Để toàn thể quỵện chung bờ bến xuân
Ngàn hoa cỏ ngát rộ bùng
Khi nàng thơ bước từ chân nghĩa về.*



thơ TÂM NHIÊN

càng mạnh khi biết mình không thể lùi chân trước đám mây đang ùn tới rất gần. Rồi bỗng nhiên tôi nghe có một âm thanh văng vẳng từ xa, có lúc rõ có lúc mơ hồ mà luôn nhỏ nhẹ, đều đặn. Âm thanh đó nhắc tôi hãy niệm Phật, hãy mau mau niệm Phật. Tôi chưa biết mình phải niệm như thế nào, nhưng khi thấy đám mây đen đã phủ kín hết hành lang, tôi niệm theo lời khuyên như tự trong thâm tâm biết mình phải niệm như vậy. Thế rồi tôi bớt sợ, và tình giấc thấy mờ hồi đàm địa trên trán và ngực.

Từ đó thỉnh thoảng tôi nằm mơ thấy những người tu hành, kể cả ngài Đạt Lai Lạt Ma, một số nhà tu mà tôi biết cũng như chưa bao giờ gặp trong đời thật. Hình ảnh của những người tu ấy cũng không rõ nét, mơ hồ như các chính khách, nhưng luôn để lại một niềm vui không thể diễn tả bằng lời nói hay lời viết. Thuật cho vợ nghe những giấc mơ tâm linh ấy, tôi thấy nàng cười với ánh mắt ngờ vực, rồi nói rằng chắc trong thâm tâm tôi

muốn bỏ vợ đi tu, không muốn sống với nàng thêm nữa, chứ gì. Lẽ đương nhiên là tôi phải nói thật, rằng tôi chưa muốn đi tu, ít nhất là trong lúc này. Tôi còn cần nàng trong nhiều thứ.

Tôi chỉ mong ước có một điều, rằng từ nay đừng ngủ và nằm mơ, cho dù mơ lành hay mơ dữ. Nếu đúng như ông Freud đã gợi ý hơn một thế kỷ trước đây, và Phật cũng đã nhắc đến từ mấy ngàn năm trước đó, giấc mơ là những ước vọng, nghiệp quả tiềm tàng trong vô thức, từng cơn mơ sẽ khởi lên và tiếp tục vận hành theo tiến trình tự nhiên của nó. Rồi từ đó lại tạo thêm những cơn sóng mới trong đại dương của tâm thức, liên tục đến vô tận.

Đó, bạn thấy không, chỉ mới mơ thấy ông Obama trong giấc ngủ đêm qua mà đã đưa đến bao nhiêu chuyện lảm cẩm kể trên.

Nhưng làm sao ngủ mà không mơ được bây chừ?

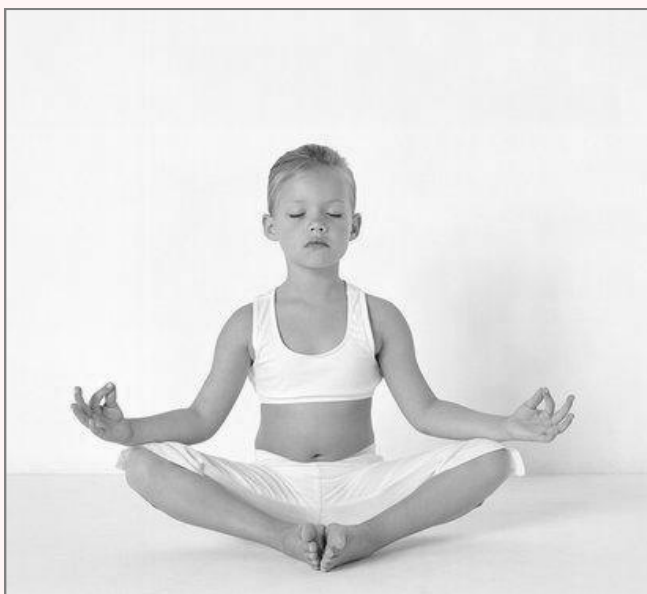
(Nguồn: <https://hoangmaidat.wordpress.com>)

TU ĐỂ CHUYỂN NGHIỆP ⁽¹⁾

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

TU ĐỂ CHUYỂN NGHIỆP

*Được thân người khó biết bao!
Không tin Phật Pháp ủng sao cuộc đời!
Không tin chết có luân hồi.
Không tin nhân quả, sống đời buông lung.
Tạo bao nghiệp xấu vô cùng.
Cả ta, con cháu chịu chung quả này.
Nhìn quanh ta sẽ thấy ngay:
Cha, ông ở ác mạng bầy cháu con.
Mẹ ác con trai lãnh tròn.(2)
Đó là định luật vẫn còn thiên thu.
Nhận điều ấy đúng, lo tu.
Tu sẽ chuyển nghiệp, chần chừ làm chi!
Lỡ vô thường đến, ta đi.
Lúc ấy hối hận, làm gì được đâu!
Thôi, đừng hẹn nữa: tu mau. (3)
Tổ tiên, con cháu cùng nhau được nhờ.(4)
Phước báo ta thêm từ giờ.
Tích thiện: nghiệp chuyển chỉ chờ đủ duyên.
Như ánh sáng đến xua liền
Bóng tối tích tụ triển miên lâu đời./.*



Chú thích:

(1) Trong sách *Làm Chủ Vận Mệnh*, biên dịch Thích Minh Quang, có nêu 3 điều phải làm để cải đổi vận mệnh: (a) Sửa Đổi Lỗi Lành. (b) Tích Chứa Phước Thiện.(c) Học Đức Khiêm Tốn.

Đây là quyển sách kể lại câu chuyện người thật, việc thật của Viên Liễu Phàm và do chính Viên Liễu Phàm viết để lại cho con trai là Viên Thiên Khải. Quý vị, nếu có thời giờ nên đọc quyển sách này để thấy tu tập nghiêm túc, vận mạng sẽ đổi thay, có nghĩa TU SẼ CHUYỂN ĐƯỢC NGHIỆP.

(2) Dân gian có câu: Con gái nhờ phước cha. Con trai nhờ đức mẹ.

(3)Người đời thường có quan niệm:

- Đợi đến già sẽ tu vì lúc ấy ta không còn vướng víu, bận bịu việc gì cả.
- Đợi việc nhà xong xuôi, con cái yên bề gia thất ta sẽ tu.
- Bây giờ ta nghèo quá, phải cật lực làm cho có tiền. Lúc giàu có, thành thời ta hãy tu
- Đi chùa tu tập là dành cho người già. Mình còn trẻ tu làm gì với.

e) f), g)... : rất nhiều, rất nhiều nguyên nhân nữa biến bạch để chưa tu bây giờ.....

Thật sự việc **tu để chuyển nghiệp** không đòi hỏi những điều kiện như vừa kể. Có nghĩa già trẻ, giàu nghèo, sang hèn, quan to chức lớn hay bình dân lao động đều tu được hết. Tu bất cứ lúc nào và ở đâu. Cứ cố dịp là tu miên sao mình tin TU SẼ CHUYỂN NGHIỆP. Khi đã tin Tu Sẽ Chuyển Được Nghiệp thì trong cuộc sống hàng ngày, ta có thể làm nhiều điều để tu qua các việc: **Sửa Đổi Lỗi Lành, Tích Chứa Phước Thiện** và **Học Đức Khiêm Tốn**. Tác giả *Làm Chủ Vận Mệnh*, Viên Liễu Phàm, đã làm và có kết quả. Xin có mấy câu thơ gợi tặng những ai tin rằng TU SẼ CHUYỂN ĐƯỢC NGHIỆP: Đã tin phải bắt đầu ngay,

Chần chờ chi nữa, tháng ngày trôi nhanh.

Tu sớm, tích nhiều phước lành.

Đời ta hạnh phúc, thực hành rồi xem.

Còn như quý vị đã quy y rồi, cố gắng thực hành trọn vẹn Ngũ Giới là đã có thể chuyển nghiệp chút ít rồi. Nếu muốn tu thêm xin đề nghị học phần Mười Nghiệp Lành vì Thập thiện là nền tảng căn bản của Đạo Phật như sau:

Tập tu cho được Mười Nghiệp Lành:(5)

Không Tà dâm, Trộm cắp, Sát sanh,

Không Thêu dệt, Đâm thọc, Lừa dối,

Không Ác khẩu và Tham, Si, Sân.

Một khi tu tốt Mười Nghiệp Lành,

Chết về cõi Trời, không vắng sanh.

Muốn vắng sanh, tu thêm Tịnh Độ,

Ngày đêm niệm Phật, nguyện sẽ thành.

Ngoài ra, xin mời đọc thêm một số bài viết của

chúng tôi đăng trên Chánh Pháp số 11, số 13, số 15 và số 20 rồi áp dụng vào cuộc sống, hy vọng sẽ thấy đời vui hơn.

4) Hằng ngày ta làm được bất cứ việc thiện gì dù nhỏ nên ghi nhớ hoặc viết vào sổ. Khi có nhiều (chừng 5 ngày) nên đem hồi hướng về cho Tổ Tiên, Ông Bà, thân nhân đã khuất và tất cả pháp giới chúng sanh. Công đức hồi hướng này, nếu ta tạo được càng nhiều, thân nhân quá vãng của ta sẽ mau chuyển về cảnh giới tốt hơn. Cũng nên đem hồi hướng công đức ấy cho con, cháu. Đó là vốn "phước" họ có thêm để đem vào cuộc đời. Gặp trường hợp có đứa con làm ta lo lắng, khổ sở ta nên làm nhiều điều phước thiện để hồi hướng cho chúng, cầu cho chúng chuyển nghiệp.

Kinh Địa Tạng phẩm 7 có dạy: "...hàng thân quyến kẻ lớn người nhỏ vì người chết mà tu tạo phước lợi, làm tất cả việc về Thánh đạo, thì trong bảy phần công đức, **người chết nhờ được một phần, còn sáu phần công đức thuộc về người thân quyến hiện lo tu tạo đó.**"

Nếu ta tu Tịnh Độ thì phần công đức còn lại của mình nên hồi hướng về cõi Tịnh Độ của Phật A Di Đà để sau này khi lâm chung ta cầu được sanh về cõi ấy.

5) Mười Nghiệp Lành được giải thích đầy đủ như sau:

- a) Không Sát sanh: Từ bi không sát hại, sẽ được khỏe mạnh, trường thọ.
- b) Không Trộm cắp: Ngay thẳng, không lấy của người, sẽ được giàu sang, an ổn.
- c) Không Tà dâm: Trong sạch, không quan hệ bất chính, sẽ được xinh đẹp, hạnh phúc.
- d) Không Nói dối: Chân thật, không dối gạt, sẽ được uy thế, tiếng tăm.
- e) Không Thêu dệt: Trung thực, không xảo ngôn, sẽ được mọi người kính mến.
- f) Không Đâm thọc: Hòa hợp, không nói lời ly gián, sẽ được nhiều người ủng hộ.
- g) Không Nói thô ác: Hòa nhã, không cay nghiệt, không thô tục, sẽ được cao sang.
- h) Không Xan tham: Rộng rãi thí xả, sẽ được vô lượng phước báo.
- i) Không Sân hận: Từ hòa nhẫn nại, sẽ được vô lượng duyên lành.
- k) Không Si mê: Sáng suốt tỉnh giác, sẽ được vô lượng trí tuệ.

Bài viết chắc không làm sao tránh khỏi lầm lỗi, kính mong quý bậc cao minh chỉ bảo giùm cho qua địa chỉ email: trandaoga@yahoo.com để chúng tôi kịp thời sửa chữa.

Nếu bài viết có giúp ích được cho ai thêm niềm tin vào Phật Pháp và cố gắng tu tập để chuyển nghiệp, chúng tôi xin đem công đức này hồi hướng cho tất cả Pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Trần Trọng,
Tâm Lương Đào Mạnh Xuân



CUNG CHÚC TÂN XUÂN

*Kính chúc bách niên quý cụ già
Hưởng xuân mạnh khỏe với thông gia
Vui cùng con cháu mừng xuân mới
An lạc thân tâm, hưởng đức nhà!*

*Kính chúc mừng xuân đến mọi người
Gia đình êm ấm mãi vui tươi
Phát tài may mắn tròn năm mới
Vạn sự bình an hưởng phước Trời!*

*Kính chúc xuân vui khắp mọi nhà
An cư lạc nghiệp đẹp vườn hoa
Tân gia hạnh phúc tình nồng thắm
Tán lộc phát tài mãi với ta!*

*Kính chúc thân nhân - bạn hữu mình
An lành, hạnh phúc, ánh bình minh
Công thành danh toại do tranh đấu
Cảm tạ quý nhân thật thấm tình!*

*Kính chúc văn nhân thi hữu thân
Năm qua sáng tác thật ân cần.
Văn chương mang nghiệp còn theo đuổi
Thoải mái tinh thần quý lão nhân!*

*Kính chúc người thân trên diễn đàn
An vui mạnh khỏe đón xuân sang.
Do duyên trao đổi tin trên mạng
Khoảnh khắc chung vui - quý bạn vàng!*

*Thương chúc bình yên kẻ tật nguyên
Xuân về tươi thắm giảm ưu phiền.
Đời này đau khổ kiếp sau sướng
Trả dứt nghiệp rồi gặp thiện duyên!*

*Mến chúc tuổi xuân hưởng lộc đời
Quyết tâm đỗ đạt ở nơi nơi
Thành công rạng rỡ mùa xuân mới
Viễn ảnh tương lai mãi sáng ngời!*

*Thân chúc an vui hưởng Tết mình
Nhân lành quả tốt, hợp duyên xinh
Đức tài, may mắn nên danh phận
Hiếu hạnh, trung trinh đẹp nghĩa tình!*

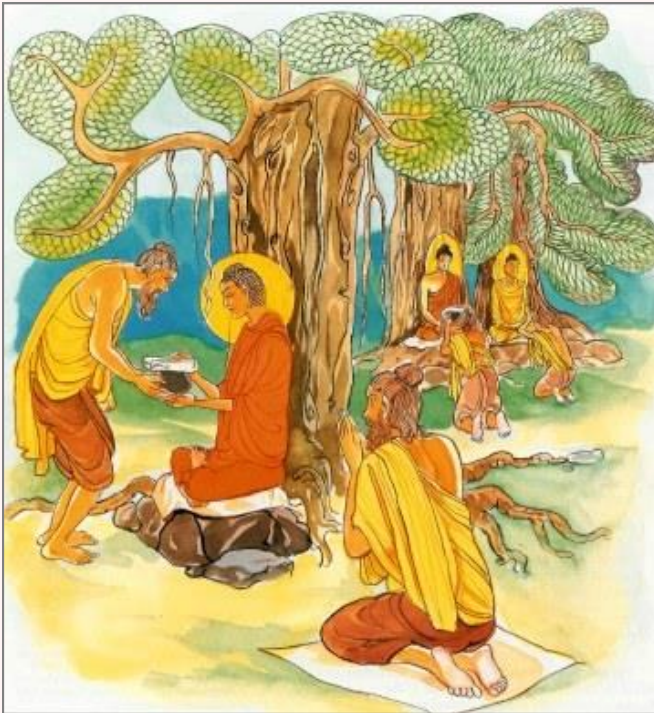
tho

**MINH LƯƠNG
TRƯƠNG MINH SUNG**

Cali. Xuân năm 2015

The Story of the Golden Stupa of Kassapa Buddha

Dhammapada—Verses 195 and 196



While travelling from Savatthi to Baranasi, the Buddha uttered Verses (195) and (196) of this book, with reference to a brahmin and the golden stupa of Kassapa Buddha.

On one occasion, while the Buddha and his followers were on a journey to Baranasi they came to a field, where there was a spirit-shrine. Not far from the shrine, a brahmin was ploughing the field; seeing the brahmin the Buddha sent for him. When he arrived, the brahmin made obeisance to the shrine, but not to the Buddha. To him the Buddha said, "Brahmin, by paying respect to this shrine you are doing a meritorious deed." That made the brahmin happy. After thus putting him in a favourable frame of mind, the Buddha, by his supernormal power, brought forth the golden stupa of Kassapa Buddha and let it remain visible in the sky. The Buddha then explained to the brahmin and the other Bhikkhus that there were four classes of persons worthy of a stupa. They are: the Buddhas (Tathagatas), who are homage-worthy and perfectly self-enlightened, the Paccekabuddhas, the Noble disciples, and the Universal Monarchs. He also told them about the three types of stupas erected in honour of these four classes of persons. The stupas,

where corporeal relics are enshrined are known as Sariradhatu cetiya; the stupas and figures made in the likeness of the above four personages are known as Uddissa cetiya; and the stupas where personal effects like robes, bowls, etc. of those revered personages are enshrined are known as Paribhoga cetiya. The Bodhi tree is also included in the Paribhoga cetiya. The Buddha then stressed the importance of paying homage to those, who are worthy of veneration.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 195: He pays homage to those who are worthy of veneration, whether they are the Buddhas or their disciples, who have overcome the obstacles (to Insight Development) and have eliminated in themselves all sorrow and lamentation.

Verse 196: The merit gained by such a person, who pays homage to those who have been freed from moral defilements and have nothing to fear, cannot be measured by anyone, neither as this much nor as that much.

At the end of the discourse the brahmin attained Sotapatti Fruition. The stupa of Kassapa Buddha remained visible for seven more days, and people kept on coming to the stupa to pay homage and obeisance. At the end of seven days, as willed by the Buddha, the stupa disappeared, and in the place of the shrine erected to the spirits, there appeared miraculously, a big stone stupa.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



VÔ NGÃ

Trong chúng có người hay ngắt lời người khác lại cổ tánh ba hoa. Một lần nọ nhân buổi thiền trà, anh ta lại thao thao bất tuyệt nào là Tánh không, vô ngã... Bất ngờ thiền sư hắt chén trà vào người anh ta. Mặt anh đỏ bừng lên nhưng cổ trấn tĩnh:

- Bạch thầy con nói có gì sai chăng?

Thiền sư cười mỉm nhẹ nhàng:

- Con nói không có gì sai nhưng ta thấy cái ngã đang đỏ bừng lên.

GIỎ KỶ

Mỗ vốn là người có vai vế trong làng, gia sản cũng khá lớn vì vậy làm việc gì Mỗ cũng rất rình rang kéo sợ chúng cười. Ngày giỗ mẹ Mỗ cho mổ bò, heo, gà... rất nhiều, đãi quan khách ăn uống mấy ngày liền, Phần mệt, phần rượu thấm Mỗ gục xuống bàn thiếp đi; trong mơ thấy mẹ hiện về khóc:

- Mẹ bạc phước nên đọa lạc, giờ con sát sanh giỗ mẹ làm mẹ phải mang thêm bao nhiêu oan trái. Chúng chết oan đang đòi báo oán mẹ!

Mỗ thức giấc mồ hôi tuá ướt đầm, miệng ú ớ:

- Con quá ngu muội làm hại mẹ rồi!

Thực khách ngơ ngác nhìn nhau...

TÌNH CHA

Ngày nó lên thành đô trọ học, ba nó mang theo cái va li gỗ đựng đồ dùng cá nhân. Nó chê xấu vùng vắng không mang, ba nó phải mang cho nó. Đến thành đô ba nó đón xích lô, nó lại nhân nhó:

- Đi xích lô què thấy mờ!

Ba nó vẫn nhẫn nại nhỏ nhẹ:

- Mình nghèo mà con, làm gì có tiền đi taxi.

Suốt nhiều năm ba nó vẫn nhẫn nại sự chướng của nó như thế. Thời gian qua mau. Nó lấy vợ sinh con, rồi một hôm đứa con yêu chê món quà mà nó tặng nhân sinh nhật:

- Đồ gì mà què thấy mờ, con không mặc đâu.

Nó bắt chợt nhớ thương cha vô cùng, mắt nó cay cay.

MÈO HAY SƯ TỬ

Bà vợ chì chiết:

- Đi ra ngoài gập mấy con chân dài nó ống ẹo, nhỏ nhẹ như mèo là quên cả vợ, tiền bao nhiêu cũng đưa hết cho chúng!

Ông chồng hờn mát:

- Sao bà không làm giống như mèo đi, ai biểu làm sư tử Hà Đông chi!

Bà vợ đốp chát:

- Tôi không làm sư tử thì cửa nhà tan nát hết!

Ông chồng thở dài:

- Trước khi cưới thì các cô dễ thương như mèo, cưới về rồi lại biến thành sư tử hết ráo.

TÌNH ĐỒNG GIỚI

Hai người yêu nhau tha thiết, tình cảm rất nồng nàn nhưng có điều ngiệt ngã là họ cùng giới với nhau. Rất nhiều lời châm chọc, thậm chí kỳ thị... Có lần họ lên lễ chùa, nhiều người né tránh và nghe xì xào:

- Đồ biến thái!

Họ vào quỳ khóc với hòa thượng:

- Chúng con đâu có muốn vậy nhưng chúng con thương nhau thật tình. Chúng con cũng chẳng làm gì sai quấy.

Sau thời kinh hòa thượng nhìn nhủ mọi người:

- Nhân duyên trùng trùng

không dễ gì biết, người đến với người cũng không ngoài lẽ báo ân - báo oán. Các con hãy khởi lòng từ bi, bình đẳng mà đối xử.

THỜI THỂ

Chú Út đẹp trai, hiền lành nhất xóm. Có ông giáo hay chữ từng khen:

- Thăng Út đẹp trai như Phan An - Tống Ngọc.

Nội thì cứ lo lắng:

- Thăng Út hiền quá ra đời sợ người ta ận hiệp nó.

Chú Út tốt nghiệp hạng ưu rồi về làm kế toán cho một công ty. Giám đốc mẫn chú, nâng lên làm trợ lý, đi đâu cũng cho theo; hợp đồng làm ăn toàn ký kết ở nhà hàng sang trọng hay quán bar đèn màu... Dần dần chú Út nổi tiếng tửu lượng cao có hạng, đào hoa sát gái số một. Tiếng đồn đến tai nội, nội chép miệng thở dài:

- Thăng Út hiền vậy mà giờ hư quá, thời thế thật là...!

Atlanta, Jan 2015



Con không thấy kỳ diệu sao?

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

Tuyền ngồi thờ người bất động trước máy computer thật lâu. Đêm đã khuya lắm rồi, mọi người trong nhà đã say giấc, trừ con Lu Lu đang ngoan ngoãn nằm bên. Thường đêm nàng vẫn có thói quen ngồi vào máy để check điện thư mỗi lần tan việc về nhà, cho dù lúc đó đã gần 1 giờ khuya. Sở dĩ có tập quán này là vì nàng cần thư dẫn một lúc để những căng thẳng nơi hằng làm được dịu bớt thì mới mong chìm được vào giấc ngủ như mọi người.

Thế nhưng đêm nay, bên cạnh những nỗi căng thẳng quen thuộc của việc làm, Tuyền đang đối đầu một căng thẳng khác: Bảo, em trai nàng vừa báo tin qua email cho biết bệnh ung thư máu của cô con gái nhỏ, Anh Nhi, đã tái phát sau vài tháng tạm ổn định. Và, thêm nữa, Bảo đang chờ nàng cho một lời khuyên trước tình cảnh này.

Khuyên cái gì bây giờ? Bệnh tái phát, có nghĩa là bao nhiêu hy vọng sống còn kể như tắt ngúm. Tính mạng của Anh Nhi khác gì

chỉ mảnh treo chuông. Phép lạ nào có thể cứu sống được cháu nàng đây, Tuyền ôm đầu đau đớn.

Trong thoáng chốc, hình ảnh cô bé 11 tuổi mà nàng vừa về thăm cách đây mấy tháng, với đôi mắt to trong sáng dịu dàng, với thần thái sáng rỡ lạ kỳ trên một gương mặt xanh mượt và trong tấm thân mỏng manh như lá hiện ra thật rõ trong đầu Tuyền. Rồi hình ảnh lao đao của Bảo lúc ấy. Và, lùi xa hơn nữa, là hình ảnh Bảo bé bỏng thuở chập chững mới biết đi biết chạy... Tất cả, trong một lúc đồng nhòe nhoẹt ùa về. "Khổ thân em tôi," Tuyền nghe như chính mình rên lên như thể dù nàng đang ôm đầu lặng câm như thóc.

Làm cha làm mẹ mà phải chôn con, nhất là khi con còn nhỏ, là một đau đớn kinh khủng cho ai phải gánh chịu nỗi bất hạnh này chứ không chỉ riêng em nàng, nàng biết. Thế nhưng, trường hợp của Bảo, sự sống của đứa con, theo nàng nghĩ, không những là một niềm vui mà còn là một yếu tố quyết định để giữ vững hạnh phúc gia đình và niềm tin vào tôn giáo của vợ chồng Bảo nữa. Bây giờ, mắt con còn đồng nghĩa với mất tất cả. Vực thăm bất trắc hiện ra cạnh bước chân đứa em trai thường yêu làm Tuyền ngộp thở như chính nàng sắp phải nhảy vào.

Tuy là em kế của nàng, Bảo nhỏ hơn nàng tới 11 tuổi vì cha mẹ Tuyền sanh Bảo rất muộn, từ cô con gái đầu lòng là chị Hai của Tuyền tới cậu con trai út là Bảo cách nhau tới những hai giáp. Từng là em út, nhỏ nhất nhà, trong một loạt sáu anh chị em, Tuyền rất mong có em nhất là khi nàng đã tự cho mình là "người lớn" rồi. Còn nhớ, nhiều người lúc ấy hay đùa Tuyền rằng, "Bảo giết mất chức Ut của con rồi mà sao con cứng nó quá vậy" thì Tuyền hãnh diện trả lời, "Hồng có sao hết, con là Ut gái còn Bảo là Ut trai."

Tuyền càng thương Bảo hơn khi nàng đã rời nhà để đi học xa; nàng lo tuổi thơ của em không có các anh chị em để chơi cùng, như nàng từng được hưởng trước kia. Cũng "may" là sau ngày mất nước 1975, chị lớn nàng đem các con về tá túc bên ngoại trong mấy năm anh rể nàng đi tù cải tạo nên Bảo có dịp chơi đùa với mấy đứa cháu kêu bằng cậu xuýt xoát tuổi nhau. Ấy vậy mà lớn lên, mấy cháu đều có chồng có vợ trước cậu Ut, hỏi sao Tuyền và các anh chị nàng không khỏi lo lắng cho em, nhất là nàng biết rằng ba má rất quan hoài tới đứa con út cô út của mình trước khi nhắm mắt.

Tại "cậu Ut kén quá" như mấy đứa cháu hay nói đùa hoặc nợ duyên chưa tới mà "cậu Ut Bảo" vẫn "ở vậy" khá lâu cho tới một ngày chịu gặt đầu với một đám do chị dâu tôi mai mối. Mọi người trong gia đình đều mừng rỡ, thờ phào thư thái. Năm đó, Tuyền cùng gia đình về quê để chúc mừng ngày vui nhất đời của em mình, một biệt lệ mà chỉ Bảo mới được hưởng vì trước đây nàng chưa về dự đám cưới đứa cháu nào.

Trong tiệc cưới ai cũng khen cô dâu xinh xắn, nhỏ nhẹ, chỉ có điều hơi kém hòa điệu với bên chồng. Thế nhưng mọi người cũng xí xóa, cho rằng "Chắc tại còn lạ nước lạ cái trước một đại gia đình quá đông như gia đình mình." Sau đám cưới em, Tuyền quay trở lại Mỹ, nhẹ nhõm trong lòng. Ấy ngờ, chưa đầy một năm sau, mỗi lần gọi điện thoại về thăm là Tuyền lại nghe Bảo ca cẩm phàn nàn về cô vợ. Khi con bé đầu lòng là Anh Nhi được sinh ra, cháu lại èo uột khó nuôi nên Tuyền lại phải tiếp tục nghe em rên rầm mỗi lần thăm hỏi. Chuyện ly dị luôn được Bảo nhắc tới như một "phương án" tốt nhất để rồi chính Bảo lại thờ dài, bảo tội nghiệp con. Nàng lắng nghe, không dám cho ý kiến, chỉ biết khuyên em bình tĩnh. Nàng càng không biết phải xử sự như thế nào vì các anh chị ở bên nhà,



nhất là bà chị dâu, đều luôn kể về cô em dâu út với thái độ thiếu thiện cảm.

Mỗi lần nhớ tới duyên phận của em trai, Tuyền không khỏi thở dài "âu cũng là oan gia." Chẳng oan gia là gì khi vợ chồng lục đục là thế, vậy mà vài năm sau, thêm một cháu trai ra đời. Hai vợ chồng đã nghèo lại càng nghèo thêm vì gánh nặng con cái, đã gây gỗ lại càng gây gỗ hơn vì vất vả.

Hình như em nàng chỉ bớt than vãn khi đứa con gái đầu lòng bắt đầu khôn lớn bởi cháu không còn khó nuôi nữa mà trái lại, rất khá khinh và thương bố vô cùng. Nàng mừng em đã tìm được cái phao để chịu đựng những đợt sóng đời do hôn nhân mang lại. Từng về Việt Nam trong thời gian này, Tuyền thấy rõ cô bé thiên thần cực kỳ thông minh sáng dạ này là niềm hãnh diện, là sự vui sống, là ánh sáng của đời Bảo. Còn nhớ, khi thấy Anh Nhi cứ quần quít bên Tuyền, cả nhà nói đùa với cháu rằng, "Anh Nhi đi Mỹ với cô Tuyền nha, chịu không?" Cô bé năm tuổi ngờ ngàng một giây rồi nói ngay, "Có ba mẹ con đi thì con mới đi."

Đứa con trai nhỏ thì hình như thuộc loại "thiếu tập trung, quá năng động," quậy không thể tả; tuy thế bé cũng là lẽ sống của Bảo vì mọi người, kể cả Tuyền, đều nói nó giống cha y hệt. Công tâm nhận xét, Tuyền thấy có thể em nàng tuy chưa hẳn là người chồng mẫu mực lý tưởng vì còn tật nhậu nhẹt (mà Bảo đồ thừa là do nhu cầu giao tế xã hội) nhưng rõ ràng là một người cha hết lòng thương con. Về cô em dâu, Tuyền cũng được nghe những người trong gia đình ít nhiều phàn nàn là "tính tình kỳ cục lắm" nhưng "kỳ cục" ra sao thì nàng chưa có dịp nếm trải vì ở lại Việt Nam chỉ có vài tuần. Nàng chỉ biết Tuyệt, cô em dâu ấy, đối đãi với nàng rất tử tế và có vẻ biết kính nể người chị chồng ở xa cũng như biết lắng nghe những lời chia sẻ góp ý của nàng.

Trong mấy ngày ngắn ngủi ở Việt Nam, quan sát sinh hoạt của gia đình em trai mình, Tuyền khó thể nói được cuộc hôn nhân ấy bền vững hay không. Nghèo khó chật vật, con cái đeo mang đã là một mối đe dọa cho hạnh phúc gia đình rồi, đằng này hai vợ chồng lại không hoàn hòa thuận nữa. Tuyền chỉ hy vọng sau một thời gian biết "nín thở qua sông," vợ chồng Bảo sẽ đỡ hơn khi hai đứa trẻ lớn khôn. Nhất là

nàng đặt nhiều kỳ vọng vào Anh Nhi vì cô bé vừa thông minh, xinh đẹp mà lại biết thương cha thương mẹ nữa.

Nhưng trời không chiều lòng người, năm Anh Nhi lên 9, vừa bước vào lớp Bốn, cháu có triệu chứng suy thận, thân bị phù thũng, áp huyết lên cao một cách quá bất thường. Kết quả sinh thiết cho thấy cháu bị ung thư máu.



Tin dữ đến với Tuyền làm nàng mất ngủ mấy đêm vì thương và lo cho em mình. Vợ chồng ấy vốn đã hục hặc bất hòa, tài chánh thì bết bát, mà nay đứa con yêu quý lại bị vướng phải một căn bệnh ngặt nghèo vừa tốn kém vừa khó có hy vọng sống còn, tình cảnh của Bảo thật là đáng ngại với viễn ảnh đầy đen tối. Vợ bỏ, con mất, của cải hết sạch, nợ nần chồng chất, vân vân... cái gì cũng có thể xảy ra, hoặc sẽ xảy ra tất cả... Bao nhiêu điều đó làm Tuyền lạnh người không dám nghĩ tiếp nữa tuy ngoài mặt vẫn tỏ ra điềm tĩnh, dùng lời lẽ lạc quan để trấn an em.

Thế là tùy sức lực, các anh chị Tuyền góp tay vào phụ giúp gia đình Bảo, thậm chí chị em nàng còn đồng lòng bán miếng đất thừa tự của cha mẹ để lại hầu lo cho đứa cháu thương yêu. Việc chữa trị chứng bệnh này quá hao tiền tốn bạc, hy vọng thoát hiểm lại quá mỏng manh, ai cũng biết vậy nhưng ai cũng bảo "còn nước còn tát," nhất là vợ chồng Bảo. Anh Nhi phải nhập viện ở Sài Gòn gần như thường xuyên để được hóa trị, xạ trị và mẹ cháu phải nghỉ làm để ngày đêm cận kề con nơi bệnh viện trong khi bố cháu cứ cách nhật lại đi xe đò hay lái Honda từ Biên Hòa xuống thăm con.

Thương em, Tuyền chỉ biết gửi chút ít tiền bạc trong khả năng mình và cầu nguyện, cầu nguyện thật nhiều. Tuyền cầu cho phép màu xuất hiện, cháu nàng hết bệnh và vợ chồng em nàng, nhờ kết quả đó sẽ có lòng tin nơi Trời Phật và thương yêu nhau hơn. Nàng cũng được nghe

chị nàng kể lại là Bảo, một kẻ trước giờ không biết Trời Phật là gì, nay mỗi đêm đều lập bàn hương án giữa sân để tụng kinh cầu an cho con mình.

Ngày Tuyền từ Mỹ về thăm, nghĩa là cách đây sáu tháng, Anh Nhi đã xuất viện, đã qua được những đợt trị liệu nghiêm trọng mà nhiều bệnh nhân bé nhỏ đã phải bỏ mình vì không chịu nổi. Vợ chồng Bảo rất mừng, tuy cả hai đều biết mạng sống của con mình được đếm từng ngày vì sức khỏe cháu chỉ tạm ổn thôi, vẫn còn phải trị liệu ở dạng "duy trì." Lại một điều, là cả hai vợ chồng đã thối lục đục, chung lưng góp sức để cùng lo cho con. Và lạ nữa, là thần thái cô bé sáng ngời với đôi mắt to đen láy và khuôn mặt vừa xa vắng vừa dịu dàng. Tuy nước da trắng xanh, thân thể gầy gò, đầu tóc nhẵn nhụi không còn một sợi, nhưng cô bé không biểu hiện vẻ yếu đuối mỗi mệt mà trái lại. Cháu nói chuyện nhỏ nhẹ, ngắn gọn vừa phải, nhưng cho thấy rõ lòng tin và một sự hiểu biết về Phật Pháp khá vững so với số tuổi 11 của cháu. Có lẽ đức tin này đã trang bị cho Anh Nhi một sức mạnh khó diễn tả được chẳng, Tuyền không hiểu nổi.

Vào phòng cách ly (vì mẹ cháu rất kỹ, luôn sợ con bị nhiễm trùng từ người ngoài) để thăm cháu, Tuyền đau lòng thấy trên đầu giường cô bé, lẫn với những cuốn sách nhi đồng như bản dịch bộ truyện Harry Potter, có cả những cuốn sách về tâm linh, về sống chết, chẳng hạn như cuốn "Niệm Phật Chuyển Hóa Tể Bào Ung Thư." Rút một cuốn ra đọc thử, nàng nhòa nước mắt khi đọc được câu này "Người ta không kiểm soát được chiều dài của cuộc sống nhưng có thể làm cho nó rộng hơn và sâu hơn." Câu đó hay quá, nhưng cũng khốc liệt quá cho một đứa bé mới 11 tuổi như cháu nàng. Tuyệt, mẹ cháu, cho biết một số kinh sách đó do các ân nhân đến thăm bệnh viện mang tặng, một số do Tuyệt tới chùa thỉnh về vì thấy cháu rất thích đọc và hơn nữa, đọc xong có thể giảng lại cho người chung quanh cùng hiểu. Theo lời Tuyệt, một bác sĩ trẻ điều trị cho Anh Nhi, sau khi nghe cháu nói về Phật Pháp, cô rất quý mến cháu và phát tâm đi công tác thiện nguyện cứu người.

Có thể nói lần về thăm này Tuyền gặp được nhiều ngạc nhiên tốt lành hơn chờ đợi. Ít nhất là nàng không nghe Bảo kể lể về chuyện vợ chồng lục đục nữa và những sự than phiền, trách cứ về

em dâu nàng cũng không còn. Tuyệt đã đổi tánh từ lúc con gái lâm bệnh như có người nhận xét hay vì mọi người thông cảm với sự bất hạnh của cô nên nhận nhượng chín bỏ làm mười, Tuyền không cần biết mà chỉ mong sao vô thường đừng sớm lấy đi chút hạnh phúc mong manh của gia đình này.

Sau hai tuần về thăm, khi trở lại Mỹ nàng phần nào yên tâm hơn. Ít nhất Tuyền đỡ mù mờ hơn về tình cảnh của gia đình Bảo cùng bệnh tình của bé Anh Nhi nhưng đồng thời lòng nàng cũng đầy mâu thuẫn. Nàng muốn tin là cháu mình sẽ hết bệnh, như nhiều người đã kể nàng nghe về những trường hợp phép lạ đã xảy ra cho những bệnh nhân ung thư kể cả ung thư máu. Nhưng nàng cũng biết là xác suất tử vong vì căn bệnh này cũng vô cùng cao, ngay cả ở Mỹ. Nhiều người đã được thay tủy, một hai năm sau, vẫn qua đời vì cơ thể không chấp nhận vật lạ được tiêm vào.

Khía cạnh đen tối này Tuyền không muốn nghe nhưng vẫn nhớ, không muốn nó xảy ra cho cháu nàng, nhưng làm sao nàng đổi thay được định mệnh một khi định mệnh đã an bài. Bên cạnh đó, nàng cũng lo rằng tín tâm của vợ chồng Bảo biết đâu chỉ nảy nở với điều kiện là con họ còn sống, mà nào ai dám chắc cháu Anh Nhi có thể chống, chọi được với tử thần. Thế nên mỗi lần chấp tay cầu nguyện Phật Trời, tâm trạng Tuyền luôn rối bời. Nàng tha thiết xin cho cháu qua khỏi, để ba mẹ cháu tăng tín tâm

nơi Trời Phật và luôn sống hòa ái với nhau dưới ánh từ bi. Nhưng tất cả lại vẫn quy về một tiền đề: làm sao cứu sống được con bé.

Cứ thế, từ mấy tháng nay Tuyền sống trong hồi hộp, đánh đu với định mệnh. Nàng nửa muốn tin vào phép lạ, vào sức mạnh của lời cầu nguyện nhưng nàng cũng sợ vì một lý do nào đó, phép lạ không xảy ra, lời cầu nguyện không được ban cho toại ý. Nhưng làm sao nàng tự cấm mình đừng cuồng nhiệt tin tưởng vào phép mầu. Chính vì ni sư từng quy y cho nàng đã lướt qua được chứng ung thư như một phép mầu kia mà.

Nàng nhớ hồi nhỏ, nàng rất thích được nghe kể chuyện thần tiên cổ tích với các phép thần thông biến hóa phi thường ảo diệu. Lớn lên một chút nàng cũng thích nghe những câu chuyện - có thật lẫn hư cấu - có "happy ending" nhờ phép lạ xảy ra. Đến khi trưởng thành, vào đời, có lúc Tuyền đã tưởng niềm tin vào phép mầu ấy khô cạn dần theo năm tháng với bao phủ phàng diễn ra trong cuộc sống. Nhưng nàng lẫm. Tới chừng có cơ duyên đến với đạo Phật, động lực tiềm ẩn gây hứng khởi cho việc tu tập của nàng vẫn là những chi tiết kỳ diệu phi thường về cuộc đời của các vị nhân có thật trong những tác phẩm do Nguyên Phong phóng tác, từ Hòa Thượng Hư Vân trong Đường Mây Trên Đất Hoa cho đến Lạt Ma Anagarika Govinda trong Đường Mây Qua Xứ Tuyết hay cư sĩ John Blofeld trong Ngọc Sáng Trong Hoa Sen.



Tuyền lần thần cho rằng có lẽ khuyên hướng tin tưởng vào một sự mầu nhiệm nào đó trong nàng đã bắt nguồn từ những ước ao bay bổng ra khỏi những bế tắc, những vấn đề nan giải mà nàng đã gặp phải trong cuộc đời nhiều khổ đau hệ lụy này như một bản năng thoát hiểm mơ hồ. Thốt nhiên Tuyền nhớ đến vị ni sư mà nàng đã tôn làm sư phụ kia, ni sư ấy đã sống còn từ một phép lạ như lời kể. Biết đâu ni sư sẽ giúp nàng tìm được một con đường để đạt đến đó, ni sư sẽ chỉ nàng cách cầu nguyện làm sao cho cháu nàng cũng nhận được phép lạ cứu thoát như ni sư vậy.

Thế là nàng lục tìm địa chỉ email của ni sư, chăm chú thảo một bức thư, đặt hết tấm lòng vào trong đó. Sư phụ nàng đang ở một nơi "khí ho có gáy" ở Việt Nam, muốn check email phải ra tụ điểm vì tính ở đầu chợ, và ni sư lại luôn bận bịu trăm công ngàn chuyện, không biết bao lâu nữa nàng mới nhận được hồi âm. Nhưng kệ, cứ gửi thư đi đã. Đêm đã khuya lắm, để đến 3 giờ sáng rồi. Tuyền gõ những dòng chữ sau cùng và bấm "send," ít nhất thì cơn nặng ngực dường như được cất nhẹ đôi phần, nhẹ đủ để nàng lê chân bước lên phòng ngủ.

Một ngày nặng nề rồi cũng qua. Vẫn giữa đêm quạnh vắng, Tuyền lại ngồi vào bàn computer như mọi ngày, như hôm qua, khi từ sở trở về. Nửa náo nức, nửa chần chừ những e thất vọng, nàng mở hộp thư email. Kia rồi, thư reply hồi đáp của ni sư. Một niềm vui len nhẹ. Nàng mở thư, hồi hộp đọc:

Con thương mến!

Sinh lão bệnh tử là một quá trình công bằng mà nhân loại ai cũng phải trải qua. Ngay đến nhục thân của Phật hay Chúa, dù có nhiều thần thông, cũng phải lìa đời như bất cứ thường nhân nào.

Thâm tín Đạo Phật, không phải là kính tin vào kinh điển, chư tăng ni, siêng đi chùa hoặc thực hiện nhiều nghi lễ tôn giáo. Là Phật Tử, điều tiên quyết là thâm



tín nhân quả và rõ nhân duyên.

Do Tin Nhân Quả nên được không kiêu, mắt không buồn, chọn từng nhân tốt để gieo và chấp nhận các quả không tốt mà mình đã lỡ dại... gieo trồng trong quá khứ.

Rõ Nhân Duyên nên biết cái gì có sinh ắt có tử, có đến ắt có đi. Còn duyên thì hợp, hết duyên sẽ tan...! Lý thuyết là vậy, nhưng ai cũng phải có vài chục lần:

"Dù đã học cõi đời như mộng huyễn

Chưa thuộc bài nên đau xót không người..."

Mỗi khi đưa tiễn một người bệnh nặng mà y học bó tay, Cô thường chia buồn với thân quyến họ, nhưng thành thật chúc mừng cho người đã khuất vì... được thoát khỏi những ngày dài đau đớn, đầy bệnh tật.

Qua những gì con trình bày trong mail, con đã biết cháu bé rất mệt mỏi và đau đớn do thân bệnh của bé, nhưng tâm an lạc, biết tu tập tinh thức... còn khuyến tu cha mẹ và bác sĩ nữa. Như vậy, nếu bé có ra đi sớm, nên chúc mừng cho cháu vì, chắc chắn, cháu sẽ được tái sinh vào một cảnh giới tốt đẹp hơn nhiều. Trong kinh có ghi lại câu chuyện về một đệ tử cư sĩ của Phật lâm trọng bệnh, Ngài chỉ gửi lời nhắn nhủ: "Là Phật Tử, thân bệnh thì có, tâm bệnh thì không." Người đệ tử vâng lời, ra đi và sinh lên cõi thiên.

Riêng cha mẹ của bé, nhờ con bệnh, họ đã biết gạt bỏ sự tranh đấu, tự hiềm... chung tay lo lắng cho con. Nhờ cháu bé, họ đã học được nhiều bài học về vô thường, về sự mong manh của đời sống. Lòng thương con, đã khiến họ phục hồi lòng tử của người cha, lòng bi của người mẹ, làm hết sức để giành giật cuộc sống cho con... Tất cả những bài học đó, con không thấy kỳ diệu sao?

Em bé đã xuất hiện, dạy cho cha mẹ, bác sĩ, và tất cả chúng ta về sự vô thường, huyễn ảo của đời sống để chúng ta sống với nhau hết tình, khỏi phải luyến tiếc, ân hận lúc chia tay. Hãy để em ra đi khi đã làm tròn sứ mạng của mình, chúc mừng cho em được thoát những ngày dài đau đớn, con ạ!

Phải rời xa một đứa con để thương như vậy, cha mẹ nào mà không đau xót. Giả sử họ có nghĩ tụng kinh, không đi chùa, mất niềm tin nơi những gì họ bám víu xưa nay, Cô nghĩ không có ai trách móc hay gờ phạt đâu. Điều cần thiết con giúp họ bây giờ là,

nhắc nhở cho họ biết: nên mừng cho bé được bỏ chiếc thân đau đớn, mệt mỏi... ra đi đến một nơi tốt đẹp hơn. Và, em bé rất thương yêu cha mẹ. Dù không còn trên cõi đời, bé vẫn biết và cảm nhận được sự đau buồn của ba mẹ. Sự bi lụy đó, sẽ làm cho bé khó siêu thoát. Thương con, nên giúp con đi thật an lành.

Con nên tĩnh tâm. Sự an tĩnh của con sẽ giúp con sáng suốt và biết phải làm thế nào để giúp người thân của mình thiết thực nhất.

Sư Cô H.H.

Tuyên đọc đi đọc lại bức thư không biết bao nhiêu bận. Nước mắt nàng ứa ra tự lúc nào. Nàng thổn thức, biết rằng cháu nàng rồi sẽ phải nhắm mắt xuôi tay mà thôi. Ni sư nói nhiều thần thông như Chúa Phật còn phải lia bỏ nhục thân kia mà, huống hồ gì cháu gái nhỏ nhít của nàng, bệnh đã tái phát, bố mẹ hết tiền chạy chữa lại nợ nần tứ tung, đã vậy thể lực của cháu lại quá yếu kém không thể chịu nổi một đợt "vô thuốc" nào nữa cả.

Thế nhưng, sau khi nước mắt đã trào tuôn, một niềm an lạc ấm áp nào đó cũng ùa về làm Tuyên như lâng lâng bay bổng. Ô hay, hình như ni sư có nói về một điều kỳ diệu. "Tất cả những bài học đó, con không thấy kỳ diệu sao?" Nàng lại đọc bức thư một lần nữa. Vâng, bức thư ấy nhắc tới một điều kỳ diệu, mà nàng, trong lúc mong cầu một phép mầu đã không nghĩ đến. Điều kỳ diệu trông thật bình thường, mà không tâm thường chút nào: Đó là lòng tử bi đã nở ra từ trái tim của em trai nàng, của em dâu nàng. Đóa hoa tử bi này bao lâu nữa sẽ héo xào vì nắng gió hay vì thiếu tưới tẩm, nàng không biết và cũng không cần biết trong lúc này. Điều quan trọng nhất là nàng đã biết được những gì thiết thực nhất mà mình cần làm để nâng đỡ các em nàng, nhờ sự tĩnh tâm vừa tìm thấy được từ bức thư đầy minh triết ấy.

Anh Nhi yếu dần dù ba mẹ cháu vẫn cố đưa con đi truyền máu mỗi tuần bằng tiền vay mượn, bên cạnh việc trị liệu theo Đông y. Tuyên vẫn gọi điện thoại về thăm và nói chuyện được với cháu bé. Có lần nàng thật ngạc nhiên lần nể phục khi nghe cháu nói một cách mạch lạc như vậy: "Có người thích tu để thành tiên, còn con, con không muốn tu



thành tiên, vì thành tiên thì còn phải trở lại luân hồi. Con muốn tu thành Phật..."

Rồi chuyện đến phải đến. Khi được tin báo Anh Nhi đã nhẹ nhàng ra đi, tuy đau lòng, Tuyên có cảm tưởng như cháu vừa cắt được một mắc xích trong "Thập Nhi Nhận Duyên" của nhà Phật và vĩnh viễn không còn phải trở lại trần gian nhiều hệ lụy này. Nàng nhắc lại ý tưởng trên để an ủi Bảo, khi nghe đầu dây bên kia tiếng em trai nàng bệu bạo, "Tội nhất là đã hai cái Tết rồi, Anh Nhi ao ước được về nhà ăn Tết mà không thể nào về được. Phải em biết trước như thế này, em cứ lên bác sĩ cho nó về nhà ăn Tết ít bữa..."

Tết này là cái Tết thứ hai gia đình Bảo thiếu bóng Anh Nhi. Nhưng bù lại, cũng nhờ thế mà hai vợ chồng em nàng siêng năng lui tới với ngôi chùa nơi tro cốt Anh Nhi được ký gửi để cùng con sớm tối nghe kinh. Ban đầu, như Tuyên hằng lo sợ, Bảo có phần "phản cảm" với đạo vì con mình đã không được cứu sống. Nhưng Tuyết thì trái lại. Cháu Anh Nhi mất, Tuyết càng tha thiết với chuyện bồ thí, tụng kinh, phóng sanh, công quả, làm phước để hồi hướng cho con. Lòng thành của nàng cuối cùng cũng lay chuyển được Bảo và nay cả hai vợ chồng đều thuận thảo, tin tưởng Phật Trời. Tuyết đã làm tất cả những gì mà một người mẹ thương con đã làm cho con mình, ngay cả khi con không còn trên cõi đời này nữa. Trái tim của người mẹ trong Tuyết đã chuyển thành một đóa hoa "tử bi" để nàng dâng lên cúng Phật và cống hiến cho mọi người.

"Tất cả những bài học đó, con không thấy kỳ diệu sao?" Tuyên nhắm mắt lại. Một lần nữa, lời lẽ đầy ôn tồn của ni sư lại vang vọng trong tâm nàng. Vâng, thưa thầy, con đã thấy.

Nguyễn Thị Minh Thủy

Con đường con đi đó, có ba là “hộ pháp”

THANH THỊ



Con sinh ra trong một gia đình thuần nông, lớn lên với cánh đồng lúa xanh mướt, với mùi rơm rạ; con trưởng thành từ những đêm ngủ tại rẫy cùng ba và em để đem lại sự tươi mát, sức sống cho rừng cà-phê bạt ngàn vào mùa nắng.

Tuổi thơ của con là những ngày theo mẹ ra đồng, bắt cua làm bạn; là những ngày mò mẫm với mảnh đất đỏ bazan nhạt từng hạt cà-phê rơi vãi khi mùa đến. Ký ức tuổi thơ con gắn liền với bạt ngàn bắp và đậu, với cả những mảng tẻ và đêm trắng ngêu ngao mỗi một bài hát: “Trăng rằm sáng lên em đi đến chùa...” Và không thể thiếu được ba, với những đòn roi của mẹ khi mải chơi, quên đường về nhà; để rồi đêm về ba vừa xoa đầu vừa nói: “Tội nghiệp con gái tui.”

Con lớn lên rồi, vợ xa gia đình, đi con đường lý tưởng tâm linh mà con đã chọn. Con đã để lại sau lưng cả cánh đồng lúa xanh non, để lại cả rẫy cà-phê

đang độ đo lựng giữa mùa, con bỏ lại cả nắng và gió cao nguyên; hành trang con mang theo chỉ là tình thương và giọt nước mắt của mẹ, là lời nói của ba: “Hay con đừng đi tu nữa, ở nhà ba nuôi!”

Con từng trách ba không thương con, nhưng con biết có người cha nào mà lại không thương con, hơn nữa con lại là đứa con gái duy nhất của ba, là cháu gái duy nhất của dòng họ bên nội. Làm sao ba lại không thương con cho được.

Con từng giận ba, giận lắm; vì ba không thương mẹ, ba làm mẹ khổ, nhưng khi ba nói câu: “Cô tu rồi mà còn giận dai quá, ba biết ba sai, ba đã sửa sai, vậy mà cô còn giận ba, không về nhà thăm ba lấy một lần,” thì bao nhiêu giận hờn trong con bỗng tan biến hết.

Con về thăm ba vào một ngày cuối tháng Giêng, cái lạnh tê tái của xứ cao nguyên vẫn chưa tàn, con sung sướng hòa mình vào mùi của “rừng bông tuyết trắng” đặc trưng của xứ cao nguyên - hoa cà-phê. Con hạnh phúc đi quanh góc sân thân quen ngày xưa, hái những quả mận trái mùa, ngắm hàng cau kiểng ba vừa trồng năm ngoái. Khi con thấy mình lớn lên đôi chút, ba đã vội già đi. Lúc xưa ba hay gọi con lại, nhờ con lấy hạt lúa kẹp vào cọng tóc bạc, nhổ tóc bạc cho ba. Giờ đây tóc ba đã bạc trắng, hạt lúa nào dám làm nhiệm vụ nhổ tóc nữa? Cô bé ngày nào giờ nhìn tóc ba chỉ chực trào nước mắt, sợi đen sợi trắng, nhổ sợi nào đây ba ơi?

Con ở Sài Gòn bao năm, quen mùi khói bụi, quen cái hồi hả tấp nập, quen cảnh kẹt xe hàng giờ đồng hồ khi đi học về chiều, cũng quen luôn cảnh ngập nước tới nửa thân người khi mùa mưa đến. Đôi lần con vấp ngã với cái tôi quá lớn, sự chuyển hóa tâm thức trong con chưa trọn vẹn, con bắt lực với chính

minh - là lúc những kỷ niệm về một thời quá khứ ủa về trong con, nhớ về một nơi mà ở đó con đã được yêu thương hết mực, ở đó có một người với câu nói vẫn in đậm mãi trong tâm trí: “Sao con biết ba không thương con?”

Con đi rồi, em cũng bước theo con, ba như suy sụp hoàn toàn. Ba thương em, ba thương đứa con đã kề cận sớm tối bên ba bao năm nay, ba thương em con nhỏ dại, tính hay lật lòng, ba sợ em bị người ta ăn hiếp, ba lo đủ thứ, ba không cho em đi theo con đường như con đang đi. Nhưng rồi em cũng quyết dứt áo ra đi, bỏ lại là nước mắt của ba. Lần đầu tiên ba khóc, khóc cho đứa con trai mà ba thương nhất.

Mùa cà-phê năm ấy, không có em, cà-phê vẫn chín mọng đúng độ. Ba cười mỉm khi thấy em trông chừng chặc với bộ đồ nâu hò, quét từng chiếc lá bồ-đề trong sân, hay lúc lật từng lá mai. Đó là lần đầu tiên ba vào Sài Gòn, thăm đứa con trai nổi đời tông đường của ba. Thấy con đã lớn, ba yên tâm ra về với tượng Bụt em tặng, như mang cả thế giới của Bụt về nhà.

Đối với ai đó là bốn mùa yêu thương, nhưng với con: ba là cả trời yêu thương. Vì ba đã cho con hình hài, lại cho con cả một tuổi thơ đẹp; và rồi giờ đây, ba vẫn đang tiếp tục hy sinh cho con, là hộ pháp, trong vai ông thí chủ ủng hộ hết lòng cho sự tu học của con. Ôn sâu đậm như vậy, khi nào con mới trả hết đây?

Tháng nữa lại về trong quy luật tuần hoàn của vũ trụ. Vẫn còn đó cánh đồng lúa ngai ngái mùi rơm rạ, vẫn còn rừng cà-phê bạt ngàn xanh mướt và những trái chín đầu mùa chen chúc trong nách lá xanh, và vẫn còn đó ba - người mà con có lỗi nhiều nhất. Ba ơi! Sài Gòn vẫn nắng mưa thất thường với con đường đến trường ngập úng, ngày tháng này, ở nơi ấy có còn lạnh se thất sớm không ba?



Minh họa

PHÁT TRIỂN MỘT XÃ HỘI LÀNH MẠNH CĂN CỨ TRÊN PHẬT GIÁO TÂY TẠNG, HỒI GIÁO, KI TÔ GIÁO, KHỔNG GIÁO VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CĂN BẢN CỦA LOÀI NGƯỜI

Nguyên tác: *Developing a Healthy Society Based on Tibetan Buddhist, Muslim, Christian, Confucian and Basic Human Ethical Values*

Tác giả: **ALEXANDER BERZIN**

(Fourth World Youth Buddhism Symposium /Hong Kong, China /August 3, 2014)

Chuyển ngữ: *Tuệ Uyển*

GIỚI THIỆU

Một trong những nguyên tắc quan trọng nhất của Phật Giáo Tây Tạng là tương duyên sanh khởi hay duyên sanh. Không điều gì có thể tồn tại hay có thể xảy ra trên chính nó mà không liên hệ và nương tựa vào những nhân tố khác. Hơn thế nữa, mọi thứ sinh khởi từ một phức hợp của nhiều nguyên nhân và hoàn cảnh; không thứ nào sinh khởi từ việc chỉ dựa trên một nguyên nhân hay từ hoàn toàn không nguyên nhân. Thí dụ, một thân thể khỏe mạnh sinh khởi, trên trình độ nội tại, lệ thuộc trên tất cả những nội tạng và hệ thống chức năng của nó biểu hiện trong sự hòa điệu với nhau. Về trình độ ngoại tại, sức khỏe tốt cũng tùy thuộc vào thuốc men, dinh dưỡng, sự sẵn sàng ân cần từ người khác, môi trường, và v.v... Tương tự thế, một xã hội lành mạnh sinh khởi, trên trình độ nội tại, lệ thuộc vào toàn thể những nhóm thành viên của nó hợp tác với nhau và hoạt động hòa hiệp với nhau. Ở trình độ ngoại tại, xã hội lành mạnh cũng tùy thuộc vào những nhân tố kinh tế, chính trị môi trường, cũng như hoàn cảnh thế giới trong tổng quát.

Đạo đức cũng đóng một vai trò thiết yếu trong việc mang lại cả cá nhân và xã hội lành mạnh. Nếu mọi người không thực hiện đạo đức tự giác hay kiểm chế khỏi những lối sống và thái độ không lành mạnh, và thay vì dẫn thân trong hoạt động lành mạnh, thì họ sẽ bệnh hoạn. Tương tự thế, nếu những nhóm khác nhau trong xã hội không gìn giữ những nguyên tắc đạo đức mà họ cùng chia sẻ, xã



hội cũng sẽ rơi vào bệnh hoạn. Điều quan trọng nhất trong những nguyên tắc đạo đức này là kiểm chế khỏi tính vị kỷ, và thay vì thể dẫn thân trong những thái độ vị tha với sự quan tâm chân thành đến lợi ích của những người khác.

Trong những xã hội đa văn hóa, mỗi nhóm thành viên có tôn giáo hay triết lý đặc thù của nó để tổ chức và hướng dẫn thái độ đạo đức của nó và một số thành viên nào đó của xã hội không theo bất cứ tôn giáo hay triết lý đặc thù nào cả. Phương pháp cho việc giảm thiểu vị kỷ và làm lớn lòng vị kỷ có thể khác nhau trong mỗi nhóm, nhưng nếu mục tiêu là giống nhau - việc

tao nên một xã hội đa văn hóa hòa hiệp và hạnh phúc - một xã hội như vậy sẽ sinh khởi một tùy thuộc vào sự thấu hiểu, tôn trọng và hợp tác hỗ tương của tất cả những nhóm thành viên.

Để làm sáng tỏ điểm này, hãy tưởng tượng là một trong những hành khách trên một chuyến tàu nghiên cứu bị kẹt trong băng ở Nam Cực trong tháng 12, 2013. Năm mươi hai nhà khoa học và du khách bị giam lỏng ở đây trong 10 ngày, và những thủy thủ bị kẹt lại ở đây lâu hơn sau khi các hành khách được máy bay đưa đi an toàn tới một tàu khác đến để cứu họ. Trong tai nạn ấy, không ai biết bao lâu nữa họ sẽ được cứu khỏi nơi mắc kẹt. Cách duy nhất cho nhóm ấy sinh tồn với môi trường khắc nghiệt và thực phẩm giới hạn là sự hợp tác với nhau giữa họ. Nếu mỗi người ích kỷ chỉ biết đến họ thì sẽ là một thảm họa. Chìa khóa cho sự tồn tại của mỗi người, là tuân theo những nguyên tắc đạo đức căn



bản, mặc dù họ đến từ những tôn giáo và nền tảng văn hóa khác nhau.

Hãy tưởng tượng rằng trong những người hành khách là những lãnh tụ tâm linh của Phật Giáo, Hồi giáo, Ki tô giáo, và Khổng giáo, và cũng là một lãnh tụ thế tục được mọi người trên tàu tôn kính, kể cả những người không theo một tôn giáo hay triết lý nào. Những lãnh tụ này, mỗi người sẽ đối diện với thử thách như thế nào? Cung cách suy nghĩ của mỗi người và mỗi người đã khuyến bảo người khác trong nhóm như thế nào. Cuối cùng mọi người lo lắng và sợ hãi, và mỗi hành khách ngay cả giận dữ vào những gì đã xảy ra hay trở thành kẻ gây sự, và hầu hết thì thất vọng.

Phương Pháp Của Việc Phát Triển Đạo Đức Căn Cứ Vào Phật Giáo Tây Tạng

Lãnh đạo Phật Giáo Tây Tạng có thể đã nhắc nhở mọi người Phật tử trong nhóm lời của một đại đạo sư Ấn Độ, Tịch Thiên, liên quan đến sự kiên nhẫn: "Nếu có phương pháp, tại sao phải lo lắng? Và nếu không có phương pháp thì lo lắng có ích gì?" Nói cách khác, nếu có điều gì đó mà quý vị có thể làm để thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn, thế thì không có gì phải khó chịu, chỉ thực hiện. Nhưng nếu không có gì có thể làm, thế thì tại sao khó chịu? Sẽ không có ích gì. Trong thực tế, nó chỉ làm quý vị cảm thấy lo lắng hơn. Cho nên không có lý do gì để giận dữ hay chận nản. Thay vì thế, quý vị cần phát triển sự kiên nhẫn và can đảm để đối diện với thử thách.

Bây giờ thì, những gì sẽ hỗ trợ trong một hoàn cảnh chẳng hạn như ở trên một chiếc tàu kẹt trong băng là phải có một thái độ thực tiễn. Trước tiên nhất, hoàn cảnh đã sinh khởi lệ thuộc trên nhiều nhân tố; không có người nào hay nhân tố bị quy cho trách nhiệm và để làm ta giận dữ. Sự thật là mỗi người trên chuyến tàu ấy sinh trưởng một cách lệ thuộc vào rất nhiều nhân tố. Trước nhất, có những lý do khác nhau cho mỗi người để tham gia vào chuyến thám hiểm, và những lý do ấy liên hệ với sự kiện mỗi người đã từng phát triển năng khiếu trong một lãnh vực khoa học nào đó hay có sự thích thú và tiền bạc để hiện diện cùng nhau. Thế rồi có những nguyên nhân nghiệp chướng từ đời trước đã chín muồi trong sự hiện diện của quý vị trong chuyến tàu ấy, trong kiếp sống hiện tại. Cũng có sự ảnh hưởng của những người khác không tham gia chuyến thám hiểm ấy, nhưng cũng trong việc quý vị có thể tham gia, như không có sự phản đối của gia đình quý vị hay các ông chủ của quý vị. Rồi thì có những lý do tại sao các nhà khoa học thám hiểm cam đoan, tại sao nó được chọn, vị trí địa lý ở Nam Cực, thời tiết, và v.v... Bị kẹt trong băng ở đây đã lệ

thuộc vào tất cả những nhân tố này. Đây là thực tại. Nếu bất cứ một trong những nhân tố ấy thiếu vắng, quý vị sẽ không ở đây trong tình trạng hiểm nguy này. Nơi mà, trong trường hợp này, là của một mạng lưới không lồ về các nguyên nhân và điều kiện. Có bất cứ điều gì đặc thù để mà than phiền đến và để giận hờn đến không? Cho nên khi quý vị để ý rằng quý vị đang bắt đầu sân hận hay khó chịu không, hay quý vị có vô số phiền não lo lắng, hãy lắng dịu xuống bằng việc tập trung vào hơi thở của quý vị, hãy thở một cách chậm rãi qua lỗ mũi và, nếu thích, hãy đếm hơi thở của quý vị trong một vòng 10 hơi thở.

Hãy nhớ rằng, cho đến khi thời tiết trong sáng và một chuyến tàu cấp cứu đến, thì không có việc gì mà bất cứ người nào có thể làm để làm tăng tốc việc cấp cứu. Sẽ là một phép mầu để nghĩ rằng bất cứ ai trong chúng ta có thể kiểm soát tình hình, bởi vì những gì xảy ra và vấn đề tất cả chúng ta xoay sở tình cảnh như thế nào cũng sinh khởi một cách lệ thuộc vào vô số các nhân tố. Hơn thế nữa, thực tế là tất cả chúng ta ở trong cùng một hoàn cảnh. Đây không chỉ là rắc rối của tôi hay rắc rối của bạn. Vấn nạn của việc sống còn là vấn nạn của tất cả mọi người, và vì thế chúng ta cần nhìn xa hơn quan điểm vị kỷ của chúng ta để nghĩ về vấn đề tất cả chúng ta phải đối phó thế nào với hoàn cảnh khó khăn này? Chúng ta không thể kiểm soát thời tiết hay việc đến nơi của chuyến tàu cấp cứu, nhưng những gì chúng ta có thể tác động là thể trạng tâm thức của chúng ta, một cách đặc biệt vẫn để chúng ta quan tâm đến mỗi người bên cạnh như thế nào?

Một cách để vượt thắng chỉ suy nghĩ về mình là hãy nhận ra rằng mọi người ở đây đã từng là mẹ hay cha của bạn trong một kiếp sống trước nào đó và đã đối xử thật ân cần và tử ái với bạn. Vì thế hãy nhìn mỗi người ở đây như người mẹ hay cha đã lưu lạc từ lâu những người mà quý vị đã không gặp trong nhiều kiếp sống. Với một lòng cảm kích chân thành sâu xa về sự tử tế mà bạn đã tiếp nhận trong quá khứ từ mỗi người trên tàu, bạn sẽ tự nhiên phát triển một cảm giác nồng ấm bất cứ khi nào bạn thấy họ. Hãy đem cảm giác nồng ấm xa hơn và phát triển nguyện ước cho mỗi người trong họ được hạnh phúc và không ai phải khổ sở. Tất cả chúng ta là bình đẳng trong sự tôn trọng ấy. Xa hơn nữa, mỗi người có cùng quyền để hạnh phúc và không khổ đau. Giống như với sự cung cấp thức ăn giới hạn, mọi người muốn và cần ăn. Tự ta không muốn đói, và mọi người khác cũng vậy. Với thái độ này về lòng tử ái và bi mẫn, căn cứ trên sự bình đẳng thái độ của chúng ta về tự thân và người hãy, hãy lãnh lấy trách nhiệm, rồi thì cố gắng để đem hạnh phúc đến mọi người và giải tỏa tất cả mọi khổ đau cho họ. Điều này có nghĩa là hãy chăm sóc đến lợi ích của toàn thể mọi người trong hoàn cảnh khó khăn này và thể hiện sự hỗ trợ tối đa mà ta có thể, như quý vị hành động vì người cha và người mẹ của quý vị trong kiếp sống này.

Lãnh đạo Phật Giáo có thể cũng khuyến tấn những Phật tử khác trong nhóm để triển khai sức mạnh và can đảm để giúp người khác bằng việc thực tập điều gọi là "cho và nhận." Vài lần trong ngày, người ấy sẽ nói với họ, hãy ngồi im lặng thiền quán, và bắt đầu làm lắng dịu xuống bằng việc tập trung vào hơi thở và tái củng cố động cơ của quý vị về tử ái và bi mẫn. Với nguyện ước bị mẫn mạnh mẽ cho người khác được thoát khỏi khổ đau của họ, tưởng tượng rằng nỗi sợ hãi và lo lắng của mỗi người rời họ trong hình thức của ánh sáng màu đen và đi vào lỗ

mũi của quý vị khi quý vị thở vào một cách chậm rãi trong vài lần. Hãy tưởng tượng nó đi xuống tim của quý vị và đi tan biến ở đây vào trong sự tĩnh lặng và trong sáng của tâm thức quý vị. Hãy ngồi nghỉ trong thể trạng tĩnh lặng và trong sáng trong một lúc.

Rồi thì với niềm hạnh phúc tĩnh lặng sẽ tự sinh khởi từ sự khuây khỏa sự xáo động tinh thần của những người cha người mẹ quá khứ của quý vị, hãy tưởng tượng rằng cảm giác tĩnh lặng của hạnh phúc, ấm áp và từ ái, trong ánh sáng trắng, đi từ tim của quý vị, qua lỗ mũi của quý vị khi quý vị thở ra từ từ. Làn ánh sáng trắng này của từ ái và hạnh phúc đi vào mọi người, tràn đầy thân thể họ và bây giờ hãy tưởng tượng tất cả họ đều có tâm tư hòa bình và một thái độ yêu mến, tích cực. Trong khi làm việc này, nếu quý vị trì tụng mật ngôn bí mật, "Om mani padme hum," nó sẽ giúp cho quý vị tĩnh lặng tâm thức và tập trung, và duy trì sự chính niệm về bí mật.

Mặc dù hành thiền như thế này có thể không có bất cứ hiệu quả trực tiếp nào đối với những người khác trên tàu, nhưng nó sẽ cho quý vị sức mạnh, lòng can đảm và sự tự tin để đối phó với hoàn cảnh, và chính quý vị sẽ tự nhiên có sự hòa bình trong tâm hồn và một thái độ yêu mến tích cực. Tuy nhiên, sự thực tập này có một hiệu quả gián tiếp đến những người khác, bởi vì cách mà quý vị cư xử và sự tương tác với họ do bởi sự thiền tập của quý vị sẽ là một kiểu mẫu tốt đẹp có thể truyền cảm hứng đến những người khác.

Phương Pháp Căn Cứ Vào Hồi Giáo

Vị lãnh đạo tinh thần của Hồi Giáo rồi thì có thể nói với những người Hồi Giáo trên tàu. Ông ấy sẽ giải thích rằng chính ý chí của Thượng đế mà tất cả chúng ta đã bị kẹt ở đây trong băng. Chúng ta không thể kiểm soát được những gì sẽ xảy ra; cho dù chúng ta được cứu thoát hay tất cả chúng ta chết bây giờ ở trong tay Thượng đế. Nhưng hãy nhớ, Thượng đế hoàn toàn thương xót từ bản chất và một cách đặc biệt thương xót đối với những ai đã hối cải với những lỗi lầm của họ. Cho nên nếu quý vị đã mất niềm tin trong Thượng đế và đã bắt đầu nghi ngờ, thì hãy hối cải và yêu cầu Thượng đế tha thứ. Hoàn toàn tin tưởng trong sự phán xét của Thượng đế, không có gì cần phải lo lắng.

Vị ấy đã nói với họ hãy nhớ ba chiều kích của Hồi Giáo: quy phục hay giao mình cho Thượng đế và Ý chí của Ngài, tin tưởng trong Thượng đế căn cứ vào sự khiêm hạ trong khuôn mặt của tất cả mọi tạo vật của Thượng đế, và tuyệt vời trong cả bản chất và hành động của việc phụng sự đối với tất cả những tạo vật này của Thượng đế. Vị ấy có thể động viên họ bằng việc nhắc nhở họ rằng nếu quý vị vững vàng với niềm tin trong Ý chí của Thượng đế, quý vị sẽ hoàn toàn an bình. Không có gì để nghi ngờ hay lo lắng đến.

Vị ấy có thể nói với họ xa hơn rằng Thượng đế đã tạo ra tất cả quý vị với Tâm Linh của Ngài trong tim của quý vị, trong thể trạng thuần khiết nguyên sơ, và đã phú cho mỗi người trong quý vị với những phẩm chất tốt đẹp, chẳng hạn như yêu thương. Sự yêu thương của Thượng đế cho tất cả chúng ta là cảm giác về sự gần gũi của Ngài đối với tất cả sự tuyệt vời mà Ngài đã tạo ra. Cách tốt nhất cho quý vị là biểu lộ lại lòng yêu thương của quý vị đối với Thượng đế là sự tôn sùng Ngài qua những hành động tuyệt vời của quý vị trong việc phụng sự những tạo vật của Ngài, một cách đặc biệt bằng hành động ân cần tử tế của quý vị và giúp đỡ tất cả



những hành khác đồng hành với quý vị. Cuối cùng, kinh Koran dạy chúng ta rằng Thượng đế yêu thương những ai hành động với đạo đức và chí nguyện của họ, chẳng hạn như cầu nguyện 5 lần mỗi ngày, và những ai công bằng và chính trực.

Hãy nhớ rằng, khi quý vị triển khai lòng yêu thương cho người khác trong cung cách tinh khiết nhất của nó, lòng yêu thương của quý vị không phải chỉ cho chính những này mà thôi, mà là lòng yêu thương cho Thượng đế người đã tạo ra đặc tính tuyệt vời và tốt đẹp trong họ. Cho nên đấu tranh chống lại sự sợ hãi, nghi ngờ, và những tư tưởng vị kỷ của quý vị. Sự đấu tranh cao nhất, cuối cùng là chống lại những sự bức chế tiêu cực của trái tim bối rối của quý vị mà đã làm cho quý vị quên lãng Thượng đế và điều ấy đã kích động quý vị đến những tư tưởng và thái độ tiêu cực.

Những Phương Pháp Căn Cứ Trên Ki Tô Giáo

Tiếp theo vị lãnh đạo của Ki Tô Giáo có thể phát biểu với những Ki Tô hữu trên tàu. Vị ấy cũng có thể nhắc nhở họ rằng Thượng đế, Cha của chúng ta, đã tạo ra tất cả chúng ta từ lòng yêu thương của ngài. Càng tĩnh thức về lòng yêu thương ấy, quý vị càng gần gũi hơn với cảm nhận của Thượng đế. Cách tốt nhất để trải nghiệm sự gần gũi với Thượng đế là qua việc tôn trọng triệt để những đạo đức và các giá trị căn cứ trong lòng yêu thương mà với nó quý vị được tạo ra. Thượng đế đã tạo ra tất cả quý vị trong hình ảnh của Ngài, với tia sáng từ lòng yêu thương của Ngài trong tất cả quý vị. Vì thế tất cả quý vị có khả năng để biểu lộ lòng yêu thương ấy.

Hãy nghĩ về Chúa Giê-su, người, không có tư tưởng nào về sự thoải mái hay sự an toàn riêng cho ngài, đã đau khổ vì lợi ích của tất cả chúng ta, chết trên thánh giá và rồi sống lại từ sự chết để cứu rỗi chúng ta từ những tội lỗi của chúng ta. Nếu quý vị tin tưởng trong Giê-su, hãy tuân theo gương vị tha của ngài trong việc săn sóc người bệnh, người nghèo và túng thiếu với lòng yêu thương vị tha của Giê-su. Thượng đế cũng đã tạo nên tất cả họ và Thượng đế phải có một mục tiêu trong việc tạo ra họ. Do thế, quý vị cần tôn trọng tất cả họ, một cách đặc biệt người túng thiếu, như con cái của Thượng đế. Hơn thế nữa, Thượng đế đã đưa chúng ta đến hoàn cảnh này, bị kẹt trong băng như một thử thách với đức tin của chúng ta. Sẽ có nhiều người trên tàu sẽ đầy sợ hãi và tuyệt vọng. Hãy củng cố đức tin của quý vị bằng việc chăm sóc những con cái túng thiếu của Thượng đế, như Giê-su đã chăm sóc họ, với lòng yêu thương và thiện ý.

Phương Pháp Căn Cứ Trên Những Nguyên Tắc Của Khổng Giáo

Tiếp theo, vị lãnh đạo Khổng Giáo có thể nói với các hành khách cùng niềm tin. Vị ấy có thể nói với họ đừng lo lắng. Quý vị cần hành động với nghĩa (义), công bằng với mọi người, vị ấy có thể nói, phù hợp với lễ (礼), những gì thích đáng và phù hợp khi đối diện với những lúc khó khăn. Cho dù quý vị sống còn hay chết sẽ là kết quả của [số] mệnh (命), nhưng cho đến khi mà quý vị làm những gì đúng đắn thì sẽ không có gì hối tiếc. Việc thích đáng để làm là tuân thủ tất cả những chương trình chính thức của chiếc tàu cho việc đối phó với tình trạng khẩn cấp. Phù hợp với thuyết chánh danh (正名), nếu thuyền trưởng hành động thì hành động như thuyền trưởng nên làm, và hành khách hành động như hành khách phải làm, và nếu các hành khách hành động đối với mỗi người như những hành khách đồng hành nên làm, thế thì quý vị sẽ hòa hiệp với những gì mà hoàn cảnh kêu gọi.

Tất cả quý vị có lòng nhân (仁), khả năng nội tại để làm những gì tốt đẹp, những gì đúng đắn trong mọi quan hệ với người khác. Nhân là cội nguồn của tất cả những phẩm chất lương thiện, chẳng hạn như yêu thương, trí tuệ, chân thành và công bằng trong việc đối diện với mọi người. Quý vị cần trau dồi năng lực nội tại này vì sự tốt đẹp, vì không có nó, quý vị không thể chịu đựng nổi khó khăn, quý vị sẽ không thể làm điều gì thích đáng.

Khi được hỏi điều gì là năng lực nội tại, Khổng Tử nói, "*Nhân giả tiên nan nhi hậu hoạch, khả vi nhân hĩ.*" (仁者先難而後獲, 可謂仁矣. người nhân là trước tiên là làm những việc khó khăn, sau đó đạt được - như vậy gọi là nhân). Nói cách khác, khi đối diện với một hoàn cảnh khó khăn, như chúng ta hiện có, quý vị sẽ có thể nắm lấy hoàn cảnh và đối phó với nó trong một thái độ kiên nhẫn, với sự công bằng với mỗi người, bằng việc trau dồi năng lực nội tại của quý vị cho việc làm điều gì là đúng. Trong một cách thay đổi để thấu hiểu, điều này nói là "Người nhân trước tiên có những khó khăn và sau cùng là lúc nắm lấy cơ hội, đây gọi là nhân (仁)." Điều này chứng tỏ rằng trong những hoàn cảnh khó khăn, quý vị làm điều gì là đúng đơn giản bởi vì nó đúng, không có bất cứ quan tâm đến lợi lạc nào về nó hay việc đạt được cho riêng mình bất cứ điều gì.

Quý vị có thể học cách trau dồi năng lực nội tại này như thế nào bằng việc nhìn vào những tấm gương tử trong lịch sử những người cao thượng đã làm những việc đúng với đạo đức khi đối diện với một thảm họa xã hội. Khổng Tử nói, "Phu nhân giả, kỷ dục lập nhi lập nhân; kỷ dục đạt nhi đạt nhân." ("夫仁者, 己欲立而立人; 己欲達而達人." Một người đã trau dồi năng lực nội tại cho sự tốt lành, khi mong ước cho chính mình được thiết lập một cách thích đáng, thì cũng thiết lập cho người một cách thích đáng, và khi mong ước cho chính mình được thành công, thì cũng làm cho người được thành công.) Khổng Tử cũng nói, "Khắc kỷ phục lễ vi nhân. Nhất nhật khắc kỷ phục lễ, thiên hạ quy nhân yên" ("克己復禮為仁。一日克己復禮, 天下歸仁焉。" Để vượt thắng vị kỷ và tuân theo những gì thích đáng, đây là năng lực nội tại cho tốt lành. Nếu trong một ngày ta có thể vượt thắng vị kỷ và tuân theo những gì thích đáng, rồi thì mọi người trong thiên hạ sẽ quay về với điều nhân.) Khi được hỏi xa hơn về nhân



(仁) là gì, Khổng Tử đáp rằng đây là lòng thương mọi người. Những ai với nhân, ngài giải thích, là can đảm và gan dạ. Cho nên trau dồi năng lực nội tại là làm những gì đúng như những hành khách thích đáng nên làm, tuân theo những thủ tục đúng như thuyền trưởng chỉ dẫn, và rồi thì cho dù điều gì xảy ra đi nữa, quý vị sẽ không bao giờ có bất cứ sự hổ thẹn nào.

Phương Pháp Căn Cứ Trên Những Giá Trị Căn Bản Của Nhân Loại

Vị lãnh đạo thế tục sau đó có thể phát biểu đến toàn bộ hành khách. Vị ấy có thể nói với họ rằng mặc dù có những tín đồ của Phật Giáo, Hồi Giáo, Ki Tô Giáo và Khổng Giáo trong quý vị, cũng có nhiều người không theo một tôn giáo hay triết lý nào. Tất cả chúng ta cần hành động trong một thái độ đạo đức đối với mỗi người nhằm để sống còn qua sự thử thách này. Điều này cũng bao gồm những người không tin ngưỡng. Nếu chúng ta đấu tranh với nhau, chúng ta sẽ không bao giờ tồn tại. Những ai trong chúng ta theo một hệ thống tôn giáo hay triết lý hãy có đức tin và tin tưởng trong hệ thống giáo lý của quý vị để hướng dẫn thái độ đạo đức của quý vị, và như vậy là tuyệt vời. Mặc dù những lý do cho việc hành động trong một cung cách đạo đức có thể khác nhau trong quý vị, tuy thế sự tự tin sẽ cho quý vị sức mạnh nội tại cần thiết để hành động trong một cung cách yêu thương đối với người khác. Tất cả những hệ thống tôn giáo và triết lý dạy chúng ta tử ái, bi mẫn, tha thứ, toại nguyện và giảm thiểu thái độ vị kỷ tàn phá của chúng ta. Tuy nhiên, đây là những giá trị mà những ai thiếu vắng một đức tin hay tin ngưỡng trong một hệ thống tôn giáo cũng chấp nhận như đáng giá để phát triển. Những điều này được gọi là "những giá trị đạo đức căn bản của nhân loại."

Nếu chúng ta nghĩ trên trình độ của những giá trị nhân loại căn bản này, thế thì tất cả chúng ta cùng chia sẻ một căn bản cho thái độ đạo đức của chúng ta, và điều này sẽ là chìa khóa cho sự sống còn của chúng ta như một nhóm. Chúng ta cần duy trì sự an bình, hòa hiệp và hợp tác giữa chúng ta, nhưng nền hòa bình ngoại tại lệ thuộc vào sự hòa bình nội tại. Nói cách khác, nền hòa bình ngoại tại sẽ tùy thuộc vào việc mỗi chúng ta duy trì một tâm hòa bình, tĩnh lặng. Sự hòa bình của tâm hồn liên hệ rất nhiều đến thái độ của quý vị đối với nhau. Nếu quý vị chấp chứa những tư tưởng không yêu thương đối với nhau, và luôn luôn nghĩ chỉ về chính quý vị

và làm sao quý vị thành công, thế thì khi quý vị tương tác với người khác, quý vị lo sợ họ sẽ làm tổn thương quý vị trong một cách nào đó và ngăn ngừa quý vị thành công. Quý vị không tin tưởng họ và vì thế đẩy áp với sợ hãi và nghi ngờ. Họ, đáp lại, sẽ cảm thấy điều này trong quý vị và, hậu quả cũng sẽ không tin tưởng quý vị. Điều này tạo nên một khoảng cách giữa chính quý vị và người khác; nó làm một rào cản để có bất cứ sự đối thoại thật sự nào giữa họ. Khoảng cách và rào cản này làm quý vị cảm thấy không an toàn và cô đơn. Cảm giác bất an, quý vị thiếu sự tự tin để đối diện với những thử thách về hoàn cảnh khó khăn của chúng ta. Quý vị trở nên thất vọng. Trái lại, càng cảm thấy gần gũi với người khác trong nhóm, thì quý vị sẽ càng cảm thấy rằng quý vị là một bộ phận của cộng đồng. Quý vị cảm thấy quý vị thuộc vào nhóm và điều này sẽ làm quý vị cảm thấy an toàn hơn. Một khi quý vị cảm thấy an toàn hơn, thì quý vị sẽ tự nhiên đạt được sự tự tin hơn.

Loài người chúng ta là những động vật xã hội. Giống như một xã hội động vật, như một con trâu, bị tách rời khỏi đàn, nó cảm thấy rất bất an và sợ hãi, nhưng khi nó gia nhập lại vào đàn, nó cảm thấy vui sướng hơn; tương tự thế chúng ta cũng đau khổ khi chúng ta bị cô lập với người khác. Tuy nhiên, thường thường ngay cả khi quý vị hợp đoàn với người khác, nếu tâm tư quý vị đầy áp với sự không tin tưởng và nghi ngờ, thái độ của quý vị cô lập quý vị với việc tiếp nhận bất cứ sự thoải mái hay hỗ trợ từ tập thể. Cho nên xin hãy vui lòng nhận ra rằng sự thoải mái căn bản của tâm tư quý vị và khả năng duy trì hy vọng cho một kết quả đáng mừng của việc bị kẹt ở đây trong băng lệ thuộc vào thái độ của quý vị đối với người khác trong nhóm. Khi quý vị phát triển một cảm giác gần gũi với mỗi người trong nhóm, cảm giác ấy cho bạn sức mạnh nội tại và sự tự tin. Quý vị không còn cảm thấy yếu đuối và nghi ngờ. Sự tự tin của quý vị và cảm giác an toàn cho phép quý vị tin tưởng nhau, và sự tin tưởng đem đến mỗi thân hữu chân thành.

Một số người nghĩ rằng họ sẽ có nhiều bạn hơn nếu họ có tiền bạc và quyền lực. Nhưng những người bạn như vậy chỉ là bạn của tiền và quyền của quý vị. Khi tiền bạc và quyền lực không còn nữa, những người bạn như vậy biến mất. Những người bạn chân thật không như vậy. Những mối quan hệ thân hữu chân thành vốn mang đến niềm vui và hạnh phúc được xây dựng trên căn bản của sự tin tưởng hỗ tương căn bản. Khi quý vị cởi mở và chân thành với nhau, quý vị cảm thấy không chỉ an toàn hơn và tự tin hơn, mà tâm tư quý vị cũng thanh thản hơn. Trong một thể trạng như vậy, quý vị có thể thâm nhập vào sức mạnh với những người khác và đối phó với khó khăn mà tất cả chúng ta như một nhóm đang hiện hữu. Sau cùng, không chỉ tôi bị kẹt trong băng hay không chỉ quý vị bị trong băng; mà đúng hơn tất cả chúng ta bị kẹt trong băng.

Ngay cả khi chúng ta ra khỏi tình trạng khó khăn này,

nếu quý vị duy trì thái độ cởi mở tích cực này đối với người khác, quý vị sẽ tiếp tục có những mối thân hữu ấm áp, tin tưởng. Sẽ luôn luôn có những khó khăn trong đời sống. Thật là khờ dại nếu tưởng tượng rằng quý vị sẽ không bao giờ gặp phải bất cứ rắc rối nào nữa trong tương lai. Nhưng với sự cởi mở, chân thành, và tự tin và tin tưởng có từ chúng, quý vị sẽ được chuẩn bị sẵn sàng để tham gia với những người khác, và người khác sẽ nhiệt tình hơn để tham gia với quý vị trong việc đối phó với bất cứ điều gì có thể xảy ra - tốt hay xấu.

Nếu quý vị hỏi, lý do gì phải sống đạo đức, đơn giản chỉ bởi vì chúng ta là những con người. Chúng ta phải đạo đức bởi vì chúng ta sống với nhau và lệ thuộc vào mỗi người nhằm để sống. Nếu quý vị không quan tâm đến hạnh phúc và lợi ích của kẻ khác, và thay vì thế tạo rắc rối, thì chính là quý vị cuối cùng sẽ đau khổ bằng việc tự cô lập khỏi họ và tự tách rời mình ra khỏi sự chăm sóc và quan tâm của họ.

Có hai loại chăm sóc và quan tâm cho người khác. Một là căn cứ trên cảm xúc và tự định hướng về với cả nhân mình và những gì quý vị có thể đạt được từ người khác. Cho đến khi mà người khác dễ thương với quý vị hay họ tế nhị chung chung, thế thì quý vị thích họ và quan tâm đến hạnh phúc của họ. Quý vị không muốn họ khổ đau hay bất hạnh. Nhưng đến khi mà họ bắt đầu cư xử không đứng đắn và hoặc là tổn thương quý vị, hay ngay chỉ đơn giản là không đồng ý với quý vị, thái độ của quý vị đối với họ sẽ thay đổi. Quý vị không còn thích họ và không quan tâm vấn đề họ có hạnh phúc hay không. Quý vị loại bỏ họ bởi vì thái độ của họ. Điều này đơn giản là tình cảm - căn cứ trên lòng yêu thương và thấu cảm đơn thuần, và nó không bao giờ là một căn bản ổn định cho một tình thân hữu chân thật.

Những loại chăm sóc và quan tâm đến người khác không tùy thuộc vào thái độ hay cách cư xử của họ. Nó căn cứ đơn thuần trên sự kiện rằng họ là những con người, giống như chính ta. Quý vị muốn cho mình hạnh phúc, bất kể quý vị hành động như thế nào hay thể trạng tâm thức của quý vị là gì. Và nó chỉ căn cứ trên sự kiện rằng quý vị muốn hạnh phúc cho nên quý vị chăm sóc chính mình; quý vị tìm kiếm lợi ích cho quý vị. Nhưng điều ấy cũng đúng với mọi người khác, kể cả những người mà ta không thích do bởi thái độ của họ như thế nào đấy hay cách cư xử của họ ra sao đấy. Tuy nhiên, họ cũng muốn hạnh phúc; họ cũng phát triển mạnh sự chăm sóc và yêu thương. Trong dạng thức của nguyên ước được hạnh phúc, tất cả chúng ta là bình đẳng. Mọi người muốn hạnh phúc. Không chỉ chúng ta bình đẳng trong việc muốn được hạnh phúc, mà tất cả chúng ta cũng có cùng quyền để được một đời sống hạnh phúc; và một đời sống hạnh phúc hình thành khi quý vị quan tâm chân thành đến những người khác và chú ý rằng họ cũng muốn hạnh phúc. Nó căn cứ trên việc có tình thân hữu chân thành với mọi người, bắt chấp quý vị là ai. Chỉ có loài người mới có khả



năng để quan tâm đến những người khổ khổ khác. Chỉ có con người mới có khả năng để chăm sóc đến lợi ích của kẻ khác. Khả năng này có thể đến từ tính thông minh nhân bản của quý vị hay từ đức tin của quý vị trong một số hệ thống tôn giáo hay triết lý của những niềm tin. Động vật không có những thứ này - chúng thiếu tính thông minh và đức tin. Nếu một con vật nào khác đe dọa hay làm chúng tổn thương, chúng chỉ đơn giản tấn công. Tuy nhiên, như những con người, không phải tất cả chúng ta đều có đức tin hay niềm tin trong hệ thống tôn giáo và triết lý, nhưng tất cả chúng ta có tính thông minh căn bản của nhân loại. Chúng ta cần sử dụng tính thông minh ấy để thấu hiểu những lý do tại sao quan tâm đến lợi ích và hạnh phúc của người khác là chìa khóa cho hạnh phúc của chúng ta.

Cho dù quý vị có tin tưởng trong một đấng tạo hóa, hay những kiếp sống quá khứ, hay sự ảnh hưởng mạnh mẽ của tổ tiên quý vị, thì không ai có thể phủ nhận rằng bạn đến từ một bà mẹ. Không có sự chăm sóc và tình cảm của mẹ bạn, hay của ai đấy chăm sóc cho bạn như một bà mẹ khi bạn là một hài nhi bất lực, thì bạn sẽ không thể sống còn. Các nhà khoa học đã từng cho thấy rằng những ai tiếp nhận tối đa tình cảm và sự yêu thương như một đứa bé cảm thấy an toàn hơn, tự tin hơn và hạnh phúc hơn trong cả đời sống của chúng; trái lại những ai bị lãng quên hay ngược đãi khi còn bé cảm thấy bất an bất kể điều gì xảy ra với chúng. Chúng luôn luôn cảm thấy không thoải mái. Chúng cảm thấy sâu bên trong là điều gì đấy thiếu sót trong đời sống của chúng và vì thế một cách căn bản chúng không hạnh phúc. Các bác sĩ cũng chỉ rằng sự tiếp xúc thân thể tình cảm của một bà mẹ là cần yếu cho việc phát triển thích đáng não bộ đứa bé. Hơn thế nữa, các bác sĩ cũng chứng minh bằng tư liệu vấn đề giận dữ, sợ hãi, và thù hận ăn dần mòn hệ thống miễn nhiễm như thế nào.

Mọi người chăm sóc để có một thân thể khỏe mạnh, vì vậy để có một thân thể khỏe mạnh, quý vị cần phải chú ý hơn để có một tâm thức lành mạnh và tĩnh lặng. Câu hỏi quan trọng là làm thế nào để có một tâm thức lành mạnh tĩnh lặng. Ngay cả nếu quý vị được sinh trưởng như con một, với nhiều tình cảm và chăm sóc, nhưng nếu quý vị đối diện với một áp lực lớn để thành công trong một xã hội cạnh tranh, cho dù ở trường học hay ở sở làm, quý vị có thể vẫn phải cảm thấy bất an và căng thẳng. Nhưng nếu quý vị cảm thấy cần để đánh bại người khác nhằm để thành công, và vì thế tâm tư quý vị đầy dẫy sự nghi ngờ, sợ hãi và ganh tỵ, thế rồi như một kết quả, tâm thức quý vị quấy rầy và không ổn định.

Nếu trái lại, trong khi cố gắng để làm hiệu quả nhất, chúng ta cũng quan tâm đến lợi ích của kẻ khác, quý vị sẽ nhận ra rằng giống như quý vị muốn nhận sự khích lệ, giúp đỡ và tình cảm thân hữu hỗ trợ từ họ, họ cũng muốn giống như quý vị. Nếu quý vị phát triển một lòng bi mẫn chân thành cho họ - nguyện ước cho họ không bị thất bại, mà cũng thành công - điều này ban cho quý vị sức mạnh nội tại và lòng tự tin để áp dụng nỗ lực toàn triệt của quý vị đến trách nhiệm hành động vì sự thành công của mọi người. Biểu lộ lòng bi mẫn và quan tâm cho người khác là một dấu hiệu của sức mạnh, không phải là một biểu hiện yếu đuối. Trong thực tế, nó là một cội nguồn của sức mạnh và tĩnh lặng của tâm thức.

Sự phân tích giống như vậy áp dụng đến hoàn cảnh của chúng ta ở đây của việc bị kẹt trong băng. Nếu quý vị không tin tưởng nhau và tranh cãi và



tranh chấp qua những nguồn nguyên nhiên liệu hạn chế, thì tất cả chúng ta sẽ khổ đau. Tất cả chúng ta sẽ trở nên yếu đuối hơn. Nếu quý vị triển khai lòng quan tâm chân thành cho mỗi người và an ủi mỗi người khi bất cứ ai trong quý vị trở nên quẫn trí, rồi thì như một bà mẹ an ủi một đứa con đang khóc, cả bà mẹ và đứa con sẽ cảm thấy khá hơn. Với tâm tư tĩnh lặng và một cảm giác thuộc về một nhóm yêu thương của những người bạn chân thành, thì tất cả chúng ta sẽ có sức mạnh để sống còn.

Do thế hãy sử dụng sự thông minh của loài người. Khi ai đấy bắt đầu làm phiền quý vị và khi quý vị bắt đầu giận dữ và cảm thấy muốn hét lên vào người ấy, hãy nhớ rằng làm như vậy chỉ làm cho mọi thứ tệ hại hơn. Nó sẽ làm tình trạng tâm thức của quý vị phiền não và tác động đến không khí của toàn nhóm. Mọi người sợ hãi và lo lắng, và vì thế nếu bất cứ người nào trong họ cư xử không đúng, đó là bởi vì người này cảm thấy không an toàn và kính sợ. Xin hãy cố gắng để làm cho những người như vậy cảm thấy an toàn hơn và không đánh mất hy vọng bằng việc biểu lộ sự chăm sóc và thấu hiểu họ.

Hạnh phúc đến từ việc có hy vọng cho một tương lai tốt đẹp hơn, và hy vọng đến với sự hỗ trợ của những người bạn đồng cảm và đồng tâm nhất trí. Nói tóm lại, rồi thì, **trên căn bản của những giá trị nền tảng và cộng hưởng của nhân loại, thì tất cả chúng ta sẽ có thể hành động trong một thái độ đạo đức. Nếu đức tin tôn giáo hay triết lý tin tưởng của quý vị tăng cường những giá trị đạo đức này, thì điều này thật sự là điều kỳ. Nếu quý vị thiếu một đức tin tôn giáo như vậy, thì hãy dựa hoàn toàn vào sự thông minh nhân bản và những giá trị đạo đức căn bản của loài người mà thôi.** Với sự hòa hiệp tôn giáo trong chúng ta và mọi người nuôi dưỡng những giá trị nhân bản này, thì tất cả chúng ta sẽ sống còn với thảm cảnh này và được thấy như những con người tốt đẹp hơn do bởi kinh nghiệm cộng trú này.

Tóm Lược

Chúng ta có thể thấy từ sự phân tích này là mỗi một tôn giáo, triết lý và những quan điểm thế tục này đưa đến kết luận rằng khi đối diện một hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, chìa khóa để tồn tại là nguyên tắc đạo đức tự giác. Điều này có nghĩa là việc vượt thắng sự vị kỷ, sợ hãi và thất vọng, và hợp tác với người khác trên căn bản của từ ái, bi mẫn, ân cần và tôn trọng. Mỗi một quan điểm trong 5 thứ - Phật Giáo Tây Tạng, Hồi Giáo, Ki Tô Giáo, Khổng Giáo và không tôn giáo - có những phương pháp của chính nó cho việc phát triển những phẩm chất tốt đẹp này:

Phật tử Tây Tạng thấy những hoàn cảnh khó khăn như duyên sanh trong vô số nguyên nhân và điều kiện. Không nhân tố nào hay người nào có thể kiểm soát hiện trạng, tuy thế mọi người có thể cố gắng hiểu điều gì đó tích cực mà sẽ tác động đến những gì phát triển. Họ xem mọi người như bình đẳng, cả trong việc từng là cha mẹ chúng ta trong những kiếp sống trước và trong việc muốn được hạnh phúc và không phải khổ đau.

Người Hồi Giáo thấy các khó khăn như đến từ ý chí của Thượng đế, và việc giải quyết vấn nạn là nằm trong tay của Thượng đế. Họ tuân phục ý chí của Thượng đế và phụng thờ Thượng đế qua những hành động tuyệt vời của việc phụng sự đối với tất cả những tạo vật của Thượng đế.

Người Ki Tô hữu xem những hoàn cảnh khó khăn như những thử thách được Thượng đế gửi đến để thử thách chúng ta, và theo gương của chúa Giêsu trong việc phụng sự người nghèo và cần giúp đỡ.

Những người theo nguyên tắc của Khổng Tử thấy những khó khăn như điều không thể tránh khỏi sinh khởi từ lúc này đến lúc khác. Những gì xảy ra tùy thuộc vào số mệnh của chúng ta. Để đối phó với khó khăn, họ theo những thủ tục thích đáng như thuyên trường địa hướng dẫn họ và trau dồi sức mạnh nội tại của họ về kiên nhẫn và lương thiện để đối xử với mọi người một cách công bằng, với sự thích đáng và yêu thương.

Những người chỉ theo những giá trị nền tảng nhân bản thấu hiểu rằng bất chấp khó khăn thế nào đi nữa, mọi người đánh giá cao yêu thương và sự chăm sóc tình cảm. Như những động vật xã hội, chúng ta cần hợp tác với nhau để tồn tại, và nếu chúng ta chăm sóc mỗi người của nhau, thì chúng ta sẽ đạt được sức mạnh và niềm tin vững chắc để chiến thắng bất cứ khó khăn nào.

Vì vậy, mỗi nhóm trong 5 nhóm này có hệ thống đạo đức của riêng họ; tuy thế, những ai chấp thành tuân theo giáo huấn và khuyên bảo của mỗi hệ thống này sẽ đạt đến cùng kết quả. Họ sẽ có thể chấp nhận hoàn cảnh mà không giận dữ. Ngay cả nếu họ thấy một hành khách hành động trong một cách đe dọa lợi ích của toàn nhóm, thí dụ giấu giếm thực phẩm, và là điều cần đòi hỏi có sự lượng định quy tắc để điều chỉnh rắc rối này, giá trị đạo đức của mỗi hệ thống sẽ giúp họ hành động để không phải sân hận, nhưng vì sự quan tâm đến toàn bộ hành khách bị nạn. Họ sẽ duy trì hòa bình trong tâm thức và cố gắng một cách tích cực đến lợi ích của mọi người trên tàu. Như một kết quả, cộng đồng sẽ không chỉ sống còn với tai họa, mà những thành viên sẽ trở nên gần gũi với nhau hơn trước đây, do bởi sự chia sẻ kinh nghiệm của họ với việc lãnh lấy trách nhiệm vì lợi ích của nhau.

Kết Luận

Thí dụ về chiếc tàu bị kẹt trong băng ở Nam cực là một sự tương đồng hữu ích cho việc thấu hiểu vấn đề một xã hội đa văn hóa có thể được đối diện một cách tốt đẹp nhất, trong một cung cách lành mạnh, những thử thách và khó khăn không thể tránh sinh khởi trong cuộc sống. Để hoàn thành điều này, mọi người cần học hỏi về những nền văn hóa và các tín ngưỡng của những nhóm quan trọng trong xã hội của họ. Sự hãi và nghi ngờ về người khác đến từ sự thiếu vắng kiến thức về những niềm tin của họ. Với sự giáo dục thích đáng, chúng ta có thể khám phá ra rằng tất cả mọi tôn giáo và triết lý có một hệ thống đạo đức và rằng đạo đức của những hệ thống này chia sẻ chung với nhau là cũng

phù hợp với những đạo đức nhân bản nền tảng mà mọi người chấp nhận, kể cả những người không tín ngưỡng. Đây là những giá trị của từ ái, bi mẫn, và chăm sóc tình cảm cho người khác với lòng quan tâm sâu xa cho những lợi ích của họ.

Khi bày tỏ những giá trị nhân bản nền tảng này một cách chân thành, bất chấp hệ thống đức tin mà người ta đến từ những nhóm khác nhau, thế thì xã hội biểu hiện chức năng một cách hòa hiệp, trong những lúc tốt hay xấu. Đây là bởi vì mỗi nhóm tôn trọng nhau, căn cứ trên sự thấu hiểu hồ tương; và từ sự tôn trọng hồ tương căn cứ trên sự thấu hiểu hồ tương đi đến sự tin tưởng hồ tương. Khi người ta từ những nền văn hóa khác nhau tôn trọng và tin tưởng nhau, họ sống mà không lo sợ nhau. Điều này làm cho một xã hội lành mạnh, hòa hiệp, căn cứ trên những nguyên tắc đạo đức nền tảng mà mọi người cùng chia sẻ.

Do thế, vì một xã hội lành mạnh sinh khởi một cách lệ thuộc vào nhiều nhân tố - kinh tế, môi trường, những hệ thống xã hội, hợp pháp và giáo dục, và, như chúng ta đã thấy, đạo đức và sự hòa hiệp tôn giáo - nếu bất cứ một nhân tố nào yếu kém, xã hội sẽ không thăng tiến. Chúng ta cần khởi đầu trên trình độ cá nhân, một cách đặc biệt trong những khu vực đạo đức của chúng ta và tôn trọng người khác và niềm tin của họ. Nếu chúng ta phát triển một tâm tĩnh lặng và một thái độ bi mẫn đối với người khác, và rồi mở rộng việc ấy đến gia đình chúng ta, bạn hữu chúng ta, cộng đồng bên cạnh chúng ta, thế thì từ từ chúng ta sẽ xây dựng được một xã hội lành mạnh. Sức mạnh của toàn xã hội sẽ phát sinh lệ thuộc vào mỗi một thành viên phát triển một tâm lành mạnh và ý thức đạo đức. Điều này đúng một cách đặc biệt trong những xã hội đa văn hóa và trong thế giới đa văn hóa rộng khắp.

Mỗi một tôn giáo và triết lý quan trọng, chẳng hạn như chúng ta thấy trong trường hợp của Phật Giáo Tây Tạng, Hồi Giáo, Ki Tô Giáo và Khổng Giáo, đã chia sẻ cùng một nền tảng đạo đức nhân bản mà những người không tôn giáo hay triết lý có thể cũng thừa nhận. Chúng ta cần giáo dục trẻ con chúng ta trong những giá trị đạo đức nhân bản nền tảng này, vì thế từ từ toàn bộ thế giới sẽ trở thành một nơi lành mạnh hơn vì lợi ích của tất cả. Cảm ơn.

Ấn Tâm Lộ, Tuesday, January 06, 2015
Tuệ Uyên dịch



ĂN CHAY NGÀY TẾT

Tâm Diệu

Trước đây, ở các nước Tây phương, người ta ăn chay cốt để gìn giữ sức khỏe, ngăn ngừa bệnh tật và bảo vệ thú vật. Ngày nay, họ đã nâng việc ăn chay lên một tầm mức cao hơn, không chỉ hạn hẹp trong mỗi cá nhân mà còn hướng đến cả cộng đồng nhân loại toàn cầu. Họ ăn chay để bảo vệ môi trường sinh thái, gìn giữ trái đất tươi xanh, cho bầu không khí trong lành, cho quả địa cầu bớt nóng, bớt bão tố lụt lội. Ở Việt Nam chúng ta, không biết ăn chay có từ bao giờ, có thể từ lâu lắm, từ thời nhà Lý, triều đại cực thịnh của dân tộc và của đạo Phật Việt Nam. Hàng năm, ngay từ ngày đầu năm mới, người ta thường ăn chay đi chùa lễ Phật. Vì vậy, ăn chay ngày Tết mang đậm sắc ý nghĩa tâm linh, là nét văn hóa Tết đặc biệt của dân tộc Việt Nam.

Do cả năm vất vả mưu sinh, nên người ta thường chỉ ăn chay vào ngày mồng một Tết để bù đắp cho nguyên một năm, nhằm cầu phước đức, an lành, may mắn cho năm mới và sám hối những điều không phải đạo làm người đã làm trong năm cũ. Ở miền Bắc có nơi cả làng ăn chay trong ngày này, như ở làng Đào Đặng, xã Trung Nghĩa, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Phong tục ăn chay trong ngày mồng một Tết ở đây thật là đặc biệt. Nhà nào cũng có mâm cỗ chay cúng Tổ tiên gồm xôi gấc, xôi vò, bánh chưng, bánh cốm, bánh chay gấc, chè lam, chè kho... Tuyệt nhiên không có việc giết bò, giết heo hay giết gà làm các món mặn, không có giò, nem, chả, mộc, thịt đông, thịt luộc như những làng khác. Tục lệ ăn chay ngày mồng một Tết này đã có từ lâu đời do cha ông truyền lại. Nguyên nhân có thể phát xuất từ niềm tin tín ngưỡng vì cả làng đều theo đạo Phật giữ giới không sát sanh, họ quan niệm giới không sát sinh và ăn chay có mối quan hệ mật thiết với nhau. Ngoài ra, cũng có thể do điều kiện kinh tế khó khăn, quanh năm bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, một năm chỉ nghĩ được mấy ngày Tết nên dân làng dành nhiều thời giờ để đi chùa lễ Phật cầu xin trời Phật, Tổ tiên phù hộ.

Ngoài làng Đào Đặng ở Hưng Yên có tục lệ ăn chay ngày mồng một Tết còn có làng Đào Xá vùng Kinh Bắc có tục lệ làm cỗ chay. Hầu hết các gia đình trong làng vào ngày mồng một và ngày mồng bảy Tết đều làm cỗ chay mang ra chùa cúng Phật và sau là đãi khách. Các món chay đều làm từ sản phẩm của nhà nông như lúa gạo, rau đậu củ quả, như món Bánh Cắp nổi tiếng được làm từ bột gạo nếp mới, món Cháo Cối được làm từ gạo tẻ mới và món bún riêu chay rất đặc biệt mang tên Bún riêu Đào Xá...

Vào miền Trung, người dân Huế đa phần theo đạo Phật nên ngày mồng một Tết thường ăn chay và đi chùa lễ Phật. Huế vốn nổi tiếng với các món cỗ chay cao cấp trong cung đình xưa. Ngày nay, phần nhiều các gia đình Huế đều tự tay nấu các món chay, món mặn có gì thì món chay có nấy. Đặc biệt ở Huế có trái vả thường dùng để chế biến thành nhiều món chay khác nhau. Ngoài ra Huế còn có món Mít trộn làm

bằng mít non, Tré chay làm bằng củ mít, Nem chay làm bằng củ bưởi, Chả chay làm bằng phù chúc, sắn phẩm từ đậu nành, Mỳ căn từ tinh chất bột mì làm thịt gà gia. Quanh năm vào các ngày mồng một, ngày rằm và các ngày lễ, cơm chay, cỗ chay thường xuyên có mặt tại các chùa và trong các gia đình người Huế. Tuy vậy, mâm cơm chay của người Huế không quá sang trọng như cơm chay cung đình thời xưa, nhưng hơi cầu kỳ ở cách trình bày. Nét độc đáo có tính cách văn hoá ẩm thực của Tết Huế chính là mâm cỗ chay.

Ở các tỉnh phía Nam, vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, Phật giáo có ảnh hưởng mạnh đến đời sống người dân. Vì đây là vùng đất mới khẩn hoang, nên họ rất cần nhu cầu tâm linh và đạo Phật đã đến với họ, hòa quyện vào đời sống mới của người dân. Vì vậy, có thể đó là nguyên nhân của ăn chay và ăn chay ngày Tết khá phổ biến ở người dân miền Nam từ buổi đầu khẩn hoang cho đến ngày nay. Món chay ở miền Nam, đặc biệt vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long khá đa dạng do phong phú rau quả. Và cũng vì vậy trong các món chay ở miền Nam chúng ta thấy đều có nước cốt dừa và các loại rau tươi thêm vào món ăn. Đa số người ta ăn chay ngày mồng một nhưng cũng có nhiều người ăn hai ngày 30 và mồng một. Ngoài bánh tét chay nổi tiếng còn có một vài món chay đặc biệt vào dịp Tết như món canh kiểng tổng hợp với rất nhiều loại rau, củ, và quả như mít chín, chuối sấp, chuối ngự, khoai mì, khoai môn, bột khoai, bí đỏ, mướp hương và nước cốt dừa. Thêm vào đó là món thịt heo quay chay làm bằng bánh mì khô kho với nước dừa và món gỏi bắp chuối gà chay làm bằng bắp chuối tươi, lá vụn thọ và mì căn xé nhỏ giả gà.

Ngày nay, kể từ sau thời kỳ đổi mới, phong trào ăn chay nở rộ, nhất là ở các thành phố lớn phía Nam. Họ ăn chay rất khác với miền quê vì có nhiều món chay chế biến sẵn mang tên giống như tên gọi các món mặn, được bày bán tại các siêu thị như tôm chay, thịt gà chay, cá thu chay, pa tê chay.... Chúng được nhập từ Đài Loan, Hồng Kông và Trung Quốc hay được chế biến từ các công ty ẩm thực chay trong nước. Có một số ít người không đồng ý món chay được đặt tên như món mặn. Họ chỉ trích những người ăn chay mà tâm còn ăn mặn như thế là giả dối. Họ đâu biết rằng, do nhu cầu thương mại, những nhà tư bản chế biến và kinh doanh thực phẩm đặt những cái tên giống như các loại thực phẩm chế biến từ thịt cá để dễ lôi cuốn khách hàng, vốn là những người có tập quán ăn những món có tên gọi như vậy, nay thấy những món cũng có hình dáng và mùi vị tương tự chút đỉnh, thì thực khách, vốn đã có thói quen ăn những món đó làm bằng thịt, sẽ cảm thấy dễ hòa nhập hơn, dễ thích ứng hơn. Việc chế biến và đặt tên các món chay theo kiểu món mặn chẳng qua chỉ là bước chuyển ban đầu để con người bỏ bớt sát sinh, biết tạo nghiệp lành. Các món chay dạng này rất hữu ích cho những người ngoài Phật giáo và những người đang bắt đầu bước vào đạo Phật.

Ngày Tết, cúng chay, ăn chay mang tính tâm linh, đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt. Với Phật giáo, ăn chay tránh được nghiệp báo sát sinh, phát khởi tâm từ bi, bèn nhậy trước nỗi khổ đau của chúng sinh. Với khoa học, ăn chay tốt cho sức khỏe, giúp cơ thể tránh nhiều độc tố do thịt động vật nuôi thường dùng thức ăn có hóa chất, phòng ngừa được một số bệnh như các bệnh về tim mạch, ung thư, béo phì, đái đường, sỏi mật... Ngoài ra, ăn chay còn giúp bảo vệ môi trường sinh thái, gìn giữ trái đất, không khí và nước uống được trong sạch không ô nhiễm.



Nai hiền

Thuật giả: **Huyền Thanh**

Soạn giả: **THÍCH MINH CHIẾU**

(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

*Ở hiền thì gặp lành,
Hễ ai làm dữ tan tành ra tro.*

Ngày xưa trong một khu rừng ven bờ sông Hằng, xuất hiện một con Nai hiền. Nai đẹp vô cùng, sừng màu trắng vươn cao như pha lê lóng lánh: da óng ánh vàng như gấm đính thêm từng hành minh muôn màu. Cả thân hình Nai thanh tú ấy có thể đã tập trung hết mọi vẻ đẹp của trần gian. Nhưng đôi mắt Nai buồn lắm thế? Có cái chi u ẩn như thương cho cuộc sống mê lầm.

Nai chính là hiện thân của một vị Bồ tát. Nai nghe và nói được tiếng người. Thú trong rừng thương Nai, quay quần bên Nai như một bà mẹ hiền, theo lời Nai như một bậc thầy sáng suốt. Nai đem tình thương hòa vào cuộc sống muôn loài, núi rừng vì thế ít nhuộm màu hồng, con cháu trong rừng chỉ ăn cỏ cây.

Vốn biết thân mình là một miếng mồi thế nhân hằng ao ước, Nai chỉ ở trong rừng sâu, không để cho loài người được thấy. Những đêm trăng sáng, Nai vui cùng muôn thú cảnh thanh bình. Nhưng mà nếu cuộc đời chỉ là có thể thì còn đâu nước mắt đầy vơi?

Có một sáng mùa thu, rừng vừa qua cơn mưa lớn, nước sông Hằng chảy mạnh. Những dòng suối nhỏ từ lâu vẫn hiền hòa róc rách giữa những triền đá trắng phau, hôm nay mở rộng bờ hung hăng như trần lớn phun nước vào dòng sông cả. Nai đứng đỉnh xuống bờ sông uống nước.

Nhìn dòng nước cứ mãi tuôn đi, bọt trắng tóa tung trên mặt sông một màu xanh biếc, Nai bỗng thấy lòng ngập tràn chua xót. Không biết bao giờ vạn vật mới thôi quay cuồng trong bóng tối vô minh để trở về với thanh tịnh? Nai tự nhủ: "Nếu cần thì thân này có tiếc chi?"

Bỗng một tiếng kêu cứu từ xa vọng lại:

- Ai cứu tôi với! Trời ơi, tôi sẽ chết mất giữa dòng sâu.

Tiếng kêu càng lúc càng rõ. Nai ngược mắt nhìn ra giữa dòng sông Hằng hung bạo: Một người đang chơi với trên một thanh củi mục. Có lẽ y đã chìm dờ ở phía trên kia và nhờ níu được thanh củi mục mà khỏi chết. Nhưng tình thế thì cũng đã ngặt nghèo lắm. Y nổi lên chìm xuống, đôi tay co quắp một cách tuyệt vọng. Chắc sức cũng đã yếu rồi. Tiếng kêu càng lúc càng khan, mắt dần trong tiếng reo hát điên cuồng của sóng nước. Nai biết giờ phút quyết định sự sống còn của người kia đã đến. Không lẽ làm ngơ? Lòng Bồ tát bỗng dạt dào một tình thương cao cả. Đau khổ của người là đau khổ của mình, cứu người là tự cứu mình. Nhìn người quần quại ai thấy vui chi?

Nai lao nhanh xuống dòng nước lũ. Tình thương đã làm nên tất cả. Không quản nhọc nhằn và nguy hiểm, Nai lướt qua sông lớn và cõng người kia lên bờ. Người kia tỉnh lại, ngọc hiền vẫn cùng khi biết một con Nai đẹp đã cứu mình thoát nạn. Quá cảm động y quý xuống đội lên đầu công đức của Nai. Y nói:

- Hỡi vị Nai thần, tôi không biết làm sao để nói tất cả tấm lòng. Ngài đẹp lắm, nhưng chính lòng vị tha của Ngài mới đẹp hơn cả. Kể từ nay, thân tôi là của Ngài, tùy Ngài sử dụng.

Nai hiền rung rưng nước mắt. Quả thật không ngờ lại có người biết ơn đến thế. Nai nói:

- Ông ơi, tôi tưởng sẽ không bao giờ tìm được một người tốt ở cõi thế sa đọa này. Lòng biết ơn của ông đã làm cho tôi vô cùng sung sướng. Nhưng nói làm chi đến chuyện trả ơn. Ông còn vợ con ở nhà, không nên nán lại đây lâu, chắc họ đang nóng lòng chờ đợi. Nhưng ông đừng đem chuyện gặp tôi đây mà nói lại với ai, họ sẽ không ngại gì mà đến

tìm bắt tôi. Hãy sống vì đời, vì người. Là thú rừng, tôi không biết nói lời gì đẹp để hơn.

Người kia hứa chắc với Nai, xá tạ xong y lên đường về chốn cũ.

Lúc y về đến thành chính là lúc Hoàng hậu vừa chiếm bao thấy một con Nai vàng kỳ dị. Bà thấy trên một ngôi báu cao sang có một con Nai hiền đang giáng pháp bằng tiếng người. Minh Nai gắn đầy châu ngọc, da Nai óng ánh như những lớp gấm đẹp nhất của đời. Hoàng hậu liền đem chuyện ấy thỏ thẻ với nhà vua.

Bà nói:

- Tâu Bệ hạ, thần thiếp nghĩ không còn vật chi quý giá hơn con Nai vàng trong mộng ấy. Nếu vườn thượng uyển này mà có nó... trời ơi, Bệ hạ hãy tìm cách bắt đi!

Vua tin ngay lời Hoàng hậu, ở đời đã có được mấy người đàn ông không nghe lời vợ, không nghe lời thỏ thẻ của một người đàn bà, nhất là người đàn bà đẹp? Thế là vua cho truyền khắp nước:

"Trong sử có chuyện một con Nai vàng mình đầy châu ngọc. Đã nhiều người thấy nó, nhưng không biết bây giờ ở đâu. Nếu ai bắt được, hay chỉ cho người khác bắt, vua sẽ thưởng cho quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng."

"Quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng." Ai mà không ham? Người được Nai cứu lắng nghe cho rõ lời truyền rao của vua rồi bắt giặc y nhìn xuống chiếc áo đã sờn, đôi hài há miệng: Y nghèo quá! Một tiếng thờ báo trước cơn giông tố của lòng. Y biết chắc chắn vợ con y đã hai hôm rồi nhìn đói. Ngay những lúc có y ở nhà, nai lưng người ra đổi lấy bát cơm, gia đình y vẫn không lúc nào no đủ, huống hồ là y đã đi vắng những hai ngày.

Y nhắc lại lời truyền rao: "Nếu ai bắt được, hay chỉ cho người khác bắt, vua sẽ thưởng cho quyền cai trị một làng giàu có

và vô số bạc vàng.” Có thể như thế được không? Sung sướng giàu sang đến thế ư? Trong lòng con người vừa thọ ơn bỗng nổ ra một trận chiến gay go giữa tham lam và đức hạnh. Đức hạnh như nói với y: “Anh có thể quên được công đức của Nai hiền sao? Nếu không có Nai thì bây giờ có anh không? Cứ bội ước đi rồi không còn một kiếp nào anh cất đầu lên được!” Nhưng tham lam nhỏ to than thì: “Hãy chỉ chỗ của Nai đi! Anh sẽ được vinh hoa phú quý, vợ con anh sẽ được no đủ.”

Lòng y thật như cuộn chỉ rối. Y không biết nên theo đạo đức hay giàu sang, trung thành hay phản bội. Con quỷ tham lam góm gốc vẫn cứ kể bên than thì. Cuối cùng, quỷ tham đã thắng. Một chút lương tâm còn nuôi lại trong lòng, y tự nhủ:

- Ta quyết chỉ chỗ Nai ở cho nhà vua. Kể ra thì cũng tàn nhẫn thật nhưng còn dịp nào để được giàu sang. Bạc tiền và danh vọng trên hết!

Y cười lên sắc súa, cái cười khoái trá của một con người sắp thỏa mãn. Nhưng y có biết không, bắt nguồn từ cái cười ấy, gương mặt y từ hiền lành chất phác bỗng trở thành góm góm ghê tởm lạ thường. Nếu soi gương, chắc y ngạc nhiên về sự đổi thay của mình lắm.

Y vào cung tâu vua biết chỗ ở của Nai hiền. Như mở nước cờ, vua ra lệnh đi săn Nai ngay buổi chiều ấy. Khu rừng bị quân lính nhà vua vây kín. Từng đàn chó dữ ào ạt sủa cắn vang động cả một vùng. Chúng lục lọi từng gốc núi, bụi lùm. Tiếng kèn săn rền vọng lên như những lời kết tội.

Nai choàng dậy trong giấc ngủ. Sau cơn hoảng hốt ban đầu, Nai biết mình không thể thoát khỏi tay người hung ác. Cũng vừa lúc ấy, vua và người được Nai cứu đến kẻ bên.

Y đưa tay chỉ chỗ cho Vua:

- Đó, Bệ hạ xem, con Nai vàng kỳ dị!...

Những tia nắng cuối của chiều thu chiếu lên mình Nai lộng lẫy, từng hàng châu ngọc lóe sáng muôn màu. Vua say nhìn Nai đẹp. Cung tên đã sẵn sàng, bọn lính định bắn quị linh thú, nhưng vua ngăn lại:

- Đứng bần, hãy bắt sống cho ta!...

Nhưng chưa đuổi bắt thì Nai đã tự dẫn mình đến trước mặt vua và nói lớn:

- Thưa Ngài, tôi không hiểu tại sao Ngài có thể tìm được chỗ trú của tôi!



Nhà vua ngạc nhiên - có thể nói là sững sốt - vì Ngài chưa từng thấy Nai nào lại biết nói tiếng người. Vua đáp:

- Hỡi Nai thần, chính người này đã chỉ cho ta.

Mặt Nai và vua đồng một lúc quay về người được Nai cứu. Bỗng nhà vua kêu lên kinh hãi: mặt người kia chỉ trong một khắc trở thành lở loét góm ghê; máu chan hòa trên gương mặt trước kia hiền lành chất phác.

Nai lên tiếng giảng:

- Thưa Ngài không có gì lạ cả. Đó chính là cái quả báo mà nguyên nhân là sự vong ân của y. Thưa Ngài, người này trước kia đã được tôi cứu khỏi chết đuối, nhưng y đã quên lời hứa mà chỉ chỗ của tôi cho vua. Tham lam đã làm mờ mắt nhân gian. Trong bóng tối vô minh ác nghiệt con người quên hết liêm sỉ và ân tình. Ôi tham lam, gốc nguồn của bao tội lỗi!

Vua chợt hiểu. Ngài bỗng thấy ghét cay ghét đắng người được cứu. Quay mũi tên về phía y, vua hét lên dữ dội:

- Kẻ vong ân bội nghĩa kia, mi đã làm nhơ nhuốc danh người. Ta quyết vì đời cho mi chết!

Đây cung trương lên, nhưng Nai hiền đã đến chặn phía trước. Minh Nai đã biến thành bình phong che chở cho người kia đang run như một cái đuôi thần lẫn. Nai nói với vua:

- Không nên Ngài ạ! Quả báo bao giờ cũng đến với người gây nhân như hình với bóng. Không cần và cũng không có một người nào thưởng phạt hay định đoạt quả báo cả. Chính gương mặt lở loét kia đã trừng phạt y nhiều lắm. Tôi xin Ngài hãy tha

cho y. Phần tôi, tôi đang chờ Ngài quyết định.

Vua bỗng thấy ánh sáng đạo. Ngài thấy kính phục Nai hiền cùng tột. Ngài kêu lên:

- Đối với kẻ mưu hại mình Nai còn tỏ lòng từ bi cao cả như thế. Nai ơi, trong lốt thú rừng man dã ấy, chính Nai mới thật là người, một con người đúng nghĩa. Còn chúng tôi đây, tuy mang lốt người, nhưng quả thật chưa bằng muông thú.

Rồi vung tay ra hiệu, vua hét vào tai tên phản bội:

- Ta tha cho người. Hãy đi đi, đi cho khuất loài người.

Y lồm lổm bỏ đi, mặt cúi gằm xuống đất. Bóng y đổ dài trên nền cỏ rừng, lưng y quay lại phía mặt trời, y đang bước lần, bước lần vào bóng tối...

Vua nói với Nai:

- Thưa Ngài, Ngài đã hoàn toàn tự do. Từ nay, không ai trong nước này lại động đến thân Ngài nữa. Về phần tôi, những lời cao đẹp của Ngài đã làm tôi trong phút chốc giác ngộ được chân lý. Tôi sẽ khắc những lời đó vào tim và đem chí hướng từ bi của Ngài gieo vào lòng nhân loại.

Thế rồi vua từ giả Nai, kéo quân về chốn cũ. Rừng trở lại thanh bình như xưa. Người và vật từ nay hiểu nhau, không còn tìm cách sát hại nhau nữa. Rừng già thoi vọng tiếng kèn săn hung hăng, máu hồng thoi hoen trên cỏ màu xanh. Con cháu trong rừng ngày một đông thêm, phơi phới lớn lên, không lo loài người tàn bạo.

Và đêm đêm, lúc trăng ngà dội bóng xuống rừng hoang, đàn thú hiền lành quây quần chung quanh Nai như để nghe lời giảng đạo.

BẢN TOÁT YẾU CỦA KINH PHÁP HOA

Nguyên Đạo dịch

(Tiếp theo trang 66)

Và chúng ta cũng được biết rằng Đức Phật thuyết giảng cho thính chúng đồ sộ này với bài kinh vô cùng vĩ đại, một đề tài rất phổ biến của Phật giáo. Ngài nói một cách hùng hồn trong thời gian dài, và mọi người không hề mỏi mệt. Kỳ thực, sự kết quả của giáo lý của Phật như những đóa hoa xinh đẹp có nhiều màu bắt đầu rơi xuống từ các cõi trời, và toàn thể vũ trụ chấn động theo sáu cách. Sau khi, kết thúc thời pháp, Đức Phật nhập sâu vào thiền định; và trong khi Ngài thiền định, phát ra luồng hào quang sáng rực rỡ từ giữa chấn mây. Hào quang như ánh đèn pha cực lớn chiếu rọi khắp cả vũ trụ vì thế có thể thấy hàng trăm triệu dặm trong không gian. Trong ánh sáng cực mạnh đó vô số thế giới hệ được tìm thấy khắp cả mười phương. Và trong mỗi thế giới hệ có thể thấy những điều cũng giống như trong một thế giới này: Đức Phật đang thuyết giảng, các đệ tử vây quanh, và các Bồ tát tu tập sáu Ba La Mật.

Vì đây là cảnh tượng được tiết lộ bởi đạo hào quang, phát ra từ Đức Phật nơi ngài đang nhập định. Đương nhiên, đại chúng kinh ngạc, và mọi người tự hỏi điều này có nghĩa là gì, và điều gì đang diễn ra. Bồ tát Di Lặc, vị Phật tương lai—ngài thỉnh thoảng được gọi như thế, hỏi thăm ngài Văn Thù—là vị Bồ tát có trí tuệ bậc nhất, theo truyền thống được xem như hiện thân của trí tuệ—, ‘Việc gì thế? Sự kiện lớn vừa xảy ra có ý nghĩa gì?’ Và Văn Thù nói, ‘Tối tin, tôi biết chắc, nó có nghĩa là Đức Phật muốn tuyên thuyết kinh Hoa Sen Trắng.’

Như ngài Văn Thù nói, Đức Phật từ từ xuất Thiền. Ngài mở mắt và nói, chính ta nói, ‘Chân lý tối thượng rất khó hiểu’, thật khó lắm, ngài nói, chỉ có các Đức Phật, chỉ có những bậc Toàn giác, mới có thể hiểu được nó. Chỉ có các Đức Phật, không ai khác, có thể hiểu Chân lý tối thượng, điều này có thể quán xét có ích cho chúng ta. Mọi người khác, Đức Phật nói với đại chúng, phải tiến đến chân lý một cách từ từ, từng bước, và Đức Phật đưa điều này vào lời giảng của ngài. Ngài dẫn dắt thính chúng từng bước. Trước tiên ngài dạy lý tưởng A La Hán đạt đến Niết Bàn theo nghĩa dập tắt tham ái, và chỉ sau đó, khi việc đó đã thành tựu và thấu hiểu, ngài mới giảng giải lý tưởng cao hơn, đó là lý tưởng Đại thừa để nhận thức rõ về quả vị Toàn giác thông qua con đường của Bồ tát đạo.

Nếu Ngài tiết lộ toàn bộ chân lý cao cả cùng một lúc, Đức Phật giải thích, mọi người sẽ sinh tâm khiếp sợ, như thế họ sẽ không thể lãnh hội và làm thành chất bổ dưỡng cho mình. Ngẫu nhiên, việc này lại trùng hợp với việc xảy ra lúc lâm chung, theo Tử thư của Tây Tạng. Vào lúc đó, Chân lý viên mãn chiếu rọi lên tâm bằng tia sáng mờ nhạt. Nếu tâm tiếp nhận được nó, ngay lúc đó có thể bừng ngộ, nhưng điều đó cũng quá nhiều cho tâm tiếp nhận được, và nó chỉ co rút lại, sợ hãi, và rơi lại trạng thái

thấp hơn cho đến khi tâm tìm thấy mặt bằng nơi nó có cảm nhận đã về nhà. Vì mọi người e sợ tiếp nhận chân lý theo cách này, dù Đức Phật biết chân lý tối thượng, ngài không thể mạo hiểm tiết lộ nó cho chúng đệ tử tất cả cùng một lúc. Ngài phải dẫn dắt họ tiến xa hơn và kể đó chỉ cho họ bước tiếp theo, cho đến khi cuối cùng họ đạt tới mục đích tối thượng. Trong trường hợp này, ngài nhìn quanh đại chúng và nói rằng ngài không chắc ngay cả những người hiện diện sẵn sàng nghe điều ngài sắp nói. Vì cố, bây giờ ngài nói, thêm điều gì đó cho họ học tập. Ngay cả những vị A La Hán trong thính chúng còn chưa biết chân lý tối thượng.

Sự tiết lộ này gây ra một sự kiện thật ấn tượng. Năm ngàn vị đệ tử hiện diện liền đứng dậy và bỏ đi. Họ thì thầm với nhau, có gì thêm để học? Điều đó không thể. Chúng ta đã giác ngộ, đạt đến Niết Bàn. Vậy thì có điều gì thêm để học nữa? Đức Phật đang nói điều gì thế? Có lẽ ngài đã già. Có điều gì nữa để học? Chẳng phải cho chúng ta! Cùng lúc đó họ xá chào Phật lấy lệ, chỉ vì lợi ích lúc tuổi già, và tất cả họ bỏ đi, bụi đất bay mịt mù từ gót giày của họ.

Đây là cái bẫy chúng ta rất có thể dễ dàng rơi vào. Sự hiểu biết sai lầm của trí thông minh đối với trí tuệ chân thật, chúng ta có thể lừa phỉnh chính mình trong suy nghĩ chắc chắn thể đi xa hơn, chẳng có gì thêm để học. Và dĩ nhiên ngay khi chúng ta bắt đầu suy nghĩ như thế, chúng ta không thể học thêm được điều gì. Đây là mối nguy hiểm lớn nhất trong các nguy hiểm, và nhiều người, như năm ngàn vị đệ tử, chịu thua nó. Tôi nhắc lại một tình tiết trong lịch sử tôn giáo nước Anh khi Oliver Crowell có liên hệ với một số giáo phái, họ bước vào cuộc tranh luận sôi nổi về vài điểm khó hiểu của Kinh thánh. Họ quá cố chấp, không thể lay chuyển, và cuối cùng Cromwell viết thư cho họ, trong niềm tuyệt vọng, ‘quý ngài đáng kính, tôi cầu xin các ngài, theo lòng trắc ẩn của Chúa, nghĩ rằng có thể các ngài mắc sai lầm.’

Tuy nhiên, trong kinh Đức Phật không nói gì; ngài chỉ để cho các đệ tử ra đi. Và khi họ đi khỏi, ngài chỉ nói ‘bây giờ hội chúng hoàn toàn thanh tịnh’. Nói cách khác, bây giờ mọi người có mặt có thể lãnh hội, chuẩn bị xem xét có điều gì thêm để họ học. Vì thế Đức Phật tiến đến tiết lộ chân lý tối thượng cho hội chúng thanh tịnh. Ngài nói với họ rằng giáo lý Tam thừa trước đó chỉ là tạm thời, lợi ích thiết thực cần thiết cho những người có căn tính khác nhau trong chúng đệ tử. Bây giờ Tam thừa này không phải là Tiểu thừa, Đại thừa, và Kim cang thừa. Tôi e ngại rằng trong Phật giáo chúng ta có nhiều thuật ngữ có hai nghĩa. Các *thừa* Đức Phật đang nói ở đây là Tam thừa khác, gồm có Thanh văn thừa (con đường của Thanh văn), Duyên giác thừa (con đường Độc giác), và Bồ tát thừa (con đường của Bồ tát).

Tôi không muốn đi sâu vào thuật ngữ chuyên môn ở đây, điều quan trọng hơn để nắm bắt nguyên tắc chung giữa chúng, Tam thừa này biểu trưng cho khả năng khác nhau tiến đến Giác Ngộ. Hai thừa đầu là các dạng khác nhau của chủ nghĩa tình thân cá nhân, hạng đầu tiên có thể có chút tiêu cực hơn hạng thứ hai, và hạng thứ ba dĩ nhiên là lý tưởng Bồ tát. Khi Đức Phật nói rằng giáo lý Tam thừa chỉ là tạm thời, ngài muốn nói, như ngài tiếp tục giải thích, rằng trong thực tế chỉ một thừa duy nhất, **Nhất thừa**. Đây là Đại thừa, con đường dẫn đến quả vị Toàn giác. Tất cả con đường dẫn đến La Mã; tất cả các thừa, tất cả những con đường khác nhau, vị kỷ

và vị tha, đều hữu ích hướng đến một điểm, nhưng cuối cùng tất cả chúng đồng quy vào một đường duy nhất. Nói cách khác chỉ có một tiến trình giải thoát cao hơn, và tất cả tham gia vào đó với tầm mức họ nỗ lực để phát triển. Đức Phật nói với hội chúng rằng nếu có ai dâng ngay cả một đóa hoa với niềm tin và tâm thành, họ đã, theo nguyên tắc, trên đạo lộ tới Phật quả. Một điều dẫn đến một ý nghĩa khác. Hành động với niềm tin nhỏ dẫn tới hành động với niềm tin lớn hơn, sự tu tập con đường nhỏ dẫn tới sự tu tập lớn hơn, và theo cách này từng bước, các bạn từ từ bắt đầu tiến đến Đại thừa, con đường dẫn đến sự Toàn giác. Không có hành thiện, không có hành động của chủ nghĩa nhân đạo, đó là rơi ra ngoài đạo lộ.

Nghe giáo lý này Xá Lợi Phất, thượng thủ và đệ tử trí tuệ bậc nhất của Đức Phật, tràn đầy hỷ lạc. Mặc dù tôn già lớn tuổi, vẫn sẵn sàng học hỏi. Chỉ ân hận, tôn già nói, là việc mình đã trải qua thời gian khá dài ở sự hiểu biết thấp kém. Nhưng Đức Phật khuyến khích tôn già, và nói với ông rằng vào một thời điểm trong tương lai tôn già cũng lãnh hội sự Giác ngộ tối thượng là quả vị Toàn giác. Phật cũng cho biết danh hiệu của vị Phật này. Nhưng không có vị đệ tử nào như Xá Lợi Phất. Vài người trong số họ lo lắng và bối rối hơn bởi giáo lý mới. Họ có bị uống phí thời gian của họ không? Lối thực hành cũ có hoàn toàn vô ích không? Và họ nên làm gì tiếp?

Để làm yên lòng họ, Đức Phật kể những truyện ngụ ngôn dài đầu tiên của kinh, truyện **nhả lửa**. Và chúng ta thấy ở đây lần đầu tiên ảnh hưởng của sự biểu trưng. Bốn vị trưởng lão vẫn còn nghi ngờ sau khi nghe lời giảng khó hiểu về giáo lý Đại thừa của Đức Phật bây giờ mới vững tin. Ngay khi họ hiểu rõ rằng họ có thể vượt qua giai đoạn trừ diệt những cảm xúc tiêu cực và tiến tới sự sáng suốt tích cực của tuệ tri, trí tuệ, giác ngộ... và họ khôn xiết vui mừng. Một trong số họ, Đại Ca Diếp, biểu lộ niềm vui bằng cách kể một câu chuyện về sự lợi ích của họ, truyện ngụ ngôn, hoặc thần thoại, và chuyện đi trở về.

Khi câu chuyện được kể xong, Đức Phật ca ngợi bốn vị trưởng lão, và tiếp tục soi sáng thêm con đường ngài dẫn dắt chúng hữu tình đến sự Giác ngộ. Chúng ta đã biết rằng ngài từng bước, dẫn lại gần chân lý tối thượng cho đến khi những vị đó sẵn sàng nghe nó. Ngay khi chúng ta học, ngài cũng tùy thuận để cho Phật pháp phù hợp nhiều loại căn tính khác nhau của con người. Để minh họa điều này, ngài kể thêm hai truyện ngụ ngôn, truyện **đám mây mưa** và câu chuyện **mặt trời**. Theo sau các truyện kể, ngài thọ ký cho Đại Ca Diếp và những vị trưởng lão khác của thành bậc Toàn giác, cũng cho biết những danh hiệu của các vị trong tương lai.

Kể đó trở lại từ tương lai tới quá khứ, và giải thích thêm cho toàn thể thánh chúng. Đức Phật kể cho họ nghe về một Đức Phật khác, Đức Phật sống



vào hàng triệu triệu năm trước thời ngài. Đức Phật kể câu chuyện do vì sự hành đạo của Đức Phật này có khía cạnh song song với ngài. Phần lớn chúng đệ tử của Đức Phật này cũng theo Tiểu thừa con đường của A La Hán. Chỉ có mười sáu vị trong chúng đó, họ là con của ngài trước lúc ngài xuất gia, khao khát thành tựu quả vị Toàn giác, được xem là các vị Bồ tát. Nhưng sớm muộn gì, Đức Phật nói, tất cả các đệ tử của Đức Phật này đi vào con đường Đại thừa. Để minh họa cho điều này, Đức Phật kể câu chuyện **Hóa thành**, nhưng chúng ta không đi sâu vào chi tiết, tôi chỉ nói sơ lược ở đây.

Một đoàn thương nhân gắn bó với nhau vì một nơi gọi là **Bảo Sở**, Ratnadvipa, và đã giao cho vị hướng dẫn chỉ cho họ con đường thông qua khu rừng rậm. Đó là con đường rất khó khăn và nguy

hiểm, và trước khi đến nơi họ phải trải qua một cuộc hành trình dài, đoàn thương nhân kiệt sức, và nói với vị chỉ đường 'Chúng tôi không thể đi thêm bước nào nữa. Tất cả hãy quay trở lại.' Nhưng vị chỉ đường nghĩ 'Vì lòng thương tưởng. Họ đã đi khá xa rồi. Ta có thể làm gì để thuyết phục họ tiếp tục cuộc hành trình? A, hình như vị chỉ đường có vài phép thuật, vì thế ông hóa ra một thành phố. Ông nói với đoàn lữ hành, 'hãy nhìn xem! Có một thành phố ngay phía trước chúng ta. Hãy nghỉ ngơi ở đó và dùng chút gì lót dạ, và sau đó chúng ta sẽ quyết định làm gì tiếp theo.' Dĩ nhiên, đoàn thương nhân rất hài lòng dùng lại nghỉ ngơi. Họ ăn uống và nghỉ lại một đêm dùng hóa thành, và vào buổi sáng họ cảm thấy khá hơn nhiều, và quyết định rằng họ sẽ tiếp tục cho đến cuối cuộc hành trình. Vị thể vị chỉ đường làm cho hóa thành biến mất và dẫn đoàn thương nhân tới nơi họ mong mỏi, Bảo Sở.

Ý nghĩa của câu chuyện không có gì khó hiểu theo ngữ cảnh trong kinh. Vị chỉ đường, dĩ nhiên là Đức Phật, và các thương nhân là chúng đệ tử. Bảo Sở là quả vị Toàn giác, và hóa thành là Niết Bàn của Tiểu thừa, Niết Bàn chỉ sánh với trạng thái tiêu của sự giải thoát khỏi tham ái, không có sự soi sáng của tinh thần tích cực. Và, như câu chuyện gợi ý, trước hết Đức Phật nói về sự giới hạn của Niết Bàn theo ý nghĩa tâm lý thông thường. Chỉ khi giáo lý này được thấu hiểu, chỉ khi chúng đệ tử nghỉ ngơi trong hóa thành, rồi ngài mới tiếp tục dẫn họ tới một mục đích tinh thần cao hơn là quả vị Toàn giác, Bảo Sở.

Chúng ta có thể dùng cùng câu chuyện để diễn tả tiến trình của thiền định. Khi lần đầu tiên người tới học thiền, họ rất thường hay hỏi 'Mục đích của thiền là gì?' Bạn thường không trả lời ngay 'A, mục đích của thiền là để trở thành Phật', vì đó là một đích cuối cùng ai cũng muốn có được. Họ không hứng thú với bất kỳ việc gì mang tính tôn giáo hoặc tâm linh; họ chỉ muốn có được sự an tịnh trong tâm trong công việc và đời sống hằng ngày. Và đó là hoàn toàn thực tế thiền cho bạn sự an tịnh trong tâm. Nhưng khi họ đã có thành tựu điều gì đó trong

thiền, và họ bắt đầu trải nghiệm sự an tịnh của tâm thông qua thiền định, sau đó họ có thể hỏi 'Ồ, đây là tất cả, hay có điều gì nữa trong thiền?' Ngay lúc này bạn có thể nói 'Vâng, có điều khác nữa chứ. An tịnh trong tâm theo nghĩ tâm lý học thông thường không phải là mục đích cuối cùng của thiền, mà chỉ là giai đoạn trung gian. Vượt qua nó đó là mục đích của tâm linh, Giác ngộ, tuệ tri, tuệ giác, thuật ngữ Phật học gọi là quả vị Toàn giác. Ở đây 'sự an tịnh của tâm' là hóa thành trong đó thương nhân được nuôi dưỡng và nghỉ ngơi cho cuộc hành trình dài tới sự Giác ngộ.

Khi Đức Phật kể câu chuyện hóa thành xong, chúng ta bắt đầu thấy sự ảnh hưởng của các câu chuyện tới thính chúng. Lại thêm những vị đệ tử thứ nhận sự hiểu biết nông cạn trước đó và tuyên bố sự tán thành của họ về giáo lý mới. Đức Phật thọ ký cho các vị như Phú Lâu Na, cùng với năm trăm vị A La Hán khác, sẽ thành Phật trong tương lai, và trong niềm hoan hỷ những vị A La Hán này cũng kể một câu chuyện, câu chuyện của **gã say và viên ngọc**. Lại thêm nhiều vị đệ tử được thọ ký thành Phật, và cuối cùng tất cả những Thanh Văn được cải hóa, và quyết định khao khát hướng đến Vô thượng Chánh Giác như những vị bồ tát.

Dĩ nhiên, có hàng ngàn vị bồ tát hiện diện, chúng bồ tát theo con đường Đại thừa ngay từ lúc đầu. Bây giờ đức Phật quay sang họ và nhấn mạnh rằng kinh Hoa Sen Trắng cực kỳ quan trọng và phải giữ gìn bằng mọi giá. Đức Phật nói, kinh này nên đọc, tụng, sao chép, giảng giải, và ngay cả thờ phụng. Và tất cả bồ tát hứa hộ trì kinh này.

Sau đó, bất ngờ, có điều phi thường xảy ra, phi thường vì những chuẩn mực của kinh này. Giữa hội chúng, từ sâu trong lòng đất, vọt lên một ngôi tháp, rất lớn, không thể tin có ngôi tháp trang nghiêm cao lớn như thế, ngôi tháp cao vút lên bầu trời. Ngôi tháp là một cỗ vật, nó có chứa xá lợi, những mảnh xương v.v... của Đức Phật hay một trong các vị đệ tử. Theo kiến trúc trước Phật giáo, những ngôi tháp đầu tiên rất đơn giản, chỉ là mộ đất, một nấm mồ cao. Nhưng ngôi tháp vừa xuất hiện từ lòng đất trong kinh Hoa Sen Trắng chẳng phải làm bằng gạch, chẳng phải bằng đá, cũng không phải bằng cẩm thạch, mà bằng bảy thứ báu, vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, và hổ phách. Lại thêm nữa, nó được trang trí lộng lẫy với cờ và hoa, và đang phát ra ánh sáng, hương thơm và nhạc khắp các hướng.

Nhìn thấy cảnh tượng ngày, tất cả thính chúng kinh ngạc, chỉ có Đức Phật không kinh ngạc, và ngôi tháp khổng lồ cao vút lên trời. Và tất cả chăm chú nhìn ngôi tháp hết sức kinh ngạc, từ trong tháp phát ra giọng nói vang như sấm tán thán 'hay thay, hay thay, Đức Thích Ca Mâu Ni! Ngài khéo thuyết kinh Hoa Sen Trắng. Tất cả lời ngài nói là chân thật.' Lúc này chúng đệ tử hết sức mong mỏi trông chờ. Tất cả việc này có ý nghĩa gì? Giọng nói của ai? Ngôi tháp của ai? Do đó Đức Phật giải thích rằng ngôi tháp có chứa toàn thân của vị cổ Phật gọi là Đa Bảo, *Prabhutaratna*, ngài sống vào hàng triệu triệu năm về trước. Trong thời Đức Đa Bảo ngài có lập thế nguyên rằng sau khi diệt độ, ngôi tháp có chứa toàn thân của ngài sẽ vọt lên bất cứ nơi nào kinh Hoa Sen Trắng được tuyên thuyết. Lại nữa, ngài đã phát nguyện rằng chính ngài sẽ kiểm nghiệm sự chân thật của giáo lý.

Toàn thể hội chúng rất ấn tượng bởi lời giải thích này, và họ mong mỏi nếu ngôi tháp có thể được mở ra thì họ có thể chiêm ngưỡng thân của vị

cổ Phật, vẫn còn nguyên vẹn sau hàng triệu năm. Nhưng Đức Thích Ca Mâu Ni nói với họ rằng điều đó không phải dễ dàng gì. Theo một lời nguyện khác, Đức Đa Bảo đã lập, Đức Thích Ca Mâu Ni phải có đầy đủ vài điều kiện trước khi toàn thân của vị cổ Phật có thể được nhìn thấy. Điều kiện là Đức Thích Ca Mâu Ni phải mời đến hiện tại tất cả các Đức Phật mà ngài đã từng phân thân, và lúc bấy giờ họ đang thuyết giảng chánh pháp khắp cả vũ trụ. Và một khi Đức Thích Ca Mâu Ni tiến đến làm đầy đủ điều kiện, vì thế ước nguyện của đại chúng được chấp nhận. Một lần nữa ngài phát ra ánh hào quang lớn, báo cho các Đức Phật trong mười phương. Lúc đó các đức Phật đó hiểu rằng đây là lời hiệu triệu, và nói với chúng bồ tát 'Bây giờ Ta làm một chuyến du hành đến thế giới Ta Bà, trải qua hàng triệu dặm, vì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni triệu ta đến.'

Trong Phật giáo, mỗi cõi Phật, mỗi thế giới, có một tên gọi riêng. Cõi chúng ta gọi là cõi Ta Bà, 'thế giới kham nhẫn', vì ở đây có nhiều điều phải kham nhẫn. Theo kinh Phật, thế giới chúng ta là không phải làm một cõi hoàn toàn tốt đẹp; có nhiều cõi khác có các Đức Phật và chúng bồ tát ở đó có điều kiện tốt đẹp hơn nhiều. Vì Đức Thích Ca Mâu Ni không muốn các đức Phật được mời đến thấy sự bất toàn của thế giới nhỏ bé của mình, và để chuẩn bị cho việc các Đức Phật đến, ngài biến toàn thể mặt đất có chiếu ánh sáng xanh, như lưu ly, có hàng cây bằng vàng trải rộng khắp tứ phía để tách biệt mặt đất xanh thành những quảng trường. Trong những quảng trường này, chúng ta được nói cho biết, ở đó mọc lên những cây xinh đẹp làm toàn châu báu, cả thân, nhánh, lá, hoa và trái và cao hàng ngàn bộ. Mặt đất được rải đầy hoa trời, khói hương có mùi thơm rất dễ chịu. Và để hoàn thành trình thanh tịnh, tất cả trời và người trong một tích tắc được chuyển đến nơi khác, chúng ta không được cho biết chắc ở đâu, nhưng họ cùng với đường xá, làng mạc, thị trấn, thành phố, núi, sông và rừng, đều biến mất.

Chỉ vừa mới làm thanh tịnh cõi Ta Bà thì năm trăm Đức Phật đến từ mười phương, mỗi vị có một vị đại bồ tát làm thị giả, và an tọa trên 500 tòa sư tử uy nghi dưới 500 cây báu. Khi các Đức Phật vừa đến an tọa trên các tòa báu đã dành sẵn xong, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong tích tắc đã làm thanh tịnh vô số thế giới trong mười phương, và tất cả chúng cũng được vô số đức Phật vừa đến an tọa, tất cả các Đức Phật ngồi dưới cây báu và chấp tay thể hoa sen xá chào Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Lúc bấy giờ các đức Phật, cùng với Bồ tát thị giả, cùng tập hợp lại một nơi, điều kiện được đặt ra bởi đức Đa Bảo đã đầy đủ. Vì thế Đức Thích Ca Mâu Ni bay lên không trung đến khi ngài vừa tầm với cửa chính của tháp, kéo then cửa tháp, và các cánh cửa mở ra với tiếng vang như sấm để thấy toàn thân của Phật Đa Bảo bên trong. Và ngay khi thân của vị cổ Phật có hàng triệu triệu năm tuổi, nó vẫn còn nguyên vẹn, ngồi thế kiết già trong tháp. Với dáng vẻ nghiêm trang, đại chúng cầm hoa báu rải như mưa hoa lên hai Đức Phật.

Và đó không phải chỉ là thân của Phật Đa Bảo còn nguyên vẹn. Thực sự vị cổ Phật vẫn còn sống sau hàng triệu triệu năm, ngài mời đức Thích Ca Mâu Ni đến và chia nửa tòa báu. Đức Thích Ca Mâu Ni đến ngồi cạnh Đức Đa Bảo trong tháp, cảnh tượng biểu trưng này có ý nghĩa rất sâu sắc và trở thành đề tài yêu thích trong hội họa Trung Hoa. Toàn thể đại chúng, nhìn lên không trung nơi hai đức Phật đang ngồi, muốn được lên ngang bằng, vì thế Đức

Thích Ca Mâu Ni dùng thần lực và nâng tất cả đại chúng và các đức Phật và Bồ tát, lên không trung cho đến khi họ ngang bằng với Ngài và Đức Đa Bảo.

Và lúc này, Đức Thích Ca Mâu Ni nói với giọng vang vang 'Ai trong các người có thể nói kinh Hoa Sen Trắng ở cõi Ta Bà? Vào lúc Ta nhập diệt. Ta có thể phó thác kinh Hoa Sen Trắng này cho ai?' Kể đó một loạt tình tiết được thêm vào kinh sau nội dung chính của nó được hoàn chỉnh, và tôi sẽ lược bớt, cho ngắn gọn, và vì sợ chúng làm gãy sự liên tục cả nội dung. Sau phần này, hai vị bồ tát xá chào Đức Phật, và hứa rằng sẽ giữ gìn và truyền bá kinh Hoa Sen Trắng sau khi Phật diệt độ. Và toàn thể các vị A La Hán được thọ ký thành Phật cũng có cùng lời cam kết sẽ hộ trì kinh.

Lúc bấy giờ có hai vị ni hiện diện, đứng khẹp nép ở một bên. Đó là Ma Ha Ba Xà Ba Đề, dì và dưỡng mẫu của Đức Phật, và Da Thủ Đà La, người vợ trước khi ngài xuất gia, cả hai đều trở thành Tỷ kheo ni sau khi ngài Thành Đạo, dưới sự hướng dẫn của ngài. Họ đang cảm thấy buồn vì không có lời nào đề cập đến sự Giác Ngộ của họ, nhưng Đức Phật trấn an họ với lời cam đoan rằng họ chắc chắn thành Phật trong tương lai. Lúc đó, họ cũng có lời cam kết hộ trì kinh Hoa Sen Trắng.

Có nhiều vị bất thối Bồ tát trong hội chúng. 'Bất thối' ở đây có nghĩa là những vị đã tiến xa trong đạo lộ, không còn rơi tình trạng thấp hơn, và dùng mảnh tiến tới quả vị Phật. Bấy giờ họ tuyên bố rằng họ xác quyết làm cho kinh Hoa Sen Trắng được biết đến khắp cả vũ trụ và họ tham dự vào chúng Tỷ kheo xin Phật không cần lo lắng về tương lai của kinh, ngay cả trong những ngày khốn khó nhất, hãy an lòng. Thời kì đen tối đang đến, họ nói, thời kì chiến tranh, hỗn loạn, giết chóc và tội ác, nhưng họ nói với Đức Phật 'xin đừng lo lắng. Ngay cả thời kỳ khủng hoảng đang đến, chúng con vẫn ghi nhớ lời dạy. Chúng con sẽ giữ gìn, hộ trì và truyền bá kinh này.'

Chúng ta nhanh chóng được hiểu rõ rằng việc hộ trì kinh không phải là nhiệm vụ dễ dàng. Bồ tát Văn Thù nhận xét rằng đó là trách nhiệm to lớn, và Đức Phật đồng ý, và liệt kê ra bốn phẩm chất, điều mà các Bồ tát muốn hoàn thành sứ mệnh này phải có đầy đủ. Thứ nhất, họ phải **hoàn thiện về giới đức**. Thứ hai, họ phải **giữ mình để 'hoạt động trong lãnh vực phù hợp'**, nghĩa là họ phải tránh hội chúng không thích hợp và thường trú trong hiểu biết như thật các pháp. Thứ ba, họ phải **duy trì trạng thái an lạc, hòa bình trong tâm, không bị ảnh bởi tật đố hay ganh tị**. Và thứ tư, họ phải **trường dưỡng tình thương đối với tất cả chúng sinh**. Đức Phật giải thích bốn phẩm chất này thêm vài chi tiết, và kể đó kể một câu chuyện khác, truyện **Chuyển Luân vương**, hoặc vua của thế giới. Chuyển Luân Vương là người vận chuyển Pháp Luân, đó là, người cai trị theo giáo lý của Phật.

Câu chuyện tiếp tục như thế này. Thuở xưa có một vị vua đi xâm chiếm vì muốn mở rộng vương quốc. Quân của ông chiến đấu rất anh dũng vì thế vua rất hài lòng về họ, và ban cho họ tất cả phần

thường họ xứng đáng có. Ông ban cho họ nhà cửa, đất đai, y phục, đầy tớ, xe ngựa, vàng, bạc, đá quý, quà thực, mọi thứ ông có trong hoàng cung. Chỉ có một thứ ông không cho là viên minh châu trên búi tóc. Tuy nhiên, cuối cùng, ông rất hài lòng với sự dũng cảm của đội quân rồi ông lấy viên minh châu và trao nó cho họ. Cũng vậy, như Đức Phật tiếp tục giải thích, chính ngài giống như vị Chuyển Luân vương. Thấy sự tinh tấn của các đệ tử hành trì theo lời ngài dạy, thấy sự dũng mãnh của họ chiến đấu chống lại Ma vương, ngài ban cho họ thêm nhiều lời dạy và niềm an lạc. Cuối cùng, không có gì giữ lại, ngài ban cho họ giáo lý tối thượng, kinh Hoa Sen Trắng.

Khi nghe câu chuyện này, các đại bồ tát đến từ các hệ thế giới khác cùng với các Đức Phật họ hầu cận. Họ cũng bày tỏ ý nguyện hộ trì kinh. Nhưng Đức Thích Ca nói 'không, sự hộ trì của các ông không cần thiết. Ta có vô số Bồ tát ở đây ngay ở cõi Ta Bà này, và họ sẽ hộ trì kinh Hoa Sen Trắng sau khi ta diệt độ.' Khi ngài nói điều này, vũ trụ



chấn động, và **từ trong lòng đất vọt lên vô số bất thối Bồ tát**. Từng vị vị kính lễ các Đức Phật hiện diện, và dâng lời tán thán. Mặc dù điều này mất một khoảng thời gian phi thường, năm mươi tiểu kiếp, trong suốt khoảng thời gian này cả đại chúng đều giữ hoàn toàn im lặng, nó thực sự dường như, thông qua thần lực của Phật, chỉ như nửa ngày trôi qua.

Khi sự kính lễ và xưng tán qua đi, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và bốn vị thượng thủ của các vị bất thối Bồ tát của cõi Ta Bà trao đổi lời chào nhau. Hàm ý dường như Đức Thích Ca Mâu Ni đang tuyên bố các vị Bồ tát mới xuất hiện là đệ tử của ngài. Đại chúng không thể tin vào điều đó. Đức Phật trấn an họ 'Vâng, các vị Bồ tát đây là đệ tử của Ta, và họ đã theo con đường Đại thừa từ rất lâu rồi. Các vị không thấy họ trước đây vì họ sống dưới cõi Ta Bà.' Nhưng điều này không đủ thuyết phục các vị đệ tử còn bối rối. Họ nói 'hãy nhìn đây, Ngài đạt quả vị Giác ngộ dưới cội cây Bồ đề ở Bodh Gaya chỉ cách đây hơn bốn mươi năm. Làm sao ngài có thể giáo dưỡng vô số Bồ tát trong ngàn ấy thời gian? Vài trăm, ngay cả vài ngàn, chúng con còn có thể tin, nhưng số Bồ tát này rất nhiều. Và họ dường như thuộc các thời đại quá khứ và thuộc thế giới hệ khác. Làm sao Ngài có thể nói tất cả họ là đệ tử của mình? Điều đó thật buồn cười giống như người trẻ tuổi chỉ mới hai mươi lăm chỉ những người lớn tuổi và nói rằng họ là con của mình.'

Dĩ nhiên, Đức Phật có đáp lại toàn bộ sự hoài nghi này. Và lời đáp này là khám phá trung tâm, như Đại thừa hiểu về nó, làm cho cảnh tượng này trở thành cực điểm của toàn bộ tấn kịch của sự Giác ngộ. Đức Phật nói rằng thực sự ngài không phải thành Phật chỉ có bốn mươi năm trước. Trong thực tế, Ngài nói, Ngài đã thành Phật trong vô lượng, vô số kiếp trước. Nói cách khác, Ngài càng làm phân vân hơn khi tuyên bố rằng ngài là vị Phật bất diệt. Vào lúc này hiển nhiên điều này không còn là Đức Thích Ca Mâu Ni lịch sử đang nói, mà là Pháp thân Phật đang nói. Trong vô lượng kiếp này, Ngài nói,

ngài đã thuyết pháp và truyền dạy bằng nhiều sắc tướng khác nhau, trong nhiều thế giới khác nhau. Ngài đã xuất hiện như Đức Phật Nhiên Đăng, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và v.v... Ngài thực sự không đản sinh, không chứng đạt quả vị Phật, không nhập diệt, mà chỉ thị hiện như thế, chỉ để khích khuyến mọi người. Nếu Ngài ở lại cùng với họ thường xuyên, Ngài nói, mọi người sẽ không khát ngưỡng với ngài và không hành theo giáo lý. Để minh họa điều này, Ngài kể câu chuyện về **vị lương y**.

Sự công bố vĩ đại này rằng Đức Phật là vị Phật bất diệt tạo ra ảnh hưởng to lớn tới đại chúng. Chúng đệ tử đạt được nhiều loại thiên quán, thần thông, hiểu biết và an lạc, trong khi hoa, hương, và châu báu mưa xuống từ không trung, nhạc trời trời đây vang rền, và vô số Bồ tát xưng tán tất cả các Đức Phật, cuộc trình diễn chuẩn bị khung cảnh thích hợp cho lời dạy tiếp theo của Đức Phật. Vì ngài giải thích ngay rằng sự phát triển niềm tin về sự bất tử, và tin vào ý nghĩa của sự trả lời gây xúc động, là ngang bằng với sự phát triển trí tuệ. Như thế niềm tin, chúng ta có thể nói, là trí tuệ nhấn mạnh vào những lãnh vực xúc cảm tâm linh. Nếu bạn có được niềm tin này, bạn sẽ thấy và nghe Pháp thân Phật trên đỉnh Linh Thứu đang thuyết kinh Hoa Sen Trắng không dứt. Lại nữa, Đức Phật nói, công đức nghe kinh Hoa Sen Trắng rất lớn, và công đức truyền bá kinh này còn lớn hơn, và dĩ nhiên việc khinh chê kinh này tội cũng lớn như thế.

Lời khuyên răn này giới thiệu tình tiết về **Bồ tát Thường Bất Khinh**. Thường Bất Khinh, Đức Phật nói, là vị Bồ tát người sống vào hàng triệu trước. Ông thường đi quanh nói với mọi người 'Tôi chẳng dám khinh quý ngài. Các ngài tự do làm bất cứ điều gì mình thích. Nhưng tôi khuyên các ngài hãy theo hạnh nguyện Bồ tát vì thế cuối cùng các ngài sẽ thành Phật.' Vì sao họ nên muốn thành Phật trên cõi này? Nhiều người trong số họ trở nên rất giận dữ họ ngược đãi Bồ tát, đánh ông bằng gậy, ném ông bằng đá, và nói chung ông trải qua một thời gian rất tồi tệ. Tuy nhiên, không có gì làm nản lòng, chịu mọi sự ngược mà không có ác tâm, Thường Bất Khinh chỉ tránh ở khoảng cách an toàn và tiếp tục nói lớn 'Tôi chẳng dám khinh các ngài. Các ngài tất cả sẽ thành Phật.' Đó là vì sao ông có tên Thường Bất Khinh. Đức Thích Ca Mâu Ni cuối câu chuyện nói rằng ngài chính là Thường Bất Khinh trong kiếp trước, và vài người trong số người ngược đãi Bồ tát trong lúc đó bây giờ là đệ tử của ngài.

Vào lúc này đề cập đến sự trở về của những vị bất thối Bồ tát từ dưới đất. Họ cũng hứa hộ trì kinh Hoa Sen Trắng, và nói rằng họ sẽ thuyết giải kinh khắp cả mười phương. Lời hứa của họ dẫn đến toàn thể vũ trụ phát sáng và xảy ra những điều kỳ diệu. Các cõi Phật trong mười phương bắt đầu chấn động và tất cả dân chúng ở các cõi đó nhìn xuống cõi Ta Bà và hiểu được điều đã tiết lộ, như nhìn xuống xuyên qua độ sâu của nước, và thấy có gì đó ở bên dưới. Họ thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Đa Bảo Như Lai ngồi trên tòa hoa sen trong tháp, và thấy vô số đại Bồ tát.

Đức Thích Ca Mâu Ni được chư thiên hoan nghênh tán thán, họ rải hoa, hương thơm, và châu báu kết thành khối rất lớn như những đám mây lớn chung với nhau và kết thành màn báu che kín cả bầu trời. Nhiều điều kỳ diệu xảy ra, đến khi tất cả thế giới trong mười phương được nhìn thấy ánh phản chiếu lẫn nhau như hàng triệu chiếc gương phản chiếu, và xuyên thấu xen kẽ lẫn nhau như vô số tia sáng đủ màu sắc. Cuối cùng tất cả thế giới này, cùng

THỜI KINH CHIỀU

*Em hồi hương, thời kinh chiều đã vãng
Ta nghe chùng xương thịt cũng hoan ca
Câu thân chủ thỉnh Phật về chánh điện
Lời kinh cầu hương khói cũng ra hoa...*

HÀNH TRÌNH

*Tâm em chánh giới như tâm Phật
Ngã mạn ta còn trụ gốc si
Mai sau bình bát đi Tây trúc
Chắc cũng em theo bước thọ trì...*

ÂN VÔ LƯỢNG

*Sáng nghe chim hót như vừa đù
Ngọt chút ân tình ấm thế gian
Ngàn sau hẹn trả ân vô lượng
Thơm thảo mười phương gió bạt ngàn...*

NGUYÊN NHÂN

*Thân còn cát bụi, tâm mưa nắng
Sinh tử vô thường chẳng trước sau
Biết em nói dối ta không trách
Bồi thế gian còn những đôn đau...*

TÂM AN (XUYÊN TRÀ)

với dân chúng, các đức Phật và Bồ tát của các cõi đó, hòa nhập vào tạo thành một cõi Phật, một vũ trụ trong đó Pháp thân Phật ngự trị cao nhất.

Vào lúc cuối, Đức Phật tán thán công đức của kinh, và nhắc nhở đại chúng về tầm quan trọng giữ gìn và truyền bá kinh này. Kế đó ngài bay lên từ tòa sư tử trong không gian và đặt bàn tay phải bắt ấn kết tượng lên đầu vô số bất thối Bồ tát. Cuối cùng, thỉnh cầu các Đức Phật hiện diện trở về bốn quốc, Ngài nói 'Các Đức Phật, các ngài được an ổn. Hãy để tháp của Phật Đa Bảo được trở lại như trước.' Mọi người đều vui mừng, như thế màn kịch vĩ đại kết thúc.

Nguyên Đạo dịch Việt ngữ

http://www.newsfinder.org/site/more/a_synopsis_of_the_lotus_sutra,
access on Friday, 01/03/2003



Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

CẢM TẠ

Thay mặt toàn thể gia đình, con/tôi thành kính
đảnh lễ tri ân và cảm tạ:

- Chư tôn Trưởng lão Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu châu, Úc châu, Hoa Kỳ và Canada đã gửi lời phân ưu và cầu nguyện
- HT. Thích Nguyên Siêu, TT. Thích Tâm Tường, ĐĐ. Thích Đồng Lực, ĐĐ. Thích Nguyên Huệ (cùng phật-tử Tu viện Pháp Vương) đã chứng minh, thiết lễ kỳ siêu và ký linh tại Tu viện Pháp Vương (Escondido, California)
- TT. Thích Nguyên Minh và tăng chúng Chùa Kim Sơn, Nha Trang, đã chủ trì tang lễ
- TT. Thích Tâm Chí (Chơn Thành), trụ trì Chùa Diên Thọ, Diên Khánh, đã tiếp nhận ký cốt nhập tự
- Chư tôn đức và huynh đệ Hội Thân Hữu Già Lam đã phân ưu, phúng điếu
- TT. Thích Tâm Hòa, TT. Thích Nguyên Lạc, TT. Thích Nhật Quán và tăng chúng Chùa Pháp Vân Canada đã phân ưu, phúng điếu và thiết lễ kỳ siêu 7 thất trai tuần
- TT. Thích Tâm Hạnh, Thiền viện Đạo Tâm, Big Bear, California, đã phân ưu và cầu nguyện suốt 49 ngày
- TT. Thích Quảng Hiền, Chùa Trí Thủ, Thụy Sĩ, đã phân ưu, phúng điếu và thiết lễ cầu siêu
- TT. Thích Nhật Trí cùng chư tôn đức Tăng, Ni, Chùa Pháp Vũ, Florida, đã phân ưu, phúng điếu và thiết lễ cầu siêu 7 thất trai tuần
- Chư vị điều hành các websites: Pháp Vân, Quảng Đức, Hoa Vô Ưu, v.v... đã đăng tải ai tín và các bài viết liên hệ
- Ban Biên Tập và các văn thi hữu cộng tác nguyệt san Chánh Pháp đã phân ưu, chia sẻ qua điện thoại, email, facebook...
- Cùng toàn thể quý thân bằng quyến thuộc, văn thi hữu, thân hữu trong nước và ngoài nước... trong những ngày qua, đã đến hộ niệm, kỳ siêu, phân ưu, phúng viếng, đặt vòng hoa, điện thoại, gửi email chia buồn, và tiễn đưa bào huynh của con/tôi:

NGUYỄN PHƯỚC VĨNH HIỀN

(tức nhà thơ PHÙ DU)

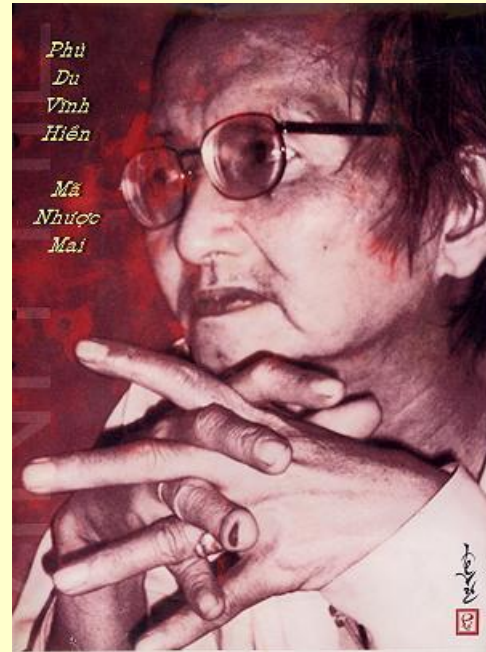
Pháp danh: **TÂM LƯƠNG**

Sinh năm Nhâm Thìn (16.01.1953)

Mãn phần ngày 03/01/2015 (nhằm 13.11 năm Giáp Ngọ)

Nguyện cầu Hồng Ân Tam Bảo gia hộ Chư Tôn Đức và quý liệt vị thân tâm thương an lạc, phật sự viên thành.

Vĩnh Hào (Tâm Quang)



Vĩnh Hiền sinh năm 1953 tại Nha Trang; viết văn làm thơ từ năm 17 tuổi, dịch truyện ngắn tiếng Anh năm 25 tuổi. Đi lính trước 1975, đi tù năm 1985 (cùng với Vĩnh Hào) vì tội "âm mưu lật đổ chính quyền." Thơ, văn đăng nhiều báo và trang mạng trong nước và hải ngoại... Ở hải ngoại thường lấy bút danh Phù Du, Hoàng Việt Thi, Nguyễn Viết Hoa; trong nước lấy tên Phù Du, Vĩnh Hiền, hoặc Mã Nhược Mai. Tác phẩm đã xuất bản: *Trăng Ngàn Dặm Lữ* (California, 1994), *Bước Nhảy Chập Chùng* (California, 1997), *Dặm Lữ Phù Du* (Việt Nam, 2012)...



KHỞI NGUYÊN CỦA THIỀN HỌC VIỆT NAM

Nguyễn Lang

(tiếp theo trang 23)

Tăng Hội sang Nam Kinh vào giữa thế kỷ thứ ba để hoằng dương thiền pháp; vào giữa thế kỷ thứ tư tại Trung Hoa có Đạo An cũng chú trọng về thiền pháp, và cũng như Tăng Hội, bắt đầu chú thích những kinh về thiền do An Thế Cao dịch như **An Ban Thủ Ý**. Và cũng như Tăng Hội, Đạo An đã nghiên cứu kinh Bát Nhã và hướng tới đại thừa hóa Thiền học. Tiếp theo Đạo An, vào cuối thế kỷ thứ và đầu thế kỷ thứ năm, có Huệ Viễn cũng rất chú trọng về Thiền học và sự sâu tâm thiền kinh. Khi Huệ Thắng từ Giao Châu sang, thì tại đất Nam Kinh có nhiều phật tử hâm mộ Thiền học rồi và chính những người này mới thấy rõ được giá trị của Huệ Thắng (Thiền học giả kính mỹ - Tục Cao Tăng Truyền). Trong lịch sử phát triển Thiền học tại Trung Quốc, Giao Châu đã trực tiếp cống hiến ít nhất là hai thiền sư, đó là Tăng Hội và Huệ Thắng vậy.

Đồng thời với Huệ Thắng, Giao Châu còn cống hiến cho Trung Quốc một thiền sư lỗi lạc khác tên là Đạo Thiên. Sách Tục Cao Tăng Truyền của Đạo Tuyên cho biết thiền sư Đạo Thiên người Giao Chỉ, xuất gia từ nhỏ, giữ giới rất tinh nghiêm. Ông là một người rất thành thực, được cả hai giới xuất gia và tại gia yêu mến. Đạo Thiên đã trụ trì chùa Tiên Châu Sơn ở miền rừng núi, một miền có nhiều cọp dữ. Từ khi thiền sư tới hành đạo ở đây, nạn cọp bắt người được chấm dứt. Thiền sư được mời về Kim Lăng để dự đại hội về thiền và luật, đại hội do Cách Lăng Vương nhà Tề tổ chức, có không biết bao nhiêu vị cao đức bốn phương về dự. Về tới Kim Lăng, Đạo Thiên đã chinh phục được tứ chúng bằng đạo đức và cách giảng dạy của mình. Vào đầu của niên hiệu Vĩnh Minh, thiền sư về trụ trì chùa Vân Cú Hạ ở núi Chung Sơn để giáo hóa. Thiền sư dạy rất đồng giới xuất gia và đã sử dụng bộ luật Thập Tụng của phái Thuyết nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvastivada) để dạy giới này. Sách Tục Cao Tăng Truyền viết: *"Thầy có nghệ thuật tóm tắt đại ý các kinh điển danh tiếng, làm cho các giới xuất gia nam và nữ phát khởi niềm tin và làm theo, vì vậy uy danh của thầy càng lúc càng chấn phát. {...} Người tới nghe giảng có tới hàng trăm. Người xin quy y thọ giới có trên cả ngàn."* Thiền sư sống giản dị, ưa đạm bạc, tránh chốn ồn ào, vui cảnh thanh tịnh. Tuổi già thiền sư đi ẩn cư miền rừng núi, từ chối không giao du với các bậc quyền quý cao sang, làm cho những người này buồn. Thiền sư tịch năm 70 tuổi, năm Đại Thông thứ nhất, tức năm 527. Vậy thì thiền sư đã sinh ở Giao Chỉ vào năm 457. Ta có thể nói Đạo Thiên là một thiền sư chuyên về Luật Học, và ở Giao Châu, thầy đã sử dụng luật Thập Tụng của Hữu Bộ, không như ngày nay chúng ta sử dụng luật Tứ Phần của Pháp Tạng Bộ. Từ Thông Biện thiền sư đời Lý cho đến nay, chúng ta có khuynh hướng cho

rằng Thiền học là từ Trung Hoa truyền vào Việt Nam, lần đầu tiên do thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi, học trò của Tăng Xán, tổ thứ ba của Thiền tông Trung Hoa, vào hạ bán thế kỷ thứ sáu. Thực ra, Thiền học Việt Nam đã khởi đầu từ thế kỷ thứ ba, và chính Tăng Hội của Giao Châu đã sang truyền bá thiền pháp tại Trung Hoa. Tiếp theo Tăng Hội đã có Huệ Thắng vào thế kỷ thứ năm được một vị thái thú mời về Trung Hoa hoằng dương Thiền học. Khi Tỳ Ni Đa Lưu Chi thiền sư Trung Hoa sang Việt Nam, ông đã cư trú tại chùa Pháp Vân; chùa này cũng đã là một thiền viện rồi trước khi ông tới. Thiền Uyển Tập Anh cho biết, trước khi Tỳ Ni Đa Lưu Chi tới, tại đây có thiền sư Quán Duyên đang giảng dạy về thiền pháp cho nhiều đệ tử trong đó có Pháp Hiền: *"Thiền sư Pháp Hiền quê ở Châu Diên, họ Đổ, thân cao bảy thước ba phân (thước cũ) ban đầu học theo Quán Duyên đại sư, thọ cụ túc giới, ngày nay cùng các đệ tử của Ngài nghe giảng về những yếu pháp của thiền"*. Những sự kiện trên đủ để cho ta thấy rằng Thiền học Việt Nam ban đầu không phải từ Trung Hoa truyền sang. Sống bên cạnh một nước láng giềng to lớn có nền văn hóa giàu thịnh, người Việt nhất là trong và sau những thời đại nội thuộc, thường hay có những mặc cảm là những gì truyền từ Trung Quốc mới quý. Các thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường sau này đều có nguồn gốc ở Trung Hoa, nhưng không phải vì lý do đó mà ta có thể nói rằng thiền pháp tại Việt Nam hoàn toàn do từ Trung Hoa truyền sang vậy.

VAI TRÒ QUAN TRỌNG CỦA TĂNG HỘI TẠI KIẾN NGHIỆP

Ở đây ta cần ghi nhận vai trò quan trọng của Tăng Hội ở Kiến Nghiệp vào giữa thế kỷ thứ ba.

Trước khi Tăng Hội đến hoằng dương thiền học tại miền hạ lưu sông Dương Tử, đã có một người cư sĩ tên là Chi Khiêm đến đây và dịch một số kinh điển như Duy Ma, Đại Bát Nê Hoàn, Pháp Cú, Bồ Tát Liên Cú, Thoại Ứng Bốn Khởi và Liễu Bản Sinh Tử. Cao Tăng Truyền, trong đoạn nói về Tăng Hội, cho biết rằng tại đất Đông Ngô, ngoài sự có mặt của vị cư sĩ này, Phật giáo chưa có cơ sở gì đáng kể. Chi Khiêm người gốc Nhục Chi, thông hiểu cả Phạn ngữ lẫn Hán ngữ, là một trong những người ở miền Bắc chạy loạn xuống Đông Ngô. Cao Tăng Truyền cũng cho biết là Tăng Hội là vị sa môn đầu tiên xuất hiện ở đất này, khiến cho người ta rất nghi và chính Ngô vương Tôn Quyền cũng đưa ra nhiều thử thách trước



khi tin phục Tăng Hội. Người nổi nghiệp Tôn Quyền là Tôn Hạo (264-280) ban đầu cũng không tôn phục Tăng Hội, Nhờ đức độ tài năng của Tăng Hội, Tôn Hạo mới chuyển hóa và sau đó mới chịu thọ ngũ giới. Cũng sách này cho biết Tăng Hội đã lập ngôi chùa đầu tiên ở xứ này và vì vậy ngôi chùa được gọi là Kiến Sơ Tự. Đây là một tập sách về các vị cao tăng viết vào khoảng đầu thế kỷ thứ sáu và vì vậy không xa với thời đại Tăng Hội bao nhiêu. Chính sách này đã viết rằng, sau khi Tăng Hội đến, “đại pháp trở nên hưng thịnh ở Giang Nam”. Nên để ý là danh từ tự để dùng cho các ngôi chùa thờ Phật đã không được dùng ở Giao Châu vào thời Tăng Hội. Trong bài tựa kinh Pháp Cảnh, Tăng Hội đã dùng chữ miếu đường để nói về ngôi chùa. Trong Lục Độ Tập Kinh, ông dùng chữ tông miếu để chỉ cho chùa (khi nói đến tội lỗi của những kẻ báng Phật, loạn hiền và ăn cướp những đồ vật trong chùa – thủ tông miếu vật).

Cao Tăng Truyền cho biết Tăng Hội là một người thông minh xuất chúng: “Hiểu rõ ba tạng kinh điển, đọc khắp cả sáu kinh (Nho, Lão), những sách về thiên văn và đồ vĩ phần lớn ông đều thông thạo”. Điều này làm ta nhớ đến Mâu Tử. Giao Châu hồi đó là một trung tâm văn hóa thực sự với sự có mặt của nhiều nhân vật lỗi lạc từ phương Bắc tới (Mâu Tử gọi là dị nhân Bắc Phương), sự học vấn cũng như sự hành đạo tại địa phương cổ nhiên đòi hỏi những kiến thức về cả hai nền học thuật đang gặp gỡ trên đất Việt. Trong những trước tác và dịch thuật, Tăng Hội không còn dùng những dẫn chứng và luận lý của Nho và Lão như Mâu Tử nữa; văn ông đã thuần túy Phật giáo. Tuy nhiên khi biện luận về đạo Phật với Tôn Hạo (người kế vị với Tôn Quyền) ông đã trích dẫn Kinh Dịch, Chu Công và Khổng Tử (Cao Tăng Truyền nói trong khi đàm luận với Tôn Hạo ông đã trích câu “tích thiện chi gia, tất hữu dư khương”). Nhìn vào sự nghiệp Tăng Hội tại Đông Ngô, ta có thể có một ý niệm về tầm quan trọng của trung tâm Phật Giáo Giao Châu, nơi đã đào tạo nên Tăng Hội. Sự gặp gỡ của hai nền văn hóa tại Giao Chỉ quả đã biến đất này thành một bàn đạp cho sự truyền bá đạo Phật vào lục địa Trung Hoa.

TỰA KINH AN BAN THỦ Ý

Thầy Tăng Hội viết bằng Hán văn, Nguyễn Lang dịch.

An Ban là đại thừa của các vị Bụt dùng để tế độ chúng sanh đang lênh đênh chìm nổi. An Ban gồm sáu loại, nhằm đối trị sáu tính. Tính có trong và ngoài: sáu tính bên trong là mắt tai mũi lưỡi thân ý, sáu tính bên ngoài là sắc thanh hương vị xúc và tà niệm. Kinh có nói đến 12 sự nguy hiểm của biển cả, đó là những tà hạnh xảy ra giữa sự tiếp xúc sáu tính bên trong và sáu tính bên ngoài.

Tâm chúng sanh bị tà niệm đi vào như biển cả tiếp nhận nước từ các dòng sông, như một kẻ đói ăn hoài mà không no. Tâm chứa đầy mọi thứ, không một pháp vi tế nào mà tâm không tiếp nhận. Hiện tượng ra vào qua lại của tâm lý xảy ra như chớp nhoáng, không lúc nào gián đoạn.

Ta không thấy được tâm vì nó không có hình tướng, ta không nghe được tâm vì nó không có âm thanh; đi ngược lại để tìm thì không gặp bởi vì tâm không có khởi điểm, đi xuôi về để kiếm cũng không thấy bởi vì tâm không có chung kết. Tâm ấy thâm sâu và vi diệu, không chút tợ hình tướng cả đến Phạm Thiên, Đế Thích và các bậc tiên thánh cũng không thấy rõ được sự hóa sinh của các hạt giống ẩn tàng trong ấy, huống hồ là kẻ phàm tục. Cũng vì thế tâm cũng được gọi là âm (ngăn che). Cũng giống

Cuối năm, đầu năm

*Giờ tờ lịch cuối, chợt hay năm hết
Bóc tấm lịch nguyên, mới biết đầu năm
Hết năm, rồi lại thêm năm mới
Hết buồn, rồi lại vui, xoay vần*

*Đầu năm, vui cái vui năm mới
Trọn năm, vui thì biết là vui
Buồn vui có bao giờ ngưng nghỉ
Buồn cũng hay, mà vui cũng hay*

*Đầu năm hay cuối năm vẫn thế
Ta vẫn buồn vui, ta vẫn ta
Bóc tờ lịch cuối, ô, năm hết
Giờ tấm lịch đây, ô, đầu năm*

*Năm hết để rồi qua năm mới
Bao năm con tạo cứ xoay vần
Buồn vui cứ thong dong mà đến
Qua kẻ cuộc đời, như phù vân*

*Thì năm đã hết, năm mới đến
Thì tấm lịch đây rồi lại vui
Thì buồn đi hết là vui đến
Thì ta, nhân chứng của cuộc đời.*



thơ

TRỊNH GIA MỸ

December 31, 2014

như một người gieo hạt trong lúc trời sẩm tối; một năm tay đưa lên thì hàng vạn hạt được gieo xuống. Người đứng bên không thấy được hình dáng những hạt giống ấy, và chính người gieo cũng không sao biết được số lượng của những hạt kia. Một năm hạt gieo xuống, hàng vạn cây con sẽ mọc lên. Cũng như thế, trong thời gian một cái búng tay, tâm có thể trải qua tới 960 lần chuyển niệm. Trong thời gian một ngày đêm, tâm có thể trải qua mười ba ức ý niệm mà ta không biết được, cũng giống hết như người gieo hạt kia. Vì vậy nên ta phải thực tập lắng lòng, buộc ý vào hơi thở và đếm từ một tới mười. Trong thời gian mười hơi thở ấy, mà đếm không lộn là ý bắt đầu có định. Định nhỏ thì có thể kéo dài trong ba ngày, định lớn 7 ngày. Trong thời gian ấy không có một tư tưởng tạp loạn chen vào, hành giả ngồi yên như người đã chết, đó gọi là sơ thiền.

Thiền có nghĩa là loại trừ. Loại trừ cái tâm có mười ba ức uế niệm để đạt tới tám pháp: số, định, chuyển, niệm, trước, tùy, xúc và trừ (đếm tập trung, đối, nhớ, gắn, vào, theo, chạm và loại trừ). Tám pháp này đại khái được chia làm hai phần. Tám ý sơ dĩ định được là nhờ theo dõi hơi thở (tùy). Mà muốn theo dõi được hơi thở dễ dàng thì ta nên thực tập phép đếm hơi thở (số). Khi cấu uế đã được tiêu diệt thì tâm ý dần dần trong sạch. Đó gọi là nhị thiền. Bỏ

phép đếm đi, chú tâm và chớp mũi gọi là chỉ. Thành công thì các thứ cấu uế của ba chất độc, bốn sự rong ruối, năm sự ngăn che và sáu đường âm muội đều được tiêu diệt. Lúc bấy giờ, tâm tư bừng sáng, còn sáng hơn cả hạt châu minh nguyệt. Những tâm niệm dâm tà và ô nhiễm như bùn nhơ bám vào tấm kính sáng đều được gột sạch. Tấm kính này giờ đây đặt trên mặt đất và ngửa lên trời, thì không có côi nào mà không chiếu tới. Trời đất rộng lớn vô cùng nhưng tấm kính vẫn có thể thu nhiếp tất cả. Tâm ta bị các thứ uế cấu bao phủ như tấm kính lấm bùn kia, nếu gặp được minh sư trau chuốt dũa mài và lau sạch hết mọi dơ bẩn và bụi bặm thì khi đem tâm ấy ra soi chiếu, không tơ hào nào là không hiện rõ trên mặt kính. Cấu bần không còn thì ánh sáng hiện ra. Đó là chuyện tất nhiên. Ngược lại, nếu phiền não tràn ngập mà tâm ý tán loạn thì trong số một vạn niệm được khởi lên ta không nhận biết được một niệm. Cũng giống như ngồi ngoài chợ mà nghe lao xao một lần bao nhiêu tiếng ồn ào rồi trở về ngồi yên mà cố nhớ lại thì không thể nhưng hứo được một lời nào.

Sở dĩ tâm phóng dật và ý tán loạn vì uế trước chưa được khai thông. Nếu tìm về chỗ thanh vắng để thực tâm cho tâm lắng đọng và ý không còn bị những dục tà dục ôi kéo thì lúc ấy lắng tai ta có thể nghe rõ được cả vạn lời, không có một lời nào được bỏ sót. Tâm tĩnh và ý trong thì có thể làm được như vậy.

Thực tập sự vắng lặng và làm ngưng chỉ tâm ý ở đầu chớp mũi, đó gọi là tam thiên. Quay trở về để quán chiếu thân mình, từ đầu tới chân, ta gặp lại sự quan sát những yếu tố ô nhiễm trong cơ thể và thấy được rõ ràng mọi lỗ chân lông dày đặc trong toàn thân và chất loãng rịn ra từ các lỗ chân lông ấy. Từ đây ta có thể quán chiếu được cả trời, đất, người và vật, tất cả những thịnh suy của các hiện tượng ấy và ta sẽ được tỉnh cách không còn mất của chúng. Lúc ấy niềm vui nơi tam bảo trở nên vững chãi. Bây giờ tất cả những gì u tối đều trở nên trong sáng, đó gọi là tứ thiên.

Nhiếp tâm để trở về chánh niệm thì mọi sự ngăn che đều tiêu diệt, đó gọi là hoàn (trở về). Khi những đam mê và cấu uế đã lắng xuống hoàn toàn thì tâm không còn vọng tưởng, đó gọi là tịnh. Hành giả đã thành tựu được pháp An Ban là thấy tâm mình sáng ra. Lấy cái sáng mà quán chiếu thì không có chỗ tối tăm nào mà không soi tới. Người ấy có thể thấy được những sự gì đã xảy ra từ vô số kiếp về trước và cũng có thể thấy được các cảnh giới trong hiện tại cùng với người và vật trong cảnh giới ấy, trong đó có các vị Bụt đang giáo hóa các giới đệ tử đang học hỏi và thực tập. Lúc bấy giờ không cảnh nào mà không thấy, không tiếng nào mà không nghe, người ấy đạt tới cái tự do lớn, không còn bị ràng buộc bởi ý niệm còn, mất, thấy được cái vô cùng lớn như núi Tu Di trong cái vô cùng nhỏ như lỗ chân lông, chế ngự được trời đất, làm chủ được thọ mạng. Thần lực bấy giờ trở nên dũng mãnh, người ấy có thể đánh bại cả thiên binh chuyển động được thể giới tam thiên, xê dịch được muôn ngàn cõi nước, thể nhập được vào cõi bất tư nghị, nang lực này đến cả Phạm Thiên cũng không lường được. Thần đức của người ấy trở nên không hạn lượng, chỉ vì người ấy đã thực hành được sáu hạnh (ba la mật) vậy. Trước khi Bụt thuyết kinh này, hai cõi nhân thiên đều chấn động và thay đổi màu sắc. Suốt trong ba ngày Bụt an trú trong an ban, không ai được tiếp xúc với Người. Rồi Bụt hóa hiện làm hai thân, một là báo thân, một là ứng thân để diễn bày chân nghĩa. Các vị đại sĩ và thượng nhân trong giới

sáu đời và mười hai hạ, không ai là không chấp hành theo lời Bụt dạy.

Có vị bồ tát tên là An Thanh hiệu là Thế Cao, con đích của vua nước An Tức, sau khi nhường ngôi cho chú đã lánh sang nước này, sau khi chu du nhiều nơi mới về đến kinh sư. Là người học rộng biết nhiều, uyên bác trong mọi lĩnh vực, ngài có kiến thức giàu về bảy môn học đương thời. Những thuật phong khí, những điềm lành dữ, những thiên tai như núi dời đất động, những y thuật như thấy mặt biết bệnh, ngài đều nắm vững. Ngài lại biết được âm thanh của các loài chim thú và ôm được vào lòng cả sự rộng rãi của âm dương. Thấy lê dân sống trong mờ tối, ngài cảm thấy xót thương, muốn mở rộng tầm thấy nghe của họ, để giúp cho họ thấy cho rõ, nghe cho thông, cho nên đã vì họ mà giảng bày con đường lục độ chân chánh, và phiên dịch pho bí áo **An Ban Thủ Ý** này. Không ai học theo với ngài mà không khử bỏ được uế trước vô minh và đạt tới mức sống sáng tỏ và trong sạch.

Tăng Hội tôi, sinh ra mới tới tuổi vác nổi bó củi thì cha mẹ đã qua đời. Bạc tam sư cũng theo nhau khuất núi. Mỗi khi ngược nhìn mây trời thường không khỏi cảm thấy xúc động, buồn thương rơi lệ. May thay, nhờ phước duyên kiếp xưa chưa hết nên đã may mắn gặp được ba vị hiền giả là Hàn Lâm người Nam Dương, Bì Nghiệp người Dĩnh Xuyên và Trần Tuệ người Hội Khê. Cả ba đều có niềm tin vững chãi, chí đức cao siêu, cả ba đều tinh cần đi tới trên con đường phục vụ đạo pháp, không biết mệt mỏi là gì. Từ lúc có dịp thân cận và đàm đạo với ba vị, tôi nhận ra rằng giữa chúng tôi, lẽ lối làm việc và tâm ý phối hợp nhau một cách hoàn toàn, không có chỗ nào mâu thuẫn. Cư sĩ Trần Tuệ làm việc chú giải và thích nghĩa còn tôi thì giúp đỡ bằng cách gạn lọc, thêm chỗ này, bớt chỗ kia. Tuy nhiên những điều mà đại sư không truyền thừa thì chúng tôi không dám tự do thêm thắt. Nói bao nhiêu cũng không cạn được ý Bụt, vì vậy chúng tôi kính mời các bậc hiền giả minh triết cùng nhau tham cứu. Hễ thấy có điềm nào còn sơ sót, xin vui lòng bổ chính để cùng nhau làm sáng tỏ thêm ra chánh lý của Bụt.

Nguyễn Lang

[1] Tịch diệt ở đây có nghĩa là niết bàn



VẤN ĐỀ THỜ CÚNG VÀ LỄ BÁI

HT. Thích Thắng Hoan

(Tiếp theo trang 27)

4. Biến Nhập pháp Giới Lễ: nghĩa là người tu Thiền phải tận dụng Trí Tuệ Bát Nhã thanh tịnh của mình quán chiếu Thân và Tâm nơi chính mình biến nhập vào Pháp Giới Tánh của vạn pháp một cách dung thông, giống như Bác Sĩ sử dụng năng lượng Quang Tuyến X (X-ray) rất lớn chiếu soi vào thân thể con người và năng lượng Quang Tuyến X thấu suốt xuyên qua thân thể con người không chút ngăn ngại. Đó mới chính là lễ lạy thật sự theo phương pháp Biến Nhập pháp Giới Lễ. Pháp Giới Tánh tức là Thể Tánh của vạn pháp biến giáp khắp thể giới và thường trụ bất diệt. Pháp Giới Tánh là nơi mà chư Phật thường an trụ để hiện thân hóa độ chúng sanh. Người thực hiện được pháp quán chiếu này một cách tự tại thì người đó mới thật sự hành lễ đúng pháp chân thật.

Qua những phương cách Lễ Bái đã được trình bày ở trên, Thân Tâm Cung Kính Lễ chính là pháp môn quan trọng là điều kiện tất yếu của người hiểu nghĩa tín tâm để tỏ bày lòng tri ân và báo ân. Cách lễ lạy này cũng là phương tiện cần thiết dùng làm gạch nối giữa chư Phật và tâm linh con người qua sự nguyện cầu gia hộ. Phương pháp lễ lạy này lại còn là nền tảng căn bản cho Phật Tử trên con đường tiến tu đạo nghiệp để được chứng ngộ qua bốn cách lễ bái của Thánh Giáo. Vậy người Phật Tử phải nên cố gắng hành trì cho đúng pháp.

G. LỢI ÍCH CỦA SỰ LỄ BÁI:

Như trước đã trình bày, Lễ Bái ngoài ý nghĩa tỏ lòng Tôn Kính và tưởng niệm ân đức sâu dày của các bậc Tiên Nhân Thánh-Đức của Tổ Tiên dòng họ, còn là phương pháp tu tập nhằm diệt phiền não, loại bỏ tánh cống cao ngã mạn của mỗi con người nhằm mục đích quy hướng Chánh Giác để được giải thoát và giác ngộ như đức Phật. Đặc tánh Cống Cao Ngã Mạn đã sẵn có nơi mỗi con người. Nó chằm rề ăn sâu trong Tâm Thức con người từ vô lượng kiếp về trước. Nó gây nên nguyên nhân đau khổ sanh tử lưu chuyển trong ba cõi. Con dao bén Cống Cao Ngã Mạn chặt đứt tình thương, phá hoại tình đoàn kết và gây nên nhiều hận thù chia rẽ.

Quyển "Phật và Thánh Chúng" của Cao Hữu Đỉnh, trang 110, Mục 18 về bi vận của thành Ca Tỳ La, do Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản ghi lại câu chuyện tại họa do tánh Cống Cao Ngã Mạn gây nên trong lịch sử Ấn Độ như sau:

Nguyên từ trước khi vua Ba Tư Nặc chưa quy y Phật, nhà vua đã cho sứ giả qua Ca Tỳ La cầu hôn với giòng họ Thích Ca. Các Thân Vương của giòng họ này tự cao tự đại cho rằng giòng họ mình là cao quý nhất đời không nên hạ mình kết hôn với vua nước Kiều Tát La. Tuy nói huynh hoang như thế, nhng họ lại sợ uy thế của vua Ba Tư Nặc, vì Kiều Tát La bấy giờ là một cường quốc như Ma Kiệt Đà trong vùng

châu thổ sông Hằng. Do đó, giòng họ Thích Ca mới dùng một Nữ Tỳ nô lệ hầu hạ trong cung tên là Mạt Ly (Malika), tráo thành Vương Nữ đem gả cho Ba Tư Nặc. Mạt Ly tuy là gái nô lệ, nhưng tư chất rất thông minh mà dáng mạo lại cực kỳ xinh đẹp, nên được vua Ba Tư Nặc sủng ái, phong làm Đệ Nhất Phu Nhân.

Mạt Ly phu nhân sanh con đầu lòng là Tỳ Lưu Ly (Virudhaka) về sau mệnh danh là ác Sanh Vương. Năm Tỳ Lưu Ly lên tám, vua cha cho sang quê ngoại để luyện tập bắn cung, vì Ca Tỳ La vốn nổi tiếng về môn xạ thuật.

Bấy giờ, trong thành Ca Tỳ La mới kiến thiết xong một đại giảng đường nguy nga dành để đón tiếp Phật mỗi khi Phật về thuyết pháp. Giòng họ Thích Ca cho đây là một chốn thiêng liêng, cảm không cho kẻ ty tiện bước vào. Không dè Tỳ Lưu Ly nhân thả bộ rong chơi trong cung, lạc vào chơi cấm địa ấy, bị các Thân vương bắt gặp, xỉ mạ không tiếc lời, bảo rằng con của gái nô lệ Mạt Ly đã làm ô uế Thánh Địa. Họ đuổi Tỳ Lưu Ly ra và lập tức truyền lệnh cho gia nhân cấp tốc đến bới đất cũ trong giảng đường lên rồi chõ đất mới về thay thế.

Tỳ lưu Ly nộ khí xung thiên, bèn phát lời thề độc rằng: "Khi nào lên ngôi vua, ta thề quyết tiêu diệt sạch giòng họ Thích Ca mới hả giận".

Về sau, khi trở về Xá Vệ, Tỳ lưu Ly ngày đêm mưu tính việc rửa hận. Một hôm, nhân vua Ba Tư Nặc cùng Mạt Ly xuất thành tuần thú, Tỳ lưu Ly cùng nghịch thần Ca Lê Da Na tập hợp quân đội lại, chặt đầu thị vệ của vua cha, đoạt lấy vương miện và bảo kiếm. Nghe tin, Ba Tư Nặc hết sức kinh hoàng. Mạt Ly khuyên nhà vua nên tạm lánh nạn qua lưu vong bên Ca Tỳ La, chờ dịp khôi phục. Nhưng không bao lâu sau, ông chết tại bên ấy thọ 80 tuổi.

Tỳ Lưu Ly nghe tin vua cha băng hà, hạ lệnh cô lập thái tử Kỳ Đà, rồi tự tuyên bố thừa kế vương vị. Bi vận Ca Tỳ La bắt đầu.

Một hôm, nhân đại triều, Tỳ Lưu Ly truyền hỏi bá quan rằng:

Nếu có kẻ si nhục Đấng Quốc vương tôn quý của mình, khinh thị Đấng Quốc vương ấy là con giòng hạ tiện, tội ấy các khanh nghĩ nên xử trị như thế nào?

Muôn miệng đáp trọng tội ấy đáng tru di.

Giòng họ Thích Ca tự cao tự đại, Tỳ Lưu Ly nói tiếp. Họ cho rằng ta là con của một gái nô lệ, vậy nay phải hung binh tru diệt họ.

Ba lần xuất quân, ba lần Tỳ Lưu Ly gặp Phật cản đường tìm cách ngăn trở. Nhưng đến lần thứ tư, biết rằng không ngăn đón được nữa vì nghiệp nhân quá khứ của giòng họ Thích Ca quá nặng. Phật xót xa báo trước cho A Nan hay ráng trong 7 ngày nữa thì giòng họ Thích Ca sẽ tuyệt diệt. Tự mình tạo nghiệp dữ, không cách gì cứu gỡ nổi...

Tỳ Lưu Ly tiếp tục công hãm thành rất gấp và cuối cùng hạ được. Sau khi vào thành, y hạ lệnh bắt lính giữ thành gồm 500 người đem giết hết. Còn nhân dân trong thành -ước chừng 3 vạn người kể cả già trẻ lớn bé, y bắt chôn chân xuống đất để cho voi dẫm chạy qua mà chà nát. Ma Ha Na Ma nghe tin này lấy làm kinh hoàng đau xót, bèn xin với Tỳ lưu Ly cho ông và nhân dân được chết toàn thân. Tỳ Lưu Ly mới cho đổi lệnh giết bằng voi chà ra lệnh giết bằng trầm nịch. Thế là cả thành bị lừa xuống sông cho chết đuối. Tỳ Lưu Ly lại hạ lệnh vớt xác Ma Ha Na Ma lên, bắt chặt đầu treo lên gốc cây.

Sau khi tiêu diệt giòng họ Thích Ca và sát nhập Ca Tỳ La vào lãnh thổ Kiều Tát La, Tỳ Lưu Ly cho thi hành một chính sách vô cùng bạo ngược và



giết luôn anh là Thái Tử Kỳ Đà. Vì vậy đời mới gọi ông là Ac Sanh vương. Không lâu sau, cung thành Xá Vệ bị một trận hỏa hoạn khủng khiếp, Tỳ Lưu Ly và tất cả vợ con đều bị chết cháy trong trận hỏa hoạn này. Nước Kiều Tát La dần dần suy yếu, khiến A Xà Thế sau khi quy y Phật cất quân sang đánh, chiếm được Kiều Tát La, rồi sát nhập Kiều Tát La và Ca Tỳ La vào bản đồ nước Ma Kiệt Đà.

Lịch sử Ấn Độ ghi lại câu chuyện trên cho chúng ta thấy rằng tai họa khủng khiếp do nghiệp Cống Cao Ngã Mạn gây nên. Nghiệp Cống Cao Ngã Mạn có thể diệt vong cả một quốc gia, cả một chủng tộc. Một chủng tộc cao quý nhất là chủng tộc Sakya, chủng tộc sanh ra một vị Giáo Chủ tôn vinh nhất đương thời chính là Đức Phật Thích-ca cũng không thoát khỏi thảm họa diệt vong đó. Cống Cao Ngã Mạn là danh từ khác của tự cao tự đại, nghĩa là đặc tánh của một loại Nghiệp thích tự cho mình trên hết, cho giòng họ mình, chủng tộc mình là cao cả và lại khinh khi kẻ khác, ghép họ vào hạng thấp hèn. Nhà Duy Thức phân chia tánh Cống Cao Ngã Mạn thành hai trạng thái Tâm Lý khác nhau. Tánh Cống Cao với một danh từ là Kiêu. Tánh Ngã Mạn với một danh từ là Mạn. Theo nhà Duy Thức, tánh Cống Cao là loại tâm lý tự cao có thể hóa giải dễ dàng một khi con người giác ngộ được sự tai họa của nó. Cho nên nhà Duy Thức ghép nó thuộc về Tâm Sở Kiêu. Tâm Sở Kiêu là một trong mười Tiểu Tùy Phiền Não. Còn tánh Ngã Mạn là loại tâm lý tự đại khó có thể hóa giải, mặc dù con người đã giác ngộ được sự tai họa của nó. Cho nên nhà Duy Thức ghép nó thuộc về Tâm Sở Mạn. Tâm Sở Mạn là một trong sáu Căn Bản Phiền Não. Đặc tánh của Tâm Sở Kiêu và Tâm Sở Mạn được quyển Khảo Nghiệm Duy Thức Học cùng một Tác giả do Ban Văn Hóa Xã Hội chùa Phật Tổ Ân Hạnh, trang 88-99 trình bày như sau:

1. Tâm Sở Kiêu: là kiêu căng ngạo mạn. Trạng thái Tâm Lý này thường xuất hiện mỗi khi thấy mình giàu sang, thấy mình có quyền tước, có tài năng, có sắc đẹp v.v... vượt trội hơn người khác. Những kẻ có bệnh Kiêu thích hành động kiêu cách, ngạo nghễ và nhìn mọi người dưới cặp mắt thấp hèn. Tất cả có sáu loại Kiêu được phân định như sau:

- a. Không bệnh tật kiêu.
- b. Trẻ tuổi hơn người kiêu.
- c. Sắc đẹp kiêu.
- d. Quý phái kiêu.
- e. Giàu sang kiêu.
- f. Học nhiều, biết nhiều kiêu.

Đặc tánh của Tâm Sở Kiêu thường thúc đẩy con người khinh khi kẻ khác, tự đề cao mình lên và cho mình là nhân vật quan trọng hơn cả. Đối xử với quần chúng, người kiêu cách hành động thiếu sự nhún nhường và thiếu sự khiêm cung lễ độ. Tâm Sở này chính là nguyên nhân sanh ra các tội lỗi. Tâm Sở này cũng làm chướng ngại và ngăn cản không cho tâm lý Không Kiêu Căng phát sanh.

Thí dụ: Ông A và ông B trước kia là bạn chí thân ở cùng quê. Lúc còn nhỏ, ông A nghèo hơn ông B và đến tá túc nhà của ông B tại Linh thành để đi học. Gia đình ông B đối xử với ông A rất đẹp. Đến khi tốt nghiệp, ông A khéo nịnh hót nên được cấp trên cân nhắc lên Sài Gòn làm quan to có nhà lầu, có xe hơi, có công kín tường cao. Một hôm ông B nhờ dịp lên Sài Gòn chơi, nghĩ đến tình xa bạn cũ, nên ghé thăm ông A. Ông A đã không tiếp và lại còn bảo người ở ra trả lời rằng, "*Quan lớn không có quen biết với kẻ ăn xin, đừng thấy sang bắt quàng làm họ. Ông nên về đi*". Đây là giọng nói của kẻ kiêu cách, của kẻ thiếu lịch sự khiêm cung.

2. Tâm Sở Mạn: là khinh mạn, ngạo mạn. Trạng thái tâm lý này thích biểu lộ tánh khinh khi và tỏ bày cử chỉ hống hách với mọi người chung quanh. Con người khinh mạn thường đề cao cá nhân mình trên hết và cho mọi người chung quanh đều là hạng thấp hèn. Họ ý có tài đôi chút hoặc cậy thế lực hơn người nên xem ai không ra chi. Những thái độ của người khinh mạn thường thể hiện trong những trường hợp như: có khi hành động bộc lộ ra ngoài và cũng có lúc kín cử chỉ ngắm ngẫm bên trong thân tâm của người khinh mạn, chúng ta chỉ để ý đến thì mới nhận biết được sự ngạo mạn của họ qua cách đối xử. Tâm Sở này được phân làm sáu loại như sau:

a. Mạn: nghĩa là người có đôi chút tài năng hoặc có quyền thế nào đó liền tự hào, hãnh diện, lên mặt hiu hiu tự đắc với mọi người chung quanh, chỉ thấy mình trên hết, xem mình quan trọng hơn cả và coi ai không ra chi. Người khinh mạn thường biểu lộ cử chỉ cao ngạo hống hách và bắt buộc mọi người chung quanh phải quan tâm đến mình. Còn đối với những kẻ tài năng và quyền thế ngang hàng mình, người khinh mạn hay ý lại, tự phụ và xem mình có vai vế tương đương với họ, cho nên trước công chúng, người khinh mạn giao tiếp với họ thiếu phong cách và thiếu lễ độ.

Thí dụ 1: Ông thầy T.Q. có đôi chút tài năng được tiếng là người du học ngoại quốc lại là người đương kim một chức vụ nào đó trong Giáo Hội, rồi lên mặt cao ngạo nhìn mọi người không ra chi. Nhưng thật ra, có tiếng mà không có miếng, nghĩa là ông không có khả năng tương xứng với địa vị đương kim mặc dù họ là người du học.

Thí dụ 2: Ông T và ông H là hai người bạn thân với nhau và tài năng của hai người đều tương đương nhau. Ông T thì may mắn hơn được phong chức là Giám Đốc của một Xí Nghiệp P.B. Một hôm, ông H vì muốn thăm ông T, nên từ Cần Thơ cõn cả lên thành phố Sài Gòn. Ông T đã không tiếp và lại còn sai nhân viên ra tiếp. Trong khi tiếp chuyện, người nhân viên tỏ thái độ bất cần trước mặt ông H. Ông H bất mãn ra về.

b. Quá mạn: nghĩa là đối với những người có tài năng và địa vị ngang hàng mình, người Quá Mạn thường lên mặt kiêu cách, tự cho mình hơn họ. Còn đối với những người có tài năng và địa vị hơn mình, người Quá Mạn lại lên mặt khoe khoang tự cho rằng mình bằng họ.



Thí dụ 1: Cùng một địa vị ngang nhau, trở mặt công chúng, anh X có bệnh Quá Mạn thích ra mặt thầy đời, tỏ ra mình là người lãnh đạo, tự cho mình là kẻ chỉ huy, đi cắt đặt người này, sai bảo người kia và bắt mọi người phải theo sự điều khiển của mình mà thật ra anh X không có nhiệm vụ chi cả.

Thí dụ 2: Thấy người khác có địa vị cao sang hơn mình, người có bệnh Quá Mạn thích khoe khoang, ưa khoác lác với mọi người rằng; Tài năng ông đó đâu có hơn tôi ông ấy nhờ gặp thời nên mới được địa vị như thế. Tôi nếu như ra lãnh đạo thì đâu có thua ông ấy.

c. Mạn Quá Mạn: nghĩa là tranh lấy phần hơn. Theo nguyên tắc, người ta thật sự đã hơn mình về khả năng cũng như đức độ Thế mà mình lại ra mặt tranh lấy phần hơn với họ và quả quyết rằng mình nhất định không thua họ. Ai khuyên can mình cũng không chịu nghe.

Thí dụ: Anh A và anh B tranh tài với nhau. Kết cuộc Ban Giám Khảo chấm anh A thua anh B. Nhưng anh A không chịu thua. Anh viện đủ lý do phản đối cho rằng, Ban Giám Khảo bất công, thiên vị. Anh cương quyết đấu tranh đòi hỏi anh B phải thi lại. Lúc đó mọi người đều khuyên can, nhưng anh cũng không chịu nghe.

d. Ngã Mạn: nghĩa là ý mình có đôi chút tài năng và quyền thế, người bệnh Ngã Mạn thường đề cao cá nhân, tự cho mình là kẻ đáng quý hơn hết và mỗi khi giao tiếp với bất cứ ai, họ thường ra mặt khinh khi và hành động lấn áp những người chung quanh.

Thí dụ: Anh K là một nhà chánh trị có tài năng và địa vị trong xã hội, đương kim là một Nghị Sĩ trong Quốc Hội. Anh K thường hách dịch cao ngạo, tự tôn vinh mình và tự cho mình là nhân vật quan trọng trong xã hội. Anh ta nhìn mọi người dưới cặp mắt thấp hèn và cho họ không xứng đáng để anh ta làm quen. Người nào nếu như có tài năng bằng anh ta hoặc vượt bậc hơn anh ta thì người đó nhất định bị anh ta tìm mọi cách chèn ép, lấn áp và đè đầu họ xuống không cho người lên.

e. Tăng thượng Mạn: nghĩa là những kẻ chưa chứng ngộ đến chỗ chân lý tuyệt đối chưa đạt được chánh đạo mà lại đi quảng cáo, đi khoe khoang, làm ra vẻ mình đã chứng đắc để mở mắt mọi người.

Thí dụ: Một vị tu pháp môn nào đó có chuyên nghiệp đôi chút, rồi lập dị, làm tướng, khoe khoang, dùng mọi kỹ thuật quảng cáo cho mọi người biết mình đã chứng đắc, nhằm để mê hoặc chúng sanh. Đồng thời họ chê bai các pháp khác của Phật đều sai lầm, chỉ có pháp của họ mới đúng chân lý v.v...

g. Ty Liệt Mạn: nghĩa là biết mình kém tài kém đức hơn người ta, nhưng vẫn khoe khoang với mọi người rằng, mình có nhiều tài nhiều đức hơn họ và

chuyên đi khích bác người này, chê bai người nọ, cho tất cả không ai bằng mình.

Thí dụ: Anh G thì học lẹm nhem không có bằng cấp chi cả. Nhưng anh ta vẫn khoe khoang và khoác lác với mọi người rằng, anh có chứng chỉ này, có bằng cấp nọ, rồi anh mượn áo Cử Nhân, mượn áo Tiến Sĩ chụp hình để lòe đời. Nhưng khi vào thực tế anh chẳng làm được trò chi, bởi lẽ anh không có khả năng và trình độ chút nào cả.

Đặc tánh của Tâm Sở Mạn là nguyên nhân để sanh ra các tội lỗi và ngăn chặn không cho Tâm lý Khinh An phát sanh.

Bao nhiêu bệnh Kiêu Mạn vừa trình bày đã nói lên được sự nguy hiểm của chúng trong việc điều khiển con người sinh hoạt ở mọi lãnh vực. Chúng tạo nên những nguyên nhân Chấp Ngã và Chấp Pháp kiên cố. Người tu hành muốn diệt sự chấp ngã và chấp pháp, trước tiên phải diệt những con bệnh Kiêu Mạn. Nhưng muốn diệt con bệnh Kiêu Mạn, chúng ta hằng ngày phải áp dụng phương pháp Lễ Bái một cách thuần thực. Lễ Bái là một trong những phương pháp hữu hiệu nhất cho việc hóa giải con bệnh Kiêu Mạn. Con người can đảm cúi đầu hạ mình trước kẻ khác chính là người khiêm cung nhất. Con người đó đã diệt được tánh kiêu mạn và họ không còn chấp ngã chấp pháp nữa. Theo quan niệm của Phật Giáo, mình cúi đầu đánh lễ trước kẻ khác không phải hành động mất phẩm cách con người. Cử chỉ đó biểu lộ sự tương kính và tăng thêm sự cảm thông đối với mọi người chung quanh. Con người sợ mình không có tài năng, sợ mình không có căn bản đạo đức làm người và dửng dưng, mình cúi đầu lễ bái kẻ khác sẽ mất thể diện. Đức Phật cho chúng ta biết: "*Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh*," nghĩa là tất cả chúng sanh đều có Tâm Phật. Tất cả chúng sanh đã có Tâm Phật thì tất nhiên họ cũng có Thân Phật. Tâm Phật trong Tâm chúng sanh thì Thân Phật cũng ở trong Thân phàm phu của chúng sanh. Cho nên một vị Sa Môn đánh lễ một vị Tỷ Kheo không phải đánh lễ tâm thân ô trược (tâm thân xác thịt như nhớp tanh hôi) của họ mà ở đây, vị Sa Môn phải quán tưởng rằng, đang định lễ Thân Phật thanh tịnh trong con người của vị Tỷ Kheo đó. Giá trị của sự Lễ Bái qua Tiểu Sử về vua A Dục (Asoka) được ghi lại trong giai thoại như sau: Theo sử liệu, vua A Dục (Asoka) là con của vua Tân Đầu Sa La (Bindusàra) thuộc vương Triều Khổng Tước (vương Triều Maurya). Vua lên ngôi khoảng sau đức Phật nhập diệt 218 năm. Vua phát tâm theo Phật Giáo khoảng sau đức Phật nhập diệt 234 năm. Vua có công lớn nhất trong việc Kiết Tập Kinh Điển Phật Giáo lần thứ III. Giai Thoại rằng, sau khi Quy Y theo Phật Giáo, vua gặp vị Sa Môn nào và bất cứ ở đâu đều cúi đầu đánh lễ sát đất. Vị Cận Thần thấy vậy khuyên vua rằng:

- Bệ Hạ là một vị cao quý được vạn dân tôn vinh và đầu của Bệ Hạ là biểu tượng cho các bậc Thánh Đức. Bệ Hạ đừng đánh lễ mấy Đạo Sĩ ăn xin hạ tiện làm mất thể diện của Đức Vua.

Vua A Dục không trả lời và ra lệnh vị Cận Thần đó đi bán đầu người, đồng thời sai vị Đại Thần khác đi bán đầu heo. Chiều đến vua triệu hai vị vào cung báo cáo kết quả. Trước hết vua hỏi vị Đại Thần bán đầu heo: Khanh bán đầu heo như thế nào? Vị Đại Thần bán đầu heo thưa:

- Tàu Bệ Hạ, đầu heo không đủ bán cho dân. Họ yêu cầu cung cấp thêm.

Tiếp theo vua hỏi vị Cận Thần bán đầu người.

- Còn Khanh, Khanh bán đầu người nh thế nào?

Vị Cận Thần bán đầu người lo sợ tái mặt, cúi đầu cùm nùm thưa:



- Muôn tâu Bệ Hạ, Hạ Thần bán đầu người không được. Ai cũng đều chê không chịu mua.

Vua liền nói:

- Như vậy đầu của Trẫm đây cũng không có giá trị bằng đầu heo?

Các quần thần đều im lặng, ngẩn người.

Vua nói tiếp:

- Các vị Sa Môn là những bậc tu hạnh ly trần thoát tục, đáng cao quý. Trẫm đây cúi đầu đánh lễ các bậc đã thật hành những điều mà người đời không thể làm được để tỏ lòng tôn kính họ. Tại sao các Khanh cản trở Trẫm. Từ đây về sau ai cản trở không cho Trẫm đánh lễ các vị Sa Môn sẽ bị chém đầu.

Câu truyện lịch sử ở trên nói lên ý nghĩa và giá trị của sự lễ bái trong Phật Giáo mà vua A Dục đã bày tỏ trước quần thần. Người đời thường chìm đắm trong bể ái dục khổ đau một cách đam mê không chút gì giác ngộ. Những tiền của, danh vọng, sắc dục, ăn uống, ngủ nghỉ v.v... trói buộc họ quá nặng trong vòng lẩn quẩn và thúc đẩy họ tạo thêm nhiều tội ác của nghiệp sanh tử luân hồi trong ba cõi. Họ biết đó là những điều đau khổ trước mắt, nhưng họ vẫn sa ngã và hành động không chút tử nan.

Thế mà, bậc Sa Môn là những người đã cắt ái ly gia, thoát khỏi những sự ràng buộc của thế tình, dứt bỏ ngoài thân năm điều ái dục, an nhiên tự tại trên con đường giải thoát và giác ngộ. Họ đã thoát khỏi những điều mà thế nhân không thoát khỏi và họ đã thật hành những hạnh thanh tịnh mà thế nhân không thể làm. Họ là những bậc đáng cao quý cho chúng ta lễ bái. Thế nên vua A Dục sẵn sàng đánh lễ họ bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu mỗi khi được diện kiến.

Lợi ích của sự Lễ Bái như đã trình bày ở trước, ngoài công dụng tiêu diệt dần dần những phiền não trong mỗi con người, còn tăng trưởng Đạo Lực trong nội Tâm của người tu tập. Mình lạy người khác tức là mình tôn vinh mình. Mình tôn vinh người khác tức là mình tôn vinh mình. Trường hợp này cũng như chúng ta học Anh Văn. Chúng ta càng đọc lớn lên chừng nào thì chúng ta càng mau thuộc chừng đó. Chúng ta càng học nhiều chừng nào thì chúng ta càng thuộc lòng nhiều và nhớ lâu chừng đó. Chúng ta càng niệm Phật nhiều chừng nào thì Phật Tâm của chúng ta càng phát triển chừng đó. Chúng ta càng lạy Phật tụng Kinh thâm hậu chừng nào thì công đức Đạo Lực trong nội Tâm của chúng ta càng nảy nở và tăng trưởng chừng đó. Chúng ta phát ra Đạo Tâm bao nhiêu thì lúc đó chúng ta thấu vô Đạo Lực bấy nhiêu không bao giờ mất. Những công đức càng bồi dưỡng bao nhiêu thì càng phát triển bấy

hiều không chút sai trái.

Kinh Tăng Nhất A Hàm, quyển 24 có ghi lại những điều lợi ích của sự Lễ Bái. Kinh nói rằng: cung kính lễ bái đức Như Lai sẽ hưởng được năm phần công đức như sau:

1. Đoàn Chánh: nghĩa là người lễ bái thấy tướng hảo của Phật liền khởi niệm hoan hỷ và phát tâm -o-ơ mơ mong cầu. Nhờ nhân duyên đó họ qua kiếp sau có thể hưởng được tướng mạo đoan trang tốt đẹp.

2. Hào Thịnh: nghĩa là người lễ bái xưng tụng danh hiệu đức Như Lai ba lần. Nhờ nhân duyên đó họ đời sau có thể được tiếng nói lành lớt trong trẻo tốt đẹp.

3. Đa Tài Bảo: nghĩa là người lễ bái thường dâng hoa, đốt đèn v.v... để bố thí cúng dường các đức Như Lai. Nhờ nhân duyên đó họ đời sau hưởng được nhiều tiền của vật báu.

4. Sanh Trưởng Giả Gia: nghĩa là người lễ bái đem tâm không chấp trước, chấp tay quỳ gối, chí thành lễ Phật. Nhờ nhân duyên đó họ đời sau được sanh vào nhà giàu sang quý tộc.

5. Sanh Thiện Xứ Thiên Trượng nghĩa là nhờ công đức cung kính lễ bái các đức Như Lai, hành giả (người lễ bái) đời sau sẽ được sanh vào các cõi lành hoặc các cõi trời.

Tóm lại, Lễ Bái không phải hành động thấp hèn làm mất phẩm cách con người. Trái lại Lễ Bái chính là một đạo nghĩa của con người tiến bộ và còn là một đạo lý của Tín Đồ chân chánh. Đối với Tổ Tiên, người Hiếu Hạnh cần phải lễ bái để tỏ lòng cung kính đối với Thánh Hiền, Tín Đồ chân chánh cần phải lễ bái để thể hiện đức tính khiêm cung trong sự tu tập đạo lý giác ngộ. Lễ Bái nhằm giao cảm với bề trên, kết sợi giây tương thân trong xã hội và tạo nên chất liệu để xóa bỏ mọi dị biệt ngăn cách chia rẽ trong đoàn thể. Người con Hiếu Hạnh không thể thiếu cung cách Lễ Bái. Người Tín Đồ trung kiên và đạo đức gương mẫu không thể thiếu nghĩa vụ với nghi cách Lễ Bái này.

IV.- KẾT LUẬN:

Vấn đề thờ, cúng và lễ bái là những biểu tượng tín ngưỡng có giá trị chẳng những về phương diện hình thức và còn hữu ích không nhỏ về phương diện tâm linh. Thờ, cúng và lễ bái là nhu cầu cần thiết cho con người không thể thiếu trong việc tu tập đạo luyện đạo đức làm người. Vấn đề trên chẳng những cần thiết cho cá nhân mình, cho gia đình mình trong đời này, mà hơn nữa, đây cũng là một nhu cầu hữu ích cho thế hệ con cháu mai sau. Chẳng những thế vấn đề THỜ, CÚNG và LỄ BAI còn là một yếu tố cần thiết trong việc tạo dựng nhân lành cho cuộc đời mình ở kiếp sau. Điều này rất quan trọng kể cả hình thức lẫn nội dung, kể cả sự tướng cho đến lý tánh, để chúng ta và tất cả chúng sanh sớm giải thoát phiền não khổ đau và được an vui tự tại trong sự giác ngộ.

Thờ ở đây nhằm thể hiện sự tưởng niệm, tỏ bày lòng Tôn Kính dâng lên các bậc Tổ Tiên và các vị Thánh Đức mà mình đã gởi trọn niềm tin. Người Thờ Cúng và Lễ Bái là tự tạo điều kiện giao cảm, thiết lập điểm tựa cho Tâm Linh giữa họ với Bề Trên mỗi khi cảm thấy tâm hồn lạc lõng mà chính họ cần đến quyền năng hỗ trợ của Tiên Nhân. Thờ ở đây còn là một hình thức giáo dục gia đình, nhắc nhở con cháu ý niệm được bốn phần làm người đối với bề trên trong sự nghiệp kế thừa Truyền Thống. Hình Thức Thờ Tự cũng tạo phương tiện cho con cháu noi gương đức hạnh của Tiên Nhân để soi sáng cõi lòng tu tâm dưỡng tánh.

Cúng ở đây nhằm tri ân sâu dày của Tổ Tiên, của Thánh Hiền đáng kính với sự dâng hiến lễ vật quý trọng và mong cầu ơn trên chứng minh gia hộ. Ngoài ra Cúng kỵ còn tặng trưởng phước Ông Bà cho dòng họ Cháu Con và tặng trưởng Đạo Lực giải thoát cho Tín Đồ qua hệ thống Tâm Linh làm gạch nối giữa người nguyên cầu với các bậc Tiên Nhân Thánh Đức. Có thể nói Cúng Kỵ rất cần thiết cho việc giáo dục gia đình ý niệm Truyền Thống Tổ Tiên, lý tưởng Giống Nòi và làm tròn nghĩa vụ Đạo Đức con người. Muốn bồi dưỡng Tâm Linh lành mạnh, người Đạo Đức và Hiếu Nghĩa không thể không Thờ, Cúng và Lễ Bái Tổ Tiên, Chư Phật và Thánh Hiền.

Lễ Bái ở đây nhằm báo ân với cung cách quy ngưỡng, hướng về, cũng như noi gương đức hạnh cao quý và ý chí siêu thoát của các bậc Tôn Kính để tu tập. Người Lễ Bái mong cầu sau này kế thừa xứng đáng sự nghiệp của Tiên Nhân trên con đường giác ngộ và giải thoát khổ đau sanh tử. Phận làm cha mẹ cần phải giải thích cho con cháu hiểu rõ ý nghĩa và giá trị Thờ, Cúng và Lễ Bái. Con cháu nhờ đó tiếp nối sự nghiệp Thờ, Cúng và Lễ Bái của Tổ Tiên cho đúng đạo lý.

Truyền Thống Văn Hóa Việt Nam, Văn đề Thờ, Cúng và Lễ Bái là hình ảnh linh động nhất, cao đẹp nhất, sâu đậm nhất của một Dân Tộc có hơn Bốn Ngàn Năm Văn Hiến. Hình ảnh Thờ, Cúng và Lễ Bái làm sống dậy tinh thần Hiếu Nghĩa và Đạo Đức Nhân Luân của con Lạc cháu Hồng, Việt Nam bất diệt.

CÁC KINH LUẬN THAM KHẢO:

- * Khảo Nghiệm Duy Thức Học, Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội xuất bản.
- * Câu Xá Luận, quyển 1 và 4.
- * Thuận Chánh Lý Luận, quyển 10.
- * Thành Duy Thức Luận, quyển 7.
- * Bách Pháp Minh Môn Luận Sớ, quyển Thượng.
- * Thành Duy Thức Luận Thuật Ký, quyển 7 Mặt.
- * Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 3 và quyển 5.
- * Đại Nhật Kinh Sớ Diễn áo, quyển 2.
- * Phật Học Đại Từ Điển, quyển 4, Trang 3997-3998.
- * Hoa Nghiêm Kinh Sớ, quyển 8.
- * Kinh Tăng Nhứt A Hàm, quyển 27 và quyển 41.
- * Lịch Sử Phật Giáo Ấn Độ
- * Kinh Di Giáo.
- * Kinh Phổ Hiền, Phẩm Hạnh Nguyên.
- * Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh, quyển 13.
- * Kinh Thập Địa Luận, quyển 3.
- * Kinh Phạm Võng, quyển Hạ
- * Ma Ha Tăng Kỳ Luật, quyển 25 và quyển 27.
- * Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa, quyển 18.
- * Tứ Phần Luật, quyển 60.
- * Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyền, quyển 4.
- * Pháp Uyển Châu Lâm, quyển 20.
- * Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 2.
- * Thích Môn Quy Kính Nghi, quyển Hạ.
- * Tỳ Nại Da Tạp Sự, quyển 15.
- * Đại Bảo Tích Kinh, quyển 43.



NGÀY XUÂN

*Xuân đến chúc nhau miệng mỉm cười
Trăm ngàn hoa cỏ đón xuân sang
Đua nhau nở rộ trong vườn lạ
Chào mào chim sẻ cũng ca vang*

*Kìa cảnh mai vàng khoe sắc thắm
Thược dược hoa hồng cũng vui theo
Vạn thọ, sống đời đang đung đỉnh
Hương dương mặt trời nở tung hoa*

*Mãn đình hồng cây thật là cao
Sen hồng sen trắng thơm cúng Phật
Lưu ly trắng xóa nhà bên ngoại
E ấp cúc vàng cũng hát ca*

*Giao thừa tiếng pháo nổ đi đùng
Trẻ em áo mới chạy tung tăng
Lì xì bì đỏ đem khoe bạn
Hân hoan nét mặt rạng ngời vui*

*Cánh thiệp tung bừng hội xuân sang
Pháo nổ rượu hồng câu đối đỏ
Mứt gừng mứt bí thơm nhè nhẹ
Mứt dừa mứt quýt cũng hay hay*

*Bánh chưng bánh tét dâng tiên tổ
Nhớ lại tích xưa luống ngậm ngùi
Ăn quả phải nhớ kẻ trồng cây
Gây dựng non sông giống Lạc Hồng*

*Ba ngày xuân trời đất sáng trong
Người người hòa nhịp điệu xuân vui
Lên chùa lạy Phật cầu cha mẹ
Hương thọ thanh nhân với cháu con.*

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

LỜI GIỚI THIỆU CỦA BAN BIÊN TẬP:

Phương Trời Cao Rộng là tên gọi chung của bộ truyện dài gồm 5 tập: *Phương Trời Cao Rộng*, *Bụi Đường*, *Ngõ Thoát*, *Cối Trói I* và *Cối Trói II* của nhà văn Vĩnh Hảo. Truyện được khởi viết cuốn đầu tiên (*Phương Trời Cao Rộng*) từ năm 1993 và hoàn tất cuốn sau cùng (*Cối Trói II*) vào năm 1997. Tác phẩm được viết theo lối tự truyện, với nhân vật chính xuất gia làm chú tiểu ở Phật học viện Hải Đức, Nha Trang, đầu thập niên 1970. Qua cuộc đời của nhân vật chính này, nếp sống và lý tưởng của người xuất gia từ lúc hành điều cho đến khi trưởng thành được vén mở. Tác phẩm cũng cho thấy sự phấn đấu gian nan của một tăng sĩ, đối với nội tâm cũng như ngoại cảnh, để bảo vệ lý tưởng và chí nguyện xuất trần cao đẹp của mình. Sau hơn 5 năm nguyệt san Chánh Pháp lưu hành, với sự đề nghị và thối thúc của nhiều tôn đức, văn thi hữu và độc giả, Ban Biên Tập và nhà văn Vĩnh Hảo quyết định khởi đăng tác phẩm *Phương Trời Cao Rộng*, kể từ số 38, tháng 01.2015. Tác phẩm gồm 15 chương, sẽ được lần lượt đăng mỗi kỳ nối tiếp nhau; chương nào dài sẽ phân làm 2 kỳ. Bộ truyện dài này đã được xuất bản từ 1993 – 1997, và cũng đã được phổ biến trên website www.vinhhao.info từ lâu; nhưng nhiều độc giả không có cơ hội mua sách và đọc truyện trên mạng, do đó, Chánh Pháp trích đăng nơi đây là để gửi tặng những độc giả ấy. Trân trọng.

CHƯƠNG MỘT

(Kỳ 2, tiếp theo)

Tôi có người bạn học chung lớp hồi tiểu học, nay lên trung học hai đứa lại học chung. Đã vậy, chúng tôi lại ở chung xóm nữa nên chuyện thân nhau là lẽ thường. Bạn tôi tên Dũng. Trong xóm cũng như ở trường đều gọi Dũng là *Dũng đeo* vì chân của Dũng bị tật từ tấm bé. Tôi không bao giờ gọi Dũng bằng tên đó vì sợ bạn mình mặc cảm nhưng một đôi khi, tại bạn cùng lớp hay cùng xóm cũng buộc tôi phải gọi như vậy khi hỏi tôi "Dũng nào?". Có nhiều Dũng quá (Dũng hí, Dũng cồ, Dũng Hà-ra...), nói Dũng không thôi thì ai biết là Dũng nào. Tánh Dũng cộc cằn, khó chịu nhưng đã kết làm bạn với ai thì Dũng đối xử hết lòng, tốt bụng. Vậy cho nên chúng tôi mới chơi thân với nhau một thời gian dài được. Dũng học không khá lắm, mà được cái siêng năng, bài học bài tập lúc nào cũng đầy đủ nên tôi thường qua nhà Dũng để chép lại những bài học của lớp trước khi về nhà. Gia đình tôi không biết tôi trốn học vì lẽ đó. Dĩ nhiên là tôi không thể che giấu mãi, nhưng được ngày nào hay ngày nấy. Như vậy, trong những ngày trốn học đó, tôi sống trong phật phòng, đôi lúc rất căng thẳng. Tôi muốn trốn thoát vĩnh viễn sự đè nén khó chịu đó nhưng chẳng biết làm sao. Tôi

muốn chống lại chuyện đi học nhưng không chống nổi sự hãi sợ đối với ba mẹ, với thầy giáo, với anh chị lớn trong gia đình. Vẫn còn những trói buộc, những kềm chế, áp đặt trên cuộc sống đầy mộng tưởng của mình. Mộng tưởng của tôi nào có gì tổn kém, hao hụt gì cho gia đình, cho xã hội! Chỉ là cái mơ ước con con được vui đùa thành thơi, với trời cao đất rộng mà thôi! Chỉ là cái mơ ước bé xíu muốn vất tung, đập đổ hết những sách vở, giấy bút của học đường mà thôi!

Đang khi tôi bị chìm đắm trong nỗi chán chường và hãi sợ đối với những người lớn trong gia đình (các anh chị) và trong học đường, mẹ tôi đã vô tình mở cho tôi một cơ hội. Sáng thứ bảy tuần đó, mẹ sai tôi đem cuốn sách tự học tiếng Nhật lên chùa Hải Đức cho Thầy Hải Tuệ.

Nếu tôi nhớ không lầm thì ngôi chùa này tôi đã có theo mẹ đến một vài lần khi còn bé xíu, bốn năm tuổi. Một lần khác, cách đây vài năm-khi tôi được tám, chín tuổi-tôi và đứa em kế đi lễ hội Phật Đản ở chùa Tỉnh hội; hai đứa luồn theo đám đông, thấy thiên hạ đi đâu thì mình cứ đi đó, cuối cùng đến chùa Hải Đức này lúc nào chẳng hay. Lúc đó vào buổi tối, lại đông người, chúng tôi đâu có nhìn ngắm hay thưởng thức được cái gì hay ho của ngôi chùa nổi tiếng này. Chỉ ham vui mà

đi thôi. Bây giờ, tôi theo lời hướng dẫn của mẹ, đến chùa một mình vào buổi sáng.

Chùa Hải Đức nằm trên đồi Trại Thủy, chiếm gần hết chiều dài của đỉnh đồi với khu chánh điện, nhà trù (bếp), trai đường rồi hai dãy tầng phòng rộng lớn có thể chứa khoảng trên hai trăm tu sĩ. Có bốn ngã dẫn đến chùa: một ngã đi ngang chùa Phước Điền và xóm chùa dưới chân núi để lên tam cấp dẫn đến phương trượng, tổ đường và khu nhà trù (tức là nhà bếp) – có một đoạn rẽ trái để ra trước chánh điện (gọi là đường *Bình minh*); một ngã từ Phương củi (Phương Sài) theo con đường dốc trải trải dẫn lên ngô tam cấp trước cột cờ và chánh điện (nối với đường *Bình minh* nói trên); một ngã là đường đất thoai thoải, ngoằn ngoèo ở lưng chừng đồi bắt đầu từ phía hông trái của chùa Tỉnh hội và chấm dứt ở dãy bệnh xá của chùa Hải Đức (gọi là đường *Hoàng hôn*); và ngã cuối cùng là con đường rộng (xe cam không có thể chạy lên được) từ Kim Thân Phật Tổ (trên đỉnh núi phía sau lưng chùa Tỉnh hội) dẫn đến dãy tháp chuông lớn và dãy tầng phòng mới cất của chùa Hải Đức (thường gọi là dãy "*nhà mới*").

Tôi chọn con đường thứ tư này để lên chùa Hải Đức. Mẹ tôi nói đường này đi rất mệt vì phải leo tam cấp từ sau chùa Tỉnh hội lên Kim Thân Phật Tổ (tượng Phật

Thích Ca thật lớn xây trên đỉnh núi, tượng ngồi, mặt xoay về hướng biển Nha Trang) rồi mới men theo con đường núi bên hông tượng Phật mà qua chùa Hải Đức. Mẹ khuyên tôi hãy đi con đường bên hông chùa Tinh hội (đường Hoàng hôn), khỏi leo tam cấp mà lại có bóng mát nữa, nhưng tôi muốn đi đường có tam cấp sau lưng chùa Tinh hội hơn, vì dù sao, theo lời chỉ dẫn thì con đường này có vẻ dễ đi hơn, không sợ bị lạc.

Hì hục leo hết mấy trăm bậc cấp, tôi lên đến trước Phật đài (ở Nha Trang người ta đặt tên thẳng cảnh này là *Kim Thân Phật Tổ*). Vừa khỏi bậc tam cấp cuối là tôi đón nhận ngay luồng gió biển quen thuộc thổi qua lồng lộng. Lúc ấy du khách thưa thớt. Lác đác vài người đứng chụp hình, lễ bái. Tôi sung sướng đứng lại một lúc ở khoảnh sân trước Phật đài, nơi có những luống hoa chuối và cây kiểng đủ loại trồng chung quanh. Từ đây tôi có thể nhìn khắp thành phố Nha Trang. Sau lưng Phật đài là chùa Hải Đức, xa hơn nữa là vườn dừa xanh um, ngút ngàn, chạy dài từ cầu Xóm Bóng đến tận các dãy núi phía tây Nha Trang. Phía bắc là Phường Cui với những xóm nhà lợp xúp và cọn sông nhỏ (tôi không biết tên) dẫn ra cầu Hà-ra, nước chảy lặng lẽ, ghe thuyền lác đác, hai bên bờ sông những dừa là dừa. Phía nam, tức bên trái của Phật đài là đồng ruộng bát ngát của khu Đồng Nai, Xóm mới, chạy vào tới Đồng Bò và dãy núi Hoàng Ngưu. Phía đông, tức phía trước mặt Phật đài, là thành phố Nha Trang hiền hòa như e ấp dưới nắng mai. Chỉ một số nhỏ cao ốc khiêm nhường vươn lên. Xa hơn nữa là biển Nha Trang, kéo một vạch thẳng xanh thẳm, lấp lánh ánh bạc ở mé đồng. Những cánh buồm, những ghe thuyền qua lại, chỉ còn thấy nhỏ li ti như những hạt bụi đen trắng, điểm nhẹ trên dòng nước biếc. Các hải đảo như đậm nét hơn khi nhìn từ xa. Biển, núi, trời, mây, như dính với nhau mà lại rời nhau với từng đường ranh phân biệt rõ nét. Y như một bức tranh. Y như một giấc mộng. Ôi, tôi thật muốn khóc. Vâng, tôi muốn khóc lên trước vẻ đẹp của đất trời mệnh mang thơ mộng này.

Từ Kim Thân Phật Tổ qua chùa Hải Đức, tôi phải đi ngang các dãy phòng tầng trước. Lúc ấy đang là giờ nghỉ trưa của quý thầy. Tôi rón rén đi nhẹ trên đất



sỏi để khỏi làm kinh động không khí tĩnh mịch nơi đây. Nghe mẹ nói rằng ở viện có gần hai trăm vị sư. Vậy mà ở các dãy tầng phòng lại im phăng phắc. Chỉ còn tiếng ve kêu, chim hót. Có một vài vị sư không ngủ, đang ngồi học hoặc lim dim tọa thiền dưới mái hiên, một cách im lặng. Có vị mặc võng nằm đọc sách dưới những gốc cây ở mé đồi. Thấy tôi đi ngang, có vị đưa tay ngoắc, vẫy, như chào đón một tục khách ghé thăm cõi tiên, rồi tiếp tục đọc sách, hoặc úp sách che mặt mà ngủ. Họ cạo đầu, bận áo vải nâu hoặc lam đơn sơ, cũng học cũng đọc sách, nhưng phong thái nhẹ nhàng, không có vẻ gì là phải chạy theo, dẫn bước theo những nề nếp khuôn khổ của cuộc đời. Tâm tư tôi có lẽ không sáng sủa gì lắm trong vấn đề hiểu biết sách vở, nhưng tôi nhớ rất rõ rằng nó thật bén nhọn trong sự khám phá và cảm nhận những cái đẹp bí ẩn và huyền nhiệm của thiên nhiên và con người. Thật vậy, lúc ấy, nhìn các vị sư trong khung cảnh chùa là tự dung tôi biết cuộc sống của họ có những niềm vui vô cùng cao khiết mà tôi sẽ không thể tìm thấy được nơi trần gian loáng thoáng ẩn hiện dưới chân núi này.

Tôi tìm gặp thầy Hải Tuệ, người mà mẹ tôi muốn đem dâng cúng cuốn sách "Tự học tiếng Nhật". Thầy không nghĩ trưa mà ngồi đọc sách nên tôi vừa đến phòng khách là gặp ngay thầy. Thầy tiếp tôi tại phòng khách. Biết tôi chưa ăn trưa, thầy kêu một dì vài mang cho tôi một mâm cơm nhỏ. Tôi ngồi ăn một mình, thầy ngồi ở bàn gần đó,

vui vẻ trò chuyện với tôi, thân mật cởi mở. Xong việc, tôi bái thầy mà về. Trở lại Kim Thân Phật Tổ. Từ đây, tôi ngồi lại một lúc ở thềm Phật đài, nhìn ra biển rộng lóa ánh mặt trời ở xa xa. Tôi biết ngoài cuộc sống tầm thường, buồn tẻ của thế gian, có một phương trời cao rộng đang mời mọc, chờ đón tôi.

"Hồi sáng mẹ sai con đem đồ lên chùa Hải Đức, con thấy có nhiều thầy trên đó lắm." (Anh chị em tôi gọi mẹ bằng *me* chứ không gọi *mẹ* hay *má* như người ta).

"Ừ, trên đó là trường tăng mà."

"Trường tăng là gì vậy mẹ?"

"Là trường để dạy chư tăng, dạy quý thầy đó. *Trường tăng* là gọi nôm na vậy thôi, chứ đúng thì phải gọi là Phật học viện."

"Làm sao để được thành thầy vậy mẹ?"

"Thì đi tu, làm chú tiểu, học tập trau luyện đủ mọi thứ rồi lớn lên làm thầy chứ sao. Nhưng nói thì nói vậy chứ đi tu không phải dễ đâu, phải có căn mới được."

"Có căn là có cái gì vậy mẹ?"

"Đại khái là có cốt, cái số hay cái mạng làm thầy tu đó mà."

"Vậy con muốn đi tu có được không hở mẹ? Mẹ thấy con có căn không?"

Mẹ tôi ngừng bút, giật mình ngó tôi. Một lúc lâu, bà nói:

"Chuyện đó thì khó biết lắm. May ra có quý thầy ở chùa nhìn tướng con mới biết được. Con muốn đi tu hở?"

"Dạ, con muốn," tôi đáp ngay.

Mẹ tôi im lặng, suy nghĩ một lúc lâu:

“Chắc ba không cho đâu.”

“Me xin cho con đi.”

“Được rồi, để ba về me sẽ nói với ba chuyện này.”

Tôi mừng rỡ, chờ đợi. Nhưng khi ba tôi về, mẹ vẫn chưa nói ngay. Hình như mẹ muốn chờ lúc thuận tiện. Ba tôi hiền lắm, vậy đó mà bỗng dưng tôi thấy sợ ông và nghe hồi hộp trong lòng khi chờ đợi mẹ xin phép cho mình đi tu. Tâm trạng chờ đợi trong hồi hộp và lo sợ đó, chắc là giống tâm trạng của một chàng trai đòi cưới vợ hay một cô gái đòi lấy chồng. Ba mẹ tôi nói chuyện như thì thầm với nhau vậy. Chưa biết kết quả ra sao.

Đêm đó tôi ngủ không được. Thật lạ kỳ! Tự nhiên ước muốn đi tu ập đến sau khi đi chùa Hải Đức về. Ý muốn vừa khởi lên là tôi nói, tôi xin ngay với mẹ chứ không suy nghĩ hay chần chờ gì. Trước đó tôi không hề nghĩ đến dù rằng tôi rất chán sống. Vậy mà khi nghĩ đến, nó thôi thúc đến độ như nếu không được cho phép đi tu thì cuộc đời tôi không còn ý nghĩa gì nữa. Thực ra tôi cũng là một đứa bé siêng năng đến chùa tụng kinh Pháp Hoa vào mỗi tối ở chùa sư nữ gần nhà, nhưng việc tụng kinh mỗi tối đó không hề khích lệ tôi đi tu bao giờ cả. Có lẽ bây giờ thì khác: vẻ tương phản rất rõ giữa cuộc sống nhàm tẻ của việc đi học với khung cảnh thanh thoát của cảnh chùa đã thúc đẩy tôi việc chọn lựa này.

Sáng mai, ba hôn tôi rồi đi làm, vậy mà chẳng thấy dấu hiệu gì là ông đã nghe chuyện của tôi cả. Tôi rón rén đến bên cạnh mẹ, giả dò không để cập đến chuyện đi tu, nhưng thực tâm là tôi chỉ chờ đợi mẹ tự động nói kết quả thảo luận giữa bà và ba tôi đêm qua. Mẹ tôi nói mà có vẻ như ái ngại, sợ tôi buồn:

“Ba nói con đi tu là tốt lắm, nhưng con hãy còn nhỏ tuổi quá. Mười, mười một tuổi mà đi tu thì còn sớm lắm. Ba nói con ráng học cho xong tú tài rồi đi tu cũng đâu có muộn!”

“Xong tú tài là bằng chị Hồng bây giờ phải không mẹ? Vậy là mấy năm nữa?”

Mẹ tôi nhắm tính một lúc rồi nói:

“Bây giờ con học đệ lục phải không? Vậy tức là còn khoảng năm, sáu năm nữa thôi.”

Năm, sáu năm nữa thôi. Mẹ tôi nói vậy mà không biết được nỗi thúc giục cấu xé tâm hồn bé thơ của tôi. Tôi đau khổ. Ừ, đau



khổ sớm quá. Ước vọng đơn giản như vậy mà cũng không được gia đình đáp ứng! Tôi mếu máo, lặng lẽ rời mẹ, vào trong góc tối của bàn thờ, cái chỗ tắm tôi mà có lần tôi suýt tự tử tại đó, ngồi thút thít một mình. Một chốc sau, mẹ tôi bước vào dỗ dành:

“Ráng đi con, chừng vài năm nữa rồi ba mẹ cho con đi tu.”

Tôi vùng vằng, giận lẫy. Hai ngày sau, tôi bỏ nhà ra đi. Nhưng chưa phải là chính thức đi tu. Lúc đó không hiểu sao tôi chẳng nghĩ đến chuyện trốn ngay lên chùa Hải Đức hay bất cứ một ngôi chùa nào ở Nha Trang. Có lẽ vì một thân một mình đến gõ cửa các chùa làm tôi e ngại. Huống chi tôi chưa rành rẽ gì chuyện xuất gia. Theo như mẹ tôi diễn tả chuyện đi tu, tôi thấy hình như rắc rối lắm, khó khăn lắm, sức thường không làm nổi. Làm sao một đứa bé như tôi dám đến chùa một mình, tự xin cho mình được xuất gia! Tôi đến nhà Dũng, cứ ở lại đó, ăn ngủ, không chịu về. Ba nó chẳng thắc mắc gì, cứ tưởng con nít ham vui, chạy qua chạy về, chứ đâu có biết tôi bỏ nhà mà đi. Nhưng thực ra nhà Dũng đâu có xa xôi gì: cùng một xóm với nhà tôi thôi. Ông anh kế của tôi chỉ đến ngay trước nhà Dũng, đưa ngón tay ngoắc một cái. Vậy là tôi gói ghém hành lý đơn sơ của mình, về ngay. Chỉ xuất gia thì mạnh lắm nhưng chí trốn nhà thì hãy còn yếu. Bị phát giác nơi trốn là đã chịu thua cuộc rồi. Về nhà bị ông anh lớn la một trận, đòi đánh. Mẹ tôi can ngăn, rồi dùng lời dịu ngọt mà dỗ dành. Thôi thì đành nhẫn nại chờ cơ hội khác.

Xin đi tu làm một đứa bé hiền lành chỉ biết có kính kẹ mà

chẳng được đáp ứng, còn bị hiểu sai, bị xuyên tạc nữa. Tôi buồn quá, lại kiếm giờ rảnh xuống biển ngồi. Tôi mua một cái bong bóng bay để viết lên ước nguyện của mình. Thấy ông già bán bong bóng đi ngang tự nhiên tôi nảy ra ngay ý định viết lời ước nguyện của mình lên cái bong bóng. Tôi dùng bút nguyên tử viết nhanh, không cần suy nghĩ: “*Lạy Phật Trời, xin giúp cho con được đi tu*”. Viết xong, tôi đọc lại thật kỹ xem còn muốn nói gì nữa không. Rồi tôi thả chiếc bong bóng bay lên bầu trời đầy mây trắng. Tôi ngồi dõi theo chiếc bong bóng bay cao, bay cao, cho đến khi nó nhỏ dần rồi mất hút ở đâu sau những cụm mây, không sao nhìn thấy được nữa. Tôi hy vọng một ông tiên hay bà tiên nào đó bay ngang sẽ bắt gặp chiếc bong bóng ước nguyện của tôi. Rồi ông tiên, bà tiên đó sẽ đem chiếc bong bóng vào trình lên Đức Phật, hay trình cho ông Trời. Các ngài sẽ động lòng và tìm cách giúp đỡ tôi, cho tôi được toại nguyện. Thả bong bóng rồi, tôi thấy nhẹ trong lòng vô cùng. Tôi sung sướng mỉm cười một mình và tự khen mình đã nghĩ ra được cách viết thư thật bảo đảm và nhanh chóng đến Phật Trời. Tôi về nhà chờ đợi kết quả. Nhiều ngày trôi qua vẫn không thấy dấu hiệu gì là Phật Trời giúp tôi cả. Tôi buồn lắm, nhưng tôi không dám oán trách các ngài. Tôi nghĩ chắc là phải có lý do chính đáng nào đó nên các ngài không đáp ứng được lời cầu xin của tôi; cũng có thể là thư bong bóng do tôi gửi đã đi lạc... hoặc bị bể trước khi đựng tới tầng mây thứ chín.

Vài tháng sau, tôi lại trốn nhà mà đi. Lần này cũng vậy, chưa phải là đi tu thực sự, nhưng cứ trốn nhà cái đã rồi tính sau. Tôi muốn làm vậy để ba mẹ và gia đình biết rằng chuyện tôi đòi đi tu là chuyện nghiêm chỉnh chứ không phải chuyện đùa. Lần này, tôi không dại gì mà tới nhà Dũng như lần trước. Với mấy chục đồng để dành trong túi, tôi đi lang thang suốt ngày ngoài phố. Thời giờ thừa thãi lắm, phải tiêu sạo cho hết mà không thấy chán. Ở Nha Trang có năm rạp xi nê (lúc đó chưa có rạp Nha Trang và Hưng Đạo), rạp nào tôi cũng vào được mà không tốn tiền. Cứ

đem cái uy của ba tôi ra là được miễn phí thôi. Các ông, các bà bán vé, soát vé, biết mặt anh em chúng tôi mà. Cứ chường mặt ra nói: "Con vô nghe chú" hoặc "Cho con một cái vé đi cô" là được vô. Anh chị em lớn của tôi thì không đi coi xi-nê theo kiểu đó. Chỉ có bọn nhóc như tôi thì cứ mượn danh ba để vào cửa mà thôi. Nhờ vậy mà trong mấy ngày trốn nhà, tôi vào rạp xi-nê vừa coi vừa ngủ cho hết thì giờ.

Ra khỏi rạp, thấy đói bụng thì đi mua một ổ bánh mì. Kiểm chỗ nào hơi khuất để ngồi gặm. Ba mẹ tôi dạy không được vừa đi vừa ăn ngoài đường. Khát nước. Uống nước mía. Sang lằm. Chưa biết thế nào là sự cần kiệm. Hết phim để coi thì lại mò xuống bãi biển. Buổi tối thì lên vào chùa sư nữ gần nhà. Chùa có mở trường mẫu giáo gồm hai lớp, một lớp trên lầu, một lớp dưới lầu. Tôi trốn trên lầu. Trước khi đóng cổng chùa, các sư cô kiểm soát hai phòng học; liếc nhìn một cái rồi khép cửa phòng học lại. Tôi yên tâm nằm ngủ dưới đất. Bàn học của mấy đứa mẫu giáo nhỏ quá không đủ cho tôi nằm dù tôi chẳng cao bao nhiêu. Sớm mai khi các sư cô mở cổng, quét dọn, tôi làm bộ như mới đến chùa, kiểm cái chổi quét giúp các sư cô. Quét xong, kiểm miếng nước uống. Sư cô bảo uống sữa nóng đi. Sáng nào các sư cô cũng nấu một thùng sữa (loại sữa bột của Mỹ do cơ quan từ thiện nào đó đem đến chợ chùa) cho các em học sinh mẫu giáo đến trường tắm bổ. Uống sữa rồi, sư cô lại đưa cho một ổ bánh mì nóng dòn kẹp mì căng hay đậu hủ chiên rất ngon. Bánh mì này cũng dành cho các em mẫu giáo. Nhưng phần bánh và sữa lúc nào cũng dư thừa, chia thêm cho tôi cũng không hao hụt gì. Huống chi tôi là một đứa bé trai siêng năng tụng kinh Pháp Hoa mỗi tối ở chùa này, sư cô nào lại chẳng biết. Vậy là ăn bánh uống sữa chắc bụng rồi, tôi lại tiếp tục đi lang thang, ra phố, xuống biển cho hết ngày. Nhưng lần này tôi lại bị bắt về trong một trường hợp rất là buồn cười: tôi đang lang thang ngoài phố bỗng gặp người chị lớn đi ngược chiều. Tôi chào chị. Chị cười và gật đầu nhẹ một cái. Lúc đó tôi quên mất là mình đang trốn nhà mà chị tôi cũng không nhớ. Chào nhau xong thì cũng vừa tiến sát lại gần nhau. Bất chợt bà chị nhớ lại, và ngay lúc ấy, tôi cũng nhớ lại cái thực tế là mình đang trốn nhà! Tôi tính



vụt chạy, nhưng bà chị đã chụp được cánh tay tôi, nắm thật chắc:

"Đi về! Trốn đi đâu nữa! Cả nhà đang sốt ruột tìm mà không biết sao!"

Tôi theo người chị về tới nhà. Lại bị ông anh lớn sùng sộ bộp tai mấy cái. Người chị kể thì ngắt véo, nói xia nói xối. Tôi không khóc. Tôi chỉ hối hận là đã làm cho ba mẹ tôi rầu lo suốt hai ngày nay mà thôi. Và tôi buồn là ở nhà vẫn không hiểu được lý do trốn nhà của tôi. Ai cũng cho rằng tôi lười biếng đi học, ham chơi sa đà, thích đi bụi đời với bạn bè xấu. Có lẽ chỉ có ba mẹ tôi là có thể hiểu vì sao, nhưng ông bà quên mất rồi thì phải! Hình như ước nguyện đi tu của tôi đã được hiểu như là một sự bốc đồng, một ước muốn có tính nhất thời như thích ăn thích quần vậy. Hơn nữa, chuyện đi tu của một đứa con trai nhỏ trong gia đình vui nhộn này rất khó tin. Ai có thể tưởng tượng được chuyện có một đứa con, một đứa em, đòi đi tu!

Vậy là tôi phải tiếp tục sống - có nghĩa là đi học, vì chuyện đi học chiếm gần hết thì giờ của tuổi thơ mà! Nhưng cũng chỉ kéo dài đâu chừng hai tháng là cùng. Hai tháng đó là hai tháng đầu năm, nhà nhà vui xuân, vui Tết. Tôi cũng như bao đứa trẻ khác, ham vui, chạy theo sự nhộn nhịp tưng bừng của hội xuân. Ngày Tết trường đóng cửa, học sinh tiểu và trung học đệ nhất cấp được nghỉ từ bảy đến mười ngày. Như vậy thì cuộc sống yên vui quá rồi. Tôi quên luôn chuyện xuất gia chưa thành của mình, cứ vui chơi ba ngày Tết. Đến ngày mồng bốn, mồng năm, không khí Tết coi bộ

đã nhạt nhẽo đi rồi. Dù bọn trẻ như tôi vẫn chưa phải đến trường nhưng ba và các anh chị lớn của tôi đã đi làm, đi học trở lại. Sắp hết Tết rồi. Sắp đi học trở lại rồi. Lúc đó tôi mới sực tỉnh. Rằng không có cuộc chơi nào kéo dài. Rằng nếu là con em của một gia đình chú trọng văn hóa thì phải học, học, học cho đến khi thành tài, có bằng cấp... Rằng đã chấp nhận chuyện đến trường hằng ngày là phải chấp nhận từ bỏ những mộng ước, những đam mê vui đùa hay sự phóng tâm vào những chân trời cao rộng xa xăm. Cái thực tế trời, biển, núi, mây, thực ra chẳng phải thực tế. Người ta nhìn chúng là những cái đầu đầu, như tranh, như mộng (kẻ nào ham thích cảnh thiên nhiên thì hẳn là lãng mạn, thiếu thực tế!) Thực tế của cuộc đời là nhà cửa, xe cộ, trường học, bằng đen, giấy bút ...

Tôi buồn bã xuống bãi biển ngồi. Nhìn trời biển mênh mang, lòng tôi càng thêm thấp thỏm, như bị thúc giục mời gọi một chuyện lang bạt kỳ hồ nào vậy. Ai bảo trái tim bé xíu của tuổi thơ không biết quặn đau nhỉ? Trong túi tôi, tiền Tết hãy còn. Tôi định bụng phải để dành thêm chút tiền nữa để có thể trốn nhà đi xa hơn. Sẽ có một ngôi chùa nào đó trên núi cao: buổi sáng sương mờ đầm đầy vai, buổi chiều mây bạc lưng chừng núi, dưới thấp biển rộng quanh quanh chân, trên cao trời biếc giăng ngang đầu... Sẽ có vị sư hiền như ông tiên, ngồi trên tảng đá mà lắng nghe chim rừng kêu hót. Sẽ có tôi hồn nhiên như một tiểu đồng, quét những chiếc lá vừa rụng quanh hiên...

(Đón đọc số sau: Chương 2)